

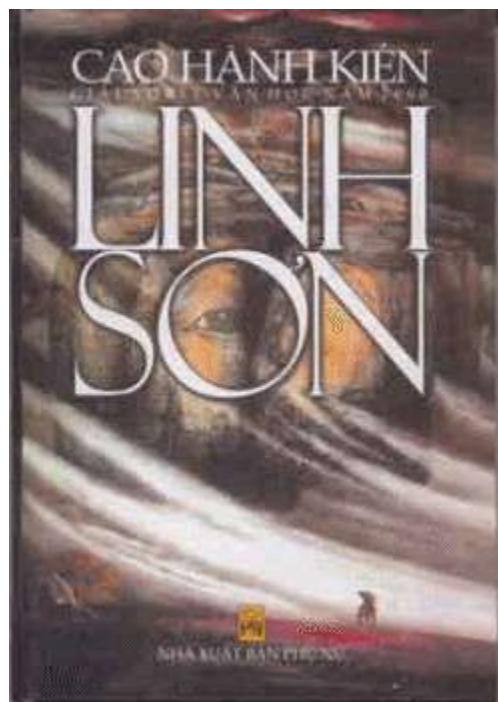
GAO XINGJIAN

WINNER
of the
NOBEL PRIZE
for
LITERATURE

Sou Mountain

"Engaging and elegant. . . . His finest work."
—*New York Times Book Review*

NATIONAL BESTSELLER



Tên sách: Linh Sơn

Nguyên bản tiếng Pháp: LA MONTAGNE DE L'ÂME – NXB Aube.
Paris. 2000.

Có đối chiếu với bản tiếng Trung Quốc LINH SƠN. NXB LIÊN
KINH VĂN HỌC. Đài Loan. 2000.

Tác giả: Cao Hành Kiện

Người dịch: Trần Đình

NXB: Nhà xuất bản Phụ nữ

Ngày xuất bản: Quý IV/2003

Số trang: 715

Kích thước: 13x19 cm

Giá bìa: 80.000 VNĐ

Người gõ: rinshou; o0AmI0o; yatrau; Lize; quang284; quyenthoi;
picicrazy; xiaoquiao2711

Tạo ebook: picicrazy

Ngày hoàn thành: 3/7/2009

Mục lục

- [1](#)
- [2](#)
- [3](#)
- [4](#)

[5](#)
[6](#)
[7](#)
[8](#)
[9](#)
[10](#)
[11](#)
[12](#)
[13](#)
[14](#)
[15](#)
[16](#)
[17](#)
[18](#)
[19](#)
[20](#)
[21](#)
[22](#)
[23](#)
[24](#)
[25](#)
[26](#)
[27](#)
[28](#)
[29](#)
[30](#)
[31](#)
[32](#)
[33](#)
[34](#)
[35](#)
[36](#)
[37](#)
[38](#)
[39](#)
[40](#)
[41](#)

[42](#)
[43](#)
[44](#)
[45](#)
[46](#)
[47](#)
[48](#)
[49](#)
[50](#)
[51](#)
[52](#)
[53](#)
[54](#)
[55](#)
[56](#)
[57](#)
[58](#)
[59](#)
[60](#)
[61](#)
[62](#)
[63](#)
[64](#)
[65](#)
[66](#)
[67](#)
[68](#)
[69](#)
[70](#)
[71](#)
[72](#)
[73](#)
[74](#)
[75](#)
[76](#)
[77](#)
[78](#)

Tác giả: Cao Hành Kiện

Cao Hành Kiện (Gao Xingjian), nhà văn đầu tiên của Trung Hoa được giải thưởng Văn Chương tương đối sáng giá nhất của nhân loại trong suốt 100 năm qua - giải Văn Chương Nobel. Trong sự nghiệp văn chương phong phú bao gồm nhiều thể loại, tác phẩm tiểu thuyết tiêu biểu nhất đã đưa Cao Hành Kiện lên hàng “Nobel văn giả” là cuốn Linh Sơn (Soul Mountain/ La Montagne de l'Âme), một tác phẩm dài trên 500 trang. Linh Sơn là một tác phẩm kết cấu tổng hợp nhiều hình thái và thể loại sáng tạo văn chương. Trong đó, hồi ký, chuyện tình, phóng sự xã hội, thực tế, hư cấu, triết lý, hoạt kê, hội thoại, đối thoại, độc thoại... quyện vào nhau như trái núi mang nhiều vẻ hiện thực và kỳ bí tùy theo thời gian và thể ngắm.

Cao Hành Kiện sinh năm 1940 tại Cố Châu (Ganzhou), Quảng Tây, Trung Hoa. Vốn là một nghệ sĩ đa tài trong các lĩnh vực văn chương, hội họa, kịch nghệ, phê bình, dịch thuật, Cao đã lặn lội lên giữa thời đại Mao Trạch Đông. Trong thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa (1966-76) ông đã bị đưa vào trại học tập cải tạo và phải âm thầm thiêu hủy cả một va-li đầy bản thảo tác phẩm của mình.

Trong bối cảnh xã hội và văn hóa đặt trọng tâm trên đời sống tập thể, cá nhân không còn chỗ đứng và có khi bị tan loãng trong cơn lũ ồ ạt của tâm lý quần chúng, tình cảm tập thể, và suy tưởng một chiều. Cao sống sót và cứu được mình trong cơn đại hồng thủy của tư tưởng. Ngọn núi Linh Sơn là một ngọn núi ảo ảnh nhưng cái bóng sừng sững mà vô hình của nó trở thành điểm tựa của mình và cho chính mình vì nó là ngọn núi của bản ngã.

Trung Hoa từ năm 1942 và nhất là qua biến cố “quốc hữu hóa văn chương” năm 1949 trở về sau, sứ mạng độc tôn sáng tạo văn nghệ là để phục vụ chính trị. Nhà văn muốn sống còn thì phải tự biến thành cái răng cửa của bánh xe trong guồng máy chính trị tập thể. Cao Hành Kiện là một trong những văn nghệ sĩ tiên phong của Trung Hoa thời hậu Mao đã cố vũ, đấu tranh cho quyền sáng tác văn nghệ tự do và đích thực. Trong

tác phẩm “Tham luận khởi đầu về nghệ thuật của tiểu thuyết hiện đại” (Premier essai sur les techniques du roman moderne) năm 1981, ông đã đẩy lên cuộc bút chiến đầy sóng gió về “Quan Điểm Mới” trong sáng tác văn nghệ. Năm 1985, tác phẩm “Kẻ Rừng Rú” (L'Homme sauvage) là bước phản công bão liệt nhất về guồng máy văn nghệ tập thể đã làm lu mờ tài năng nghệ sĩ. Quan điểm văn nghệ tìm lại con người chân thực của ông đã gây ra những cuộc bút chiến sôi nổi trong nước và đã lôi kéo được sự chú ý của cộng đồng văn bút thế giới. Đến năm 1986, tác phẩm “Bờ Bến Khác” (The Other Shore) đã bị giới văn nghệ cầm quyền ở Trung Hoa cấm đoán, phê phán gắt gao.

Để giữ cho ngọn núi bản ngã được ẩn mình an trú trong cơn giông bão thời thế, Cao Hành Kiện đã làm một cuộc “hành hương” trong suốt mười tháng. Ông đã bước đi trên lộ trình dài 15000 cây số qua những vùng núi non hiểm trở miền Tứ Xuyên; từ ngọn nguồn sông Dương Tử (còn có tên là Trường Giang) dọc tới biển khơi. Chất liệu chính của tác phẩm Linh Sơn là dòng suy tưởng, là cảnh sông núi chập chùng, là dáng trời đất bao la, là khuôn mặt thật của con người, là những mảnh đời muôn vẻ; và quan trọng nhất là sự tìm về ngọn nguồn, về bản chất của sự bình an sâu lắng và tự do thực sự trong chính mình. Giáo sư Lee Mabel, người dịch tác phẩm Linh Sơn sang tiếng Anh đã nhận định: “Linh Sơn là câu chuyện của người đi tìm sự an bình và tự do bên trong.”

Trong cuộc hành trình tìm về Linh Sơn, có chăng những người cầm bút Việt Nam bên kia cũng như bên này đất nước đang âm thầm nhập cuộc. Sẽ trể tràng cho một sự chối từ, nhưng sẽ không bao giờ muộn màng cho một sự nhập cuộc. Nhập cuộc trên đường về Linh Sơn cũng có nghĩa là chia tay. Có can đảm chia tay với đám đông ồn ào, quyền thế, phù hoa, vọng động mới có thể trở lại bến bờ của dòng sông Tự Ngã trong chính lòng mình. Và từ đó tìm về Linh Sơn, ngọn núi của bản ngã hay chính là linh hồn còn nguyên vẹn trong mỗi con người.

Nguồn: <http://phuongvy.com>

Linh Sơn

Quanh ta, người ta dạy ta rằng cuộc sống là nguồn của văn học; văn học phải trung thành với cuộc sống; trung thành với cái chân thực của cuộc sống. Mà lỗi lầm của ta chính là đã lìa xa cuộc sống, đã vi phạm cái

chân thực của cuộc sống. Chân thực của cuộc sống không giống các hiện tượng bên ngoài của nó. Chân thực của cuộc sống, hay bản chất của nó, vốn phải là thế này chứ không phải thế kia. Nếu ta lìa xa cái chân thực này vì đây là vì ta đã bày la liệt ra các hiện tượng của cuộc sống, và đương nhiên không thể nào phản ánh chính xác được cuộc sống, kết quả chỉ là bước vào con đường ngoắt ngoéo xuyên tạc hiện thực.

Một cuộc đi không tới nơi?

Giải văn học Nobel năm 2000 vào tay một nhà văn Trung Quốc (quốc tịch Pháp): ông Cao Hành Kiện, sinh năm 1940, quê ở Giang Tây (Giang Tây có núi Ô Y, núi Võ Đang mà ông có nói tới trong sách này). Ông tốt nghiệp tiếng Pháp ở Học viện ngoại ngữ Bắc Kinh. Dịch Samuel Beckett, Ionesco, Jacques Prevert. Và nay viết bằng cả tiếng Pháp.

Cao Hành Kiện viết kịch (**Còi báo động, Bến xe khách, Người nông muội...**) và kịch ông được hoan nghênh tại Liên hoan Avignon Pháp, tại Áo và Italy. Ông làm thơ. Vẽ (tranh mực tàu, quốc họa). Viết lý luận (Bài văn ông bàn về kỹ thuật tiểu thuyết hiện đại đã khơi dậy một tranh luận sôi nổi trong giới văn học Trung Quốc những năm đầu 1980). Dĩ nhiên ông viết tiểu thuyết. Mà **Linh Sơn – Núi Hồng** là tiêu biểu.

Nhiều người coi ông như tác giả may mắn nhất, trung dung nhất thời này. **Linh Sơn** rất hiện đại (ở bút pháp, bố cục – chương về “ta” và chương về “mi” đối nhau đều đặn, ở dòng chảy gần như nhênh nhang không bờ của viết...) nhưng cũng đầy khí cốt, hồn phách Trung Hoa. Vừa dân tộc tính, vừa hiện đại, cả hai đều ở mức cao, ông được Ủy ban giải thưởng Nobel chọn có lẽ vì lý do đó. Một biểu hiện của kết hợp này là ông đã “phát triển thêm lên tiếng Trung Quốc”, đặc điểm được Ủy ban giải thưởng Nobel nhấn mạnh đến trong đánh giá chung. Rất tiếc khuôn khổ sách không cho phép đi sâu vào cống hiến này.

Linh Sơn viết năm 1982. Xong năm 1988. Cũng năm ấy, ông lập cư ở Pháp.

* *

Linh Sơn không có truyện đủ đầu đuôi phát triển cùng với xung đột, mâu thuẫn tới cao trào, theo như chuẩn định. Cũng không nhân vật, (theo như chuẩn định) với đủ đặc điểm diện mạo, hình hài, tính cách, cảnh ngộ. Đây là một gallery những khuôn mặt thấp thoáng, le lói. Thậm chí những hình dáng, những bóng, cả ma lẫn ảo thị. Tuy vậy tất cả hẳn sâu vào tâm trí người đọc. Giống như các bức thủy mặc thăm thẳm đẹp nhờ toàn chấm phá. Bút vẽ Cao Hành Kiện đã ảnh hưởng không nhỏ tới bút viết Cao Hành Kiện.

Những mặt người, bóng người vào **Linh Sơn** đều cất lên cùng một câu hỏi cốt lõi: ta là gì? ta cần gì? ta phải làm gì? Hỏi hiên lành, rón rén. Từ những số phận quen với lành ít dữ nhiều. Từ những số phận thiếu số...

Con thỏ lông trắng, mắt đỏ, bạn của “ta” trong truyện nổi lênh bênh, nhóp nhúa trong hố phân; con cún – cũng bạn? – chết đuối trong sông qua làng; con gấu trúc đói mò về xin ăn giữa khuya khoắt rừng sâu..., những “số phận” thấp thoáng ấy cũng góp rọi sáng vào những mệnh sống hăm hiu, rui ro. Đọc **Núi Hồn** cứ nhớ tới một câu của André Malraux: một đời chẳng bằng cái quái gì nhưng chẳng cái quái gì bằng một đời. Phải chăng vì cái chí quyết sống? Ngay trong lúc vất vưởng tìm nghĩa sống cũng mang cái chí lớn ấy đi cùng.

Mọi cái vào tiểu thuyết của Cao Hành Kiện đều làm xúc động. Nhờ ướp trong thứ hóa chất khiến nao lòng: kỷ niệm. Kỷ niệm luôn chen bên hiện tại, rục rở, cháy bỏng trong **Núi Hồn**. Nhà mỹ học Áo Fisher từng nói: nhà văn phải biến mọi vật liệu bên ngoài thành kỷ niệm của chính bản thân hắn để viết ra.

Tác giả nêu ra hai điều ông nhận đã bị chê: viết không đúng chuẩn và tiểu thuyết không truyện, không nhân vật. Ông tự bảo vệ ra sao? Đọc sách ta sẽ tán thành hay phản đối, tùy ta.

*

* *

Linh Sơn, cái địa điểm tác giả cất công đi tìm kia ở đâu?

Chuyến đi vất vả hình như công cốc. Nhưng rất lôi cuốn, kỳ thú.

Linh Sơn – **Núi Hồn** ở bên này Ô Y mà... Ờ, ở bên kia Ô Y chứ.. Nhưng Ô Y ở về phía nào của sông, bên này, bên kia? Đường không lăm, chỉ có người đi lăm thôi...

Núi Hồn có lẽ ở trong ta. Nhưng ta ở về phía nào của **Núi Hồn**? Phía cộng hay phía trừ?

Núi rất nhiều nhưng chỉ một **Núi Hồn**. Người rất đông nhưng cái hồn người, cái người ra hồn thì sao?

Người dịch

1

Mi leo lên một xe buýt đường dài. Được tân trang cho hợp với thành phố, cỗ xe già nua xóc lên xóc xuống suốt mười hai giờ liền trên con đường núi bảo dưỡng cực tồi, đầy ụ đầy hồ, trước khi tới cái thị trấn này.

Xắc trên lưng, xà cột ở tay, mi đưa mắt lướt quanh khắp cái bến xe la liệt giấy gói kem que và bã mía.

Đàn ông kệ nệ túi xách đủ mọi cỡ, đàn bà, trẻ nhỏ trên tay bước xuống xe, băng qua bãi xe trong khi một đám thanh niên, chẳng xắn lẫn chẳng làn giở, lấy ra từ túi quần các bồ đài hạt hương dương, lần lượt ném từng hạt vào miệng rồi tức khắc nhổ vổ. Chúng cắn với sự lịch lãm, còn phát ra tiếng huýt gió, cái vẻ thoải mái thung dung này chính là kiểu cách sở tại. Đây là quê hương chúng, chẳng vì cớ nào mà chúng lại không sống cho thả sức tự do; gốc rễ chúng đã đời này qua đời khác cắm sâu vào mảnh đất đây rồi. Mi từ xa đến tìm gốc rễ tại chỗ của chúng là uống công thôi. Nhưng với những người rời chốn này đi đã từ lâu thì cái trạm xe đường bộ này chưa hề từng tồn tại, những cái xe khách kia lại càng chưa nữa. Muốn đi đường thủy phải đáp một con thuyền đập bằng những tấm liếp tre còn đường bộ thì phải thuê một xe cút kít. Nếu thật sự không tiền, người ta chỉ còn có thể trông vào đôi đế giầy mà thôi. Bây giờ tất cả những ai còn sống, cả từ ở bên kia Thái Bình Dương, đang thi nhau trở về, hoặc bằng xe riêng, hoặc bằng xe lớn có máy điều hòa không khí. Một số đã giàu, có những người trở lên nổi tiếng, có những người lại chẳng là cái gì nhưng tất cả đều đi đến đây vì cái lẽ tuổi đã cao của họ. Mệnh sống tới hạn rồi, ai có thể thoát được nỗi lưu luyến quê xưa? Những người chưa từng bao giờ nuôi khát vọng rời bỏ nơi này thì lại có phần tự nhiên hơn, hai tay buông thõng, lớn tiếng nói cười, chẳng mấy may ngượng nghịu. Tiếng nói họ dịu dàng, thân mật, gần như xúc động. Khi là chốn quen biết gặp nhau, học trao đổi với nhau không phải bằng những lời lẽ lễ độ trống rỗng, gật đầu hoặc bắt tay giống như ở thành phố. Lúc thì họ gọi tên nhau ra, lúc thì họ vỗ mạnh vào vai

nhau, mà thường thích ôm nhau vào ngực, chuyện này không những giữa đàn bà với đàn bà mà giữa đàn ông với nhau có lẽ lại nhiều hơn. Gần bến xi măng để rửa xe, chỉ có hai người đàn bà rất trẻ. Họ ríu rít mãi, tay cầm tay. Ngôn ngữ đàn bà xứ này càng mềm mại đến nỗi mi không thể ngăn mi vội liếc họ. Nhìn từ lưng, những chiếc khăn đội đầu của họ, làm bằng thứ vải hoa văn màu lam cùng cách buộc khăn truyền từ đời này sang đời khác, xem ra có một nét độc đáo khác thường. Mi bất giác đến gần. Chiếc khăn thắt dưới cằm, hình ba cạnh, làm nổi lên những khuôn mặt xinh xắn với các đường nét thanh tú hòa hợp với vóc dáng yêu kiều của họ. Mi đi sát bên họ. Hai bàn tay họ vẫn gần lấy nhau, đều cùng đỏ, cùng thô như nhau với những đốt xương to. Chắc đây là những cô dâu mới cưới đến thăm nhà bạn hay trở lại nhà bố mẹ mình. Nhưng ở đây chữ "cô dâu trẻ" chuyên chỉ vợ của con trai mình. Nếu dùng chữ ấy treo đi theo cách những người miền Bắc để chỉ bất cứ cô gái trẻ nào vừa mới lập gia đình, người ta sẽ lập tức chuốc lấy một hồi cười rửa. Một khi đã cưới, người thiếu phụ gọi chồng là "ông lão" cũng hết như để nói "ông lão tở", "ông lão cậu". Ở đây thiên hạ có chữ nghĩa riêng của họ, mặc dù họ tất cả đều là người Trung Quốc cháu con của Hiên Viên hoàng đế khởi nghiệp, thuộc cùng tộc và cùng văn hóa chung.

Ngay cả mi, mi không biết rõ tại sao mi lại đến đây. Tình cờ trên xe lửa mi đã nghe thấy một người nào đó nói đến một nơi gọi là Linh Sơn, Núi Hồn. Người ấy ngồi trước mi, tách trà của hắn đặt cạnh tách trà của mi và con tàu rung lắc làm cho nắp tách của hai người va vào nhau lanh canh. Chuyện có lẽ sẽ chỉ dừng ở đấy nếu chúng tiếp tục va lanh canh hay một lúc sau đó dừng lại, nhưng sự tình cờ là lúc hai cái nắp chạm vào nhau kêu lanh canh thì cùng lúc với hắn, mi có ý định chúng đi, mà vào chính cái thời điểm ấy, chúng im bặt. Nhưng hai người vừa mới quay mặt đi, chúng lại va nhau kêu. Hai người cùng chìa tay ra, chúng lại im. Không nói năng gì, hắn và mi cười. Lúc ấy hai người bên chỉ xê một chút cái nắp lại bập chuyện. Mi hỏi hắn đi đâu.

- Đi Linh Sơn.

- Cái gì chứ?

- Linh Sơn, Linh trong linh hồn, sơn trong sơn thủy, Núi Hồn.

Mi là người đã đi từ bắc chí nam, khắp Trung Quốc, đã đến nhiều núi non nổi tiếng vậy mà mi chưa bao giờ nghe nói đến cái chỗ này.

Người bạn ở trước mặt mi khẽ nhắm mắt lại, hẩn dưỡng thần. Bị một nỗi tò mò khó hiểu khuấy động, mi muốn thấy trong kiến thức về các danh lam thắng cảnh của mi đang có một chỗ thiếu hụt nào. Trong cơn hờn, mi không thể chịu được rằng còn có một nơi mi chưa bao giờ nghe nói đến. Mi bèn hỏi Linh Sơn ở đâu.

- Ở nguồn sông Vưu, hẩn mở mắt ra trả lời.

Con sông Vưu ở đâu, mi chẳng hay nhưng mi không dám hỏi. Mi đành gật gù, cái điều có thể hiểu ra thành hai cách: “À vâng, cảm ơn” hay “À đúng, tôi biết”. Lòng hiếu thắng của mi được thỏa mãn nhưng tò mò của mi thì chắc chắn là không. Một lát sau, cuối cùng mi hỏi hẩn đi đến đó như thế nào và có thể vào trong núi đó bằng lối nào.

- Có thể đi xe khách tới thị trấn nho nhỏ Ô Y rồi ngược sông Vưu bằng thuyền.

- Ở đó có gì nhĩ? Ta có thể xem phong cảnh, đến miếu? Di tích? Làm ra vẻ thờ ơ mi hỏi.

- Ở đấy mọi cái đều ở dạng sơ khai.

- Có rừng nguyên sinh?

- Hẩn đi rồi, nhưng không chỉ có thể thôi đâu.

- Cả người rừng nữa? mi pha trò nói.

Hẩn cười, không chút giễu cợt, điều đó làm cho mi càng bị kích thích. Mi phải biết người bạn ngồi trước mặt kia là ai.

- Anh nghiên cứu sinh thái à? Anh là nhà sinh vật học chẳng? Nhà cổ nhân học? Nhà khảo cổ học?

- Tôi quan tâm nhiều hơn đến người sống, hẩn lắc đầu nói sau mỗi gợi ý của mi.

- Anh đi điều tra về phong tục dân gian? Anh là nhà xã hội học? Chuyên gia văn nghệ dân gian? Nhà dân tộc học? Hay là nhà báo vậy? Nhà phiêu lưu?

- Là tất cả những cái đó nhưng mà nghiệp dư.

Cả hai đều cười.

- Đều là những món chơi đầu hạng cả.

Hai người đều cười, thành thật hơn. Hấn châm một điếu thuốc và mở máy nổ, kể mọi thứ tuyệt vời về Linh Sơn. Rồi theo đề nghị của mi, hấn xé bao thuốc rỗng vẽ ra một bản đồ chỉ con đường để đi tới đó.

Ở miền Bắc lúc này đã đậm thu. Ở đây, cái nóng hè vẫn chưa hề suy yếu. Trước khi biến mất vào sau núi, mặt trời còn giữ nguyên sức mạnh và khi đó nó nện vào thân xác, mồ hôi liền chạy dọc lưng. Mi ra khỏi bến xe đường dài, quan sát chung quanh. Trước mặt chỉ có một quán trọ nhỏ hai tầng, kiểu cổ, quây hàng bằng gỗ. Các ván gỗ kê cột kẹt khi người ta đi ở trên gác nhưng cái đáng sợ nhất là gối và chiếu đen nhòn. Muốn tắm rửa phải chờ đêm tối để cởi quần và hắt nước vào người với một chậu thau trong mảnh sân hẹp ẩm ướt. Đây là một chặng dừng chân cho những người ở nông thôn ra buôn bán và làm thủ công.

Trước đêm tối, trời còn sớm, mi có thừa thời gian tìm một khách sạn sạch hơn. Mi lang thang trong phố, túi xách ở lưng, mong phát hiện ra trong thị trấn này một dấu hiệu, một biểu hiện, cho dù chỉ là một cái tên gồm có hai chữ Linh Sơn để chứng tỏ mi đã không lầm, mi đã làm chuyến đi này không uổng. Mi đã nhìn khắp nhưng chẳng tìm thấy dấu vết nào. Trong những người cùng xuống xe với mi, không ai có vẻ đi du lịch. Thì cả đến mi nữa, dĩ nhiên, nhưng không ai lại ăn mặc như mi: một đôi giày đi núi nhẹ mà bền, một túi đeo lưng. Những người qua lại trong phố này ăn mặc như mi. Dĩ nhiên đây không phải loại địa điểm du lịch nổi tiếng, nơi mà những cặp vợ chồng mới cưới và những người về hưu đến đó, nơi mà mọi cái đều được làm ra vì du lịch, nơi mà đâu đâu cũng có xe khách đỗ, nơi mà người ta có thể mua bản đồ du lịch tại mọi góc phố đầu đường, tại các cửa hàng bày những mũ mỏ vịt, áo ba lỗ, áo dệt

chui cổ, khăn tay mang tên địa điểm với các khách sạn mà người nước ngoài đến đó trả bằng ngoại tệ, với các trung tâm đón tiếp hay nghỉ ngơi mà người ta chỉ có thể vào nếu có thư giới thiệu, không hề bỏ quên các khách sạn tư be bé giành khách lẫn nhau, tất cả chúng đều mang cái tên linh thiêng kia làm biển hiệu. Mi không đến loại địa điểm này để giải khuây theo đoàn theo đội trên một con đường núi với những con người xem xét nhau, xô đẩy nhau, chen lấn nhau và quăng vỏ dưa, chai nước ngọt, vỏ đồ hộp, giấy bẩn, đầu mẫu thuốc lá xuống đất. Ở đây rồi cũng thế, một ngày nào đó nó sẽ giống y như thế. Mi đã ngỡ đến đây trước khi người ta cất lên các gian hàng, ki ốt, sân trời, tháp xinh đẹp, đã ngỡ chen chúc trước mộ bia của một ai đó nổi tiếng hay trước máy ảnh của một nhà báo. Trong thâm tâm, mi vui nhưng vẫn nuôi một vài ngờ vực. Trong cái phố này, không một dấu hiệu nào để hút để cuốn khách du lịch, mi đã bị chơi khăm rồi sao? Mi đã tin vào một đường đi vẽ nguệch ngoạc trên bao thuốc lá giấu trong áo của mi, tin vào kẻ đồng hành mi gặp tình cờ trên xe lửa. Chẳng cái gì chứng tỏ rằng hần đã nói thật. Mi chưa đọc những ký sự đích thực về du lịch; ngay cả các sách lớn nói về các địa điểm du lịch mới in gần đây cũng không có đề mục của cái tên này. Dĩ nhiên người ta dễ dàng tìm thấy những địa điểm có tên Linh Đài, Linh Khâu, Linh Nham và thậm chí cả Linh Sơn nếu lật giở tập bản đồ Trung Quốc các tỉnh. Mi cũng nên biết rằng địa điểm Linh Sơn đã được ghi trong vô số các sách vở, văn bản lịch sử cổ xưa, từ tác phẩm bói toán và ma thuật cổ đại *Sơn Hải Kinh*, đến bộ sách lâu đời về địa lý nhan đề *Thủy Kinh Chú*. Chính ở nơi này đức Phật đã giáo hóa cho đấng tổ sư thứ nhất chí tôn Ma ha ca diếp. Mi không ngốc nghếch, mi phải nhờ đến trí thông minh của mi, trước hết hãy tìm cái thị trấn nho nhỏ với tên gọi Ô Y ghi trên gói thuốc lá và con đường dẫn vào Linh Sơn, Núi Hồn đã.

Quay lại bến xe đường dài mi vào phòng chờ, nơi náo nhiệt nhất của cái thành phố nhỏ miền núi này, vào giờ này nó hoàn toàn trống không. Các quầy bán vé và ký gửi hành lý bị một tấm ván bịt kín. Mi gõ, không kết quả. Mi chỉ còn việc ngẩng đầu đếm tên các ga đều đẹp như nhau nổi hàng trên cửa quầy: Trương Xá, Sa Phố, Thủy nê xưởng, Lò cũ, Ngựa vàng, Đại Niên, Chương thủy, Long loan, Đào hoa vực... nhưng chẳng cái nào ứng với cái nơi mi kiếm. Thị trấn này tuy nhỏ, các ga cuối cùng và xe khách lại rất nhiều. Chỉ trong một ngày mà có tới năm sáu xe

khách, nhưng địa điểm Xưởng xi măng thì chắc chắn không phải là để du lịch. Tuyến ít khách nhất chỉ có một xe phục vụ mỗi ngày. Chắc phải là nơi hẻo lánh nhất nhưng Ô Y lại chính là ở cùng tuyến đường. Nó không lôi cuốn chú ý, giống như tất cả các tên địa phương khác, không có chút linh khí nào. Nhưng mi, tựa như cuối cùng đã tìm thấy đầu của một cuộn chỉ rối mà mi đã hết hy vọng gỡ, nếu mi không sượng điên lên thì ít nhất cũng đã yên tâm. Có lẽ mi phải mua vé trước lúc xe chạy một giờ. Kinh nghiệm bảo mi rằng trên các tuyến đường núi chỉ một chuyến xe phục vụ mỗi ngày này, cần phải vật lộn để lên được xe, nếu không chuẩn bị xông pha, mi sẽ phải xếp hàng rất sớm.

Lúc này mi có thời gian trước mặt, nhưng cái túi du lịch bắt đầu đè nặng lên vai mi. Mi lượn phố, những xe cam nhông chở gỗ đi sạt vào mi, còi rú. Mi để ý thấy trên con đường hẹp đi ngang qua thị trấn, các xe cam nhông đủ mọi kích cỡ không ngừng rú còi. Trên các xe khách, người bán vé thò tay qua cửa sổ đập không ngừng vào thành xe, làm tăng thêm cái ầm ĩ bao trùm trong phố. Đó là cách duy nhất để cho người đi đường tránh ra.

Những ngôi nhà cũ kỹ ở mỗi bên phố bày ra mặt tiền bằng gỗ mọi thứ. Người ta buôn bán ở tầng trệt, còn ở trên gác người ta phơi áo quần: từ tã lót trẻ em đến nịt vú, từ quần đùi vá đến khăn trải giường in hoa, bay phấp phới trong bụi và tiếng xe cộ, giống như từng ấy cờ xí của các nước trên toàn thế giới. Ở đầu đường, trên các cột mốc xi măng, ngang tầm mắt, mọi kiểu áp phích quảng cáo được trưng lên. Một trong số đó, khoe sản phẩm chống hôi nách đặc biệt khiến mi phải chú ý. Không phải vì mi mắc các bệnh này mà vì bị cách viết độc đáo của nó lôi cuốn. Sau thuật ngữ "hồ xú" đến câu giải thích ở giữa ngoặc:

(Hồ xú (còn gọi là Mùi hôi của tiên) là một bệnh khó chịu sản sinh ra một mùi thối khẳn. Vì nó, nhiều người đã phải hoãn hôn nhân hay gặp các sự khó khăn trong kết bạn. Các thanh niên nam nữ bị cản trở trong tìm việc làm hay nhập ngũ, họ thường đã đau khổ ghê gớm vì bệnh này mà không giải tỏa được các day dứt của mình. Bây giờ nhờ một sản phẩm tổng hợp mới, người ta có thể diệt được cái mùi hôi này hoàn toàn. Hiệu nghiệm 97,5%. Vì niềm vui của các bạn ở trong đời và vì hạnh phúc tương lai của các bạn, xin hãy đến chữa trị ở tiệm chúng tôi...)

Rồi mi đến một cầu đá. Không mùi hôi nách. Một làn gió mát thổi nhẹ, làm tươi tỉnh và thú vị. Cây cầu đá bắc ngang qua một con sông rộng. Tuy mặt cầu rải nhựa, người ta vẫn lờ mờ phân biệt ra những con sư tử chạm khắc trên những cột khoét rãnh. Chắc hẳn đã phải rất lâu đời. Dựa vào lan can đá gia cố thêm bê tông, mi ngẩng nhìn hai phần của tiểu trấn nối lại bằng cây cầu. Ở mỗi bên, mái ngói đen không đếm xuể xếp thành hàng chèn nhau trải dài hết tầm mắt. Giữa các quả núi, một thung lũng mở ra, các thửa ruộng vàng rực có khảm những bụi tre xanh. Nước con sông một màu lam thuần khiết trôi êm ả giữa hai bãi cát. Khi đến các chân cầu bằng đá tạc chia tách nó, nước sông trở nên sâu thẳm và chuyển sang màu xanh thẳm. Vừa qua khỏi vòm cầu, nó phát ra một tiếng gầm và sóng bạc đầu hình thành trên các con lốc dữ dội của nó. Nước đã để lại dấu tích của nhiều mức khác nhau trên con đê đá cao hơn mười mét. Mức mới nhất, màu vàng xám nhờ nhờ, có từ vụ lụt mùa hè vừa rồi. Sông Vuư đây chăng? Nó lấy nguồn từ Linh Sơn ư?

Mặt trời sắp lặn. Hình bán cầu của nó giống như một nắp vung màu da cam. Nó còn sáng nhưng không chói nữa. Mi đưa tầm mắt đến nơi hai sườn thung lũng gặp nhau, ở chỗ ấy, các đỉnh cây cao quần quýt trong sương mù và mây. Bức tranh huyền ảo một màu đen rất sống động này đang từ bên dưới gặm nhấm dần dần vắng mặt trời lấp lánh có vẻ như đang quay. Rồi càng nhuộm đỏ, mặt trời đang lặn càng dịu đi. Nó phóng những ánh sáng vàng rực hòa lẫn vào nhau trong những con sóng lô xô và những cụm nước tung toé. Quả cầu đỏ tíia càng toát ra nhiều thanh thần yên tĩnh hơn nữa, nhưng xuống đến giữa lũng, nó lại mang một sức quyến rũ nào đó ở trong vẻ trang trọng của mình. Thế rồi có những âm thanh. Mi nghe thấy ở trong đó, khó nắm bắt, bắt đầu là vang ngân lên trong tim mi, lan tỏa dần, hơi run rẩy chút ít, như nhón trên đầu ngón chân, tuột bung ra và biến mất vào cảnh quan đen ngòm của núi, rót đầy các vùng trời sương mù hoàng hôn. Gió chiều rít bên tai mi như âm thanh không ngừng của còi xe hơi. Lúc qua cầu mi phát hiện ra ở đầu cầu một tấm bảng mới khắc những chữ bôi đỏ cho nổi lên: *Cầu Vĩnh Ninh, xây dựng trong năm thứ ba thời Khai Nguyên nhà Tống, trùng tu năm 1962. Đặt bảng năm 1983.* Đây, một dấu hiệu thông báo ngành du lịch đã tới.

Ở đầu cầu có hai dãy quán ăn. Mi ăn ở dãy bên trái một bát ốc đậu, loại ốc đậu mềm và ngon tuyệt, chế gia vị khéo, thứ này người ta bán ở khắp phố to ngõ nhỏ hẹp nhưng một thời gian đã biến mất, song bây giờ được làm lại nhờ một mật pháp gia truyền. Rồi ở dãy bên phải, mi ăn hai cái bánh Khao pính có vùng với hành vừa ra lò, nóng hổi, thơm phức; cuối cùng, mi còn ăn ở bên nào mi cũng không nhớ nữa - những viên bi ron ron bằng thứ nếp lên men, chỉ nhỉnh hơn những hạt ngọc chút đỉnh, vừa đủ ngọt. Dĩ nhiên mi không câu nệ như Tiên sinh Hai Mã du lịch ở Tây Hồ nhưng mi thấy khá ngon miệng. Vừa nhấm nháp các món ăn của tổ tiên, mi vừa nghe chuyện trò của khách và chủ hiệu thuộc rõ nơi này. Mi đã muốn lại cùng hòa chuyện, nói cái tiếng dịu nhẹ mang giọng quê mùa của họ. Mi đã sống lâu ngày ở thành phố, mi có nhu cầu gìn giữ ở trong mi một cảm giác về quê hương, mi muốn có quê hương, nó cho mi chút ít an ủi, để mi có thể quay lại thời ấu thơ, tìm lại thấy những kỉ niệm đã mất của mi.

Cuối cùng mi tìm được một khách sạn ở phía bên này cầu, trong một phố cổ lát đá. Sàn gỗ lau rửa được coi là sạch. Trong gian phòng đơn mà mi thuê, kê một tấm ván, trải chiếu trúc và chiếc chăn vải bông xám mà người ta không rõ do bản hay vốn dĩ cái màu gốc gác của nó. Mi lừa nó xuống dưới chiếu, gạt chiếc gối nhón mỡ ra. May sao trời nóng, chiếu chăn thành vô ích. Lúc này, mi thấy cần phải đặt cái xắc lưng đã trở thành rất nặng xuống, rũ gột đi hết mọi bụi bặm, mồ hôi đang dính bết người mi. Mi cởi trần nằm ở giường, chân giạng. Trong gian phòng bên, người ta gọi hỏi nhau. Người ta đánh bài. Mi nghe rõ tiếng quân bài quật xuống bàn. Chỉ một tấm ván chia cách mi và họ, qua các khe hở của tấm thảm tường rách, mi có thể lờ mờ nhìn thấy vài gã trai tráng mình trần trụi lụi. Mi không đến nỗi mệt quá để ngủ đi ngay nên mi đã gõ vào vách ngăn. Một tiếng quát cất lên ở bên. Không phải với mi mà với họ với nhau. Có người được kẻ thua, kẻ thua chậm trả nợ. Trong khách sạn này, người ta chơi bạc công khai mặc dù yết thị của cảnh sát huyện treo trong phòng quy định cấm cờ bạc và mại dâm. Mi thật bụng muốn đi xem cái quy tắc này có được tuân thủ không. Mi mặc quần áo, ra hành lang rồi gõ vào cánh cửa hé mở của gian phòng. Tiếng ồn ào tiếp tục, chẳng ai bận tâm đến mi. Mi đường hoàng bước vào, đẩy cửa ra. Bốn gã trai ngồi quanh một chiếc giường kê giữa phòng quay lại để nhìn mi. Họ không

ngạc nhiên chút nào, chính mi mới ngạc nhiên nhất. Bốn bộ mặt kỳ quái với những mẫu giấy dán trên lông mày, trên môi, trên mũi và má. Họ nom vừa dễ sợ vừa hề. Nhưng họ không cười, mà cam chịu nhìn ngó mi. Mi đã quấy rầy họ, rõ ràng họ tức.

- À, các anh chơi bài... Mi chỉ còn cách xin lỗi.

Và họ tiếp tục trang bài. Những quân bài rất dài, với những hình vẽ đỏ đen như trong mặt chược. Chúng cũng có thiên môn, địa ngục. Người thua bị người được phạt bằng cách dán một mảnh giấy báo vào một nơi đã định. Đó chỉ là một trò đùa ác, một cách giải tỏa các dồn nén, hay một dấu hiệu mà người chơi bạc đặt ra cho phép kẻ được người thua thanh toán với nhau, người ở bên ngoài không thể nào biết được.

Mi đi lúi ra, trở lại phòng. Mi lại nằm dài lên giường ngắm các vết chi chít trên trần, quanh bóng đèn điện, thật ra đó là những con muỗi không thể đếm xuể chờ tắt ánh sáng đến đốt mi. Mi vội buông màn xuống. Đính chặt vào vắn bằng một que tre uốn tròn, vài màn phủ một không gian hình trụ. Đã lâu mi không ngủ dưới loại màn này và mi đã quá xa cái tuổi đắm chìm trong mơ tưởng, hai con mắt mở to gấn chăm chăm vào đỉnh màn. Hôm nay mi không biết dự lực nào đã khiến cho mi hoạt động ngày mai, mi, kẻ đã học biết hết những gì cần học thì mi còn đi tìm kiếm cái gì nữa đây chứ? Đã đến tuổi chín chắn, lẽ nào mi còn không sống yên ổn, tà tà thi hành nhiệm vụ của mi ở một nhiệm sở chẳng quá thấp chẳng quá cao, đóng vai trò người chồng và ông bố, lập một tổ êm ấm cho mi, giữ ở ngân hàng chút tiền nó sẽ tích lũy theo năm tháng và sẽ để lại cho mi chút ít di sản sau khi trừ đi các chi phí dưỡng lão chẳng?

2

Ở rẻo đất quá độ, giữa các cao nguyên Tây Tạng và đồng bằng Tứ Xuyên, tại xứ sở dân tộc Khương, trong trung phần của núi Cùg Lai, ta đã thấy sự tôn thờ lửa và một tàn dư của nền văn hóa khởi thủy của loài người. Tổ tiên các dân tộc đều đã thờ lửa, cái mang đến cho họ văn minh ban đầu. Lửa là một vị thần.

Ngồi trước lửa, hần uống rượu nhưng trước khi nhấp, hần nhúng một ngón tay vào trong bát rồi vẩy lên trên đồng than hồng bắt đầu kêu xèo xèo và phì ra một làn khói lam. Lúc này ta nhận ra rằng ta đang tồn tại thật sự.

- Ta dâng lễ này lên thần bếp vì nhờ ngài mà chúng ta có cái ăn cái uống.

Ánh lửa chiếu sáng hai má hõm, cái mũi dài và đôi gò má cao của hần. Hần bảo ta hần thuộc về dân tộc Khương, quê quán ở làng Cảnh Đạt. Ngại hỏi ngay hần về các vị thần và ma quái, ta chỉ bảo hần rằng ta đến nghiên cứu dân ca của vùng núi này, ta hỏi hần liệu ở đây người ta còn nhảy cái điệu gọi là *ca trang* không. Hần tuyên bố chính hần nhảy được, rằng ngày xưa, trai trai gái gái nhảy quanh lửa thông đêm cho tới sớm mai nhưng rồi sau này đã bị cấm.

- Tại sao chứ? Ta hoàn toàn biết câu trả lời nhưng vẫn cứ hỏi.

- Vì Cách mạng văn hóa. Họ bảo rằng lời các bài hát không lành mạnh và đã thay chúng bằng các câu dẫn của Mao.

- Rồi sau nữa? Ta vẫn cố ý đặt câu hỏi, cái này trở thành một thói quen lâu ngày mất rồi.

- Sau rồi chẳng có ai hát chúng nữa. Bây giờ, người ta lại bắt đầu nhảy múa nhưng hiếm có thanh niên biết nữa. Tôi dạy những bài đó cho chúng.

Ta xin hẩn biểu diễn xem. Hẩn lập tức đứng ngay lên và chẳng do dự bắt đầu vừa nhảy vừa hát. Giọng hẩn trầm, khỏe, một giọng hay tự nhiên. Ta tin rằng hẩn là dân tộc Khương nhưng các công an viên phụ trách hộ khẩu lại ngờ điều này. Họ nghĩ tất cả những ai tuyên bố thuộc về dân tộc Tây Tạng hay Khương chỉ cốt để thoát được sự hạn chế sinh đẻ mà thôi.

Hẩn hát một bài rồi một bài nữa. Hẩn nói hẩn rất thích vui chơi, điều mà ta cũng tin là thế. Vừa trút bỏ cái trách nhiệm trưởng làng, hẩn lại giống như một người dân miền núi, một ông già miền núi đầy yêu đời. Khốn thay, hẩn đã quá tuổi của các cuộc phiêu lưu tình ái.

Hẩn cũng có thể đọc thuộc vô số thần chú, thủ pháp thần bí mà những người đi săn sử dụng khi vào núi, những cái gọi là "phép núi đen" hay "phù thủy". Hẩn không chối việc này. Hẩn đinh ninh tin rằng các thần chú kia có thể đẩy con mồi vào hố hay kích chúng tự sa vào bẫy. Ma thuật không chỉ được dùng chống giống vật mà còn cả giữa con người với mục đích trả thù. Nếu "phép núi đen" được đem ra dùng chống lại một con người, thì người này sẽ lâm vào cảnh không thể ra khỏi núi. Điều này giống như câu chuyện ta đã nghe khi còn bé: con ma dựng lên một bức tường. Một người đi đêm trên con đường núi, hẩn đi, đi và thành linh hiện lên trước mặt hẩn một bức tường, một tường thành dựng đứng hay một dòng sông sâu hẩn không thể vượt qua. Nếu hẩn không phá được bùa mê, hẩn không thể tiến thêm một bước nhỏ nào và hẩn không ngừng quay lại điểm xuất phát. Thế là khi mặt trời mọc, hẩn nhận thấy hẩn đã chỉ quanh quẩn đi tại chỗ. Và nghiêm trọng hơn: ma thuật có thể dẫn vào một lối cụt và lúc đó là chết.

Hẩn đọc hết thần chú này đến thần chú khác. Chúng không buồn, không êm dịu như các bài hẩn vừa hát mà trái lại toàn lăm rầm rất gấp gáp, như thở hổn hển. Ta không hiểu được tất cả những điều hẩn nói, nhưng sức mê dụ của ngôn ngữ này, hơi thở đè nén ngọt ngào của các quái vật và ma quỷ mà hẩn gọi lên đang đầy tràn căn buồng đen sì vì khói. Ngọn lửa liếm cái nồi om thịt cừu, làm cho các con mắt lấp lánh: đấy là một cảnh đích thực.

Khi mi đang tìm kiếm con đường đưa tới Linh Sơn thì ta, đạo dọc con sông Trường Giang, ta tìm kiếm chân lý. Ta vừa biết một sự kiện nghiêm trọng. Các bác sĩ đã chẩn đoán lầm ta bị ung thư phổi. Cái chết đã rớt với ta nhưng cuối cùng ta đã vượt qua được cái vật cản mà nó đem chia ra cho ta. Trong lòng, ta sung sướng. Cuộc đời đã lại cho ta một niềm tươi trẻ bao la. Từ lâu lẽ ra ta đã phải rời bỏ cái môi trường ô nhiễm của ta mà quay trở lại thiên nhiên kiếm tìm một cuộc sống đích thực.

Quanh ta, người ta dạy ta rằng cuộc sống là nguồn của văn học, văn học phải trung thành với cuộc sống, trung thành với cái chân thực của cuộc sống. Mà lỗi lầm của ta chính là đã lìa xa cuộc sống, đã vi phạm cái chân thực của cuộc sống. Chân thực của cuộc sống không giống các hiện tượng bên ngoài của nó. Chân thực của cuộc sống, hay bản chất của nó, vốn phải là thế này chứ không phải là thế kia. Nếu ta lìa xa cái chân thực này thì đây là vì ta đã bày la liệt ra các hiện tượng của cuộc sống, và đương nhiên không thể nào phản ánh chính xác được cuộc sống, kết quả chỉ là bước vào con đường ngoắt ngoéo xuyên tạc hiện thực.

Ta không biết giờ đây liệu ta có thật sự đi trên con đường đúng hay không; dẫu sao ta muốn rời bỏ thế giới văn học đang sôi sục mà trốn vào gian buồng của ta luôn đầy khói thuốc. Những quyển sách chồng chất trong đó đè sập lấy ta, đến mức ngăn cản ta thở. Chúng bày ra mọi thứ chân thực, từ chân thức lịch sử đến chân thực về làm người và ta chẳng biết chúng có ích lợi gì không nữa. Nhưng chúng vướng cản ta và ta vụng vẫy trong các tấm lưới của chúng, giống như một con sâu sa vào bẫy của một tấm mạng nhện. May sao, người thầy thuốc lầm trong chẩn đoán đã cứu sống ta. Đó là một người rất ngay thẳng. Ông đã cho ta so hai tấm X quang về phổi mà ông đã chụp. Trên bờ của phổi trái, một cái bóng với đường viền mờ mờ lan rộng ra đến khí quản. Cho dù người ta có bỏ hết thùy phổi trái đi nữa, cái đó cũng sẽ chẳng nên tích sự gì. Kết luận này hiện ra hiển nhiên. Bố ta đã chết vì ung thư phổi và chỉ có ba tháng trôi qua giữa việc phát hiện bệnh và cái chết của ông. Cũng ông thầy thuốc đó đã chẩn đoán cho ta. Ta tin cậy ông và ông tin cậy khoa học. Các tấm X quang ta chụp ở hai bệnh viện khác nhau đều giống nhau từ đầu đến cuối, không thể nào có chuyện sai sót kỹ thuật ở đây. Bác sĩ cũng đã cho y lệnh để tiến hành nội soi cho ta. Ta đã không vội vã bởi chắc chắn nó sẽ

xác nhận cái khối u mà thôi. Trước khi bố ta chết, người ta cũng đã làm đúng như thế, ta chẳng qua chỉ là bước lên vết của ông, cái đó không có gì là đặc sắc cả. Ấy vậy mà ta đã lọt qua các ngón tay của tử thần, ta không thể chối rằng ta đã may mắn. Ta tin khoa học nhưng cũng tin số mệnh nữa.

Ta đã nhìn thấy một mẫu gỗ, dài hơn mười ba phân tây, được một nhà dân tộc học thu thập được trong những năm ba mươi ở vùng dân tộc Khương, tạc một người cúi đầu xuống úp mặt lên hai bàn tay, nét mặt bôi đen. Trên thân người viết hai chữ: "Trường mệnh". Người ta gọi nó là "*Ngộ Xướng*"^[1] đầu cúi xuống", Quả thật có một cái gì báo điềm gở ở nó. Ta hỏi người trưởng làng về hưu kia xem liệu người ta còn tìm thấy được những hộ thần loại này không. Hắn bảo ta rằng tên các thần ấy gọi là "*lão căn*" (những rễ già). Pho tượng nhỏ này phải ở với đứa bé sơ sinh suốt cả đời nó, cho tới lúc chết. Rồi người ta mang nó đi cùng với cái xác và khi chôn cái xác rồi thì đem pho tượng đặt vào giữa núi để giúp cho linh hồn người chết quay về lại với thiên nhiên. Khi ta hỏi hắn liệu hắn có thể kiếm cho ta một bức tượng như thế để ta mang theo người thì hắn cười mà bảo ta rằng người ta đi săn vận lùa tượng đó vào trong áo quần của họ để cầu xin số phận, nhưng chúng chẳng có một tí tích sự nào đối với những người như ta đâu.

- Có thể tìm ra một thợ săn già biết phép phù thủy không, tôi sẽ đi săn cùng với ông ta?

- Lão Thạch là cao thủ nhất, hắn đáp sau một hồi suy nghĩ.

- Tìm được lão ta chứ?

- Tìm ở cái nhà đá của lão Thạch^[2].

- Ở chỗ nào?

- Nếu anh tiếp tục đi từ đây lên mười dặm thì sẽ tới Khe Mỏ Bạc. Từ chỗ ấy, anh theo suối thác chảy qua khe đến tận cùng thì sẽ thấy một cái nhà đá.

- Đây là tên nơi ấy hay chính là nhà bằng đá của lão Thạch?

Hắn giải thích rằng đây là tên nơi ấy nhưng cũng có một nhà bằng đá của lão Thạch thật.

- Ông đưa tôi đến được không? Ta lại hỏi.

- Ông ấy chết rồi. Ngủ mà chết, nằm trên giường. Già lắm rồi, hơn chín chục tuổi, theo một vài người thì hơn cả trăm đấy. Thật ra chẳng ai biết rõ lắm tuổi của ông ta.

Ta không thể không hỏi:

- Con cháu ông ta còn sống chứ?

- Ông ta thuộc đời ông nội tôi... Thấy người ta bảo tôi rằng ông ta sống có mỗi một mình.

- Không vợ?

- Sống một mình trong Khe Mỏ Bạc, không gia đình, không ruột thịt, một cái nhà nhỏ nhỏ cho chỉ mình ông ta. À ở nhà ông ta còn treo cây súng của ông ta.

Ta hỏi nói thế nghĩa là thế nào.

Hắn giải thích ông lão là một thợ săn giỏi, đầy pháp thuật, bây giờ thì chẳng còn ai bằng được ông lão nữa rồi. Tất cả đều biết khẩu súng của ông lão vẫn treo ở trên tường nhà ông lão, khẩu súng này không bắn trượt một phát nào bao giờ nhưng chẳng ai dám lấy nó đi.

Ta không hiểu vì sao.

- Đường tới Khe Mỏ Bạc bị cắt mất rồi.

- Không vào được đó nữa ư?

- Không. Xưa có người mở một mỏ bạc ở chỗ ấy rồi một công ty ở Thành Đô đã tuyển thợ để làm ở đấy. Sau nó bị cướp, thợ đi cả. Cái cầu dây qua khe dẫn tới mỏ bạc đã bị xệ hay mục nát ở nhiều chỗ.

- Như thế từ hồi nào?

- Hồi ông tôi còn sống cơ mà, phải đến năm chục năm ấy chứ.

Không lạ rằng bây giờ hắn đã về hưu. Hắn thuộc về lịch sử, một lịch sử chân thực.

- Không có ai vào đó bao giờ nữa sao?

Ta ngày càng muốn biết tường tận sự bí ẩn.

- Không chắc thế nào, nhưng dầu sao đến đó không dễ đâu.

- Cái nhà ấy nó cũng mục nát rồi sao?

- Một cái nhà bằng đá lại mục nát à?

- Tôi nói các kèo các cột ấy mà.

- À ừ, chắc thế rồi.

Ta nghĩ, hắn toan dọa ta vì hắn không muốn đưa ta đến đó hay giới thiệu ta với một thợ săn.

- Nhưng sao ông biết khẩu súng vẫn còn treo trên tường? Ta lại hỏi.

- Nghe nói thế, có ai đó đã trông thấy. Người ta cũng bảo rằng lão Thạch này kỳ quặc lắm. Người lão không hề rửa mà thú rừng cũng không dám mò vào. Lão nằm thẳng băng trên giường, khô đét, khẩu súng treo trên tường.

- Không thể như thế được, trong núi rất ẩm, cái xác chắc chắn phải rửa nát và khẩu súng thì biến thành một đồng sắt gỉ rồi chứ.

- Tôi chả biết, từ lâu người ta đã nói như thế mà.

Hắn tiếp tục nói những cái mà hắn muốn, không quan đến ý kiến ta. Những ánh lửa sáng lên trong mắt hắn. Ta thấy mắt hắn đầy tình quái.

Ta lại sục hỏi trở lại:

- Ông không nhìn thấy ông ta phải không?

- Một vài người nhìn thấy ông ta. Nom như ngủ, gầy, khô đét, khẩu súng treo trên tường, hẳn cứ cái giọng ấy nói tiếp. Lão ta có pháp thuật. Không chỉ người không dám lấy khẩu súng của lão mà cả thú rừng cũng không dám đụng đến người lão.

Người thợ săn kia đã được thần thánh hóa. Chuyện kể và lời đồn trộn lẫn, một dã sử dân gian ra đời. Chân thực chỉ tồn tại trong Kinh Lịch và hơn nữa, chỉ trong Kinh Lịch của mỗi người; ngay cả trong trường hợp ấy nữa, một khi nó được thuật lại thì nó đã hóa thành truyện kể. Không thể chứng minh cho chân thực của sự vật và cũng chẳng nên làm việc ấy. Hay để các nhà thạo biện chứng tranh luận về chân thực của cuộc đời. Cái quan trọng là chính bản thân cuộc đời. Cái có thật là ta đang ngồi bên đống lửa này, trong gian phong đen ngòm đi vì khói dầu này, là ta nhìn những ngọn lửa này nháy nhót trong mắt hẳn, cái có thật là chính bản thân ta, là cái cảm giác thoáng qua ta vừa nhận thấy, không thể truyền lại cho người khác. Bên ngoài sương đã sa, núi non sẫm tối đã nhòa đi, âm thanh con sông chảy xiết dội vang lên trong người mi và như thế đã đủ.

Thế là mi đã đến thị trấn Ô Y. Trong cái phố hẹp dài lát đá hằn sâu các vết bánh xe cút kít, thành linh mi trở lại thời thơ ấu, với cái sơn thôn nho nhỏ mà mi đã qua hết tuổi thanh xuân ở đó. Nhưng mi không còn thấy xe cút kít đẩy bằng tay nữa. Tiếng chuông xe đạp lanh lảnh thay cho tiếng cót két của các trục bánh làm bằng gỗ táo bôi trơn bằng dầu đậu nành. Ở đây muốn lái một chiếc xe đạp phải có tài của diễn viên xiếc đi thăng bằng, một túi xách to tướng móc vào yên, len lỏi qua người đi đường, các gồng gánh, xe người kéo, các quầy hàng. Khó tránh các câu chửi rủa, nhưng trong mớ huyên náo này của tiếng cười, tiếng gọi của những người buôn bán khoe sản phẩm và các khách hàng mặc cả, những tiếng chuông có vẻ đầy sức sống. Mi hít thở các mùi pha trộn của ra dưa muối, của lòng lợn, của da mới thuộc, của dầu khuynh diệp, của rơm rạ, của vôi. Mắt mi đảo sang mỗi bên phố, đến các tiệm hoa quả khổ, đậu nành, dầu ăn, gạo, đến hiệu thuốc bán các dược phẩm Trung Quốc và phương Tây, đến nhà hàng vài vóc tơ lụa, đến quầy giày dép, người bán trà, quầy thịt lợn, nhà may, bếp lò đun nước, các đồ gốm và dây thừng, các cửa hàng tạp hóa bán hương và tiền giấy tang lễ. Quán quán kề sát bên nhau, chẳng mấy thay đổi to tát chắc là từ đời Tiền Thanh. Quán ăn lâu đời *Chân Thịch*, thịnh vượng thật, nơi những cái nồi phẳng đáy *đầy những thịt băm tẩm bột rán* không ngừng va nhau, đã tìm lại được tấm biển hiệu từng bị đập vỡ của nó, lá cờ cho hay đây là hàng ăn "hạng nhất" bay phấp phới trong gió. Cửa hàng bách hóa quốc doanh dĩ nhiên là cửa hàng bề thế nhất. Tòa nhà xi măng hai tầng đã được làm mới lại, một cửa kính đã thay cho cái quầy hàng cũ nhưng bụi ngập bên trong trông có vẻ như chưa bao giờ được dọn cả. Các quầy hàng ảnh cũng rất bắt mắt. Chúng đầy những ảnh thiếu nữ làm duyên hay ăn vận sang trọng, đánh phấn bôi son như diễn tuồng. Đó là những sắc đẹp có tên có tuổi ở địa phương mà với công chúng thì có vẻ đỡ xa cách hơn các ngôi sao ở các áp phích điện ảnh. Và quả là địa phương này đã thấy ra đời những nhan sắc đẹp hơn cả ngọc, má xức thơm lừng, lông mày kẻ theo sự bày đặt tỉ mỉ của người thợ ảnh, với các màu đỏ quá đỏ, màu xanh quá xanh. Người ta cũng mời

phóng đại ảnh màu. Một thông báo chỉ dẫn rằng có thể lấy ảnh phóng đại trong hai mươi ngày nhưng người ta giấu đi việc người ta phải lên tận huyện lỵ để phóng in. Nếu phải cơ duyên mệnh số, có lẽ mi đã sinh ra ở thị trấn này, mi đã đã lớn lên ở đây, đã lập gia đình nhờ cưới một trong các nhan sắc lẽ ra đã cho mi từ lâu những đứa con cả trai lẫn gái kia. Mi cười cho cái ý nghĩ này và vội lảng xa để tránh cho người ta nghĩ mi chú ý đến một đứa nào trong đám con gái, tránh cho người ta tự huyễn vu vơ bằng những ảo tưởng. Mi để cho đầu óc la đà trong khi nhìn các gian áp mái trên các quầy hàng. Những tấm rèm treo ở cửa sổ, những hoa và cây thế đặt trên gờ cửa. Mi không thể không thầm hỏi những người ngụ ở đây sống ra sao. Có một cái tháp cao cửa khóa. Các cột nghiêng, các đầu rui và dây lan can gỗ chạm trổ đã mục nát hết cửa căn tháp nói rõ lên quyền lực mà những người cư ngụ ở đây trước kia từng hưởng: số phận của người chủ ngôi nhà này cùng con cháu người ấy làm cho băng khuâng. Trong cửa hàng bên cạnh, trái lại, người ta bán quần jean và áo sơ mi kiểu Hồng Kông cũng như bút tất ni lông dài. Các bức quảng cáo với những phụ nữ nước ngoài phô bày đùi vế. Trên cửa ra vào để một biển hiệu với những chữ vàng rực: *Công ty mới khai thác khoa kỹ* mà người ta chẳng biết đó là cái khoa kỹ gì. Xa hơn một chút, một quầy hàng đầy phè vôi đã tôi. Một khoảng trống cấm những cây sào, dây thép chăng giữa chúng có miến vắt ở trên. Mi quay đầu và vào một phố nhỏ mở ra cạnh hàng trà. Mi lại chìm đắm trong hồi ức.

Sau một hồi vào che đậy nửa vời, một mảnh sân nhỏ ẩm ướt. Một khoảng vườn nho nhỏ bỏ hoang, vắng lặng. Trong góc, là một đồng vôi vữa vụn. Mi nhớ đến mảnh sân ở gần nhà mi mà tường bao quanh đã đổ. Cái sân làm mi sợ vừa cuốn hút mi. Mi nghĩ rằng các con hồ ly cái người ta nói đến trong truyện là ra từ đây. Tan học, mi không thể ngăn nổi mi đi đến đó một mình, sợ thất cả hòng lại. Mi chưa bao giờ thấy hồ ly cái ở đây nhưng cái cảm giác thần bí này cứ luôn đi kèm hồi ức tuổi thơ mi. Ở chỗ ấy có một chiếc ghế dài bằng đá đã vỡ và một cái giếng chắc đã cạn. Vào độ chính thu, gió thổi trên mái, ở đây cỏ vàng rộm mọc đầy cùng mặt trời tỏa sáng rực rỡ. Những nhà ở mà cửa cứ đóng im ỉm kia có lịch sử với chúng. Nó giống với một câu chuyện cổ ở mọi điểm. Mùa đông, gió rít trong các ngõ. Đi giày bông mới, mi cùng với những đứa trẻ nện gót ở góc bức tường đó và chắc chắn mi còn nhớ bài hát:

Trắng sáng vằng vặc, cưỡi ngựa ta thấp hương, ta đốt chết chị La, ta trên tiểu thư Đâu tam nương phát cái, Đâu tam nương hái đậu, nhưng trong vỏ lại rỗng, chị đã lấy lão Tể, lão Tể quá bé, chị lại cưỡi cua, con cua bò qua cái hố, con sên đã xéo lên, con sên lại mạch lẻo về con cua, kiện nhau ra tận nhà sư, con cua đã đọc kinh, đã cầu xin bà Quan Âm, bà Quan Âm đã hái, bà hái ra đưa quỉ con, nó làm cho bà đau ở bao tử, ta đã đã gọi thần Tài, thần nhập đồng không thành, thế là ta mất toi hai trăm đồng.

Trên mái nhà, cỏ khô hay tươi, trắng hay xanh nhè nhẹ đừng đưa trong gió. Thế là đã bao nhiêu năm rồi mi không nhìn thấy cỏ kia ở trên mái nhỉ? Chân trần, mi đập chân trên các viên đá lát hằn sâu vết bánh xe cút kít và mi vụt nổi lên từ tuổi thơ mi, mi vụt nổi vào hiện tại. Gan bàn chân trần và bấn của mi đập đen đét trước mặt mi. Mi có đập chân lên đất thật không, cái đó không quan trọng nhất. Cái mi cần là cái hình ảnh trong lòng kia.

Cuối cùng mi ra khỏi các ngõ quanh co rắc rối và đến đường cái; tại đây, xe khách từ huyện lỵ đến là quay mũi và lăn bánh ngay. Bến xe đường dài bên đường. Trong bến, một quầy bán vé và những chiếc ghế dài. Chính mi đã xuống xe lúc này ở đây. Gần như đối diện, một ngôi nhà thấp, một khách sạn tường quét vôi với một dòng chữ đề: *có nhiều phòng đẹp*. Mi đi xem và thấy có vẻ sạch. Dầu gì mi cũng phải tìm một nơi ở. Mi bước vào. Một bà phục vụ luống tuổi đang quét hành lang. Mi hỏi có phòng trống không. Bà ta chỉ đáp "có". Mi hỏi đây đến Linh Sơn còn xa không. Bà nhìn nghiêng sang mi, cái nhìn đó đủ nói rằng mi đang ở trong khách sạn quốc doanh. Bà ta lĩnh lương tháng, bà ta chẳng có gì nói thêm với khách.

- Phòng hai. Bà chỉ cho mi một cửa mở bằng cái cán chổi.

Mi vào, xác trong tay. Bên trong, có hai chiếc giường. Trên một chiếc, một người đang nằm, hai chân quặp lại, một quyển sách giữa hai bàn tay. Nhan đề, *Tiểu sử không chính thức của hồ ly cái*, viết trên thứ giấy gói hàng dùng bọc che bì sách. Rõ ràng là một quyển sách đi thuê. Mi ra hiệu chào. Người kia bèn đặt sách xuống và đến lượt hần gật đầu về phía mi.

- Chào.
 - Anh mới đến?
 - Ừ.
 - Hút thuốc? Hấn vẫy cho mi một điếu thuốc.
 - Cảm ơn. Mi ngồi xuống cái giường đối diện giường hấn. Hấn đang cần một người để chuyện gẫu.
 - Anh đến đây bao lâu rồi?
 - Hơn một chục ngày. Hấn ngồi lên châm thuốc.
 - Anh đến mua hàng? Mi hỏi cầu âu.
 - Tôi coi gỗ.
 - Ở đây việc đó có khó không?
 - Anh biết các chỉ tiêu à? Hấn đáp lại, rất quan tâm.
 - Các chỉ tiêu nào?
 - Các chỉ tiêu của kế hoạch quốc gia.
 - Không.
 - Vậy thì là khó. Hấn lại nằm dài ra.
 - Gỗ ở vùng rừng này cũng thiếu ư?
 - Gỗ ấy à, có đấy, nhưng đến giả cả thì lại khác. Nhận ra mi không phải dân thành thạo, hấn trả lời uể oải.
 - Anh chờ giá hạ phải không?
 - Hừm. Hấn tán thành lơ mơ rồi lại cầm lấy sách.
- Mi phải khen hấn một hai câu để có thể tìm hiểu qua hấn:

- Anh biết nhiều về chỗ này, anh chạy khắp để mua vật liệu mà!

- Không hề chút nào, hấn khiêm tốn đáp.

- Đi Linh Sơn như thế nào nhỉ?

Không câu trả lời. Mi chỉ có thể giải thích rằng mi đến ngắm phong cảnh rồi hỏi hấn những nơi đẹp thì tìm ở đâu.

- Ở bờ sông ấy, có một thủy tạ. Khi ngồi ở đấy ngắm núi đằng trước mặt cũng không xoàng.

- Tôi để anh nghỉ thôi, mi nói với giọng lấy lòng.

Mi đặt túi du lịch xuống và đi đăng ký ở chỗ bà phục vụ trước khi ra ngoài. Bến tàu ở đầu cùng đường cái. Những bậc đá dựng đứng tụt xuống đến hơn mười mét. Ở đấy đậu các thuyền phủ chiếu đen, với những bờ chèo dài bằng tre. Dòng nước mãnh mẽ của con sông chảy trong một lòng sông rất rộng. Rõ ràng đang không trong mùa lũ. Trên bờ đối diện là một cái phà, người ta xô đẩy nhau trên đó. Những người ngồi trên bậc đá phía mi cũng đang chờ phà.

Bên trên bờ ke, quả nhiên có một nhà thủy tạ mái cong. Bốn bề chung quanh chỉ toàn những sọt bằng tre đan. Nông dân ở bờ bên kia bán xong hàng đã vào ngồi ở trong sọt. Qua chuyện gẫu của họ, mi có cảm tưởng nhận ra được ngôn ngữ của các chuyện kể thời Tống. Nhà thủy tạ vừa mới được quét sơn lại. Dưới lớp mái chía, các hoa văn rồng phượng màu sắc chói lói, và trên hai cây cột ở mặt nước, hai vế câu đối trông vào nhau:

Ngồi, mi phải biết cái sai của người nhưng chớ nói ra

Lên đường, tận hưởng nước trong lành của các Long Khê

Mi đi qua đằng sau các cây cột này. Có hai câu đối khác viết ở đó:

Khi đi ra, mi chớ quên những lời chúc người ta nói vào tai

Hay quay lại mà ngắm thẳng cảnh phượng hoàng trong Linh Sơn.

Lập tức phẫn khích làm mi rậm rịt. Phà chắc đã tới: những người hóng mát đã đi, quang gánh lên vai. Trừ một ông cụ già ở lại.

- Cụ già ơi, xin cụ, hai câu này...

- Cậu muốn nói đến đôi câu đối kia? Ông già lập tức uốn nắn.

- Vâng, cụ ơi, thưa xin hỏi, ai viết hai câu này? Mi càng hỏi kính cẩn hơn.

- Đại sư phụ cử nhân Trần Tiên Ninh đấy! Ông già đáp với vẻ chăm chú, giọng trách móc ra mặt. Ông ta mở miệng ra cho thấy vài cái răng hiếm hoi đen đen.

- Cháu chưa nghe nói đến ông ấy bao giờ. Mi chỉ còn biết thú nhận sự ngu dốt của mi. Bậc đại sư phụ ấy dạy ở trường đại học nào đấy ạ?

- Cậu không hiểu là thường tình thôi, ông ấy sống cách đây hơn nghìn năm rồi, ông già đáp, khinh miệt sâu thẳm ở trong giọng.

- Cụ chớ giễu cháu, cụ ơi, mi nói để cố tự bào chữa.

- Cậu không có kính hay sao? Ông già nói, chỉ vào đầu xà nhô ra.

Mi ngẩng lên nhìn một xà ngang không được sơn lại. Quả nhiên, người ta có thể đọc được ở đấy một dòng chữ viết bằng son: *Xây cất chính nguyệt năm Canh Thân mạnh xuân, năm thứ mười triều đại Thiệu Hưng nhà Tống, trùng tu ngày hai mươi chính tháng ba năm Giáp Tuất, năm thứ mười chín triều đại Càn Long nhà Thanh.*

4

Ở trung tâm đón tiếp của khu bảo tồn tự nhiên ra, ta quay lại nhà trưởng làng về hưu của dân tộc Khơng. Trên cửa treo chiếc khóa. Ta đã đến đây ba lần mà không thể tìm thấy ông ta. Ta nghĩ cái cửa mở ra cho ta một thế giới bí mật này từ nay đã bị đóng lại.

Ta lên đường đi la cà dưới mưa bụi. Nhiều năm rồi ta không đi trong mưa và sương mù như thế này nữa. Ta qua gần trung tâm chữa bệnh của tổng Ngọa Long nom có vẻ như bỏ không; trong rừng, một sự yên tĩnh trọn vẹn bao trùm tất cả, nó chỉ bị tiếng ào xào của một con thác xa xa cắt quãng. Từ lâu ta không được cảm thấy vô tư lự như thế này. Chẳng có nhu cầu suy nghĩ nữa, ta buông mặc cho đầu óc rong chơi. Không bóng dáng một người hay một xe cộ nào trên đường cái, tất cả xanh rờn, đang mùa xuân.

Bên đường, một ngôi nhà lớn cô quạnh và trống không. Phải chăng đáng lẽ nào lại là sào huyệt của tướng cướp Tổng Quốc Thái mà chính ủy của khu bảo tồn tự nhiên đã nói với ta tối hôm qua? Bốn chục năm trước, chỉ có một đường núi mà các đoàn người ngựa mượn đến là đi qua đây. Lên phía bắc, nó vượt qua dãy núi Ba Lãng cao hơn năm nghìn mét rồi vào vùng dân tộc Tạng của các cao nguyên Thanh Hải và Tây Tạng; về phía Nam, nó men theo sông Mân Giang để vào đồng bằng Tứ Xuyên. Bọn buôn lậu từ phương Nam đến chất đầy thuốc phiện, và bọn từ phương Bắc tới, chất đầy muối, tất cả đều rất ngoan ngoãn nộp tô nộp cống, coi chuyện đó như là một vinh dự, vì những ai kháng cự lại sẽ bị rạch mặt. Lúc đó là chuyến đi không quay đầu trở lại đến với Diêm vương.

Đây là một ngôi nhà gỗ cũ kỹ; hai cánh cửa nặng nề mở toang ra một cái sân rộng bỏ hoang với những tòa nhà vây quanh, cái sân có thể chứa hẳn một đoàn nhiều chục con ngựa. Ta nghĩ thời đó, chỉ cần cánh cổng lớn đóng lại và các tên cướp vũ trang súng ống ở trên các lan can gỗ chạy trên nóc các tòa nhà thì những đoàn người ngựa qua đêm ở đây liền

sa bấy. Ngay trong cả trường hợp nổ súng, cái sân không có lấy một góc chết cón con nào để đạn không lọt vào được.

Trong sân, có hai cầu thang. Ta leo lên, làm các bậc kêu cọt két. Ta bước nặng chân để báo hiệu ta đến nhưng tầng gác vẫn cứ vắng lặng. Ta đẩy cánh cửa, các gian phòng trống không, chỉ thấy bụi và mùi ẩm mốc. Duy nhất có một chiếc khăn màu xám vắt ở sợi dây thép và một chiếc giấy hồng cho thấy có người đã ở đây, chắc là nhiều năm trước kia. Từ ngày lập ra khu bảo tồn tự nhiên, tất cả các cơ quan và nhân viên từng chiếm cứ tòa nhà lớn: hợp tác xã cung cấp mua bán, trạm thu mua thổ sản, cửa hàng dầu và hạt cốc, trung tâm thú y, đều chuyển vào cái phố nhỏ dài trăm mét do văn phòng quản trị xây nên. Còn một trăm người tụ tập theo lệnh của Tổng Quốc Thái ở tầng hai của tòa nhà lớn này càng ít dấu vết hơn, chẳng thấy cả người lẫn vũ khí của họ. Thời ấy, họ nằm trên các chiếu rơm, vừa hút thuốc phiện vừa ghẹo các cô gái cướp được. Ban ngày các cô phải lo cơm nước cho họ, ban đêm, lần lượt luân phiên ngủ với họ. Đôi khi, vì chia chác kém đồng đều các thứ cướp được hay vì một đàn bà trẻ mà đã nổ ra cãi cọ, phải giải quyết bằng súng. Ta nghĩ đến sự náo nhiệt chắc từng đã ngự trị trên các ván sàn này.

- Chỉ thủ lĩnh Tổng Quốc Thái của chúng mới thần phục nổi chúng. Hẳn ta nổi tiếng hung dữ và mưu mẹo.

Người nói điều này, viên chính ủy, đã tin chắc thế khi ông phát biểu thành lời. Ông nói rằng trong các dịp tập huấn, ông đã làm cho các nữ sinh phải đổ nước mắt khi ông trình bày về bảo vệ gấu trúc hay cả về lòng yêu nước nữa.

Ông nói rằng một trong những người đàn bà bị bọn cướp bắt đi vẫn còn đang sống, đó là một nữ chiến sĩ Hồng quân. Năm 1936, khi cuộc Trường Chinh đi qua thảo nguyên Mao Nhĩ Cái, một trung đoàn Hồng quân đã rơi vào ổ phục kích của bọn cướp. Một chục cô thợ giặt trẻ tuổi người Giang Tây đã bị bắt và bị hãm hiếp. Người trẻ nhất có mười bảy, mười tám tuổi, và đó là người sống sót duy nhất. Cô bị chuyển qua nhiều tay trước khi được một ông già miền núi, dân tộc Khương mua về làm vợ. Bà nay sống ở trong một thung lũng quanh quẩn đây. Bà còn có thể khai ra đại đội và đơn vị của mình cũng như tên của chính trị viên nay đã

trở thành viên chức cao cấp. Thở dài đánh sượt, chính Ủy nói thêm rằng dĩ nhiên ông không thể kể những điều đó cho sinh viên, rồi ông lại nói về tên thủ lĩnh cướp Tống Quốc Thái.

Thoạt đầu, ông nói, Tống Quốc Thái chỉ là một viên thơ lại nhỏ nhẩy vào buôn bán thuốc phiện lậu với một lái buôn. Người lái buôn đã bị thủ lĩnh cướp đóng ở đây hạ thủ, Tống Quốc Thái bèn nộp mình cho chủ mới. Sau hàng nghìn biến cố, hắn đã trở thành kẻ than tớn của tướng cướp, sống ở trong một cái sân con đằng sau ngôi nhà. Sau này, cái sân con đã bị súng cối của Quân giải phóng phá hủy, bây giờ nó bị cây cỏ xâm lấn. Lúc ấy, đấy là một tiểu Trùng Khánh thật sự^[3]. Lão Trần, tướng cướp, ngày đêm lao vào truy lạc sa đọa ở trong cái hang ổ chứa đầy nàng hầu của lão. Tống Quốc Thái là người duy nhất được phép hầu hạ lão ở trong ngôi nhà. Một ngày nọ, một đoàn lái buôn từ Mã Nhĩ Khang đến, thật ra là một toán cướp muốn đoạt lấy cái sào huyệt đã được an bài sẵn này. Hai toán cướp đánh nhau hai ngày ròng rã, cả hai bên đều thương vong mà vẫn bất phân thắng bại. Cả hai bên thương lượng hòa giải và ký kết bằng cách quệt máu một con vật vào mồm mình. Lúc ấy người ta mới mở cổng lớn để đón tiếp đối thủ. Khắp nơi trong ngôi nhà, bọn cướp hòa lẫn vào nhau, ăn uống. Thực tế, đây là một cái mọ của lão thủ lĩnh già mong chuốc rượu cho các kẻ thù của mình say túy lúy. Lão cũng ra lệnh cho các người vợ trẻ của lão trật vú về ra quay lượn như những con bướm ở giữa cái bàn tiệc. Ai có thể thanh toán được cái băng cướp này đây? Mọi người uống cho đến lúc say mèm. Chỉ còn hai tên tướng duy nhất ngồi lại ở bàn. Theo một dấu hiệu hẹn trước của lão Trần, Tống Quốc Thái hầu rượu. Nhưng vào lúc rót rượu, hắn đã cầm lấy khẩu súng có ổ đạn quay mà tên tướng đối địch đặt ở cạnh người, thế rồi kể lại thì lâu hơn làm, hắn đã bắn ngay hai phát, giết chết lão Trần và kẻ thù của lão. Sau đó, hắn hỏi các tên cướp khác: “Đứa nào cự tuyệt hàng tao?” Bọn cướp nhìn nhau không dám ho he một lời. Sau các sự kiện này, Tống Quốc Thái sống ở trong cái sân con của lão Trần, tất cả đàn bà đều là của hắn.

Chính Ủy say sưa kể lại chuyện này. Ông đã không huênh hoang khi cho rằng bằng cách kể của mình ông đã làm cho các cô nữ sinh phải chảy nước mắt. Sau đó ông nói rằng năm 1950, binh lính hai đại đội ban

đêm đã bao vây vào cái sân con, đến sang sớm, họ kêu gọi bọn cướp hạ vũ khí trở lại con đường tử tế. Cổng lớn bị đạn của nhiều khẩu súng máy chặn lại, không ai có thể chạy trốn. Có thể nói rằng chính ông ta đích thân tham gia trận đánh.

- Thế rồi sao?

- Mới đầu chúng kháng cự, dĩ nhiên rồi, cái sân con bị phá hủy bằng súng cối. Những đứa sống sót ném vũ khí xuống hàng nhưng Tổng Quốc Thái thì không. Những người khác đã vào lục lọi sân trong nhưng họ chỉ tìm thấy ở đấy mấy người đàn bà than khóc. Người ta nói rằng trong buồng của hắn có một lối ngầm ra núi nhưng không ai phát hiện ra và hắn ta đã biến khỏi. Bây giờ, bốn chục năm đã trôi qua. Một số người nói rằng hắn còn sống, một số khác lại cho rằng hắn đã chết, chẳng có một bằng chứng nào. Chỉ đoán chừng mà thôi.

Ông ngả vào ghế mây tiếp tục nói, bấm đầu ngón tay:

- Về đoạn sau của hắn, có ba giả thuyết: một là hắn đã chạy trốn đến một tỉnh khác, ở đấy hắn có lẽ đã làm cho mọi người quên hắn đi và sinh sống như một nông dân. Hai là hắn đã chết trong khi đánh nhau nhưng bọn cướp không nói gì đến chuyện đó. Chúng có luật riêng của chúng. Chúng có thể đánh nhau tàn bạo nhất nhưng chúng không bao giờ tin cậy người bên ngoài. Chúng có đạo đức của chúng – tinh thần thượng võ của bọn sống ngoài pháp luật – mà vẫn giữ nguyên cái tính độc ác cực kỳ. Bọn cướp cũng có tính cách kén chọn. Còn đám đàn bà, tuy bị bắt, nhưng một khi rơi vào sào huyệt rồi, họ lại thuộc về băng cướp và không phản bội chúng bao giờ, cho dù phải chịu những sự xúc phạm của chúng.

Ông gật gật đầu, không phải vì không hiểu mà đúng hơn có lẽ cảm khái vì cái sự nghĩ phức tạp của con người ta.

- Hắn rồi, và không thể loại bỏ được cái khả năng thứ ba: có lẽ hắn đã trốn vào núi, không thể ra khỏi đó nữa rồi chết đói.

- Đã xảy ra chuyện một ai đó lạc vào trong núi mà chết ở trong đó chưa?

- Còn phải nói? Không những nông dân từ các vùng khác đến hái nhặt cây thuốc ở đây mà cả thợ săn của xứ này cũng chết đói ở trong núi đấy.

- À thế? Ta cảm thấy hết sức thú vị với lời khẳng định này.

- Năm ngoái, một người trong số họ đã hơn mười ngày ở trong núi mà chẳng trở về. Bố mẹ người này trình báo chính quyền của thủ phủ tiểu khu, ở đấy người ta lại quay sang chúng tôi. Chúng tôi đã tiếp xúc với cơ quan cảnh sát của khu lâm nghiệp, và họ đã thả một con chó nghiệp vụ đi tìm. Người ta cho nó ngửi quần áo người mất tích, nó đã lần theo dấu vết anh này. Cuối cùng đã tìm thấy anh ta chết rồi, kẹt vào giữa khe nứt một tảng đá.

- Sao có thể thế được nhỉ?

- Tất cả đều có thể. Hoảng sợ, săn bắn trái phép... Săn bắn bị nghiêm cấm ở trong vùng bảo hộ. Cũng đã có một người giết chết em mình đấy.

- Mà tại sao chứ?

- Lâm thành ra con gấu. Hai anh em đặt bẫy trong núi để thu hoạch xạ hương. Cái ấy ra tiền lắm. Bây giờ bẫy đã được hiện đại hóa. Gỡ dây cáp của các công trường thi công lâm trường, một nắm con dây thép là được một cái bẫy, lên núi một ngày là đặt hàng trăm cái bẫy rồi. Vùng đất quá lớn, chúng tôi không thể kiểm soát hết được, vả lại với lòng tham của họ, chẳng có cách nào cho lại. Hai anh em nhà này đặt xong hết bẫy này đến bẫy khác trong núi rồi chia tay nhau. Nếu bằng vào lời họ nói ở trong núi này thì ra lại mê tín mất rồi, nói họ là nạn nhân của một bùa mê. Hai người đi vòng quanh một mỏm núi rồi thế nào vừa khéo họ chạm trán nhau. Trong sương mù dày đặc, người anh tưởng bóng người em là gấu, đã bắn chết. Anh ta trở về giữa đêm, mang theo khẩu súng của người em. Anh ta đặt hai khẩu súng vào cửa hàng rào bãi nuôi lợn nhà mình để mẹ anh ta nhìn thấy khi sớm mai bà cho súc vật ăn. Chẳng tạt vào nhà nữa, anh ta quay lại núi, tìm đến nơi người em chết rồi tự cắt cổ mình.

Từ tòa nhà trống không ta xuống đứng quanh quẩn một lúc ở cái sân lẽ ra có thể chứa cả một đoàn người ngựa rồi đi ra xa đường cái lớn. Vẫn không có xe cộ lẫn người đi đường. Ta ngấm núi xanh xanh mất biệt vào sương mù trước mặt. Có thể nhận ra một đường lao gỗ dựng đứng màu xám xám. Tấm chăn thực vật đã bị phá hủy hoàn toàn. Ngày xưa, trước khi con đường đến được tới đây, hai sườn núi ắt phủ đầy rừng rậm. Ta luôn thèm muốn vào rừng nguyên sinh, chẳng thể nói tại sao nó lại quyến rũ ta đến thế.

Mưa bụi không ngừng rơi, ngày một se hạt, tạo thành một tấm màn mỏng nhẹ che phủ các mỏm núi, làm nhòa nhạt đi các lũng nhỏ và khe vực. Một tiếng sấm âm âm, không rõ rệt gấm lên ở sau các đỉnh cao. Ta chợt nhận ra cái tiếng động ta nghe thấy nhiều hơn cả lại là tiếng sông ở bên dưới đường. Nó không bao giờ ngừng, mãi mãi gào thét, với cùng cái lưu lượng dữ dội như vậy. Xuống từ các núi tuyết để ném mình vào sông Mân Giang, con sông chảy với một sức dũng mãnh chở đầy một năng lượng hung hiểm mà sông nước dưới đồng bằng chẳng thể nào có được.

Mi gặp nàng ở gần nhà thủy tạ kia. Một chờ chục lơ mơ, một hy vọng mơ hồ, một gặp gỡ tình cờ, một kỳ ngộ. Lúc hoàng hôn, mi quay trở lại bờ sông. Bên dưới các bậc thang bằng đá, âm thanh trong trẻo của tiếng chầy đập áo quần lớn vồn bên trên mặt nước. Nàng đứng đó, cạnh thủy tạ. Như mi, nàng nhìn những quả núi trải dài tít tắp ở bờ bên kia, còn mi, mi không thể ngăn mi nhìn nàng. Trong cái thị trấn núi nhỏ nhoi này, nàng quá ư xuất chúng: hình dáng, phong độ, vẻ bơ vơ lạc lõng của nàng là không thể nào thuộc được vào một ai đó ở đây cả. Mi đi ra xa nhưng thâm tâm nghĩ đến nàng, rồi khi mi trở lại trước thủy tạ, nàng đã biến mất. Trời đã tối. Hai chấm đỏ của thuốc lá lập lòe sáng ở bên trong, người ta cười nói nhè nhẹ. Mi không phân biệt được mặt mũi họ nhưng theo âm sắc giọng nói mi có thể nhận ra đó là hai chàng trai và hai cô gái. Họ có vẻ cũng chẳng phải người xứ này. Giọng họ cả quyết và tiếng nói của họ vang, dù là khi đùa vui hay khi cãi vã. Lặng tai, mi nghe thấy hai đôi này giải thích cho nhau các mảnh đã dùng để lừa bố mẹ và sếp của họ, các lý do họ đã viện ra để hoàn toàn tự do lĩnh đi được. Rất hài lòng về mình, họ không ngừng phì cười. Đã qua lứa tuổi này, mi chẳng phải chịu đựng cái kiểu trở ngại này nữa, mi không còn biết đến niềm vui tương tự như họ. Có lẽ họ vừa mới đến bằng chuyến xe khách chiều nay, nhưng mi nhớ ra rằng chỉ có mỗi chuyến xe khách buổi sáng, đến từ huyện lỵ. Vậy thì họ phải đến bằng cách thức riêng của họ. Chắc nàng không cùng với họ, vì nàng không được vui vẻ như thế. Mi rời thủy tạ, đi dọc sông, bước xuống thẳng trước mặt. Mi đã thuộc nơi này: giữa cả chục cửa vào các ngôi nhà nằm ở trên bờ sông, duy nhất cái cuối cùng là một hàng bách hóa bán rượu, thuốc lá và giấy vệ sinh, rồi cái phố lát đá quay theo hướng thị trấn. Sau đó, người ta đi dọc các bức tường cao vây quanh sân các ngôi nhà, và ở bên phải, dưới cột đèn với ánh sáng vàng vọt là một cái cửa đen ngòm: lối vào cơ quan hành chính của thủ phủ tiểu khu. Đây chắc là một nơi ở cổ xưa của lớp người giàu, cái đó xét thấy ở tầm vóc cái sân và chiều cao các tòa nhà có các tháp canh ốp bên. Xa nữa, vườn rau được bức tường nhỏ bằng gạch vồ quây kín lại, và trước mặt

nó là bệnh viện. Tách biệt ra bởi một ngõ hẹp, một phòng chiếu phim vừa mới xây xong, đang chiếu một bộ phim võ thuật. Mi đã nhiều lần đảo qua khắp cái thị trấn nhỏ này và mi biết giờ các buổi chiếu tối mà chẳng cần đến gần nó. Đi bằng lối ngõ dọc bệnh viện, người ta có thể đổ thẳng ra phố chính, ở ngay trước tòa bách hóa tổng hợp đồ sộ. Tất cả đều rõ rệt trong đầu mi, tựa như mi là một người dân lâu đời của thị trấn này. Mi còn có thể nhận làm cả hướng dẫn viên được nếu một ai đó cần đến. Và mi thật sự cảm thấy có nhu cầu chuyện trò với người.

Điều mi không thấy trước là cái phố nhỏ này ban tối lại vẫn đông đúc thế này. Duy nhất chỉ bách hóa tổng hợp đã hạ tấm rèm sắt của nó xuống và khóa chốt các cửa xếp lại. Các cửa hàng khác vẫn mở toang. Có điều các quầy hàng bày ở trước cửa trong ngày đều đã được dọn đi. Thay bằng bàn, ghế tựa hay chõng tre. Người ta ăn, người ta tán gẫu trên đường phố, hay người ta xem truyền hình kê ở bên trong các cửa hiệu. Trên gác nổi lên những cái bong chuyển động của những người ở trong ngôi nhà. Người thì thối sáo, trẻ em khóc. Như thi nhau làm cho ra được lắm tiếng ồn vậy. Các máy ghi âm phát đi những bài hát mà mấy năm trước là thời thượng ở thành phố. Hát theo kiểu ẻo lả và điệu bộ, chúng vẫn cứ ăn nhập với tiết tấu hung tàn của âm nhạc điện tử. Ngồi trên bậc cửa nhà mình, một người tranh luận với người đối mặt. Lúc đó, một người đàn bà mặc may ô ba lỗ và quần soóc, đi dép nhựa xỏ nửa vời vào chân, mang một chậu nước bẩn đi ra rồi đổ hắt ra giữa phố. Trẻ con đi thành bầy thành đàn qua. Tay trong tay, vai kề vai, các cô thiếu nữ lượn quanh. Và thành linh mi lại thấy nàng, trước một quầy hoa quả. Mi gấp bước. Nàng mua bưởi, những quả bưởi mới đem đến chợ. Mi đến gần. Mi cũng hỏi giá. Nàng sờ nắn một quả bưởi đẹp, rất tròn, xanh gắt rồi đi. Mi cũng nói, mà đúng thế thật, bưởi này quá xanh. Mi đuôi kịp nàng. Cô nghĩ hè sao? Hình như mi nghe thấy nàng nói một tiếng vâng loáng thoáng rồi nàng hất đầu làm cho tóc khẽ lay. Mi hơi có chút lo ngại, sợ bị nàng tổng khử. Mi không nghĩ nàng sẽ lại trả lời tự nhiên như vậy. Lập tức mi nhẹ nhõm người và bước theo nhịp chân nàng.

- Cô đến đây cũng là để đi Linh Sơn chứ? Mi cần phải tỏ ra có duyên hơn. Nàng lại lắc lắc mái tóc. Vậy là nàng và mi đã có một ngôn ngữ chung.

- Cô có một mình?

Nàng không trả lời. Trước một hiệu cắt tóc thấp đèn huỳnh quang, mi thấy mặt nàng, rất trẻ nhưng có vẻ mỗi mệt. Như thế chỉ càng gây xúc động hơn. Nhìn một phụ nữ đầu chụp một chiếc mũ điện uốn tóc, mi nói hiện đại hóa thật là nhanh nhất ở đây. Mặt nàng hơi động dậy rồi nàng cười. Mi bắt chước nàng. Tóc nàng đen óng rủ xuống vai. Mi muốn nói tóc nàng tuyệt đẹp nhưng lại nghĩ nói thế quá lời cho nên mi thôi. Mi im lặng đi bên nàng, chẳng phải mi không muốn tiếp xúc mà vì thình lình mi chẳng tìm ra nổi chữ nào. Hơi ngượng ngập, mi muốn ra khỏi thế quần này càng nhanh càng tốt.

- Tôi đi bộ một chút với cô được chứ? Lại một câu dớ dẩn.

- Anh này đến là hay!

Hình như mi nghe thấy nàng lúng búng: một lời tán thành hay phản đối đều là có thể cả. Nhưng mi cảm thấy nàng tỏ ra thật lòng vui, thế là mi bèn đi theo nhịp chân mềm mại của nàng. Nàng đứng ra chẳng phải là một đứa trẻ và mi, mi cũng đâu có phải một chàng trai trẻ gì. Mi có ý thử quyến rũ nàng.

- Tôi có thể làm hướng dẫn viên cho cô, mi nói. Công trình kiến trúc này có từ thời Minh, ít ra đã năm trăm năm. Cái mà mi chỉ vào là bức tường vây ở đằng sau hiệu thuốc truyền thống, mái của nó chìa ra cong vút, gác trên đầu xà, trong bong tối, ánh sáng sao làm tôn thêm vẻ đẹp của chúng. Tôi nay không trắng. Cách nay năm trăm năm ở thời Minh, không, sợ rằng, mới chỉ cách nay vài chục năm thôi, ban đêm ra phố là phải mang đèn lồng. Nếu cô không tin, cô cứ việc bỏ cái phố chính này mà vào các lối ngõ đen ngòm và quạnh quẽ kia xem, chỉ cách có vài bước chân là cô đã ngoi ngước đến thời cổ ấy được rồi.

Nói tới đây, hai người đã tới trước quán *Nhất phẩm hương trà*. Cả trẻ con lẫn người lớn đang chen nhau ở trước cửa và góc tường quán trà. Nhìn vào trong, cả nàng và mi đều dừng lại. Một loạt bàn kê ở trong một gian phòng dài hẹp. Người như xếp thành hàng lối đều đặn trên các ghế dài đặt theo chiều ngang nhà và ở chính giữa là một cái bàn tròn được

phủ tấm vải đỏ viền những hình thêu màu vàng; đằng sau bàn, trên một ghế dài cao chân, một người mặc áo dài rộng tay đang kể chuyện.

“Ở đằng Tây, mặt trời đang lặn, những đám mây dày che khuất mặt trăng; như thường lệ Bố răn Mẹ răn dẫn đầu đám yêu ma quỷ quái đi đến ngôi miếu Lam Hoàng. Trước cảnh những đứa trẻ trai gái béo tốt, làn da hết sức mịn mơn, trước cảnh bò, lợn, cừu ở bên đường, niềm vui của chúng mới thật là to lớn dường bao! Bố răn bảo mẹ răn: Ôi hiền thê, vợ ta, nếu hôm nay lễ vật nhiều đến như thế này thì đó tức là ân huệ đã được trao cho nương tử rồi đấy. Mẹ răn đáp: Hôm nay là lễ sinh nhật của mẫu thân chàng, chúng ta phải trông sao cho không được để thiếu các nhạc cụ”. Lễ là phải thế, đâu để chúa hang bận lòng... Chát! Để đánh thức cử tọa, người kể chuyện đập cái phách ông cầm trong tay lên mặt bàn: “Tốt, tốt!”

Đặt phách xuống, ông lấy một cái dùi nhỏ gõ liên hồi vào một cái trống mà mặt da hơi chùng, tạo ra một âm thanh đơn điệu, còn tay kia, ông nắm lấy một vòng tròn các quả nhạc nho nhỏ, trên cái vòng tròn có khâu những mảnh kim loại lắc kêu lanh canh. Ông từ từ lắc nó rồi tiếp bằng cái giọng khan khan:

“Ngay lập tức, Bố răn truyền lệnh và ai nấy bận rộn vào việc. Trong có một lúc, ngôi miếu Lam Hoàng đã được trang hoàng và các nhạc cụ bắt đầu tấu”. Ông thô bạo cất cao giọng lên: “Con ếch liền hát om sòm, con cú ngoáy dùi trống”. Ông cố ý lấy cái giọng ngâm ngợi của các diễn viên truyền hình, gây nên một trận cười trong công chúng.

Mi nhìn nàng và cả hai đều cười. Mi, chính là chờ cái nụ cười này.

- Ta vào chứ? Mi đã tìm thấy một cái gì để nói. Mi dẫn nàng lượn quanh các bàn ghế và các chân người. Mi chọn một ghế dài hãy còn chỗ và hai người nép vào nhau để ngồi xuống. Hai người nhận thấy người kể chuyện đã làm cho gian phòng hoàn toàn hào hứng. Ông đứng dậy, lần nữa gõ cái phách lên bàn gây một tiếng ầm đĩnh tai.

“Lễ sinh nhật bắt đầu! Các yêu ma...” Thốt ra những ải, ải, ải, những ối, ối, ối, ông quay sang trái giơ một nắm tay được nắm tay kia

ôm lấy ra hiệu chúc mừng cống hỉ rồi quay sang phải vái vái hai tay, bắt chước một con yêu ma già nua: “Xin tha mạng, xin ngài tha mạng!”

- Mọi người bảo rằng ông ta kể cái chuyện này có lẽ đã cả nghìn năm rồi, mi nói thào vào tai nàng.

- Và còn có thể tiếp tục, nàng trả lời hưởng ứng.

- Lại nghìn năm nữa?

- Ừ hừ... Nàng đồng ý, miệng mím lại, như một đứa trẻ tinh quái. Mi cảm thấy trong lòng thật sự mừng rỡ.

“Lại nói Trần Pháp Thông kia đã đi trong có ba ngày chuyển hành trình bình thường lâu phải bảy lần bảy bốn mươi chín ngày đến chân dãy núi Đông Cung. Hắn đã gặp Vương đạo sĩ. Pháp Thông quỳ xuống trước mặt Vương: Kính chào sư phụ tôn kính. Người đạo sĩ đáp lại: Chào người thí chủ tôn kính. Xin hỏi, chùa Lam Hoàng ở đâu vậy? Mà sao hỏi thế? Đẳng ấy đã xuất hiện những yêu ma quỷ quái hung dữ, chúng đều đáng sợ cả, ai dám đi tới đó đây? Kể tôi tớ của người, họ Trần, tự Pháp Thông đặc biệt tới đây để bắt con yêu ma quỷ quái ấy. Người đạo sĩ thở dài nói: Thương thay, đám con trai con gái hôm nay vừa đi tới đó cả rồi, ai biết liệu đã vào bụng bọn yêu ma hay chưa đây? Nghe nói thế, Pháp Thông kêu lên: Ầi! Cần phải cấp tốc đi cứu ngay bọn chúng!”

Chát! Người kể chuyện cầm trong tay phải chiếc dùi trống và tay trái lắc vòng lục lạc. Ông lộn ngược lòng trắng mắt, mồm lăm rậm và toàn thân run lẩy bẩy... Mi người thấy một mùi thơm tinh tế xuyên qua mùi thuốc lá và mồ hôi khó chịu. Nó tỏa ra từ tóc nàng, nó tỏa ra từ nàng. Mi nghe thấy cả tiếng cắn hạt dưa tí tách của người ngồi cạnh mi không rời mắt kể chuyện mặc áo dài lễ hội. Tay phải ông nắm đao, tay trái nắm sừng rồng. Ông nói mỗi lúc một gấp, tựa hồ ông búng từ hai môi ông ra một chuỗi những hạt ngọc trai vậy.

“Ba lần, chát chát chát, ông phát ra ba lệnh thúc quân để tập hợp thiên binh thiên tướng nhà trời tại những núi Lư Sơn, Mao Sơn, Long Hồ Sơn, ối, a ha ha, cắc tà rừng tùng chèo, ầy à à à ô hô... Đức Ngọc hoàng Thượng đế, đức Nữ vương dưới trần, tôi là đồ đệ của Chân quân đại đế

đây, người phải tôi đi giết đám yêu ma quỷ quái. Kiếm trong tay, tôi bay đi các nơi bằng bánh xe lửa và gió...”

Nàng quay lại rồi đứng lên. Mi theo sau, trèo qua chân khan giả đang nhìn mi với những con mắt giận dữ.

- Họ hỏa tốc cứ y như chiếu chỉ của nhà vua ấy!

Tiếng cười ran lên ở sau nàng và mi.

Cô sao không? Chẳng sao cả?

Sao không ở lại?

Tôi hơi lợm giọng.

Cô khó chịu à?

Không, tốt rồi. Ở trong đó tôi không thở được.

Hai người đi trên phố, những người ngồi chuyện gẫu ở hai bên phố nhìn họ.

Ta tìm một chỗ yên tĩnh, đồng ý không?

Vâng.

Mi kéo nàng vào một ngõ hẹp, bỏ tiếng râm ran và các ánh đèn lại sau. Trong ngõ hẹp, không cột đèn, chỉ có ánh sáng vàng vọt lọt qua cửa sổ các ngôi nhà. Nàng chậm chân lại. Màn diễn mi vừa mới xem lại trở lại đầu óc mi.

Cô có thấy cô và tôi chúng ta hai đứa giống như bọn yêu ma quỷ quái người ta muốn đuổi đi không?

Nàng phì cười.

Không kìm được, hai người cười phá lên, nàng phải gấp người lại.

Giấy da của nàng vang lên đặc biệt trên các tảng đá lát. Đầu ngõ có một thửa ruộng. Trong ánh sáng yếu ớt, người ta lơ mơ nhận ra vài căn nhà. Mi biết đấy là trường trung học phổ thông duy nhất của thị trấn này. Xa nữa, trong đêm xám đen, dưới ánh sao nhợt nhạt, các dãy núi dựng lên. Gió nổi. Một trận gió mát bắt đầu thổi, rồi nó quay lại nấu ản trong mùi thơm dịu nhẹ của rơm rạ lúa. Mi tựa vào vai nàng. Nàng không dịch ra. Hai người không nói gì nữa, men theo các bờ ruộng nhờ nhờ trắng đi lên.

Em thích không?

Thích.

Em không thấy thế này tuyệt vời ư?

Em không biết, em không nói ra được. Đừng hỏi em.

Mi nép sát vào tay nàng, nàng cũng nép sát vào mi. Mi cúi đầu xuống để nhìn nàng. Mi không phân biệt thấy các nét và mắt nàng, chỉ thấy mũi nàng nhọn. Mi hít hơi thở ấm áp của nàng, nó đã quen thuộc với mi. Thành linh dàng dừng lại.

Chúng ta về đi, nàng thì thầm.

Về đâu?

Em phải nghỉ.

Anh đưa em về.

Em không muốn ai đưa em.

Nàng trở thành bướng bỉnh.

Em có bạn hay gia đình ở đây không? Hay em chỉ đến đây tiêu khiển.

Nàng không đáp. Mi không biết nàng từ đâu đến và nàng đi đâu. Mi chỉ có thể đưa nàng ra đến phố. Nàng bỗng bỏ đi và biến mất ở đầu cùng con phố nhỏ, như một câu chuyện, hay như một giấc mơ.

6

Ở độ cao hai nghìn năm trăm mét, trại quan sát gấu trúc ướm đầm những nước. Chăn mềm của ta bão hòa độ ẩm. Ta đã qua hai đêm ở đây. Trong ngày, ta mặc chiếc áo blu đông bằng lông chim trại cấp cho. Người ta lớp nhóp vì ẩm. Lúc thú vị duy nhất đến là khi được ăn trước lửa, thưởng thức một bát canh nóng. Một nồi nhôm to móc lên xà ngang của nhà trú ẩn bằng một sợi dây thép để dùng làm bếp. Bên dưới, cành cây chất đống, không bỏ chẻ. Chúng cháy dần dần bên đống tro. Những ngọn lửa cao bốc vọt lên thay cho đèn đóm thấp sáng. Mỗi bận ta đến bên lửa để ăn, một con sóc không thể thiếu được lại đến bên bếp, đảo hai con mắt tròn xoe. Và chỉ vào lúc ăn cơm tối, mọi người mới có thể quây quần. Đùa rởn. Đến cuối bữa, trời đã đen hẳn, khu trại được rừng sâu tăm tối khoanh lại, mọi người len lỏi trong các nơi ẩn núp của họ để làm những công việc riêng dưới ánh đèn dầu hỏa.

Đã nhiều năm dài đặc họ ở nơi sơn cùng thủy tận này. Họ đã nói hết những gì họ cần phải nói. Họ không có một tin tức nào của bên ngoài. Chỉ một người Khương vùng núi mà họ muốn là mang một cái gùi trên lưng gồm rau xanh và những miếng thịt lợn hay cừu từ cái làng cuối cùng của vùng núi đây, Đèo Ngựa Long, ở trên độ cao hai nghìn năm trăm mét. Trung tâm quản trị khu bảo tồn tự nhiên còn ở xa hơn cái làng. Mỗi tháng họ chỉ thay phiên nhau xuống đó có một lần, thậm chí ít hơn, để nghỉ ngơi một hai ngày. Họ đến đây để cắt tóc, tắm gội hay làm một bữa ăn ngon. Khi họ đã tích cóp được các ngày nghỉ, họ lấy xe của khu bảo tồn tự nhiên đi thăm bạn gái ở Thành Đô hay để trở về gia đình sống tại các thành phố khác. Với họ, cuộc sống chỉ bắt đầu từ lúc ấy. Ở trại, họ không có báo, không nghe đài phát thanh. Tổng thống Reagan, cải cách kinh tế, lạm phát, diệt trừ ô nhiễm tinh thần, giải thưởng Trăm Hoa của điện ảnh v.v..., cái thế giới ồn ã ấy, quá xa vời với họ, đã ở lại trong thành phố. Chỉ một người tốt nghiệp đại học được điều về đây năm ngoái là không rời khỏi tai đôi máy nghe mà thôi. Lại gần anh ta, ta nhận ra rằng anh ta học tiếng Anh. Một thanh niên khác học dưới ánh sáng

ngọn đèn dầu hỏa. Cả hai chuẩn bị dự thi trở thành phó tiến sĩ chỉ cốt để rời được khỏi chỗ này. Một người khác nữa ghi lên bản đồ trắc địa bằng máy bay từng tín hiệu radio anh ta thu nhặt trong ngày. Các tín hiệu ấy phát ra từ các máy phát sóng mà người ta trang bị vào cổ để các con gấu trúc bị bắt sống rời lại được thả về rừng bạt ngàn.

Nhà thực vật học già đi với ta khắp các quả núi này hai ngày vừa qua đã đi nằm. Ta không biết ông ta ngủ hay thức. Nằm trong những tấm chăn ấm xì, mặc nguyên quần áo, ta không tài nào làm cho mình ấm lên được. Ta có cảm tưởng nào ta cũng bị đông lạnh. Tuy vậy bên ngoài những dãy núi này, đã là tháng Năm xuân sắc. Ta cảm thấy một con bọ ve cắn má đùi ta. Trong ngày, chắc nó đã leo qua ống quần ta khi ta bước trong cỏ. Nó to bằng móng tay út và rắn căng như một cái sẹo. Ta bọ nó rất mạnh mà không dứt nổi nó ra. Ta biết rằng kéo nó mạnh nữa, ta có cơ làm nó đứt thành hai, vì miệng nó cắn chặt vào thịt rồi. Ta chỉ còn cách nhờ một công nhân ở trại nằm trên giường ngủ cạnh ta giúp cho thôi. Anh ta bắt ta cởi quần áo, phát cho ta một cái thật mạnh vào đùi, vừa phát vừa giật con quỉ hút máu kia ra. Anh ta ném nó vào một ngọn đèn và một mùi bánh rán nhồi thịt bốc lên. Anh ta hứa sẽ đưa ta một đôi xà cạp vào ngày mai.

Trong nơi ẩn núp, yên tĩnh hoàn toàn bao trùm, chỉ nghe thấy nước nhỏ giọt, ở bên ngoài, trong rừng. Xa xa, gió lại gần, hú rít trong các lũng thăm thẳm đằng xa. Rồi nước bắt đầu rỉ ra ở trên vách gỗ, trên đầu ta, ngay trên tấm chăn của ta. Mưa ư? Ta tự hỏi một cách bản năng. Bên ngoài, bên trong, mọi cái đều ẩm hết, và nước chảy từng giọt, từng giọt... Khuya hơn nữa, ta nghe thấy một tiếng quất đánh đét vừa rõ vừa nặng, lan đi trong lũng.

Cái này là ở Hòn đá trắng đây, ai đó nói.

- Sư nó, chúng bắn trộm, người khác chửi.

Tất cả đều thức dậy, ít ra họ chưa hề ngủ.

- Mấy giờ rồi?

- Nửa đêm kém năm phút.

Chẳng ai nói thêm nữa, tựa như người ta chờ một phát súng thứ hai. Nhưng không nghe thấy gì nữa. Trong bầu im lặng bị phá vỡ đang còn treo lại lơ lửng, chỉ những giọt nước ở bên ngoài nơi trú ẩn và các xao động đang tắt lịm trong lòng là vang lên mà thôi. Thành linh có cảm giác nghe thấy bước chân một thú rừng. Ở đây là thế giới của thú dữ, ấy vậy mà, con người nào có để cho chúng yên đâu. Trong đêm tối, ở khắp mọi ngả, người ta đoán ra sự rậm rịch, sự vận động. Đêm càng tỏ ra nguy hiểm hơn vì thế, nó đánh thức dậy ở trong mi nỗi sợ thường trực bị rình mò, theo dõi, sắp sa vào một cái bẫy. Không thể tìm thấy sự thanh thản mà mi đòi hỏi nồng nhiệt biết bao nhiêu...

- Nó ở đấy đấy!

- Ai?

- Bối Bối^[4]! – Anh sinh viên hét.

Náo loạn trong nơi trú ẩn. Mọi người nhảy ra khỏi giường.

Ở bên ngoài, tiếng thở và tiếng gầm gừ của một cái mõm. Con gấu trúc ốm hậu sản mà họ đã cứu sống đang trở về, đói, tìm cái ăn! Họ đang chờ nó đến. Họ tin nó sẽ quay trở lại. Hơn mười ngày nay, họ đếm ngày đếm giờ khẳng định nó sắp trở lại. Nó phải trở lại trước khi măng non nhú và đúng là đang xảy ra như thế. Cái vật báu của họ đang lấy móng gại gại các ván vách.

Một người trong họ thoát đầu mở hé cánh cửa rồi lúi ngay ra với cái xô đầy cháo ngô trong tay. Tất cả theo sau anh ta. Trong đêm tối hình thù màu sắc mờ nhòa đi hết, một khối to tướng đen sì đứng đưa đi đến. Người kia bèn đổ ngay cái xô vào một chậu thau, con gấu trúc tiến đến, nó thở mạnh khiến phát ra tiếng gầm gừ lớn. Mọi cây đèn pin đều chĩa vào con thú rừng, vào thân hình màu xám trắng, vào cái lưng đen sì và đôi mắt viền quầng đen của nó. Nó chẳng bận tâm gì đến sự đó mà chỉ mãi ăn, chẳng cả ngẩng đầu lên. Ai đó muốn chụp ảnh nó: ánh đèn chớp chớp suốt đêm tối. Lần lượt từng người đến gần con vật, sờ sờ nó, vuốt ve bộ lông nó cứng như lông lợn. Nó ngẩng đầu, mọi người vội ù té

lảng xa để trở vào gian trú ẩn. Đây là thú dữ: con gấu trúc vạm vỡ có sức đánh nhau với cả một con báo. Lần đầu tiên đến ăn ở trong cái chậu thau bằng nhôm đầy thức ăn, nó đã xơi cùng lúc luôn cả cái dụng cụ mà sau đó nó thải ra thành những miếng nho nhỏ. Lúc đó người ta đi theo các dấu vết chân cầu nó. Ở trại nuôi gấu trúc nằm trong trung tâm quản trị, dưới chân núi, một nhà báo muốn tỏ ra rằng gấu trúc cũng lành hiền như một chú mèo con đã thử ẵm một con trong tay để chụp ảnh. Một nhát móng cào, con vật đã bấu đứt mất bộ phận sinh dục của anh ta, người ta đã phải gửi ngay anh đi Thành Đô bằng xe jeep để cứu mạng.

Khi nó đã ăn xong, con gấu trúc ngoạm vào cây mía rồi ve vẩy cái đuôi to đùng mà biến vào trong cái bụi tre mũi tên ở gần trại.

- Tôi đã bảo hôm nay là Bối Bối về mà lại.
- Thường thường nó hay về vào lúc này, giữa hai ba giờ.
- Tôi nghe thấy nó gầm gừ khi nó cào cửa.
- Biết ăn xin đấy, con đểu!
- Đói meo mà, ăn hết cả xô.
- Tôi đã sờ vào nó, béo ra.

Họ hào hứng bàn bạc từng chi tiết: ai nghe thấy đầu tiên, ai mở cửa trước, người ta thấy nó qua khe cửa thế nào, nó theo người ta vực đầu vào xô ra sao, nó ngồi xuống cạnh cái chậu thau thế nào, nó ăn hùng hục thế nào. Một người còn giải thích rằng anh đã cho đường vào cả cháo ngô của gấu trúc. Nó cũng thích cầu ngọt đấy! Lúc bình thường những con người này rất ít trò chuyện thì giờ đây như thế họ đang nói đến người tình khi họ nói về Bối Bối.

Ta xem đồng hồ, tất cả chuyện vừa rồi chỉ lâu chừng mười phút nhưng họ nói mãi nói hoài. Những ngọn đèn dầu đã được thắp lên và nhiều người ngồi ngay ngắn ở trên giường. Sự kiện này hẳn nhiên là một an ủi trong cuộc sống đơn điệu, cô đơn của họ ở trong núi. Rồi họ quay ra nói đến Hán Hán^[5], một con gấu trúc khác. Tiếng súng vừa dội

lên làm cho họ lo lắng. Hán Hán đã bị một nông dân tên là Lãnh Chí Trung giết chết ở trong núi. Lúc đó, họ nhận được các tín hiệu của Hán Hán cứ chỉ mãi có một điểm cố định, tựa như con vật không đi lại nữa. Xét thấy có thể nó ốm mà tình trạng nghiêm trọng, họ lên đường tìm. Họ đã đào ở trong rừng ra xác của Hán Hán vùi dưới lớp đất rõ ràng mới xới lên cùng với cái cổ dề gài máy phát sóng. Rồi với con chó săn đi cùng, họ đeo đuổi việc tìm kiếm đến tận nhà tay Lãnh Chí Trung kia, ở đấy họ tìm ra bộ da cuộn tròn lại của con vật treo bên dưới mái chèo. Tín hiệu một con gấu trúc khác nữa tên là Lài Lài^[6], con này bị bắt và cũng đeo một máy phát sóng, đã im lìm hẳn trong bao la của rừng rú. Một con báo cắn cái cổ dề đã làm đứt nó hay con vật sa phải một thợ săn ranh ma hơn, hẳn đã lấy bóng súng đập vỡ cổ dề, cái này không thể nào biết được.

Khi trời sắp rạng, hai phát súng lại vang lên ở dưới trại. Tiếng vọng của chúng, làm ngọt ngọt, kéo dài mãi ở trong lũng, như khói súng đại bác phất phơ bay lúc đạn nổ ở đầu nòng, chẳng muốn loãng tan đi.

Mi tiếc đã không đặt ra với nàng một lần hẹn, mi tiếc đã không đi theo nàng, mi tiếc đã thiếu dũng cảm đã không bám riết lấy nàng, không có kích động và lãng mạn, không có ảo huyền. Tóm lại, mi tiếc đã tuột tay. Mi thường hiếm khi mất ngủ vậy mà đã không ngủ đêm qua. Sáng đến mi cảm thấy mi ngớ ngẩn, nhưng may thay, không mụ mị. Sự đột ngột này đã làm lòng tự ái của mi bị tổn thương nhưng mi lại ghét cái sự quá tỉnh táo của mi. Mi không biết yêu, mi yếu hèn đến mất đi cả khí phách đàn ông, mi đã đánh mất năng lực hành động. Cuối cùng mi cũng đã quyết định ra bờ sông thử vận may xem.

Mi ngồi trong thuyền tạ ngắm phong cảnh trước mặt như người chuyên thu mua vật liệu gỗ đã khuyên. Buổi sáng, bến phà tấp nập, sôi sục. Người ta bị lèn chặt trên phà mà đường mòn nước đã lên tới quá cập. Phà vừa cập bến, dây dợ chưa cột buộc, hành khách đã chen lấn, xô đẩy nhau để xuống ke. Các sọt tre treo trên đòn gánh và các xe đạp đẩy bằng tay va quệt nhau, người ta chửi thề, người ta chen nhau lên phía thị trấn. Phà qua sông rồi lại quay lại để cho những người chờ trên bờ bên kia được qua. Cuối cùng, bến phà trở lại im ắng. Mi ngồi một mình trong thuyền tạ, như một thằng ngu, rất ưu tư chờ một cuộc hò hẹn chưa từng được xếp đặt, một người đàn bà đã biến đi không để lại dấu tích, như mơ giữa ban ngày. Thực chất, mi sống buồn tẻ, không một tia lửa không một đam mê đến quấy đảo cuộc đời nhợt nhạt của mi, nó chỉ cứ là buồn chán thế. Mi có còn ý định bắt đầu lại đời mi, bắt đầu đi kinh lịch, thử nghiệm một hồi nữa không đây?

Thình lình bờ sông lại náo hoạt nhưng lần này toàn là đàn bà. Họ sát cánh nhau trên những bậc đá chặn nước, họ giặt quần áo, rửa rau hay vo gạo. Một cái thuyền mui bằng chiếu tre sắp cập bờ, tay sào ở mũi thuyền kêu lên về phía họ. Họ bèn lúu rú í ới, không nhường chỗ cho người này. Mi không phân biệt được nổi đây là trò ghẹo cột hay cãi cọ nhau thật sự. Rồi cuối cùng, mi lại thấy hình dáng nàng. Mi bảo nàng mi nghĩ rằng nàng sẽ lại đến, rằng nàng sẽ đến bên thuyền tạ này, cái thuyền tạ

mà mi thấy thích kể lịch sử với nàng. Mi bảo rằng lịch sử thủy tạ này mi nghe được ở một ông già, ông cũng ngồi ở đây, gần như que củi, mấp máy đôi môi bị gió máy làm cho khô không khốc, càu nhàu càu nhàu như một con ma. Nàng nói nàng sợ ma, thế là mi liền khẳng định luôn rằng vậy thì nghe nó u u như gió vuốt trên đường dây cao thế. Mi nói cái thị trấn này đã sớm được ghi nhận trong *Sử Ký* của Tư Mã Thiên^[7], bên phà trước mặt hai người đây xưa gọi là Bến Vũ, như người ta bảo thế, chính Vũ Vương trị thủy ở chỗ này mà. Trên bờ sông, một tảng đá tròn chạm khắc, người ta lờ mờ đọc được trên đó mười bảy chữ cổ hình con nòng nọc. Bởi chẳng ai đọc nổi những chữ này cho nên người ta đã đánh mòn đá để xây cầu, nhưng bởi không đủ vốn cho nên cuối cùng cầu lại không làm được. Mi chỉ cho nàng xem các cột có các hàng câu đối của bàn tay một bậc thầy thời Tống viết ra. Cái núi Hồn mà mi đến tận đây để tìm ấy đã được cổ nhân ghi lại cũng từ lâu rồi. Nông dân sống hết đời này qua đời khác ở đây không biết lịch sử nơi đây, mà họ cũng chẳng biết gì hơn đến cả chính ngay lịch sử của họ. Nếu người ta viết ra giấy, không bịa đặt thêm thắt không ẩn giấu lịch sử của từng người từng người sống ở trong những cái sân, các gian phòng áp mái của thị trấn này thì các tiểu thuyết gia sẽ phải trợn mắt. Mi hỏi nàng có tin là như thế không. Thí dụ bà cụ móm mém kia, da nhăn nheo như ca la thầu ngâm xì dầu, y như một xác chết còn sống, đang ngồi trên bậc cửa nhà bà cụ nhìn đờ đẫn, chỉ có hai tròng mắt tắt ngấm là còn động đậy ở dưới đáy hai hố mắt sâu hoắm, ngày xưa bà cụ đã ném những giây phút huy hoàng của mình, trong vài chục dặm quanh vùng đây, bà cụ từng có tên trong các nhan sắc nhất hạng nhị hạng của cái xứ này. Ai người chưa từng chiêm ngưỡng bà cụ cơ chứ? Bây giờ ai hình dung ra nổi được phong độ trước kia của bà cụ? Mà càng không thể hình dung ra được cái thời bà cụ là vợ một tên tướng cướp. Tướng cướp là Đệ nhị Chúa công của cái thị trấn này thời xưa. Lúc bấy giờ, trẻ già đều gọi hần là Đệ nhị Chúa công, phần nào để phỉnh hần nhưng trước hết vì kính trọng, “đệ nhị” vì thức bậc của hần ở trong gia đình và cũng vì hần là “anh em kết nghĩa ăn thề” trong nội bộ một băng cướp. Tuy cái mảnh sân bà cụ đang ngồi trước nó bé nhưng khi vào trong rồi, ta lại thấy những sân khác lần lượt nối nhau, vào thời ấy, bọn cướp đổ ra trên những sân này hàng thúng hàng thúng bạc. Lúc này bà cụ đang chăm chăm nhìn vào con thuyền mũi bằng những

liếp tre. Bà cụ thời xưa bị cướp đi chính là trên một cái thuyền loại thế này. Thời đó bà cụ giống như các cô gái với bím tóc dài đang vỗ đập áo quần trên các bậc đá kia. Khác một điều là ngày ấy bà cụ xuống rửa rau, một rổ tre trong tay, đi guốc gỗ chứ không phải giày nhựa. Một con thuyền đập liếp ghé sát, chưa hiểu cái gì xảy ra, hai người đàn ông đã bẻ vạy tay cô lại, đẩy cô lên thuyền: trước khi cô có thể kêu cứu, người ta đã buộc chặt miệng cô lại. Thuyền đi chưa tới năm dặm, cô đã bị nhiều tên cướp chiếm dụng. Trong con thuyền này, giống như mọi con thuyền xuôi ngược dòng sông đã nghìn năm nay, dưới tấm phen tre, những xâm phạm như thế diễn ra giữa thanh thiên bạch nhật. Đêm đầu tiên, cô nằm miết trên mui, trần truồng như nhộng, nhưng ngay từ đêm thứ hai, cô đã nhóm lửa ở mũi thuyền, chuẩn bị cơm nước...

Mi nói nữa đi, nói gì nhỉ? Nói cô đã trở thành vợ của Đệ nhị Chúa công như thế nào. Cô cứ là như thế, ngồi trên bậc cửa chứ? À, vào thời ấy, cô chưa có cái nhìn chết lạng thế này. Cô luôn mang bên người một khung tre và vá may, thêu thùa. Với những ngón tay trắng trẻo, nếu không thêu *uyên ương rốn nước* thì cô thêu *công múa xoè đuôi*. Cô đã thay bím tóc bằng một búi tóc giữ bằng một cái kẹp bạc khảm ngọc bích, đôi lông mày vẽ tô của cô tôn mặt cô lên, và mặc dù vẻ quyến rũ của cô, chẳng ai dám nói năng với cô một lời. Người ta biết rất rõ rằng trong cái khung tre có xếp các sợi chỉ nhiều màu, nhưng bên dưới là một cặp súng lục đen xì, bóng loáng bắn hai mươi phát; nòng luôn nạp đạn. Chỉ cần binh lính chính quy từ một con thuyền cập bờ đổ xuống, hai bàn tay rất thạo thêu kia liền lần lượt bắn gục từng đứa trong khi Đệ nhị Chúa công, có tài thoát hiện thoát ẩn như thần, cứ việc ngủ thoải mái. Sở dĩ người đàn bà này được Đệ nhị Chúa công lưu lại, đó là vì cô tuân theo câu tục ngữ quy định cái phận đàn bà: “Lấy gà làm chồng, theo gà, lấy chó làm chồng, theo chó”. Nhưng trong thị trấn, không có ai tố giác sao? Ngay đến con thỏ rừng còn hiểu không được ăn cỏ gần hang của nó. Vậy mà cô đã sống sót, như thế có khác nào một điều diệu kỳ. Chừng nào tướng cướp Đệ nhị Chúa công tên tuổi lừng lẫy và nhân từ còn sống, chừng ấy không một bạn bè nào của hắn đến thăm bằng thủy bộ hay bằng những cách thức khác, lại có bao giờ dám rắp xin lấy ân huệ của cô đâu bởi vì lập tức kẻ đó sẽ tìm thấy cái chết ở chính tay người đàn bà. Tại sao chứ? Đệ nhị Chúa công tàn ác đấy, nhưng người vợ còn tàn ác hơn. Ở mặt này, đàn

bà vượt lên trên đàn ông. Nếu em không tin ta, em có thể đi hỏi giáo sư Ngô dạy ở trường trung học phổ thông thị trấn này. Ông chuẩn bị một tập truyện lịch sử địa phương. Phòng du lịch vừa mới lập ở thủ phủ huyện đặt ông làm. Trưởng phòng du lịch là cậu ruột vợ của người cháu giáo sư Ngô, không như thế thì cái việc này có lẽ chẳng đến tay ông. Tất cả những ai cầm rỗi ở mảnh đất này đều biết các chuyện lịch sử về nó và ông không phải là người duy nhất có thể viết được, nhưng, ai mà chẳng mong mỗi lưu danh lại là nhà sử học? Hơn nữa, khi việc đó cho phép lĩnh một khoản trợ cấp, không phải nhuận bút ứng trước mà là tiền thù lao cho việc làm ngoài giờ. Ngoài ra, giáo sư Ngô lại xuất thân từ gia đình quan lại địa phương lâu đời, trong cách mạng Văn Hóa, các sổ sách bọc lụa vàng mà người ta đem ra khỏi nhà ông rồi đốt cháy công khai, trải ra dài đến bốn mét. Tổ tiên ông đều vang danh, dù là tướng coi quân cấm vệ của triều đình hoàng đế Văn Đế nhà Hán hay là hàn lâm học sĩ trong thời Quang Tự nhà Thanh, nhưng sự buồn phiền bắt đầu từ vài chục năm nay, vào đời bố ông, khi chia ruộng đất trong cuộc cải cách điền địa, khi họ được khoác vào lưng cho cái ba-lô “địa chủ”. Bây giờ, ông sắp tới tuổi về hưu. Người anh cả của ông đi định cư ở nước ngoài, từng bật tin tức và rồi cuối cùng lại hóa thành giáo sư, đã trở về thăm nước trong một chiếc xe con, có huyện phó hộ tống. Ông anh đã mang cho ông em một máy truyền hình màu, bây giờ cán bộ thị trấn nhìn ông em bằng một con mắt khác. Thôi, không nói chuyện ấy. Đúng, giữa đêm, nông dân nổi loạn đã cầm đuốc đốt gần sạch hết cái phố. Ngày xưa, phố chính của thị trấn là bờ ke dọc sông, bến xe đường dài hiện nay là ở vị trí của miếu thờ Long vương, ở đầu cái phố này. Vào thời ngôi miếu chưa phải là một đồng gạch, ngày rằm tháng Giêng âm lịch, trong đêm hội, tìm một chỗ ở sân khấu trong miếu để ngắm múa rồng đến từ mọi làng của hai bờ sông quả là một kỳ công. Mỗi toán đeo một băng thuần một màu đỏ, vàng, lam, trắng hay đen tùy theo màu con rồng của toán ấy. Chiêng, trống khua vang theo nhịp, trong phố, người ta chen chúc nhau. Dọc bờ sông, các cửa hiệu treo ở đầu một cây sào tre một phong bao đỏ đựng một món tiền hoặc ít nhiều, hiệu nào cũng muốn kéo tài lộc đến với buôn bán của mình nhờ treo cái tặng vật này. Thường thường phong bao đỏ của chủ cửa hàng gạo ở gần trước mặt miếu Long vương là hậu hĩ nhất, các bánh pháo kép năm trăm quả thả từ trên nóc nhà ông ta xuống đến tận đất. Trong tia lửa nổ ran tung tóe, đám trẻ đem hết sức lực hoa

hoa các cây đèn, tạo thành một điệu múa kết thúc trong cơn lốc quay tròn. Người mang đầu rồng và tung hứng với một quả cầu thêu nhiều màu càng phải bỏ sức nhiều hơn. Khi hai con rồng đến nơi, một cửa làng Cốc Lai, màu đỏ và một, màu lam của ngay thị trấn đây, do Ngô Quý Tử cầm đầu... Đừng nói nữa, có chứ, tiếp tục đi. Em muốn ta nói về con rồng lam? Em muốn ta nói rằng cái tay Ngô Quý Tử kia là một nhà vô địch lòng lầy ở thị trấn này phải không? Nhìn thấy cha này, không một người đàn bà đôi chút lẳng lơ nào mà lại giữ nổi cho con mắt không lúng liếng. Hoặc họ gọi cha này để mời một chút trà hoặc họ biếu cha một bát rượu trắng... Còn! Còn sao? Cứ nói đi, thích gì anh cứ nói. Ngô Quý Tử này cho con rồng lam múa suốt dọc đường. Một làn hơi nóng bốc lên ở khắp người Ngô. Đến trước miếu Long vương, cha này ngang nhiên cởi chiếc áo khoác không ống tay ra ném vào những người qua đường xem biểu diễn, để lộ ra một con rồng lam xăm ở ngực. Lập tức đám trẻ quây quanh liền hoan hô ầm ầm. Lúc ấy, con rồng đỏ của Cốc Lai đến từ đầu phố đằng kia. Hai chục trai trẻ cùng lứa tuổi, đầy hăng hái, cũng đến chiếm lấy chiếc phong bao đỏ của ông chủ cửa hàng gạo. Lập tức, hai con rồng bắt đầu múa, không con nào chịu nhường con nào. Trong những cái đèn tạo thành rồng, con đỏ con lam, các ngọn nến cháy sáng, lúc đó người ta chỉ còn thấy hai con rồng lửa quay đảo trong đám đông, vươn đầu, quẫy đuôi. Ngô Quý Tử vờn quả cầu lửa, xoay tròn với hai cánh tay trần ở trên các tầng đá lát đường, kéo con rồng lam vào một vòng quay rục lửa. Con rồng đỏ không chịu thua kém. Không rời mắt khỏi quả cầu bằng vải thêu, nó bò rạp rồi lô xô đánh sóng, như một con rết quắp ở trong miệng một con mối sống. Khi tràng pháo kếp năm trăm quả vừa nổ hết, bọn trẻ con cho nổ các chất nổ khác. Hai đám múa thở hổn hển, mồ hôi lặn trên người làm cho họ giống như những con cá vừa vớt ra khỏi ao. Họ chen nhau gần quây hàng để giành nhau cái phong bao đỏ treo ở đầu một cây sào, cuối cùng một gã trai của làng Cốc Lai đã nhảy lên chop lấy nó. Đám của Ngô Quý Tử không chịu được sự hạ nhục này. Những lời chửi rủa văng ra từ hai đám liền át đi tiếng pháo và hai con rồng thì đập vào nhau không tài nào gỡ ra nổi. Người xem không thể nói ai đã khởi đầu, nhưng muốn gì thì họ cũng đều đã ngứa ngáy hai quả đấm. Các trận đánh nhau thường mở đầu như vậy. Những tiếng kêu sợ hãi lan đi, do đàn bà trẻ con thốt ra, những người đàn bà ngồi trên các ghế dài ở trước cửa nhà họ vội mang trẻ nhỏ trở vào, để lại những cái ghế

làm vũ khí cho đám đánh nhau. Ở thị trấn này có một nhân viên cảnh sát, nhưng lúc này, hoặc người ta đã mời hắn uống rượu hoặc hắn đang mải xem đánh bài, thu một khoản phần trăm lấy từ cờ bạc vì người ta không ai mất công không để giữ gìn an ninh trật tự. Loại đánh lộn trong dân chúng này không kéo theo kiện cáo. Kết quả của trận đánh là một người chết trong đám múa rồng lam và hai trong đám rồng đỏ, không tính người em của Tiểu Anh Tử vô cớ bị đám đông dè ngã rồi bị giẫm bẹp, vất bỏ lại với ba chiếc xương sườn gãy. May sao hắn đã được cứu sống nhờ cái cao “da chó” tổ tiên tay Đường Rỗ mặt truyền lại, Đường Rỗ mặt mở một cửa hiệu ở cạnh *Hỉ Xuân Đường*, nhà này quanh năm ngày tháng thấp một ngọn đèn đỏ. Tất cả những thứ đó đều là chuyện tầm phào nhưng người ta cũng có thể coi chúng như các chuyện kể, mi có thể tiếp tục kể cho nàng. Nhưng nàng không muốn nghe mi nữa.

8

Ở bên dưới trại, trong rừng thích và đoan, nhà thực vật học đi kèm ta vào núi đã phát hiện một cây sồi khổng lồ, cao hơn bốn chục mét, hóa thạch thực vật duy nhất sống từ thời kỳ sông băng, lâu đã hơn một triệu năm. Phải ngửa cổ mới nhìn thấy những lá non tí xíu ở đầu cùng các cành cây trơ trụi. Thân cây bị khoét một lỗ lớn có thể làm hang cho một con gấu. Nhà thực vật học già cho ta vào đó, bảo đảm nếu một con gấu trú trong đó thì nó chỉ ở đó vào mùa đông. Ta trườn vào, các vách rêu phủ mượt như nhung. Ở bên ngoài cũng thế, cái cây to lớn cũng phủ những rêu mượt như nhung. Rễ và cành chằng chịt luồn vào nhau như rỗng như rần ở trong các bụi cây và cỏ cao.

- Này chàng trẻ tuổi, đây là tự nhiên ở trạng thái đích thực mai đại đầy nhá. Ông nói, gõ cái mỏ cuốc chim vào thân cây sồi. Ông gọi tất cả các thành viên của khu bảo tồn là “chàng trẻ tuổi”. Ở cái độ tuổi sáu mươi, ông giữ được sức khỏe rất tốt. dùng cái cuốc chim như cây gậy chống, ông đi không ngừng khắp cùng núi non.

- Họ đốn các cây quý để lấy vật liệu. Nếu không có cái hốc này cây sồi đây có lẽ cũng đã tiêu luôn mất rồi. Đây không còn là rừng nguyên sinh theo nghĩa hẹp của từ ấy nữa, quá lắm chỉ là một rừng nguyên sinh “hạng hai”, ông thở dài.

Ông đến thu thập mẫu vật của cây trúc-mũi tên, thức ăn của gấu trúc. Ta đi theo ông len lỏi giữa các bụi trúc héo khô, cao hơn đầu người. Không thấy một cây trúc nào sống. Ông giải thích rằng ở giữa kỳ chúng ra hoa, nảy mầm và khô héo rồi mọc lên măng mới trước khi lại ra hoa là trôi đi sáu chục năm trời. Thời gian này vừa đúng một *Kiếp*, vòng luân hồi những tồn tại và hồi sinh trong đạo Phật.

- Con người theo các đạo của Đất, Đất theo các đạo của Trời, Trời theo các đạo của Đạo, và Đạo theo các đạo của tự nhiên, ông lớn giọng

nói, không nên có những hành vi đi trái với tự nhiên, không nên làm cái bất khả.

- Việc cứu gấu trúc mang một giá trị khoa học nào nhỉ?

- Chỉ là một tượng trưng, một an ủi, con người có nhu cầu tự lừa dối mình. Một mặt, hẳn cứu một loài đã mất bản lĩnh sống sót, mặt khác hẳn đẩy nhanh việc hủy hoại môi trường cho phép hẳn tồn tại. Hãy nhìn hai bờ sông Mân Giang xem, rừng ở đấy đã bị đốn đổ hết và ngay con sông cũng chỉ là một dòng bùn đen chảy. Và chớ nói đến sông Trường Giang. Họ muốn xây thêm một hồ nhân tạo bằng cách chặn nó lại ở quãng Tam Môn Hiệp, Ba Hẻm! Có những dự án hoang đường thì dĩ nhiên là rất lãng mạn rồi. Lịch sử chứng nhận đã nhiều lần có những sụt đất ở cái vùng cửa khe nứt địa chất học này, xây dựng một con đập sẽ phá hủy hết cân bằng sinh thái của lưu vực sông Trường Giang. Nếu không may cái khe nứt ấy gây ra một trận động đất thì hàng trăm triệu người dân sống ở hạ lưu, trung lưu con sông sẽ hóa thành rùa! Dĩ nhiên chẳng ai hoài hời nghe lời lẽ của một ông già như tôi. Con người trấn lột của tự nhiên, tự nhiên cuối cùng thế nào cũng phục thù.

Ta theo ông vào rừng, lách giữa các lùm dương xỉ cao đến ngang lưng, lá chúng quăn lại nom giống như những cái phễu đồ sộ. Lá màu xanh ngọc bích nhưng thẫm hơn, các cây quý đẳng khinh *rodgersia aesulifolia* với bầy lá hoàn sinh thể mọc tròn xoe. Đâu đâu cũng một không khí bão hòa hơi nước. Ta không thể ngăn mình hỏi:

- Trong cỏ rậm này có rắn không?

- Chưa đến mùa, đầu hè, khi trời dịu đi, chúng mới trở thành nguy hiểm.

- Thế thú dữ?

- Cái đáng sợ không phải là thú dữ mà đúng hơn là người!

Ông giải thích với ta rằng trong thời trẻ của ông, một hôm ông đã gặp ba con hổ. hổ mẹ và hổ con đi qua gần ông. con thứ ba, con đực, ngẩng

đầu lên và lại gần. người và hổ nhìn nhau rồi hổ quay mắt đi, đến lượt nó cũng lảng xa.

- Nói chung hổ không tấn công người trong khi người thì theo đuổi hổ khắp nơi để trừ diệt nó. Người ta không tìm ra dấu vết hổ ở miền nam Trung Quốc nữa. Bây giờ cậu phải đặc biệt may mắn mới gặp được một con.

Ông nói điều đó với giọng châm biếm.

- Thế rượu cao hổ cốt người ta bán khắp chốn thì sao?

- Nhảm! Ngay các nhà bảo tàng cũng không thể thu thập được các mẫu vật. Mười năm vừa rồi, người ta không mua được một bộ da hổ nào ở trong cả nước. Một ai đó đã đến một cái làng ở Phúc Kiến để mua một bộ xương hổ, nhưng khi kiểm định, người ta thấy là xương lợn với xương chó.

Ông phá lên cười rồi hết hơi, ông nghỉ một lát thì người vào các cuộc chim:

- Trong đời tôi, tôi đã thoát chết nhiều lần nhưng chưa bao giờ vì móng vuốt của thú dữ. Một lần, tôi bị cướp bắt, chúng muốn đổi tôi lấy một nén vàng, tưởng tôi xuất thân từ gia đình giàu có. Chúng không hình dung nổi tôi, một sinh viên nghèo, vào núi đi điều tra lại chỉ có tài sản duy nhất là một cái đồng hồ mượn của bạn. Một lần khác, trong một trận bom Nhật. Quả bom rơi vào căn nhà tôi ở, làm bay hết ngói nhưng nó lại không nổ. Lần thứ ba, là lúc người ta đầu tố tôi, kết tội tôi là phần tử hữu phái rồi đưa đi lao động cải tạo ở một nông trường. Trong thời kỳ thiên tai, chẳng có gì ăn, người tôi phù sưng hết suýt chết. Chàng trẻ tuổi ơi, tự nhiên không đáng sợ đâu, người mới đáng sợ! Cậu chỉ cần kết thân với tự nhiên là nó sẽ đến với cậu. Con người, hắn ta ấy, dĩ nhiên nếu thông minh, hắn ta sẽ có thể sáng chế ra mọi cái nhưng đồng thời, hắn ta mỗi ngày lại cũng trừ diệt đi mất hai hay ba loài của thế giới. Đây, cái trò bịp của con người.

Ở trại, ta chỉ có ông để chuyện trò, có thể vì ông là người duy nhất đến từ một thế giới sống động, những người kia, năm này qua năm khác

làm việc trong núi này đều lằm lỳ và hà tiện lời như cây cỏ. Vài ngày sau, đến lượt ông cũng ra đi. Ta hơi lo với cái ý ta không thể giao tiếp với những người khác. Ta biết rằng trong mắt họ, ta chỉ là một kẻ ngao du bị cái óc hiểu kỳ nó đùn đẩy. Nói cho cùng, tại sao ta lại vào trong mấy quả núi đây. Phải chăng để thể nghiệm đời sống trong các trại nghiên cứu khoa học này? Cái loại kinh nghiệm này có nghĩa gì chứ? Nếu chỉ là để chạy trốn các khó khăn ta gặp phải thì có một cách còn dễ hơn thế. Vậy thì có thể ta mong tìm một cuộc sống khác? Bỏ đi càng xa càng tốt cái thế giới buồn chán đến kinh hoàng của con người. Vì ta chạy trốn thế giới, nên giao lưu với người thì hỏi có tích sự gì? Không biết ta tìm kiếm cái gì, điều này mới chính là mối phiền muộn thật sự. Quá nhiều tư biện, quá nhiều lô-gích. Bản thân cuộc sống không tuân theo lô-gích nào thế tại sao người ta lại cứ muốn suy diễn ý nghĩa của cuộc sống bằng lô-gích? Thế rồi, lô-gích là cái gì? Ta nghĩ, có lẽ ta phải thoát khỏi tư biện bởi vì nghiệp ách của ta nó ra từ đấy.

Ta hỏi lão Ngô, người đã giúp ta bắt con bọ ve, liệu ở đây có còn rừng nguyên sinh không.

Ông trả lời rằng ngày xưa chung quanh đây đều chỉ là um tùm rừng nguyên sinh.

Ta bảo ông điều đó hiển nhiên nhưng ta muốn biết là bây giờ ta còn có thể tìm ra rừng nguyên sinh ở đâu không.

- À, thì đi đến Đá Trắng ấy. Chúng tớ đã vạch ra một đường nho nhỏ.

Ta hỏi ông có phải đấy là hòn đá trắng nổi lên ở giữa cái biển rừng xanh thẳm, trên đỉnh một vách đá mà người ta vào bằng con đường mòn băng qua một khe vực, ở bên dưới trại hay không.

Ông gật đầu.

Ta đi đến đấy, rừng dày đặc hơn nhiều, nhưng trong các khe vực, những thân cây to tướng đen sì chưa bị lũ các con sông cuốn đi nằm ngổn ngang.

- Ở đấy người ta cũng đốn hạ cây, ta nói.

- Đây là trước khi mở khu bảo tồn tự nhiên.

- Rút cục thì trong khu bảo tồn tự nhiên này vẫn còn một rừng nguyên sinh chưa mang tàn tích phá phách của con người phải không?

- Đúng thế, phải đi đến sông Chính.

- Có thể được ư?

- Ngay chúng tớ, với đủ vật liệu và thiết bị, chúng tớ cũng chưa hề đi tới khu vực chính giữa của nó. Đây là những hẻm núi hun hút, địa hình địa thế phức tạp, núi tuyết ở độ cao năm sáu nghìn mét vây kín chung quanh.

- Làm thế nào đi xem được một rừng đích thật nguyên sinh.

- Điểm gần nhất nên đến là 11M 12M.

Ông nói đến một điểm trắc địa ghi trên bản đồ, dùng trong khảo sát địa hình bằng máy bay.

- Nhưng cậu, cậu không đến đó một mình được đâu.

Ông giải thích rằng năm ngoái, có hai người tốt nghiệp đại học vừa được phân công đến trại đã ra đi, mang một la bàn và một gói bích quy theo, định ninh không có chuyện gì xảy ra được, nhưng chiều tối, họ không trở về. Chỉ đến cuối ngày thứ tư, một người trong họ leo lên đường cái đã được một đoàn xe đi Thanh Hải trông thấy. Người ta xuống trở lại tìm, người bạn anh ta đã đói lả. Ông dặn ta đừng bao giờ đi xa một mình, cảnh báo ta rằng nếu ta thật sự muốn đi xem rừng nguyên sinh thì hãy chờ dịp một người trong bọn họ đến điểm 11M 12M tác nghiệp thu thập các tín hiệu hoạt động của gấu trúc.

9

Em có chuyện phiền hả?

Mi tìm cách đùa nàng.

Căn cứ đâu mà anh nói thế?

Rõ thế còn gì, một cô gái trốn đến một nơi thế này.

Thì anh đấy, anh cũng một mình thôi, đúng không?

Anh quen như thế rồi. Anh thích đi la cà một mình, lúc ấy người ta có thể chìm vào ý nghĩ của riêng mình. Còn một cô gái như em...

Đủ rồi! Không chỉ đàn ông mới nghĩ thôi nhé.

Anh chẳng nói là em không nghĩ.

Đúng ra có những đàn ông chẳng nghĩ gì hết.

Xem về em đã gặp những khó khăn.

Ai cũng nghĩ, chẳng phải chờ khi có khó khăn.

Anh không muốn tranh cãi với em.

Em cũng thế.

Anh hy vọng giúp được em chút ít.

Khi nào em cần.

Bây giờ chưa cần sao?

Cảm ơn, chưa. Em chỉ cần ở một mình và người ta đừng đến quấy em.

Thế là đủ rõ em đang có những chuyện phiền.

Nếu anh thích nói như thế.

Em đang có điều ản ức.

Không nghiêm trọng đến mức ấy.

Vậy là em nhận có chuyện phiền muộn.

Ai cũng có chuyện phiền mà.

Nhưng em, em tìm lấy chuyện phiền muộn.

Tại sao?

Chẳng cần phải bác học lắm.

Anh ấy, anh thật là ranh ma.

Nếu như đây không phải là lời chán ghét.

Thì cũng không có nghĩa là thích!

Nhưng đi một vòng dọc bờ sông thì em không từ chối đấy nhỉ?

Mi có nhu cầu thể hiện với chính bản thân mình rằng mi còn có khả năng hấp dẫn các cô gái. Cuối cùng nàng đi theo mi. Hai người đi theo con đê lên ngược sông.

Mi có nhu cầu tìm hạnh phúc, nàng có nhu cầu tìm đau khổ?

Nàng nói nàng không dám nhìn xuống dưới thấp, mi nói mi biết rất rõ là nàng sợ.

Sợ cái gì?

Sợ nước.

Nàng bèn cười, nhưng mi cảm thấy cái cười hơi miễn cưỡng.

Em sẽ không dám nhảy đê, mi nói, cố tình đi sát bờ. Dưới chân đê nước sông sủi cuộn.

Thế nếu em nhảy?

Anh sẽ nhào xuống cứu em. Mi biết, nói như thế mi giành được thiện cảm của nàng.

Nàng nói hơi chóng mặt, rằng nhảy thì dễ thôi mà, chỉ cần nhắm mắt lại, rằng đó là cách chết ít đau đớn nhất và hơn nữa lại phần khích như say. Mi nói ở con sông này, một cô gái trẻ như nàng, cũng từ thành phố đến như nàng, đã nhảy xuống. Cô gái ấy trẻ hơn, càng đơn giản hơn. Mi không muốn nói rằng nàng, chính nàng, là đặc biệt phức tạp, nhưng người bây giờ cũng chẳng ngu hơn hay ngu kém người ngày xưa, mà cái ngày xưa ấy cũng chẳng có xa quá lắm đâu. Mi bảo rằng những đêm không trăng, con sông có vẻ càng sâu hơn. Vợ người chở đò vương gù sau này kể, lúc ấy, mẹ đã khẽ lay thức chồng dậy, bảo hẳn là mẹ nghe thấy xích giữ các dây cáp kêu lanh canh. Mẹ đã muốn dậy để đi xem, rồi mẹ lại nghe có tiếng hú và ngỡ là gió. Mẹ đã nghĩ rằng không thể có người ăn cắp thuyền, vì tiếng hú rất vang và chó má đã không sửa trong cái đêm khuya khoắt và yên tĩnh ấy. Vậy mẹ lại đi ngủ. Đang ngủ mẹ lại nghe thấy tiếng hú vẳng lên một lần nữa. Mẹ dậy lắng tai nghe. Mẹ bảo dạo ấy nếu có ai chạy đến, cô gái có lẽ đã không tự tử. Tất cả do lỗi của lão quỷ già này ngủ say như chết. Thường vẫn có một ai đó gõ vào cửa sổ hay gọi khi muốn qua sông gấp giữa đêm. Điều mẹ không hiểu là tại sao cô gái lại dịch xích đi để tự tử, phải chăng muốn lấy thuyền đi huyện lỵ rồi từ đấy về thành phố tìm lại bố mẹ? Lẽ ra cô ấy có thể đáp xe khách của huyện vào buổi trưa, trừ phi cô ấy sợ bị người ta trông thấy. Không ai có thể nói cô ấy đã nghĩ đến cái gì trước khi chết. Thực tế là cô gái rất đoan trang này chẳng có lý do rõ rệt nào để phải đến làm ruộng làm nương ở cái làng cô chẳng hề có họ mạc bè bạn ở đấy. Cô đã bị hiếp, tội kẻ gây ra chuyện mới gớm làm sao! Mới tảng sáng, mấy người sống trên một cái bè đã tìm thấy cô gái ở trên một mom cát cách đây ba chục dặm. Trần truồng, quần áo chắc đã bị móc vào cành cây ở một khúc sông lượn. Giấy thẻ thao thì còn, xếp ngay ngắn trên một hòn núi đá, cái hòn núi đá có khắc các chữ tô đậm bằng vết son bền vững. Rồi mai kia, khi khách du lịch leo lên hòn núi đá ấy để chụp ảnh, họ sẽ giữ lại hai chữ này làm kỷ niệm, còn vong hồn cô gái, nạn nhân của một bất công thì sẽ bị quên đi mãi mãi.

Em nghe đấy chứ? Mi hỏi.

Nói tiếp đi, nàng khe khẽ trả lời.

Ngày xưa, ở đây luôn có người chết. Trẻ con, thiếu nữ, trẻ con nhảy từ hòn đá xuống. Nếu chúng không nổi lên thì người ta bảo thế là chúng “mò cái chết”. Thế là vì bố mẹ kiếp trước của chúng đón chúng về. Các nạn nhân của bất công luôn là đàn bà. Nếu không là các cô nữ sinh bị xua đuổi khỏi thành phố thì là các nàng dâu trẻ bị mẹ chồng và chồng hành hạ, và có cả những cô gái đẹp đến tự tử vì thất tình nữa. Cho nên trước cả các khảo chứng của ngô giáo sư về thị trấn, nông dân đây đã gọi Bến Vũ là “vách đá oan hồn” do đó khi trẻ con đến đây tắm, người lớn chẳng bao giờ yên tâm. Người ta còn kể rằng vào nửa đêm thường thấy hiện ra một con ma nữ mặc quần áo trắng toát hát một bài mà người ta nghe không rõ lời. Người thì bảo là một bài đồng dao, người thì bảo là lời than thở của một kẻ ăn mày. Dĩ nhiên là mê tín dị đoan thôi, con người ta thường tự mình dọa cho mình sợ. Nhưng ở đây thực sự có một con chim nước, người địa phương gọi nó là con đầu xanh, nhưng người có học hành thì nói đấy là con lam điếu, chim lam đã được viết đến trong thơ Đường. Nông dân đặt cho cái tên đầu xanh vì lông nó dài mà xanh. Em thấy nó rồi đấy, hẳn là thế rồi, nó bé, thân màu xanh lam thẫm, lại có hai cái mào ở trên đầu màu ngọc bích, con này rất khéo và đầy linh hoạt, dáng lại đẹp nữa. Nó hay đậu ở nơi râm mát, chân đề hay rìa rừng tre rậm, bên mép nước, rình trái ngô phải, rất thung dung. Em có thể nhìn thẳng vào nó để ngắm nó nhưng hễ chỉ động một tí là nó bay vù đi lập tức. Con chim xanh mỗ hạt cho Tây Vương mẫu mà *Sơn Hải kinh* nói đến là một loài chim tuyệt vời. Nó không cùng loài với con đầu xanh của nông dân nhưng cũng có phép thần thông tương tự. Mi bảo con chim xanh này giống như đàn bà. Dĩ nhiên là có những đàn bà gốc ghếch nhưng ở đây mi nói đến những đàn bà tể nhị nhất, đa cảm nhất. Những người này hiếm được biết đến một cuộc đời sung sướng, bởi lẽ đàn ông muốn một người đàn bà để cho cái lạc thú của riêng hắn, người chồng muốn một người vợ để trông nom nhà cửa và làm cơm nước, những người già muốn một nàng dâu để bảo đảm dòng giống. Không ai tìm kiếm tình yêu. Rồi lúc mi nói đến một cô gái khác nữa, một nông dân trẻ thì nàng chăm chú nghe mi. Khi mi nói cô gái ấy chết, nạn nhân của một bất công, tại

con sông này, khi mi giải thích những cái người ta nói thì nàng gật gật đầu. Nàng ngây dại nghe mi. Cái vẻ ngây dại ấy làm cho nàng càng đáng yêu hơn trong con mắt mi.

Mi nói cô gái trẻ tuổi đó đã được hứa gả cho một người nhưng khi người của nhà chồng đến đón thì nàng đã biết mất. Nàng đã đi với người tình của nàng, một chàng trai trẻ thôn quê.

Anh ta cũng múa đèn rồng chứ? Nàng hỏi.

Đám thanh niên đến thị trấn để đấu đèn rồng là của làng Cốc Lai. Gia đình của gã trai trẻ kia lại ở Vương Niên, cách đây năm chục dặm và chuyện đó xảy ra còn xa hơn nữa về thời gian. Đây là một chàng trẻ tuổi tuyệt vời, chẳng tiền của cũng chẳng quyền thế. Gia đình anh chỉ có vài chục thước đất, ruộng lại còn ít hơn. Ở đây, nếu người ta làm lưng vất vả, người ta không sợ chết đói. Dĩ nhiên, với điều kiện không bị thiên tai, không bị chiến tranh, điều đã từng xảy ra và khi ấy thì dân làng chết chín còn một. Chàng trẻ tuổi này, người tình của cô gái, không đủ của cải để cưới cô gái vừa thông minh vừa đẹp. Một vị hôn thê như thế đáng một cái giá đã được định rõ: một đôi vòng bạc làm tiền cưới trả dần, hai lần tám hộp bánh ngọt làm lễ sêu, hai rương và hai tủ quần áo kim tuyến làm hồi môn, tất cả do người mua cô gái – vị hôn thê gánh vác. Người đã mua cô gái sống ở một cái ngõ nằm ở sau hiệu ảnh hiện nay. Ngôi nhà đã thay chủ sở hữu từ lâu. Hồi ấy, vợ người chủ ngôi nhà chỉ sinh toàn con gái. Do muốn có một đứa con trai, ông ta đã quyết định lấy một nàng hầu. Về phía mình, mẹ của cô gái, một bà góa đầy khôn ngoan, nghĩ rằng với con gái mình thì làm nàng hầu của một gia đình giàu có còn hơn đi với một đứa nghèo buộc phải cày cuốc miếng đất của hân suốt đời. Việc này đã được giải quyết nhờ một người mối. Người ta đã quyết định bỏ kiệu hoa, quần áo, đồ lót đã may nhưng vào ngày đã định, cô gái bỏ trốn trong đêm chỉ mang một tay nải đựng vài bộ áo quần, cô gái giữa đêm hôm khuya khoắt đã đến gõ cửa sổ nhà người bạn mình, kéo anh ra ngoài rồi lửa tình thiêu đốt, cô hiến thân cho anh ngay tại chỗ. Sau đó, lau nước mắt, họ thề mãi mãi trung thành và quyết định bỏ trốn vào núi, khai hoang trong đó sống lẫn lộn. Khi họ đến bến đò, ngắm nhìn mặt nước nổi bọt, chàng trai bèn do dự, nói phải về lấy một cái rìu. Rồi bố mẹ anh bắt gặp anh ăn cắp vài thứ đồ để sống. Ông bố lấy gậy đánh đứa con trai

xấu xa này, bà mẹ nát ruột nát gan nhưng cũng không dứt khoát được là để cho anh đi. Ông bố đánh tiếp và bà mẹ khóc cho đến khi bình minh tới. Những người qua đò lúc sáng sớm nói đã thấy một người đàn bà khoác tay nải, trước khi sương mù tan. Ngày càng muộn, sương mù càng dày, trôi trên sông vẫn vù. Ngay cả khi mặt trời đã như một hòn than đỏ rực. Người chở đò càng cần cảnh giác: nếu va phải một cái thuyền khác thì chẳng có gì nghiêm trọng nhưng bị một đoàn gỗ cây đóng bè va phải, ấy mới là tai họa. Đám đông đi chợ tụ tập trên bờ như họ đã làm như thế từ ít nhất ba nghìn năm. Trong đám, chắc một ai đã nghe thấy tiếng kêu xuyên trong sương mù rồi tan đi ở đằng xa, sau đó tiếng một thân người rơi xuống nước. Nhưng họ bắt đầu trò chuyện lại và chẳng còn tiếng động nào còn có thể nghe lọt nữa. Đây là một bến đò rất náo nhiệt, nếu không vua Đại Vũ đã chẳng đi qua. Con thuyền chở củi, than củi, kê, khoai lang, nấm hương, hoa huệ khô, mộc nhĩ, trà, trứng, người và lợn, cây sào tre uốn quăn lại vì sức nặng, nước lên chồm mạn thuyền, trên mặt nước nhờ nhờ trắng, người ta chỉ nhận ra cái bóng xám xám của hòn Vách đá Oan hồn. Các bà lắm lời đã có thể nói rằng sáng hôm đó, rất sớm, họ đã nghe thấy tiếng quạ, diêm gở. Con quạ lượn trên đầu và kêu. Nó chắc đã đánh hơi thấy mùi chết. Ngay trước khi chết đi, con người toát ra một mùi vị chết chóc, nó giống như cái khí gở nhìn không thấy, nghe không ra, hoàn toàn dựa vào cảm giác.

Em có mang cái khí gở ấy không? Nàng hỏi.

Chẳng qua là em không qua nổi được với em thôi. Em có xu hướng tự làm cho em khổ.

Mi cố ý trêu ghẹo nàng.

Không phải thế đâu, cuộc đời đầy đau khổ mà! Mi nghe thấy nàng kêu lên.

Trên rêu ở các thân cây, từ nhánh các cành cây trên đầu ta, trên những địa y rủ xòa xuống như những mái tóc dài, trong ngay cả không khí, nước cứ ứa rỉ ra ở khắp mọi nơi mà người ta chẳng biết nó từ đâu tới. Những giọt to, sáng và lỏng lánh, chảy trên mặt ta từng giọt, từng giọt, lăn trên cổ ta, lạnh buốt. Mỗi bước chân ta lại đạp lên rêu dầy mượt, mềm tích lại từng lớp từng tầng. Rêu sống bám trên các thân cây khổng lồ ngã rạp trên đất, rêu chết dần và lại tự đổi mới không ngừng. Giầy ta dẫm nước, mỗi bước lại cắm ngập vào trong đó, gây ra một tiếng mát oàm oạp. Mũ lưỡi trai, tóc, áo rét anorak có mũ trùm đầu, quần của ta, tất cả đều sưng nước, quần áo lót của ta ngấm mồ hôi, dính vào người.

Hắn dừng lại ở phía trên ta, không quay đầu lại. Sau gáy hắn, bộ râu ằng ten làm bằng ba cây kim loại hãy còn rung rung. Khi ta tới ngang độ cao của hắn, hắn lại đi, trước khi ta có được thời cơ lấy lại hơi thở. Đúng ra là thấp bé, hắn gầy đến nỗi trông hắn giống như một con khỉ nhanh nhẹn; hắn sợ mệt nếu đi theo các khúc lượn quanh co của con đường, thế là chẳng hề ngần ngại, hắn lao thẳng vào dốc. Cất chân từ sáng sớm dưới trại, chúng ta đã đi hai giờ liền mà hắn chẳng nói với ta một lời. Ta đã nghĩ khéo hắn dùng cái cách này để rũ bỏ ta đây, để cho ta thoái lui. Ta cố theo hắn nhưng cái khoảng cách chia cắt giữa hai người ngày một lớn. Hắn bèn thỉnh thoảng dừng lại để chờ ta và tranh thủ những lúc ta cố thở lại bình thường hắn kéo ăn ten ra, đội mũ nghe vào kiểm tín hiệu, rồi viết ghi ngoáy vào sổ tay.

Trong một khu rừng thưa, các dụng cụ khí tượng được bố trí. Hắn quan sát chúng, làm vài ghi nhận rồi bảo ta rằng độ ẩm đã bão hòa. Đây là câu đầu tiên hắn gửi ta, ta cói đó là một biểu thị hữu nghị. Ngay lập tức sau khi tiếp tục lên đường, hắn ra hiệu cho ta theo hắn vào trong một bụi trúc-mũi tên đã khô, trong đó có một cái cũi cao ngang đầu người làm bằng những cái cọc. Cửa cũi mở. Lò xo bên trong không giương. Các con gấu trúc bị dụ vào trong cũi rồi bị vô hiệu hóa bằng một phát đạn gây ngủ. Người ta đeo một cổ để phát sóng cho chúng trước khi lại thả chúng

vào rừng. Hắn chỉ vào cái máy ảnh ta đeo trước ngực. Ta đưa cho hắn và hắn chụp cho ta một tấm ảnh đứng trước cái cũi. May quá, không ở bên trong.

Chúng tôi vào rừng đoan và thích âm u. Tiếng chim sẻ ngô chiêm chiếp trong các bụi catalpa thu quán hoa trắng chấm đỏ gần đó xóa đi mọi cảm nghĩ cô đơn. Chờ bò lên độ cao 2700 - 2800, bắt đầu khu vực rừng tùng bách, rừng dần quang quẻ hơn. Cây tsugas thiết sam đen một màu kim loại dựng vút lên, thân cành to tướng cứng mạnh xòe ra như những tàn tán. Các cây thông sapin nâu xám vượt lên khỏi chúng đến ba hay bốn chục mét, có cây thậm trí đến cả năm sáu chục mét. Cái ngọn nhọn hoắt của chúng, nơi mọc ra những lá kim xám xanh, đem lại cho chúng một vẻ trang nhã. Trong rừng, các bụi cây đã biến mất, tầm mắt được xa phóng. Giữa các thân cây sam to lớn, vài cây đỗ quyên núi cao hơn bốn mét tròn trịa trên dưới phủ kín hoa mới nở đỏ màu thủy hồng. Cái thân nghiêng nghiêng của chúng có vẻ như không thể chống đáng nổi vẻ rực rỡ tràn trề này. Chúng rắc các cánh hoa to xuống gốc, thanh thoát bày ra vẻ huy hoàng vô tận của sắc hoa. Sự kỳ diệu của tự nhiên ở trạng thái thô mộc này lại làm nảy ra ở trong ta một niềm luyến tiếc khó định nghĩa. Những luyến tiếc này thuần chỉ liên quan đến cá nhân ta, dĩ nhiên, nó không là thuộc tính của tự nhiên.

Ở đây, không địa y, không các rừng thưa toàn trúc mũi tên, không lùm bụi, các khoảng trống khá rộng rãi giữa các cây làm cho rừng càng sáng sủa và có thể phóng tầm mắt nhìn khá xa. Đằng xa, một cây đỗ quyên trắng như tuyết, mảnh mai, yêu kiều, vẻ thuần khiết của nó gợi lên một niềm hưng phấn không thể ức chế. Ta càng đến gần, nó càng lớn. Nó mang những chùm hoa to kèn, cánh hoa của nó còn to dày hơn cánh hoa đỗ quyên đỏ ta đã thấy ở dưới kia. Những cánh hoa mang một màu trắng thuần khiết la liệt trên đất, không sao héo nổi. Sức sống của nó vô biên, nó diễn tả một ham muốn được tự phô bày không thể cưỡng lại, không đòi hỏi lại thứ gì, cũng không mục đích, không đòi hỏi lại thứ gì, cũng không mục đích, không nhờ tới cả biểu trưng lẫn ẩn dụ, không làm trò rập nổi miễn cưỡng lẫn liên tưởng; đó là cái đẹp tự nhiên không trang sức.

Trắng như tuyết, lóng bóng như ngọc, các cây lệ quỳên nối tiếp nhau ra xa mãi, biệt lập, hòa tan trong rừng lãnh sam dong dỏng cao, tựa những con chim vô hình không biết mệt đang cuốn hút mãi mãi tâm hồn con người đi xa hơn nữa. Ta hít sâu không khí trong lành của rừng. Ta mệt đứt hơi, nhưng ta không tiêu hao năng lượng. Phổi ta hình như đã được thanh lọc, không khí lọt vào đến gan bàn chân ta. Thân xác và tinh thần ta đang bước vào vòng đại tuần hoàn của tự nhiên, ta đang ở trong một trạng thái thanh thần mà trước đây chưa từng bao giờ biết đến.

Sương mù dày bông bênh cách mặt đất một mét, mở ra ở trước bước chân ta. Ta lấy tay khỏa nó, bước giạt lùi, tựa như nó là khói. Ta khễ đuổi theo nó nhưng không sao tóm được nó và nó thì chỉ quệt nhẹ vào ta. Trước mặt ta, phong cảnh nhòa mờ đi. Màu sắc mất, sương mù nhẹ hạt dâng lên, cuốn cuộn. Ta lùi lại, một cách bản năng, quay đầu để theo nó. Đến trên sườn dốc, ta tuột mất nó thì thành linh nhìn thấy bên dưới chân mình một hẻm núi sâu thẳm. Một dãy núi đường bệ dựng lên ở trước mặt, lam nhạt, mây trắng quấn quanh. Lớp mây dày vùn vụt khắp nơi, nhưng trong hẻm núi, chỉ bông bênh một vài vạt sương mù dày hạt tan biến mau. Cái sợi trắng như tuyết kia là một con thác dững mãnh băng qua rừng ở giữa hẻm núi. Chắc chắn không phải cái lũng nhỏ ta đã đi theo vài ngày trước đây để vào núi. Ở đây ít ra còn có một cái làng và vài thửa ruộng trồng trọt với một cây cầu treo móc rất tài tình vào hai bên sườn. Trong cái lũng nhỏ u tối này, ta chỉ thấy những lùm cây rậm dày và những hòn núi đá cheo leo kỳ quái, không một dấu vết người. Chỉ nhìn nó thôi đã thấy lạnh sống lưng.

Rất mau mặt trời lại xuất hiện, chiếu sáng dãy núi trước mặt. Không khí trong lành đến nỗi lúc đó rừng cây có nhựa ở bên dưới lớp mây đã tạo thành một vệt xanh thẫm rõ rệt khiến ta ngây ngất. Nó như một bài hát êm đềm có lẽ dâng lên từ đáy phổi và lan đi, lần theo bóng tối và ánh sáng, thay đổi giọng trong từng nháy mắt. Ta chạy, ta nhảy cẫng, đuổi theo bóng tối biến ảo của mây, chụp hết ảnh này đến ảnh khác.

Sương mù xam xám đã trở lại sau lưng ta, chẳng bận tâm chút nào đến hố, đến lồi lõm của đất, đến các thân cây nằm dài. Ta không có cách nào trốn nó, nó bắt lấy ta, không vội vã. Ta bị vùi trong sương mù. Phong cảnh đã biến mất ở trước mặt ta, tất cả mung lung. Chỉ còn lại ở trong

đầu ta những cảm giác ta vừa thể nghiệm. Ta đang phân vân, thì một tia mặt trời xuyên qua trên đầu, chiếu sáng rêu phủ mặt đất. Lúc đó ta bèn phát hiện ra ở dưới chân ta một thế giới thực vật kỳ dị, mặt đất, những dãy núi, những đồng cỏ, những lùm cây một màu xanh nhóng nhánh. Trong thời gian ta ngồi sụp xuống, sương mù đã trở lại, lan tứ phía, như ra từ bàn tay một nhà ảo thuật, chỉ để lại một bề mặt xám xám mịt mù.

Ta đứng lên. Ta chờ, thất lạc. Ta gọi, không ai trả lời. Ta gọi lần nữa nhưng ta chỉ nghe thấy tiếng ta buồn và run rẩy đang tắt lịm. Ngay lập tức, cái sợ ghì chặt lấy ta. Nó lên từ gan bàn chân và máu ta đóng băng lại. Ta gọi nữa, không ai có trả lời. Quanh ta, chỉ là bóng đen của lãnh sam giống hệt nhau. Ta bắt đầu chạy, ta kêu, ta nhào sang trái, sang phải, ta hoang mang. Ta phải bình tĩnh, trở lại điểm xuất phát, không, trước hết ta phải cố tìm hướng nhưng chung quanh ta đâu đâu cũng dựng lên bóng những cây sam đen ngòm. Không một điểm mốc nào. Ta đã nhìn mọi cái nhưng lại tựa hồ như chẳng thấy cái gì. Mạch máu thái dương ta đập mạnh. Ta hiểu rằng tự nhiên đã bỡn cợt ta, với ta, cái người tí xiu chẳng tin ngưỡng, chẳng biết sợ, chẳng có cái gì lọt vào mắt này.

- Ô ô! Ê!

Ta gọi. Ta không hỏi tên người đi cùng. Ta chỉ có thể hú, một cách điên loạn, như một con thú. Tiếng kêu của chính ta làm tóc ta dựng ngược lên. Ta cứ ngõ trong núi luôn có tiếng vọng. Ngay cả tiếng vọng buồn thảm nhất, cô đơn nhất có lẽ cũng hay hơn cái im lặng đáng sợ này. Ở đây, âm thanh mất vào trong khí quyển bão hòa độ ẩm và sương mù dày đặc. Lúc đó ta nhận thấy ta sẽ chẳng thể nào đưa nổi được ngay cả tiếng nói của ta khỏi miệng, ta rơi vào cảnh mất tinh thần hoàn toàn.

Trên nền trời xám xám nổi lên hình bóng đặc biệt của một cái cây; nó mọc nghiêng, thân chia làm hai phần cùng kích thước vươn lên thẳng, không cành, không lá. Hoàn toàn trơ trụi, nó chắc đã chết; nó giống như một mũi lao bắt cá voi khổng lồ và dị hình đang trở bầu trời. Ta đến phía nó. Thật ra nó nằm ở cuối cùng rừng. Bên dưới chắc là cái hẻm núi âm u bị sương mù che giấu; vậy thì đó là hướng đưa thẳng tới cái chết. Nhưng ta không thể rời được cái cây đó nữa, điểm chuẩn duy nhất của ta. Ta cố tập hợp lại trong trí nhớ những phong cảnh ta đã thấy trên suốt dọc

đường. Trước hết phải tìm lại những hình ảnh cố định, như cái cây này, chứ không phải các ấn tượng chớp nhoáng. Tất cả đang có mặt trong tâm trí ta và ta có ý sắp xếp trật tự để sử dụng các kỷ niệm kia như các điểm mốc cho sự trở về. Nhưng trí nhớ ta không làm nổi việc đó và như các quân bài đã bị xóa đi, ta càng sắp lại các hình ảnh này, trật tự của chúng càng lẫn vào nhau. Kiệt sức, cuối cùng ta buông mình ngã xuống rêu ẩm ướt.

Thế là ta mất liên lạc với người dẫn đường, ta đã bị lạc trong rừng nguyên sinh tại khu vực của điểm trắc địa của đường hàng không 12M, ở độ cao hơn ba nghìn mét. Thứ nhất, ta không có trong người bản đồ trắc địa này. Thứ hai, ta không có la bàn. Trong túi, ta chỉ tìm thấy một nắm kẹo mà ông thực vật học già đã để lại cho ta khi ông từ biệt ta đi. Ông đã khuyên ta, để vào núi, hãy mang một gói kẹo, phòng trường hợp nếu như đi lạc. Ta đếm bằng đầu ngón tay số kẹo trong túi: bảy cái tất cả. Ta chỉ có thể ngồi chờ người dẫn đường đến tìm ta.

Tất cả chuyện kể về những người đã chết, lạc trong núi mà ta nghe nói mấy ngày vừa qua, đang trở lại tâm trí ta, khủng bố ta. Ta cảm thấy mình sa bẫy. Lúc đó, ta giống như một con cá mắc trong tấm lưới sợ bị một mũi lao khổng lồ xuyên thủng; nó giãy giụa mà không thể thay đổi được số phận, trừ nhờ phép màu. Nhưng trong đời mình, chẳng phải là ta đã luôn đợi chờ mãi một phép màu đó sao?

Nàng nói, sau này nàng đã nói ra điều ấy. Nàng thật sự muốn chết, chuyện đó rất dễ mà. Đứng trên mặt đê tôn cao của con sông, nàng chỉ cần nhắm mắt rồi gieo mình vào khoảng không! Nhưng ý nghĩ rằng nàng có thể rơi lên gờ đá của bờ sông đã làm cho nàng lạnh cứng đi vì sợ. Nàng không dám hình dung cảnh ghê rợn của óc nàng phọt ra khỏi hộp sọ bị chẻ vỡ. Cái đó quá tởm. Nếu nàng chết, thì sẽ là cái chết đẹp, hút được về nàng tình thương và thiện cảm.

Nàng nói lẽ ra nàng phải ngược sông lên, đi theo bờ sông. Khi nào tìm ra một cái bãi, nàng sẽ đi xuống. Dĩ nhiên không ai được trông thấy nàng, không ai được biết chuyện này. Nàng sẽ bước vào nước đen ngòm giữa đêm khuya, chẳng cả cời giầy. Nàng không muốn để lại dấu vết. Vậy là nàng cứ tiến lên, giầy ở chân. Từng bước một nàng sẽ vào nước, khi nước đến eo nàng, trước khi tới tầm ngực làm cho nàng không thở được thì dòng nước sẽ trở nên hung hãn, nó sẽ kéo tuột nàng đi, cuốn nàng vào giữa lòng sông. Nàng không thể nào nổi lên mặt nước được nữa nhưng nàng vẫn vùng vẫy mặc dù không muốn. Cái ham muốn thuộc về bản năng sống còn sẽ chẳng được tích sự gì. Thêm nữa, nàng sẽ đập khe khẽ chân tay. Tất cả sẽ diễn ra rất nhanh, tất cả sẽ kết thúc không có thời gian để mà đau đớn. Nàng sẽ không thể kêu. Sẽ chẳng còn mảy may hy vọng nào, cho dù nàng kêu thì nước lập tức bóp ngạt nàng. không ai có thể nghe thấy nàng, sẽ chẳng còn cách nào cứu nàng. Và cái đời thừa này sẽ tự xóa đi khỏi thế giới này, chẳng để lại mảy may dấu vết. Bởi lẽ không có cách nào rũ bỏ cho mình nỗi đau khổ này thì chi bằng tự giải thoát nhờ cái chết, giải quyết cái tội tệ từ gốc, một cách sạch sẽ. Cái chết sẽ phải trong sạch, cả nàng cũng thế. Nếu nàng có thể chết trong sự trong sạch thì sẽ rất hay nhưng nếu người mà trượng lên dạt vào bên dưới hạ lưu, ở một quai sông đầy cát thì nó sẽ khô quắt đi dưới nắng, bắt đầu thối rữa, sẽ là mồi của một đàn ruồi. Bất giác, một cảm giác ghê tởm lại xâm chiếm nàng. không cái gì ghê tởm bằng cái chết. Không làm gì để rũ bỏ được cái ghê tởm này. Không cái gì, không cái gì cả.

Nàng nói rằng chẳng ai có thể nhận ra nàng, chẳng ai biết tên biết họ của nàng. Những họ tên nàng đưa ra khi viết vào sổ đăng ký khách sạn đều giả. Không ai trong gia đình nàng sẽ có thể tìm ra nàng, không ai có thể hình dung nàng lại trốn đến cái thị trấn núi bé nhỏ này. Trái lại, nàng hình dung ra hoàn hảo thái độ của bố mẹ. Dì ghẻ nàng chắc gọi điện thoại đến bệnh viện, nơi nàng làm việc, bằng cái giọng âm ỉ của bà ta, tựa như bị cảm lạnh vậy, với thậm chí cả vài tiếng nước nở trong cổ họng nữa. Và, chắc là theo yêu cầu khẩn thiết của bố nàng. Nàng biết rất rõ rằng nếu nàng chết, người dì ghẻ sẽ không khóc thật tình đâu. Nàng chỉ là gánh nặng cho cái gia đình này. Người dì ghẻ có đứa con trai riêng, một gã đã khá có tuổi. Khi nàng muốn về nhà qua đêm, em trai nàng phải ngủ trên chiếc giường gấp ở trong hành lang. Họ chờ đợi cái buồng của nàng, mong mỗi nàng lấy chồng sao cho nhanh nhất. Nhưng nàng không muốn sống ở bệnh viện. Trong các buồng nghỉ cho các nữ y tá trực, luôn bao trùm một mùi thuốc sát trùng. Suốt ngày, trong cái vũ trụ những khăn trải giường trắng, những áo blu trắng, những màn trắng, những mặt nạ trắng, nàng hình chỉ còn đôi mắt và lông mày làm của riêng. Cần, kẹp lớn, kẹp nhỏ, tiếng kéo lách cách và các dao mổ, rửa tay hoài hoài hết ngày, cánh tay thực liên miên vào thuốc sát trùng đến mức da hóa thành trắng xỉn, mất đi màu máu. Cứ theo đà này, cả đàn ông lẫn đàn bà của bộ phận phẫu thuật già đi, da tay của họ ắt có cái màu của chuột bạch. Với nàng nữa, một ngày nào đó sẽ chỉ còn lại hai bàn tay bạc phếch. Hai bàn tay ấy dặt vào bãi cát sẽ được phủ kín ruồi. Nàng lại thấy ghê tởm. Nàng ghét việc của mình, gia đình mình, thậm chí cả bố mẹ mình, một người vô dụng không có một tí kiến giải nào mỗi khi người dì ghẻ của nàng cao giọng lên. Nói bớt đi, đồng ý chứ? Dù ông trái ý với bà, ông cũng không muốn lộ ra. Này, bảo tôi đi, ông lại tiêu tiền ở đâu rồi? Ông ngu trước tuổi, làm sao người ta lại có thể để tiền cho ông được nữa chứ? Một câu kéo thành mười câu, giọng của người dì ghẻ lúc nào cũng âm ỉ. Ông bố không thể nói lời nào. Ông đứng vào chân nàng, dò dẫm ở dưới bàn; khi người dì ghẻ và em trai nàng không có ở đấy, chỉ có hai bố con, ông lại uống quá nhiều. Nàng đã tha thứ cho bố nhưng đồng thời cũng không thể tha thứ. Ông bố chẳng được tích sự gì, nàng ghét cái tính đón hèn của ông. Ông không phải là một người bố buộc con cái phải khâm phục, một người đàn ông chân chính mà nàng có thể dựa vào, mà nàng lấy làm tự

hào. Nàng muốn từ bỏ người thân của mình từ lâu, nàng luôn mong có một gia đình nho nhỏ của riêng mình. Nhưng đấy, nàng lại cũng đã chán. Trong túi mình, nàng tìm thấy một bao cao su tránh thai. Nàng uống viên tránh thai, không bao giờ lo ngại về chuyện này. Nàng không thể nói nàng bị ngay cú sét với hắn. Nhưng đấy là người đàn ông đầu tiên nàng gặp mà dám tán tỉnh nàng. Hắn đã hôn nàng. Nàng bắt đầu nghĩ đến hắn. Họ đã gặp lại nhau rồi định một cuộc hẹn. Hắn muốn nàng, nàng đã hiến mình cho hắn. Họ đã bốn chồn chờ đợi nhau, họ đã say nhau. Nàng bối rối, tim đập mạnh, đầy sợ hãi nhưng bằng lòng hoàn toàn. Tất cả đều bình thường, đầy hạnh phúc, vẻ đẹp, đầy ý tứ, không dung tục. Nàng nói rằng, vì nàng biết, em muốn trước hết hãy yêu anh và được anh yêu rồi mới làm vợ anh, trở thành một người mẹ, một người mẹ trẻ. Hôm đó, sau giờ làm, nàng không trở về ký túc xá và chẳng ăn gì hết để nhào vội đến nhà hắn. Nàng vừa bước vào, hắn đã ôm lấy nàng và làm tình với nàng, chẳng để cho nàng kịp thở. Hắn nói cần phải tranh thủ tuổi thanh xuân, hết lòng tranh thủ chuyện yêu. Nép vào ngực hắn, nàng nhận lời. Thoạt đầu, họ không muốn có con để có thể vui chơi vô tư vài năm. Họ dành dụm để đi du lịch chút ít. Lúc đầu họ không sửa sang nhà. Có lẽ họ chỉ cần có một căn phòng nho nhỏ và hắn đã có một rồi, còn nàng, nàng chỉ mong mỗi có hắn thôi. Họ điên rồ, chẳng cái gì ngăn giữ được họ, không bao giờ, không bao giờ cả... Nàng đã không có thì giờ tranh thủ tình yêu, còn lại với nàng chỉ là chán ghét. Một sự chán ghét không thể nén đi được, nó gây ra tởm lợm. Về sau, nàng bắt đầu khóc và chửi người đàn ông như một con khùng! Tình yêu của nàng với hắn thế là hết. Nàng đã yêu biết mấy mùi mồ hôi ở áo may ô hắn. Ngay cả khi hắn sạch, nàng vẫn còn nhận ra nó. Vậy mà, hắn ấy, hắn quá ít xứng đáng được yêu, hắn có thể làm cái ấy bất cứ lúc nào với bất cứ người đàn bà nào. Đàn ông bẩn thỉu dường nào! Cuộc đời nàng vừa mới bắt đầu đã bị ố bẩn, như chần trải giường của cái khách sạn con con mà tất cả thiên hạ đã đến ngủ ở đó. Chúng không bao giờ được thay, chúng sặc mùi mồ hôi đàn ông. Nàng sẽ không đến cái loại nơi ấy nữa!

Thế rồi em đi đâu? Mi hỏi.

Nàng nói nàng không biết, nàng không biết tại sao nàng đã có thể một thân một mình đến được đây. Nàng còn nói nàng tìm một chỗ như chỗ

này, nơi không ai có thể nhận ra nàng, nàng nói nàng đã một thân một mình đi theo con sông, cứ ngược nó mà lên chẳng nghĩ ngại gì hết, cứ đi thẳng tiếp mãi cho tới khi kiệt sức, cho tới ngã vật ra chết cứng trên đường...

Mi nói nàng là một đứa bé dễ đổi ý.

Không! Nàng nói chẳng ai hiểu nàng cả. Cả anh nữa.

Mi hỏi nàng liệu có thể qua sông với mi không. Ở bờ bên kia có Núi Hồn, Linh Sơn, ở đấy có thể thấy những cái diệu kỳ để quên đi các đau khổ của nàng và có được sự giải thoát. Mi cố sức quyến rũ nàng.

Nàng nói nàng đã giải thích cho gia đình rằng bệnh viện tổ chức một chuyến đi, còn ở bệnh viện thì nàng nói bố ốm. Nàng xin nghỉ vài ngày để săn sóc.

Mi bảo nàng hãy còn đủ mảnh mùng đấy.

Nàng nói nàng chưa có ngốc đâu.

Trước khi làm chuyến đi dài này, trong những ngày thầy thuốc đoán ung thư phổi, việc duy nhất ta có thể làm là đi dạo trong các công viên ngoại thành. Mọi người nói rằng trong cái thành phố ô nhiễm này, chỉ còn không khí ở công viên là chất lượng tốt, hơn không khí các công viên ngoại thành. Những gò đồng nho nhỏ nổi lên gần những bức tường thành của thành phố ngày xưa là những nơi thiêu xác và mồ mả. Gần đây chúng mới được cải tạo thành công viên do đô thị hóa những năm qua đã lấn tới các mồ mả bỏ hoang, người sống xây nhà trên các sườn đồi, tranh đất cát với người chết.

Bây giờ chỉ các mồ đồi còn bỏ hoang; chất đồng ở đây các tấm đá trước kia từng là bia giờ không dùng đến. Người già quanh vùng sáng sáng đến đây tập thể dục và đưa chim của họ đi dạo. Quá chín giờ, khi mặt trời rơi vào đỉnh đồi, họ trở về nhà, lồng chim trong tay. Cuối cùng, một mình, trong yên tĩnh, ta lấy ở trong túi ra một quyển Kinh Dịch. Ta đọc, ta đọc, và dưới ánh nắng ấm áp ngày thu, ta cảm thấy giấc ngủ xâm chiếm ta. Ta nằm lên một lát đất kê đầu vào quyển sách làm gối. Ta nhớ lại trong đầu các nét của bát quái mà ta vừa đọc, hình ảnh màu lam sáng loáng của chúng trôi lướt trên mặt ta đang đỏ ửng vì sức nóng mặt trời.

Thoạt đầu, ta không có ý định đọc. Ta đọc thêm hay bớt một quyển sách, ta đọc hay không đọc, sự đó không hoãn đi cái giờ thiêu xác ta. Nếu ta đọc Kinh dịch thì đó chỉ là việc thuận tụy ngẫu nhiên. Một bạn thời thơ ấu, biết đến tình hình ta đã đặc biệt đến thăm ta để đề nghị giúp đỡ. Anh đã nói đến các thực hành thở của khí công, qigong. Anh nghe nói một số đã dùng cách này để trị ung thư, anh biết một người thực hành một thuật liên quan với bát quái. Anh đã khuyên ta cũng thử xem, ta hiểu ý tốt của anh. Đã đến giai đoạn này con người sẵn sàng làm tất cả để đi khỏi đó. Ta đã hỏi anh có thể xoay cho ta một quyển *Kinh dịch* mà ta chưa đọc bao giờ không. Ngay hôm sau, anh mang sách đến. Rất cảm động, ta tâm sự với anh rằng khi còn bé, ta đã nghi anh lấy cặp cái kèn ác-mô-ni-ca ta vừa mua. Ta đã quy tội oan cho anh, vì ta lại tìm thấy cái kèn. Anh có

nhớ chuyện ấy không? Một cái cười làm rạng sáng khuôn mặt tròn trặn chắc nịch của anh và anh hơi ngượng nghịu bảo ta: Nói lại cái đó làm gì? Rút cục, chính anh bối rối chứ không phải ta. Rõ ràng anh không quên nhưng anh giữ tình bạn cho ta. Lúc đó ta nhận ra chính ta, ta đã phạm các lỗi lầm, và không phải chỉ người khác mới kết oan tội cho ta. Có phải đó là một ăn năn ở phía ta? Có phải đó là trạng thái tinh thần đi trước cái chết không?

Ta không biết trong đời mình, cuối cùng liệu có phải là ta đã tỏ ra bội bạc với người khác hay người khác bội bạc với ta. Ta biết một số đã thật tình yêu ta, như mẹ ta nay đã chết, một số đã ghét ta, như người vợ mà ta chia tay, nhưng tính số mà làm gì, lúc ta chỉ còn quá ít thì giờ để sống? Với những người ta đã tỏ ra bội bạc, cái chết của ta có lẽ sẽ là một đền bù, còn với những người khác, ta không thể làm gì được nữa. Cuộc đời chung quy chỉ là một nút những oán hận không thể gỡ, tình cờ liệu nó có một ý nghĩa khác không đây? Nhưng kết thúc nó như thế này thì thật là sớm. Ta nhận ra ta đã không sống một cách thỏa đáng bao giờ, và nếu ta có thể có một cuộc đời khác, có lẽ chắc chắn ta sẽ thay đổi cách sống của ta, với điều kiện một phép màu xen vào.

Ta không tin vào các phép màu cũng như không tin, lúc đầu, vào số mệnh, nhưng khi người ta ở vào một tình huống tuyệt vọng, còn lại chẳng phải là các phép màu mà người ta có thể hy vọng vào đó đấy sao?

Mười lăm ngày sau, đến ngày giờ đã định, ta đến bệnh viện để làm nội soi như đã hẹn. Lo lắng, em ta quyết đi cùng ta, trái với ý ta. Ta không muốn để lộ tâm trạng của ta trước người thân. Một mình, ta có thể tự kiểm soát ta dễ hơn, nhưng ta thuyết phục sao nổi hẳn. Ở bệnh viện cũng có một anh bạn thời trung học phổ thông đang làm việc, anh đã đưa ta đến thẳng gặp người phụ trách X quang.

Đeo kính, ngồi trên một ghế quay, sau khi đọc chẩn đoán ghi trong y bạ rồi xem các phim X quang của phổi ta, ông tuyên bố cần phải làm thêm một X quang phổi nữa. Ngay sau đó, ông thảo một lá thư để ta chụp lần nữa ở một bộ phận khác, nói rõ ông sẽ đi lấy phim trước khi chúng khô.

Một mặt trời tươi tắn mùa thu chiếu sáng. Trong nhà, đặc biệt mát. Ngồi trong gian phòng này qua cửa sổ nhìn tấm thảm cỏ ngập nắng, ta có một cảm giác về cái đẹp vô cùng. Trong quá khứ, ta chưa bao giờ nhìn nắng bằng cách này. Trong khi chờ rửa tráng phim trong phòng tối, ta ngắm mặt trời qua cửa sổ. Nhưng mặt trời ở quá xa còn ta thì lại phải nghĩ tới cái sắp xảy ra trước mắt ta lúc này. Nhưng như thế thì có đòi phải suy nghĩ nữa không đây? Tình cảnh ta giống y như tình cảnh kẻ giết người đang sắp đón nhận những cáo trạng gay gắt, đang chờ quan tòa tuyên án tử hình. Hẳn chỉ còn hy vọng một phép màu can thiệp vào mà thôi.

Ta chợt nhận ra ta đang niệm thầm tên Đức Phật A di đà đã một lúc rồi, lúc nào không rõ, có lẽ vào lúc ta ngắm mặt trời qua cửa sổ. Ta niệm Phật lúc ta mặc lại quần áo, lúc ta đi ra cái phòng đầy chất máy móc mà trong đó người ta bảo người bệnh nằm dài ra, cái phòng giống như một xưởng giết người.

Trước lúc đó, nếu ta nghĩ có ngày nào đó ta niệm Phật thì chắc chắn ta sẽ thấy nó là hoàn toàn lỗi bịch. Hễ thấy trong chùa chiến các ông bà già thấp hương, quỳ gối lầm rầm gọi Đức Phật A di đà, ta lại đều cảm thấy thương hại cho họ. Cần nói rằng sự thương hại ấy không gần với sự thông cảm. Nếu phải diễn tả cảm tưởng này ra bằng lời thì đại khái nó sẽ là: "Ôi! những con người tội nghiệp, họ đáng thương, họ già yếu. Khi nào hy vọng của họ, dù chỉ nhỏ nhất, khó thực hiện thì họ chỉ còn biết cầu xin cho ý nguyện ấy của họ được thực hiện về tâm lý". Ta không thể quan niệm một người đàn ông đang độ trung niên hay một người đàn bà đẹp lại có thể cầu nguyện. Khi nào chợt nghe thấy nói đến tên Đức Phật trong miệng những tín chủ trẻ tuổi, ta lại muốn cười to hay bày tỏ rõ một vẻ ác ý. Ta không thể nào hiểu được một người đang giữa hồi thịnh đạt lại bập vào ác trò dớ dẩn loại này, vậy mà hôm nay, ta đây, ta đã cầu nguyện hẳn hoi, với lòng thành tín lớn nhất, bằng tất cả trái tim ta. Số mệnh quá đổi ác nghiệt mà con người thì quá đổi yếu đuối. Đứng trước cùng quẫn, con người chẳng là cái gì hết.

Và trong khi chờ bản án tử hình của ta, ta thấy mình ở trong cái tình huống mà chẳng là gì hết nữa ta đang ngắm nhìn mặt trời mùa thu qua cửa sổ và im lặng niệm Phật.

Người bạn học lâu ngày của ta không nhận được nữa. Anh vào phòng tối, em ta theo sau. Người ta đã bắt em ta trở ra, hẳn đành chỉ thập thò ở cửa phòng bộ phận X quang. Một lúc sau, đến lượt bạn ta ra để cũng chờ ở cái cửa này. Họ đã chuyển sự chú ý từ kẻ bị kết tội sang bản phán quyết tử hình. Cái ẩn dụ này không chính xác hẳn. Ta nhìn họ vào ra như một kẻ quan sát hoàn toàn ngoài cuộc, chỉ còn mãi không ngừng niệm đi niệm lại thầm tên Phật. Thành linh ta thấy hai người họ kêu lên:

- Sao thế này?

- Không có gì cả à?

- Kiểm tra lại xem nào!

- Thì đã định trước là chiều nay chỉ có một cái chụp ngực thôi mà, trong phòng tối người ta cúi kính trả lời.

Em ta và bạn ta cả hai đang cầm những cái kẹp giở phim lên xem. Người kỹ thuật viên cũng ra khỏi buồng tối, anh liếc học một cái, nói vài câu gì đó không rõ rồi không màng tới họ nữa.

Nam mô A di đà Phật. Thoạt đầu chúng thay cho lời khẩn cầu Đức Phật, bây giờ chúng đang hóa ra thành cái lời diển tả nhợt nhạt nhất của niềm vui. Tâm trạng đầu tiên của ta là như thế. Sau khi ta thoát ra khỏi cái tình thế tuyệt vọng nổi trên Đức Phật đã quán chiếu đến ta, phép mầu đã linh nghiệm. Nhưng ta giữ niềm vui sượng ở trong lòng, không dám nông nổi để lộ cảm nghĩ của ta ra.

Ta không bao giờ yên tâm hẳn. Ta cầm tấm phim còn ấm bằng hai ngón tay rồi đi đến ông phụ trách đeo kính nhờ cho kiểm tra lại.

Ông nói, giang hai tay ra, cử chỉ hết sức kịch:

- Quá tốt, không ư?

- Có phải làm cái gì khác nữa không? Ta hỏi, về chuyện nội soi.

- Làm cái gì chứ? Ông hỏi ta với cái giọng quở mắng. Ông có quyền như thế. Ông cứu mạng sống con người mà.

Rồi ông cho ta đứng vào trước máy X quang, bảo ta thở mạnh, ho, quay người, sang trái, sang phải.

Thực ra ta chẳng nhìn thấy rõ cái gì cả: trong não ta, là cháo đặc, trên màn hình đen trắng là xương ngực ta.

- Chẳng có cái gì hết, đúng không? Ông lại nói với cái giọng quở mắng, tựa như ta cố tình kiếm phiền toái cho ông vậy.

- Nhưng giải thích như thế nào về cái người ta thấy trên các phim chụp phổi kia? Ta không thể ngăn mình hỏi ông câu này.

- Nếu chẳng có gì thì là chẳng có gì cả. Nó đã biến mất. Giải thích nó như thế nào? Một trận cúm, bị viêm phổi đều có thể làm hiện ra một cái bóng. Và nó biến mất khi bệnh khỏi.

Ta đã không hỏi gì về vấn đề tâm trạng. Các tâm trạng có thể làm cho hiện ra những cái bóng không?

- Hãy sống yên ổn, người trẻ tuổi! Ông cho ghế bành quay đi và không để ý đến ta nữa.

Đúng thế, ta vừa mới sống lại, ta cảm thấy mình còn trẻ hơn cả một đứa bé sơ sinh.

Em ta đã hấp tấp đạp xe đi, vì hẳn còn có một cuộc họp.

Ánh nắng lại thuộc về ta. Ta có quyền hưởng nó. Ngồi trên một cái ghế tựa, ở rìa thảm cỏ, anh bạn học cùng lớp bắt đầu hùng hồn nói đến số phận. Người ta chỉ nói đến số phận lúc không còn cần thiết nữa.

- Cuộc sống là một cái gì kỳ diệu, anh nói, tuyệt đối là một hiện tượng của ngẫu nhiên. Có thể tính số lượng các khả năng tính tồn tại trong trật tự các nhiễm sắc thể nhưng các vận may bày ra cho một đứa bé sơ sinh thì có thấy trước được không?

Anh thao thao bất tuyệt. Anh hùng về di truyền học. Khi anh viết luận văn tốt nghiệp, cái kết luận mà anh đi đến lúc kết thúc các thí nghiệm của anh đã không trùng với ý kiến của người đứng đầu nhóm chỉ đạo anh

và trong một lần tiếp xúc, anh đã nói trái với bí thư chi bộ đảng cũng của nhóm này. Thế là tốt nghiệp xong, anh bị cử đến một trại ở dãy núi Đại Hưng An để chăn nuôi hươu. Sau này, anh chỉ được bỏ về một trường đại học mới lập ở Đường Sơn khi mà nhiều sự rắc rối đã chấm hết. Ở đây anh đâu ngờ tới sẽ bị "lôi ra khỏi hang ổ" và bị kết tội là "tay sai của hắc bang phản cách mạng". Anh đã chịu đựng những nỗi thống khổ trong gần mười năm trước khi người ta kết luận: "Thiếu bằng chứng". Ai có thể nghĩ rằng trước trận động đất ở Đường Sơn mười ngày, anh đã bị điều đi nơi khác, và những người từng làm cho anh đau đớn thì bị chết hết trong những tòa nhà đổ sập của họ? Ban đêm, không ai chạy kịp ra khỏi nhà.

- Trong tám tối, mỗi người một số mệnh! Anh nói.

Còn ta, ta phải suy nghĩ về cách sống của ta, bây giờ khi mà ta vừa mới có một cuộc đời mới.

Trước mặt, một cái xóm với những căn nhà nhất nhất giống nhau, gạch lam, ngói đen, rải rác dọc bờ sông, chân các thửa ruộng bậc thang và các quả đồi. Ở đầu xóm, một con suối chảy qua, những tấm đan dài bằng đá phủi che lên nó. Và còn đây nữa, mi thấy một cái phố lát đá màu xanh-xám bị mấy bánh xe cút kít hằn sâu xuống, dẫn vào làng. Và mi lại còn nghe thấy tiếng bàn chân trần của mi vồ lạch bạch vào đá, để lại một vết ẩm. Nó kích thích mi đi vào. Đây là một cái phố nhỏ giống cái phố nhỏ của tuổi thơ mi, với những vết bùn trên đá. Cuối cùng mi phát hiện ra, qua các khe hở, một dòng suối nhỏ cắt ngang làng, ở bên dưới con đường. Trước cửa mỗi nhà dựng một tấm đan cho phép mức nước và cọ giặt. Những mẩu lá bắp cải vụn nát trôi trên các gợn sóng loang loáng. Mi cũng nghe thấy ở sau cánh cửa mỗi nhà tiếng cục cục của gà mái đang giành nhau mổ hạt. Trong các ngõ, mi không thấy qua một bóng người, không trẻ mỗ, không chó má, nơi này yên ắng và cô quạnh.

Ở góc một ngôi nhà, mặt trời đến chiếu sáng bức bình phong cuốn thư quét vôi trắng. Chói lòa do tương phản, ánh sáng của bình phong nổi bật lên trong cái ngõ phố tối tăm. Bên trên lanh tô cửa, tấm gương trang trí hình bát quái lấp lánh sáng. Đứng dưới ô văng, mi phát hiện thấy tấm gương trừ tà ma này quay chĩa về góc bức bình phong, ở đây nó đẩy trả lại tà khí từ trước mặt đến. Nếu mi chụp một bức ảnh từ chỗ ấy, thì các sắc màu tương phản của bức bình phong ngập trong nắng vàng, của bóng tối lam-xám, của cái ngõ và của các tấm đan bằng đá xám sẽ cho một cảm giác yên bình và hạnh phúc. Những viên ngói vỡ của ô văng các mái cong, những vết nứt của các bức tường cũng khiêu gợi nên một thứ hoài cảm. Hoặc là, một bức ảnh chụp dưới một góc độ khác của cổng chính ngôi nhà, với ánh phản chiếu của tấm gương hình bát quái, với ngưỡng cửa đá mà đứa trẻ con mãi mãi đã hóa bóng nhẵn, tấm ảnh ấy sẽ cho ra một hình tượng chân thật mà nhờ nó có lẽ mọi thù hận đời đời kiếp kiếp khuấy động hai gia đình sẽ không còn tìm ra dấu vết nữa.

Anh toàn kể cho em chuyện ác và sợ, nàng nói, em không thích nghe.

Vậy em thích nghe gì?

Kể cho em những chuyện đẹp có các nhân vật đẹp ấy.

Em thích anh kể chuyện những người đàn bà cài hoa đỏ không?

Em không thích nghe chuyện các mục phù thủy.

Không phải phù thủy. Các mục phù thủy là những bà già xấu xí gớm ghiếc, đàn bà cài hoa đỏ bao giờ cũng trẻ đẹp.

Như vợ Đệ nhị Chúa công chứ? Em không thích nghe loại chuyện dã man này.

Đàn bà cài hoa đỏ vừa mê hoặc người lại vừa tốt nữa.

Ra ngoài làng, ngược dòng suối lên, các hòn đã tảng trở nên trơn, bị nước mài nhẵn nhụi.

Nàng đi giầy da trên các hòn đá ẩm phủ rêu. Mi bảo nàng rằng cầm chắc nàng không thể đi xa nhưng nàng bảo mi nắm tay nàng. Mi đã báo trước nhưng nàng cứ ngã. Mi kéo nàng vào mi, nói rằng mi không cố ý làm ngã, nhưng nàng bảo mi đồ tồi, nàng nhú lông mày lại. Ở khoe miệng nàng tuy vậy hé nở một nụ cười. Nàng mím chặt môi. Mi không kiềm giữ được hôn nàng. Nàng lập tức thôi mím chặt môi và mi ngạc nhiên thấy môi nàng mềm ra. Mi hưởng hơi thở êm dịu của nàng. Mi nói thường hay xảy ra các chuyện đại loại như thế này ở trong núi. Nàng thì quyến rũ và mi thì bị quyến rũ. Ngả vào mi, nàng nhắm mắt lại.

Nói với em đi!

Về gì?

Nói cho em về các người đàn bà cài hoa đỏ.

Họ quyến rũ đàn ông, trong núi, trên các con đường mòn u tối trong núi^[8], ở các khúc đường quanh và thường trong các đình tạ trên đỉnh núi...

Anh đã thấy chưa?

Dĩ nhiên rồi. Cô ta ngồi thẳng băng trên tấm ghế đá dài của một ngôi đình tạ xây ở giữa đường. Không thể nào tránh cô ta được. Đó là một sơn nữ rất trẻ, mặc sơ mi màu lơ nhạt bằng vải lanh, cúc vải cài bên, cổ và ống tay thêu trắng; đội một cái khăn bằng *batik*, cách thắt cũng rất tinh tế. Không muốn song mi đã chậm chân lại và cố tình đi đến nghỉ ở cái ghế đá dài, trước mặt cô ta. Dừng dưng như không, cô ta quan sát mi, chẳng hề quay đầu lại, đôi môi thanh tú đỏ thắm vẫn mím chặt. Lông mày và mắt cô ta đen như mun đã được tô đậm bằng một mẫu gỗ liễu hồ qua lửa. Cô ta biết đầy đủ sức hấp dẫn của mình, và chẳng giấu diếm chút nào, liếc đưa tình bằng đôi mắt long lanh. Đàn ông bao giờ cũng ngưỡng ngạu đối diện với cô ta. Cả mi, bối rối, mi đã đứng lên để đi. Trên con đường vắng vẻ u tối này, cô ta làm mi bị mất hết hồn vía tâm tư. Mi biết rõ rằng vớt họ mi chỉ được yêu ba phần còn kính trọng bảy, mi chỉ có thể tương tư nhớ nhung chứ không dám thất thố. Mi bảo những người thợ đá đã cảnh cáo trước mi. Mi đã ngủ đêm trong nơi trú ẩn của họ. Họ khai thác đá trong núi, cả tối mi uống rượu, nói chuyện đàn bà với họ. Mi bảo nàng là mi không thể đưa nàng đến đây vì mi không bảo đảm được an toàn cho nàng. Chỉ một người đàn bà cài hoa đỏ mới trị được các thợ đá này. Họ nói những đàn bà hoa đỏ đều có thể châm cứu bằng tay không. Nghệ thuật này được cha ông truyền lại. Bàn tay nhanh nhẹn của họ có thể chữa khỏi các bệnh trầm trọng mà đàn ông không thể, từ kinh giật của trẻ con cho đến bán thân bất toại. Còn về các việc hôn nhân, ma chay, các bí mật giữa đàn ông đàn bà, tất cả đều nhờ vào cái miệng thành thạo của họ để mối lái và dàn xếp. Khi ở trong núi, gặp một bông hoa đại như thế, người ta nên ngắm thôi chứ không nên ngắt nó. Những người thợ đã nói một hôm, ba anh em kết nghĩa ăn thề đã không tin lời họ. Trên một đường mòn, ba người gặp một người đàn bà hoa đỏ, và ý xấu đã nảy ra trong đầu họ. Ba đàn ông thế này mà không làm cho được một người đàn bà khuất phục hay sao? Sau khi bàn bạc, ba người nhẩy bổ vào người đàn bà, dùng sức kéo vào một cái hang. Đúng là một người đàn bà, không thể cưỡng lại nổi ba đứa trai tráng. Khi hai đứa đầu đã xong chuyện với mình, người đàn bà van xin người thứ ba: “Ân báo ân, oán báo oán. Anh còn trẻ, đừng làm như chúng. Buông tôi ra, tôi xin anh,

rồi tôi bảo anh một mật pháp. Sau này anh sẽ lợi dụng được nó. Anh sẽ có thể lấy vợ và sống thoải mái theo ý anh”. Ngờ vực nhưng người thứ ba vẫn để cho người đàn bà đi, vì thương.

Anh nữa, anh đã xúc phạm cô ta chưa? Nàng hỏi.

Mi nói mi đã đứng lên để đi, nhưng mi không thể kìm, mi quay lại nhìn vội cô ta một cái mà lúc ấy mi thấy hai má cô ta và một bông hoa đỏ cài trên thái dương. Đầu lông mày và khóe môi cô ta lóa như ánh chớp, soi sáng thình lình cái lũng tối tăm. Tim mi bùng bùng cháy. Mi lập tức biết rằng đã gặp phải một người đàn bà hoa đỏ. Cô ta ngồi đó, rất sống động, ngực đội căng áo sơ mi bằng lanh mầu lơ nhạt. Cô ta mang rổ tre, đậy kín bằng một khăn tay thêu mới tinh. Chân đi đôi giày, cũng mới, bằng vải lơ có hoa. Cô ta nổi lên như bức tranh cắt giấy trên cửa sổ.

Lại gần đây! Nàng ra hiệu cho mi.

Ngồi trên một tảng đá, nàng lấy tay cởi đôi giày cao gót, bàn chân trần đỏ hồng dò dẫm thận trọng các hòn đá cuội tròn nhẵn. Trong nước trong vắt, các ngón chân trắng muốt của nàng lượn sóng như những con tôm mập bụ. Mi không hiểu chuyện đó đã xảy ra như thế nào. Mi thình lình ngửa đầu nàng lên đám cỏ dại cạnh bờ nước. Nàng uốn người lên các ngón tay mi lần tìm móc chiếc nịt vú sau lưng rồi mi giải thoát cho đôi vú tròn nảy trắng như thấu sáng của nàng ra dưới nắng. Mi thấy núm vú đỏ của nàng dựng bật ra và những đường mạch máu phơn phớt mầu nước biển nổi rành rờ bên dưới quần vú. Nàng thốt ra một tiếng kêu khẽ và hai bàn chân nàng tuột vào nước. Một con chim đen chân trắng, mi biết nó tên là bách thanh, đậu lên một hòn đá, tròn như bầu vú ở chính giữa dòng suối. Ánh sáng lặn tàn của sóng lấp lóa trên đường viền thân hình nó. Cả hai, nàng và mi, trượt xuống nước, nàng tiếc cho chiếc váy bị ướt chứ không phải cho mình. Con mắt long lanh ướt của nàng nom như nước suối đang phản chiếu ánh nắng. Cuối cùng mi chụp vồ lấy nàng, con thú hoang dại bé nhỏ đang giãy giụa trong lòng mi bỗng trở nên nhu mì, nghe lời rồi bắt đầu khóc không thành tiếng.

Con bách thanh ngo trái ngo phải, ngẩng đuôi, dựng và cụp cái mỏ đỏ như sáp của nó. Mi mới hơi lại gần, nó đã vèo bay, là sát mặt nước, đến

đầu vào hòn đá không xa đấy, tiếp tục động đậy. Nó quay đầu lại phía mi, chống đuôi và đầu. Nó để mi lại gần mới bay rồi khẽ chiêm chiếp chờ mi. Cái hồn ma màu đen này là cô ấy đấy.

Ai cơ?

Hồn cô ấy.

Nhưng cô ấy là ai?

Mi nói cô ấy đã chết rồi. Những đứa đều cáng kia đã đưa cô ra bờ sông tắm đêm. Trở về, chúng nói chỉ sau khi lên bờ rồi, chúng mới thấy mất cô. Dĩ nhiên là nói dối nhưng chúng cứ nói thế đấy. Chúng còn nói nếu người ta không tin thì người ta đi tìm pháp y để tiến hành phẫu thuật. Bố mẹ cô không thể làm được chuyện ấy. Khi chết, cô gái mới vừa tròn mười sáu. Lúc ấy, mi còn trẻ hơn cô gái, nhưng mi đã biết đây là một án mạng được xếp đặt trước. Mi biết bọn chúng đã nhiều lần hẹn gặp cô ban đêm, bọn chúng đã làm cô ngạt thở dưới chân một cái cầu rồi từng đứa chúng lần lượt trèo lên người cô, sau đó chúng lại gặp nhau để trao đổi kinh nghiệm. Chúng chế nhạo mi, bảo mi là thằng ngu vì đã không lợi dụng cô. Từ lâu chúng đã đặt mẹo chiếm đoạt cô. Mi đã nhiều lần nghe những trò chuyện tởm lợn của chúng trong đó luôn nhắc đến tên cô. Mi đã lén mách cô phải cẩn thận chớ đi cùng chúng nó ban đêm. Cô nói với mi cô sợ chúng nó nhưng không dám từ chối mà tiếp tục theo chúng nó. Cô ấy cũng sợ chúng, y như mi chẳng là cũng sợ đó sao? Mi thật là hèn! Bọn đều giả ấy đã giết cô, đã chối thú nhận tội ác. Nhưng mi cũng không dám tiết lộ mà. Từ nhiều năm nay hình ảnh cô ấy đè nặng lên tim mi, như một ác mộng. Oan hồn cô ấy không cho mi yên tĩnh, nó hiện ra dưới mọi hình dạng, duy nhất cái hình dạng cuối cùng mi có về cô ấy khi cô ấy từ dưới chân cầu đi ra là không hề thay đổi. Cô ấy luôn ở trước mặt mi, chíp... chíp... cái hồn thiêng màu đen bé xíu này, con bách thanh chân trắng mỏ đỏ này. Mi túm một cành mây, nắm một rễ cây hoàng dương ở trong khe nứt một tảng đá rồi đi vào khe suối leo ngược lên. Ở đây có đường đi lên.

Cầm tay nàng, mi dẫn nàng đặt chân lên một hòn đá.

Nàng kêu lên một tiếng.

Gì vậy?

Em bị sái chân.

Với đôi giày cao gót thế này, không có cách nào mà đi ở núi đâu.

Nhưng em không có chuẩn bị leo núi.

Nhưng đã vào núi thì phải chuẩn bị chịu đau khổ thôi.

Nếu nhìn qua cửa sổ trên gác một căn nhà cổ ở cái ngõ ngoằn ngoèo ruột gà này, người ta có thể ngắm đến hết tầm mắt các mái ngói khấp khiễng. Cũng thấy cửa sổ mắt bò của một tầng gác xép kẹp giữa hai cái mái. Trước cửa sổ mắt bò, trên những viên ngói phơi những đôi giấy. Trong gian xép áp mái, là một giường có tán bằng gỗ chạm trổ, cái tán được một màn muối bao bọc, một tủ đứng bằng gỗ cấm lai đỏ cản một tấm gương tròn và ở trước cửa sổ có một chiếc ghế dựa bằng mây. Cạnh cửa ra vào, có một cái ghế dài hẹp mà nàng bảo ta ngồi lên. Ở đây chật gần như không thể nhúc nhích. Ta mới làm quen với nàng tối qua, ở nhà một người bạn làm báo. Chúng ta đã cùng nhau hút thuốc, uống rượu, chuyện gẫu, nói vui về tính dục mà nàng không bao giờ cố lẩn né, điều tỏ ra rất tân kỳ ở cái thị trấn núi nhỏ bé này. Rồi tới lúc người ta nói về vấn đề của ta, bạn ta nói cần một người đàn bà hướng dẫn ta. Nàng đã sẵn sàng nhận lời và quả nhiên đưa ta đến đây.

Nàng thì thảo vào tai ta những dặn dò cấp thiết bằng tiếng thổ ngữ địa phương: “Khi bà ấy đến, anh phải dâng dương cho bà ấy, rồi quỳ xuống lại ba lạy. Anh tuyệt đối phải làm theo đúng các quy định này”. Giọng nói và ứng xử của nàng về mọi điểm giống như giọng nói và ứng xử của đàn bà nơi đây. Ngồi sát vào nàng trên chiếc ghế dài hẹp và ngắn này, trong một thoáng ta có cảm giác mình đang làm một điều gì xấu ở cái thị trấn nhỏ đây, tựa như ta đã có quan hệ ngoại tình với nàng, tựa như do vì ai ai cũng biết nhau, nên chỉ có thể đến đây để lén trao tình. Ta ngửi thấy mùi khăng khăng chua của rau dưa muối dâng lên. Tuy trong cái gian áp mái này, không có một hạt bụi, sàn được cọ rửa kỹ đến độ nó để lộ ra cái màu ban đầu của gỗ ở chính tâm của nó. Cửa được che bằng một tấm thảm rất sạch, ở đây không có chỗ để dưa muối.

Tóc nàng chạm mặt ta. Nàng ghé vào tai ta:

- Bà ấy đến đây.

Một người đàn bà to béo trung niên bước vào, theo sau là một bà già. Người đàn bà to béo cởi tạp dề, phúi phúi bụi trên quần áo bạc mầu tuy cả chúng nữa, chúng cũng hoàn toàn sạch. Bà vừa nấu xong cơm. Bà già nhỏ bé hất đầu về phía ta.

- Đi theo bà ấy! Bạn gái ta bảo ta.

Ta đứng dậy đi theo vào trong cầu thang, ở đây bà già gầy gò mở một cửa khuất kín. Bên trong, là một căn buồng tí xiu, chỉ có một cái bàn, một ban thờ để thắp hương và các bài vị thờ Thái thượng lão quân, Quang Hoa đại đế và Phật bà Quan Âm. Trước ban thờ bày lễ vật bánh ngọt, hoa quả, nước lã và rượu. Trên vách, treo những cờ hiệu đỏ viền một dải trang sức màu đen hay những răng cửa màu vàng và các chữ cầu tài lợi, trừ tai ách. Mặt trời trên nóc chiếu xuyên vào qua các viên ngói thấu quang của mái nhà, khói một cây hương đang cháy cất lên uốn éo giữa cột sáng, tạo ra một không khí tĩnh tâm. Ta hiểu tại sao bạn gái ta đã thì thầm khi bước vào gian phòng. Từ các ngăn dưới gầm bàn, bà già lấy ra một thẻ hương gói trong giấy vàng. Ta lập tức đưa ngay cho bà một nguyên ^[9], theo lời khuyên của bạn gái. Ta cầm lấy hương châm vào những cuộn giấy quuyến bà đốt lên và hai tay chấp lại, ta quỳ xuống tẩm đệm trước ban thờ. Rồi ta khấn lạy ba lạy. Bà già có một cử chỉ tỏ ra tán thưởng cho dấu hiệu thành kính này. Bà lại cầm hương, chia ra làm ba nắm cắm vào bát hương.

Khi tụi ta trở lại gian phòng, người đàn bà to béo đã xếp đặt tất cả xong xuôi, bà ngồi đoan trang trên chiếc ghế dựa mây, mí mắt sụp xuống. Rõ ràng là bà đồng tiếp xúc với các hồn. Bà già ngồi xuống đầu giường, thậm thì với bà to béo vài câu rồi quay về bạn gái ta để hỏi giờ và nơi sinh của ta. Ta cho ngày sinh theo dương lịch. Theo âm lịch thì ta không nhớ rõ lắm nhưng người ta có thể tính ra. Bà già sau đó hỏi ta về giờ sinh. Ta đáp rằng ta không biết, bố mẹ ta đều đã chết. Bà tỏ vẻ rất bối rối, lại bắt đầu bàn khe khẽ với bà đồng đang xì xào cái gì. Ta hiểu bà nói rằng không nghiêm trọng lắm. Sau đó, đặt hai bàn tay lên đầu gối bà ngồi yên, mắt nhắm lại. Sau lưng bà, ngoài cửa sổ, một con bồ câu đậu trên mái ngói và gù, một túm lông ức xù lên phóng ra những ánh chớp tím tím. Ta tự nhiên hiểu rằng đây là một con bồ câu đực đang giữa cuộc

trưng diện gọi tình. Thành linh bà đồng thốt ra một tiếng thở dài làm con chim bồ câu bay mất.

Ta nhìn các viên ngói mang u hoài. Sít như vẩy cá, chúng gọi lại trong ta những kỷ niệm tuổi ấu thơ. Ta nghĩ lại những ngày mưa, khi những giọt nước lóng lánh thấm đẫm các mạng nhện ở góc nhà, run rẩy trong gió. Rồi ta nghĩ không biết tại sao ta lại đến cái thế gian này; những viên ngói như có một sức lôi cuốn làm cho yếu đuối khiến ta vô phương chống trả. Ta hơi muốn khóc nhưng ta không còn biết khóc nữa.

Bà đồng nắc một cái. Chắc hẳn một vong đã nhập vào bà. Bà không ngừng nắc để tổng khứ không khí chứa trong bao tử bà. Bà có nhiều khí cần tổng khứ quá đến nỗi ta cũng đến lượt muốn nắc. Nhưng ta không dám và ta ngọt ngào ở trong người. Ta sợ làm cho bà tiêu tan mất tình ý rồi bà lại tưởng tượng ra rằng ta chỉ đến để gây phiền phức cho bà cũng như chế giễu bà. Ta thật sự thành tâm thành ý, cho dù ta không thật tin cái chuyện này. Nắc ngày một gấp, người bà lên những cơn giật nhưng xem vẻ bà không làm ra bộ. Theo ta, các cơn co giật tự phát có thể là hiệu quả của tinh tọa khí công. Toàn thân bà bắt đầu run rẩy. Thành linh, bà dựng ngón tay lên trên không cũng tức là về phía ta, nhưng bà vẫn nhắm mắt. Mười ngón tay xòe ra, hai ngón tay trở trong đó lại rõ ràng rành rọt vào ta. Sau lưng ta là vách ván, ta không thể lùi, ta đành thẳng người lên và không nhìn bạn gái. Nàng chắc chắn tâm thành hơn ta, cho dù nàng chỉ là đi kèm ta. Chiếc ghế dựa mây không ngừng kêu cọt két dưới chân bà to béo đung đưa. Bà lầm rầm những lời chú khó hiểu, cái gì đại khái như: “Vương mẫu nương nương, thiên địa chư thần linh, quân thần trong ngôi nhà ống cây túc tưng, bước lên thiên luân, địa luân, yêu ma quỷ quái lũ lũ đánh giết tất cả không phải cấm kỵ”. Bà nói mỗi lúc một nhanh. Đúng là bà phải có một tập luyện đặc biệt. Ta chắc bây giờ bà đã nhập đồng. Bà già ghé gần vào tai ta rồi khẽ tuyên bố với ta:

- Anh, cái vận của anh không tốt, anh phải cẩn thận!

Ta biết Bạch Hổ chỉ người đàn bà cực kỳ quyến rũ mà nếu sa vào lưới của nó thì người ta rất khó gỡ ra. Thật thà, ta tha thiết mong sa vào lưới của Bạch Hổ nhưng ta cũng muốn biết liệu ta có thoát được khỏi cái vận xấu của ta không.

- Không, bà già lắc đầu nói, anh sẽ khó thoát được nguy khốn.

Xem lại ta đúng không phải người may mắn vả chăng cơ hồ chưa từng được mấy cái hoàn toàn may. Cái ta mong mỗi không bao giờ được thực hiện, cái ta e sợ thì luôn xảy ra. Trong đời ta, tai họa nối tiếp tai họa, ta không ngừng có những phiền não với đàn bà, nhưng những đe dọa ta nhận được thì lại không nhất thiết đến từ họ. Thật ra ta chưa từng có xung đột lợi hại thật sự nghiêm trọng với bất kỳ ai, ta không biết đã ngáng cản ai chưa, ta chỉ mong rằng không có ai ngáng cản ta mà thôi.

- Hiện nay anh đang gặp tai ách to lớn lắm, bà già nói tiếp, anh bị các tiểu nhân vây quanh rồi.

Ta cũng biết các tiểu nhân này là gì. Trong “Đạo Trang” đã có tả rằng những tiểu nhân mình trần thân trụi gọi là tam thi lúc bình thường sống ký vào thân người ta, nấp trong họng họ, ăn nước rãi của họ, lại chờ lúc người ta ngủ thì mới lên thiên đường báo cáo với Ngọc hoàng thượng đế các tội lỗi của họ.

Bà già còn nói một người ác độc mắt đỏ ngầu đang muốn trừng phạt ta, ta khó lòng thoát được hẳn, cho dù có cầu xin và thắp hương đi nữa.

Bà to béo đã trườn tụt xuống đất, lăn người trên sàn nhà. Thảo nào nó sạch đến như thế; lập tức ta nhận thấy các ý nghĩ của ta ô uế nên mới nhận những lời nguyện rửa của bà. Bà cam đoan rằng ít nhất có đến chín vị Bạch Hổ vây quanh ta.

- Tôi còn có thể được cứu thoát không? Ta nhìn và hỏi bà.

Bà khạc ra một vệt bọt mép nhờ nhờ trắng, mắt bà đảo trắng dã, nhiều phần đang tự thôi miên mình, đang bước vào trạng thái hít-tê-ri. Gian phòng không đủ cho bà lăn lộn, người bà va vào chân ta. Ta vội rụt mạnh chân về, đứng lên, mắt nhìn chăm chăm vào cái thân hình béo ú đang ườn ra giẫy giụa trên đất.

Nỗi sợ xâm chiếm ta. Ta không biết đó là sợ về số phận ta hay sợ những lời nguyện của bà. Ta đã chi tiền để đùa chơi với bà, cách này hay

cách khác, ta phải bị trừng phạt. Đôi khi các quan hệ giữa con người cũng thật sự gây nên kinh hãi.

Bà đồng không ngừng lầm rầm, ta quay lại bà già để hiểu nghĩa những lời bà to béo nói. Bà già chỉ gật gật đầu không giải thích gì hết. Lúc đó ta thấy cái thân hình béo ú, quần quai vì những cơn co giật đang dần dần uốn cong lưng lại rồi từ từ co quắp ở chân ghế dựa mây, như một con vật bị thương. Thật thà, con người thuộc về cái loài vật mà một khi đã bị thương thì có thể trở nên đặc biệt hung dữ. Cái làm cho con người sợ không phải là con người vật thể mà chính là cơn điên loạn của nó, và khi đã hóa điên rồi thì nó từ dày vò cho đến chết trong điên loạn, đó là điều ta nghĩ lúc này.

Bà thốt ra một tiếng thở dài âm âm quay đảo trong họng bà, một tiếng kêu của thú hoang dại. Mắt nhắm nghiền, bà mò mẫm đứng lên. Bà già hấp tấp lại gần bà để đỡ và giúp bà ngồi vào ghế. Ta tin chắc bà ta vừa lên một cơn hít-tê-ri thật sự.

Cảm giác của bà không sai. Do ta đến tìm một tiêu khiển thì bà chỉ có thể trả thù và nguyên rủa số mệnh ta. Nhưng người bạn gái đi theo ta lại rất lo lắng, nàng thương lượng với bà già để tổ chức một buổi nữa nhằm thắp hương và cầu xin cho ta. Bà già hỏi bà đồng, bà này lầm rầm cái gì, mắt vẫn nhắm nghiền.

- Cô đồng nói một buổi nữa cũng không đủ.
- Tôi phải mua nhiều hương nến nữa phải không? Ta hỏi.

Bạn gái ta bèn hỏi bà già ta phải đưa bao nhiêu tiền. Hai mươi nguyên, bà già nói. Trong thâm tâm, ta tính thấy quá lắm cũng bằng tiền mời một người bạn đi nhà hàng ăn một bữa, không kể rằng đây chỉ là cho mình ta thôi. Bà già tiếp tục bàn với bà đồng rồi nói:

- Anh có làm cũng không tốt đâu.
- Vậy là tôi không thể tránh được cái vận xấu ư?

Bà già lại chuyển câu hỏi. Bà đồng lầm rầm một câu và bà già nói thêm:

- Cái đó còn xem.

Xem cái gì? Xem lòng thành của ta?

Tiếng bồ câu gù lại tiếp tục sau cửa sổ. Ta nghĩ con bồ câu đực nhất định đã nhảy lên người con mái rồi. Một lần nữa ta cũng lại không nhận được câu trả lời.

Ở đầu làng, cành lá cây bách đen cháy đi vì sương giá đã ngả sang màu đỏ thẫm. Đứng dưới cây, tì vào cái thuổng, là một người đàn ông mặt xám, nhợt như thần chết. Mi hỏi hắn ta làng này tên là gì. Hắn nhìn mi, con mắt sắc, không trả lời. Mi quay lại bảo nàng rằng gã này là một tên đào trộm mồ mả. Nàng không thể nhịn được cười, khi hai người đã vượt qua hắn, nàng ghé vào tai mi rằng hắn ta chắc đã bị nhiễm độc thủy ngân rồi. Mi nói hắn đã ở quá lâu trong đường hầm một ngôi mộ mà hắn đang ăn trộm và tên đồng đảng với hắn đã chết. Mình hắn sống sót.

Mi bảo rằng ông hắn cả đời làm cái việc ấy, ông của ông hắn cũng thế. Khi ông cha đã dẫn vào cái loại sinh nhai này thì người ta khó mà có được bàn tay sạch sẽ. Nhưng cái này không giống như hút thuốc phiện, hút thuốc phiện cuối cùng là phá tán cơ nghiệp và làm bại hoại gia đình. Những kẻ ăn cướp mồ mả lấy được nhiều lợi lộc lớn lắm mà chẳng cần có vốn liếng đặc biệt gì. Họ chỉ cần táo tợn nhảy vào công việc ấy. Khi người ta đã phạm vào nó một lần, người là liền bập vào nó đời này qua đời khác. Nói với nàng như thế, mi làm cho nàng vui. Nàng cầm lấy tay mi, nàng sẵn sàng đi theo mi khắp nơi.

Mi nói vào thời ông của ông cái gã vừa rồi, Hoàng đế Càn Long có làm một chuyến tuần du. Trong đám quan lại địa phương, ai mà không muốn nịnh Hoàng đế? Trăm phương nghìn kế nếu không là để chọn ra những đàn bà con gái đẹp nhất trong vùng thì là để thu nhặt kho báu của các triều đại đã qua. Bố của ông của ông hắn chỉ có một ít đất cày làm của thừa kế. Ngày mùa, ông ta trồng trọt còn trong mùa nông nhàn, ông ta đi khắp các xóm làng, thị trấn, đòn gánh trên vai, rao bán các tượng xinh xinh ông ta làm bằng cách nấu vôi cân đường trộn lẫn với mọi màu sắc. Ông ta đã kiếm được lãi to nhờ tạo ra những cái còi cho trẻ con và những nhân vật như Trư Bát Giới, con lợn nổi tiếng cõng một cô gái trên lưng. Tên của ông của ông hắn là Lý Tam, Lý thứ ba. Người này cà giốn quanh năm ngày tháng chẳng có mấy may ý định học cách chế tạo những cái tượng xinh xinh bằng đường mà lại bắt đầu mơ màng cũng được công

một cô gái ở trên lưng. Khi hắn thấy một người đàn bà, hắn bắt chuyện và mọi người làng gọi hắn là thằng vô tích sự. Một hôm, một người chữa rắn cắn đi đến làng. Mang một ống tre, một que cời bếp lò, một cái móc sắt, một túi vải trên lưng đầy rắn, len lỏi giữa các nấm mộ. Lý Tam, thấy hay hay đã đi theo và thành người giúp việc. Người chữa rắn cắn này cho hắn một hạt đậu chống rắn cắn giống như một cục phân đen, dặn hắn hãy ngậm ở trong mồm. Cái của này, ngọt lừ, chắc làm cho giọng hắn thanh ra. Sau mười lăm ngày Lý đã phát hiện ra sự bịp. Bắt rắn là cái bề ngoài, cướp mồi trộm mả mới là việc thật. Do người nuôi rắn cũng đang cần trợ thủ, Lý Tam bèn bắt đầu sự nghiệp như thế.

Khi Lý trở về làng, hắn đội trên đầu cái mũ vỏ dừa có những múi bằng lụa đen và đính mũ đính một cục ngọc. Dĩ nhiên đây là một cái mũ cũ mua rẻ ở cửa hàng cầm đồ của Trần Rỗ Hoa tại thị trấn Ô Y, là nói cái phố cổ thời chưa bị loạn đảng Thái Bình Thiên Quốc đốt cháy. Hắn nom thật oai vệ, có vẻ “phát phúc” như dân làng nói. Một số người thậm chí còn qua cả ngưỡng cửa nhà hắn để cầu thân với bố hắn. Cuối cùng hắn đã cưới một người góa trẻ, chẳng hiểu là chị ta quyến rũ hắn trước hay hắn tìm chị ta. Dẫu sao người ta nói Lý Tam thường lui tới *Hỉ Xuân Đường*, nhà mùa xuân vui vẻ với ngọn đèn đỏ treo cửa ở cái phố bên dưới của thị trấn Ô Y, ở đấy hắn chi những nén bạc óng ánh. Dĩ nhiên, hắn không thể nói rằng các nén này ở trong các ngôi mộ một thời gian dài đã bị vôi và thạch tín ăn. May sao hắn đã cọ chúng vào gót giày rất nhiều.

Ngôi mộ này ở trên một gò đá, cách đồi Lạc Phượng hai dặm về phía đông. Sau cơn mưa thày hắn phát hiện ra một dòng nước chảy thẳng vào một cái lỗ. Càng chọc, dò bằng gậy, cái lỗ càng rộng ra. Từ đầu buổi chiều đến sẩm tối hắn đào, cho tới khi một người có thể lách vào và dĩ nhiên hắn phải vào đầu tiên. Hắn đã bò, bò và thỉnh thoảng hắn ngất đi. Cuối cùng, lặn mò trong bùn, hắn đã thấy nào vò nào bình mà hắn đã thẳng tay đập vỡ. Hắn cũng phát hiện ra một tấm gương đồng mà hắn lấy ra từ các tấm ván một chiếc áo quan mục, mềm như bã đậu phụ. Tấm gương này vẫn còn đen bóng, chưa có một vết gỉ xanh nào; đó là một cái gương lý tưởng cho bọn con gái! "Bảo đảm của Lý Tam đây, hắn nói, nếu tôi nói dối nửa lời, tôi chỉ là con của giống chó!" Không may, thầy hắn lấy tấm gương, chỉ để cho hắn một cái túi bạc. Được lần mạo

hiểm này dạy cho, hẳn nhận ra rằng hẳn có thể tự bay bổng bằng chính đôi cánh hẳn.

Mi bèn đi đến miếu thờ tổ tiên họ Lý, Lý thị tông từ ở giữa làng. Trên lanh tô của cái cửa trùng tu, một hòn đá sứt mẻ, khắc những hạc, hươu, tùng, mai. Mi mở cánh cửa lớn hé sẵn. Lập tức một tiếng nói từ đáy thời gian đến hỏi mi: "Anh làm gì?" Mi nói đến xem qua một ít. Một cụ già thấp bé từ trong một gian phòng được hành lang che khuất đi ra. Rõ ràng trông coi miếu thờ tổ tiên cũng là một việc vặt vãng.

"Người lạ không được la cà ở đây", ông già vừa nói vừa đẩy mi. Mi nói mi cũng họ Lý, mi là con cháu của cái thị tộc này, lang thang từ lâu ở ngoài và nay trở về thăm quê hương bản quán. Ông lão nhú đôi lông mày bạc trắng, quan sát mi từ đầu đến chân. Mi hỏi ông lão liệu có biết trước đây đã lâu ở làng này có một người ăn trộm các năm mộ không. Những vết nhăn trên mặt ông lão càng sâu hoắm, một nét khiến cho người ta đau đớn. Hồi tưởng nói chung chẳng bao giờ mà không đau khổ. Mi không biết liệu ông lão đang lục tìm trong ký ức hay cố nhận dạng mi. Dầu sao mi cảm thấy ngượng nghịu phải tiếp tục nhìn chăm chú vào bộ mặt già nua đang biến dạng này. Ông lão lăm răm một lúc lâu, không dám tin vào đứa con cháu đi giày du lịch chứ không phải giày gai. Cuối cùng ông lão ấp úng nói: "Chưa phải là đã chết ư?" "Nhưng ai chết chứ? Luôn chỉ là người già chết chứ đâu phải con trẻ".

Khi mi bảo ông lão rằng cháu chắt nhà họ Lý đã làm giàu ở nước ngoài, ông lão há hốc mồm ra, rồi để mi đi qua, cúi xuống chào mi và đưa mi đến trước ban thờ tổ tiên, như một người quản gia già. Ông lão đi những chiếc giày đen, tay cầm chìa khóa. Ông lão nói đến cái thời từ đường chưa bị biến thành trường học rồi nói ông đã lại làm tiếp tục chức năng của mình vì trường tiểu học đã lại dọn đi.

Ông lão chỉ cho mi một tấm hoành phi nước sơn đã rạn, giống như một di vật khảo cổ nhưng chữ viết theo lối chính quy, khảo thư. "Tông sáng tổ ngài", mấy cái chữ chưa bị mờ đi chút nào. Dưới bài vị là một cái móc sắt, đương nhiên dùng để treo tộc phả, có điều lúc bình thường người ta không đem phô nó ra vì bảo tồn nó là công việc của trường họ.

Mi bảo ông lão rằng đó là một cuộn giấy theo chiều dọc, biểu bằng lụa vàng. “Đúng, đúng”, ông nói. Cuộn ấy đã bị đốt trong cải cách ruộng đất và chia ruộng đất, nhưng sau đó người ta đã lén lút làm lại nó và giữ ở trong nhà kho. Vào lúc có phong trào “làm rõ nguồn gốc giai cấp”, người ta đã bật các thanh ván sàn nhà và nó đã bị phát hiện rồi bị đốt một lần nữa. Cái cuộn người ta nắm hiện na đã được ba anh em nhà họ Lý tái tạo theo trí nhớ và được bố của Mao Nhi, ông giáo làng đây phục hồi. Mao Nhi có một đứa con gái lên tám nhưng anh ta còn muốn một đứa con trai. “Không phải là bây giờ sinh để bị kiểm soát sao?” “Không những phải nộp tiền phạt và nếu người ta có một đứa con thứ hai, mà thêm nữa, người ta không cho anh cả hộ khẩu thường trú”. Mi gật đầu nói thêm rằng mi muốn xem cuộn tộc phả kia. “Chắc chắn là anh có ở trong đó, chắc chắn mà, ông lão nhắc lại, tất cả những ai họ Lý trong cái làng này đều nằm ở trong cuốn giấy ấy”. Ông lão cũng nói rằng chỉ có ba họ người ngoài đều là những người đã lấy con gái của họ Lý; nếu không thế thì xin nghỉ đừng có ở trong làng. Những người họ ngoài sẽ cứ mãi là người họ ngoài và nói chung, đàn bà không thể vào được cuộn giấy ấy.

Mi nói rằng mi hiểu cái đó, rằng đại hoàng đế nhà Đường, Lý Thế Dân cũng họ Lý trước khi trở thành hoàng đế, nhưng những người họ Lý làng này không bao giờ lại đi nhận mình là họ của hoàng đế. Tuy thế, nhiều người tổ tiên của họ Lý đã từng là tướng quân hay tư mã chứ không phải chỉ có những người ăn trộm mồi mả thôi đâu.

Ra cửa miếu, mi bị những đứa trẻ vây quanh mi không biết chúng từ đâu đến, ngày một đông. Mi giơ máy ảnh lên, cả bọn bèn chạy. Chúng theo mi khắp nơi. Mi bảo chúng là những con sâu dính vào móng nhưng chúng vẫn theo, cười ngô nghê. Chỉ một đứa đứng ra nói máy ảnh của mi không có phim, mi có thể mở ra mà xem. Đó là một thằng con trai bé nhỏ thông minh, thanh mảnh, nhanh như con cắt.

- Đây, có cái gì hay để xem ở đây không? Mi hỏi nó.

- Sân khấu.

- Sân khấu nào?

Chúng bèn chạy vào trong một ngõ nhỏ. Mi theo chúng. Ở góc một ngôi nhà, trên một phiến đá cất lên ở đầu ngõ có khắc các chữ: *Đáng là đá Thái Sơn*. Mi sẽ không bao giờ hiểu nghĩa chính xác của lời ghi này, bây giờ cũng chẳng ai có thể giải thích rõ ràng cho mi. Tóm lại, tất cả các cái đó gắn với các kỷ niệm ấu thơ của mi. Trong cái phố nhỏ trống vắng, chỉ có thể để một người duy nhất gánh thùng nước đi lợt, mi còn nghe thấy tiếng vỗ khô khốc của bàn chân mi trên các tấm đan bằng đá xanh, trên đó các vệt nước khô đi dưới nắng.

Mi ra khỏi phố và thành linh rẽ vào một sân phơi phủ rơm. Trong không khí, phảng phất mùi thơm dịu dịu, ngọt ngào của rơm rạ mới cắt. Ở đầu sân phơi quả nhiên có một sân khấu nhà hát lâu đời làm toàn bằng gỗ. Sân khấu cao ngang thân người. Những bó rơm đã buộc chặt đứng ở đây. Bầy khỉ con trèo lên bằng cách leo một cái cột rồi buông xuống sân phơi, xô đẩy nhau trong các bó rơm. Trên cái sân khấu trống tuênh toàng, bốn cây cột đỡ lấy cái mái rộng bốn góc cong lên. Dưới mái, vài xà ngang trước kia chắc là dùng để treo các cờ hiệu, dây mắc đèn cũng như dây dợ của các màn nhào lộn.

Các xà ngang và dợ đều được sơn nhưng sơn then đã rạn.

Ở đây đã diễn kịch, đã cho rụng những cái đầu, đã hội nghị, đã kỷ niệm các sự kiện lớn. Nhiều người đã quì mọp, cũng có người đã khấu đầu lạy, vào mùa thu hoạch người ta chất rơm rạ vào đây, trẻ con thi nhau leo lên trèo xuống. Trong những đứa họ Lý ngày xưa leo lên tụt xuống đồng rơm, một số đã già lão, một số đã chết và người ta không biết rõ nữa những ai có ở trong tộc phả. Cái phả hệ tái dựng theo trí nhớ có khớp đúng với bản gốc không? Cuối cùng cũng chẳng có khác nhau gì to tát giữa người có trong gia phả và người không. Nếu không đi biệt tằm biệt tích thì chắc đã phải làm đất làm cát để sinh nhai, còn lại cho họ chỉ là những đứa trẻ và rơm rạ.

Đối diện sân khấu, một ngôi miếu đã được xây lại trên nền đổ nát của cái cũ, bảnh chọe với các mầu rực rỡ. Trên cổng chính đỏ chói vẽ hai ông hộ pháp, một xanh một đỏ, vùng kiếm và rìu, mắt như quả chuông đồng. Trên các bức tường vôi trắng viết mấy chữ bằng bút lông: Miếu Hoa Quang trùng tu nhờ công đức liệt kê trong danh sách đây: *Mỗ trăm*

nguyên, Mỗ trăm hai mươi nguyên, Mỗ trăm hai mươi năm nguyên, Mỗ năm mươi nguyên, Mỗ sáu mươi nguyên, Mỗ hai trăm nguyên... rồi cuối cùng lạc khoản: Do các đại biểu của người già, người trung niên và thanh niên ở Linh Nham, Hòn đá Hồn công bố.

Mi bước vào. Trong miếu, ở chân pho tượng Hoa Quang đại đế, một dãy các bà già, tất cả đều móm đang hoặc đứng hoặc quỳ trước hương án thấp nền hương. Hoa Quang đại đế có một khuôn mặt tròn bóng nhoáng, mặt rộng má vuông, đây là hình ảnh cầu hạnh phúc mà các cuộn khói hương đang làm cho thêm từ bi nhân hậu. Trên cái bàn hẹp dài kê ở trước mặt ngài có đặt bút lông, nghiên đá y như trên bàn giấy một viên quan chức dân sự. Trước các bàn lễ vật, trên đó có để giá nến, bát hương, treo một miếng vải đỏ với dòng chữ thêu bằng lụa nhiều màu: *Hộ quốc, bang dân, giữ nước giúp dân*. Trên các chướng rèm, tàn tán, một hoành phi mang dòng chữ đen: *Hiển thánh* và ở rìa, một hàng chữ nhỏ: *Sĩ tử và dân làng Linh Nham, Hòn đá Hồn dâng cúng*, người ta không biết cái cổ vật này có chính xác từ bao giờ.

Thế là mi nhận ra nơi này là Linh Nham, Hòn đá Hồn. Vậy nghĩ tất phải có những nơi đến mang tên linh, hồn nữa, nó chứng minh mi đã không lầm khi cất chân tới đây để đi Linh Sơn, Núi Hồn. Mi hỏi các bà già, các bà móm mém trả lời mi với những tiếng huyết gió xi xi xi xi. Chẳng một ai chỉ rõ cho mi được đường đến Linh Sơn.

- Ở cạnh làng này ạ, đúng không?
- Đúng, đúng... phải đấy...
- Có phải không xa làng này không?
- Đúng, đúng, phải đấy...
- Phải rẻ, đúng không?
- Đúng, đúng, phải đấy...
- Hãy còn hai dặm nữa?
- Phải đấy, đúng, đúng...

- Năm dăm à?
- Đúng, đúng, phải đấy...
- Năm hay bảy dăm?
- Năm hay bảy hay bảy hay năm...

Có một cây cầu đá không? Không có cầu đá à? Người ta theo sông đến đó chứ? Hay theo đường? Đi đường thì xa hơn phải không? Đi như thế xa hơn nhưng rõ ràng hơn phải không? Nếu rõ ràng hơn, thì người ta tìm thấy ngay đấy nhỉ? Cái quan trọng là thật tâm ư? Thật tâm thì linh nghiệm, linh nghiệm thì tới Linh Sơn ^[10]. Linh nghiệm hay không, tất cả dựa hoàn toàn vào may rủi. Những ai hạnh phúc thì không cần đi tìm, đúng không? Người ta có thể đi đến sắt cũng không tìm thấy nó bằng tình cờ lại vô vào nó đâu! Cái Núi Hồn này chẳng phải là một tảng đá bướng bỉnh sao? Nếu nói như thế không tốt thì phải nói như thế nào? Cái đó tùy hoàn toàn ở mi, mi nhìn nàng như thế nào thì nàng ra thế nấy, mi nghĩ nàng là mỹ nhân thì nàng là mỹ nhân, trong lòng mang cái tà ác thì sẽ chỉ là ma quỷ.

Khi ta tới Đại Linh Nham, hòn đá hỗn lớn, đêm chưa buống xuống hẳn. Ta đã đi suốt ngày trên đường núi, men theo một khe hẻm dài, sâu, những vách đá dựng đứng, màu nâu, phủ rêu xanh viền bên. Đầu vực, đỏ như lưỡi lửa, ánh mặt trời lặn cuối cùng cháy rực lên ở trên các chòm núi.

Dưới chân vách đá, sau một rừng cây thủy sam, dưới những cây bạch quả già nghìn tuổi, dựng lên một ngôi miếu đã được cải tạo thành trung tâm đón tiếp khách đi đường. Bên kia cổng chính, mặt phủ đầy lá bạch quả màu vàng nhạt. Không một tiếng người. Ta đi thẳng đến sân sau, bên trái tòa nhà, nơi cuối cùng ta tìm ra một đầu bếp đang cọ rửa nồi. Ta xin anh cho một bữa ăn nhưng chẳng ngẩng đầu lên, anh trả lời rằng đã quá giờ ăn.

- Ở đây nói chung ăn tối đến mấy giờ ?

- Sáu giờ.

Ta mời anh ta nhìn đồng hồ. Mới sáu giờ kém hai mươi.

- Nói với tôi chả tích sự gì, anh nói, vẫn tiếp tục cọ nồi. Anh đi gặp người quản lý ấy. Tôi chỉ căn cứ vào phiếu ăn chia ra.

Ta lại đi qua các hành lang uốn khúc ở trong tòa nhà lớn trống không, chẳng thấy một ai chỉ còn cách lớn tiếng gọi:

- Ơi! Có ai trực ở đây không?

Sau nhiều lần gọi, một tiếng đáp lại, giọng kéo dài, tiếng bước chân vang lên và một cô phục vụ mặc tạp dề trắng hiện ra trong hành lang. Cô nhận tiền cho căn phòng và bữa ăn, tiền đặt cược cho chiếc chìa khóa. Cô mở một căn phòng cho ta rồi bỏ đi. Bữa tối chỉ có một đĩa những món ăn thừa và một bát canh trứng âm ỉ, không có tí khói nào bốc lên. Ta tiếc đã không ngủ ở nhà nàng.

Nàng, ta đã gặp trên con đường núi, ở lối ra cửa Long Đàm, Vực Rồng. Nàng đi bình thản trước ta, mặc quần vải hoa, hai bó dương xỉ to dùng treo trên đòn gánh. Vào hai, ba giờ chiều, mặt trời chính thu vẫn còn nguyên sức nóng. Lưng nàng đã đầm mồ hôi và áo nàng dính bết vào từng chiếc xương sườn. Nàng giữ lưng rất thẳng, chỉ có eo oằn ngả xuống. Ta theo sát nàng. Rõ ràng nàng đã nghe thấy tiếng chân ta. Nàng đổi đòn gánh, một đầu có mũi sắt nhọn, để cho ta đi qua, nhưng các bó dương xỉ móc trên đòn gánh vẫn chặn con đường mòn hẹp.

- Cô đừng ngại, ta nói, cô cứ đi đi, chớ bận cho tôi.

Sau đó, để qua một con suối, nàng phải đặt quang gánh. Ta có thể thấy những lọn tóc bị mồ hôi làm dính vào má, đôi môi mọng và khuôn mặt trẻ thơ của nàng nhưng ngực nàng đã đội cao. Ta hỏi tuổi nàng. Nàng nói mười sáu; song nàng không hề có tất cả cái vẻ nhút nhát mà các cô gái vùng núi bày ra khi gặp một người lạ. Ta nói với nàng:

- Đi một mình ở đường mòn này mà không sợ ư? Không có ai, không có làng mạc nào trước mắt cả.

Nàng liếc vào cái đòn gánh nhọn đầu ở trong các bó dương xỉ:

- Khi đi một mình trên đường mòn, chỉ cần mang một cái gậy để đuổi sói.

Nàng còn nói nàng ở không xa, ngay trong lòng núi.

Ta hỏi nàng: Cô còn đi học?

Nàng nói nàng đã đi nhưng bây giờ đến lượt em trai nàng.

Ta nói: Tại sao bố cô không để cho cô học tiếp?

Nàng nói bố nàng đã chết.

Ta hỏi nàng: Trong nhà cô còn lại ai?

Nàng nói nàng còn mẹ.

Ta hỏi: Cái gánh này phải nặng đến một nửa tạ chứ, đúng không?

Nàng nói để đun nấu mà không còn củi nữa thì phải trông vào dương xỉ.

Nàng để ta đi lên trước. Vừa vượt qua chòm núi, ta đã thấy một ngôi nhà gạch lẻ loi, nép ở sườn núi.

- Anh nhìn kia! Cái nhà với cây mận trắng trước mặt ấy, là nhà em.

Lá cây gần như đã rụng hết. Chỉ còn vài chiếc đỏ sậm run rẩy trên các cành màu tím sáng bóng.

- Cây mận trước cửa nhà em rất lạ. Nó đã nở hoa vào mùa xuân, rồi nó lại nở hoa vào mùa thu, hoa của nó trắng như tuyết, mới rụng mấy ngày vừa qua thôi. Nhưng không như vào mùa xuân, không cho ra một quả nào cả.

Khi ta đi qua cạnh nhà nàng, nàng muốn ta vào uống trà. Ta leo các bậc đá và ngồi xuống cái cối xay trước cửa. Nàng đem các bó dương xỉ vào sau nhà.

Một lát sau, nàng mở cửa lớn giữa nhà và đi ra, với một ấm trà bằng gốm, đổ đầy trà vào một cái bát vại có nền màu lam. Ấm trà chắc vẫn để trên than hồng bếp lò vì nước trà nóng.

Tựa vào cái giường bằng xơ cọ của cái căn phòng ở trung tâm đón tiếp, ta rét. Cửa sổ đóng nhưng trên tầng một, không khí lạnh dễ dàng đi qua bức tường bằng ván. Dầu sao đây cũng là một tối giữa mùa thu trong lòng núi. Ta còn nhớ nàng đã cười như thế nào khi rót trà cho ta, thấy ta hai tay bưng cái bát lên miệng. Môi nàng hé ra. Môi dưới rất mỏng, như sưng sưng. Nàng vẫn mặc chiếc áo vét ngắn đẫm mồ hôi. Ta bảo nàng:

- Như thế này cô bị lạnh mất.

- Các anh thì có, các anh người thành phố ấy. Ngay mùa rét, em vẫn tắm nước lạnh, nàng nói. Anh không muốn ngủ ở đây sao?

Thấy ta ngạc nhiên, nàng vội nói ngay:

- Mùa hè khi khách đi đường nhiều, nhà em cho họ trọ.

Ta đã vào trong nhà, theo con mắt nàng dẫn đi. Các bức tường bằng ván che một nửa bằng những bức ảnh mầu kể chuyện Phàn Lê Huê, một nữ tướng thời cổ xưa. Lúc bé ta có nghe nói đến nữ anh hùng này nhưng ta đã quên mất.

- Cô thích đọc tiểu thuyết à? Ta hỏi, chỉ vào các bức tranh.

- Em đặc biệt thích kịch hát.

Ta hiểu rằng nàng nói đến các tiết mục hí kịch dài phát thanh truyền đi.

- Anh không muốn rửa mặt sao? Em mang cho anh một thau nước nóng nhé? Nàng hỏi.

Ta nói không cần, ta có thể ra bếp. Nàng bèn lập tức đưa ta đi ngay, cầm lấy một cái thau mà rất nhanh nàng múc một gáo nước trong cống ra rồi cọ nó. Nàng đổ đầy nước nóng vào thau, đưa cho ta và nhìn ta nói:

- Anh vào xem phòng, sạch lắm.

Ta không chịu được ánh mắt ươn ướt của nàng. Ta quyết định ở lại.

- Ai đấy?

Một tiếng trầm trầm của đàn bà cất lên sau bức vách gỗ.

- Mẹ, một người khách, nàng kêu lên trước khi nói với ta. Mẹ ốm, nằm liệt giường đã một năm rồi.

Ta cầm lấy chiếc khăn tay nóng nàng đưa cho rồi nàng vào trong buồng. Ta nghe thấy họ thì thầm. Ta lau mặt, cảm thấy tỉnh táo đôi chút, nhấc ba lô lên, đi ra cửa, đến ngồi lên chiếc cối ở sân. Khi nàng chở ra, ta hỏi:

- Bao nhiêu tiền nước?

- Không phải tiền.

Ta lấy ở trong túi ra chỗ tiền lẻ nhét vào tay nàng. Nàng cau mày lại đăm đăm nhìn ta. Ta xuống đường mòn và chỉ ngoái lại lúc đã xa hơn một chút. Nàng vẫn đứng bên cối, nắm chặt món tiền trong tay.

Ta cần một ai đó để nguôi vợi nỗi niềm. Ta xuống giường, đi ở trong phòng.

Bên cạnh, ván sàn cũng cọt kẹt. Ta gõ vào vách:

- Có ai không?
- Ai đấy? Một tiếng nói trầm trầm của đàn ông hỏi
- Anh cũng đến chơi núi sao?
- Không, tối đến làm việc, sau một phút ngáp ngừng, giọng ấy đáp.
- Tôi có thể quấy quả anh được không?
- Tùy.

Ta ra gõ vào cửa phòng bên cạnh. Khi anh ta mở cửa, ta phát hiện thấy nhiều tranh sơn dầu và ký họa đặt ở trên bàn và thành cửa sổ. Anh ta hẳn đã lâu chưa đụng đến râu tóc. Chắc là cố ý. Ta nói:

- Lạnh thê chứ!
- Nếu có rượu thì dễ chịu hơn, nhưng không có ai ở cửa hàng bách hóa cả.

Ta chửi thề: Cái xó chết tiệt này...!

- Nhưng con gái ở đây - anh ta chỉ cho ta một kí họa về một cô gái môi mọng - gợi dục lắm.
- Anh nói đến môi của họ?
- Họ gợi dục không đòi trụy.
- Anh tin có cái dâm không đòi trụy?

- Tất cả đàn bà đều gọi dục nhưng họ luôn cho anh một cảm giác về đẹp mà nghệ thuật thì cần có cái ấy, anh nói.

- Vậy anh không nghĩ là có một cái đẹp không dính đến đồi trụy sao?

- Có lẽ là người ta tự lừa người ta thôi! Anh nói không quanh co.

- Anh không muốn ra ngoài làm một vài vòng, xem chút ít núi ban đêm sao?

- Dĩ nhiên, dĩ nhiên, anh ta nói. Nhưng bên ngoài chẳng nhìn thấy gì nữa đâu, tôi đã làm một vòng rồi. Anh ta lại ngấm đôi môi mọng.

Ta ra sân. Vươn lên từ suối, các cây bạch quả đồ sộ che khuất những cây đèn mà ánh sáng đem cho lá một màu nhợt nhạt. Ta quay đầu lại, núi và trời ban đêm mờ đi trong sương mù u tối trong đó các ngọn đèn sáng lên yếu ớt. Duy nhất nổi bật lên mái chèo của tòa nhà. Giam cầm trong cái ánh sáng lạ lùng này, ta hơi choáng váng.

Cổng chính đã đóng. Ta mò mẫm kéo chốt. Vừa bước qua ngưỡng cửa, ta lập tức ngập vào bóng tối, ta nghe thấy tiếng một con suối rỉ rả.

Được vài bước, ta quay lại. Dưới chân vách đá, các ngọn đèn biến mất, sương mù xám phơn phớt lam cuộn lại trên các đỉnh núi. Dưới đáy vực, một con dế cất lên tiếng rúc ngập ngừng. Tiếng suối lúc dội lúc chìm, lại giống như gió, mà gió thì lại đang xuyên đi qua giữa khe sâu.

Sương mù ẩm tràn lấp cái khe, xa xa, hình bóng các cây bạch quả to tướng được ánh đèn chiếu vào đang nhòa lẫn trong sương mù nặng hạt. Bóng núi hiện lên dần dần. Ta đi xuống hẻm núi với các vách đá dựng đứng. Sau cái khối mờ mờ đen của núi, chập chờn một ánh sáng yếu ớt, nhưng ta đang bị bóng tối dày đặc bủa vây và dần siết chặt gọng kìm của nó lại.

Ta nhìn lên cao, một hình thù khổng lồ đen ngòm vụt dựng lên vào bầu trời uy hiếp ta. Ở chính tâm của nó, ta nhận ra đầu một con đại bàng đồ sộ, cánh thu lại, tựa như đang lấy đà bay. Dưới những móng vuốt to tướng của con ma núi hung dữ này, ta ngập thở.

Xa hơn nữa, trong rừng cây thủy sam dựng lên đến một chiều cao chóng mặt ở hai bên, bóng tối hoàn toàn đặc sệt đến mức nó tạo thành một bức tường dày mà người ta có cơ và phải nếu đi lên một bước. Ta quay lại một cách bản năng. Đằng sau ta, qua bóng tối cây cối, ánh đèn sáng nhỏ xíu của một ngọn đèn không rõ rệt, như một mảng ý thức lơ mờ, một kỉ niệm xa khó tìm lại thấy. Tựa hồ ta đang ở tại một nơi không xác định quan sát cái nơi ta đã đến từ đó, mà cũng chẳng có đường; cái mảng ý thức chưa biến mất này cứ chờn vờn trước mặt ta.

Ta giơ tay lên để yên chí ta tồn tại thật nhưng ta chẳng thấy gì hết. Ta đánh bật lửa, nhận thấy tay ta giơ lên quá cao, tựa như vung một bó đuốc. Nhưng mầm lửa lập tức tắt ngấm ngay, dù không có gió. Cả đến tiếng rúc của đế cũng câm bật. Tại ta đây bóng tối, một bóng tối nguyên khai. Theo bản năng, con người thờ lửa là để thắng cái sợ bên trong mình.

Ta lại đánh bật lửa. Ánh lửa yếu ớt run rẩy và lập tức bị một làn gió đen ngòm vô hình diệt luôn. Trong bóng tối man dại, nổi kinh hoàng dần nuốt chửng ta, nó làm ta mất tự tin, mất trí nhớ với phương hướng. Ta thậm chí mi sẽ rơi vào vực nếu mi cứ đi thẳng tiếp nữa. Ta quay lại thì chẳng còn đường dưới chân. Ta ngập ngừng dò vài bước. Trong rừng, một dải ánh sáng yếu ớt như một hàng rào nhấp nháy ra hiệu cho ta rồi tắt. Ta nhận ra mình đang ở trong khu rừng bên trái con đường, vậy đường chắc phải là ở bên phải ta. Loay hoay lần mò ta có ý chĩnh hướng đi, trước hết ta cần tìm lại được Hòn Đại bằng tầm tối, dựng đứng và cô độc.

Sương mù mịt mù, lại giống như một làn khói dâng lên hạ xuống theo những mấp mô của mặt đất, trong đó lấp lánh vài ba ánh sáng. Cuối cùng ta đã quay lại dưới Hòn Đại bằng mà cái màu đen ngòm của nó đè ụp lên ta. Thành hình ta phát hiện ở giữa hai cánh giáng rộng của nó, một cái Ức xám xám, có hình một bà già, một áo khoác lớn vắt vai, nom vẻ không có chút nào tốt lành, cung cách đúng là một mụ phù thủy, đầu cúi xuống, thân hình khô xác. Dưới lớp áo khoác của mụ, một người đàn bà trần truồng quỳ, trên lưng chỉ thấy lơ mờ các dấu xương sườn. Một mặt quay về con vật ma quái kia, người đàn bà như đang than khóc, hai tay

chấp lại, khuỷu tay xa người càng để lộ rõ hơn thân hình trần trụi. Mặt vẫn không cho rõ nét nhưng đường viền má phải thì thấy thanh tú và mềm mại.

Bộ tóc rủ xuống vai và hai tay làm nổi thêm thân người lên, Quỳ trên hai gối, đầu cúi, đó là một cô gái. Cô như kinh hoàng cầu khẩn kêu van. Đôi khi cô đổi dạng nhưng ngay tức thì lấy lại dáng vẻ thiếu phụ, một người đàn bà than khóc, hai bà tay chấp nhau. Chỉ cần quay người lại, cô lại trở ra ngay thành một cô gái với những đường nét kiều diễm hơn. Đường lượn vú trái trong khoảnh khắc vụt hiện ra, rồi lại không thấy nữa.

Qua cửa miếu, bóng tối tan hoàn toàn. Ta trở lại dưới ánh sáng mờ mờ các cây đèn. Những chiếc lá cuối cùng chưa rụng của các cây bạch quả già vươn lên từ suối đã hòa lẫn vào trong đêm. Chỉ các hành lang và các mái chùa được chiếu sáng là thực tại.

Khi mi đi đến cuối làng, một người đàn bà trung niên, quần tạp dề quanh áo dài ngồi xổm ở bên khe suối chảy trước nhà bà. Dao trong tay, bà làm thịt những con cá không dài hơn ngón tay là mấy. Trên khe suối, một bó đuốc thông, ánh sáng nhảy nhót của nó phản chiếu lên lưỡi dao sáng loáng. Xa hơn nữa, núi khuất trong bóng tối. Vài đám mây nhuốm đỏ tía kéo lên trên đỉnh. Không một bóng người. Mi trở lại. Bó đuốc thông lòi cuốn mi, chắc thế. Mi tới bên người đàn bà hỏi liệu mi có trọ lại được không.

- Người ta vẫn thường nghỉ chân ở nhà tôi.

Bà nhìn thẳng ý mi. Đặt dao xuống, lau tay vào tạp dề, bà liếc người con gái mi dắt đi, rồi đưa mi đi không nói một lời. Bà vào trong nhà thắp một ngọn đèn dầu hỏa, cầm đèn lên. Mi theo bà. Sàn nhà cột kết dưới chân hai người. Trên gác, phảng phất rất rõ mùi thơm rạ mới cắt.

- Tất cả các phòng trên gác đều còn trống. Tôi đi kiểm chắn. Đêm vùng núi chúng tôi rét.

Bà đặt ngọn đèn dầu hỏa xuống thành cửa sổ rồi đi xuống.

Nàng nói không muốn qua đêm ở dưới nhà, nàng nói nàng sợ. Nàng cũng không chịu ngủ cùng với mi, nàng nói nàng cũng sợ. Mi bèn để đèn cho nàng, đá chân dọn dẹp rơm trên sàn rồi sang phòng bên. Mi nói mi không thích ngủ trên giường ván, mi thích rúc rơm. Nàng nói nàng ngủ quay đầu vào mi, hai người có thể nói chuyện qua vách. Ván vách không lên sát mái, nhìn thấy vòng tròn của ánh đèn sáng trên trần gỗ phòng nàng.

Thế này thì đặc sắc đấy nhỉ, mi nói.

Bà già ôm chăn đến.

Nàng lại nói muốn nước nóng.

Bà trở lại xách một xô nước nóng.

Rồi mi nghe thấy nàng chốt cửa phòng lại.

Cởi trần, một khăn tay trên vai, mi xuống nhà. Không ánh sáng. Ngọn đèn dầu hỏa duy nhất của căn nhà lại ở trên gác. Bà chủ đang đứng trước bếp lò. Bộ mặt không biểu cảm của bà được các ngọn lửa chiếu sáng. Các que củi nổ lách tách và mùi cơm chín bốc lên.

Mi lấy một cái xô đi xuống suối. Trên các đỉnh núi, những đám mây cuối cùng nhuộm đỏ tía đã biến mất, bóng tối của hoàng hôn bao trùm khắp nơi. Những mảnh ánh sáng nhấp nháy trên những gợn sóng trong veo. Sao mọc trên trời, ếch nhái ộp oạp ở khắp nơi.

Đằng trước mặt, tiếng trẻ con cười chọc thủng bóng tối sâu đầy của núi. Bên kia con sông, đồng ruộng trải dài, một sân đập lúa nổi hẳn trong bóng tối. Có lẽ trẻ con đang chơi bịt mắt bắt dê ở đó. Một vệt tối chia cắt sân đập lúa với đồng ruộng. Tiếng cười của một cô gái vang lên. Chắc chắn là nàng. Sống ngay trong bóng tối nhá nhem đối diện với mi, tuổi thơ bị quên khuấy đi của mi sống lại. Một ngày nào đó, một đứa nào đó trong những đứa trẻ kia cũng sẽ nhớ lại ngày thơ ấu của nó. Một ngày nào đó, tiếng nói choe choe của các quý con này sẽ trở nên rần rỗi hơn, vang sâu hơn, trầm hơn. Hai bàn chân trần vồ lên các tấm đan của sân đập lúa, cũng có thể để lại những vết âm ỉm, sẽ đưa chúng ra khỏi tuổi thơ và đến thế giới thế giới lớn rộng. Và mi bèn nghe thấy tiếng chân trần vồ lạch bạch trên các tấm đan. Một đứa trẻ trên bờ chơi thả thuyền bằng cái khung thêu của bà nó. Bà nó gọi, nó quay lại và vắt chân lên cổ chạy. Tiếng chân vồ lên tấm đan nghe trong veo như pha lê. Và trong ngõ, mi lại thấy hình bóng nàng với bím tóc đen như mun trên lưng. Trong các ngõ của thị trấn Ô Y, gió mùa đông bắc chắc hẳn lạnh băng. Nàng quảng ở vai một gánh nước lạnh và đi những bước ngăn ngắt trên các tấm đan bằng đá. Những thùng nước dề lên đôi vai mảnh dẻ của người thiếu nữ. Nàng đau lưng. Nghe tiếng mi gọi, nàng dừng lại. Trong thùng, nước gợn sóng và chảy xuống các tấm đan. Nàng quay đầu, thấy mi nàng cười. Rồi những bước chân con còn lại tiếp tục. Nàng đi đôi giày vải màu tím. Trong bóng tối, trẻ con thốt lên những tiếng gọi rất rõ nhưng mi không

nắm được nghĩa của chúng. Người ta sẽ có thể nói là một tiếng vọng không dứt...ya ya...

Trong khoảnh khắc ấy, kỉ niệm ấu thơ của mi lại nổi lên. Gầm rú, những chiếc máy bay bổ nhào xuống. Trong ánh chớp, các cánh đen ngòm của chúng lướt qua đầu mi. Mi nép vào ngực mẹ, dưới một cây táo dại nho nhỏ, gai của nó đã xé rách tấm áo vải bông của mẹ và để lộ ra hai cánh tay tròn trặn. Rồi sau đó lại chị vú, vú bế mi lên tay, mi thích nép vào chị. Đứng đưa đôi vú to tướng của mình, chị thêm cho mi chút muối vào vào miếng cháy cơm vàng thơm hơ khô ở góc bếp; mi thích ẩn ở trong bếp của chị. Trong bóng tối, lóng lánh hai đôi mắt đỏ thắm của cặp thỏ trắng mi nuôi. Một con đã chết trong chuồng, chồn cấn, con kia biến mất. Sau đó mi lại tìm thấy nó, lông nhem nhuốc, lênh bênh trong thùng nước tiểu của chuồng xí. Sau nhà, trong sân, một cái cây mọc giữa cách hòn gạch vỡ và mảnh ngói phủ rêu. Cái nhìn của mi không bao giờ vượt quá chạc cây, ở ngang mép tường. Nếu tầm mắt mi xa nữa, mi không biết sẽ phát hiện ra cái gì. Mi chỉ có thể kiễng chân lên để vươn tới cao ngang một cái lỗ trên thân cây. Mi đã ném đá vào đó. Người ta bảo cây có thể hóa thành ma, những con ma như người vậy; chúng sợ cù. Nếu mi chọc một cái gậy vào trong lỗ ấy, cái cây sẽ cười phá lên, như khi mi thọc nạch nạng; lúc ấy nạng quặt chặt hai tay lại và cười hết cả hơi. Mi còn nhớ nạng thiếu một cái răng! Kia, mất một cái răng! Người ta gọi nó là Yaya ^[11]! "Mỗi khi mi reo lên như thế nạng lại tức điên. Nạng bỏ đi, không biết đến mi nữa. Đất bùn như một làn khói đen phụt lên những cái đầu, các thân người, các bộ mặt. Mẹ mi đã đứng dậy, phủi đất cát cho mi, mi không chị sao cả. Nhưng mi nghe thấy một tiếng hú dài chói tai, nhưng không phải của mẹ mi, do một người đàn bà khác phát ra. Rồi mi bị lặc lư không thôi trên các con đường núi, ngồi trong một chiếc cam nhông phủ bạt, bị kẹp giữa chân người lớn, giữa những va ly và hòm xiểng. Những giọt nước mưa lăn trên mũi mi. Đồ nhà thổ! Tất cả xuống đầy đi! Bánh xe cam nhông quay tít trong bùn, bắn tóe lên người ta. Đồ nhà thổ! Mi bắt chiếc câu chửi của người tài xế, đó là câu chửi đầu tiên của mi. Mi chửi bùn đã làm tụt một chiếc giày của mi ra! Ya ya...tiếng trẻ con còn reo vang trên sân đập lúa. Chúng cười, chúng reo và đuổi theo nhau. Hết tuổi thơ, trước mặt mi, chỉ bóng núi đen ngòm còn lại...

Khi mi quay lại cửa phòng nàng, mi van nàng mở. Nàng bảo mi đừng có làm trò vớ vẩn, bây giờ nàng đã khá rồi. Nàng cần yên tĩnh, nàng không muốn cái đó, nàng cần thời gian, nàng cần quên, nàng cần thông cảm chứ không cần tình yêu, nàng chỉ muốn một người nào đó để giải bày tâm sự. Nàng hy vọng mi không làm hỏng quan hệ của hai người, nàng vừa cho mi lòng tin của nàng, nàng nói nàng muốn tiếp tục đi với mi, vào Linh Sơn, nàng sẽ quan năm tháng với mi. Nhưng không phải bây giờ. Nàng xin mi hãy tha thứ cho nàng, nàng không muốn, nàng không thể.

Mi nói mi không muốn gì hết, mi chỉ đơn giản nhận thấy qua khe vách một ánh sáng nho nhỏ ở bên kia mà thôi. Vậy nàng và mi không phải là một mình, một người khác nữa đang ở trên gác. Mi bảo nàng đến xem.

- Không, anh đừng lừa người, đừng làm em sợ.

Mi nói mi thấy rõ tia ánh sáng nho nhỏ chiếu qua khe vách, mi có thể đảm bảo rằng có một gian phòng nữa ở đằng sau. Mi ra khỏi phòng, rơm rãi trên sàn làm vướng chân mi. Giơ tay lên, mi có thể chạm các viên ngói trên mái dốc nghiêng. Muốn đi xa nữa, phải cúi xuống.

Vừa mò mẫm mi vừa nói: Còn một cái cửa nữa.

- Anh thấy cái gì? Ở trong phòng nàng hỏi.

- Chẳng thấy gì. Không có khe cửa. Ồ, cửa còn khị khóa.

- Đáng sợ.

Mi nghe thấy nàng nói sau vách.

Mi quay về phòng. Mi tìm thấy một sọt che lớn, đem úp nó lên đồng rơm. Mi leo lên trên, tay nắm vào xà ngang.

- Bảo em mau lên, anh nhìn thấy cái gì? Ở trong phòng bên cạnh nàng vật nài.

- Anh thấy có một cái đèn dầu đang cháy, đèn đặt trong một cái khám đóng vào tường. Một bài vị thờ tổ tiên dựng ở trong cùng khám. Bà chủ đây chắc chắn là một mục đồng cốt gọi được hồn người chết và giam

cầm hồn phách, và làm mê mẩn đầu óc người sống. Mụ chắc phải thôi miên người sống để cho ma nhập vào người họ rồi nói ra bằng miệng của họ.

- Im đi! Nàng vật nài. Và mi nghe thấy người nàng dựa vào vách trượt xuống.

Mi nói rằng khi còn trẻ người đàn bà này có lẽ chưa có gì là một đồng cốt hết. Như mọi người đàn bà trẻ tuổi mụ, mụ hoàn toàn bình thường. Năm hai mươi tuổi, đúng vào tuổi cần một người đàn ông âu yếm thì chồng mụ chết.

Nàng hỏi: Sao mà chết?

Mi nói hẳn ta cùng với một người anh em thúc bá ban đêm đi ăn cắp cây long não ở trong rừng một làng bên. Lúc cái cây sắp đổ, chân hẳn lại mắc phải cái rễ giữ lại. Nghe thấy cây nghiêng ken két, muốn chạy trốn, hẳn lại lầm phía, chạy về hướng cây sẽ đổ xuống. Trước khi kêu lên được thì hẳn ta đã bị nghiền nát như cháo.

- Em nghe thấy chứ? Mi hỏi.

- Em nghe, nàng nói.

Mi nói người anh em họ của người chồng sợ quá cứ thế chạy trốn không dám báo tin hẳn ta chết. Rồi người đàn bà trẻ này gặp trong núi một người gánh than củi móc ở đầu quang gánh một chiếc giày bằng gai, người này trên đường đã gọi mọi người hãy đi nhận mặt xác chết. Mụ đã chính tay là ra những chiếc giày có thêu chỉ đỏ ở trên mặt và ở gót này. Làm sao mà không nhận được ra chứ? Lúc ấy mụ ngất đi, gáy cứ thế đập xuống đất. Mụ phúi bọt mép trắng rã rồi lăn lộn dưới đất kêu gào: Ma quỷ kia, gọi cho chúng nó đến tất cả đi! Gọi cho chúng đến tất cả đi!

- Em cũng muốn kêu, nàng bảo mi.

- Thế thì kêu đi.

- Kêu không ra tiếng.

Tiếng của nàng khàn khàn đáng thương. Mi lại gọi nàng, nhưng nàng vẫn từ chối qua bức vách. Tuy thế lại muốn mi kể tiếp.

- Kể cái gì?

- Nói về mụ ta, nói về cái mụ điên này.

Mi nói đàn bà cái làng này không tài nào giữ chặt được mụ. Phải nhiều đàn ông cưỡi lên người mụ, giữa lấy tay mụ mới trói được mụ lại. Từ ngày ấy mụ phát điên. Toàn báo trước các tai ương cùng những thay đổi xảy ra ở làng. Mụ đã báo tin thí dụ rằng mẹ của Hỉ Mao sẽ thành góa bụa, và cái đó đã đến thật.

- Em cũng muốn trả thù.

- Trả thù ai? Bạn trai em ư? Hay đứa con gái đã có quan hệ với hắn? Em muốn hắn lại vứt bỏ cô gái sau khi đã chơi đùa với cô gái hay sao? Như hắn đã làm với em đấy ư?

- Hắn nói yêu em. Hắn chỉ là đùa chổ lát với cô ta thôi.

- Cô ta trẻ? Đẹp hơn em chứ?

- Mặt nó toàn tàn nhang, mồm thì rộng ngoác!

- Nó gợi dục hơn em à?

- Hắn bảo là nó chài đàn ông, nó có thể làm mọi cái, hắn muốn em như nó!

- Cái gì như nó?

- Đừng hỏi em cái đó!

- Vậy là em biết hết tất cả cái gì chúng nó làm cùng với nhau ư?

- Dạ.

- Và nó, nó biết cái mà em với hắn làm chứ?

- Ôi, đừng nói nữa.

- Vậy nói cái gì đây? Nói người đàn bà hoa đỏ kia chứ?

- Em thật sự muốn trả thù!

- Như mộ đồng này?

- Mộ đã làm gì?

- Đàn bà tất cả đều kiếp những lời nguyện rửa của mộ. Đàn ông tất cả đều đến tìm mộ tán chuyện. Mộ lôi kéo họ đến rồi vứt bỏ họ. Về sau mộ phấn son quá đáng lắm lập một ban thờ làm mọi thứ ông ọ đáng sợ để cầu xin ma quỷ.

- Tại sao mà họ làm thế?

- Phải biết rằng mộ lên sáu đã đính hôn với đứa bé chưa ra đời. Năm mười hai tuổi, mộ sống ở gia đình thằng chồng trong khi thằng này còn thò lò mũi. Rồi một hôm, cũng trên cái gác này, trên đồng rơm này, bố chồng đã lạm dụng mộ. Mộ vừa mười bốn. Sau đó, mỗi lần ở nhà một mình, mộ lại run bần người. Sau đó nữa, mộ đã phải ru thằng chồng bé tí hay cắn tằm nhẩn vú mộ. Muốn hay không mộ cứ phải chịu đựng, gồng gánh, chặt củi, kéo bừa. Cuối cùng, đến tuổi trưởng thành, vào tuổi yêu được vợ thì thằng chồng bị cây đề chết. Bố mẹ chồng của mộ đã già, công việc đồng áng và nhà cửa dựa hoàn toàn vào mộ. Hai người già không dám kiểm soát mộ chặt nữa, sợ họ bỏ mộ mà đi bước nữa. Bây giờ cả hai đã chết rồi. Mộ thật sự tin rằng mộ giao lưu được với thần linh, mộ có thể tùy ý gọi ra lành bằng cầu khẩn hay mang lại cái dữ bằng các lời nguyện của mộ. Dĩ nhiên mộ bắt những ai đến thắp hương phải trả tiền. Cái lạ thường nhất là bây giờ mộ có thể bằng pháp thuật làm cho ngất đi tại chỗ một đứa bé mười tuổi rồi làm cho qua mồm nó, người bà ngoại chết từ lâu mà con bé không biết, nói lên bằng đúng giọng của bà ta. Những người tham dự tất nhiên sờn hết da gà.

- Lại đây đi, nàng van ta, em sợ.

Khi ta đến bờ hồ tảo, ở nguồn cửa sông Ô Giang, Sông Đen, trời sầm xì và lạnh. Bên hồ xây một tòa nhà mới. Đây là trung tâm quản trị của khu bảo tồn tự nhiên mới mở, đứng một mình giữa cái vùng bùn mênh mông này, dựa trên những móng cao làm bằng đá phiến xếp chèn. Người ta đến đó bằng một đường mòn lầy và xộp; hồ lui đã rất xa, nhưng trên bờ cũ còn mọc lên đây đó những cỏ nước hiếm hoi. Leo cầu thang đá bên tòa nhà, người ta đến những gian được chiếu sáng hoàn hảo nhờ các cửa sổ lớn, những mẫu vật chim, cá, bò sát chất đống ở đây.

Người phụ trách trung tâm quản trị tầm vóc cao, mặt toát ra lòng độ lượng. Ông cắm bếp điện để rót đầy trà vào một cái ca tráng men lớn. Ông ra hiệu bảo ta lại gần lửa để uống trà đang nóng.

Ông nói rằng mười năm trước, quanh hồ, một vùng chung quanh hàng trăm, núi hây còn cây che phủ. Hai mươi năm sớm hơn nữa, một rừng rậm và tăm tối trải ra đến tận bờ hồ và ông thường tình cờ nhìn thấy hồ. Bây giờ, ngay đến các bụi cây cũng biến mất khỏi các núi, đồi. Gỗ dùng để nấu cơm và nhất là để sưởi. Mười năm vừa rồi, mùa đông đặc biệt rét, băng giá sớm và hạn hán mùa xuân rất gay gắt. Trong Cách mạng văn hóa, Ủy ban cách mạng huyện vừa mới lập đã muốn cách tân bằng dẫn nước cải tạo đồng ruộng trong toàn huyện. Huy động một trăm nghìn dân công đánh mìn mở hàng chục con mương tưới tiêu và đắp đập ngăn hồ. Nhưng làm cạn cái hồ với những trầm tích lâu hàng nhiều triệu năm không dễ. Năm đó một trận gió lốc đã nổi lên trên mặt hồ, nông dân cả quyết rằng con rồng đen của hồ Tảo bị quấy rầy đã chạy trốn. Bây giờ chỉ còn lại một phần ba khối lượng nước. Bờ hồ hóa thành đầm lầy. Người ta chẳng làm cạn các đầm lầy ấy mà rồi cũng chẳng trả lại được cho chúng cái dáng vẻ ban đầu.

Ở cửa sổ đặt một ống nhòm có tầm nhìn rất lớn. Trong ống kính, vùng nước xa nhiều cây số đang biến thành một bề mặt mênh mông lóa trắng. Người ta phân biệt bằng mắt thường một chấm nhỏ tối tối. Đó là một cái

thuyền với đằng mũi bóng hai người hiện ra nhưng mặt vẫn bị lờ mờ. Ở đằng đuôi, một người đang cử động, tựa như quăng lưới.

- Diện tích hồ lớn thế này, không tài nào kiểm soát được họ. Khi mình đến, họ đã chuồn từ lâu, ông nói.

- Cái hồ này nhiều cá không?

- Bắt ở đây cả trăm thậm chí cả nghìn cân cá một mẻ là chuyện dễ. Vấn đề là người ta còn cứ dùng mìn. Con người ta tham mà, làm sao lại được.

Ông lắc đầu, vì chính ông chịu trách nhiệm về cái trạm quản trị của khu vực bảo vệ tự nhiên.

Ông bảo ta hồi đầu những năm năm mươi, một người đỗ tiến sĩ đã được cử đến đây sau khi anh ta ở nước ngoài về. Anh ta quê quán ở Thượng Hải, đến làm ở đây; đầy nhiệt tình, anh đứng đầu một nhóm bốn sinh viên tốt nghiệp sinh học và thủy canh để lập một trạm chăn nuôi động vật hoang dại. Anh đã nuôi thành công rái cá, cáo bạc, ngỗng đầu loang lổ cũng như nhiều loại chim nước và cá. Nhưng rất nhanh anh đã mâu thuẫn với nông dân săn bắt trái phép. Một hôm anh đi qua ruộng ngô, một nông dân phục sẵn đã chụp lấy đầu anh từ đằng lưng, quàng vào cổ anh một rổ ngô mới bẻ rồi đổ cho anh ăn cắp mà đánh anh đến hộc máu mồm. Không một cán bộ nào của huyện ủy dám đứng ra bảo vệ chính nghĩa của một phần tử trí thức, thế là anh chết, tức chết. Trạm chăn nuôi tự giải thể, rái cá được đem chia cho các cơ quan khác nhau của huyện ủy thịt chén.

- Anh ấy không có gia đình à?

- Không ai nói chuyện đó. Các sinh viên đi theo anh ấy đã đến dạy học ở các trường đại học, tại Trung Khánh và Quý Dương.

- Cũng chẳng ai đến đặt vấn đề chuyện anh ấy?

Ông nói rằng vào dịp thanh lọc các hồ sơ liên quan các vụ lâu ngày của huyện mới phát hiện ra hơn một chục sổ tay của anh ấy, trong đó ghi nhiều điều chỉ dẫn về môi sinh của hồ này. Ông đã xem xét kỹ và thấy

chúng rất tỉ mỉ mà viết cũng rất văn vẻ. Nếu ta thấy thú, ông có thể cho xem.

Một âm thanh rỗng không cất lên, đến từ đâu không rõ, như tiếng của một ông già cố ho.

- Tiếng gì thế?

- Hạc, ông nói.

Ông đưa ta xuống tầng trệt. Trong gia chăn nuôi quây bằng lưới sắt, có một con hạc cổ đen đầu đỏ, cao hơn một mét và nhiều con hạc xám, chốc chốc chúng lại kêu lên. Ông bảo ta rằng con hạc cổ đen bị thương vào chân và họ đã bắt được nó để nuôi, còn các hạc xám để ra năm nay thì bắt được ở tổ trước khi biết bay. Trước kia, vào mùa thu, hạc đen qua mùa đông ở đây. Chúng ở khắp nơi trong các đầm lau sậy ven hồ nhưng về sau, chúng đã gần như biến mất hoàn toàn vì săn bắn. Sau khi lập khu vực tự nhiên, cách đây hai năm, khoảng sáu chục con đã trở lại và năm ngoái, hơn ba trăm con hạc xám cổ đen. Đông hơn cả vẫn là hạc xám, nhưng vẫn chưa thấy hạc đầu đỏ về.

Ta hỏi ông liệu có ra hồ được không. Ông bảo mai, nếu có mặt trời, ông sẽ bơm xuống cao su đưa ta làm một vòng. Hôm nay, gió quá mạnh và trời quá lạnh.

Ta cáo biệt ông rồi thả bước đi ra phía hồ.

Men theo một con đường nhỏ ở sườn núi, ta đến một cái chòm có bảy, tám gia đình sinh sống. Cột kèo các ngôi nhà đều bằng đá. Chỉ có những cây non mới trồng ở trước cửa nhà và trong sân. Cách đây vài chục năm, rừng sâu đen ngòm chắc phải viền bọc lấy cái chòm này.

Ta xuống tới ven hồ, bước qua các vồng đất mềm nhão, lầy lội ở giữa các thửa ruộng. Thời tiết này tụt giày chân đi không thì quá lạnh nhưng để giày thì bùn cừ dày thêm dần ở dưới đế. Trước mặt ta, tận đầu cùng cánh đồng, có một con thuyền và một đứa bé ở bên hồ. Nó mang xô và cần câu. Ta thềm đẩy con thuyền đến chỗ nó, bèn hỏi nó:

- Cho thuyền này xuống nước được không?

Nó đi chân đất, quần xắn cao quá gối. Nó nom về mười ba hay mười bốn tuổi. Mắt nó không để vào ta mà hướng về sau ta nữa. Quay đầu lại, ta thấy một hình người ở rìa làng đang gọi nó. Ở rất xa, cái bóng này như mặc áo cánh màu sắc tươi tắn, và là dáng một đứa con gái. Ta bước một bước lại phía thẳng bé. Giày ta sục hoàn toàn vào bùn.

- Oi...ya...yi...yơ...!

Âm thanh xa ấy nói cái gì ta nghe không rõ, chỉ thấy tiếng gọi tron veo để chịu. Chắc là gọi thằng bé. Cần câu trên vai, nó đi ngang qua người ta.

Ta càng đi lên càng khó, những đã đến ven hồ rồi thì âu bằng ta cứ ra giữa hồ nhìn xem một cái. Cái thuyền ở cách ta quá lắm mười bước. Ta chỉ việc xoay cẳng xang chỗ thằng bé vừa đứng ở đó là đến được tới thuyền, chỗ đất ấy có vẻ khô rắn hơn. Một sào tre cắm ở mũi thuyền. Ta đã dò ra thấy trong lau sậy những con chim nước đang bay. Có lẽ vịt trời. Chúng đang kêu nhưng vì gió thổi từ bờ đến cho nên nghe thấy tiếng gọi rất xa của hai đứa bé mà không rõ được tiếng chim nước kêu ở chỗ gần trên mặt nước này.

Ta tự nhủ chỉ cần đẩy cái thuyền cho ra khỏi các bụi sậy thì tới được các vùng nước rộng lớn kia. Để cho ta một mình trôi bồng bềnh giữa hồ, trong các đồi cao biệt lập và êm ả này, ta sẽ chẳng phải nói với ai mà hòa tan vào cảnh quan chỉ còn là một với ánh hồ, sắc trời, các màu núi cũng không phải là xoàng. Ta rút chân để đi lên một bước nhưng ta liền thụt đến nửa ống chân vào bùn. Ta không dám đưa sức nặng của ta về đằng trước. Ta biết rằng một khi đầu gối ta bị ngập, ta sẽ không còn cách nào để thoát ra khỏi đây. Ta cũng không dám xô dịch bàn chân sau. Không thể tiến thoái, ta không biết làm gì nữa. Tình huống hể, dĩ nhiên, nhưng vì không ai thấy ta, không ai có thể cười nhưng cũng chính vì thế lại càng ít người đến giúp ta được hơn. Cái này mới đáng ngán.

Cũng giống như lúc này ta từng thấy những người ở trên thuyền của họ nhờ cái ống nhòm của trung tâm quản trị, bây giờ ta cũng chỉ có thể hiện ra qua ống nhòm của họ như một cái bóng thấp thoáng không rõ mặt. Cho dù có chĩa ống nhòm vào ta, người ta cũng nghĩ đây chỉ là một

nông dân ra hồ vớt nhặt vài sản phẩm gì đó để có thêm thu nhập và chẳng ai sẽ quan tâm đến việc đó.

Mặt nước im lặng, lũ chim nước đã biến mất. Mặt nước lấp lánh đang dần dần tối lại, không thể phân biệt ra. Sắc màu hoàng hôn từ các bụi lau sậy lan rộng đi, không khí lạnh dâng lên ở dưới chân ta. Ta tê cứng. Không tiếng dế rúc, không tiếng ếch nhái kêu. Rút cục, có thể đây chính là cái im lìm nguyên thủy trụi hết ý nghĩa mà ta nắm bắt được chẳng?

Một tối rét buốt, giữa thu. Một màn tối dày sâu chìm ngập cái bề mặt hỗn độn sơ khai; trời và đất, cây cối và núi đá hòa lẫn, con đường không thể nhìn thấy, mi chỉ có thể ở nguyên tại chỗ không thể rút chân ra, thân người chúi về đằng trước, hai tang dang rộng mà sờ lẫn trong cái đêm đen tối ngòm này, mi nghe thấy động đập nhưng không phải là gió, chính là cái màn tối trong đó chẳng có trên có dưới, chẳng có trái có phải, chẳng có xa có gần, chẳng một trật tự nhất định nào, mi hòa trộn hoàn toàn vào trong cái hỗn mang ấy, mi chỉ biết thân hình mi có một đường viền nhưng ngay cả cái đường viền ấy cũng đang dần nhạt nhòa đi trong tâm tưởng mi, một ánh sáng dâng lên ở trong mi, như đốm lửa cô đơn của một ngọn nến trong màn tăm tối, lửa đó tỏa ra ánh sáng nhưng không mang nhiệt, một ánh sáng bằng giá đang tràn ra cơ thể mi, trào ra khỏi đường viền cơ thể, những đường viền mà mi bảo tồn trong tâm tưởng, hai tay mi quặp lại để gìn giữ ngọn lửa ấy, cái ý thức lạnh băng và thấu suốt, mi cần cái cảm giác ấy, mi gắng bảo vệ nó, trước mặt mi hiện ra mặt hồ yên tĩnh và ở bên kia, các lùm cây dựng lên, những cái cây đã mất hết lá, và cả những cây khác, chưa hoàn toàn trơ trụi, những cây dương thon thả còn mắc lại vài chiếc lá vàng, những cây táo một màu đen kim loại với một hay hai chiếc lá vàng nhạt run rẩy trong gió, những cây bách đỏ tía chỗ dày chỗ thưa đều giống như những cuộc sương mù; ở mặt hồ, không một gợn sóng, chỉ là những ảnh chiếu ngược rõ với những màu sắc phong phú biến đổi trên nhiều tầng cấp độ, từ đỏ thẫm đến đỏ tía, da cam, vàng dịu, xanh gầy, xám, nguyệt bạch, mi suy nghĩ dồn dập rồi thành linh các màu sắc biến mất để hòa vào thành vô vàn những sắc thái xám, đen, trắng đậm hay sáng nhạt, như một bức ảnh cũ đã phai, chỉ duy nhất các bóng tối còn rõ nét, thay vì nói mi đang ở trên mặt đất thì hãy nói rằng mi đang ở trong một không gian khác, mi nín thở quan sát hình ảnh của chính tâm cảnh mi, tất cả êm ả biết bao, cái êm ả làm mi lo sợ, mi có cảm giác đây là một giấc mộng, mi không nên sợ nhưng chính lại là mi không thể ngăn mi sợ bởi vì cái êm ả nó quá hoàn hảo, một êm ả dị thường.

Mi hỏi nàng có trông thấy cái bóng ấy không?

Nàng bảo có trông thấy.

Mi hỏi nàng có thấy chiếc thuyền không.

Nàng bảo có cái thuyền thì mặt hồ mới càng êm ả ra kia.

Thình lình mi nghe thấy nàng thở, mi vươn tay ra sờ vào nàng, bàn tay mi ngập ngừng trên người nàng đã bị một tay nàng ngăn lại, mi nắm lấy cổ tay nàng, kéo nàng lại, nàng cũng liền quay lại nép vào ngực mi, mi ngửi thấy mùi thơm ấm áp của tóc nàng, mi tìm môi nàng, nàng quay người tránh, thân nàng ấm nóng, sống động thở rộn lên, tim nàng bắt đầu đập nhanh mạnh hơn ở trong lòng bàn tay mi.

Mi nói mi muốn cái thuyền con đằm.

Nàng nói thì thân thuyền đã đầy nước rồi mà.

Mi dịch nàng ra, đi vào thân người ấm ướt của nàng.

Nàng đã biết sẽ là như thế, nàng thở dài và tức thì người nàng chùng thả, mất hết gân cốt.

Mi muốn nàng nói nàng là một con cá!

Không!

Mi muốn nàng nói nàng tự do.

A, không.

Mi muốn nàng đắm chìm, muốn nàng quên hết cả.

Nàng nói nàng sợ.

Mi hỏi nàng sợ gì.

Nàng bảo nàng không biết nói ra, nàng lại nói nàng sợ đêm tối, nàng sợ đắm chìm.

Sau đó là những má nóng bỏng, những lưỡi lửa nháy nhót, lập tức bị bóng đêm nuốt chửng, những thân người xoắn vặn, nàg bảo mi nè nhẹ một tí, nàg kêu đau! Nàg giẫy, nàg gọi mi là thú dữ! Nàg sa bầy, bị săn đuổi, bị xé nát, bị nuốt sống, a... Cái màn tối dày đặc, sờ mó được này, cái hỗn mang chưa từng mở, chẳng có trời lẫn chẳng có đất, chẳng có không gian lẫn thời gian, có, chẳng có chẳng có, chẳng có có lẫn chẳng có, có chẳng có có chẳng có có, chẳng có chẳng có có chẳng có chẳng có, ngọn lửa nóng bỏng của than, con mắt ướt, cái huyết mở, những cuộn khói sương, những môi nóng bỏng, những tiếng kêu trầm khàn từ cổ, người và vật, kêu gọi đêm tối sơ khai, nỗi khổ của con cộp dữ trong rừng, lòng tham, lửa đã dâng lên, nàg kêu khóc, thốt ra những tiếng thất thanh, con thú ngoặm cắn, gầm gừ, nó bị quỷ ám, nó nhẩy dựng lên, quay cuồng, lửa ngày một tỏ sáng, những ngọn lửa biến hóa không ngừng, hình dạng ở trong cái lỗ huyết có những cuộn khói cất lên, một cuộc vật lộn sống mái xảy ra, con thú nhào xuống đất, kêu chói lói, lại nhẩy lại gào rít, bóp chết và nuốt chửng... Kẻ ăn trộm lửa đã chạy, ngọn đuốc đi xa, nhập sâu vào trong đêm đen, nhỏ dần, ngọn lửa chỉ còn là cái chấm tí teo chập chờn trong gió tối lạnh[\[12\]](#). Nó tắt ngấm.

Em sợ, nàg nói.

Sợ gì?

Em không sợ gì nhưng em thích nói em sợ.

Cô bé ngố này.

Bờ bên kia,

Em bảo sao? Mi không hiểu.

Em yêu anh không?

Em không biết,

Em ghét anh không?

Em không biết,

Em chưa làm cái này bao giờ?

Em chỉ biết sớm muộn rồi cũng đến cái ngày này.

Em thích không?

Em đã là của anh, hãy nói những điều dịu dàng với em, cùng em nói đến bóng tối.

Bàn Cổ vung lưỡi búa mở trời.[\[13\]](#)

Đừng nói Bàn Cổ.

Kể cái gì đây?

Kể cái thuyền kia,

Một cái thuyền con sắp đắm.

Người ta tưởng nó sắp đắm nhưng nó đắm không được.

Cuối cùng nó có đắm không?

Em không biết.

Em đúng là một đứa trẻ.

Kể chuyện cho em đi.

Sau đại hồng thủy, giữa trời và đất sẽ chỉ còn lại một cái thuyền con, trên thuyền chỉ có hai anh em, một trai, một gái, chúng không chịu được nữa cảnh cô đơn, chúng ôm chặt lấy nhau, chỉ có thân xác kẻ kia mới là có thật, mới chứng nhận được cho sự tồn tại của kẻ này.

Anh yêu em,

cô gái đã bị con rắn quyến rũ,

con rắn là đứa anh trai.

Một ca sĩ người dân tộc Di dẫn ta vào núi, phía sau hồ Tào, trong các làng xóm của dân tộc Di. Càng đi lên đỉnh núi càng có vẻ tròn xoe, cây cối um tùm và sum suê, toát ra một thứ mùi đàn bà nguyên thủy.

Nước da rất nâu, mũi thẳng, mắt nhỏ dài, đàn bà Di thật đẹp. Họ rất ít khi nhìn thẳng vào mặt người lạ. Ngay dù ở chỗ ngoặt của đường mòn trên núi, ngẩng mặt về anh ta, họ vẫn giữ con mắt cúi xuống và dừng lại, không một lời, nhường cho anh ta đi.

Người dẫn đường của ta đã khe khẽ hát cho ta vài bài dân ca Di, đều buồn giống như những lời than, ngay cả tình ca cũng thế.

Nếu một tối trăng em đi ra,
chờ đốt đuốc trên đường,
nếu đốt đuốc trên đường,
mặt trăng nó sẽ đau lòng đấy.

Vào mùa cây cải dầu ra hoa,
em đừng mang rổ đi hái hoa,
nếu em mang rổ đi hái hoa,
cây cải dầu nó sẽ đau lòng đấy.

Nếu mày yêu một cô gái chân thật,
thì chờ có do dự,
nếu mày do dự,
người con gái nó sẽ đau lòng đấy.

Anh ta cho biết hiện nay hôn nhân giữa con trai con gái Di vẫn do bố mẹ xếp đặt. Trai trẻ muốn yêu nhau tự do thì phải đi ẩn trong núi để được gặp nhau. Nếu bị phát hiện chúng sẽ bị bắt và thời xưa còn bị gia đình giết chết.

Con cu gáy và con gà cùng nhau mổ hạt,

Con gà có chủ, con cu gáy thì không,

chủ con gà đến tìm nó,

còn lại con cu gáy một mình.

Cô gái và chàng trai cùng nhau nô rôn,

Cô gái có chủ, chàng trai thì không,

chủ cô gái đến tìm cô gái,

còn lại chàng trai có một mình.

Những bài tình ca này, anh ta không hát được ở nhà trước vợ con. Anh ta đến nhà khách, nơi ta trọ và cửa đóng lại, anh ta hát, giọng êm dịu bằng tiếng Di, đồng thời lần lượt dịch ra cho ta nghe.

Áo dài, thắt lưng quấn quanh lưng, anh ta có cặp mắt buồn và hai má hốc hác. Chính anh ta cũng đã dịch các bài hát này ra tiếng Hán, bằng một ngôn ngữ đầy chân thành tự phát chảy thẳng ra từ trái tim. Đây là một nhà thơ bẩm sinh.

Tuổi anh ta không xa tuổi ta lắm nhưng anh ta nói anh ta đã già. Làm ta hết sức ngạc nhiên, anh ta nói bây giờ anh ta chẳng còn được cái tích sự gì, nhưng anh ta có hai đứa con, một trai mười bảy, một gái mười hai, và anh ta phải làm ăn vất vả vì chúng. Sau đó, khi ta đến quê hương anh ta, một sơn thôn, ta thấy trong bãi chăn thả súc vật sát với nhà ở, anh ta nuôi hai con lợn. Trong nhà, nền bằng đất nện, trên giường chỉ có một tấm chăn mỏng bằng vải bông nhờ nhờ đen đã cũ. Vợ anh ta ốm. Hoàn toàn rõ ràng rằng cuộc đời là một gánh nặng cho anh ta.

Cũng chính anh ta đã đưa ta đi gặp pimo, một thầy tu Di. Ta và anh ta vào một nhà rất sâu, đi qua những hành lang hẹp, tối tới một mảnh sân ngang, ở đây thầy tu có một buồng đơn độc, với một cửa ra vào. Anh ta đẩy cửa sân rồi gọi. Lập tức vang lên một tiếng đàn ông đáp lại. Anh ta bảo ta vào. Bên trong, trước cái bàn gần cửa sổ, một người đàn ông mặc áo dài màu lam đang ngồi. Ông ta đứng dậy. Ông cũng đeo thắt lưng và đội khăn đen trên đầu.

Ca sĩ giới thiệu ta bằng tiếng Di rồi nói với ta rằng thầy tu người ở vùng Kha Lạc, xuất thân từ một đại gia tộc nay từ trên trại ở núi cao được mời xuống làm pháp sư cho người Di ở thủ phủ huyện, ba mươi tuổi. Không chớp mắt, pháp sư nhìn ta chăm chăm, mắt sáng long lanh. Khó đương lại nổi cái nhìn của ông ta. Tuy ông chăm chăm nhìn thẳng vào ta nhưng thật ra ông nhìn đến nơi khác. Chắc là một thế giới khác, thế giới của rừng núi hoặc của các hồn linh.

Ta ngồi vào bàn trước mặt ông. Ca sĩ nói rõ vì sao ta đến. Ông đang chép lại một bài văn thờ cúng kinh điển bằng tiếng Di, ông cũng dùng bút lông như người Hán. Khi nghe ta nói xong, ông gật gật đầu, quệt bút vào nghiên mực cho ướt, cắm bút vào một cái bình, đầy nghiên mực lại. Sau đó ông đặt ngay ngắn ở trước mặt bài kinh thờ cúng, cũng viết bằng bút lông trên giấy da thô đã ngả vàng, mở nó ra ở đầu một chương đoạn, thành linh cất tiếng niệm lên.

Tiếng ông quá vang đối với căn phòng nhỏ bé như thế này. Nó buột thoát ra, đều đều, giọng rất cao rồi trầm bổng lên xuống ở vào khoảng giữa bốn hay năm độ âm cao: một nhát lời khẩn cầu đưa bạn đến các vòng đất bằng của vùng cao nguyên.

Trong gian buồng tối này, qua cửa sổ sau ông, ánh nắng xem vẻ đặc biệt rực rỡ, đất lầy lội ở sân chói lòa. Một con gà trống vươn cổ lên như để nghe ông rồi lại bắt đầu mổ hạt, đầu cúi xuống, đã quen thuộc với cái tiếng nói này, tựa như với nó việc tụng niệm các bài văn thờ cúng này là chuyện cơm bữa.

Ta hỏi người đưa đường:

- Ông ta hát gì đấy?

Anh ta nói đó là những bài văn thờ cúng dành riêng cho cuộc đại tháo lui, cái chết của một người. Nhưng bài văn này được sáng tác bằng tiếng Di cổ, anh ta chẳng hiểu được gì nhiều trong đó. Qua anh ta, ta tìm hiểu phong tục tập quán người Di trong hôn nhân và ma chay, ta đã nhờ anh ta xem liệu ta trước hết có dịp nào dự một lễ tang giống như những gì anh ta vừa kể cho ta nghe không. Thời buổi này việc ấy là một cảnh tượng hiếm. Cái giọng nam cao liên miên trầm bổng phát thẳng từ họng người thầy cúng ra, vang lên trong hốc mũi rồi thoát ra ngoài, cái âm thanh đầy sức sống nhưng cũ rã này làm hiện lên ở trong ta một đám ma với những người đánh trống, thổi kèn xò na, múa các lá cờ cũng như mang các người giấy, ngựa giấy đi rảo. Các cô gái cưỡi ngựa, các cậu trai vác súng, suốt dọc đường đi, tiếng súng nổ rền.

Ta cũng thấy ngôi nhà táng của hồn người chết. Đặt trên quan tài, nó làm bằng tre đan bởi giấy mầu. Một bức tường bằng các cành cây đan nhau vây quanh nó. Nơi làm tang lễ, những đồng củi cao đang cháy. Người thân của người chết ngồi vòng tròn quanh một trong những đồng lửa đó; các ngọn lửa bốc lên mỗi lúc một cao hơn trong khi vang lên trong đêm tối tiếng niệm kinh thờ cúng; đám đông chạy, nhảy, đánh trống chiêng, nổ súng.

Con người đến với thế giới trong tiếng khóc tiếng kêu rồi là bỏ thế giới trong huyền não, xem ra là phù hợp với bản tính người.

Phong tục này không phải của riêng các làng trại dân tộc Di. Người ta tìm thấy nó ở trong tất cả lưu vực Trường Giang, nhưng phần lớn nó mang một dấu ấn quá dung tục, mất đi hàm nghĩa nguyên sơ của cái cảnh ầm ĩ này. Ở Phong Đô, Tứ Xuyên, nơi từng được gọi là “quỷ thành”, đất cổ xưa của người nước Ba, ta đã dự lễ tang của bố viên giám đốc một cửa hàng bách hóa lớn của huyện. Trên quan tài, người ta đặt một nhà táng giấy cho hồn người quá cố. Trước cửa nhà ông ta, xếp đầy xe đạp của những người tới chia buồn còn bên phía đối lại chồng chất vòng hoa, người ngựa hàng mã. Cạnh đường, ba nhóm kèn xò na lần lượt thổi từ sáng tới chiều theo ca, nhưng không một người thân thích nào, không một mối quan hệ nào đến khóc người chết mà đã lại hát những bài hiếu ca hay nhảy những điệu múa lễ. Họ chơi bài xì ở sân, túm tụm bên những

cái bàn. Ta muốn chụp một bức ảnh về những phong tục hiện đại này nhưng ông giám đốc đã giữ máy ảnh của ta và đòi xem giấy tờ.

Dĩ nhiên còn những người biết những bài hiếu ca của con cái. Trong vùng Kinh Châu, tại Giang Lăng, đất cũ của người nước Sở, những bài hiếu ca này đã được truyền lại tới ngày nay. Chúng được hát lên trong lễ gọi hồn do đạo sĩ của làng tổ chức. Người ta gọi đó là “Cổ bồn ca”, gõ chầu mà hát. Người ta tìm thấy vết tích trong Trang Tử^[14]: khi vợ Trang Tử chết, ông bèn hát và gõ vào một cái bồn, biến chuyện tang ma thành chuyện vui vẻ, âm thành bài hát này hẳn phải là vang dội đến nay.

Một số chuyên gia hiện nay về dân tộc Di đã chứng minh rằng ông tổ sáng lập của người Hán, Phục Hi, có một mối quan hệ với con hổ vật tổ của người Di, vật tổ này người ta tìm thấy một ít dấu vết của nó ở mọi nơi tại các đất Ba và Sở. Trên các viên gạch triều đại Hán phát hiện tại Tứ Xuyên, Tây Vương Mẫu được trình bày dưới dạng một con hổ cái mang mặt người. Khi ở cái làng người ca sĩ Di, ta đã quan sát hai đứa bé nô ở đất, trước một hàng rào mây đan. Chúng đội mũ có đầu hổ, thêu chỉ đỏ, giống như các mũ của trẻ con vùng Nam Giang Tây và Nam An Huy. Trong các di chỉ cổ của nước Ngô nước Việt, trên hạ lưu Trường Giang, người Giang Tô và Triết Giang nổi tiếng vì thông minh, vẫn giữ lại nỗi sợ hổ cái. Có phải là một thời cổ bị vùi sâu trong vô thức những người tôn thờ các vật tổ hổ cái vào thời mẫu hệ không? Không ai biết được. Cuối cùng, lịch sử chỉ là một màn sương dày. Chỉ có tiếng hát của người pháp sư là rõ ràng, sáng sủa.

Ta hỏi người dẫn đường có thể dịch cho ta nghĩa đại khái của các bài kinh thờ cúng kia không. Chúng chỉ cho vong linh người chết con đường đi trong cõi âm, anh ta nói. Chúng thưa với Ngọc Hoàng, với tứ phương chư thần, với sơn thần, thủy thần và cuối cùng kể rõ gốc gác tiên tổ người chết từ đâu mà đến. Lúc đó hồn người chết có thể trở về quê hương bản quán, theo cái mạch đường đã được chỉ dẫn này.

Sau đó ta hỏi thầy tu đã đếm được bao nhiêu sùng trong cái lễ lớn mà ông tổ chức. Ông nghĩ một lúc, rồi qua người dẫn đường đáp rằng có hơn một trăm. Nhưng trong tang lễ một nhà thổ ty, ông đã từng thấy một

ngàn hai trăm súng. Lúc đó ông mười lăm tuổi, ông phụ lễ cho cha ông; ở họ ông, pimo thầy cúng là tổ truyền.

Một cán bộ người Di của huyện nhiệt tình dành cho ta một se Jeep để đưa ta đi Yến Thương tham quan ngôi mộ hướng thiên khổng lồ, mộ vua thời xưa của người Di. Đó là một quả đồi tròn, đỉnh lूम xuống, cao năm chục mét. Vào thời kỳ “khai thác giá trị đất đai vì cách mạng”, người ta hóa rồ hóa dại. Để làm vôi, người ta đã mang đi ba hàng rào đá dùng cho ma chay bao quanh quả đồi, họ đã đào rồi đập vỡ các bình đựng tro người chết, đem gieo ngô lên khoảng đất trống này. Bây giờ chỉ còn vài ngọn cỏ dại cần cỗi, bị gió thổi rạp là còn mọc ở đây. Theo những người nghiên cứu thuộc dân tộc Di, các đài tế những người chết ở đất Ba được các tư liệu Trung Quốc của *Hoa Dương Quốc chí* xác nhận là rất giống với ngôi mộ hướng thiên kia. Các đài đó được dành cho việc thờ phụng tiên tổ và được dùng vào việc quan sát trời.

Ông khẳng định rằng tổ tiên người Di quê quán gốc gác ở vùng A Bạt tại tây bắc Tứ Xuyên, họ cùng có tổ tiên chung với người Khương cổ. Ta đứng về quan điểm của ông. Người Khương và người Di rất gần nhau ở màu da, khuôn mặt và thể cách sinh lý, ta có thể làm chứng cho cái đó vì ta ở các vùng đó trở về. Ông vỗ vào vai ta để mời ta đến nhà uống rượu. Chúng ta đã thành bạn. Ta hỏi ông liệu ở người Di có cần cứ phải uống rượu hòa máu để thắt chặt tình bạn không. Ông gật đầu: người ta phải giết một con gà trống, hòa máu nó vào rượu. Còn ông, ông đã cho con gà vào nồi rồi, chúng ta sẽ ăn và uống luôn một thể. Ông vừa cho con gái đi Bắc Kinh để học. Ông giao phó nó cho ta, nhờ ta săn sóc nó. Ông cũng đã viết một kịch bản phim, lấy đề tài từ một sử thi anh hùng thời cổ được lưu truyền bằng miệng. Nếu ta giúp được ông tìm ra một xưởng phim thực hiện nó thì ông tìm cách điều động một đoàn kỹ sĩ Di tham gia quay phim. Ta đoán ông thuộc về giai cấp quý tộc chủ sở hữu nô lệ người Di đen. Ông không cải chính. Ông kể năm ngoái, ông đã đến dãy núi Đại Lạng. Ông đã làm được việc ngoi ngược lên đồi thứ mười hay thậm chí hàng chục đồi – ta không nhớ nữa – tổ tiên của cái chi mà ông có chung với một cán bộ địa phương người Di.

Ta hỏi ông trong xã hội Di ngày xưa liệu đẳng cấp các bộ tộc có ngặt lắm không. Một con trai và một con gái cùng bộ tộc muốn lấy nhau hay

đã có quan hệ tình dục với nhau có bị giết hay không? Với anh chị em con chú con bác cũng thế. Nếu một nô lệ Di trắng có quan hệ tính dục với một phụ nữ quý tộc Di đen, thì đứa con trai có bị kết tội tử hình và người con gái có bị bức tử không?

- Đúng, ông nói, nhưng chẳng phải cũng đã có như thế ở người Hán các anh đấy ư?

Ta nghĩ một lát, mà đúng.

Ta nghe nói các án tử sát có thể được tiến hành bằng các hình thức treo cổ, uống thuốc độc, trảm mình xuống sông hay nhảy từ trên cao vào khoảng không. Còn tử hình, do người khác làm cho, thì là bóp cổ, lăng trì, dìm chết đuối với một hòn đá buộc vào người, đẩy ngã từ đỉnh cao xuống, giết bằng dao hoặc súng. Ta hỏi ông có như thế hay không.

- Có như thế, nhưng ở người Hán các anh chẳng phải cũng có như thế đấy ư?

Ta nghĩ một cái lại cũng thấy đúng.

Ta lại hỏi liệu các hình phạt tàn nhẫn hơn thế nữa có còn nhiều hay không. Cắt gót chân chẳng hạn, chặt các ngón tay, xẻo tai, móc mắt, xuyên thủng mũi, chọc võ con người.

- Điều đã có cả nhưng là trong quá khứ. Thế trong Cách mạng văn hóa chẳng đã làm như thế đấy thôi?

Ông nói đúng, sao ta lại ngạc nhiên cơ chứ?

Ông kể ông đã gặp trong núi Đại Lang một sĩ quan cũ của Quốc dân đảng vẫn cứ tiếp tục tự giới thiệu mình là tốt nghiệp khóa mấy năm mấy của học viện quân sự Hoàng Phố và là thượng tá của đại đội nào, sư đoàn nào, quân đoàn nào trong quân đội quốc gia. Bị bắt làm tù binh và bị một tù trưởng bộ tộc thu làm nô lệ, ông chạy trốn nhưng rồi đã bị bắt lại. Người ta đã kéo lê ông ra chợ, xích vào xương đòn gánh và bán cho một người chủ khác lấy bốn chục nén bạc. Khi Đảng cộng sản đến, thân phận nô lệ cũ đã cứu ông khỏi bị các hình phạt vì chẳng có ai biết lý lịch của ông. Bây giờ, khi người ta đang lại nói đến một liên minh mới ra đời

giữa Đảng cộng sản và Quốc dân đảng thì ông mới dám kể ra. Lúc đó người ta đã muốn cử ông làm Ủy viên Hội nghị hiệp thương nhân dân Trung Quốc nhưng ông thoái thác. Ông đã bảy mươi tuổi, có năm con ra đời khi ông là nô lệ. Chủ nô đã cho ông hai người vợ và ông đã có chín con, bốn đứa chết. Ông còn đang sống trong núi, không muốn biết xem chút nào cái gì đã xảy ra với người vợ thứ nhất và các con ông. Người cán bộ hỏi ta có viết tiểu thuyết không. Anh ta sẵn sàng cho không ta câu chuyện này.

Sau bữa ăn, khi ta ra khỏi nhà anh ta, cái phố nhỏ đã chìm trong bóng tối; giữa hai hàng mái, nền trời hiện ra thành một hình chữ nhật dài màu xám thẫm. Một ngày phiên chợ, phố sẽ đầy những người Di đầu quấn khăn và người Mèo với mảnh khăn mùi soa buộc tóc, nhưng nó không khác mấy với một cái phố ở nội địa.

Trên đường về trung tâm đón tiếp, nơi ta trọ, ta đi qua một rạp chiếu bóng. Ta không biết có đang là một buổi chiếu hay không. Một tấm áp phích mời khách về một người đàn bà huy hoàng với bộ ngực nhô cao, đèn rọi vào sáng choang. Tên phim đại khái không phải là một tên đàn bà thì là dính tình yêu. Trời còn sớm, ta không muốn quay lại gian phòng có bốn cái giường vắng lạnh. Ta quay gót để đi đến nhà một người bạn ta vừa mới quen. Anh học khảo cổ học ở đại học. Ta không biết anh đến đây như thế nào và ta chưa hỏi. Anh chỉ đơn giản nói một cách miễn cưỡng rằng anh chưa có bằng tiến sĩ.

Theo quan điểm của anh, dân tộc Di sống chủ yếu trong lưu vực sông Kim Sa Giang và chi lưu của nó, Nha Cung Giang. Thủy tổ của họ là người Khương, di cư dần dần tới đây khi chế độ nô lệ thời Thương và Chu ở đồng bằng trung bộ đã biến mất. Vào thời chiến quốc, khi nước Tần và nước Sở đánh nhau ở Quý Châu hiện nay, tổ tiên của họ lại tiếp tục di cư đến Vân Nam. Đây là sự việc đã được xác nhận một cách không thể nghi ngờ trong *Biên niên sử của người Di ở Tây Nam*, bản văn cổ bằng tiếng Di. Nhưng năm ngoái anh đã phát hiện ở bờ hồ Tào hơn một trăm công cụ đá có từ thời đá cũ, rồi cũng ở tại chỗ đó, những công cụ thời đá mới, sự mài bóng cùng chế tác giống hoàn toàn với những dụng cụ đá ở di chỉ Hà Mẫu Độ, bến Mạ sông, tại hạ lưu Trường Giang. Những vết tích kiến trúc giống với nhà sàn cũng đã được khai quật ở

huyền bên Hách Chương. Vậy nên anh nghĩ rằng ở thời đá mới, đã tồn tại một quan hệ giữa các địa điểm mà chính anh và ta đang ở đây với văn hóa của tổ tiên các bộ tộc Di.

Khi anh thấy ta đến, anh lấy ở dưới gầm giường của trẻ con ra một rọ đá, ngõ ta đến xem các công cụ anh tìm thấy. Cả hai nhìn nhau cười. Ta bảo anh:

- Tôi không đến vì đá.

- Đúng thế, đá ấy hử, không phải là thứ cấp bách nhất, nào lại đây, lại đây.

Anh đặt ngay cái rọ vào sau cửa rồi gọi vợ:

- Cho cái uống nhé!

Ta nói ta vừa uống rượu rồi.

- Không lo, chỗ tôi đây, anh hoàn toàn có thể say bò ra mới thôi, nếu say thì ngủ lại đây!

Anh chắc người Tứ Xuyên. Nghe cách anh nói, ta cảm thấy gần anh và bèn nói theo giọng Tứ Xuyên. Vợ anh chuẩn bị tức khắc những món để kèm với một loại rượu có hương vị đậm đà. Tràn đầy phấn khích, anh bện vào những tràng giang đại hải: về các mảnh hóa thạch của voi răng kiếm machairodus lấy ra từ các đầm lầy của hồ Tào mà những người bán cá đem bán, về các cán bộ địa phương có thể hội họp cả một buổi sáng để quyết định mua có duy nhất một cái bàn tính.

Trước khi mua nó, phải hơ nó qua lửa đôi chút để xem các quả lăn là bằng sừng bò hay gỗ sồi.

Hàng thật hay hàng giả?

Cả hai chúng ta đều cười hết hơi, cười đau cả bụng. Thật ít khi vui như thế.

Khi ta ra khỏi nhà anh, dưới chân ta bỗng thấy nhẹ bỗng, điều hiếm có ở vùng cao nguyên này. Ta biết ta đã uống vừa đủ thôi, không vượt quá

bản lĩnh của ta. Sau đó ta nhớ đã quên không lấy ở trong rọ của anh một lưỡi tầm sét đá mà các hậu duệ của người Nguyên Mưu từng sử dụng ^[15]. Chỉ cho ta đồ đá trong rọ để sau cửa, anh đã kêu to lên lúc ấy:

- Muốn lấy bao nhiêu tùy thích, đây là những pháp bảo tổ truyền của chúng ta đây!

Nàng bảo nàng sợ chuột, tiếng chuột chạy trên sàn. Nàng cũng sợ rắn. Rắn ở khắp nơi trong núi, nàng sợ những con rắn hoa rơi từ trên xà nhà xuống, luồn chui vào chần, nàng muốn mi ôm nàng chặt trong tay, nàng nói nàng sợ cô đơn.

Nàng nói nàng muốn nghe tiếng nói của mi, tiếng nói của mi làm nàng yên tâm. Nàng cũng muốn ngả vào đầu vai mi. Nàng muốn nghe mi nói, nói không ngừng, không thôi, nàng sẽ không cảm thấy lẻ loi nữa.

Nàng nói nàng thích nghe mi kể chuyện, nàng muốn biết tại sao Đệ nhị chúa công lại chiếm người con gái mà bọn cướp đã bắt cóc ngay trước cửa nhà nàng, làm sao cô ta lại khuất phục hắn và sau đó làm sao cái mạng sống của Đệ nhị chúa công lại kết thúc bằng chính tay cô ta.

Nàng nói nàng không muốn nghe chuyện cô gái đến từ thành phố rồi nhảy sông, rằng mi không được tả cái xác trương phềnh, trần truồng, nàng không muốn tự tử nữa, nàng không muốn nghe nữa chuyện những người đàn ông tự làm cho xương sườn bị gãy trong múa rồng.

Máu thì nàng đã thấy quá nhiều ở phòng phẫu thuật ở bệnh viện. Nàng thèm nghe những chuyện vui nhộn, như chuyện người đàn bà hoa đỏ, nàng không muốn các chuyện dữ dội nữa.

Nàng hỏi mi có thể này với các cô gái khác không. Nàng không muốn biết cái mà mi làm với họ. Nàng muốn biết nàng có phải là người đầu tiên mi dụ vào trong núi như thế này không. Mi hỏi nàng nghĩ như thế nào về việc đó. Em chẳng biết nữa, nàng nói. Mi bảo nàng đoán xem. Nàng nói nàng không thể đoán và mi sẽ chờ nói chuyện đó ra với nàng dù cho nó đã xảy ra. Nàng không muốn biết nó, nàng chỉ biết nàng đến đây là theo ý thích của nàng, nếu nàng bị lừa thì đó là lỗi của nàng, nàng nói bây giờ nàng chỉ yêu cầu mi hiểu nàng, che chở nàng, trông nom nàng, bận tâm đến nàng.

Nàng nói, nàng nói lần đầu tiên khi một người đàn ông chiếm hữu nàng, hẳn ta đã rất thô bạo, nàng nói rằng nàng không nói mi, nàng nói cái đứa kia, hẳn không để ý gì tới nàng. Lúc đó, nàng hoàn toàn bị động, nàng chẳng có chút thêm muốn nào, nàng chẳng hề thấy kích động mảy may. Hẳn vội vội vàng vàng tút váy nàng ra, nàng trước sau cứ một chân đặt lên mặt đất cạnh giường. Hẳn đặc biệt ích kỷ, đó là một con lợn, hẳn chỉ muốn cưỡng hiếp nàng. Dĩ nhiên nàng bằng lòng nhưng nàng đã cảm thấy đau, hẳn đã làm cho nàng bị rất đau. Nàng đã biết là có cơ bị đau và nàng đã làm chuyện đó như để cho xong một nhiệm vụ, để kích thích hẳn yêu nàng, để hẳn cưới nàng.

Nàng nói lúc ấy với hẳn, nàng chẳng có một khoái cảm nào, nàng thấy tinh dịch hẳn chảy trên đùi nàng liền nôn ngay. Sau đó, mỗi lần ngửi thấy cái mùi ấy lập tức lại giữ không nổi muốn nôn. Nàng nói nàng thuần túy là công cụ để hẳn thỏa mãn cơn dục, chỉ cần nàng dính phải cái kia của hẳn là nàng lại ác cảm với chính thể xác của nàng ngay.

Nàng nói đây là lần đầu tiên nàng buông thả mình, rằng đây là lần đầu tiên nàng dùng thân xác mình để yêu một người đàn ông. Không có nôn ọe. Nàng biết ơn mi đã cho nàng khoái cảm kia. Nàng nói chính là nàng muốn trả thù hẳn bằng cái cách này, trả thù tên bạn của nàng, nàng sẽ bảo hẳn rằng nàng cũng đã ngủ với một người đàn ông khác. Một người nhiều tuổi hơn nàng nhiều, một người đã biết hưởng thụ nàng và đã biết cho nàng hưởng khoái.

Nàng nói nàng đã biết rồi nó sẽ phải ra như thế, rằng nàng đã biết nàng sẽ mở cửa cho mi vào, nàng biết rằng mọi sự thận trọng của nàng thật ra chỉ là một cách tự lừa mà thôi. Nhưng tại sao nàng lại muốn tự trừng phạt chứ? Tại sao nàng lại không thể hưởng thụ theo ý nàng? Nàng nói mi đã cho nàng cuộc sống và hy vọng, nàng muốn tiếp tục sống, nàng lại có ham muốn.

Nàng còn nói rằng khi còn bé, có một con chó con ở nhà nàng thích ươn ướt của nó đánh thức nàng, và đôi khi nhảy cả lên giường. Nàng thích ôm chặt con vật ở trong tay. Mẹ nàng nói, mẹ thật của nàng lúc này còn sống, nói chó có bộ cắn người. Sau đó cấm nuôi chó trong thành phố và một hôm nàng không ở nhà, một tốp thu bắt chó đã mang có chó của

nàng đi và đánh chết nó, nàng đã khóc và không chịu ăn tối hôm đó. Lúc bấy giờ, nàng nói, nàng đặc biệt tốt. Nàng không hiểu tại sao thế giới con người lại xấu như thế. Tại sao trong quan hệ con người lại thiếu tình thương nhau. Nàng nói nàng không biết nữa tại sao nàng nói những cái đó.

Mi bảo nàng nói tiếp đi.

Nàng nói nàng có cảm tưởng nàng đang mở một cái máy nói, nàng nói, nói không dứt.

Mi nói nàng nói rất hay.

Nàng nói nàng thêm muốn vừa cứ còn bé lại vừa trưởng thành, nàng mong muốn được yêu, mong muốn thiên hạ nhìn nàng trong khi vẫn sợ cái nhìn của đàn ông luôn bắn thủ, rằng họ không nhìn bộ mặt xinh đẹp của đàn bà mà cứ nhìn cái khác.

Mi nói mi cũng là đàn ông.

Anh là ngoại lệ, nàng nói mi đã làm nàng yên ổn, nàng muốn ở trong tay mi.

Mi hỏi liệu nàng có thấy mi cũng bắn thủ không.

Anh đừng nói thế, nàng nói nàng không thấy, nàng yêu mi. Nàng thấy mọi cái ở mi đều hết sức thân thiết dịu dàng, nàng nói bây giờ nàng mới biết cuộc đời là gì. Nhưng nàng nói đôi khi nàng đặc biệt sợ, cảm thấy cuộc đời giống như một cái vực không đáy.

Nàng nói không ai yêu nàng thực tình, nàng tự hỏi trong thế giới này cuộc đời có nghĩa gì đây nếu như chẳng ai yêu nàng cả. Nàng nói nàng sợ cái đó. Tình yêu của đàn ông quá ích kỷ, họ chỉ nghĩ tới chiếm đoạt, họ cho cái gì để đổi lại nhỉ ?

Họ cũng có cho, mi nói.

Chỉ khi nào họ muốn thế thôi.

Nhưng đàn bà cũng giống như thế, không thể lìa khỏi đàn ông, đúng không? Mi nói rằng đấy là ý trời, ông trời đã cho hai hòn đá mài nhẵn âm dương hòa vào nhau rồi, mi nói, rằng cái đó là ở trong bản tính người, nàg việc gì mà phải sợ.

Nàng nói chính mi đã đùn đẩy nàg.

Mi hỏi như thế có làm cho nàg thích không.

Không, miễn là mọi cái diễn ra đều tự nhiên, nàg nói.

Vậy thì nào lại đây, tiếp nhận cả ở hết thân xác lẫn tâm hồn nào. Mi kêu gọi nàg.

Ôi, nàg nói, em muốn hát.

Hát gì? Mi hỏi nàg.

Hát rằng, em đang ở với anh, nàg nói.

Thích gì em cứ hát. Mi khuyến khích nàg hát hết giọng.

Nàng muốn mi vuốt ve nàg.

Mi nói mi muốn nàg thư giãn.

Nàng muốn mi hôn đầu vú nàg...

Và mi hôn nàg.

Nàng nói nàg cũng yêu cả người mi, chẳng cái gì trên người mi còn làm cho nàg sợ nữa, nàg làm mọi cái gì mi muốn, ôi, nàg nói nàg muốn nhìn thấy người mi đang đi vào người nàg.

Mi nói nàg đã trở nên một người đàn bà thực thụ.

Vâng, nàg nói, một người đàn bà mà một người đàn ông đã chiếm đoạt, nàg nói nàg chẳng hiểu nàg nói gì nữa, nàg nói nàg chưa bao giờ lại thấy sung sướng thế này, nàg nói nàg đang bồng bế trên một con thuyền, nàg không biết nó sẽ bồng bế đến đâu, nàg không thuộc về nàg nữa. Nàng đang được ru trên mặt biển một mầu đen sơn then,

nàng và mi, không, chỉ cần tự mình nàng, nàng thật chẳng sợ gì hết, chỉ thấy đặc biệt hư không mà thôi, nàng muốn chết, cái chết cũng quyến rũ nàng, nàng muốn ngã xuống biển để cho sóng đen ngòm chìm ngập nàng đi, nàng cần mi, hơi nóng người mi, sức đè của mi trên người nàng, cái đó có phải là một an ủi không nhỉ, nàng hỏi mi có biết cái đó không. Nàng đặc biệt cần cái đó.

Cần một người đàn ông hả? Mi dụ dỗ nàng.

Vâng, cần tình yêu của đàn ông, nàng có nhu cầu bị chiếm đoạt. Nàng nói rằng vâng, nàng muốn bị chiếm đoạt, nàng muốn phóng đảng, quên hết, ôi, nàng biết ơn mi, nàng nói lần đầu tiên nàng hơi sờ sợ, đúng, nàng nói nàng muốn, nàng biết nàng thèm nhưng nàng lại rất sợ, nàng không biết làm như thế nào, nàng muốn khóc, kêu lên, muốn bão táp xua nàng vào đồng quê vắng lặng, bão táp lột trụi nàng, càn cây cào rách da thịt nàng, nàng đau mà không thể gỡ, thú dữ xâu xé nàng! Nàng nói nàng đã nhìn thấy mẹ ta, người đàn bà phóng đảng mặc đồ đen tự xoa nắn vú bằng hai bàn tay, mặt cười cợt, cách đi ngoáy hông của mẹ ta, một con dâm phụ, nàng nói, anh không hiểu đâu, anh chắc chắn không hiểu cái đó đâu, anh không hiểu gì hết, anh đồ ngố này!

Ta rời vùng đi bằng xe khách ở giáp ranh hai tỉnh Vân Nam, Quý Châu; để tới Thuỷ Thành, ta phải chờ xe lửa mãi. Từ ga tới thủ phủ huyện còn một quãng đường dài. Cái vùng chẳng ra thành phố mà cũng chẳng ra nông thôn này đã khiến cho ta thấy lơ mơ đôi chút, nhất là khi nhìn thấy, ở rìa một cái giống như phố mà lại không phải phố hai câu đối dán song song trên lưới sắt cửa sổ một căn nhà cũ kỹ với những xà đen: “Trẻ chơi ngoài song, người lớn trong ngoài nhà đều yên”. Ta liền tựa hồ như không đi lên nữa mà là quay gót về tuổi thơ, phảng phất như ta chưa hề trải qua chiến tranh, cũng chẳng trải qua cách mạng, cũng chẳng qua đấu tranh rồi lại tái đấu tranh, phê phán rồi phản phê phán và giờ đây thì quay sang đổi mới; phảng phất như bố mẹ ta cũng chưa chết, bản thân ta cũng chưa nếm khổ nạn, cái nghiệp căn ta đâu có trưởng thành lớn lên và điều ấy khiến ta xúc động muốn khóc lấy đôi chút.

Ta đến ngồi lên một đồng gỗ rở xuống cạnh đường xe lửa để nghỉ đôi chút về sự thể của ta. Một người đàn bà, trạc ba chục tuổi, mặt đau khổ đến gần. Bà ta muốn ta giúp bà mua một vé xe lửa. Bà chắc đã nghe thấy một lúc trước đây, ở quầy vé nhà ga, ta không nói tiếng địa phương này. Bà nói muốn đi Bắc Kinh để khiếu kiện nhưng không có tiền mua vé. Ta hỏi bà muốn khiếu kiện gì. Bà nói hoài cũng không sao rõ. Không ngoài việc chồng bà đã chết, bị một ai đó chỉnh cho chết trong một vụ án oan nào đó nhưng chẳng ai muốn nhận lỗi và bà chẳng nhận được trợ cấp nào. Ta cho bà một nguyên để thoát được bà, rồi đến ngồi bên bờ sông. Ta ngắm nhìn nhiều giờ sông núi trước mặt.

Chiều, quá tám giờ, cuối cùng coi như ta đã tới An Thuận. Ta để xách vào nơi ký gửi, nó ngày càng nặng. Trong có một viên gạch hoa văn mà ta mang từ Hách Chương. Ở đây, nông dân dùng gạch của các mộ đời Hán để xây các bãi thả lợn. Một ngọn đèn thấp sáng ở quầy ký gửi, nhưng không có ai. Ta gõ nhiều lần, một nữ nhân viên đi đến. Chị ta cầm tiền đưa, móc một cái nhãn vào xách của ta rồi đặt nó lên một cái giá trống không trước khi quay gót. Phòng chờ rộng rãi vắng tanh, không giống

chút nào với các phòng chờ thông thường chật ních người và ẩm ỉ, ở đó mọi người ngồi xõm ngay cả lên thành cửa sổ, nằm lên ghế dài, ngồi trên hành lý, la cà không mục đích, nhào vào đủ mọi trò mua bán. Khi người ta ra khỏi nhà ga vắng lặng này, ta nghe thấy tiếng chân ta.

Những đám mây đen lao vun vút trên đầu, nhưng đêm sáng. Sương chiều hoà vào mây, rục lên nhiều sắc mầu. Ở tít đằng cuối bãi trải dài ra trước mắt, những quả núi cao tròn xoe dựng lên. Ngự trị bên trên cao nguyên, chúng nom giống như bầu vú đàn bà thành thực. Nhưng khi lại gần, chúng lại có vẻ đồ sộ và trở thành ra đê sụp. Ta không biết có phải là do các đám mây lông chặt trên đầu hay không nhưng ta cảm giác mặt đất thành nghiêng đi và ta đang chân cao chân thấp. Nhưng ta đâu có uống nhiều. Buổi tối ở An Thuận này để lại cho ta một cảm giác kỳ lạ.

Trước mặt nhà ga, ta tìm thấy một quán trọ nhỏ. Trong tranh tối tranh sáng, không nhận rõ căn phòng được ghép dựng như thế nào, đứng ra căn phòng bé như một ngăn nuôi bồ câu, đầu người có vẻ như sắp chạm vào trần. Chỉ có nằm được mà thôi.

Ta đi xuống phố, dọc đường các quán cơm nối tiếp nhau, bàn bày ra ngoài, dưới những ngọn đèn chói loà. Kỳ quặc là không có một khách ăn nào. Chiều tối nay, mọi cái đều dở, ta không thể không theo bản năng nghi ngại những cái quán ăn này. Xa nữa chỉ có hai người khác đang ngồi ở một cái bàn vuông. Ta đến ngồi xuống trước mặt họ, gọi một bát phở bò với hạt tiêu cay.

Đó là hai gã trai gầy, khô đét. Trước mặt một gã là chiếc bình toong thiếc đầy rượu, gã kia đặt một chân lên chiếc ghế dài. Mỗi gã cầm trong tay một chén gốm nho nhỏ, cũng chẳng thấy lên món nhắm. Hai người cầm lấy đĩa, đầu đĩa chỉ vào nhau. Cùng lúc, một người nói “tôm nôn”, người kia nói “đòn gánh”. Chẳng ai thắng ai, hai đầu đĩa lại rời ra, cả hai cùng bắt đầu uống rượu. Hai người cũng im lặng tập trung tư tưởng, đầu đĩa lại chạm vào nhau. Một người nói “đòn gánh”, người kia nói “chó”. Đòn gánh dĩ nhiên là đánh chó rồi, vậy thì người nói “chó” thua. Người thắng bèn tháo nút bình toong đổ một ít rượu vào chén đối thủ. Người thua tợp một hơi cạn và hai chiếc đĩa lại được đặt châu vào nhau. Sự thanh thản và tinh tế của họ làm cho ta không thể không nghĩ họ là hai

ông tiên. Nhưng quan sát gần hơn nữa ta thất mặt mũi họ vẫn bình thường. Chẳng qua là ta hình dung tiên phải uống rượu theo cách của họ mà thôi.

Ăn xong phở bò, ta đứng lên đi, vẫn còn nghe thấy hai người dâng rượu cho nhau, tiếng họ đặc biệt vang trong cái phố vắng này.

Ta đến một phố cổ. Hai bên chỉ là những ngôi nhà lở loét sắp rã sụp với những mái chìa ra giữa đường. Ta càng đi, phố càng hẹp lại. Các mái nhà gần như sắp chạm nhau và có vẻ cũng sắp sụp xệ. Trước mỗi cái cửa là một quầy hàng hoá: vài chai rượu, bưởi, hoa quả khô. Cả quần áo, đựng đưa trước gió như hồn ma những kẻ treo cổ. Phố dài vô tận ngỡ như không tới tận đầu cùng thế giới. Bà ngoại ta, nay đã chết, từng dắt ta qua đây, ta nhớ bà dắt đi mua một con quay. Con quay mà đưa con hàng xóm làm cho quay tí đã khiến ta rất thèm, nhưng người ta chỉ có thể mua loại đồ chơi này vào dịp Tết, Xuân tiết. Lúc thường các quầy hàng đặc biệt của cửa hàng bách hoá cũng không bán quay. Hai bà cháu đã phải đi đến miếu thành hoàng ở nam thành phố. Ở đấy có thể tìm thấy quay, ở đấy có diễn xiếc khỉ, múa võ và người ta bán cả cao da chó. Ta nhớ rằng qua miếu thành hoàng mua quay mới đi vào cái phố này; đã lâu rồi, ta không chơi với cái món xoàng xĩnh ấy nữa, thức đồ chơi càng ngày càng quay tí lên khi người ta càng quất dây vào nó. Nhưng trong cái phố này, không ai bán quay. Trong các giá hàng hoá bày toàn những mặt hàng giống nhau, càng nhìn càng chỉ mất hứng. Ta thầm hỏi rút cục thì ai mua ở các cửa hiệu bách hoá này? Những thương nhân này là thật hay giả? Hoặc là họ có một công việc chính nào khác nữa? Y như kiểu vào năm trước, người ta dán lên cửa nhà những lời trích dẫn của Mao Chủ tịch để cho mặt tiền nhà mình có chút tư thế, thì nay bày ra các giá hàng cũng là như vậy.

Sau đó rẽ như thế nào không rõ, ta lại ra một phố to. Lần này các cửa hàng thương nghiệp quốc doanh ngược lại đều đóng cửa tất cả trong khi thương nhân thật sự vẫn mở cửa hàng và người vẫn đi lại ở trong phố. Dĩ nhiên, người ta để ý trước tiên đến các cô gái, môi son và giấy da cao gót dõ lớp cổp trên vĩa hè. họ mặc những bộ đồ bó sát người, màu sặc sỡ, hở vai và cổ. chúng được nhập vào từ Hồng Kông, nhờ vài sự buôn

bán hay thậm trí buôn lậu. Có thể không phải tất cả các cô gái đều đi đến các hộp đêm, nhưng đều có vẻ như đến một cuộc hẹn.

Ở ngã tư, người còn đông hơn, tất cả thành phố hình như đổ ra đây. Họ đang hoang đi ở chính giữa đường phố bị xe cộ làm cho vắng tanh, tựa hồ cái đại lộ này đã được xây cất duy nhất giành cho họ. Nhìn không gian bị cái ngã tư này chiếm giữ và dằng dấp các căn nhà, ta tự hỏi phải chăng ta đi tới Ngã Tư Lớn. Trung tâm các thành phố vùng cao nguyên thường được gọi như thế. Tuy vậy, do tương phản với cái phố buôn bán chật hẹp sáng choang ánh đèn, từng tâm ngã tư có vẻ như chìm trong bóng tối. Mất điện hay người ta coi việc hạ cầu giao điện quên hạ lúc thay ca? Không thể biết. Để nhìn biến tên phố, ta phải đến gần một căn nhà có ánh sáng lọt ra.

Quả đúng đây là Ngã Tư Lớn, quảng trường trung tâm thành phố, nơi diễn ra cả lễ hội chính thức và các cuộc tuần hành.

Ta nghe thấy trong bóng tối vẳng tiếng người ta i i a a, tò mò đến gần thì phát hiện nhiều người đang ngồi chen sát nhau ở chân tường. Cúi xuống xem kỹ, ta nhận ra đó toàn là người già. Có đến cả trăm và không nhận ra đó toàn là người già. Có đến cả trăm và không có vẻ gì là đang tiến hành một cuộc biểu tình ngồi. Không chỉ cười nói mà còn hát. Một người cầm một cây nhị, dây lên sai, tiếng khàn đục. Vị nhạc sĩ già này trông giống một lão thợ đóng giầy đang đóng lại đế. Cạnh ông, một ông già dựa tường hát một bài nho nhỏ “Ngày năm canh”. Bài hát của một người đàn bà yêu say đắm chờ đợi người tình bội bạc. Hay là ở chỗ không chỉ có ông già mà còn cả các bà già, những cái bóng co vai rụt cổ. Tiếng các cụ bà ho vang to hơn. Tiếng ho như đi ra từ các hình nhân nho nhỏ hàng mà dùng trong tang lễ. Một số nhỏ nhẹ, u ở như nói mớ hay đúng hơn như chỉ cốt nói cho riêng họ thôi. Tuy vậy, những tiếng cười vẫn rộ lên theo. Lắng nghe, ta hiểu rằng một ông già đang tán một bà già: “Anh đang nhặt được bao nhiêu củi trong núi, anh ơi?” “ Em ời, chính bàn tay em đây đã thêu được bao nhiêu chiếc giấy hoa?” Họ hỏi đáp nhau như trong các bài hát đối miền núi. Chắc họ tranh thủ bóng đêm để biến cái Ngã Tư Lớn này thành một sân hát giống như những cái sân họ thường vẫn lui tới lúc trẻ. Cũng có thể họ đã tỏ tình với nhau ở tại đây. Không chỉ đôi ba người già hát tình ca, người chuyện gẫu cười đùa cang

nhiều hơn. Ta không hiểu họ nói gì và có cái gì mà họ vui như thế? Tiếng húyt gió phát ra từ hai hàng lợi móm mém của họ chỉ có thể hiểu được ở giữa họ với nhau. Ta ngỡ mơ nhưng ta quan sát thì những người quanh ta ở đây đều đang thật sự sống rõ ràng. Ta tự cầu đui qua quần, vẫn là cái đau quen thuộc. Tất cả là thực tại: ta đến vùng cao nguyên này, chạ xuống phương Nam và mai sẽ đáp chuyển xe đường dài đầu tiên của buổi sáng mai để xuống Hoàng Quả Thụ ở dưới phái nam. Ở dưới ấy, trong các thác nước, ta sẽ rửa sạch khỏi người ta các ấn tượng kỳ lạ này, cái hoàn cảnh này và bản thân ra, tất cả đều là thực tại, không thể nào hồ nghi được.

Trên đường tới các thác nước ở Hoàng Quả Thụ, ta qua trước hết Long Quan. Một du thuyền nho nhỏ sơn nhiều màu sắc trôi trên mặt nước phẳng như một tấm gương mà chiều sâu thì không thể dò nổi. Chẳng nghĩ ngợi, hành khách giành nhau hang nằm ở bên vách đá dựng đứng u tối. Khi con thuyền đến gần đó, mặt nước nhẵn mịn bắt đầu găm rú chảy xuống không tài nào cưỡng lại được, chỉ có vòng tới chỗ ra cửa cảnh nước hú rít ở dưới chân núi này thì mới hiểu được là nguy hiểm đến thế nào. Đôi khi con thuyền lại gần cái hang có ba bốn mét, như là cho một lần du hí cuối cùng trước khi nàho vào một bất hạnh đã định. Tất cả diễn ra dưới ánh mặt trời. Khi ngồi trên thuyền, ta không thể ngăn ta nghi ngờ thực tại này.

Dọc đường, con thác phồng nở hung dữ cuộn đi những dòng nước ngầu bọt, những quả núi tròn và bầu trời rực rỡ thì chói loá, những mái nhà bằng đá phẳng bẹt lấp lánh trong nắng, các đường viền hiện rõ như một loạt tranh tô màu xẽ bằng những nét bút thành tao. Ngồi trong xe xa lắc lư hết tốc độ trên đường, ta nhận thấy một cảm giác không trong lượng, toàn bộ cơ thể ta như đang lượn. Ta không biết rồi ta sẽ trôi lượn đến đâu? Cũng không biết ta đang kiếm tìm gì?

Mi nói vì vừa mới mơ xong. Nàng nói đúng thế, mới đây thôi, nàng còn nói với mi, mi có vẻ như chưa ngủ hẳn mà, nàng nói nàng vuốt ve mi và trong khi mi nằm mơ, nàng đã sờ mạch mi, chỉ mới một chút đây thôi. Mi nói đúng đấy, tất cả còn rõ mà, mi cảm thấy vú nàng êm dịu, bụng nàng thở. Nàng nói nàng ôm mi, nàng đã sờ mạch mi. Mi nói mi đã thấy bề mặt đen ngòm của biển dâng cao, cái bề mặt hoàn toàn phẳng lặng đã từ từ nâng lên, không sao cưỡng lại được. Bị ép lại, đường chân trời biến mất và cái bề mặt đen ngòm đã chiếm đi hết tất cả không gian, Nàng nói mi đã ngủ, dính vào ngực nàng. Mi nói mi đã thấy vú nàng trướng lên, như một thủy triều đen ngòm, con nước trào dâng giống như một đục vọng đang phồng nở ngày một mạnh; nó sắp nuốt chửng mi, mi nói mi đã cảm thấy như một thứ lo âu. Nàng nói mi đã ở trên ngực nàng như một đứa bé ngoan, chỉ có mạch của mi đập gấp lên thôi. Mi nói mi đã cảm thấy một kiểu đè nện, cơn thủy triều dâng lên và lan rộng không thể nào ngăn giữ kia đã trở thành một bề mặt phẳng menh mông đổ kản về mi, không một gợn sóng, nhẵn và trơn tuột như dải lụa đen xoà vô tận, nó chảy loang, không có gì để giữ nó lại rồi nó lại biến thành một thác nước đen rơi từ một điểm vô hình ở rất cao xuống một cái vực không thể dò thấy đáy, tuyệt không một lồi lõm nhỏ nhất nào trên đường nó chảy đi. Nàng nói: anh thật là ngốc, để cho em ve vuốt anh nào. Mi nói mi đã thấy cái đại dương đen ngòm với những cơn sóng lẫn đổ ào ào của nó kia, cái bề mặt tự nhấc lên để chiếm lấy tất cả không gian và không chịu dừng lại kia. Anh đang ở trên ngực em, nàng nói, em đang ôm anh vào tay đây mà, với mùi thơm dịu dịu này ở em đây. Mi nói không phải. Nàng nói có phải, thì em đang ôm anh đây, đang sờ mạch của anh đây, mạch mỗi lúc một đập mạnh đây. Mi nói rằng trong các cơn sóng đen tung toé kia, một cơn lướt ầm ụt và trơn như ánh chớp đang bơi, nhưng ngay lập tức nó đã bị cơn sóng đen ngòm nuốt chửng. Nàng nói nàng có thấy cơn lướt ấy, nàng đã cảm thấy nó. Sau đó, khi cơn sóng đi qua, chỉ còn lại bãi đá không giới hạn, bề mặt phẳng tràn những hạt cát thủy triều rút rồi, chỉ còn lại những bọt thì mi đã thấy nhưng thân người đen đũi, quỳ gối, bò trườn,

vặn vẹo, quăn xoắn lấy nhau, đẩy nhau ra rồi lại cuộn nín lại với nhau, đối đầu nhau im lặng tuyệt đối trên bãi biển mênh mông, cũng không tiếng gió, họ trộn lẫn vào nhau, ngóc lên, ngã xuống, đầu và cẳng, tay và chân hào lộn vào nhau không thể phân biệt được, Người ta sẽ bảo là những voi biển, nhưng hoàn toàn không như thế, họ lăn lộn, ngóc lên, ngã xuống, lại lăn, lại ngóc lên, lại ngã xuống. Nàng nói rằng nàng cảm thấy mi, sau một phen thon thót đập dữ dội, mạch lại đã dịu đi, lại dội đập lại, nàng đều cảm thấy. Mi nói mi đã thấy những thú biển mang dáng người hay những thân người mang dáng thú biển, những thân đen sì, nhẵn, hơi sang sáng, như một miếng lụa đen, như một lớp lông dày bóng nhẫy, chúng quăn quại và lại ngã xuống ngay sau khi vừa đứng lại lên, lăn lộn không ngừng, cuộn quăn vào nhau không thể gỡ tách, không thể rõ là đánh nhau hay giết nhau, không một tiếng động, không một âm vang, mi đã nhìn rõ trên bãi đá vắng tanh này, không một gợn gió, đằng xa những thân hình ấy đang lăn lộn, đang uốn éo trong im lặng tuyệt đối. Nàng nói đó là mạch của mi. Sau nhiều lần thon thót đập dữ dội, nó đã dịu lại rồi đập mạnh hơn và lại dịu lại. Mi nói mi đã nhìn thấy các thân hình nhẵn và đen của giống vật biển mang dáng vẻ người kia hay những thân người mang dáng dấp giống vật kia, sáng lên một ánh sáng nho nhỏ, như lụa đen, như lớp lông dày và bóng nhẫy, chúng vặn vẹo, lăn lộn, cuộn quăn vào nhau không thể gỡ tách, chẳng hề bao giờ ngừng, thông thả, bình thản, đánh nhau hay giết lẫn nhau, mi đã nhìn thấy chúng rất rõ trên bãi đá bất động xa xa, mà đã nhìn thấy chúng lăn lộn rất rõ. Nàng nói mi đặt đầu mi lên người nàng, như một đứa bé ngoan, người mi đầy mồ hôi. Mi nói mi vừa mới mơ xong, nằm trên nàng. Nàng nói mới đã nhìn thấy biển, mi cũng nhìn thấy mặt biển đen ngòm nâng lên rồi chảy đi từ từ, không thể cưỡng lại, mi cảm thấy một thứ lo sợ. Nàng nói mi là một đứa bé ngớ ngẩn, mi chẳng hiểu cái gì hết. Nhưng mi nói mi đã nhìn thấy tất cả rất rõ, rành mạch, nó trào lăn đi như thế này, nó chiếm hết không gian, cái con sóng đen dưng mãnh, không giới hạn trào lăn đi không thể ngăn giữ lại, không một tiếng độngm nhẵn như lụa đến xoa mở, nó chảy như một thác nước, cũng màu đen, chẳng có một tí lồi lõm nào, chẳng có sóng bọt ngẫu, nhào vào trong một cái vực không thể dò thấy đáy, mi đã nhìn thấy tất cả. Nàng nói nàng ôm mi vào ngực, lưng mi đầy mồ hôi. Bức tường đen dựng đứng và trơn kia tuôn chảy đã làm cho mi lo sợ, mi miễn cưỡng nhắm mắt lại, mi tiếp tục cảm thấy sự hiện diện của nó,

nhưng mi cứ để cho nó tuôn chảy không thể kìm được nó, mi đã thấy tất cả, nhưng mi chẳng thấy cái gì, cái biển tràn nghiêng kia, mi chìm, mi lại nổi lên mặt nước, những con vật đen sì, đánh nhau hay giết nhau, vặo vặo không ngừng trên bãi đã vắng tanh và không có gió. Nàng đã để đầu mi vào ngực nàng, mi giữ các chi tiết cởn con kia hằn khắc vào trí nhớ mi nhưng mi không thể nhắc lại được chúng. Nàng nói lại muốn sờ mạch mi, nàng muốn thế, nàng cũng muốn cả các con thú mang mặt người đang vặo vặo kia, trận đấu im lìm kia, như một cuộc giết chóc, quấn quít vào nhau không thể nào gỡ tách ra, chúng di chuyển trên bãi biển phẳng tràn, những hạt cát tí xiu, chỉ còn lại những bọt bong bóng, nàng muốn cái ấy, nàng còn muốn cái ấy nữa. Khi con nước triều đen kia đã rút đi rồi, trên bãi biển còn lại cái gì đây?

Đó là chiếc mặt nạ trở vào gỗ của con vật mang mặt người, ở bên hai cái sừng trên đỉnh đầu còn có hai cái sừng nhọn nhỏ hơn. Vậy thì không thể là thể hiện bò hay cừu gia súc. Chắc phải là một thú dữ vì cái mặt kỳ lạ và ma quái này không có vẻ dịu hiền của một con hươu. Ở chỗ mắt, hai cái hố tròn trống hoác có một đường gờ nổi viền quanh. Dưới mỗi lông mày, một hõm sâu. Trán nhọn, những họa tiết chạm trở trên lông mày làm nổi rõ hai hố mắt. Con mắt liền đe dọa đối phương ngay giống như mắt thú dữ lúc xông vào con người.

Trong hố mắt lồi đen ngòm, đồng tử của kẻ mang mặt nạ này chắc phải phóng ra những ánh chớp như cái nhìn của một thú dữ. Hai hình lưỡi liềm, nhọn hai đầu, khốt rộng dưới hai con mắt, cho thêm vẻ tàn ác vào cái nhìn. Mũi miệng, gò má, và quai hàm dưới được vẽ hoàn hảo, một cái miệng móm mém của ông già, cái lõm ở chính giữa cằm cũng không bị bỏ quên. Da khô quắt, gò má nhỏ. Nét khắc rõ khoé. Đó không chỉ là mặt một ông già mà còn toát ra một thứ tinh thần cương nghị. Ở hai khoé mép trở nổi hai răng nanh sắc nhọn cong ngược mãi lên hai cánh mũi. Hai lỗ mũi tẹt, mang một ý vị chế nhạo và khinh bỉ. Răng đều rụng không phải vì già mà vì người ta đã thay vào chỗ của chúng những cái nanh. Ở góc hai môi mím lại, hai lỗ nhỏ nhỏ đã được khoát chắc là để cho râu cộp thòi ở đấy ra. Bộ mặt người này đã thông minh đồng thời cũng mang đậm dấu ấn mong muội của thú vật.

Quan sát cánh mũi, khoé miệng, môi, gò má, trán, ấn đường cho thấy người thợ ạc đã phải hiểu biết tường tận hình thái học của xương và các cơ mặt người. Duy nhất hai hố mắt và sừng trên đầu là được cường điệu còn nét vẽ các cơ bắp của mặt đã tạo nên một thứ căng thẳng. Không cằm râu cộp, đây có thể là mặt của người nguyên thủy xăm hình mà sự nhận hiểu bản thân và tự nhiên đều được chứa đựng hoàn toàn trong các lỗ đen ngòm của những hố mắt tròn xoe của nó. Hai lỗ ở khoé môi thể hiện sự miệt thị của tự nhiên đối với con người đồng thời cả sự kính nể của con người đối với tự nhiên. Bộ mặt này cũng phản ánh hoàn hảo nổi

sợ của con người đối với cái tính thú vật với đồng loại và của bản thân hấn.

Con người hết cách gạt bỏ cái mặt nạ này. Nó là phòng chiếu của nhục thể và linh hồn của con người. Con người sẽ không gỡ xuống được ở chính mặt mình cái mặt nạ đã mọc lên y như là da thịt này và vậy là hấn toàn sống trong kinh ngạc, tựa hồ không tin cái này lại là của chính hấn mà nó lại thật sự là chính bản thân hấn. Không có cách nào gỡ đi cái mặt nạ này, hấn đau khổ hết chịu nổi. Nhưng cái làm nên mặt của hấn, một khi hiện ra thì càng không thể xoá sạch, vì nó vốn dĩ y vào hấn, nó không có ý chí của nó hoặc giả nó mong có ý chí mà không có cách mưu cầu thực hiện thì ngược lại cũng bằng là không có ý chí, nó bèn để lại cho hấn cái bộ mặt vĩnh viễn ngạc nhiên quan sát hấn này.

Đây thực sự là một kiệt tác. Ta đã tìm thấy nó trong đồng triển lãm phẩm ở bảo tàng tại Quý Dương. Lúc đó, nhà bảo tàng đang đóng cửa để tu sửa. Nhờ bạn bè giúp ta lấy giấy giới thiệu rồi lại phiền người quen gọi điện thoại mượn lý do này lý do kia vì ta, ta đã làm kinh động đến viện phó nhà bảo tàng, một người tốt bụng, béo ú, luôn có tách trà trong tay. Ta nghĩ chắc nay ông đã cáo lão về hưu rồi. Ông đã cho mở hai gian lưu trữ và cho phép ta đi dạo giữa các giá để đầy những đồ đồng, vũ khí và mọi loại gốm. Dĩ nhiên là tuyệt đẹp rồi nhưng ra không tìm được ra ở đấy một thứ gì có thể lưu lại ở ta một kỉ niệm bất diệt. Tranh thủ lòng độ lượng của ông, ta đã quay trở lại đó. Ông thổ lộ với ta rằng hai gian lưu trữ của ông đã quá tải và thực tế ông không hiểu lắm rằng ta muốn xem cái gì. Tốt hơn cả là ông để cho ta một bảng liệt kê trong đó mỗi vật ở bảo tàng đều có kèm theo một bức ảnh. Cuối cùng ta đã tìm thấy chiếc mặt nạ *nuo* ^[16] trong các đồ vật tôn giáo mê tín được xếp hạng này. Ông giải thích cho ta rằng cá thứ này vẫn luôn cất kín, chưa từng bao giờ trưng bày, rằng ta thật tình muốn xem chúng thì trước hết ta phải làm một số thủ tục. Khi ta trở lại lần thứ ba, người bảo tồn tốt bụng đã sai đưa lên một hòm lớn cho ta. Khi ông lần lượt lấy ra từng chiếc mặt nạ một, ta đã đứng há hốc miệng.

Tổng cộng có khoảng hai chục mặt nạ bị công an tịch thu đầu những năm năm mươi như là đồ vật mê tín. Ta thậm hỏi ai đã làm được cái việc

tốt lành như thế, bởi vì như vậy chúng ta đã không bị lấy làm củi đun mà cháy sạch sành sanh cả rồi, trái lại được đưa vào nhà bảo tàng, ẩn tr ánh được qua sự cướp phá của cách mạng văn hoá. Theo wocs đoán cầu nhà khảo cổ ở nhà bảo tàng này, đây là những chế tác cuối đời Thanh. Màu sắc trên mặt nạ đã bong gần hết, những vết sơn then còn sót đã say xỉn đen lại, mất đi độ nhẵn bóng. Trên các phích có ghi nơi đến của chúng: huyện Hoàng Bình và Thiên Trụ ở thượng lưu sông Vũ Thuỷ và Thanh Thuỷ, một vùng đất người Hán, người Mèo, người Đồng, người Thổ gia cùng tạp cư. Thế là sau đó ta đi đến các nơi này.

Trong ánh sáng vàng da cam của buổi sáng, các màu sắc cầu núi non thuần khiết và tươi tắn, không khí trong lành, quang quẻ, mi không có vẻ như đã thức trắng một đêm, mi ghì chặt bờ vai mê mị, đầu nàng tựa vào mi. Mi không biết nàng có phải là cô gái mi đã mê thấy đêm qua không, mi không phân biệt được các cô gái nào thực tại hơn trong hai cô. Lúc này mi chỉ biết nàng có đi theo mi ngoan ngoãn, chẳng thể hể bận tâm xem rút cục mi muốn đi đến đâu nữa.

Thuận theo con đường núi này, tới đỉnh dốc, mi không ngờ lại đến một bình nguyên, tầng tầng ruộng bậc thang tiếp nhau trải đến vô tận. Hai cây cột đá dựng lên ở giữa các thửa ruộng chắc là một cái cổng đá từ ngày xưa. Những mảnh vỡ của sư tử đá, trống đá nằm rải rác hai bên. Mi nói ngày xưa một dòng họ có tên tuổi lớn sống ở đây. Một khi qua cổng sẽ thấy những cái sân nối tiếp những cái sân. Toà dinh cơ phải dài đến một dặm nhưng bây giờ đều là ruộng.

Tất cả đã bị đốt cháy hết khi quân Thái Bình thiên quốc nổi lên rồi kéo đến thị trấn Ô Y phải không? Nàng hỏi.

Mi nói vụ hoả hoạn xảy ra muộn hơn sau này. Ngày xưa, lão nhị gia, cháu nội của người con trai cả của dòng họ này là một ông quan to trong triều. Được bổ làm thượng thư bộ Hình, ông đã dính líu vào một vụ buôn muối. Trong thực tế, đúng ra thì đừng khẳng định rằng ông đã vi phạm pháp luật vì ăn hối lộ, mà nói chính xác ra là Hoàng đế, trong sự xuẩn ngốc của mình, đã tin vào những lời buộc tội sai của các hoạn quan. Hoàng đế nghi ông đã nhúng vào một âm mưu được họ hàng Hoàng hậu ngầm ngầm bố trí để chiếm ngôi vua; tiếp theo đó là tịch thu toàn bộ tài sản của ông, chặt đầu toàn thể các thành viên của dòng họ ông. Trong ba trăm người sống ở cơ ngơi mệnh mông này, tất cả đàn ông, đến cả trẻ con, dưới một tuổi đều bị giết, đàn bà thì bị đem cho làm tôi tớ. Thật sự cái mà người ta gọi là tiết giống là như thế. Làm sao mà cái dinh cơ này lại không bị san bằng chứ nhỉ?

Mi cũng có thể kể khác đi câu chuyện. Xem con rùa đá đen, vỡ một nửa nhô lên khỏi đất kia, những cái cổng kia, những trống và sư tử đá kia như một quần thể kiến trúc thì chỗ này ngày xưa không phải một dinh cơ mà đúng hơn phải là một ngôi mộ. Rõ ràng với lối đi dài một dặm của nó, ngôi mộ này phải đã từng rất oai vệ bề thế nhưng cái đó bây giờ khó mà khảo chứng được. Tấm bia dựng trên lưng con rùa lúc cải cách ruộng đất đã bị một nông dân mang đi biến nó thành cái cối xay, các bệ đế khác thì một là trọng lượng của chúng không cho phép người ta tha đi đến chỗ cần dùng, hai là việc tha đi đòi hỏi quá nhiều nhân công di chuyển do chúng vẫn bị vùi sâu. Nói đến cái mộ này thì rõ ràng một người dân thường không thể được vào chôn ở đây, ngay cả hào lý sở tại cũng đâu dám tự ý dành lấy một sự sang trọng đến thế này cho dù hẳn sở hữu bao nhiêu ruộng đất. Trừ phi là vương công đại thần.

Đúng thế, người mà mi nói đến chính là một khai quốc công thần từng theo cuộc nổi dậy của Chu Nguyên Chương đánh đuổi bọn Tác-ta, nhưng công thần giành được thiên hạ phần lớn lại thường không được hưởng cái chết tử tế. Chỉ những ai bản lĩnh phi thường mới có thể chết ở trên giường mà vẫn hương tang lễ hậu. Rõ ràng người chủ tương lai của ngôi mộ này đã chứng kiến các lão tướng bên người Hoàng đế lần lượt theo nhau bị giết. Thế là nỗi sợ dầy vò sáng tối, cuối cùng ông đã dâng lên Hoàng đế biểu từ quan. “Ngày nay đất nước đã hoà bình, dân chúng đã yên vui, ông viết, ân lộc của hoàng Thượng với tôi là mệnh mông, văn thần vũ tướng chen vai thích cánh đầy triều hiện nay, còn vị thần bất tài, tuổi lại quá nửa trăm, ở nhà mẹ già cô quả một đời, lao lực sinh bệnh, thần trước mặt không còn được bao năm nữa cho nên cúi xin được troe mũ mũ về quê hầu hạ mẹ già”. Khi bức biểu từ quan đến tay Hoàng Thượng, ông đã ra khỏi kinh thành. Không thể không một phen luyến tiếc, Hoàng thượng dĩ nhiên đã ban thưởng cho ông rất hậu. Ngoài ra, Hoàng thượng còn hạ cố tự tay phê một chiếu thư cho ông được quyền chôn trong một ngôi mộ lớn sau khi chết để cho hậu thế đời đời xưng tụng công đức của ông.

Câu chuyện này còn có một cách kể khác xa với những gì ghi trong các sách sử mà gần hơn với bút ký, tiểu thuyết. Theo cách này thì khi người chủ mộ thấy Hoàng Thượng lấy danh nghĩa “chỉnh đốn triều chính” loại

bỏ các bậc nguyên lão, ông đã nại có chịu tang bố để rời bỏ nhiệm sở trốn về quê. Sau đó, ông còn giả điên giả dại, không gặp ai nữa. Hoàng thượng ngờ. Ngài phái cấm vệ vượt núi băng rừng đến nhà ông, chỉ thấy cửa đóng, bèn mượn thế tuyên độc chiếu chỉ mà đột nhập vào nhà. Nào hay ông chủ từ nhà trong bò ra sửa như chó? Sứ giả chưa tin, bèn nhân danh Hoàng thượng lệnh cho ông mặc quần vào hồi kinh. Ông ta lại đến hít hít đóng cút chó ở góc tường rồi vừa nuốt chửi cút chó vừa gật gật đầu. Cấm vệ chỉ còn cách về triều tâu sự tình lên Hoàng Thượng, các mối nghi ngờ của Ngài lập tức tiêu tan. Sau khi người kia chết, Hoàng thượng cho ông được hậu táng. Thật ra đóng cút chó là do người hầu gái sủng ái của ông làm bằng đường trộn với vừng. Nhưng làm sao mà Hoàng thượng Ngài biết được việc đó?

Ở đây cũng có một nho sĩ làng quê một dạ mưu tìm công danh. Quá nửa đời chui rúc lều thi, vào tuổi năm mươi, trúng được bằng nhãn vi danh, ông nóng lòng chờ đợi từng ngày được bổ làm một chức quan. Ai có thể nghĩ rằng con gái ông chưa chồng lại đầu màu cuối mắt cỏi người anh rể nó rồi có chửa. Con bé ngu xuẩn đã tưởng người hoàng có thể làm xảy được thai, thế là đau bụng kéo dài hai tháng, người gầy đi từng ngày trong khi bụng lại cứ dần dần to ra. Cuối cùng gia đình phát hiện, bố mẹ cô gái lập tức bán loạn. Để cứu vớt thành danh, ông bố bắt chức phương pháp Hoàng Thượng dùng với các loạn thần nghịch tử bằng cách bức tử. Ông không ngần ngại giam con gái làm bại hoại gia phong vào trong một quan tài bằng ván. Vụ này lan truyền đi nhanh chóng và đến tận huyện lỵ. Luôn sợ bị mất cái mũ quana, huyện trưởng, người đã từng bị tai tiếng vì những việc làm kém chính thống phổ biến ở vùng này, bèn cho nêu một tấm gương, đã chuyển đặt vụ này lên tổng đốc và chính tổng đốc nơi đó cũng chuyển đặt lên triều đình.

Ôm ấp ái phi, Hoàng Thượng từ lâu đã bỏ bể công việc trong triều, nhưng một hôm buồn tưởng chết, ngài bèn tìm hiểu dân tình. Các bộ lúc đó bèn “báo cáo” câu chuyện gương mẫu này và ngài không tránh khỏi phải thở dài vì ngài là một người có lương tri. “Đây là một gia đình rất biết lễ tiết”, ngài phán. Những lời này lập tức trở thành chỉ dụ của hoàng thượng và được tổng đặt đến dinh tổng đốc. Ở đây, quan tổng đốc đã phen thêm: chỉ dụ này phải được lập tức khắc lên một thẻ bài và loan báo

không chậm trễ trong toàn thể dân chúng. Sau đó nó được hoả tốc truyền xuống lý sở cầu huyện. Viên tri huyện không do dự lên một cái kiệu có sai nha hộ tống, vừa gõ chiêng vừa hò hét để hai bên đường tránh xa. Rồi khi quỳ sụp để nhận chỉ dụ của hoàng Thượng ban xuống, viên nho sĩ gì thối nát kia lại không rơi được những giọt nước mắt biết ơn sao? Tri huyện đã căn dặn nghiêm khắc lão: “Chỉ dụ thiên tử ban xuống đáng giá hơn một nghìn lượng vàng. Hãy dựng ngay một cổng chào danh dự và cho khắc chỉ dụ này để không bao giờ quên nó. Sự kiện tuyệt vời này sẽ mang lại vẻ vang cho tổ tiên ông và làm cho đất trời cảm kích!” Ông già vay hàng chục nghìn cân gạo và thuê thợ đá và lão trông nom công việc đêm ngày. Hết sáu năm, cổng chào chạm trổ tỉ mỉ đã được hoàn thành trước ngày Đông chí. Để khánh thành nó, lão già mở một tiệc lớn mời tất cả dân bang láng giềng đến và cuối năm lão già tính sổ. Lão còn mắc nợ bốn mươi lượng bạc và một trăm sáu mươi đồng tiền vàng. Cuối sùng lão trúng cảm mạo và ngã bệnh. Lão không hồi phục được sức khỏe nữa, chết trước vụ gieo cấy mùa xuân.

Cổng chào kỷ niệm vẫn dựng lên ở cửa đông làng, trẻ chăn trâu lười biếng toàn dùng nó để buộc trâu bò. Chỉ có điều dòng chữ chạy ngang giữa hai cột không hợp với chủ tịch Ủy ban cách mạng huyện khi ông ta đến thị sát các vùng nông thôn này, ông đã ra lệnh cho bí thư của làng thay nó bằng khẩu hiệu “Nông nghiệp học tập Đại Trại”. Hai hàng câu đối của một cổng: “Trung thành, hiếu thảo truyền từ bố đến con dâu”. “Thi kinh, Thư Kinh kế tiếp trong thế gian bền” bèn thay bằng “Canh tác vì cách mạng, chí công vô tư”. Thời ấy, ai mà biết được một hình Đại Trại sau lại hoá thành mô hình rỏm, ruộng đất lại được trở về tay nông dân? Bay giờ, cá nhân càng lao động càng giàu, chẳng còn ai hiểu được nghĩa các khẩu hiệu ngày xưa này nữa. Ngoài ra con cái nhà này tính không khoẻ mạnh chạy đi buôn bán đều phát tài cả, còn người nào trong đám họ nhàn cái tâm mà trở về thay các châm ngôn kia đây?

Sau cổng chào, một bà già ngồi trước cửa văn nhà đầu tiên, cầm các chày nghiền cái gì đó trong một cái cối gỗ. Cạnh bè, con chó vàng hít hít đánh hơi khắp chung quanh. Bà già giơ chày lên hăm hăm chửi: “Cút đi, biến!”

Nhưng mi, đâu có phải là chó, cứ thế tiến lên hỏi bà lão:

- Bà lão ơi bà làm đậu phụ cay đấy phải không?

Chẳng ừ chẳng không, bà ta liếc mi một cái rồi lại cúi xuống nghiền ớt tươi.

- Cháu xin lỗi, ở đây có một nơi đến nào gọi là Linh Nham không bà?

Mi biết hỏi bà lão về một cái cao xa như Linh Sơn là uống công, mi nói với bà lão rằng mi từ cái làng ở dưới kia, thấp hơn, làng họ Mộng đến đây, có người bảo mi về một làng Linh Nham nào đó ở đằng trước đây.

Lúc này bà ta mới ngừng việc, xem một cái, đặc biệt xem cô gái của mi trước hết, rồi quay lại hỏi mi:

- Anh chị đi cầu tự phải không? Hỏi rất tò mò.

Bà ta giơ tay lên kéo mi nhưng mi ngu lâu lại hỏi:

- Linh Nham với cầu tự thì có quan hệ gì?

- Sao lại không quan hệ? Bà lão the thé kêu lên.

Đều là đàn bà đến đấy. Không có con trai mới đến đấy thấp hương.

Bà ta bắt đầu cười lục cục, như có người cù.

- Thế nhà chị này muốn có con trai ư?

Lạnh lùng, bà lão xồng xộc đi đến phía nàng.

Mi nói với bà ta:

- Chúng tôi đi du lịch, đâu cũng muốn xem một ít.

- Nhà quê thì có cái gì hay mà xem? Mấy hôm vừa qua cũng thế, nhiều cặp từ thành phố đến lắm, làm chó của hay gà bay, nháo nhác cả cái làng này lên.

Mi không thể không hỏi:

- Họ đến làm gì?

- Xách một cái hộp điện, cứ oe oé như quỷ khóc, sói tru văng cả trong núi lên. Ôm nhau, vắn đít, ở tại sân phơi kia kìa, thật là xấu hổ.

- A, thế ra họ cũng tìm Linh Sơn?

Mi càng thấy quan tâm hơn.

- Cái Linh Sơn có ma có quỷ của nhà anh ấy! Tôi đã bảo anh đấy là nơi đàn bà muốn cầu tự thì đến thấp hương rồi mà lại.

- Tại sao đàn ông không đến được?

- Nêu không sợ xúi quẩy thì anh đến được đấy. Nhà chị này ngăn anh đi hả?

Bà ta lại giật giật tay mi nhưng mi vẫn không hiểu.

- Anh mà đến đấy thì sẽ bị máu nó vãi tung toé lên người anh đấy.

Mi không hiểu bà già mách mi hay rửa mi hãy cẩn thận.

- Bà lão bảo đàn ông đến đấy là kỵ.

Nàng muốn lui hộ cho mi.

- Em hãy bảo là chẳng có cấm có kỵ gì cả.

- Bà ấy nói máu tháng của phụ nữ đấy, nàng nói khẽ vào tai mi, nhắc mi mau bỏ đi.

- Máu tháng thì làm sao?

Mi nói máu cho mi cũng kệ.

- Cứ đi, đi xem cuối cùng Linh Nham ra thế nào.

Nàng nói thôi, thôi. Lại nói nàng không thích đi đến đấy. Mi hỏi nàng sợ cái gì, nàng nói sợ lời lẽ bà già.

- Sao lại lắm phép tắc như thế chứ? Nào đi! Mi bảo nàng.

Mi hỏi bà già đường đi.

- Không hay đâu, các người sẽ kéo ma kéo quỷ tìm tới đấy.

Bà già ở sau lưng mi. Lần này rõ là lời rủa.

Nàng nói nàng sợ, nàng như có linh cảm không hay. Mi có phải nàng sợ gặp phải một đồng cô không? Mi còn nói thêm rằng ở các làng miền núi này, các bà già đều là đồng cô, còn gần như con gái trẻ đều là hồ ly tinh.

- Như vậy là có cả em nữa? Nàng hỏi mi.

- Sao không chứ? Em chẳng phải là đàn bà sao?

- Thế thì anh, anh là ma quỷ! Nàng trả miếng.

- Trong mắt đàn bà, đàn ông đều là ma quỷ hết.

- Vậy là em đang ở với một ma quỷ đấy ử? Nàng ngửng đầu nhìn mi hỏi.

Ma quỷ dẫn yêu tinh đi, mi nói.

Nàng cười khanh khách. Nhưng lại van mi đừng đi đến đó.

- Đi thì xảy ra chuyện gì? Mi dừng lại hỏi. Sẽ gặp phải bất hạnh sao? Gặp phải tai họa à? Có gì mà sợ chứ nhỉ?

Nép vào mi nàng nói chỉ cần ở bên mi là nàng yên tâm nhưng mi quan sát thấy một bóng tối ở trong nàng. Mi cố xua tan nó đi, cố ý nói to lên với nàng.

Ta không biết là mi đã bao giờ nghĩ đến cái điều lạ lùng này chưa, ấy là cái tôi. Ta càng quan sát nó, nó càng thay đổi, như khi nằm trong cỏ, bạn nhìn đắm đắm vào mây trên trời. Thoạt đầu nó giống như một con lạc đà, rồi một người đàn bà, cuối cùng hóa thành một cụ già râu dài. Nhưng không cái gì là cố định cả, vì trong nháy mắt chúng đã thay hình đổi dạng.

Thì nói chẳng hạn vào nhà vệ sinh ở một căn hộ cũ kỹ đi, ở đó các bức tường bị nước vấy bẩn, hàng ngày mi vào nhà vệ sinh, các vết nước lưu niên kia đều có sự thay đổi. Lúc đầu, mi thấy nó giống một mặt người, rồi một con chó chết, lòng ruột xổ tung ra. Lần sau, nó thành một cái cây có một đứa bé gái cưỡi một con ngựa gầy còm ở bên dưới. Mười hay mười lăm ngày sau, có thể nhiều tháng sau, một sáng nọ, thỉnh linh mi phát hiện ra thấy những vết nước kia lại mang hình một mặt người.

Nằm trên giường mi nhìn trần nhà. Do ánh đèn chiếu vào, cái trần nhà trắng cũng có thể xảy ra những biến hóa. Mi chỉ cần tập trung xem kỹ vào cái tôi của mi, mi sẽ thấy cái tôi này của mi nó đang đi xa dần ra khỏi cái hình dạng mà mi quen thuộc, nó sẽ mang nhiều bộ mặt khiến cho ta kinh dị. Thế cho nên ta sẽ không thể không hãi hùng, nếu như ta phải diễn tả tóm tắt bản chất chủ yếu của chính ta. Ta không hiểu trong nhiều bộ mặt của ta, cái nào nó tiêu biểu cho ta hơn cả, ta càng quan sát chúng, các biến hóa lại càng rõ rệt hơn lên.

Mi cũng có thể chờ, chờ cho các vết nước trở lại hình thù ban đầu, một mặt người, và mi cũng có thể hy vọng, hy vọng một ngày nào đó nó sẽ sinh ra một hình thù nào đó. Nhưng kinh nghiệm cho ta thấy rằng thời gian càng trôi đi, hình ảnh kia càng ít biến hóa theo ý mi mà hoàn toàn trái lại, nó thường trở thành một cái quái thai mi không thể chấp nhận, nó bung ra mà xét cho cùng nó lại là thoát thai ra từ cái tôi của mi, mi không thể chấp nhận.

Một hôm, ta chú ý tới bức ảnh dán trên thẻ xe tháng của ta ở trên bàn. Mới đầu ta cảm thấy cái mỉm cười này là mong cầu cho mọi người vui vẻ nhưng sau lại thấy đúng ra là nó mỉa mai, hơi đắc ý, hơi lạnh, để ra từ lòng tự yêu mình, tự thưởng thức, tự cho mình cao hơn hẳn mọi người. Kỳ thật lại có một thứ sâu nào để lộ le lói ra nỗi cô đơn, rồi lại có một thứ sợ hãi bất an vụt lóe ra chứ không phải là vẻ một kẻ ưu đẳng thắng cuộc, một thứ chua chát nữa. Đương nhiên không có được nụ cười thông thường để ra từ hạnh phúc hồn nhiên mà lại nghi ngờ hạnh phúc đó. Cái đó trở thành đáng sợ thậm chí vô dung, hư vô, một cảm giác rơi xuống mãi không tới đáy, thế là ta bèn chẳng thiết cả nhìn lại vào cái bức ảnh đó nữa.

Sau đó ta đi quan sát người khác, khi quan sát họ, ta phát hiện thấy cái tôi đáng ghét và lộ mặt ra ở khắp nơi kia cũng đã lại xen cả vào đây rồi, nó không để cho một bộ mặt nào mà không bị nó can thiệp khi ta quan sát, cái này thật là ngán hết sức. Khi ta quan sát kẻ khác, ta vẫn tiếp tục quan sát bản thân ta. Ta tìm kiếm các bộ mặt ta yêu hay một biểu hiện mà ta chấp nhận được. Nếu một bộ mặt không khiến ta xúc động, nếu trong những người đi ngang qua trước mặt ta, ta không tìm được ra kẻ để ta nhận dạng ra chính ta thì ta sẽ quan sát họ mà chẳng hề thấy họ. Trong một phòng chờ xe, trong một toa xe lửa, trên một boong tàu, trong một quán cóc hay một công viên hay thậm chí trong lúc dạo chơi ngoài phố, ta đều chỉ có nắm bắt những bộ mặt hay những hình dạng tựa hồ đã gần gũi quen thuộc với ta, hoặc là, ta kiếm lấy ở đó một vài ám dụ có thể làm nổi lên lại một kỷ niệm đang vùi trong trí nhớ. Khi quan sát người khác, ta đều coi họ như những cái gương cho ta soi vào trong chính ta và sự quan sát này hoàn toàn lệ thuộc vào điều kiện tâm trí ta lúc đó. Ngay cả khi nhìn một cô gái, ta cũng dùng cảm quan của chính ta để nắm bắt cô, dùng kinh lịch bản thân ta, cộng thêm tưởng tượng, trước khi cho ra một phán đoán. Thật ra sự hiểu người khác, kể cả đàn bà, ở ta là hời hợt, vô đoán. Trong con mắt ta, đàn bà chẳng là cái gì ngoài những ảo tưởng ta tự tạo để mê hoặc bản thân ta. Đó là điều bi ai ở ta. Cho nên các quan hệ của ta với đàn bà đều thất bại. Ngược lại nếu ta lại là đàn bà thì chung sống với đàn ông ta cũng lại khổ đau như thế. Vấn đề là ở sự tĩnh ngộ trong nội tâm của ta, con quái vật dần vật khiến cho ta không thể yên tĩnh này. Lòng tự yêu mình, tự tàn hại mình, sự giữ gìn ý tứ, lòng đổ kỵ và

căm ghét đều bắt nguồn từ đó mà ra, cái ta thật sự là căn nguyên bất hạnh của loài người. Vậy thì phải giải quyết bất hạnh này chẳng phải là lại cần bóp chết đi cái mà nó tỉnh ngộ ra kia sao?

Cho nên Đức Phật dạy mọi hình ảnh đều giả, không hình ảnh cũng giả?

Nàng nói nàng thật lòng muốn quay về tuổi thơ, cái thời nàng chẳng biết đến khổ nào lẫn lẫn vặt. Để đi học hằng ngày, bà ngoại nàng tết tóc cho nàng. Hai cái bím dài, sáng ánh, không quá chặt cũng chẳng quá lỏng. Ai cũng nói hai cái bím rất đẹp. Bà chết, nàng liền không tết bím nữa, cắt tóc đi, cố ý cắt rất ngắn, đến hai cái mẫu bàn chải be bé theo mốt. Hồng vệ binh nàng cũng không thể làm được là cốt để phản kháng. Lúc đó, bố nàng, đối tượng của một cuộc thẩm tra, đã bị đưa đi khỏi gia đình và bị giam trong tòa nhà lớn nơi ông công tác, không được về nhà, mẹ phải nửa tháng một lần mang quần áo thay đến cho bố nhưng không bao giờ mẹ muốn nàng đi. Sau đó, mẹ và nàng đều bị đày về nông thôn. Nàng chẳng có được cả tư cách làm Hồng vệ binh. Nàng nói thời kỳ sung sướng nhất của đời nàng là thời nàng mang hai bím tóc dài. Bà nàng giống như một con mèo già, luôn ngủ bên cạnh nàng, nàng cảm thấy đặc biệt yên tâm. Nàng nói bây giờ, nàng đã già. tim cũng già, nàng chẳng còn cảm thấy dễ bị các cái nho nhỏ làm cho khuấy động nữa. Ngày xưa nàng có thể khóc vô duyên, vô cớ. Nước mắt nàng nhiều giàn giụa, chúng chảy ra thẳng từ tim nàng chẳng cần phải cố sức gì, như thế đặc biệt dễ chịu.

Nàng nói nàng có một bạn gái tên là Linh Linh. Hai đứa là bạn thân từ bé tí. Nó rất đáng yêu, nó chỉ cần nhìn anh, nhìn anh, nhìn anh là hiện ra hai lốm đốm tiền trên má. Bây giờ Linh Linh đã là mẹ rồi, nói chuyện toàn một điệu kéo dài cái âm cuối cùng cho thật dài ra, cứ như là chưa tỉnh ngủ vậy. Khi còn nhỏ, tiếng Linh Linh chi chi cha cha không lúc nào ngừng nghe như một con sẻ. Liếng thoảng suốt ngày, không ngừng lúc nào, nói đi ra ngoài chơi, hễ cứ trời mưa là buồn, không hiểu tại sao, muốn bóp cổ và đúng thế bóp thật lực làm cho người ta phát ho.

Một tối hè, hai đứa ngồi ở bờ hồ ngắm nhìn đêm. Nàng nói muốn nằm lên trên ngực Linh Linh, Linh Linh nói nàng muốn làm mẹ đấy thế rồi hai người bật phì cười, đẩy huých nhau, rồi trước khi trăng mọc, Linh Linh đã hỏi em liệu có hiểu không, đêm màu xám xanh và trăng lên, ôi, cái ánh sáng trong vắt chảy đến từ mặt trăng, nó hỏi em đã nhìn thấy cái phong

cảnh như thế này bao giờ chưa, cái ánh sáng đang cuộn cuộn chảy và loang trên mặt đất, như một màn sương cuộn cuộn đến. Nàng nói hai người còn nghe thấy cả ánh trăng lao xao, cành cây như cỏ nước lượn lờ trong nước vậy, hai đứa thế là khóc. Nước mắt chảy ra như suối, như ánh trăng. Hai đứa cảm thấy hạnh phúc quá, tóc Linh Linh quệt vào mặt nàng, bây giờ nàng còn cảm thấy tóc ấy, mặt hai đứa áp vào nhau, mặt Linh Linh nóng ran. Có một loài sen nở ban đêm, không phải hoa súng cũng không phải hoa sen nó bé hơn hoa sen mà to hơn hoa súng. Nhụy của nó màu vàng rực tỏa sáng trong tối, cánh của nó bóng như bằng sắp, như đôi tai hồng hồng của Linh Linh khi còn bé nhưng mà ít lông tơ hơn, sáng bóng như móng ngón tay út Linh Linh, ôi! Thời ấy nàng nuôi móng ngón tay út nom như một con ốc, nhưng mà không phải, những cánh hoa mầu hồng kia không sáng bóng tí nào cả, chúng cũng dày như một cái tai và run rẩy hé mở ra từ từ.

Mi nói mi cũng đã nhìn thấy như thế, mi đã nhìn thấy những cánh hoa ấy mở ra run rẩy và ở chính giữa một cái nhụy có lông vàng rực rờn rợn rung. Đúng đấy, nàng nói. Mi cầm tay nàng. Ô, đừng, nàng nói, nàng muốn mi tiếp tục nghe nàng nói. Nàng nói nàng đang nghiêm túc đấy, anh không thấy như thế sao? Có phải là anh không muốn thấy như thế phải không? Không muốn hiểu nàng phải không? Nàng nói cái sự nghiêm trang này nó giống nhạc thánh ca. Nàng đặc biệt yêu Đức Mẹ đồng trinh, hình ảnh Đức Mẹ với hài đồng, mi mắt hạ xuống, hai bàn tay mềm dịu với những ngón rất chi là tinh tế. Nàng nói nàng hy vọng làm một người mẹ, bế trong tay cục bảo bối nho nhỏ của nàng, cái sinh mạng ấm nóng, thuần khiết đang mút rít sữa từ vú của nàng kia. Đó là một tình cảm sáng trong, thuần khiết, anh có hiểu không? Mi nói mi tin là mi hiểu. Nay, nếu anh không hiểu cái gì đó thì anh còn bất minh, thì anh thật sự là ngu ngốc đấy! Nàng nói.

Nàng nói về các bức rèm dày rủ xuống. Khi người ta đi vào giữa chúng, người ta có cảm giác trượt trôi. Vén nhẹ các bức rèm nhung màu xanh lá cây thẫm ra, len lỏi vào giữa chúng, người ta chẳng còn phải thấy một ai, chẳng một tiếng động, nhưng hấp thụ hết mọi âm thanh, chỉ có một sợi âm nhạc, hoàn toàn thuần khiết, không tạp chất, nhờ các bức rèm đã hấp thụ, đã lọc đi, một sợi âm nhạc luôn chảy ra dịu dịu, đến từ

một ngọn nguồn trong veo đầy trù mĩn trong đêm tối, ở chỗ nó đi qua, một luồng ánh sáng yếu ớt hiện ra.

Nàng nói nàng có một bà cô rất đẹp thường đi lại trước mặt nàng ở trong nhà, mặc có độc một chiếc nịt vú tí xíu và cái quần bé tẻo teo. Nàng luôn thềm sờ vào những cái đùi trần sáng bóng của cô nhưng không bao giờ dám. Nàng nói thời ấy nàng còn là một đứa bé gái còm nhom. Nàng nghĩ nàng sẽ chẳng bao giờ trở nên đẹp được như bà cô là người có lắm bạn và thường nhận nhiều bức thư tình cùng một lúc. Bà cô là diễn viên, rất nhiều đàn ông theo đuổi cô. Cô luôn nói họ quấy cô dữ nhưng thật ra cô thích chuyện đó. Sau này, cô lấy một sĩ quan, ông này giám sát cô chặt chẽ. Cô về hơi muộn, ông lại tra hỏi và đôi khi đánh cô. Nàng nói thời đó nàng không hiểu tại sao bà cô không bỏ người chồng kia, lại cứ chịu đựng sự ức hiếp này.

Nàng còn nói nàng đã yêu một giáo sư, giáo sư toán của nàng, ồ, chỉ là tình cảm của một đứa con gái bé bỏng thôi. Nàng yêu tiếng nói của thầy ở trong lớp, toán là một môn học làm người ta ngán, khô khốc, vô vị nhưng nàng lại yêu tiếng thầy nói và nàng làm bài đặc biệt kỹ. Một hôm, nàng chỉ được tám mươi chín trên một trăm điểm trong một kỳ thi, nàng đã khóc mất bao nhiêu nước mắt. Đang giờ học, lúc trả bài thi, nhìn thấy bài của mình, nàng bật lên nức nở. Giáo sư lấy lại bài thi nói thầy sẽ xem lại, rồi thầy cho thêm vài điểm. Nàng nói nàng không muốn thế, không mà, nàng không muốn thế, rồi nàng vứt bài thi xuống đất. Trước tất cả các bạn trong lớp, nàng không sao ngăn được mình khóc. Nàng dĩ nhiên đã rất xấu hổ về cái chuyện này, nàng không để ý tới thầy giáo nữa, cũng không gọi thầy là giáo sư. Sau nghỉ hè, thầy thôi dạy ở lớp, nàng vẫn nhớ tới thầy, nàng yêu tiếng nói của thầy, cái tiếng nói đặc biệt hồn hậu, trầm trầm từ cổ họng kia.

Từ Thạch Cán và Giang Khẩu, giữa đường có chằng ra một dải băng đỏ. Một chiếc xe con chặn chiếc xe khách đường dài mà ta đang đi. Một người đàn ông và một người đàn bà băng đỏ ở tay leo lên. Chỉ cần đeo cái loại băng này vào, người ta liền có một thân phận đặc biệt và đều mang khí thế dữ dằn. Ta ngỡ truy lùng ai đó nhưng may sao chỉ là kiểm soát viên chịu trách nhiệm theo dõi các quốc lộ lên xem xét vé hành khách.

Sau khi cho xe chạy một ít, người lái đã soát vé ngay ở chặng dừng đầu tiên. Một nông dân muốn lui đi nhưng cái bao của anh ta lại bị kẹt cửa xe do người lái kịp đóng chặt lại. Sau khi buộc phải thòi ra mười nguyên, anh ta đã được người lái ném trả cho cái bao. Bất chấp người nông dân chửi té tát, anh tài rồ ga nổ máy khiến cho anh nông dân phải nhào vội xuống hố ven đường. Ở vùng núi, xe có ít, việc cấm lái đã đặt người tài xế lên cao hơn mọi chúng sinh, cả xe đều ấp ủ một ác cảm rõ rệt với anh ta.

Ai hay người đàn ông và người đàn bà đeo băng đỏ lên xe còn thô bạo hơn anh tài. Người đàn ông giật lấy vé từ tay một hành khách, chỉ tay vào mặt anh tài nạt:

- Xuống! Xuống!

Người lái ngoan ngoãn xuống. Người đàn bà viết biên lai phạt anh ta ba trăm nguyên, tức là ba trăm lần giá cái vé mà cuống đã không bị xé đi, vật này khống chế vật kia, cái đó cũng là một phép tắc của nhân gian chứ không phải chỉ ở trong giới tự nhiên.

Lúc đầu, người tài xe giải thích. Anh ta nói cơ bản không biết người hành khách này, không thể nào bán lại được cái vé này và giọng cứ thế cao dần lên, cãi lại. Nhưng hai người kiểm soát viên không lung lay chút nào, mặt lạnh như tiền, có lẽ vì nhờ áp dụng chế độ khoán xe, lương người lái xe cao hơn lương của họ hoặc họ muốn tỏ uy lực của cái băng đỏ ở tay. Rầm rĩ một hồi, người lái xe bắt đầu lấy bộ mặt tội nghiệp ra

van xin. Một giờ trôi đi chiếc xe vẫn không chạy tiếp được. Bên phạt và bên bị phạt quên mất rằng hành khách nhất trong xe chịu nắng rán chín cũng là bị phạt. Ác cảm với người lái dần dần chuyển sang căm ghét cái băng đỏ. Hành khách đập vào thành xe kêu lên bất bình. Người đàn bà đeo băng đỏ lúc ấy nhận ra chị đang là mục tiêu của đám đông. Bèn vội xé tờ biên lai phạt nhét vào tay anh lái. Người kiểm soát viên kia vẫy vẫy một lá cờ nhỏ trong tay. Xe của họ lập tức đến, họ lên xe rồi biến mất về phía xa, để lại một trận bụi mù mịt.

Nhưng người lái xe đã ngồi xồm trên đất và từ chối đứng dậy. Đầu thò ra cửa xe, hành khách cố ngọt ngào an ủi anh ta, lại hơn một nửa giờ nữa, dần dần họ mất kiên nhẫn, bắt đầu chửi rủa. Anh tài mới miễn cưỡng leo lên xe.

Chiếc xe vừa đi một quãng, qua một cái làng thì dừng lại tuy chẳng có ai lên xuống. Cửa trước cửa sau mở rầm rầm rồi người lái nhảy khỏi ca bin tuyên bố:

- Tất cả xuống xe, xuống, không đi nữa, cần lấy xăng.

Và anh ta thế là bỏ đi. Hành khách ở lại trên xe sau một hồi chửi bới chẳng thấy ai bận nghe họ bèn chỉ còn cách cùng lần lượt xuống xe.

Bên đường, ngoài một hàng ăn, còn một hiệu tạp hóa, thuốc lá, rượu, trước đó căng một tấm bạt lên che nắng, có bàn trà.

Mặt trời đã xuống thấp nhưng dưới tấm vải che còn rất nóng. Ta uống liền hai bát trà lạnh, vẫn chưa thấy chiếc xe lấy xăng. Người lái thì mất tăm. Lạ lùng là hành khách tránh nắng dưới các bóng cây hay dưới tấm vải che cũng dần dà tản mác hết.

Ta vào cái hàng ăn tìm nhưng chỉ có những cái bàn vuông, những ghế băng trống không, người đi đâu cả, thật là không hiểu. Cuối cùng ta tìm ra anh tài xế ở trong bếp, trước mặt anh ta là hai đĩa xào và một chai rượu. Anh ta đang tán chuyện với người chủ ngồi cùng ở đó.

Ta nói với anh ta, giọng dĩ nhiên kém thân thiện:

- Bao giờ đi?

Hắn trở lời cũng giọng tương tự:

- Sáng mai, sáu giờ.

- Tại sao thế?

- Anh không thấy là tôi uống rượu rồi à?

- Không phải tôi phạt anh. Anh có cái cũng không được gõ lại vào hành khách, thế nào mà cái ấy cũng không hiểu?

Ta cố giữ bình tĩnh.

- Uống rượu mà lái xe thì bị phạt, anh hiểu chứ?

Quả là hắn ta sặc mùi rượu và đang truong ra cái bộ mặt hoàn toàn trắng tráo. Nhìn đôi mắt ti hí dưới trán hắn nhăn lại khi hắn nhai thức ăn, ta nổi giận đến mức muốn đập luôn cái chai rượu vào đầu hắn. Ta vội ra khỏi hàng ăn.

Quay lại đường, trước cổng xe trống không, ta ngộ ra rằng cõi đời vốn chẳng có đạo lý nào để nói, không lên cái xe này chẳng phải là ta đã tránh được các sự phiền toái sao? Sẽ không có tài xế, hành khách lẫn kiểm soát viên, phạt vạ nhưng vấn đề bây giờ là kiếm lấy chỗ qua đêm.

Ta trở lại dưới tấm che, nơi người ta bán trà. Ta tìm thấy ở đó một hành khách.

- Cái xe phò này không đi nữa.

- Biết. Anh nói.

- Anh nghỉ đêm ở đâu?

- Tôi cũng đang tìm.

- Hành khách đi đâu cả rồi ấy nhỉ?

Anh bảo ta họ người quanh vùng cả thế nào họ cũng có nơi đến, họ chẳng thiết thì giờ, sớm một ngày, muộn một ngày chẳng hề gì với họ.

Chỉ có anh từ sở thú Quý Dương, ở đây nhận được một bức điện của huyện Ấn Giang báo là dân miền núi đã bắt được một con thú hoang không biết là con gì, ngay chiều nay anh phải đến huyện lý sáng mai phải vào núi, đến muộn thì sợ rằng con thú chết mất.

- Chết thì chịu thôi chứ! Có thể phạt anh à? Ta hỏi.

- Không, cái này anh không hiểu đâu.

Ta bảo trong cái đời này, không cách nào mà hiểu được cái gì?

Anh nói rằng anh nói đến con thú lạ chứ không nói cõi đời.

Ta hỏi anh liệu thật là có sự khác biệt lớn giữa cái đời và một con thú lạ không.

Anh bèn móc bức điện ra cho xem. Bức điện quả là viết: “Nông dân bản huyện bắt sống được con thú lạ, hỏa tốc cử người đến nhận dạng”. Còn kể sở thú của anh có lần nhận được điện thoại báo tin phát hiện một con kỳ nhông khổng lồ nặng hai mươi đến hai mươi lăm cân bị một con sông trên núi hất dạt lên bờ như thế nào, khi họ phái người đến, không những con kỳ nhông chết mà dân làng còn xẻ thịt chia cho nhau; không thể tái tạo lại được và chắc chắn là không thể nào giữ cho được một mẫu vật. Lần này, anh nhất định phải chờ trên đường mà chặn xe đi nhờ để đến kịp.

Ta đứng nói chuyện với anh một lúc. Nhiều cam không chạy qua. Anh giờ bức điện lên nhưng chẳng ai để ý tới anh. Ta không có nghĩa vụ cứu một thú rừng hay thế giới, hà tất đứng đây nuốt khói ư? Ta quyết định quay lại ăn ở hàng ăn.

Ta hỏi cô phục vụ là có ngủ lại đây được không. Cô ném cho ta một cái nhìn đầy hằn học, tựa như ta đã hỏi là cô có tiếp khách không.

- Ông không thấy à? Đây là hàng ăn.

Ta đã tự thể là không leo lên chiếc xe khách kia nữa, nhưng trước mặt còn lại cho ta một trăm cây số để thanh toán mà đi chân thì ít ra ta sẽ phải mất quãng hai ngày.

Khi ta trở lại bên đường, người ở sở thú không còn ở đấy nữa; không biết anh ta có xin đi nhờ xe được không.

Mặt trời sắp lặn. Dưới tấm che, nơi người ta uống trà, chiếc ghế băng đã được dọn dẹp. Bên dưới vệ đường nổi lên tiếng trống khua. Ta thầm hỏi là chuyện gì. Nhìn từ trên cao, ngôi làng chỉ là một dãy kế tiếp những mái ngói và giữa các ngôi nhà là những sân lát đá. Xa hơn nữa, những tràn ruộng bậc thang, lúa sớm ở đó đã được thu hoạch. Một số thửa ruộng đã được cày, bùn đen lật ngửa.

Ta xuống dốc theo hướng tiếng trống khua. Một người nông dân từ dưới ruộng leo lên, quần xắn, bắp chân đen nhẻm bùn. Xa nữa, một đứa trẻ dắt trâu tới cái ao ở rìa làng. Trước cảnh khói bốc lên từ các mái nhà, một cảm giác yên bình xâm chiếm lòng người.

Ta dừng lại nghe tiếng trống. Không còn tay lái xe, không còn những kiểm soát viên đeo băng đỏ, không còn cái xe khách gây bức dọc, không còn điện hỏa tốc yêu cầu nhận dạng một con thú lạ, mọi vật bỗng quay trở về lại với tự nhiên. Ta nhớ đến những năm sống ở nông thôn, buộc phải tham gia lao động cải tạo. Nếu tình thế không tiến hóa, phải chăng ta cũng lại như họ thế kia, vẫn đang còn trồng trọt đất cát đầy ư? Cũng hết giờ làm việc, bắp chân đầy bùn, mệt đến chẳng thiết gì tắm rửa, nhưng thế thì ta lại không biết đến nỗi bồn chồn này. Cũng không phải tại sao phải vội vã đi đến dưới này. Chẳng có cái gì tự nhiên hơn khói bếp trong ánh hoàng hôn kia, những mái ngói kia, những hồi trống khua lúc xa lúc gần kia.

Những tiếng trống lặp đi lặp lại hình như tụng niệm râm ran một truyền thuyết không lời. Và chỉ còn lại duy nhất các mái nhà đang tối dần đi theo cùng với màu của nước và ánh sáng của vòm trời biến hóa, các tấm đan xám xám phân biệt ra mờ mờ ở giữa các sân nhà, mặt bùn còn giữ hơi nóng ấm cầu nắng, hơi thở phả ra từ mõm trâu, những âm thanh cất lên từ các căn nhà như những lời cãi cọ, và cả gió chiều, lá cây rung rinh ở trên đầu ta nữa, mùi rơm rạ và mùi chuồng bò, tiếng lóc óc của nước bị người ta khuấy đảo, tiếng cánh cửa kéo kẹt, có lẽ thế, hay tiếng nghiêng rít của dây tời kéo nước ở một cái giếng, và tiếng một cặp chim cu gù

đâu đó trong tổ, tiếng gọi lạnh lạnh của đàn bà và trẻ con, mùi lá ngải và tiếng vo ve của côn trùng bay, lớp bùn dưới chân khô ở mặt ngoài nhũn ở bên trong, lòng ham muốn và nỗi khát khao hạnh phúc âm ỉ, cơn chấn động mà tiếng trống đang gọi dậy, cũng lại cả thềm đi chân đất, ngồi ở ngưỡng cửa bị người đi qua đi lại nhiều lần làm cho láng bóng, các cái đó trơn nhẵn, mềm mại diễn ra.

Một sứ giả của phù thủy ở Thiên Môn quan, Đèo Cổng trời, đã đến Mộc Tượng Bình, sân bãi của những người thợ mộc yêu cầu ông thợ điêu khắc già tạc đầu nữ thần Thiên La. Ông ta nói sẽ đích thân quay lại lấy tượng để dâng lên nữ thần ngày hai mươi bảy tháng Chạp trên bàn thờ tổ tiên. Sứ giả trả trước một phần tiền công bằng một con ngỗng sống và hứa rằng nếu công việc xong đúng hạn thì sẽ cho một hũ rượu trắng và một nửa đầu lợn: ông già có thể ăn Tết nguyên đán bằng các món đó được. Lúc ấy ông thợ điêu khắc già bèn thất kinh, thấy rằng mạng của ông thế là đã được đếm từng ngày. Đức Phật bà Quan âm là người cai quản đời sống chúng ta, Thiên La là nữ thần.

Những năm vừa qua, ngoài việc mộc ra, ông đã làm không ít tượng, ông đã tạc tượng Thần Tài, thần La Hán cười, hòa thượng Kiềm Túc, Nam Tào Bắc Đẩu trông nom sổ sách người sống và người chết, ông cũng gia công cho gánh hát nuơ hàng loạt mặt nạ, những Trương Khai San nửa người nửa thần, những Mã Soái nửa người nửa vật, những súc sinh tiểu yêu nửa người nửa quỷ và cả những tượng hể của Tần Đồng nhân nhờ cho người ta vui. Ông lão cũng tạc tượng Quan Âm cho những người đến từ phía bên kia núi, nhug chưa có ai, thật thế, bảo ông tạc tượng nữ thần Thiên La, chúa tể hung tín cai quản mạng người; thế mà đây, bây giờ bà đến đòi mạng ông. Làm sao ông lại có thể hồ đồ nhận lời dễ dàng như vậy được? Đó là vì tuổi già của ông, vì lòng tham to quá của ông. Chỉ cần người ta dạm với ông một vật có giá trị là ông tạc bất cứ cái gì ngay. Mọi người đồng thanh nói các bức tượng của ông lão đầy sức sống. Thoạt nhìn là người ta nhận ra ngay Thần Tài, hòa thượng Kiềm Túc, Nam Tào Bắc Đẩu cai quản sổ sống sổ chết, tướng Trương Khai San, một Mã Soái hay Quan Âm, ông chỉ biết đó là một bà mẹ phù hộ cho sự sinh nở con trẻ. Khi một người đàn bà đến từ bên kia núi mang lại cho ông hai tấc vải đỏ để nhờ làm một tượng Quan Âm, chị ta đã nghỉ đêm tại nhà ông. Sáng sau, chị ta lại lên đường, hết sức hài lòng, mang theo tượng Quan Âm mà chính đôi tay ông đã cho ra đời trong một đêm.

Nhưng cả đời ông chưa bao giờ tạc tượng Thiên La, trước hết vì không ai nhờ ông việc đó, sau nữa là cái mặt hung dữ này chỉ có thể đem đặt ở trên bàn thờ của phù thủy. Ông không thể giữ được khỏi rùng mình. Người ông lạnh toát; ông biết thần Thiên La đã ở bên chờ lấy đi mạng sống của ông.

Ông leo lên đồng gỗ để lấy một khúc gỗ phơi trên xà, khúc gỗ có những thớ thanh thoát, không thể biến dạng hay nứt nẻ. Ông đã cắt nó vào đây nhiều năm trước, không nỡ dùng nó vào một công dụng thông thường. Leo lên đến đồng gỗ, khi ông với tay để lấy khúc gỗ thì ông bị trượt chân và cái đồng gỗ sập xuống. Ông cả kinh nhưng ông biết cái gì đang xảy ra. Ôm chặt khúc gỗ trong tay, ông ra ngồi lên gốc cây phong vẫn dùng làm thớt. Với một việc bình thường, ông vạc vật liệu bằng vài nhát rìu, chẳng cần để tâm vào đó, rồi khắc tạc bằng đục, theo các phoi gỗ hất ra từ lưỡi đục dần dần hiện lên hình dáng. Đó là nề nếp quen. Nhưng chưa bao giờ ông tạc tượng thần Thiên La cho nên ông cứ ngồi đó, mụ mị đi, khúc gỗ trong tay. Khi cảm thấy khí lạnh nhập vào người, ông đặt khúc gỗ xuống đất. Ông vào trong nhà, ngồi lên một khúc cây đã bị khói bếp làm cho đen sì và vì nhiều người đã ngồi nên nó bóng lên. Ông đã tận số rồi. Ông nhận ra không qua được năm nay. Họ đặt ông tượng này cho ngày hai mươi bảy tháng Chạp, đúng sau ngày cúng Táo quân, chẳng cần chờ cả đến ngày rằm tháng Giêng, Hội Hoa đăng. Quyết không cho ông yên ổn qua Tết rồi.

Lão ấy đã gây nhiều tội ác, nàng nói.

Nữ thần Thiên La bảo như thế sao?

Đúng, nàng nói, lão ấy không tốt, không biết an phận.

Có thể.

Thâm tâm ông ta biết ông ta có bao nhiêu tội.

Ông ta đã quyến rũ người đàn bà trẻ đến cầu tự ư?

Chính người đàn bà ấy mới đáng khinh, chị ta hoàn toàn vui lòng mà.

Thế không coi là tội lỗi chứ?

Có thể.

Thế thì, tội lỗi của ông ấy, là...

Lão ấy đã làm hỏng đời một cô gái câm.

Ở nhà ông ta?

Ở nhà thì không dám, một hôm lão ấy ở nơi khác. Những thợ thủ công làm lụng xa nhà như lão ta thường ở một mình lâu ngày. Họ có chút ít tiền nong và lỗi đời. Tìm ra đàn bà để ngủ không khó. Một số đàn bà làm cái đó vì lợi. Nhưng lẽ ra lão ta không được lạm dụng một cô gái câm chứ. Lão ta đã làm nhục, đã đùa rồn rồi bỏ cô ấy.

Khi nữ thần Thiên La đến lấy mạng lão, lão có nhận ra rằng đó là tại cô gái câm không?

Chắc là phải nghĩ như thế rồi, cô câm ấy đã hiện ra với lão mà lão không thể xóa cô ấy đi được.

Vậy là một sự trả thù?

Đúng. Tất cả các cô gái hể bị làm nhục đều hy vọng trả thù. Nếu cô ấy còn sống, nếu cô ấy tìm được ra lão, cô ấy sẽ móc mắt lão, cô ấy sẽ chửi nguyền đầu lão lên với những câu nhục nhã nhất, cô ấy sẽ xin quỷ thần đem lão đến tận mười tám tầng âm phủ, cô ấy sẽ bắt lão chịu các thứ cực hình ghê gớm nhất! Nhưng cô gái này bị câm, không có cách nào cho người khác hiểu được; rồi đến khi bị chữa, cô ấy đã bị đuổi khỏi nhà, cô ấy bèn đi lang thang và làm điếm, ăn mày. Cô gái trở thành một đồng thịt hư hỏng, ai cũng ghét. Ban đầu, cô ấy không phải không duyên dáng đâu và lẽ ra rất có thể lấy được một nông dân lương thiện, sống một cuộc đời vợ chồng bình thường. Cô gái lẽ ra đã có một mái ấm để tự che chở và cho những đứa con ra đời, rồi khi chết thì có cả một cỗ áo quan.

Lão ta không nghĩ đến cái đó, chỉ nghĩ đến lão ta.

Nhưng hai mắt của cô gái ấy trừng trừng nhìn lão không buông.

Mắt của nữ thần Thiên La.

Mắt của cô gái câm không nói được ấy.

Đôi mắt đầy kinh hoàng của cô gái khi lão chiếm đoạt cô gái?

Đôi mắt phục thù!

Đôi mắt van xin.

Cô ấy không thể van xin, cô ấy giật tóc bứt tóc mà khóc.

Cô ấy nhìn lão, chờ đợi ra.

Không, cô ấy kêu...

Nhưng chẳng ai hiểu các tiếng kêu i i a a ấy là gì, mọi người thấy lại cười.

Và lão ta lẫn trong đám đông lão ta cũng cười.

Đến thế?

Đến quá chứ! Lúc ấy, lão vẫn chưa biết sợ và lão còn đắc chí. Lão nghĩ chẳng ai có thể tìm được ra lão.

Số phận biết phục thù.

Bà ấy đã đến, nữ thần Thiên La, khi lão ta đang cời than hồng, bà hiện hiện ra trong lửa và khói. Lão nhắm nghiền ngay mắt lại và nước mắt chảy ra.

Đừng có làm dáng cho lão đi anh!

Ai chẳng khóc khi mắt đầy khói. Lão đã xỉ mũi vào những ngón tay khô ráp như những que củi khô của lão. Lão tập tễnh ra sân, kéo lê đôi giày vải, lão lấy khúc gỗ, ngồi xõm gần gốc cây phong, lão vạc nó bằng rìu cho đến tận chiều tối. Rồi lão quay vào nhà, miến gỗ trong tay. Ngồi bên lửa, lão kẹp nó vào giữa hai đùi và đưa bàn tay đầy chai lên vuốt ve nó. Lão biết đây là bức tượng cuối cùng lão làm trong đời và lão sợ không

đủ thì giờ để tạc xong. Lão muốn thành công trước sớm mai vì lão biết vào lúc đó cái hình ảnh lão lưu giữ trong lòng sẽ biến mất, ở đầu các ngón tay lão là bóng hình cô gái, miệng cô gái, môi trên của cô gái mím chặt khi cô lắc đầu, dải tai cô gái mềm quá nhưng đặc biệt dày dặn, thế này có lẽ tai cô phải đeo những đôi khuyên rất to mất; da căng nhưng mềm mịn, mặt nhẵn và thanh tú, mũi và cằm nhọn nhưng không sắc cạnh. Bàn tay lão trườn vào trong cổ áo ôm lẫn lấy cổ cô...

Buổi sáng dân làng đi chợ phiên Lạc Phượng Ba, Dốc Phượng Rơi, mua sắm Tết gọi lão nhưng lão không trả lời. Cửa mở toang và phảng phất có mùi chầy. Người ta vào nhà, phát hiện thấy lão ngã vật vào trong bếp lò. Lão đã chết. Có người nói lão là nạn nhân của tai biến tim mạch, có người nói lão bị chết cháy. Dưới chân lão, nằm chổng chơ tượng nữ thần Thiên La gần xong, đầu đội một vòng mũ gai. Ở rìa mũ có chọc bốn cái lỗ. Từ mỗi cái lỗ thò ra một con rùa đen, đầu vươn thẳng, như một thú rừng rình mồi, nấp trong hang ổ. Mí mắt bức tượng sụp xuống như ngủ mà không ngủ, sống mũi thanh tú tiếp vào đôi lông mày cánh phượng cho cảm giác chúng hơi cau lại, môi mỏng và nhỏ thì mím chặt, có một thứ ý vị khinh miệt cuộc đời, hai đồng tử đen khó nhìn thấy tuy vậy vẫn phóng ra một ánh mắt lạnh băng. Lông mày, mắt, mũi, miệng, mặt, cằm, cần cổ thanh tú và dài của bức tượng, tất cả đều cho hiện ra nét tinh tế của một thiếu nữ; chỉ hai dải tai dày và chắc là có những cái khuyên bằng những miếng đồng hình mũi dao treo lủng lẳng ở đấy là chớm để lộ ra chút gợi dục mà thôi, cổ bức tượng bị bó chặt trong cổ dựng lên rất cao của bộ quần áo. Và nữ thần Thiên La về sau đã được dâng lên trên ban thờ của người pháp sư ở Thiên Môn Quan Đèo Cổng Trời.

Từ lâu ta đã nghe những truyền thuyết về con rắn kỳ nổi tiếng cùng nọc tuyệt độc của nó. Ở nông thôn, người ta thường gọi nó là Rồng Ngũ Bộ vì người ta cho rằng người hay con thú bị nó cắn sẽ chết trước khi đi được năm bước chân. Những người khác lại nói ít có cơ may thoát được nó nếu đi cách nó chưa tới năm bước. Chắc nó đã làm ra đời câu tục ngữ: "Con rồng mạnh nhất không thắng được con rắn trên mặt đất". Tất cả đồng thanh nói rằng nó khác hẳn với các con rắn độc khác. Ngay rắn hổ mang bành, nguy hiểm đến thế nào, cũng dễ dàng bị người làm cho sợ. Khi nó mồi, ta phải dướn đầu lên càng cao càng tốt rồi vươn thẳng người mà hét to để khúng bố nó. Khi gặp nó, có thể rất dễ dàng tự bảo vệ bằng cách ném một cái gì vào cạnh nó. Nếu không có gì để ném thì chỉ cần quăng giấy hay mũ của mình rồi lĩnh đi vào lúc con rắn tấn công các thứ kia, ngỡ đang có chuyện với con mồi. Nhưng khi gặp rắn kỳ thì trong mười trường hợp đến tám hay chín là nó tấn công trước khi người có thì giờ trông thấy nó.

Trong các vùng núi miền nam An Huy, ta đã nghe những chuyện gần như huyền thoại về con rắn này. Nó có khả năng bài binh bố trận và đánh dấu lãnh thổ của nó bằng một cái sọt còn mạnh hơn tơ nhện. Nếu một con vật chạm vào đó, nó tấn công ngay, nhanh như chớp. Ở đâu có con rắn này thì sống ở đó lưu hành mọi loại thần chú. Nếu đọc thầm các thần chú này sẽ có một quyền lực che chở, nhưng người dân miền núi không truyền chúng cho người lạ. Khi đi chặt cây, họ quấn xà cạp hay mang giấy cao cổ làm bằng vải thô. Người dân ở huyện lỵ ít quen thuộc với núi non, đã kể cho ta những điều còn đáng sợ hơn nữa: những con rắn đó cắn được cả giấy da và họ khuyên ta mang theo thuốc chống nọc độc dù trong thực tế nó chẳng có mấy hiệu lực với rắn kỳ.

Trên đường từ Đồn Khê đến An Khánh, qua Thạch Đài, ta đã gặp trong quán ăn nhỏ gần trạm xa đường dài một nông dân bị cụt một bàn tay. Anh kể cho ta rằng chính anh đã chặt nó sau khi bị rắn kỳ cắn. Chắc anh là người duy nhất sống sót được với vết cắn này. Anh đội một cái

mũ rơm mềm vành hẹp, theo hình mũ lễ hội, loại mũ mà nông dân đội bên ba bên sông, đội thứ mũ này phần lớn là những người từng trải. Ta gọi một bát mì ống trong cái quán ăn mở dưới một tấm bạt trắng. Ngồi đúng trước mặt ta, anh cầm đĩa bằng tay trái, hoa hoa không ngừng trước mặt ta cái muỗng cút của cánh tay phải. Thắc mắc, ta nói chuyện với anh, nhìn rõ ràng anh có thể tán gẫu:

- Ông anh, anh có thấy phiền gì nếu kể cho tôi anh đã bị thương như thế nào không? Tôi trả tiền mì cho anh.

Anh kể anh vào núi tìm cây kỷ.

- Cây gì?

- Cây kỷ. Chứa được bệnh ghen. Mụ vợ tôi ghê gớm lắm. Hễ một người đàn bà nào chuyện với tôi là mụ sẵn sàng quăng cho luôn một cái bát vào mặt tôi ngay. Tôi muốn cho vợ tôi uống nước cây kỷ.

- Một thứ thuốc không nghiêm chỉnh ư?

- Không, anh cười phì nói. Dưới chiếc mũ rơm, mồm anh ngoác ra để lộ chiếc răng vàng. Anh pha trò đùa tôi.

Anh nói họ là cả một đoàn người đi đốn cây làm than củi. Hồi ấy thương nghiệp chưa được hưng thịnh như bây giờ, đốn cây lấy gỗ nhất định phải bán cho đội sản xuất, không thì phạm pháp, anh lại không muốn phạm pháp mà còn muốn kiếm tiền thế là đi làm than hoa. Nhưng cũng phải biết xoay xỏa. Đặc biệt phải tìm cây thanh cương trắng vỏ vì than lấy từ cây này có một màu xám bạc, khi ta gõ vào nó kêu vang lên tiếng trong. Một gánh than này ngang tiền hai gánh than thường. Ta để anh nói tùy thích, đầu giờ ta chỉ mất có tiền một bát mì.

Anh kể rằng anh đi đầu, mang búa rìu. Các bạn cùng đi còn ở đằng sau tán chuyện, hút thuốc. Anh vừa cúi xuống thì cảm thấy từ gan bàn chân bốc lên một luồng khí lạnh. Anh nghĩ hổng to đến nơi rồi. Anh nói cái người này lúc ấy chẳng khác gì chó, một con chó lễ người thấy mùi báo hoa là không dám đi lên nữa mà chỉ cứ còn kêu tại chỗ như mèo. Lúc đó, hai cẳng anh đến mềm oặt theo. Gã trai tráng cứng rắn nhất gặp phải con

rắn kỳ cũng chẳng có hy vọng. Huống chi anh lại chính mắt trông thấy con rắn cuộn tròn trên một tảng đá trong bụi gai, đầu ngẩng lên, thân thì thu lại thành một khối thịt chắc nịch. Nói lâu, làm nhanh, anh vung rìu lên nhưng chỉ trong nháy mắt, anh cảm thấy nơi cổ tay lạnh buốt, một cơn run rẩy lan khắp người như khi bị điện giật. Một tấm màu đen ngòm lướt qua trước mặt anh. Mặt trời sẫm tối, tim anh lạnh ngắt và anh thôi nghe thấy tiếng gió, tiếng chim, tiếng côn trùng, chẳng còn nghe thấy gì nữa. Bầu trời ảm đạm bỗng hóa sẫm sì, mặt trời, cây cối tất cả đều phóng ra toàn ánh sáng lạnh lẽo. Anh nhận thấy đầu óc vẫn còn hoạt động và anh phải làm nhanh, không được chết, anh còn một cơ may, thế là anh bèn lấy rìu chặt phăng luôn cổ tay. Đoạn anh lập tức ngồi sụp xuống, bấu chặt lấy mạch máu của cánh tay cụt. Máu vọt ra trên các tảng đá, chạm vào đá, máu nhạt ngay màu, biến thành những bọt bong bóng vàng nhạt. Sau đó bạn nghề đưa anh về làng, mang theo cả cái bàn tay đứt lìa, đen sạm, đầy những mảng tím bầm. Cánh tay còn lại cũng đen. Khi dùng cạn hết các thuốc thang của dược học Trung Hoa chống rắn độc cắn, mới coi là nóng lại được.

- Cái nhà anh này, anh thật là quyết đoán đấy.

Anh nói nếu anh do dự một chút thôi, hay vết cắn ở trên cao hơn một ít, anh đã chết.

- Mất một bàn tay đổi lấy cái sống, đáng lắm, đúng không? Ngay con bọ ngựa cũng có khả năng trút bỏ đôi càng khi nó không thể gỡ càng ra được cơ mà.

- Đây là côn trùng.

- Thế nào? Con người lại không bằng côn trùng ư? Con cáo sa bầy cũng có thể gặm đứt cẳng để thoát thân, con người không thể kém tình khôn hơn con cáo.

Anh đặt một tờ mười nguyên lên bàn, từ chối tiền mì ta trả, nói bây giờ anh đã được buôn bán, chắc kiếm không ít hơn một người đọc sách như ta.

Trong suốt hành trình, ta đã điều tra về con rắn này, cuối cùng thì đã trông thấy nó trên đường đưa tới núi Phạn Tĩnh. Chúng đang bị phơi khô, cuộn tròn trên mái trạm mua bán của thị trấn có cái tên là Mân Hiếu hay Thạch Trường. Nom chúng giống với lời mà Liễu Tông Nguyên, viên quan đời Đường miêu tả: "nền đen điểm trắng". Chúng là nguyên liệu quý cho y học Trung Hoa, làm ra một phương thuốc tốt để thư giãn gân cốt và hoạt huyết, khu trừ phong thấp, trị cảm lạnh. Đó là loại hàng đắt tiền thu mua với giá cao, nhiều người dùng cảm luôn liều mạng tìm bắt.

Liễu Tông Nguyên đã gọi con rắn này là “đáng sợ hơn hổ”. Đã kích chế độ hà khắc, ông nói nó còn khủng khiếp hơn hổ. Ông là quan thích sử, còn ta, ta là một người bình thường. Làm quan chắc ông phải bận tâm đầu tiên đến các sự bất hạnh trên thế gian. Ta đi trong cõi đời, ta chỉ bận tâm đến sự tồn tại của ta.

Chỉ nhìn những con rắn khô cuộn bó lại là chưa đủ với ta. Ta muốn tìm thấy một con sống, học cách nhận ra chúng để tự bảo vệ chống lại chúng.

Cuối cùng ta đã thấy hai con ở chân núi Phạn Tĩnh, vương quốc rắn độc, tại một trạm kiểm soát của khu bảo tồn tự nhiên, thu hồi lại từ tay một người vào núi bắt trộm rắn, nhốt trong chuồng lưới sắt và ta đã có thể ngắm nhìn tường tận.

Tên khoa học của chúng là phúc xà nhọn môi. Hai mẫu vật này dài một mét, không to bằng cổ tay người, có một khấu đuôi rất nhỏ. Người chúng phủ đầy hoa văn tam giác nâu sẫm và xám xen nhau không rõ rệt lắm cho nên còn một tên gọi khác, “rắn bàn cờ”. Nhìn bề ngoài không thấy được tính hung ác của nó. Thu mọp thân hình lại ở trên một hòn đá trên núi, chúng nom giống như một hòn đất. Khi quan sát gần, cái đầu hình tam giác màu nâu xỉn, cái mõm nhọn mọc thêm một mẫu vẩy giống lưới câu ở đầu cùng, đôi mắt thâm đậm đã đem lại cho chúng một vẻ hài hước mà lại tham tàn, cái vẻ không tránh khỏi cứ gợi đến một vai hề trong Kinh kịch. Chúng không trông vào thị giác để dò mồi. Giữa mõm và mắt chúng có một cái lỗ, đó là cơ quan nhạy cảm với nhiệt độ, đặc biệt với tia hồng ngoại, nhờ thế chúng có thể thấy được nhiệt độ thay đổi tới một phần hai mươi độ ở trong vòng ba mét chung quanh. Chỉ cần một

con vật có thân nhiệt cao hơn thân nhiệt chúng xuất hiện quanh quẩn là chúng liền có thể phát giác và tấn công. Các chi tiết này về sau một chuyên gia về rắn cắn ở khu bảo tồn tự nhiên mới tiết lộ với ta, khi ta vào dãy núi Vũ Di.

Cũng con đường ta đi ấy, ở thượng lưu sông Thân, nhánh của sông Nguyên, nước sông Cẩm Giang không bị ô nhiễm mà chảy mạnh. Nước sông cứ trong vắt như vậy, đặc biệt trong. Trẻ trâu thả mình cho dòng nước cuốn dạt thẳng tới bãi sông dưới xuôi nữa vài trăm mét rồi mới dừng lại. Tiếng chúng truyền lại lạnh lạnh.

Dưới vệ đường, một cô gái trẻ trần truồng tắm sông, thấy chiếc xe khách đi ngang qua, nàng đứng thẳng lên như một chiếc cò trắng, quay đầu lại rồi ngẩn mãi ra nhìn. Dưới nắng trưa cháy bỏng, ánh sáng phản quang trên nước chói lóa. Các cái đó dĩ nhiên chẳng dính dáng gì tới con rắn kỳ.

Nàng bật cười to, mi hỏi tại sao. Nàng nói nàng vui, nhưng nàng biết nàng không vui; chẳng qua nàng làm ra vẻ, nàng không muốn người ta biết kỳ thật nàng không vui.

Nàng nói một hôm đi trong phố nàng thấy một người đàn ông chạy theo chiếc xe điện vừa lăn bánh. Ông ta vừa chạy vừa nhẩy cà kếu, vừa ra sức gào vì một chiếc giấy của ông kẹt vào cửa xe khi ông xuống. Chắc ông ta ở nông thôn ra. Khi nàng còn bé, thầy cô giáo dạy nàng không được chế giễu nông dân, lớn lên rồi thì mẹ nàng đã không được vô duyên vô cớ cười với đàn ông, họ sẽ mang tà ý ngờ rằng nàng làm duyên làm dáng. Nàng cười như thế, nàng lời cuốn đàn ông thật sự. Họ luôn có con mắt khác nhìn đàn bà, anh không được lắm đâu đấy nhớ.

Nàng nói lần đầu tiên nàng trao thân cho một người đàn ông, mà nàng không có yêu, hấn bò ở trên người nàng, chiếm hữu nàng rồi hấn vẫn chưa biết nàng còn trinh, hấn hỏi làm sao nàng khóc. Nàng nói không phải vì không chịu được đau mà chỉ là nàng thương thân nàng. Hấn lau nước mắt cho nàng, nhưng những giọt nước mắt đó có phải chảy ra vì hấn đâu. Nàng gạt hấn ra, cài lạo áo váy, soi gương sửa lại đầu tóc, nàng không muốn hấn giúp nàng, càng giúp càng hỏng hết. Lợi dụng một phút yếu đuối thoáng qua ở nàng, hấn hưởng được nàng.

Nàng không thể nói là hấn cưỡng bức nàng, hấn mời nàng đến nhà ăn cơm trưa. Nàng đến, uống một cốc rượu, hơi vui vui nhưng cũng chẳng phải là thật vui và thế là nàng cười lên như vậy.

Nàng nói không hoàn toàn trách hấn, lúc đó, nàng chỉ muốn biết xem sẽ có thể xảy ra cái gì thôi. Đầu óc nàng hơi lơ mơ một chút, nàng không biết cái rượu ấy lại nặng như vậy, nàng cảm thấy mặt mình đỏ ran và nàng bắt đầu cười vô duyên vô cớ. Thế là hấn ôm nàng, đè ngửa nàng ra giường, thật mà, nàng đã không chống cự, khi hấn vén váy nàng lên, nàng biết.

Đó là giáo sư của nàng, nàng là học trò, giữa hai người lẽ ra không nên xảy ra chuyện ấy. Nàng nghe thấy ở ngoài phòng, trong hành lang, tiếng chân người đi lại, luôn có tiếng cười nói, con người luôn có quá nhiều cái vô vị để nói. Đang trưa, những người ăn xong ở căng tin trở về buồng họ, nàng nghe thấy họ rất rõ. Trong khung cảnh ấy, hành vi nọ xem như gian tà, nàng xấu hổ kinh khủng; con vật, mi là con vật, nàng tự bảo thầm.

Sau đó, nàng mở cửa buồng, đi ra, ưỡn ngực, cao đầu, khi nàng đến đầu cầu thang, thành linh có ai kêu tên nàng, nàng nói lúc ấy nàng đỏ mặt tựa như vấy nàng tốc lên mà chẳng mặc thứ gì bên dưới. May sao lối vào cầu thang rất tối. Đúng là có một bạn cùng lớp muốn nàng đi cùng đến nhà giáo sư để nói về chương trình các lớp ngoại khóa học kỳ sau. Nàng nói thác là phải đi xem xi nê, đã bị muộn rồi, nàng chạy trốn. Nhưng không bao giờ nàng quên tiếng gọi ấy, nàng nói tim nàng suýt nữa thì văng ra ngoài lồng ngực; ngay cả khi người đàn ông chiếm nàng, tim nàng cũng không đập mạnh như thế. Bây giờ, nàng đã trả thù được hẳn rồi, nàng đã trả thù cho mình, trả thù cho tất cả các nỗi dằn vặt và sợ hãi của những năm vừa qua, nàng đã trả được thù cho bản thân. Nàng nói hôm ấy, trên sân vận động, mặt trời đặc biệt sáng chói, trong ánh nắng có một tiếng chói tai xuyên thấu vào tim như lưỡi dao cạo cửa vào thủy tinh.

Mi hỏi nàng xét đến cùng thì nàng là thế nào nhỉ.

Nàng nói nàng là nàng, rồi lại phá lên cười.

Mi vẫn phân vân.

Nàng bèn an ủi mi, nàng nói nàng chỉ là kể một câu chuyện, câu chuyện nàng nghe ở một đứa bạn gái. Nó là sinh viên Học viện y khoa đến thực tập ở bệnh viện nàng. Nó đã trở thành một trong những đứa bạn thân nhất của nàng.

Mi không tin.

Tại sao mi chỉ mới được kể chuyện? Nàng kể thì không ổn ư?

Mi bảo nàng tiếp tục kể.

Nàng bảo nói hết rồi.

Mi bảo chuyện nàng nó quá đột ngột.

Nàng nói nàng không biết như mi giỏi nói cái hư giả, hơn nữa, anh đã kể nhiều chuyện rồi, nàng chẳng qua mới là bắt đầu.

Đấy, thì kể tiếp đi, mi nói.

Nàng nói nàng hết hứng rồi, không muốn nói nữa.

Đó là một hồ ly tinh, mi nói sau giây lát suy nghĩ.

Không phải chỉ đàn ông mới có dục vọng.

Hắn rồi, đàn bà cũng thế, mi nói.

Tại sao nhiều cái đàn ông được phép làm mà lại cấm đàn bà? Điều là bản tính người.

Mi nói mi không hề lên án đàn bà, mi chỉ là nói nàng là một kẻ mỗi chài, một hồ ly tinh.

Là thế cũng chẳng xấu nhé.

Mi nói mi không tranh cãi, mi chỉ kể lại.

Thế thì anh đã kể xong rồi đấy.

Còn kể gì nữa đây?

Anh muốn nói đến mục bỏ bùa mê ấy thì nói về mục ấy đi, nàng nói.

Mi nói chồng của cái mục bỏ bùa mê ấy chết trước cả mãn thật...

Mãn thật là cái gì?

Ngày xưa, khi một người chết đi, phải canh hồn bảy ngày bốn mươi chín ngày.

Bảy là con số không tốt à?

Bây là ngày tốt, cát nhật, cho các vong linh.

Không nên nói đến vong linh.

Vậy thì nói đến cái người chưa chết này vậy, những dải vải trắng khâu trên mặt giấy của cô ta vẫn chưa bị bỏ đi, cô ta giống như cô gái mai dâm ở *Hỉ Xuân Đường* tại trấn Ô Y ấy, tựa cửa đứng im, hai tay đặt trên eo, một chân chống uể oải. Khi thấy đàn ông đi vào, bèn làm duyên, nhìn hắn ta như dửng dưng để ngoài con mắt cốt quuyến rũ hắn ta.

Nàng nói là mi lẳng mạ đàn bà.

Không, mi nói, cả đàn bà cũng không chịu được kiểu này của cô ta mà vội tránh xa hết. Chỉ có chị dâu thứ tư Tôn tứ tấu, cái mụ lẩm mồm mép ấy, mới đứng lại nhổ toẹt vào cô ta.

Nhưng khi đàn ông đi qua, chẳng phải là đều ăn sống nuốt tươi mi bằng mắt đấy ư?

Không thể nào khác được, họ đều quay đầu lại hết, ngay gã gù năm chục tuổi hắn hoi rồi vẫn vẹo cả cổ đi chăm chăm nhìn cô ta. Em đừng vội cười.

Ai cười cơ chứ?

Mi lại kể vợ lão Lục, hàng xóm của cô ả, vừa mới ăn cơm chiều xong ra ngồi ở cửa để khâu đột đế giày, nhìn thấy hết tất cả bèn kêu lên: “Kìa, Lão Gù, xéo phải cút chó rồi kìa!” Lão Gù ngượng ghê gớm. Giữa hôm rất nóng, dân làng ăn cơm tối hết ở ngoài đường, khi thấy cô ả mang đòn quấy đôi thùng không ngoáy mông đi ngang qua từng nhà. Mẹ tay Xồm đã véo chồng bằng đôi đũa, cái véo sau đó đã cho mụ hưởng một trận đòn. Bị đau, mụ rên rầm suốt đêm. Đàn bà có chồng trong làng chỉ có một ý thích: giáng cho cái con vô loại ấy những cái tát. Rồi mẹ tay Xồm đã nhất quyết phải lột truồng, túm tóc, ấn mặt con ả vào một thùng cút.

Thật là ghê gớm, nàng nói.

Nhưng chuyện đời nó diễn ra như vậy đấy, mi nói. Đầu tiên, cô ả bị vợ lão Lã hàng xóm bắt chột thấy. Lão Chu không kiếm ra vợ luôn lủi vào trong hầm cất bầu bí của cô ả, nói là để giúp vãi phân tro, nhưng kỳ thật lão vãi ra chỗ. Nếu tất cả chuyện này không đến tai vợ lão Tôn, thì sự tình không tới cái độn bi kịch. Tôn nói hấn vào núi từ sáng sớm kiếm củi nhưng thật ra, đòn gánh trên vai, lão đã làm một vòng qua các con phố trong làng rồi leo tường sân nhà con đi. Trước khi lão trở ra, vợ lão luôn canh chừng đã đến đập đòn gánh vào cửa gọi. Cô ả mở cửa, như chẳng có chuyện gì xảy ra hết, tay cài lại cúc áo. Vợ lão Tôn làm sao mà cho qua được? Kể lại thì lâu, thực tế thì nhanh, vợ lão nhảy phắt vào trong nhà rồi hai người đàn bà bắt đầu đánh nhau kêu la gào khóc. Tất cả thiên hạ chạy đến. Đàn bà dĩ nhiên đứng về phía vợ lão Tôn còn đàn ông im lặng xem hai bên quần thảo. Cô ả bị xé hết quần áo, mặt bị cào cấu. Sau đó vợ lão Tôn thú thật rằng mục đã cố tình tìm cách làm biến dạng cô ả đi. Cô ả đưa hai tay lên ôm mặt khóc, vắn vẹo người như một con sâu. Thật mất tư cách nhưng rút cục đó là chuyện đàn bà. Chú Sáu, Lục thúc thúc và trưởng làng đứng hơi xa ra một chút bằng lòng ho khan với nhau. Điều này làm cho đám đàn bà càng thêm tức giận, họ quyết định trừng trị ả. Sau khi thỏa thuận với nhau, nhiều người trong đám họ, những ai tay to cẳng khỏe, đã đến phục ở đường núi, nơi ả đi kiếm củi rồi lột quần áo ả ra. Họ trói ả lại, lừa đòn vào tay chân khiêng đi. Cô ả chỉ còn cách kêu cứu. Nhưng ngay cả các bạn tình của cô ả cho dù nghe thấy mà chạy đến cũng không dám xuất đầu lộ diện khi nhìn thấy sát khí dữ tợn của các bà vợ, các bà sẵn sàng lột da họ. Các mục khiêng cô ả ra Vực Đào Hoa. Ngày xưa cái vực này, nơi những người đàn bà dâm đảng sa đọa sinh sống, vốn là làng người hủi. Các mục ném cô ả xuống đấy, trên con đường độc đạo ở trong vực ra rồi giày xéo lên, khắc nhổ lên người cô ả, chửi rủa cô ả. Cuối cùng các mục về làng.

Rồi sau thì sao?

Rồi sau, mưa, mưa nhiều ngày đêm liên miên. Một hôm, buổi trưa, ai đó trông thấy cô ả về làng, quần rách tả tơi, thân người trần trụi bọc trong một cái áo rơm chống mưa, môi tái nhợt. Trẻ con nô dưới các mái hiên bỏ chạy, các cánh cửa đóng vội lúc cô ả qua. Ít ngày sau, đã hoàn hồn, cô ả lại ở trong nhà đi ra. Có vẻ đờm dáng hơn, môi đỏ thắm, má

đào: một hình tượng sống động về cái loại mối chài đàn ông. Nhưng cô ả không dám lượn diều trong làng nữa. Cô ả ra bờ suối kín nước hay giặt quần áo trước khi trời sáng hay sau khi đêm đã buông. Cô ả đi men sát tường, đầu cúi. Nếu bọn trẻ trông thấy, chúng sẽ gọi từ xa: “Con hủi, con hủi, mũi mày sẽ cụt, mồm mày sẽ cùi!” Rồi chúng móc chân lên cổ chạy. Dần dần, dân làng quên cô ả đi, mãi bận rộn với các công việc gặt lúa, đập lúa của cô. Rồi đến vụ cày bừa, gieo cấy, thu hoạch lúa sớm, cấy lúa muộn. Họ thành tình nhận ra ở các ruộng của người đàn bà kia các việc đó không được làm và cũng đã từ lâu họ không nhìn thấy cô ả. Người ta bèn quyết định cử một người tới nhà cô ả. Sau bao phen lần lữa, người ta chỉ định hàng xóm của cô ả, vợ lão Lã, đi xem cái gì đã xảy ra. Trở về, mụ nói: “Con phù thủy này cuối cùng đã bị trừng trị rồi. Mặt nó đầy những mụn, thảo nào nó không ra khỏi nhà nó nữa!” Đàn bà thờ dãi nhẹ nhõm, họ không phải luôn lo lắng cho các đấng ông chồng của họ.

Rồi sao nữa?

Rồi sau phải gặt lúa muộn. Khi người ta thu hoạch xong thửa đồng cuối cùng, sương giá xuất hiện, tiết sương giáng. Dân làng bắt đầu mua bán cho ngày Tết nguyên đán, cọ rửa cối để xay gạo lấy bột. Vợ gã Xồm phát hiện những mảng rộp trên lưng chồng mình cời trăn dẫn cần cối. Mụ không dám nói cái đó với ai, trừ với người chị dâu. Ai nói được rằng hôm sau người chị dâu này lại thấy những cái mụn hiện lên ở trên ngực chồng mình! Cái nạn này e lan rộng và đã lan đi thì đám đàn bà không thể giữ bí mật mãi được nữa. Ngay lão Bốn Tôn cũng thấy mọc lên ở cẳng chân những cái mụn to chảy mủ. Rõ ràng là Tết diễn ra âm thầm, các bà có nỗi niềm cả, chồng các bà không che đầu thì bịt mắt, nhưng đến thời vụ cày cấy đất đầu mùa xuân, đầu và mặt cứ bịt kín thì quả không tiện. Vốn chú ý đến mặt mũi đàn ông, bây giờ các bà thấy da họ bong từng mảng, hoặc tóc rụng hoặc mụn lại mọc ra. Một mụn rộp nước đã mọc ở ngay chòm mũi chú Sáu. Tất cả mọi người đều chung cảnh ngộ, chẳng có gì để mà nói trong khi đất thì vẫn phải làm. Sau cấy, người ta rút cục đã được thở đôi chút vậy là người ta bèn nghĩ đến con mụ mối chài đàn ông, ả nay không biết sống chết ra sao. Nhưng ai cũng nói nếu ngồi vào

cái ghế của người hủi, người ta có cơ hồ mọc mụn ở đít và chẳng còn ai dám đi qua cửa nhà cô ả nữa.

Đáng đời cái đám đàn ông ấy, nàng nói.

Người đàn bà đầu tiên ra đồng làm cỏ, mặt phủ một chiếc khăn tay là vợ lão Bốn Tôn. Người già nói: “Ác giả ác báo ngay tại sinh thời”. Nhưng làm sao đây? Cả vợ lão Lã cũng không thoát, mụn bị viêm tấy rồi phá mủ ở vú. Đám con gái con trai trẻ tuổi chưa vợ chưa chồng có lẽ khó mà thoát khỏi tai họa nếu như chúng không biến đi rất xa đến các làng khác.

Kể xong chưa? Nàng hỏi.

Xong rồi.

Nàng nói rằng cái chuyện này, nàng không chịu nổi.

Vì đây là một câu chuyện về đàn ông.

Chuyện cũng có của đàn ông đàn bà? Nàng hỏi.

Mi nói dĩ nhiên có chuyện đàn ông, những chuyện mà đàn ông kể cho đàn bà và những chuyện về đàn ông mà đàn bà thích nghe, mi hỏi nàng thích nghe chuyện nào.

Nàng nói các chuyện của mi ngày càng độc ác, ngày càng thô tục.

Mi nói đó chính là thế giới đàn ông mà.

Như thế thì thế giới đàn bà thế nào?

Thế giới đàn bà thì chỉ đàn bà mới biết.

Không có cách nào hai bên giao tiếp với nhau được à?

Vì là hai góc độ khác nhau.

Nhưng tình yêu làm cho họ giao tiếp chứ.

Mi hỏi: em tin ở tình yêu ư?

Không tin thì anh đi yêu làm gì? Nàng vẫn.

Và như thế có nghĩa là nàng còn muốn tin.

Nếu chỉ còn lại ham muốn mà không tình yêu thì con người ta sống có ý nghĩa gì chứ?

Mi nói rằng cái ấy là triết học đàn bà.

Anh đừng cứ mà chỉ đàn bà, đàn bà; đàn bà cũng là con người.

Con người đều được Nữ Oa nặn ra bằng đất ^[17].

Đấy là ý kiến của anh về đàn bà hả?

Mi nói mi chỉ trình bày sự vật.

Trình bày cũng là một thứ kiến giải chứ.

Mi nói rằng mi không có ý tranh luận.

Mi nói mi đã kể các chuyện, trừ đi những cái dung tục, xấu xa thì đều giống chuyện nọc độc rắn kỳ, không bằng nghe các chuyện về đàn bà, hay những chuyện đàn bà kể cho đàn ông.

Nàng nói nàng không biết kể chuyện, nàng không như mi nói giảng nói cuội được, nàng cần cái chân thực, chân thực không che không giấu.

Chân thực đàn bà.

Tại sao chân thực đàn bà.

Tại vì chân thực của đàn ông không phải là chân thực của đàn bà.

Anh ngày càng một kỳ quặc đi đấy.

Tại sao?

Tại vì anh đã có được cái mà anh muốn, tất cả những gì các anh có được rồi, các anh đều không thiết tha nữa.

À được, em cũng thừa nhận ngoài thế giới đàn ông còn có thế giới đàn bà?

Đừng nói chuyện đàn bà với em.

Thế nói gì?

Nói về tuổi thơ của anh, nói về anh.

Nàng không muốn nghe các chuyện kia của mi nữa, nàng muốn biết quá khứ mi, tuổi thơ mi, mẹ mi, ông mi, cả những chi tiết nhỏ nhặt nhất, các kỷ niệm của mi khi mi còn ở trong nôi, nàng muốn biết hết về mi, về những tình cảm giấu kín của mi. Mi nói mi đã quên hết cả rồi. Nàng nói nàng chỉ muốn giúp mi thấy lại các kỷ niệm của mi, gợi lại những việc,

những người mi đã quên, nàng muốn la cà với mi trong ký ức mi, lọt vào tâm hồn mi, cùng mi sống lại một lần cuộc đời đã qua đi của mi.

Nàng nói nàng muốn chiếm hữu tâm hồn mi. Nàng nói đúng là thế, không chỉ có chiếm hữu xác thân mi mà phải chiếm hữu mi toàn vẹn, nàng muốn nghe tiếng mi nói, muốn đi vào ký ức mi, còn muốn tham dự cả vào tưởng tượng của mi, thâm nhập đến đáy cùng của tâm hồn mi, cùng mi rồn chơi với trí tưởng tượng của mi, nàng nói còn muốn hóa ra thành tâm hồn mi.

Đúng là yêu tinh, mi nói. Nàng nói đúng thế, nàng muốn trở thành những đầu mút của các sợi thần kinh mi, nàng muốn mi dùng các ngón tay nàng để mà sờ, dùng mắt nàng để mà nhìn, muốn mi cùng với nàng tạo những giấc mơ, cả hai cùng leo lên Linh Sơn, nàng muốn ngấm toàn vẹn tâm hồn mi trên đó, kể cả dĩ nhiên rồi, các góc ngách giấu che nhất của người mi, những bí mật mi không thể thú thật. Nàng hung hãn nói ngay cả những tội lỗi của mi, mi cũng không được giấu nàng, nàng muốn nhìn rành mạch, rõ ràng.

Mi hỏi nàng có muốn mi sám hối khai tội ra với nàng không? Ồ, đừng có nói quan trọng như thế, đấy cũng là anh tự nguyện, đó là sức mạnh của tình yêu có phải thế không? Nàng hỏi mi.

Mi nói mi không cưỡng lại được nàng, mi hỏi nàng bắt đầu kể từ đâu đây. Nàng bảo mi thích đâu thì kể đấy, với điều kiện duy nhất là kể về bản thân mi.

Mi nói lúc bé mi có xem một ông thầy bói, nhưng mi không nhớ rõ là mẹ hay bà đã dẫn mi đi gặp.

Cái ấy không quan trọng, nàng nói.

Cái mà mi nhớ rất rõ là ông thầy bói có những móng tay rất dài, ông ta dùng những quân cờ bằng đồng để xếp tám chữ ứng với sự ra đời của mi, đặt chúng lên trên bát quái đồ trạch, lại còn cho một cái la bàn quay. Mi hỏi nàng đã nghe thấy người ta nói đến cái gọi là tử vi đấu số không. Đó là một môn học văn cao thâm của tướng số cổ đại cho phép đoán trước tương lai, sinh tử của một người. Mi nói khi ông thầy bày các quân

cờ, ông gầy móng tay lách chách nghe dễ sợ lắm, miệng thì lẩm rầm thần chú, nói những cái gì “*papakaka, kakapapa!*” rồi ông tuyên bố đứa bé sẽ gặp nhiều khó nhọc trong đời, bố mẹ kiếp trước của đứa bé, tức là mi, muốn lấy mi về, khó nuôi đây, tội kiếp trước chồng chất quá nhiều! Mẹ mi, có thể là bà ngoại mi, hỏi giải nạn giải ách cho mi như thế nào. Ông thầy nói phải đập cho vỡ đi hình ảnh mi để cho các oan hồn không nhận ra được hồn phách mi khi họ đến triệu hồn phách mi đi. Bà ngoại bèn tranh thủ lúc mẹ mi vắng nhà khâu lỗ tai cho mi. Bà vò dái tai mi bằng hạt đậu xanh rồi bóp nó bằng muối, bảo là không đau. Bị vò nặn nhiều quá, cái tai mi sưng tưng lên, càng ngày càng ngứa, nhưng bà chưa kịp khâu kim chọc lỗ tai thì mẹ mi về, mẹ mi cãi nhau to với bà một trận. Bà cầu nhàu và đành thôi, còn mi, vào thời ấy, mi chẳng có chủ kiến gì về chuyện khâu hay không khâu lỗ tai.

Mi hỏi nàng còn thích nghe gì nữa? Mi nói tuổi thơ mi không phải không hạnh phúc, mi được phép mượn cái gậy chống của ông để mi lái một cái chậu con trên dòng nước cuộn cuộn ở các ngõ sau mưa rào. Mi cũng nhớ mùa hè, nằm trên chõng tre, qua cái cửa sổ trên mái mi đếm sao, tìm một sao để làm ra chòm sao của riêng mi. Mi còn nhớ vào buổi trưa, ngày lễ Rong, mẹ đã túm lấy mi, bơi lên tai mi rượu pha với bột kê quan thạch, đá mồng gà, còn định vẽ lên đầu mi chữ vương nữa. Mùa hè người ta bơi như thế tránh cho trẻ con bị lở ghẻ, đinh nhọt. Sợ xấu, mi giẫy giụa rồi phóng chạy đi trước khi mẹ viết xong chữ. Bây giờ mẹ đã từ biệt cõi đời này lâu rồi.

Nàng nói mẹ nàng cũng chết rồi, chết ở trường cán bộ “5-7”, lúc đi nông thôn mẹ mắc bệnh. Lúc ấy, toàn thành phố sơ tán chuẩn bị chiến tranh, nói là bọn rậm râu Liên Xô sắp đánh đến. À, nàng nói nàng cũng đã chạy loạn, sân ga xe lửa bố trí đầy vọng gác, không những quân đội đeo lon đỏ mà cả dân quân tự vệ cũng mặc quân phục đeo băng tay đỏ. Giải qua một toán tù lao động cải tạo vừa đi vừa hát, quần áo rách rưới, giống như một lũ ăn mày, có cả ông già lẫn bà già, mỗi người đeo một cuộn khăn gói xanh, tay cầm cốc gốm hay bát ăn, nhất loạt hát vang: “Thành thật cúi đầu nhận tội, chống lại cải tạo là vào đường chết”. Nàng nói lúc ấy nàng mới tám tuổi, không hiểu vì sao lại òa khóc, chết cũng không chịu lên xe lửa, lăn ra đất kêu đòi về nhà. Mẹ liền dỗ, nói ở nông thôn

chơi vui hơn ở thành phố, lại không phải tối nào cũng đâm lũng cho mẹ. Ở trường cán bộ đúng là cả ngày với mẹ. Lúc mọi người học tập chính trị đọc ngữ lục Mao Chủ tịch, xem xã luận báo, lúc ấy trên báo có lắm xã luận cho mà đọc lắm, nàng lại có thể dính vào lòng mẹ. Họ ra đồng lao động nàng cùng ra nô ở bên, họ gặt lúa nàng còn giúp xếp lúa. Mọi người đều thích trêu nàng, đấy là lúc hạnh phúc nhất của đời nàng. Nếu như không xem bác Lương bị phê đấu, đứng dưới đèn bị đẩy ngã, đánh rụng hết răng, đầy mồm máu thì nàng hãy còn thích trường cán bộ. Trong trường còn trồng rất lắm dưa hấu, mọi người đều mua, ai ăn dưa cũng kêu nàng lại, cả đời nàng chưa bao giờ ăn nhiều dưa bằng lúc ấy.

Mi cũng nhớ cái đêm Tết nguyên đán ấy, năm mi thi tú tài. Đấy là lần đầu tiên mi khiêu vũ với một cô gái, mi không ngừng giẫm lên chân cô, mi ngượng què gớm, nhưng cô gái nói đi nói lại không hề gì. Đêm giao thừa ấy, tuyết rơi, các bông tuyết tan trên mặt mi và trên đường về nhà sau buổi dạ hội, mi đã con con bước để bắt kịp cô gái mi đã cùng khiêu vũ và đang đi trước mi...

Đừng nói đến các cô gái khác!

Vậy em muốn anh nói gì đây?

Tùy anh nhưng đừng nói đến đàn bà nữa. Mi hỏi nàng làm sao?

Rằng mi không yêu nàng.

Sao em lại nói như thế được chứ?

Khi mi làm tình với nàng, mi nghĩ đến người khác.

Không đúng! Em khẳng định chẳng dựa vào cái gì cả.

Nàng nói nàng không muốn nghe mi nói nữa, nàng không muốn biết cái gì hết.

Tha lỗi cho anh, mi ngắt lời nàng.

Anh không được nói gì nữa đấy.

Mi nói mi nghe nàng đây.

Nàng nói xưa nay mi chưa bao giờ nghe nàng cả.

Mi van nàng nói tiếp, mi hứa không ngắt lời nữa.

Nàng nói nàng chẳng có gì đáng nói.

Từ huyện Giang Khẩu, đầu nguồn Cẩm Giang, còng ngược sông Thái Bình lên thì núi hai bên bờ càng trở nên hùng vĩ. Qua khỏi trại Phồn Khê có người Hán, người Thổ gia và người Mèo trú ngụ, là vào khu bảo tồn tự nhiên. Ở đây các dãy núi xanh rờn bắt đầu sáp nhau, lòng sông thắt hẹp lại và sâu tối. Trạm kiểm soát ở sông Hắc Loan, một tòa nhà nhỏ nhỏ bằng gạch một tầng gác nằm ở trong cùng một vực sông. Trạm trưởng là một người trung niên, cao, đen nhẻm và gầy khô. Hai con rắn ta thấy chính là do ông thu về từ tay một gã săn bắn trộm xa lạ với địa phương. Ông giải thích với ta rằng trên hai bờ sông. Ông giải thích với ta rằng trên hai bờ sông, rắn kỳ đặc biệt nhiều, ở trong đám lá đay dại *Apocynum venetum* ấy.

- Ở đây là vương quốc rắn kỳ, ông nói.

Nhờ loài rắn ấy mà khu rừng á nhiệt đới rậm rạp lá này mới được bảo tồn ở trạng thái gần như nguyên thủy cho tới tận ngày nay.

Là lính rồi là cán bộ, ông đã đi nhiều nhưng bây giờ ông chẳng nhúc nhích nữa. Mới đây ông vừa từ chối một chức trưởng công an và trưởng trạm trông trọt của khu bảo tồn. Ông thích ở lại đây một mình, trông coi cái dãy núi mà ông đã đem lòng yêu mến này.

Theo lời ông, năm năm trước, vẫn có hổ đến vồ trộm bò ở trong thôn nhưng bây giờ chẳng còn ai thấy dấu vết chúng nữa. Năm ngoái, ông đã tịch thu một con báo bị dân núi giết rồi gửi nó đến văn phòng quản trị ở huyện. Người ta đã ngâm xương nó vào anhydride thạch tín để giữ nó như một mẫu vật rồi đem niêm phong lại. Nhưng qua ống thoát nước và cửa sổ, một thằng ăn trộm đã vào phòng và lấy nó. Bán như xương hổ để ngâm rượu, xương này được coi là đem lại tuổi thọ.

Ông nói với ta rằng ông không phải nhà bảo vệ môi sinh cũng không phải nhà nghiên cứu. Ông chỉ là người coi giữ núi rừng ở cái trạm này từ ngày xây dựng nó. Trên cái gác nhỏ nhỏ của ông có nhiều phòng, có thể

tiếp đón nhiều chuyên gia đến từ mọi nơi hoặc để điều tra hoặc để thu thập mẫu vật.

Vai trò của ông là làm cho họ sinh hoạt được thuận tiện ở đây.

Ta thấy rõ ông không vợ không con.

- Đàn bà là cái sự rất phiền, ông nói.

Thế là ông lại kể thời ông là lính, trong Cách mạng văn hóa, đàn bà cũng đại náo lắm, có một cô tự vệ mười chín tuổi từng theo lớp huấn luyện quân sự và là tay súng giỏi của tỉnh. Trong lúc vũ đấu, cô đi vào núi với trung đội cô, một cây súng của cô lần lượt bắn hạ năm chiến sĩ mà trung đội cô bao vây. Đại đội trưởng của những người bị giết hạ lệnh bắt sống cô. Hết đạn, cuối cùng cô đã bị bắt.

Khi ông phụ trách nhân sự ở một mỏ than nho nhỏ, công nhân cũng đánh nhau bằng dao bằng kiếm vì một người đàn bà. Vậy là ông đã chứng kiến quá nhiều rắc rối vì đàn bà. Ông đã lấy vợ nhưng rồi bỏ nhau và ông chẳng muốn nghe nói đến hôn nhân nữa.

- Anh có thể đến đây mà viết lách. Chúng ta có thể uống rượu với nhau. Bữa nào tôi cũng uống, không nhiều, chỉ chút ít.

Một nông dân đi qua cây cầu làm bằng thân cây bắc ở trước cửa nhà. Anh ta cầm một xâu cá. Chủ nhà của ta chào rồi ra hiệu cho anh ta lại gần, giải thích rằng ông đang có khách.

- Tôi sẽ làm món cá rán cay với gừng, đi với rượu là vừa hay.

Ông nói nếu muốn ăn thịt tươi, ông có thể bảo nông dân đi chợ. Ở cái xóm gần nhất, cách hai chục dặm, có một cửa hàng nho nhỏ bán rượu và thuốc lá. Đậu phụ càng hay được ăn, nhà nông dân nào làm đậu phụ đều dành cho ông một phần. Ông cũng nuôi vài con gà. Trứng và gà không thành vấn đề.

Đang trưa dưới chân núi xanh rờn, ta uống rượu với ông, nhắm món cá cay với gừng và món thịt muối.

- Đúng là cuộc đời của thần tiên, ta nói.

- Thần tiên hay không thì muốn gì ở đây cũng yên tĩnh êm ả, không có nhiều chuyện phiền lòng. Công việc tôi cũng đơn giản, đây lên núi duy nhất có một con đường và nó đi qua ngay trước mắt tôi, tôi làm trọn nhiệm vụ coi núi là xong.

Trên huyện ta nghe nói khu bảo tồn tự nhiên ở sông Hắc Loan này được giữ gìn tốt nhất. Ta nghĩ đó là nhờ thái độ nhân sinh đạm bạc của ông. Theo lời ông, nông dân ở đây với ông đều là chơi được. Mỗi mùa xuân, một lão nông lại mang đến cho ông một túi con rể khô.

- Anh nhai một đoạn rể này khi vào núi, rắn sẽ tránh anh. Ở đây rắn kỳ nguy hiểm tới tính mạng.

Vừa nói ông vừa đứng lên đi vào trong phòng lấy ra một túi giấy đầy cỏ, mở ra cho ta một cái rể cỏ nâu. Ta hỏi cỏ gì, ông nói không biết tên, ông cũng chẳng hỏi. Đây là một mật dược tông truyền. Người miền núi có quy tắc của họ.

Theo ông, để đến Kim Đỉnh, ngọn núi chính, đi về phải mất ba ngày. Phải mang gạo, dầu, muối, trứng và một ít rau cùng đậu phụ. Qua đêm trên núi, ta chỉ có thể ngủ trong hang, trước đây đã có vài cái chăn bông ở đó để các nhà khoa học đến đó nghiên cứu dùng, vì ở núi gió thổi mạnh, trời rất rét, cần phải có chăn. Rồi ông nói ông sắp đến làng xem có tìm được ai để có thể lên đường ngay hôm nay. Rồi ông đi, bằng lối cầu độc mộc.

Ta làm một vòng trong vực sông. Ở chỗ cạn, nước sông chảy hoạt. Nó lấp lánh dưới nắng nhưng trong các góc râm, nó sầm sì và êm ả, xem vẻ đang tàng trữ vô vàn các mối hiểm ác. Trên bờ cây cỏ sum suê gần như quá quất, một màu xanh tựa hồ đen, cây cối toát ra một hơi ẩm làm cho người ta lo sợ: có thể tưởng tượng ra nơi đây nhưng nhúc và rắn. Ta sang bờ bên kia, đến lượt ta cũng qua lối cầu độc mộc. Một xóm nhỏ có năm sáu ngôi nhà gỗ cao cũ kỹ nép mình ở sau rừng, các tường vách bằng ván, xà kèo đều đen đi vì quá ẩm do mưa nhiều.

Xóm nhỏ yên tĩnh, không một tiếng người. Các cửa nhà đều mở toang, trên các bao lơn không lan can, cỏ khô, nông cụ và những gỗ, tre. Ta định ghé vào một nhà để xem thì thành linh một con chó vận xám đen hầm hè lao vào ta, sủa dữ tợn. Ta vội vã lùi ra sau rồi trở về bên kia cầu gỗ, ngửa mặt ngắm nhìn núi đồ sộ màu xám xanh phơ trong nắng, ở đằng sau tòa nhà nhỏ của trạm kiểm soát.

Đằng sau ta vang lên tiếng cười của đàn bà. Quay lại ta thấy một phụ nữ đi qua cầu sang, tay hoa hoa một đòn gánh trên cuồn khoanh một con rắn to dài chừng thước rưỡi thước tám, đuôi ngo nguậy. Rõ ràng chị ra hiệu cho ta đến gần sông. Chị hỏi:

- Này! Có mua rắn không?

Chẳng hề hấn, chị hi hí cười, đoạn một tay kẹp chặt cổ con rắn, một tay chìa cho ta cái đòn gánh có con rắn uốn khúc giãy. May sau, trưởng trạm kịp thời xuất hiện, ông lớn tiếng gọi chị ta:

- Về đi! Nghe thấy không? Về mau!

Người đàn bà miễn cưỡng lùi lại đến cầu rồi ngoan ngoãn bỏ đi.

- Chị ta dở người. Cứ thấy người lạ là y rằng bày ra một cái mẹo cái trò gì đó.

Ông đã tìm được một người nông dân giúp ta gồng gánh và chỉ đường. Anh còn phải xếp đặt việc riêng ở nhà, sau sẽ chuẩn bị rau gạo cho nhiều ngày. Ta có thể đi trước, anh sẽ đuổi theo. Người miền núi thạo đường, người hướng dẫn sẽ mau chóng bắt kịp ta cùng với thức ăn cái uống. Chỉ có một đường mòn, ta không thể lầm được. Xa nữa, cách bảy tám dặm, là khu vực mỏ đồng từng được khai thác chút ít rồi bỏ không đã khá lâu. Nếu như không thấy anh ta đến, ta vẫn có thể nghỉ ngơi tại đó được.

Ông cũng khuyên ta để lại cái xác lưng, người nông dân sẽ mang cho ta. Rồi ông cho ta một cây gậy nó sẽ tránh cho ta phải mất sức leo dốc và cho phép ta đuổi rắn. Cuối cùng, ông dặn ta nhai một ít rễ cây ông đã cho.

Ta chào ông, ông giơ tay vẫy ta rồi quay người đi. Cái đầu cá trê, bộ mặt đen và gầy, phủ đầy một bộ râu mới mọc của ông biến mất.

Và bây giờ, ta không thể không nhớ ông, nhớ cái thái độ đạm bạc của ông đối với cuộc đời. Ta cũng nhớ bờ sông tối sẫm, ở phía bên kia cây cầu, những căn nhà gỗ đen sì ở xóm nhỏ, con chó hằm hè với bộ lông xám vện, người đàn bà đùa với con rắn trên đầu đòn gánh; tất cả cái đó hình như hiển thị ra cho ta một điều gì đó, hết như quả núi khổng lồ ở sau căn gác nhỏ kia, ta cho rằng nó vẫn mang nhiều ý vị hơn thế nhưng ta không thể hiểu thấu được nghĩa của nó mà thôi.

Mi đi trong bùn, trời mưa bụi mù mịt, đường lặng ngắt, ngoại trừ tiếng chân mi dính mót vào bùn. Mi khuyên nàng đi vào chỗ đất rắn và mi nghe thấy tiếng ngã. Mi quay lại, thấy nàng nằm kênh ra ở trong bùn, tay chống đất, mặt tiu nghỉu. Mi giơ tay ra kéo nàng ai ngờ nàng lại trượt chân, bàn tay lấm lem lại trát bùn lên nàng. Mi khuyên nàng hãy dứt khoát bỏ giày cao gót, nàng bèn khóc thảm hại và ngồi phệt hẳn vào bùn. Mi nói với nàng rằng việc nàng bị bẩn chẳng hề làm sao, rằng cái đó không nghiêm trọng, rằng cần phải tìm một cái nhà để tắm rửa nhưng nàng dứt khoát không chịu đi nữa.

Thật rõ là đàn bà, mi nói. Vừa muốn leo núi chơi lại vừa sợ khổ.

Nàng nói nàng căn bản không nên theo mi đi vào con đường đen đui này.

Mi nói trong núi không chỉ có phong cảnh đẹp mà còn có mưa gió. Nàng đã ở đây rồi thì còn gì để mà ân hận.

Nàng nói nàng đã mắc lừa mi, trên đường tới cái Linh Sơn quý quái này chẳng thấy bóng một ai.

Mi nói nếu muốn thấy người chứ không phải núi thì nàng đã đủ thấy họ ở đường phố tại thành phố rồi đấy. Đạo cửa hàng bách hóa, từ gian bánh ngọt đến gian mỹ phẩm, những thứ mà đàn bà cần có thì đều thấy người đấy.

Nàng bật khóc nức nở, hai bàn tay bấn ôm lấy mặt, như một đứa bé. Mi sốt ruột, mi kéo nàng đứng lên để nàng đi.

Mi nói muốn gì cũng không nên nán lại ở dưới mưa, trước mặt kia có lẽ có người, có người sẽ có bếp lửa, có lửa thì sẽ ấm và nàng sẽ không cảm thấy lạc lõng bơ vơ như thế này, nàng sẽ được đôi chút an ủi.

Dĩ nhiên mi cũng biết sau các bức tường xiêu vẹo kia, các lò bếp chắc đã đổ nát, nồi niêu gỉ thủng từ lâu. Trên cái núi này, cỏ dại mọc tràn, sau các nấm mồ có cắm các cờ giấy tươi tắn. Cũng không thể nghe thấy lời than khóc của một nữ hồn ma. Chính lúc này mi mới khao khát tìm thấy người trong núi, thay quần áo khô sạch, thoải mái ngồi vào một ghế dựa mây tre ở trước lửa, một bát trò nóng trong tay, đối diện với mưa li ti rơi từ mái xuống, kể một chuyện đồng thoại chẳng dính gì tới nàng và thế giới người lớn phiền tạp này! Ngàn sẽ là cô bé gái rất ngoan của người dân xứ núi côی cút một mình, nàng sẽ nép vào mi, ngồi trên đầu gối mi.

Mi nói rằng thần lửa là một thằng bé trai đỏ au trần truồng sinh chơi những trò tai quái. Nó chuyên xuất hiện trong các rừng mới đốn chặt. Nó chủ tâm lật những lá khô lên cho kêu soạt soạt rồi dúi đôi tổng ngổng nó leo lên xuống giữa các cành của cái cây bị chặt đổ.

Nàng kể cho mi tình đầu của nàng, một ngưỡng vọng yêu thì đúng hơn, mối tình của một con bé chưa hiểu đời. Nàng nói vào thời ấy, anh ta vừa mới từ một nông trường lao động cải tạo về thành phố. Anh ta rất đen, rất gầy, hai má hõm đầy vết nhăn sâu ơ là sâu nhưng lòng dạ nàng luôn hướng về anh ta. Nàng say mê nghe anh ta kể mọi đau khổ anh ta đã chịu đựng.

Mi nói đấy là một chuyện rất cổ, mi nghe cụ tổ bốn đời của mi nói, chính mắt cụ đã thấy nó, nó đang ở dưới gốc cây sơn trà cụ đốn năm ngoài bờ ra. Cụ lắc lắc đầu, đỉnh ninh đôi mắt già nua của mình bị lóa. Cụ vừa từ trên đỉnh núi xuống, vác một cây sơn trà nhẹ, chịu được nước, vật liệu tốt làm tàu thuyền.

Nàng nói thời ấy mới mười sáu, anh ta đã bốn bảy hay bốn tám, đủ là bố nàng. Thêm nữa, anh ta là bạn học cũ thời đại học của bố nàng, một người bạn lâu ngày. Sau khi được phục hồi minh oan, quay về thành phố, anh ta không còn ai quen biết, toàn đến nhà nàng uống rượu với bố nàng, kể lại cho bố nàng cuộc đời của “phần tử hữu phái” tại trại cải tạo. Nàng nghe, nghe, hai mắt ướt đẫm. Anh ta chưa lấy lại sức, khô xác, rất khác với cái con người anh ta sau này khi có chức danh, làm tổng công trình sư. Lúc đó anh ta mặc bộ đồ Tây, sơ mi cổ cồn là thẳng cứng toàn mở phanh, những cái đó làm cho anh ta nom lịch sự trang nhã quá. Nhưng

thời đó như say như lú, nàng yêu anh ta. Nàng muốn khóc hộ anh ta, nàng chỉ nghĩ đến an ủi anh ta để anh ta có thể được sung sướng ở cái nửa đời sau của anh ta. Nàng chỉ thêm mong anh ta chấp nhận tình yêu của nàng, cái con bé này thật thế đấy, nàng nói, nàng chẳng bận đến cái gì khác nữa cả.

Mi nói thời đó, cụ bốn đời của mi gánh một thân cây sơn trà xuống núi thì nhìn thấy thần lửa leo một cây sơn trà. Cụ chẳng dám chậm bước, cũng chẳng dám nhìn kỹ, về đến cửa hạ gánh xuống, chừa vào nhà, đã kêu to lên: “Khốn khổ to rồi!” Thời đó, ông nội mi còn sống, bèn hỏi cụ: “Cái gì thế bố?”. Cụ mi giải thích rằng đã trông thấy thần lửa Chu Dung, thôi thế là chấm dứt ngày tốt lành rồi đây!

Nhưng, nàng nói, anh ta, bạn cha nàng, anh ta không hề biết, ngu mà. Mãi sau khi nàng đã vào đại học mấy năm mới bảo anh ta, anh ta mới nói đã có vợ và một đứa con trai. Anh ta đi cải tạo ở trại, vợ anh ta đã chờ tròn hai chục năm, con trai anh ta còn nhiều tuổi hơn nàng. Hơn nữa cha nàng lại là một bạn lâu ngày, làm sao anh ta đối đãi với cha nàng như thế được? Sao mà nhát thế! Đồ nhát! Nàng nói thời đó nàng vừa khóc vừa rửa anh ta. Nàng nói ngay cuộc gặp mặt đó cũng là nàng chủ động. Lúc ấy, anh ta chia tay với cha nàng xong vừa ra đến cửa, nàng bèn cũng lấy cớ đến tìm một cô bạn thuở nhỏ nay ở cùng nhà tập thể với anh ta. Thế là hai người đi ra cùng lúc. Thông thường, nàng gọi anh ta là Chú Sài, nay vẫn gọi thế. Nàng đã nói: “Chú Sài, cháu có điều muốn nói với chú”. “Đồng ý, nào lần này có thể chúng ta vừa đi vừa nói”. Không, nàng không muốn nói như thế, giữa đường giữa sá thế này. Anh ta nghĩ một lát rồi hẹn nàng tối sẽ gặp ở một một công viên.

Mi nói sau đó tai họa tiếp liền tai họa. Thời đó, mi còn là con nít, không cầm được súng cũng chẳng đi săn được. Mi chỉ có thể theo họ, với cái mai trên vai để đào măng thôi. Cụ bốn đời của mi đã gù, trên gáy lại mọc ra một cục thịt to do khiêng vác nhiều cây. Bố đã bảo mi rằng ngày xưa cụ là tay săn bắn vô song; thế nhưng cụ đã bị giết chết sau khi trông thấy Chu Dung hai ngày. Viên đạn xuyên thủng qua ót, đi ra bên mắt trái. Ngập trong máu lênh láng, cụ đã gượng được về tới ngưỡng cửa mới là đời, máu vấy hết cả lên rễ cây long não già trong sân. Dậy sớm chuẩn bị

cho lợn ăn, bà mi mới phát hiện ra cụ. Cả đêm bà chẳng nghe thấy cụ kêu một tiếng nào.

Khi ngồi ăn nàng chẳng nói gì, chỉ nói chuyện ở trường, không liên quan gì đến anh ta. Sau bữa ăn, anh ta đề nghị vào công viên đi một vòng, đi đến dưới bóng cây, anh ta đã xử sự như tất cả cánh đàn ông, mượn rượu ngà ngà anh ta đã muốn hôn nàng nhưng nàng không nghe. Nàng bảo rằng nàng còn gọi anh ta là Chú Sài, nàng chỉ muốn anh ta biết rằng nàng đã từng yêu anh ta đến thế nào, nàng đã từng trừng phạt mình như thế nào, nàng đã hiến mình cho người khác, một người nàng không yêu, chẳng qua trong một phút mê mụ thoáng chốc, để cho người đùa rỡn nàng, đúng như thế đấy, nàng đã dùng chữ đùa rỡn, chỉ là một xung động nhất thời. Nghe nàng nói thế, anh ta lặng lẽ định ôm nàng nhưng nàng đẩy ra.

Mi nói lúc ấy, trời chưa sáng hẳn. Bà nội mi đã vấp phải cụ nội, thế là bà hét ầm lên. Thời ấy, bà đang có chửa bố mi. Ông nội đã kéo cái xác cụ vào trong. Ông nội cụ đã bị sa vào một ổ mai phục, cụ bị bắn từ sau, trúng một viên đạn toàn là mạt sắt để săn lợn lòi. Ông nội mi cũng nói cụ chết không lâu thì lửa phát cháy trong núi, lửa rừng đã tàn phá khu rừng liền mười ngày sau đó. Không thể nào dập được lửa rừng. Ánh lửa chiếu lên cả vòm trời, biến núi Hô Nhật thành một quả núi lửa thật sự. Ông nội còn nói cụ nội, bị hạ thủ đúng lúc lửa bắt đầu nhen. Sau đó bố mi lại khẳng định cụ nội chết không liên quan gì đến Chu Dung, cụ đã rơi vào một ổ mai phục của một kẻ tư thù. Cho tới lúc chết, ông nội vẫn muốn tìm ra hung thủ đã ám hại bố mình, nhưng đến bố mi kể lại chuyện này thì bố chỉ thở dài một tiếng mà thôi.

Nàng nói anh ta còn nói đã yêu nàng nhưng nàng bảo anh ta “Không đúng” Anh ta bảo thật lòng nghĩ đến nàng, nàng nói nhưng quá muộn rồi. Anh ta hỏi tại sao. Nàng nói kìa, lại còn phải hỏi? Anh ta hỏi tại sao cho hôn nàng một lần mà cũng không được. Nàng nói có thể ngủ với bất cứ người đàn ông nào nhưng không với anh ta. “Đi đi” nàng đã kêu to lên, “chú vĩnh viễn không hiểu được đâu”. Nàng nói nàng hận chết anh ta, nàng không còn muốn gặp anh ta nữa, nàng cứ thế là đẩy mạnh anh ta rồi chạy.

Mi bảo nàng dứt khoát không phải là y tá cái gì cả, suốt dọc đường nàng chỉ kể toàn những chuyện dối trá, nàng không nói đến một cô bạn nào cả mà nói chính nàng, chính kinh lịch của nàng. Nàng đáp lại rằng mi cũng thế thôi, mi không nói đến cụ bốn đời, ông ba đời, bố của mi và bản thân mi đâu, mi bịa ra chuyện để cho nàng sợ. Mi bảo bảo mi đã nói trước với nàng đáp lại rằng nàng không phải là trẻ con, rằng nàng không nghe các loại chuyện như thế nữa, rằng nàng chỉ mong ước cuộc sống thật sự, rằng nàng không tin vào tình yêu nữa, rằng nàng đã mệt mỏi, rằng đàn ông tất cả đều dâm dục háo sắc. “Thế đàn bà?” mi hỏi. Đàn bà cũng xấu xa, nàng nói, nàng đã nhìn thấu tất tận mọi cái rồi, nàng chẳng còn thiết sống, nàng không muốn đau khổ nhiều nữa, nàng chỉ khao khát một giây lát vui vẻ thôi. Nàng hỏi mi còn muốn nàng không.

Ở đây, trên đất ướt át thế này?

Thế chẳng là không thích hơn sao?

Mi nói nàng thật là bỉ ổi, nàng nói thế chẳng phải là đàn ông vẫn thích như thế đấy ư? Vừa đơn giản, vừa thoải mái lại vừa kích thích, xong chuyện là đi, chẳng phải đa mang đeo bong. Em đã ngủ với bao nhiêu đàn ông rồi? Mi hỏi nàng. Hơn trăm, ít ra. Mi không tin.

Có khi mà tin với không tin chứ? Thật ra rất đơn giản, đôi khi chỉ cần vài phút.

Trong thang máy?

Tại sao lại trong thang máy? Anh xem trong phim ảnh phương Tây chứ gì. Người ta có thể làm cái đó ở bất cứ đâu, dưới một gốc cây, ở một góc tường...

Với một người đàn ông chẳng hề quen biết gì hết?

Như thế càng hay, ít nguy cơ bị ngược nữa nếu có gặp lại.

Mi hỏi nàng có hay làm như thế không.

Chỉ lúc nào thèm.

Thế ngộ không tìm ra đàn ông?

Đàn ông thì tìm có khó gì chứ? Chỉ cần cho một khoe mắt là họ đến liền.

Mi nói nàng có cho cả cái liếc, mi cũng không chắc đã theo nàng.

Nàng nói có thể anh không dám nhưng có người dám đấy. Đàn ông chẳng phải là muốn cái ấy mà?

Thế là em đùa rỡn với đàn ông.

Tại sao chỉ cho đàn ông đùa rỡn với đàn bà? Cái đó có gì là kì quái đâu?

Mi nói như thế thà nói là nàng đùa rỡn với chính bản thân nàng.

Thế tại sao lại không?

Trong bùn này ư?

Nàng bèn cười dịu dàng bảo mi rằng nàng thích mi, nhưng không là yêu. Còn nói mi phải cẩn thận, nếu như nàng thật sự yêu phải mi...

Thế thì là tai họa.

Cho anh hay cho em?

Cho cả hai.

Anh thông minh thật đấy. Nàng nói nàng thích cái đầu thông minh của mi.

Mi nổi tiếc không phải là thân xác.

Nàng nói thân xác thì ai cũng có. Lại nói nàng không muốn sống quá mệt mỏi thế rồi nàng thở dài một cái, bảo mi kể một chuyện vui vui.

Kể chuyện lửa nữa? Hay đứa bé đỏ đít đôi tổng ngỗng?

Tùy anh.

Mi bèn nói vị thần lửa ấy, Chu Dung, đứa bé đỏ là chúa tể của quả núi Cửu Sơn này. Dưới chân núi Hô Nhật, trước kia miếu thần lửa bị bỏ hoang lâu, mọi người quên cúng lễ mà đem rượu thịt để riêng mình hưởng. Bị bỏ quên, vị thần lửa nổi giận đã ra tay và khi cụt bốn đời của mi đến đó thì...

Tại sao không nói tiếp đi?

Cái đêm cụt chết, khi mọi người đang yên ngủ li bì thì một luồng sáng chói rực lên ở trong núi tầm tối. Gió đưa một mùi thịt cháy, mọi người đang ngủ bắt đầu bị ngạt thở bèn vội vàng tỉnh dậy. Trông thấy lửa rừng, họ chỉ còn đứng sững ra nhìn. Đến sáng, khói mù mịt đã tràn đến, đừng nói đi cứu nữa, đến chạy trốn cũng không kịp rồi. Thú rừng hoảng loạn bị lửa rừng sức đuổi, hổ, báo, lợn lòi, sói ẩn nấp lẫn lộn trong sông. Chỉ dòng nước cuộn cuộn của sông mới ngăn được lửa lan đi. Đám đông tụ tập trên bờ nhìn đám cháy chợt thấy một con chim lớn màu đỏ chín đầu bay lên. Khạc lưỡi lửa, kéo cái đuôi dài đỏ rực, nó thốt lên một tiếng giống như tiếng trẻ sơ sinh gào oa oa khóc rồi biến vào bầu trời. Những cây cổ lão khổng lồ trăm nghìn năm vọt lên trời như những cái lông chim, phát ra tiếng rầm rắc rồi nhẹ nhàng rơi xuống biển lửa.

Trong mơ ta thấy vách đá kéo kẹt mở ra ở sau lưng ta, bầu trời màu bụng cá hiện hần lên giữa những tầng đá, dưới bầu trời có một ngõ nhỏ, hoang vắng, không người, cạnh đó có một cái cửa ngách, ta biết nó dẫn vào một ngôi miếu lớn, nó không bao giờ mở, ở cửa vào chẳng một sợi dây ni lông trên phôi quần áo trẻ con, ta nhận ra chỗ này, ta đã đến, đây là ngôi miếu Hai Vua ở huyện Quán, Tứ Xuyên, ta đi dạo trên đê chia cách nước cuốn cuộn của con sông bên dưới chân ta, trên bờ trắng lóa đối diện, những phế tích của một ngôi miếu bị bỏ hoang khác, ta đã muốn vào đó nhưng không tìm ra cửa, ta chỉ thấy rắn-cá bò trên các mái chĩa đen sì, con vút thò ra ngoài các bức tường bao quanh sân, nắm vào sợi dây cáp, ta đi lên một ít, trên bờ sông trắng xóa, có một người đàn ông đang câu cá, ta muốn đi đến chỗ ấy xem, nước dâng lên, ta chỉ có thể lùi lại, nước vây lấy ta, ta ở chính giữa, đang trở lại thành đứa trẻ, vào giây lát ấy, đứng ở cái cửa sau mọc đầy cỏ dại, ta nhìn đứa trẻ lúc ấy là ta đi giày vải, không thể tiến cũng không thể lùi, ở mặt trên giày có những cúc vải, ở trường tiểu học, bọn trẻ nói những lời tục tĩu bảo rằng ta đi giày con gái, chúng làm cho ta ngỡ ngàng chính là từ miệng những thằng con trai này trên đường phố, lần đầu tiên ta hiểu hàm nghĩa của câu chửi người. Chúng cũng nói đàn bà là đồ đồng nát ve chai, cũng nói cái bà to béo bán khao pỉnh, bánh rán dẹt ở góc phố là dính nhau với đàn ông, ta biết đó là những lời xấu liên quan đến xác thịt của đàn ông., đàn bà nhưng bản chất những quan hệ ấy vẫn cứ là rất mơ hồ trong đầu ta, chúng bảo rằng ta yêu đứa con gái bé đen gầy ở lớp ta, con bé đã cho ta một tờ giấy thơm, ta đã đổ mặt rồi một hôm, sau hi ta đỗ tiểu học lên sơ trung, trong kì nghỉ hè, ta gặp đám trẻ đó trong một buổi chiếu phim dành cho học sinh, chúng bảo ta rằng con bé nay trắng ra nhiều, một thiếu nữ rất đẹp, cô ấy cũng hỏi thăm chúng về ta, chúng hỏi ta sao không hẹn gặp cô ta, sau đó ta đã ngã vào xác thịt đàn bà. Ngày xưa ta không dừng cảm lắm, ta biết ta sa đọa nhưng trong thâm lén ta lại thích, đại khái ta biết đó là người đàn bà ta muốn có mà không được, khuôn mặt xinh đẹp của nàng ta không thể nhìn thấy, ta muốn hôn nàng thì ta lại bị một người

đàn bà khác hôn bằng miệng, thâm tâm rõ là không yêu nhưng lại vẫn thấy khoái cảm, ta cũng thấy đôi mắt buồn của bố ta, ông im lặng, ta biết ông đã chết, ta biết là không đúng, trong mơ ta có thể thả sức buông thả; rồi ta nghe thấy tiếng cánh cửa kéo kẹt trong gió, ta nhớ là ta ngủ ở trong một hang núi, trên đầu ta, trần hang cổ quái đang lên cao hạ thấp chính là một vách đá được một ngọn đèn bão chiếu sáng, ta ngủ với nguyên quần áo trong những cái chăn bão hòa độ ẩm, quần áo ta cũng ướt đầm, hai bàn chân ta băng giá, ta không tài nào làm cho chúng nóng lên, gió rất dữ, hú lên mỗi lần cánh cửa đóng sầm, như một thú rừng đầy máu, nằm dài trong một hang núi đóng kín bằng một tấm ván đơn giản, ta chăm chú nghe, những tiếng hú của gió từ trên các đỉnh núi tràn về lồng lộn trong đồng cỏ và rừng cây quán.

Quá buồn tiếu tiện, ta đứng lên, với lấy ngọn đèn bão, ta đi lại giấy. Ta kéo tấm ván chặn cánh cửa làm bằng những khúc thân cây. Cửa bị gió thổi mở đánh rầm. Ngọn đèn chỉ chiếu sáng một vòng tròn ở dưới chân ta, trong tấm rèm đen ngòm của đêm. Ta đi hai bước, cởi cúc quần thì thành linh ngẩng đầu lên ta thấy một cái bóng cao hơn mười mét đứng đứng ở trước mặt. Ta kêu lên, suýt đánh đổ ngọn đèn. Cái bóng menh mông cử động cùng một tiết tấu với ta. Ta tưởng tượng đó là “bóng quỷ” đã được nói đến trong *Khảo luận về núi Phan Tĩnh*. Ta lắc ngọn đèn, cái bóng cũng động đậy. Sự thật đó là cái bóng ta mang vào trong đêm.

Người nông dân dẫn đường cho ta nghe thấy tiếng động đã đi ra, rìu trong tay. Ta chưa định thần lại, không thể nói được với anh ta. Ấp úng, ta hoa ngọn đèn soi cho anh. Hai cái bóng menh mông liền nổi lên trên tấm rèm đen ngòm của đêm và nhảy nhót theo tiết tấu của tiếng chúng ta kêu. Sững sờ biết mấy khi là chính mình, hơn thế nữa chính cái bóng của mình làm cho mình khiếp đảm! Như hai đứa trẻ, cả hai vừa đá vừa nhảy để cho cái bóng ma quái cũng nhảy. Đó cũng là để làm yên tâm chúng ta, để làm vững lại tâm thần rối loạn của chúng ta.

Vào hang, ta không ngủ lại được vì bị kích thích. Người bạn cùng đi của ta cũng trở mình trên ổ. Ta bảo anh hãy kể cho ta những chuyện vùng núi. Anh lúng búng nhưng rồi tự diễn đạt bằng thổ ngữ, mười câu thì tám lọt ra khỏi tai ta. Hình như anh kể chuyện một người anh em họ xa, làm công việc nào đó, đã bị gấu móc mất một mắt vì đã không cúng thần núi

trước khi đi vào đó. Không thể biết liệu có phải là cách anh ta quở trách ta không.

Dậy sớm, ta vốn có ý đi Cửu Long Trì, hồ Chín Rồng. Một màn sương mù dày đặc đã buông xuống. Người dẫn đường đi trước, cách anh ta ba bước chỉ là cái bóng mập mờ, cách hơn năm bước anh ta không nghe thấy ta nữa dù cho ta có hét văng lên. Không lạ gì nếu như trong đêm hôm qua, ngọn đèn đã có thể hắt bóng lên một màn sương mù cũng dày đặc như thế này. Với ta, đây chắc chắn là một kịch lịch mới; mỗi lần thở ra, một luồng hơi trắng lại đến đổ đầy vào cái không gian còn được để lại tự do ở trong miệng. Cách hang chưa tới trăm bước, anh ta dừng chân quay lại nói không thể đi tiếp.

- Tại sao?

Năm ngoái cũng thời tiết như thế này, sáu người vào núi nhặt trộm cây thuốc thì chỉ có ba người về, anh ta áp ứng nói.

- Anh đừng dọa tôi.

- Anh muốn đi cứ đi, tôi dứt khoát không.

- Nhưng anh là người đi cùng tôi mà! Dĩ nhiên ta có hơi cáu.

- Trạm trưởng cử tôi đi.

- Nhưng cử anh đi vì tôi.

Ta không bảo chính ta trả tiền công cho anh ta.

- Xảy ra chuyện gì với anh, tôi sẽ phải kiểm điểm với trạm trưởng.

- Anh chẳng việc gì phải kiểm điểm với ông ấy. Ông ấy không phải sếp của tôi. Tôi cũng không muốn ông ấy phụ trách tôi. Tự tôi phụ trách tôi. Tôi chỉ là muốn đến hồ Chín Rồng.

Anh ta bảo đấy không phải hồ. Vài cái ao nước thế thôi.

- Hồ hay ao tôi bất cần, tôi muốn xem râu tóc vàng mọc đầy hồ ấy, tôi đến núi là để xem cái thứ râu tóc vàng đầy đến một thước ấy, tôi muốn

đến nằm lăn lên cái thảm rêu ấy.

Anh ta bảo không nằm lăn lên được, đấy là cỏ nước.

Ta đã muốn bảo thì chính trăm trưởng kể với ta là lăn lộn trên thứ rêu ấy còn thú hơn là lăn trên thảm, nhưng ta không cần phải giải thích với anh ta.

Anh ta im, đi lên trước, cúi đầu. Ta lại cất chân. Đấy, chiến thắng của ta: bắt một người dẫn đường mà ta chỉ tiền phải thực hiện không cần thiết ý chí của ta. Ta chỉ là muốn chứng tỏ rằng ta có ý chí, đó là cái nghĩa của việc ta đến nơi này, nơi mà bản thân ma quỷ cũng không dám thâm nhập.

Anh ta lại biến mất. Ta đi chậm lại một ít thế là anh ta tan biến vào trong lớp sương mù trắng xóa. Ta vội đuổi theo, nhưng ta vấp phải một cây ta. Nếu một mình ta phải tìm đường quay về thì ta sẽ không biết đi đường nào. Ta mất phương hướng, ta bắt đầu lớn tiếng gọi anh ta.

Cuối cùng, anh ta lại phát hiện ra trong sương mù, hoa chân múa tay với một vẻ kỳ dị về phía ta. Ta chỉ nghe thấy anh ta gọi khi đến trước mặt anh ta, vẫn cứ luôn ở trong màn sương mù đáng nguyên rủa này.

- Anh giận tôi đấy à? Ta nghĩ nên xin lỗi.

- Tôi không giận, giận cũng không giận anh mà chính anh mới nên giận tôi.

Anh ta tiếp tục vung tay mà nói to nhưng âm thanh qua màn sương vắng đến như bị ngạt. Ta đương nhiên biết ta vô lễ.

Ta chỉ việc bám sau anh ta, tựa hồ sát gót. Dĩ nhiên như thế không thoải mái, đi không xa được. Ta không phải đến núi này để chiêm ngưỡng gót chân con người này. Vậy tại sao đến? Có thể liên quan đến giấc mơ và cái bóng ma quỷ đêm qua, đến quần áo ẩm ướt, đến cái đêm trải qua gần như trắng và ta mệt. Ta có một linh cảm xấu, bèn thò tay vào túi sơ mi đang dán bết vào lưng ta để lấy mẫu rễ cây ra nhưng ta không tìm thấy nó nữa.

- Thôi về...

Anh ta không nghe thấy ta nói. Ta phải kêu to:

- Về.

Mọi sự trở nên hài hước, nhưng anh ta không cười. Chỉ lẩm bẩm:

- Lẽ ra về từ lâu rồi...

Cuối cùng ta đã nghe anh ta quay lại. Vào hang, anh ta lập tức nhóm lửa nhưng áp suất không khí quá thấp, khói không thoát ra được sứ mờ mịt, không sao mở được mắt. Ngồi trước lửa, anh ta lẩm bẩm.

- Anh nói gì với lửa thế?

- Nói người không thắng được mệnh.

Rồi anh ta leo lên chỗ nằm. Một lát sau, ta nghe thấy anh ta ngáy ầm ĩ. Đây là một con người đơn giản, lương tâm yên ổn trong khi ta, ta là một kẻ ích kỷ, vĩnh viễn truy tìm một đời sống tâm linh, nhưng vấn đề lại là ở chỗ khi nó hiện ra thì có thể ta sẽ chẳng có đủ sức mà giác ngộ thấy. Mà giác ngộ thấy rồi thì nó dẫn ta đi đâu?

Ta vô cùng cảm cảnh, ở trong cái hang ẩm thấp này, với quần áo ướt át và lạnh băng đang dính vào da thịt. Lúc này, điều ta ao ước hơn hết là một cửa sổ, một cửa sổ được chiếu sáng, một ít ấm cúng, một người ta yêu, người cũng yêu ta. Có thể thôi. Tất cả ngoài ra là hão. Nhưng cái khung cửa sổ đó vẫn chỉ là hư ảo.

Ta hay mê thấy ta đi tìm lại căn nhà của tuổi thơ ấu, tìm lại các kỷ niệm ấm áp của ta. Trong mơ ta trông thấy một dãy sân nối tiếp nhau rất xa như một mê cung với ngách ngang u tối, chật và ngoằn ngoèo, ta không bao giờ tìm thấy lối ra của chúng. Mỗi bận mơ như thế, các con đường lại khác đi, đôi khi trong cái sân trong, nơi nhà ta ở, là một ngách đi của hàng xóm, ta không thể làm cái gì mà lại không bị người ta nhìn thấy, ta không được hưởng tình tự thầm kín êm dịu cho dù ta ở trong nhà mình, các bức vách không lên đến tận trần thì giấy dán tường lại rách hoặc một bức tường đổ xuống, ta leo cầu thang lên gác nhìn xuống, bên

trong gian phòng chỉ là vôi vữa gạch vụn, bên ngoài vốn là ruộng bầu bí, ta bò toài dưới dây bầu bí bắt dế, lông bầu bí cùng mồ hôi ở cổ và tay làm cho cả người ta phát ngứa, đôi khi dưới ánh nắng chang chang, gạch vụn vôi vữa này, người ta đã xây nhưng nhà mới, không biết lúc nào, với các cửa sổ luôn im ỉm. Dưới cái dinh cơ gần như không tường che chắn ấy, bà ngoại ta đang dọn một hòm quần áo cũ bằng gỗ đỏ, nó già như bà, nắp hòm mở ra, bà đã chết từ lâu nhưng dầu thế ta vẫn cứ phải tìm lấy chút kỷ niệm ấm áp, giấc mơ thời thơ ấu của ta, ta muốn tìm lại các bạn thời thơ ấu, những bạn tí tẹo mà ta đã quên mất tên, có một đứa bị sẹo do ngã ở môi dưới, nó có vẻ quá thật thà, nó có một cái hũ bằng tử sa, sa thạch đỏ, chuyên để nuôi dế, bảo ta rằng cái hũ ấy là từ đời ông nó truyền lại. Ta cũng thích chị nó, một cô gái cao rất dịu dàng nhưng ta chưa bao giờ nói với cô ấy điều này, sau này ta biết cô đã lấy chồng. Trở lại nhà cô bây giờ cũng chẳng nên tích sự gì, thậm chí chẳng tìm được thằng bạn thời thơ ấu với cái sẹo ở môi nữa. Ta đi hết cái ngõ với cánh cửa các ngôi nhà nối kề nhau, các mái chĩa của chúng tràn ra đến gần giữa phố. Ta vội vã về nhà, bà ngoại đang chờ ta ăn cơm, cứ đến giờ ăn, bà lại réo to gọi ta, nghe thấy bà réo gọi, ta lại nghĩ bà đang cãi nhau với một người nào. Bà hay cãi nhau với mẹ, bà dễ nổi cáu, bà càng già tính nết càng lạ lùng, bà không hợp với con gái bà, bà đã phải trở về quê sống với họ hàng bên ngoại. Sau đó, nghe nói bà đã chết ở nhà dưỡng lão, ta phải tìm cái nơi ấy để xứng đáng với mẹ ta đã chết, lúc này, ta nghĩ nhiều đến những người đã khuất, có thể là vì lúc bình thường ta đã không nghĩ tới họ, tuy đó là những người thân yêu nhất của ta, trong cái hang núi này, đối mặt với lửa, những ngọn lửa nháy nhót gọi người hồi tưởng, ta dụi mắt ta đầy khói, không sao mở ra được.

Ta đứng dậy để đi ra. Sương mù đã tan đi một ít, có thể nhìn được quá mười bước. Trời mưa bụi. Ta phát hiện thấy trong các khe đá có những chân hương cắm cũng như một cành cây có buộc vải đỏ. Có phải đây là Linh Sơn mà đàn bà đến xin cho một đứa con trai không.

Từ trên kia, những cột đá đồ sộ hòa lẫn vào sương mù, ta men theo sườn núi đi, không nghĩ là trong sương mù đó lại sẽ xuất hiện ra một thành phố chết.

Anh còn gì khác nói không?

Mi nói với nàng về những hoang tàn bị lau sậy lấn chiếm và bị gió dữ dẫn của các đỉnh cao quật đập, về những viên gạch vỡ, phủ đầy rêu và địa y, về con tắc kè bò trên một tấm đan rạn nứt.

Mi nói với nàng ngày xưa ở đây vang lên như thế nào tiếng chuông thỉnh sớm và tiếng trống thu không. Khói hương uốn lượn như thế nào, chín trăm chín mươi chín vị sư tăng sống như thế nào ở trong một nghìn căn tăng phòng của ngôi chùa ngày viên tịch, những hội lễ tôn giáo linh đình diễn ra như thế nào.

Mi nói rằng khi khói hương tỏa ra từ vô vàn các bát hương, tín đồ trong vòng vài trăm dặm kéo đến để chính mắt chứng kiến vị sư già ngồi đi lên cũi chân phúc. Thiện nam tín nữ chen nhau trên các ngã đường qua rừng.

Mi nói những lời tụng niệm kinh pháp vang lan ra cả ngoài cổng lớn ngôi chùa. Trong chùa không còn tấm chiếu nào để không. Những người đến sau quỳ ngay xuống đất và những người đến sau nữa thì phải chờ ở ngoài. Đằng sau khối đông đảo các tín đồ không vào nổi lại còn một đám đông bao la nữa đang chen chúc nhau. Đúng là một cuộc tập hợp khác thường.

Mi nói không một tín đồ nào lại không mong được vị lão hòa thượng ban phúc. Mỗi đệ tử hy vọng nhận được chân truyền từ ông ta vì trước khi vào cũi chân phúc viên tịch, bậc đại sư sẽ giảng một hồi Phật pháp. Kinh đường, nơi ông ta đang ngồi ở đây lúc này là ở về bên trái tòa Đại Hùng Bảo Điện, lầu tàng giữ kinh pháp.

Mi nói rằng trong sân, trước gian phòng này, hai cây quế đang chính giữa mùa hoa, hoa trắng, hoa đỏ tỏa hương thơm ngát, mặt đất rải đầy chiếu từ gian phòng ra tới sân. Dưới nắng thu êm dịu, các vị sư tăng tâm

can yên tĩnh ngồi chờ bậc hòa thượng già giảng dạy lần cuối cùng Phật pháp.

Mi nói bậc hòa thượng ngồi dạng chân co gối ở trên một cái bệ bằng gỗ trầm hương đen, chạm trổ hoa sen, rằng người đang thực hành vô thất, một cuộc thanh tẩy và kiên nhẫn tuyệt đối từ bảy ngày bảy đêm rồi, không ăn không uống, mắt vẫn nhắm, một chiếc áo dài và vớ phơ phất trên vai người. Trước bàn thờ, trong các lư đồng chạm trổ, những miếng trầm trắng đang nghi ngút cháy, mùi thơm lan ra khắp gian phòng. Hai đệ tử của người ở bên cạnh người, và khoảng một chục vị sư đã được người chính tay xuống tóc đang kính cẩn chờ ở dưới chân bệ. Tay trái người mân mê lần chuỗi tràng hạt, tay phải người cầm một cái chuông con mà người gõ nhẹ nhẹ vào nó bằng một thanh đũa nhỏ bằng sắt kẹp ở giữa các ngón tay. Như một dải lụa nhẹ tênh, tiếng chuông bay lên, chờn vờn giữa các lá cờ hiệu treo rủ trong phòng.

Mi bảo rằng lúc đó các vị sư nghe thấy tiếng nói dịu ngọt của vị hòa thượng già: “Đức Phật dạy chúng ta rằng muốn biết đến giác ngộ, ta không nên biết đến Đức Phật bằng dung mạo xác thân của Phật; cái mà người ta gọi là dung mạo xác thân của Phật chỉ là những hình tượng ảo của xác thân Phật, những hình tượng ta nhìn thấy không phải là dung mạo của Ngài, chúng là sự phủ định của dung mạo Ngài. Điều tôi truyền giáo lại các vị là rằng ngay cả điều Phật nói cũng vừa không thể chấp nhận vừa không thể truyền giáo, điều không thể truyền giáo và không thể chấp nhận nhưng lại không thể không chấp nhận, đó là điều ta truyền giáo cho các người, đó là đại pháp mà Phật truyền giáo cho các người, các người có hỏi gì không?”.

Mi nói rằng trong đám đông tín đồ đệ tử, chẳng ai hiểu nghĩa của các lời ông giảng nhưng chẳng dám hỏi ông. Với hai đệ tử trông nom ông ở hai bên trái phải, đây là việc khó khăn nhất. Từ bảy hôm nay họ không dám rời ông một lúc, im lặng chờ sư phụ cho ra các ý định và huấn chỉ của ông. Trên bát hương, cây hương cuối cùng đã cháy hết. Cuối cùng, đệ tử thứ nhất bèn mạnh bạo lên. Ông tiến lên một bước, quỳ gối rồi hai tay chắp lại khấu đầu: “Đệ tử của sư phụ có một câu hỏi nhưng không biết có nên đặt ra không”.

Vị hòa thượng già khẽ mở mắt, hỏi câu hỏi là gì. Người đệ tử ngẩng đầu, nhìn chung quanh một lượt và hỏi: “Trước khi tới Niết Bàn, sư phụ sẽ truyền huấn chỉ cho một người kế tục không?” Mọi người đều hiểu: sư phụ tuyệt đối phải chỉ định một vị kế tục để trông nom tu viện rộng như thế này với ngân này những đồ đồng, hương nến. Làm sao một vị đại sư phụ như người đây lại không có ai thay thế?

Đại sư phụ gật đầu, cầm bát đựng các cửa bố thí đeo ở trước ngực và nói: “Nhà người cầm lấy cái bát này...” Hương đã cháy hết, những cuộn khói cất lên trên không thành những vòng tròn méo trước khi tan loãng. Quả chuông bằng sắt nặng sáu tấn của chùa Đại Pháp Bảo, đúc trong niên đại Trấn Nguyên nhà Đường bắt đầu vang lên, có tiếng trống đệm theo. Trong gian phòng để kinh pháp, các nhà sư vội gõ vào các con cá gỗ và các hòn đá phát ra âm thanh. Hiểu rằng đại sư phụ đã truyền thụ huấn chỉ và chỉ định người kế tục, đám đông tụng kinh và niệm Nam mô A di Đà Phật.

Nhưng hai người đệ tử thứ nhất vẫn còn phân vân, họ đã không nghe thấy sau câu “Cầm cái bát này”, đại sư phụ còn nói thêm “và đi khuất thực”. Họ chỉ thấy môi sư phụ mấp máy nhưng cả hai chẳng ai thu nhận được huấn chỉ của Người. Cả hai cùng chìa tay ra để nắm lấy cái bát đựng đồ bố thí rồi chẳng ai muốn bỏ tay. Cuối cùng cái bát vỡ. Hai người ngã ra bâng hoàng. Họ hiểu ý sư phụ là như thế nào nhưng không dám nói. Chỉ vị cao tăng mới nhận thấy rằng ngôi chùa một ngày nào đó sẽ sụp đổ thành hoang phế. Không chịu đựng hơn nữa viễn cảnh đó, ông nhắm mắt lại, ngồi nhập thiền hư vô trên chiếc ghế hình hoa sen, hai tay bắt chéo, ông lặng lẽ tập trung chú ý vào huyệt “mệnh môn” và chấm dứt sự tồn tại của bản thân bằng ý chí của chính mình.

Mi nói chuông trống vang lên như thế nào trong phòng kinh pháp và ở bên ngoài. Bên trong, các sư tăng đồng thanh tụng kinh, tiếng tụng kinh lan ra đến tận ngoài sân. Ở đây, đám đông các sư tăng cùng tụng lại cho tới ba gian phòng và hai bên cánh chữ môn rồi tới tận bên ngoài chùa, nơi các tín đồ chen chúc nhau với những vòng kiệu, lừa ngựa của họ. Không muốn là người ngoài cuộc, các tín đồ không lọt vào được tòa nhà đã niệm

váng lên Nam mô A di đà Phật, niệm to đến nỗi ở trong chùa người ta cũng nghe thấy!

Các sư tăng khiêng cái chum lớn ở trong đặt vị cao tăng đã vào cõi chân phúc, cờ Phật bằng gấm thêu bộ tống đi, hai đệ tử thứ nhất hoa phát trần mở đường và rẩy rượu để thanh tẩy cho linh hồn và xác thân, còn đám đông tín đồ thì ra sức nhào vào trong ngôi chùa để có duyên phúc chiêm ngắm hình hài của đại sư phụ đã chết. Những người nhìn thấy kêu lên: “Ô hô, hỡi ôi!”, những người không được nhìn thấy thì kích động đến cực điểm, họ kiễng lên đầu ngón chân chen đẩy nhau, mắt mù mắt giầy, đánh đổ lư hương, bát hương, chẳng bận tâm gì đến cái nơi trang trọng này nữa.

Nấp chum đầy lại rồi, chum được đem đặt lên một đồng củi trước Đại Hùng Bảo Điện rồi trước khi châm lửa, một châu tụng kinh cho linh hồn siêu thoát bắt Đầu, không thể để thiếu một lễ thức nào, một sơ xuất nhỏ là không thể quan niệm nổi nhưng chẳng có ngôi chùa nào lại có thể chứa được hàng chục nghìn con người chen chúc, xô đẩy như thế, những gã khỏe mạnh nhất cũng không cuống lại được làn sóng của đám đông, những người bị đẩy bị giẫm xéo kêu lên rất thảm thương! Không ai có thể nói được lửa bắt cháy từ đâu, bao nhiêu mạng người chết cháy hay xéo nát, liệu có còn những người chết vì ngạt thở hay vì bỏng hay không, dầu sao, lửa đã kéo dài ba ngày ba đêm trước khi đấng Hoàng thiên trên kia, mủi lòng thương, cuối cùng đã cho một trận mưa phúc đức sau đó chỉ để lại một bãi rộng tro tàn nghi ngút khói mà thôi. Sau thảm họa này, còn lại chỉ là những đổ nát, những tấm bia vỡ làm đối tượng nghiên cứu cho các thế hệ háo sự mai sau.

Đằng sau bức tường đồ, bố, mẹ, bà ngoại ta đã chết cả đều ngồi chờ ta ăn cơm. Bây giờ ta đã phiêu bạt khá nhiều, không về nhà đã khá lâu. Ta thèm được ngồi ăn cùng các vị nói chuyện nhà chuyện cửa như những ngày bác sĩ chuẩn đoán ta bị ung thư ta đến ở nhà thằng em út, hai anh em trong bữa ăn nói những chuyện chỉ nói được với nhau trong gia đình. Thời ấy, vào bữa ăn, đứa cháu gái ta luôn muốn xem truyền hình, nó không biết rằng các chương trình truyền hình đều là đánh phá ô nhiễm tinh thần, các ngôi sao của giới văn hóa lên giải thích cho tất cả mọi người, lần lượt từng vị bày tỏ lập trường, nhắc lặp lại lời lẽ của các văn kiện chính thống. Đây không phải là các tiết mục trẻ con muốn xem và dĩ nhiên chẳng thích hợp mấy với sự ăn uống. Ta đã chán các tin tức của đài phát thanh, báo và truyền hình, ta chỉ ao ước được trở lại với đời sống của chính bản thân ta, được nói đến quá khứ đã bị lãng quên của gia đình, chẳng hạn như về người cụ tổ bốn đời bị điên, cụ chỉ một lòng thèm khát làm quan và vì thế đã cúng tất cả tài sản, hẳn một dãy phố, chẳng móc ra nổi thậm chí một nửa cái ghế viên chức, rồi cụ hóa điên khi hiểu ra cụ bị người ta lừa. Lúc đó cụ phóng hỏa thiêu ngôi nhà cuối cùng, ngôi nhà cụ đang ở, lúc chết cụ vừa qua, trẻ hơn ta bây giờ. Cái tuổi ba mươi mà Khổng Tử lão phu gọi là tam thập nhi này nên nói vẫn cứ là cái tuổi mong manh dễ sa phải bệnh tâm thần phân liệt. Em trai ta và ta chưa bao giờ xem ảnh cụ cố bốn đời, có lẽ ở thời cụ chưa có nhiếp ảnh đưa vào Trung Quốc hoặc là đưa vào rồi nhưng mới chỉ để dành cho hoàng tộc mà thôi. Nhưng em và ta đã ăn những món ăn tuyệt vời ngon cụ tổ bà nấu, món để lại ấn tượng mạnh nhất là món tôm say rượu, thịt tôm còn nảy lặt bật khi người ta cho nó vào trong miệng. Trước khi ăn một con, chúng ta phải lấy hồi lâu dừng khí. Ta còn nhớ rằng cụ tổ sau một cơn trúng phong đã bại liệt, về thuê một căn nhà cũ kỹ của nông dân để tránh các cuộc ném bom của Nhật. Ông nằm miết trong gian chính trên một chõng tre dài, khuôn mặt mang vòng hào quang của bộ tóc bạc trắng được gió ùa vào qua cửa mở rộng làm cho phát phơ bay. Mỗi khi có báo động phòng không, ông rúm người lại vì kinh hoàng. Mẹ ta bảo rằng mẹ

chỉ có thể nhắc đi nhắc lại không ngời vào tai ông rằng Nhật khôn có đủ bom, chúng còn phải để dành bom cho các thành phố. Vào thời ấy, ta còn bé hơn đứa cháu gái bé của ta bây giờ, ta vừa mới tập đi. Ta nhớ rằng để đi ra sân sau, phải bước qua một ngưỡng cửa rất cao và ngoài đó lại còn phải xuống một bậc tam cấp nữa. Ta không thể một mình qua cái ngưỡng cửa, cái sân với ta luôn luôn là một nơi bí ẩn. Trước cửa ra vào là sân đập lúa, ta nhớ ta đã cùng với trẻ con nông dân lăn lộn như thế nào trong rơm đang phơi. Trong dòng nước êm ả của con sông chạy dọc theo sân đập lúa, một con chó con đã bị chết đuối. Ta không biết có phải một kẻ bần thủ nào đã ném nó xuống nước hay tự nó chết đuối, nhưng các xác của nó nằm lại lâu trên bờ. Mẹ ta dứt khoát cấm ta chơi đùa ở bờ sông, ta chỉ có thể theo người lớn đến đó đào cát lấy nước. Họ đào những cái lỗ trên bãi sông, chặt nước từ trong cát.

Ta hiểu rằng ta đang được một thế giới người chết vây quanh, rằng sau bức tường đồ này là những người thân đã chết của ta. Ta thêm quay trở lại với họ, cùng ngồi bàn ăn, nghe những điều lặt vặt nhất, ta thêm nghe tiếng nói của họ, nhìn thấy ánh mắt của họ, ngồi thật với họ ở bàn dù ta không ăn. Ta biết rằng ở dưới âm, ăn uống là một tượng trưng, một thứ nghi lễ mà người sống không được hưởng, ngồi cùng bàn nghe họ cũng là niềm hạnh phúc rồi. Ta bèn thận trọng đi đến gần họ, nhưng hễ ta vượt qua bức tường đồ là họ lại đứng lên, lặng lẽ biến mất vào sau một bức tường đồ khác. Ta nghe thấy xa dần tiếng chân của họ bước không ra tiếng động, thậm chí nhìn thấy cái bàn họ để lại. Trong giây lát, cái bàn phủ đầy rêu non mơn mớn, nứt ra và đổ sụp xuống trong đồng đá hỗn độn, giữa các khe nứt, những ngọn cỏ dại lập tức mọc lên. Ta cũng biết họ đang bàn luận đến ta ở trong một căn nhà đồ nát khác, không tán thành hành vi của ta, lo lắng cho ta. Thật ra ta có cái gì để cho họ phải bận tâm đâu, nhưng họ vẫn cứ phải lo lắng, có lẽ người chết thường thích bận lòng cho người sống, ta nghĩ. Họ đang lén bàn với nhau nhưng thấy ta áp tai vào bức tường đá ẩm ướt phủ đầy rêu họ lại im bật, lấy mắt thay lời, nói ta không thể sống như thế này mãi, ta cần một gia đình bình thường, một người vợ hiền trông nom cơm nước cho ta, cai quản ngôi nhà, sở dĩ ta bị một bệnh nan y thì đó chỉ là do sự ăn uống của ta không thích đáng. Họ bàn mọo can thiệp thế nào vào đời ta, ta cần phải nói rằng họ không phải lo lắng, đến tuổi trung niên, ta có lối sống riêng

của ta, lối sống ấy ta tự lựa chọn lấy, ta không thể quay trở về nẻo đường họ đặt ra cho ta. Ta không thể giống như họ, hơn nữa, đời họ vị tất đã tốt nhưng ta không thể ngăn ta nghĩ đến họ, ta muốn nhìn họ, nghe tiếng nói của họ, nói với họ về quá khứ trong trong ký ức. Ta muốn hỏi mẹ ta có phải mẹ đã đưa ra đi thuyền trên sông Tương Giang không. Ta nhớ đến con thuyền gỗ với cánh buồm bằng phen tre, người chèo chèo trên thuyền, ngồi trên những ghế dài ở hai bên khoang, đầu gối đung vào gối. Qua cánh buồm, có thể thấy nước sông sắp tràn qua thành thuyền. Con thuyền không ngừng trôi trôi nhưng không ai nói năng, ai cũng làm bộ như chẳng có gì hết cho dù tất cả đều đã nhận thấy con thuyền quá tải đang có nguy cơ lật úp đến nơi. Không ai muốn đối mặt với sự thật. Cả ta, ta cũng làm bộ như chẳng có chuyện gì, chẳng khóc lóc lẫn nhón nhác, cố không nghĩ đến tai họa có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Ta muốn hỏi mẹ xem có phải đây cũng là chạy loạn không? Nếu ta thấy lại loại thuyền này trên sông Tương Giang thì kỷ niệm kia là thật. Ta còn muốn hỏi mẹ có phải để trốn thuế phỉ đã phải nấp vào trong chuồng lợn không? Hôm ấy, thời tiết giống hôm nay. Trời mưa bụi, lúc lên núi, xe quẹo gấp đã đổ sang một bên, người tài xế không ngừng than thở giá tay lái của ông vững thì đã không xa hổ. Ta nhớ đó là hai bánh bên phải xe vì rằng sau đó, những người ngồi trên xe đều phải xuống và mang hành lý sang phía bên trái của con đường, ở sườn núi, rồi tất cả đến đấy nhưng bánh xe cứ tiếp tục quay trượt trong trong bùn, vô hiệu. Chiếc xe được trang bị một cái lò đốt bằng than củi vì còn chiến tranh, các xe dân sự không chạy bằng xăng. Để nổ máy, trước hết phải quay dĩa dĩa một cho đến khi xe đánh rầm mới khởi động. Thời ấy, xe cộ cũng như con người, chúng chỉ thấy dễ chịu khi trút vơi được các hơi khí ậm ạch trong bụng, nhưng lần này ngay cả khi đã rầm rít rồi, chiếc xe cũng vẫn chỉ quay tít bánh và hất bùn vào đầu mặt những người đang đẩy nó mà thôi. Người tài xế cố sức ra hiệu với các xe đi qua nhưng không cái nào muốn dừng lại để chữa giúp. Vào giờ này, trời đã tối lắm, họ chỉ nghĩ tới chuyện lánh nạn. Chiếc xe cuối cùng sạt vào thành xe chạy qua, những chiếc đèn pha vàng vàng của nó sáng ánh lên như mắt một con thú hoang. Sau đó, hành khách bắt chắp mưa leo dốc, lặn mò trong đêm tối, không ngừng trượt chân lên đường núi lầy lội, người sau túm lấy áo người đi trước. Đó là một đoàn chỉ toàn các ông già, phụ nữ và trẻ con. Đoàn người, cuối cùng cực nhọc đến được một căn nhà nông dân không ánh sáng, bên trong không ai chịu

mở cửa. Mọi người chỉ có thể chen nhau trong bãi nuôi lợn để tránh mưa; tiếng súng không ngừng nổ ở trong núi, những ánh đuốc loang loáng. Chắc có cướp. Cái sợ làm cho không ai nói một lời.

Ta băng qua những bức tường đổ nát, đằng sau, chỉ có một bụi hoàng dương lá bé như ngón út, đang run rẩy trong gió ở giữa những căn nhà phá hủy, không mái. Trước mặt, còn lại một nửa cửa sổ, có thể tì lên đó nhìn ra ngoài. Giữa các túm đồ quỳên và trúc-mũi tên hiện ra các tấm đá phủ một lớp rêu mà nhìn từ xa có vẻ rất mềm mại, giống một người thân nằm dài, đầu gối co, tay giang. Trên mái vàng của ngôi chùa ngày xưa gồm hàng nghìn điện thờ và tầng phòng, gió núi hung dữ đã làm hỏng những viên ngói kim loại. Các tầng ni rất đông, đi theo hoàng phi thứ chín của phụ hoàng hoàng đế Vạn Lịch nhà Minh đã đến đây tu hành. Hương khói và chuông thành nhật buổi sáng, trông thu không buổi chiều, không thể đã không để lại dấu vết. Ta muôn tìm một di vật thời đó nhưng ta chỉ làm được có mỗi việc lật một mảnh bia vỡ lên mà thôi. Năm trăm năm, những ngói sắt thép kia lẽ nào lại không han gỉ hết cả hay sao?

Còn nói gì nữa?

Nói rằng năm trăm năm sau, ngôi chùa cổ hoang phế đó trở thành sào huyệt của bọn cướp ngày ngủ, đêm xuống núi vào các làng mạc cướp bóc. Và chính ngay dưới chân núi có con gái của một viên chức sống trong nhà tu của các ni cô. Nàng tu Phật ở đó nhưng không làm sư. Để chuộc các lỗi lầm của quá khứ, nàng chong chong canh các ngọn đèn dầu. Nhưng nàng đã lọt mắt tên trùm cướp, hắn bắt cóc nàng và ép nàng làm vợ. Thà chết chứ không nghe theo, nàng đã bị hãm hiếp rồi chặt đầu.

Còn nữa chứ?

Trở lên một nghìn năm trăm năm về trước, thời không có dấu vết chùa chiền nào, duy nhất chỉ có một gia lều cỏ, một danh sĩ treo ấn cỡi mũ đi ở ẩn. Ngày ngày khi vừng đông lóe rạng, ông quay về phương đông hít thở, hít cái tinh của tử vi vào rồi vươn cổ thở ra hồi dài. Âm thanh trong treo của ông vang lên trong lũng nhỏ hoang vu, những con vượn leo lên vách đá dựng đứng hót vọng lại. Tình cờ một chốn quen biết đến thăm, ông mời người ấy trà thay rượu, lấy ra một bàn cờ hay trò chuyện dưới trăng. Tuổi già nó đến cũng coi chuyện thường. Tiểu phu đi qua, nhìn ông từ xa và ông vào truyền thuyết. Nơi ấy giữ lại tên Vách đá Ông tiên là như vậy.

Và còn nói gì nữa nhỉ?

Nói rằng một nghìn năm trăm bốn mươi bảy năm về sau đó, ngoài núi có một quân phiệt quá nửa đời binh mã sinh nhai cuối cùng làm tới quân trưởng thì về quê làm lễ cúng giỗ tổ tiên. Để ý người đầy tớ gái của mẹ, ông đã chọn một ngày lành cưới nàng làm thiếp thứ bảy, tính theo thứ tự trước sau. Ngạo mạn tỏ bề thế với dân sở tại, ông mở một bữa tiệc một trăm linh mốt bàn. Bạn thân chen nhau quanh các bàn ăn, dĩ nhiên là tán tụng, lễ vật cúng tặng, rượu há lại uống không sao? Đúng lúc mọi người chúc tụng nhau thì hiện ở cửa một người ăn mày, quần áo tả tơi, đầu tóc

chốc ghê. Người canh cổng cho hắn một bát cơm nhưng hắn không đi, muốn bằng mọi giá chúc phúc tân lang. Nổi lôi đình, viên tướng ra lệnh cho phó quan đuổi đi bằng những báng súng. Giữa đêm trong khi mọi người yên ngủ và vị tân lang đang có những giấc mơ tuyệt vời thì ai hay lửa đã nổi lên ở bốn góc tòa dinh cơ, tiêu hủy gần như quá nửa tổ nghiệp của viên tướng để lại? Một người nói cái này là Tể công Phật sống ra pháp thuật thay trời hành đạo trừng phạt kẻ ác. Lại còn người nói người ăn mày đã dẫn đầu một toán vô lại trăm dặm quanh vùng gây tội ác này. Viên tướng thiếu lễ độ với hắn, nửa đêm canh ba hắn liền sai thuộc hạ ném qua tường cao những cuộn hương vòng đã cháy vào các đồng cỏ khô và củi. Đại tướng quân, đứng đầu cả nghìn binh mã mà không thể tự vệ trước kẻ vô dụng kia. Cái này minh họa rất hay cho ngạn ngữ cổ: "Mãnh long không thắng nổi con rắn dưới đất".

Và nữa chứ?

Nửa thế kỷ sau, tuy vùng núi này biệt lập và khắc nghiệt, nơi đây vẫn không bao giờ được yên do các rối loạn do con người gây ra. Con gái của vị chủ tịch mới lên của Ủy ban cách mạng huyện, một cô gái xấu xí, thế nào lại để mắt tới người người cháu nội của một địa chủ cũ. Không nghe lệnh bố, khăng khăng ngoan cố kết hôn, lén ăn cắp trong ngăn kéo tem phiếu của bố mười chín cân lương thực và một trăm linh bảy nguyên tiền mặt. Cả hai trốn vào núi, ngỡ có thể sống lẫn lộn bằng trồng trọt. Ngày ngày tuyên truyền đấu tranh giai cấp, nhìn thấy con gái ruột chuồn đi với con cháu địa chủ, làm sao người bố lại không nổi được lôi đình? Ông ra lệnh cảnh sát in phát đi ảnh đôi trai gái, thông báo toàn huyện. Cặp trai gái non trẻ kia làm sao mà thoát được vũ trang tự vệ lòng sục? Cái hang của họ bị bao vây. Anh con trai nông nổi đã chặt cổ trước người vợ chưa cưới bằng một cái rìu lấy cắp rồi sau đó tự chặt cổ cũng bằng rìu.

Nàng nói muốn nhìn thấy máu. Nàng muốn châm kim vào ngón tay giữa, mười ngón tay là liền với tim mà như thế cùng lúc làm luôn cho tim nàng đau nhói. Nàng muốn thấy máu phọt ra, vồng lên, chảy tràn ra, nhuộm đỏ tất cả các ngón tay nàng cho tới khi tới chân ngón tay, chảy giữa các kẽ dọc theo đường chỉ tay nàng cho tới tận chính tâm lòng bàn tay, lưng bàn tay nàng cũng đầm đìa máu.

Mi hỏi nàng vì sao.

Nàng nói đó là kết quả mi đè nén nàng.

Mi nói cái sức đè nén đến từ chính tim nàng.

Nhưng cũng là do anh.

Mi nói mi chỉ kể chuyện, không có làm cái gì khác.

Nàng nói những điều mi kể làm nàng buồn, làm nàng không thở được.

Mi hỏi liệu nàng có chút nào bệnh hoạn.

Bệnh họa cũng là do anh tạo ra!

Mi nói mi không hiểu mi đã làm cái gì.

Đạo đức giả thế! Nàng nói, rồi cười rũ rượi.

Mi không thể không hơi sờ sờ nhìn nàng, mi thừa nhận mi đã muốn kích thích ham muốn của nàng, nhưng máu của một người đàn bà chỉ có thể làm cho mi phản cảm.

Nàng nói đúng là nàng muốn cho mi nhìn thấy máu, làm cho máu chảy trên cổ tay nàng, rồi trên cánh tay nàng, dưới nách, trên ngực nàng, nàng muốn máu tươi của nàng chảy ngang ngực trắng ngần của nàng, một màu máu thắm màu có các anh ánh tím bầm và đen, nàng ngập ở trong cái máu tím đen đó, để cho mi không nhìn không được.

Nàng nói nàng muốn chết đuối, chìm vào nơi sâu nhất, nàng không hiểu tại sao lại có một thèm muốn mạnh như thế, các con sóng vùi nàng, nàng thấy mình nằm trên bãi cát, các con sóng che phủ người nàng, bãi cát chưa hút cạn hoàn toàn, một con sóng mới không thể cưỡng nổi lại dâng lên, nàng muốn mi đi vào thân xác nàng, mi vẫn nặn nàng, mi cào xé nàng, không được thương, nàng nói nàng không biết thẹn đâu, nàng không sợ nữa, nàng đã sợ, nhưng nàng nói nàng sợ chứ thật ra không sợ, nhưng nàng cũng sợ sa vào cái vực đen ngòm kia, không ngừng trôi dập dềnh ở trong đó, nàng muốn chìm đi, nàng nói nàng thấy thủy triều đen nhè nhẹ

dâng lên từ các vực không thể dò thấy đáy, sóng bạc đầu sầm sì nuốt chửng nàng hoàn toàn, nàng nói nàng sướng từ từ, nhưng một khi đã sướng thì không sao ngừng lại được, nàng không hiểu tại sao nàng lại có thể trở thành không thỏa mãn được như thế này, a, nàng muốn mi bảo nàng phóng đảng, nàng muốn mi bảo nàng không phải là phóng đảng, nàng chỉ như thế với mi mà thôi, nàng chỉ cảm thấy nhu cầu ấy với mi thôi, nàng nói nàng yêu mi, nàng muốn mi cũng nói mi yêu nàng, nhưng mi không bao giờ nói câu ấy, mi thật là lạnh, cái mi muốn chỉ là đàn bà nhưng cái nàng muốn lại là tình yêu, nàng có nhu cầu cảm thấy tình yêu ở toàn thân, ở tim gan nàng, cho dù có phải xuống địa ngục với mi, nàng cầu xin mi chớ có bỏ nàng, đừng bao giờ hắt hủi nàng, nàng chỉ sợ cô đơn, chỉ sợ trống trải, nàng biết tất cả các cái đó đều là tạm thời, chỉ muốn tự lừa dối, mi không biết nói những điều làm cho nàng vui được ư? Bịa ra cho nàng một chuyện để cho nàng vui?

Ồ, họ rất vui, mặt đối mặt, ngồi dặng cẳng, đầu gối gập lại trên chiếu. Những món ăn bày đẹp để trước mặt họ, tiết canh lợn đen, đậu phụ trắng, ớt ngọt đỏ, đậu lông xanh, đùi lợn muối với xì dầu, sườn hấp, thịt lợn béo luộc, rượu uống bằng những cái bát to tương.. Cả làng ăn Tết nguyên đán, một nhát giết chín con lợn, ba con bò, mở mười vò rượu lâu năm. Mặt mày đỏ ửng, mũi bóng nhờn. Ông già trưởng xóm trại què cẳng đứng lên gào to, giọng khàn như tiếng gà trống: "Tại sao lại để người lạ đốt rừng rồi trồng ngô trên núi Mã Hoa, nó là núi củi truyền từ bao nhiêu đời ấy?" Rừng rụng hết, ông vừa nói vừa phun phè phè nước bọt. Chớ nên nghĩ rằng trong làng họ chỉ còn sống những ông già tiều tụy, khô như rơm như rạ, chớ nên nghĩ rằng dân làng đây để cho người xúc phạm. Bây giờ, cho dù các cụ không thể mang đòn gánh bịt sắt ở đầu cũng như súng thì con cháu của cái làng này không phải là những hạt giống tồi đâu?

"Kìa, mẹ thằng Đại Bảo, chị không thể kéo chân sau thằng con nhà chị ra để cho nó lớn lên hay sao?" Lắc lắc chiếc vòng bạc đeo ở cánh tay, người đàn bà đáp lại: "Im đi, ông lão, tất cả dân làng đều thấy thằng Đại Bảo nhà tôi lớn, thằng con tôi bị bên ngoài khinh rẻ và làm trò cười ở trong làng; đừng trách nó, trong lăm gia đình người ta chỉ để con gái, không có đến con trai đâu!" Nghe những câu này, những người đàn bà nổi

đóa: "Kìa, mẹ thằng Đại Bảo, sao lại bẻ sang chuyện khác thế nhỉ?" Nếu dân làng không thể vươn thẳng lưng lên ở bên ngoài thì làm sao mà giữ nổi thể diện chứ? Bọn trẻ cũng đỏ gay gắt vì kích động, phanh áo ra vỗ ngực. Trưởng làng, súng trong tay này không biết nhịn là thế nào nhá! "Xin tuân lệnh, thủ trưởng, hãy cử riêng bọn tôi lên tuyển đầu nếu các bà chị dâu chúng tôi nhốt các ông anh chúng tôi ở nhà!" Nghe câu này, những người đàn bà trẻ nổi cơn lôi đình, quát lại bọn họ: "Lông trên mép chẳng có đã biết mả mai rồi ư? Nếu bố mẹ các cậu sẵn sàng hy sinh cho các cậu đi thì chúng ta lẽ nào lại không hả?" Một người đàn ông đứng phắt lên, hai mắt tròn xoe. "Kìa, thằng nhỏ, trong làng chưa đến lượt mày phát ngôn đâu!" Em còn nghe không đấy.

Tiếp tục đi, nàng nói nàng chỉ muốn nghe tiếng mi.

Mi tỉnh táo lại rồi kể đám đông bèn vỗ tay như thế nào. Người bị nói ngẩn ra lập tức túm lấy một con gà trống, chặt phăng cổ nó. Cánh con gà còn đập. Máu nóng được pha vào rượu ở trong một cái bát. Hắn nói to: "Ai không uống sẽ chịu để chó nó khiến!" "Những đứa nào không uống sẽ chịu để cho chó khiến!" Đàn ông xắn tay áo lên, di di lên bãi đờm ở trên mặt đất mà thể với nhau có trời xanh chứng giám. Mắt đỏ quạch, họ quay về để lấy công cụ. Người mài dao, người lau chùi vũ khí. Bố mẹ già mỗi gia đình thấp đèn lồng lên, đào một cái hố ở bên cạnh một tổ. Đàn bà ở lại giữ nhà, họ cắt những phước giấy sẽ được mang đến đầu các năm mồi với những cái kéo họ đã dùng để sửa tóc ngày cưới và cắt rốn ngày họ đẻ con. Tảng sáng, khi sương mù ban mai sắp hiện ra, ông già cà nhắc nện trống ầm ầm. Đàn bà lau nước mắt ra khỏi nhà, rình phía cổng làng, nhìn cánh đàn ông, dao trong tay và súng trên vai gỗ chiêng. Họ lớn tiếng hô to rồi xông xuống núi, vì tổ tiên, vì thị tộc, vì đất đai và rừng núi, vì con cháu, họ nổ súng giết nhau rồi len lén tha các xác chết về. Sau đó đàn bà lại bắt đầu than khóc kêu trời gọi đất. Rồi yên tĩnh lại trở lại. Tiếp theo là cày bừa, gieo cấy, thu hoạch và đập lúa phơi phóng. Mùa xuân qua đi, mùa thu tới, mùa đông kế tiếp mùa đông, khi các năm mồi cỏ dại mọc lẫn, gái gáo vụng trộm với đám trai trẻ, bọn mồi côi lớn khôn thành người, nỗi đau buồn bị quên khuấy đi, chỉ còn ghi lại trong trí óc cái sự vẻ vang của tổ tiên. Cho tới một tối giao thừa, trước khi cúng tổ tiên, người già mới bắt đầu kể lại mỗi hận truyền đời của gia đình, bọn trẻ

lại bắt đầu uống rượu, bầu máu nóng của chúng lại phùng phùng dâng lên...

Mưa rơi không ngừng, cả đêm, ngọn lửa bé dần để chỉ còn giống như hạt đỗ, hoa đỗ sáng ánh lên với một cái mầm ngắn ngắt xanh ở chính giữa. Cái mầm phát triển, bông hoa càng tóp, màu của nó càng sậm, chuyển từ vàng nhạt sang đỏ da cam. Thành linh ánh sáng chạy trốn khỏi cái bắc, bóng tối trở thành dày đặc hơn, tựa như sáp nến bị đông cứng, làm biến mất đi ánh sáng run rẩy của ngọn lửa. Mi dịch ra khỏi cái thân nóng hổi của người đàn bà ngủ sát vào mi rồi mi nghe tiếng mưa gõ tí tách trên các lá cây. Gió hú buồn trong lũng qua các cành thông. Các mái có móc ngọn đèn dầu bắt đầu dột, nước mưa rơi xuống tận mặt mi. Mi co rúm lại trong túp lều tranh cất bằng lau sậy khô dùng làm nơi trông coi núi. Mi ngửi thấy một mùi mốc của cỏ rữa nhưng cũng lại cả một hơi thở ngọt ngào thơm.

Ta phải rời cái hang này, độ cao ba nghìn hai trăm mét, lượng mưa hằng năm ba nghìn bốn trăm milimet, hai ngày đẹp trời mỗi năm, gió hú gào mỗi giây thổi hơn một trăm mét: đỉnh dãy núi Ngũ Lĩnh, ở địa đầu của bốn tỉnh Quý Châu, Tứ Xuyên, Hồ Bắc và Hồ Nam. Gió thù nghịch và lạnh buốt. Ta phải quay trở lại với khói lửa cõi người, tìm lại mặt trời và hơi nóng, niềm vui, đám đông, cảnh náo nhiệt; những dân vật mà chúng bắt ta chịu đựng muốn gì đi nữa vẫn cứ là sinh khí con người.

Ta đi qua Đồng Nhân với các con phố nhỏ cổ xưa bị lèn chặt vào nhau, với những mái chĩa từ các ngôi nhà phủ ra tận tâm phố. Người đi bộ không ngừng bị thúng mủng rổ rá bằng tre của những người đi qua xô đẩy. Ta không nấn ná mấy ở đây, gặp dịp liền đáp luôn xe khách đường trường. Ngay chiều hôm đấy, ta đến một trạm xe đường trường tên là Ngọc Bính. Cạnh đó, người ta mới xây những quán trọ tư nhân nho nhỏ. Ta thuê một gian tý xíu có cái giường cá nhân là đồ đặc duy nhất. Muốn hiểu sát nhưng nếu buông màn thì ta chết ngạt. Bên ngoài vang lên tiếng nhạc quá mạnh trộn lẫn với tiếng chuyện trò có xen cách quãng bằng tiếng khóc, tiếng gào nghe mà sồn gai ốc. Người ta chiếu phim ở ngoài trời trên sân bóng rổ, đều là loại phim kể những chuyện tràng giang đại hải, bi thảm, vui vầy, chia ly, sum họp, với nhiều chương hồi bất tận.

Hai giờ sáng, ta lên xe lửa đi Khải Lý. Tăng sáng, ta đến thù phủ khu tự trị Mèo.

Ta tìm hiểu các lễ hội truyền rồng diễn ra ở Thi Động, một làng Mèo. Một cán bộ của Ủy ban dân tộc thiểu số tiểu khu giải thích với ta từ cả chục năm, năm nay lễ hội mới mở lại lần đầu. Hơn mười nghìn người Mèo, đôi khi từ các làng núi xa nhất sẽ xuống dự. Những người lãnh đạo của tỉnh và khu tự trị cũng sẽ dự. Ta hỏi anh làm sao đến đó được thì anh trả lời rằng lễ hội sẽ tiến hành ở cách đây hơn hai trăm cây số, không thể đi tới đó mà không có xe hơi. Anh có vẻ bối rối khi ta xin anh đưa ta

đi, nhưng nhờ chịu khó thương lượng, cuối cùng ta thuyết phục được anh nhận lời sáng mai hồi bảy giờ ta đến xem liệu có chỗ cho ta không.

Hôm sau, ta đến trụ sở Ủy ban sớm trước hẹn mười phút. Những xe to đở ở đây đêm qua đã biến mất. Bên trong không có một ai. Cuối cùng ta đã moi ra được một nhân viên bảo ta rằng xe đã đi từ lâu. Ta hiểu rằng ta đã bị vào tròng nhưng tình hình rất khẩn cấp lại cho ta một ý. Để hù anh này, ta lấy ra thẻ hội viên Hội nhà văn, cái thẻ chưa bao giờ giúp ta được bất cứ thứ gì mà theo thường lệ lại hay kéo đến cho ta những phiền toái. Ta tuyên bố âm âm rằng ta đặc cách từ Bắc Kinh đến đây để viết một phóng sự về hội lễ và ta yêu cầu anh ta ngay tức khắc tiếp xúc với chính phủ khu tự trị tiểu khu. Không nghi ngờ gì trò lừa bịp này, anh ta gọi nhiều cú điện thoại và cuối cùng thú thật với ta rằng xe của trưởng tiểu thu vẫn chưa lên đường. Ta chạy một lèo tới trụ sở chính phủ. May mắn mỉm cười với ta vì người thu trưởng nghe ta giải thích và mời ta ngồi chen vào trong chiếc xe nhỏ của ông, chẳng hề đặt câu hỏi.

Ra khỏi thành phố, trên con đường gập ghềnh xóc, đám bụi như mây cất lên, kéo dài ra vô tận một dòng xe hơi và xe cam nhông với đủ mọi kiểu người chống chắt ở trên. Đó là cán bộ, nhân viên các cơ quan chính quyền và cả các trường học, các nhà máy của tiểu khu tự trị trên đường đến lễ hội. Trưởng tiểu khu, cựu vương của người Mèo, chắc sẽ chủ trì nghi thức nào đó. Một cán bộ ngồi cạnh tài xế mở cửa xe không ngừng kêu quát lên. Xe ta tiếp tục vượt các xe khác và đi qua nhiều làng mạc lại xuyên qua hai huyện thành, cuối cùng bị kẹt lại trước một bến phà. Một chiếc xe không lên được phà, bánh trước của nó ngâm trong nước. Một chiếc Volga đồ sộ, thật sự nổi bật giữa các xe khác cũng bị dừng lại. Tiếng đồn lan đi rằng đó là xe của bí thư đảng ủy tiểu khu, trong có tỉnh trưởng bị kẹt. Trên bến phà, công an ra sức hò hét. Sau một giờ chạy ngược chạy xuôi để di chuyển xe cộ, họ đẩy hẳn chiếc xe chìm một nửa xuống nước để cho chiếc Volga lên được phà. Chiếc xe buýt mini lúc đó có thể đến đỗ ở sau chiếc Volga, kèm bên là một chiếc xe của công an. Cuối cùng chiếc phà cõng dây cột và rời bến.

Đúng ngọ, đoàn xe chúng tôi rầm rầm rộ rộ đổ vào cái làng Mèo nằm bên bờ sông Thanh Thủy rộng thoáng. Mặt trời phóng vào mặt nước những tia nắng lấp lóa. Ở hia bên đường, là một cuộc diễu hành không

dứt những chiếc dù Tây vải màu và những khăn đội đầu cao bằng bạc mà phụ nữ Mèo vẫn dùng. Trên phố dọc sông dựng một tòa nhà gạch nho nhỏ hai tầng với một sân thượng ở trên cùng, mới toanh: đó là trụ sở hành chính xã. Dọc bờ sông, các ngôi nhà sàn bằng gỗ của người Mèo nối tiếp nhau. Từ sân thượng trụ sở hành chính xã, có thể nhìn thấy hai bên bờ sông nghìn nghịt những đầu người đi đường xen lẫn với những chiếc dù màu và những chiếc mũ rộng vành bóng nhoáng vì dầu cây đại kích, đi lại giữa những thối hàng nho nhỏ đặt dưới các tấm bạt trắng. Nhiều chục chiếc thuyền rồng trang trí ruy băng đỏ, mũi vểnh cao, lạng lẹ lướt trên mặt sông lấp lánh.

Khi ta vào tòa nhà theo sau thủ trưởng, ta được hưởng sự đối xử tương tự với các cán bộ mà ta đi kè. Công an cũng đứng nghiêm chào ta. Những cô gái Mèo mặc quần áo hội lễ, mắt sáng long lanh và răng trắng, mang các thau nước nóng đến, mời tất cả mọi người những khăn mặt ướt nước thơm lòng mới tinh cho mát mẻ. Sau đó các cô dâng cho mỗi người một cốc nước trà mới pha mật tỏa ra mùi hương tế nhị. Cảnh tượng giống như đúc cảnh tượng trong các phóng sự về một người lãnh đạo Nhà nước viếng thăm các vùng dân tộc thiểu số. Ta hỏi một cán bộ trong số đón tiếp chúng ta có phải các cô gái này là diễn viên của đoàn ca múa tiểu khu không. Anh giải thích với ta thật ra đây là học sinh "năm ưu điểm" của trường trung học tại thủ phủ của huyện, học đã được Ủy ban các dân tộc đào tạo đặc biệt trong suốt cả một tuần. Sau đó hai người trong các cô hát một bài tình ca Mèo. Các thủ trưởng nói vài câu khen ngợi rồi mời khách vào trong phòng ăn đã bày sẵn bàn tiệc. Bia và soda được mời dùng. Họ giới thiệu ta với bí thư đảng và trưởng xã, hai ông có biết vài ba tiếng Hán. Trong tiệc, tất cả mọi người ca ngợi tài nghệ người nấu bếp được đón từ thủ phủ về. Mỗi lần dọn món mới, ông ta lại cụp hai tay tỏ ý khoái thác. Sau bữa ăn, lại mang trà và khăn mặt đến. Đã hai giờ, cuộc đua thuyền rồng sắp bắt đầu.

Bí thư đảng dẫn đường, kèm bên có trưởng xã. Đường phố đầy người. Dưới bóng các ngôi nhà sàn, các cô gái mặc váy thêu xếp ly. Nhìn thấy nhóm người có công an hộ tống này, các cô ngừng soi gương sửa sang đầu tóc để tò mò quan sát đám hộ giá cũng đang ngắm khăn mũ,

vòng tay, dây cổ mà các cô làm dáng trên người, đôi khi nặng đến mấy ki lô. Không còn biết ai nhìn ai nữa.

Ghế tựa và ghế băng đã được kê trên khán đài tòa nhà sàn bằng gạch, nhìn ra sông. An tọa đâu đấy rồi, mỗi người nhận một chiếc dù nhỏ giống như những chiếc các cô gái Mèo hay dùng, nhưng trong tay các vị lãnh đạo chúng mất đi cái vẻ duyên dáng của chúng. Mặt trời cháy bỏng, mọi người đổ mồ hôi dưới các chiếc dù. Ta thích được xuống bờ sông trà trộn vào đám đông.

Mùi thuốc lá, bắp cải cay cay, mồ hôi, những luồng hơi tanh thối của các bàn bán cá, thịt lợn, thịt bò bốc lên trong hơi nóng. Người ta bán đủ thứ: vải vóc và hàng nghìn món hàng khác, mọi loại bánh kẹo như kẹo mạch nha, đậu phộng, đậu phụ, hạt dưa. Sự náo nhiệt lên đến đỉnh điểm: đây là một mớ âm thanh hỗn độn của tiếng mặc cả, tiếng cười, tiếng trai gái ghẹo nhau, thêm nữa đám trẻ con chạy đi chạy lại không ngừng ở giữa đám đông. Ta khó nhọc len ra bờ sông nhưng liên tục bị xô đẩy và suýt thì ngã xuống nước. Ta chỉ thoát hiểm nhờ nhảy lên một chiếc thuyền con đậu ở đó. Trước mặt ta đang bập bênh một chiếc thuyền rồng khoét hẳn từ một thân cây khổng lồ. Để giữ chắc thăng bằng cho nó, một thân cây khác đã được cột chặt ở mỗi mạn, ngang với đường mõn nước. Khoảng ba chục tay chèo đã ngồi đó, ăn mặc như nhau: quần ngắn, nhuộm màu chàm sáng bóng lấy từ cao sừng trâu, nón nhỏ đan tinh xảo bằng tre. Họ đeo kính đen và thắt lưng kin loại lấp lánh.

Giữa thuyền một cậu con trai trang điểm thành gái, trên đầu mang đồ trang sức bạc và cặp tóc của con gái. Đôi hồi cậu ta lại gõ và cái chiêng treo trước mặt có âm thanh trong trẻo. Ở mũi thuyền, chiếc đầu rồng nàg gỗ chạm trổ bơi màu vờn lên, cao hơn một người đứng, phủ một miếng vải đỏ có cắm những lá cờ nhỏ nhỏ. Hàng chục con ngỗng con vịt sống móc vào đó không ngừng quăng quạc.

Những tràng pháo nổ ran và mọi người mang lễ vật đến để cúng tế. Đằng trước con thuyền, một ông già gõ trống, ra hiệu cho đám trai tráng đứng. Một người đứng tuổi ôm trong tay vò rượu trắng to tướng rồi chẳng xắn quần, lội đến nửa người vào nước đổ cho mỗi ta chèo một bát

rượu. Đám trai tráng đeo kính đen vừa uống tằm tộp vừa hát vừa kêu to lên cảm ơn, rồi tự tay vãi rượu còn ở đáy bát vào dòng sông.

Sau đó, một người có tuổi, được một người khác đỡ bên, cũng lội xuống nước mang một con lợn sống, chân cẳng bị trói đang rống lên những tiếng chói tai đinh óc. Sự náo nhiệt đã đến cùng cực. Cuối cùng, vò rượu to tướng và con lợn được đặt lên một chiếc thuyền nhỏ chở lễ vật đi theo chiếc thuyền rồng.

Khi ta lại lên khán đài tòa nhà sàn, đã gần năm giờ. Trên sông, tiếng trống khua rền nối tiếp nhau, lúc mạnh, lúc nhẹ, lúc khoan lúc nhặt. Ba chục chiếc thuyền rồng tiếp tục vờn chạy mỗi chiếc một cách, không cho cảm giác là chúng sắp bắt đầu cuộc thi. Một số có vẻ như muốn đuổi kịp nhưng thành lĩnh, nhanh như tên bắn, chúng lại rời ra. Trên gác, chẳng ai nóng ruột. Một thành viên của Ủy ban dân tộc thiểu số, rồi một cán bộ của Ủy ban thể dục thể thao đã được gọi lên. Một quyết định vừa được trên đề ra: cho mỗi thuyền rồng một giải thưởng một trăm nguyên và tem phiếu mua một tạ ngũ cốc nếu tham dự thi. Một lúc lâu sau, mặt trời khuất dần, hơi nóng giảm dần, dù không còn cần nữa; nhưng các thuyền vẫn cứ phân tán, cuộc thi chưa bắt đầu. Lúc đó, một người thông báo hôm nay không thi thuyền, các khán giả muốn dự thì ngày mai phải xuôi xuống dưới nữa, cuộc thi sẽ tổ chức cách đây ba chục dặm, trong một làng Mèo khác. Dĩ nhiên, người xem rất tiu nghỉu. Sau một hồi náo loạn, người ta rời khán đài.

Đoàn xe như con rồng dài chuyển mình và mười phút sau biến mất vào đám bụi vàng vàng. Trong phố chỉ còn lại những toán con trai con gái Mèo đi lại. Rõ ràng cái thú vị nhất của hội lễ sẽ diễn ra đêm nay.

Ta rất muốn ở lại nhưng cán bộ cảnh báo ta rằng mai sẽ không có xe. Ta đáp ta sẽ đi bộ. Anh ta khá tử tế đã giao phó ta cho hai cán bộ Mèo và dặn họ chú ý: "Nếu có gì xảy ra với ông ấy, các anh phải chịu trách nhiệm!" Bí thư đảng và trưởng xã hất đầu: "Đừng lo!" Khi ta trở về trụ sở hành chính xã, không có ai nữa, cửa khóa then cài. Ta không biết bí thư đảng và trưởng xã đi say sưa ở đâu và cũng chẳng tìm ra cán bộ nào nói tiếng Hán. Thành lĩnh ta cảm thấy được giải thoát và ta quyết định dạo chơi trong làng.

Trong dãy phố cổ dọc sông, từng gia đình tiếp đón bạn bè và thân thích; ở một số nhà khách khứa nhiều đến nỗi bàn đầy món ăn phải kê tràn ra phố. Ở cửa vào mỗi nhà, đặt những xô cơm, bát đũa. Cứ việc ăn tùy thích, chẳng ai để ý đến. Ta đã đói, chẳng cần phải khách sáo làm gì. Do không thể giao lưu do ngôn ngữ bất đồng, ta cũng cầm lấy bát đũa: họ mời ta ăn. Đây là một tập quán lâu đời của người Mèo. Hiếm khi ta cảm thấy thoải mái tự nhiên như thế này.

Những bài tình ca bắt đầu lúc hoàng hôn. Thành những nhóm năm sáu người một, các cô gái đi xuống bờ sông, nhóm này làm thành vòng tròn, nhóm kia cầm tay nhau và họ bắt đầu gọi bạn tình. Tiếng hát lan nhanh trong đêm đã buông xuống. Đằng trước và đằng sau ta, đâu cũng các cô gái, khăn tay hay quạt cầm tay, và vãn chiếc dù. Trong đám họ có những cô bé mười ba mười bốn tuổi, mới chớm dậy thì.

Mỗi nhóm lại có một cô lãnh xướng, các cô đồng ca theo. Dẫn hát gần như luôn là cô gái đẹp nhất. Người đẹp nhất được chọn là đầu đàn, cái đó cũng là hợp với tự nhiên.

Tiếng hát của cô lãnh xướng cất cao lên thoải mái, các cô khác tiếp theo. Nói là hát có thể thiếu chính xác. Những giọng kim trong trẻo đến từ lục phủ ngũ tạng. Không có gì ngạc nhiên nếu người ta gọi chúng là "những ca khúc bay", chúng đến từ sâu thẳm con người. Chúng không điệu bộ lẫn gò ép. Chẳng chút cầu kỳ, chúng vượt bỏ mọi ngưỡng ngùng. Các cô gái dâng mình toàn vẹn để lời cuốn bạn tình.

Không ngại sợ sệt, đám con trai đến trước mặt họ tự chọn lấy cô gái hấp thích, tựa như chọn dưa. Lúc đó, nếu cảm thấy được nhìn mặt, các cô gái bèn vẫy khăn tay hay quạt rồi hát càng say đắm hơn nữa. Nếu hai bên ăn ý, cậu con trai bèn cầm tay cô gái kéo đi. Bãi chợ, suốt ngày có cả nghìn người tới đây đi lại giữa các thỏi hàng, bây giờ chỉ là một bãi hát rộng. Ta lập tức chìm vào các bản tình ca. Ta thậm chí lúc mở đầu nhân loại, chắc người ta tán tỉnh nhau cũng theo cách này. Sau đó, cái gọi là văn minh đã tạo lập nên sự chia ly giữa xung năng tính dục và tình yêu. Cũng bày đặt ra các khái niệm hôn nhân, tiền tệ, tôn giáo, luân lý cùng với cái

mà người ta gọi là sức ép văn hóa, thật sự là sự ngu xuẩn của giống người.

Đêm dần một đen ngòm. Mặt sông tối thẫm, tiếng trống rền đã im bật, đuốc đã thấp lên ở trên các chiếc thuyền. Chợt ta nghe thấy gọi "anh!" bằng tiếng Hán, nhưng với một tiếng gọi tình thì chỉ thế đã là đủ. Ta gặp một cái nhìn chờ đợi đăm đăm trong bóng tối, ta liền đứng sững, tim bắt đầu đập dội. Lập tức ta trở về những năm thơ ấu, trở về với những ham muốn của ta. Một xúc động từ lâu ta không còn cảm thấy bỗng cháy lên ở trong ta. Theo bản năng, ta đến gần nhìn nàng, chắc là theo kiểu các chàng trai trẻ tuổi ở đây nhưng cũng có thể vì ánh sáng tối mờ. Ta thấy môi nàng hơi mấp máy, không một âm thanh nào thoát ra. Nàng chờ. Các bạn nàng cũng đã ngừng hát. Nàng còn hết sức trẻ, một khuôn mặt thơ dại, một vầng trán cao, mũi hếch và miệng nhỏ. Ta biết chỉ cần một cử chỉ nho nhỏ của ta là nàng theo ta, nép vào người ta. Nàng vui vẻ giơ cao dù lên. Không chịu nổi cuộc đối mặt đang kéo dài ra, ta đã lắc đầu rồi cười lên dờ dẩn. Quá sợ, ta quay gót bỏ đi, chẳng dám ngoái lại nhìn lần nữa.

Chưa bao giờ ta biết đến kiểu yêu đương này tuy đó mới chính là điều ta mơ tưởng nhất. Bây giờ cơ hội xuất hiện, ta để tuột. Ta phải nhận rằng con mắt long lanh đầy chờ đón của cô gái mũi hếch, trán cao và thanh tú kia chính là nét chung của các cô gái Mèo, nó đã đánh thức dậy ở trong ta một niềm trù mến đau đáu mà ta quên khuấy đi lâu nay; ta nhận ta ta chẳng còn bao giờ cảm thụ nổi được thứ tình yêu thuần túy đó nữa. Ta phải thừa nhận ta đã già. Không phải chỉ tuổi tác và mọi thứ khoảng cách không tên chia cách ta với nàng, dù nàng có rất gần gũi ta, dù ta có thể đưa tay kéo nàng đi theo thì cũng thế thôi, bởi vì cái trầm trọng nhất chính lại là trái tim ta đã già nua, ta không thể yêu cuồng lên, yêu điên lên mà chẳng nghĩ tới bất cứ cái gì. Các quan hệ của ta với đàn bà từ lâu đã mất đi cái thuần nhất tự nhiên đó, chỉ dục vọng xác thịt còn lại mà thôi. Cho dù ta tìm kiếm khoái lạc trong chốn lạt, ta cũng sợ phải gánh vác trách nhiệm. Ta không là sói, chẳng qua chỉ muốn trở thành sói để ẩn trốn vào tự nhiên, nhưng ta không tài nào trút bỏ được cái vỏ nhân hình của ta, ta chẳng qua là một quái vật có lớp vỏ người ở đâu cũng không tìm được ra nơi quay về.

Tiếng khèn cất lên. Cùng lúc, trong các lùm cây ở bờ sông, sau mỗi chiếc dù, các đôi nép vào nhau, ôm ấp, nằm ra giữa trời đất để đắm chìm vào thế giới của mình. Thế giới ấy, như một truyền kì cổ xưa, quá là xa vời với thế giới của chúng ta. Chưa chát, ta ra bờ sông.

Trên bãi đất có tiếng khèn, chói lói lên ánh sáng trắng như tuyết của một ngọn đèn cháy bằng xương treo trên một sào tre to.

Nàng có một miếng vải đen quấn đầu, buộc như khăn, một vòng bạc nâng tóc nàng lên tới đỉnh đầu vốn đã đội một chiếc mũ lấp lánh với phượng vờn ở mỗi bên mũ, năm phiến bạc, hình lông chim phượng, phe phẩy theo mỗi cử động của chân tay. Buộc vào các phiến bạc bên trái là một dải khăn sặc sỡ rủ xuống tận eo, ở mỗi động tác của nàng, tấm khăn lại làm nổi rõ nét tấm lưng ong của nàng. Nàng mặc váy dài bó chận, ống tay rộng để lộ ra hai cổ tay phủ đầy vòng bạc. Cả người nàng quấn trong khăn và váy dài đen. Chỉ nhìn được thấy cổ và gáy nàng trang điểm bằng một sợi dây chuyền to nặng. Vắt chéo qua người là một dây trường mệnh với các hoa văn chạm trổ tinh xảo, mỗi vòng khoen của sợi dây khẽ đánh vòng đung đưa trước bộ ngực hơi gồ lên của nàng.

Nàng ý thức đầy đủ rằng trang phục nàng hút mắt nhiều hơn so với áo quần những cô gái khác. Bộ đồ trang sức bạc của nàng chỉ ra gốc gác quý tộc. Hai bàn chân trần cũng đầy duyên dáng yêu kiều, khi nàng nhảy múa theo khèn, các vòng ở cổ chân nàng lanh canh như tiếng pha lê.

Nàng đến từ một xóm núi của người Mèo đen, bông phong lan trắng với hai làn môi đỏ như hoa sơn trà hé mở lộ hàng răng xà cừ xinh đẹp. Mũi phẳng, thơ trẻ, má tròn bầu, mắt cười cợt, đồng tử lấp lánh một màu đen hạt na, tất cả càng tăng thêm vẻ rực rỡ khác thường của nàng.

Nàng chẳng cần đi dọc bờ sông để lôi kéo bạn tình theo. Đám trai trẻ bướng bỉnh nhất ở mỗi làng đến cúi rạp trước mặt nàng, những tiếng khèn cao gấp đôi người, trang điểm với những dải ngũ sắc phấp phới trong gió. Phồng má, đung đưa chân, phác qua những bước nhảy, họ cuốn hút những tà váy xếp hàng trăm ly đến quay tròn. Nhưng nàng, nàng chỉ khẽ nhấc bàn chân trái lên rồi xoay người, duyên dáng lạ lùng. Nàng buộc

đám trai trẻ phải nghiêng mình trước nàng, phải hết hơi hết sức thổi khèn. Nàng vô cùng kiêu hãnh thấy họ phấn khích lên là vì nàng.

Nàng không biết đến cái người ta gọi là ghen tuông, nàng không biết đến lòng ác độc của đàn bà, nàng không biết những ả mối chài đàn ông phải lấy rết, ong vò vẽ, rắn độc, kiến và một nạm tóc của chính các ả cùng máu và nước bọt trộn lẫn lại với nhau rồi nhét tất cả vào một cái hũ với quần áo lót bầm nát của người đàn ông bội bạc mà đem hạ thổ toàn bộ xuống sâu một thước để làm cái gì.

Nàng chỉ biết rằng ở một bên sông có một chàng trai và ở bên kia sông có một cô gái, đến tuổi yêu đương bắt đầu sinh ra rầu rĩ. Khi họ gặp nhau trên bãi khèn, vẻ đẹp của hai người làm cho hai người sống sờ và những mầm non của tình yêu bén rễ luôn vào tim họ.

Nàng chỉ biết rằng vào giữa đêm, khi bếp đã phủ đầy tro, người già đã ngáy, trẻ con nói mê thì nàng đứng lên mở cửa sau nhà để chân trần ra ngoài vườn. Chàng trai đến, đội mũ có mỏm sừng bằng bạc. Anh đi sau hàng rào khẽ huýt sáo. Buổi sáng, ông bố gọi chín lần: nếu gọi hơn, bà mẹ sẽ bực. Cầm một cái gậy, ông đẩy cửa buồng nhưng trên giường chẳng ai nữa.

Đêm đã khuya, ta nằm ở dưới một mái hiên, trên bờ sông. Sao và ánh sáng trên mặt nước đã tắt. Sông núi hòa vào nhau trong cùng một màn tối đen, gió núi mát đã nổi, tiếng chó sói tru lên. Bị dứt ra khỏi mơ màng, ta động tai lên sợ hãi. Sự thật đó là tiếng kêu tuyệt vọng của một rủ gọi yêu, buồn khỉnh khiếp, nửa hát nửa hú chốc chốc lại vắng lên từng chập.

Nàng nói rằng hạnh phúc ấy ư, nàng không biết nó là cái gì, nàng còn nói rằng tất cả những gì nàng nên có, nàng đều đã có, chồng, đứa con trai, một gia đình nho nhỏ hạnh phúc dưới mắt người khác, chồng là kỹ sư máy tính, mi biết hiện nay nghề này đang trúng quá, anh ta trẻ, đầy tương lai, nghe nói anh ta chỉ cần kiếm ra chỗ lợi là giàu thôi. Vậy mà, nàng không hạnh phúc. Sau ba năm kết hôn, nhiệt tình của nàng đối với tình yêu và hôn nhân đã biến mất. Còn đứa con trai, đôi khi nàng thấy nó là gánh nặng. Thột đầu cái ngày nàng ý thức ra điều đó nàng đã rất ngạc nhiên. Rồi nàng quen đi, dẫu gì nàng vẫn yêu nó, nàng yêu cái vật tí tẹo ấy, thứ duy nhất có thể đem lại cho nàng đôi chút an ủi. Nhưng nàng đã không cho nó bú, để giữ co giữ eo. Ở viện của nàng, khi nàng cởi váy trắng của nàng ra để tắm vòi sen, các đồng nghiệp đã có con đều thêm kinh khùng cái người của nàng.

Lại váy trắng, mi nói.

Đó là cô bạn của nàng, nàng nói. Cô ấy luôn luôn kể với nàng về nỗi khổ não của mình. Nàng nói nàng không thể bỏ hết ngày ra chỉ để nói đến con cái với bạn đồng nghiệp và để đan áo len cho con cho chồng lúc công việc rỗi rãi. Một người đàn bà đâu có là nô lệ của chồng con. Dĩ nhiên là nàng đã đan áo cho con nhưng mọi phiền muộn của nàng chính lại đến từ cái áo len ấy đấy.

Nó làm sao chứ, cái áo len ấy?

Nàng muốn mi tiếp tục nghe nàng, mi không được ngắt lời nàng, em nói đến đâu nhỉ? Nàng hỏi.

Em nói đến cái áo len và những phiền muộn mà áo len gây ra.

Không, nàng nói nàng chỉ tìm thấy chút chút êm ả khi nghe đàn phong cầm và các bài hát trong các thánh lễ ở nhà thờ. Đôi khi, chủ nhật, nàng đi lễ nhà thờ, để cho chồng trông con. Anh ấy cũng phải chăm sóc trẻ chứ,

gánh nặng không được rơi lên một mình nàng. Nàng không tin Chúa nhưng một hôm nàng đã đi nhà thờ. Bây giờ nhà thờ đã mở cửa, có thể tự do ra vào. Nàng đã nghe và sau đó hẳn có thì giờ nàng lại đến đó. Nàng cũng yêu Bach, đứng thế, nàng nghe nhạc cầu siêu *requiem* của Bach, nàng ghét ghê gồm nhạc theo một hiện nay, nàng không thể vượt qua được các phiền muộn của nàng nữa, nàng hỏi có phải nàng kể quá lộn xộn phải không?

Nàng nói nàng đã bắt đầu uống thuốc ngủ. Nàng đã gặp bác sĩ. Ông ta nói nàng bị suy nhược thần kinh, nàng cảm thấy mệt mỏi dễ sợ, nàng không bao giờ ngủ no mắt, nhưng nếu nàng không uống thuốc ngủ thì nàng cũng sẽ chẳng thể nào ngủ được. Nàng không bị lãnh cảm, mi không được hiểu lầm ra thế, với chồng, nàng đã biết đến cực khoái, anh ta không để cho nàng cảm thấy không thỏa mãn, mi không được tưởng tượng ra cái đó, anh ta còn trẻ hơn mi nhiều, đó là một cái đầu rất dám làm, anh ta có công việc, anh ta còn có cả một chút tham vọng, tham vọng, một người có đôi chút tham vọng chẳng có gì là xấu. Anh ta thường giam mình suốt đêm trong phòng làm việc vì anh ta sợ ở nhà bị thằng con phá đám. Lẽ ra nàng chưa có con sớm như thế, nhưng anh ta muốn thế, anh ta yêu nàng, anh ta muốn nàng cho anh ta một đứa con và vấn đề phát sinh chính là từ đứa trẻ này.

Đây, việc xảy ra thế này, nàng đã đan cho con trai một áo len có đính bông hoa, theo một một tự nàng nghĩ ra, một cái áo nàng thấy còn đẹp hơn những cái được giới thiệu trong các triển lãm quần áo trẻ con. Nhờ có vé xem không mất tiền của đơn vị công tác phát cho, nàng cùng với một đồng nghiệp nam mới điều đến sở đi tới triển lãm bán hàng thời trang. Hôm đó họ không có việc làm vì máy móc của phòng thí nghiệm phải sửa chữa. Bạn đồng nghiệp đã đi với nàng, nói có thể tìm mua thứ gì đó cho vợ nhưng cả hai không mua gì cả. Trái lại, anh ta nói cái áo len nàng đan cho con trai còn đẹp hơn nhiều những mặt hàng triển lãm, nàng thật sự có thể tạo mẫu thời trang. Sau đó nàng đã mày mò suy nghĩ, lại mua một quyển sách dạy may mặc để tham khảo. Với một miếng vải bông dày màu lơ nàng mua mà không dùng đến bao giờ và một khăn quàng nàng không mấy khi quàng, nàng đã may một áo liền váy hở vai rồi mặc đi làm. Anh ta trông thấy nó trước khi nàng thay quần áo vào phòng

máy, rồi khen ngợi nàng, rằng nàng nên tự may lấy quần áo cho mình. Hai ngày sau anh ta mời nàng đến một buổi biểu diễn thời trang.

Và tất cả bắt đầu ở vấn đề người mẫu.

Nàng muốn mi nghe tiếp, anh ta nói nếu nàng lên sàn diễn, mặc cái váy liền áo hở vai của nàng, nàng có thể hoàn toàn hơn đứt các cô người mẫu, rằng người nàng đặc biệt đẹp. Nhưng nàng biết rất rõ rằng nàng quá gầy. Nhưng anh ta đã vặn lại rằng người mẫu không nên có bộ ngực quá to, chỉ cần có đôi chân dài và hình dáng đẹp. Anh ta thêm rằng đường nét người nàng đặc biệt thanh mảnh, nhất là khi nàng mặc cái áo liền váy kia. Nàng nói nàng cũng rất thích mặc áo váy đó đi làm vì nàng đã tự tay làm lấy và rằng mỗi lần nàng mặc nó thì anh ta lại để mắt quan sát kỹ nàng. Một lần, trong khi nàng vừa thay áo quần, anh ta đã không rời mắt khỏi nàng rồi mời nàng đi ăn tối.

Nàng đã từ chối, nàng phải đi đón con ở nhà trẻ, nàng không thể để con ở nhà mà không coi nó. Anh ta hỏi liệu chồng nàng có cấm nàng đi tối một mình không. Không, nhưng nói chung, khi đi tối, nàng đều mang con theo và về sớm vì con cần ngủ. Dĩ nhiên nàng đã từng để con cho chồng trông nhưng tối nay, nàng không thể đi ăn tối với anh ta. Một lần khác, anh ta mời nàng ăn trưa ở nhà anh ta vào ngày hôm sau, trong giờ nghỉ, để nàng thưởng thức cái món anh ta thành công nhất, “thịt băm viên tứ phúc”.

Nàng lại từ chối.

Không, lúc đầu nàng đã nhận. Nhưng anh ta lại nói thêm rằng anh ta hy vọng nàng mặc cái áo váy vải bông màu lơ.

Nàng đã nhận lời ư?

Không, và nàng nói thêm rằng nàng không chắc đã đi được. Nhưng hôm sau nàng đã đi làm với cái váy kia. Và buổi trưa thì nàng đến nhà anh ta. Nàng không biết cái váy này nó có gì đặc biệt, nàng chỉ là khâu liền lại hai cúp ngực vải và tấm khăn quàng lụa in hoa kia mà thôi, cái khăn quàng một mình nó nom có phần thiếu thắm mỹ. Hợp làm tổng thể thì độc đáo. Nàng không nghĩ rằng hình dáng nàng có gì là hay, chồng nàng vẫn nói

đùa rằng nàng quá đẹp, nàng không hấp dẫn lắm, nàng có thật sự đẹp hơn thế này khi mà nàng mặc cái áo váy đó không?

Mi nói vấn đề không ở cái váy.

Vậy ở đâu? Nàng biết mi muốn nói gì.

Mi nói mi không nói vấn đề ở đâu nhưng muốn gì cũng không phải là ở cái áo liền váy.

Nó ở chỗ chồng nàng rất thờ ơ đến áo quần nàng mặc. Nàng nói nàng chẳng muốn quyến rũ ai cả.

Mi vội vã thanh minh rằng mi không định nói cái gì cả.

Nàng nói nàng sẽ chẳng nói gì nữa. Mi hỏi nàng chẳng phải là nàng định tìm một ai đó để giải bày tâm sự đấy ư? Hãy nói đến các dẫn vật của nàng.

Những dẫn vật của cô bạn gái nàng ư? Mi xúi cho nàng nói tiếp.

Nàng không biết nàng thích kể cái gì.

Em nói đến “thịt băm viên tứ phúc” ấy, cái món mà anh chàng kia làm giỏi ấy.

Nàng nói anh ta đã sắp đặt trước cả rồi. Vợ anh ta đi công tác vắng.

Mi làm cho nàng nhận thấy ra rằng nàng đến nhà anh ta trước hết không phải để xem vợ anh ta mà là để ăn, lẽ ra nàng phải đề phòng từ trước việc vợ anh ta vắng nhà, nàng phải cảnh giác mới phải.

Nàng thừa nhận rằng đúng là phải như thế, nhưng nàng càng giữ gìn thì lại càng căng thẳng hơn lên.

Và khả năng tự kiểm soát càng yếu nữa đi?

Nàng đã không thể kháng cự.

Khi anh ta thấy cái áo liền váy?

Nàng chỉ còn biết nhắm mắt lại.

Em không muốn nhìn thấy em mất lý trí đi như thế chứ gì?

Vâng, đúng thế.

Em không muốn thấy em cũng điên rồ như ai phải không?

Nàng nói nàng đã ngu xuẩn, nàng không nghĩ tới sẽ thành ra như thế, nàng biết rằng đạo đó nàng không hề yêu hấn. Chồng nàng còn hơn hấn ta mà, ở bất cứ mặt nào.

Mi nói thật ra nàng chẳng yêu ai đâu.

Nàng nói nàng chỉ yêu con trai nàng.

Mi nói nàng chỉ yêu có nàng.

Có thể đúng, có thể không. Nàng nói sau đó nàng đã đi, nàng không muốn một mình nàng gặp hấn ta nữa.

Nhưng rồi vẫn gặp?

Vâng.

Vẫn nhà hấn?

Nàng bảo nàng muốn làm cho rõ ràng ra với hấn.

Mi nói cái đó thì không thể nói rõ ràng.

Đúng thế, không, nàng ghét hấn, nàng ghét cả nàng.

Rồi em lại điên rồ lại?

Đừng nói chuyện đó nữa! Nàng bị dằn vặt ghê gớm, nàng không hiểu tại sao phải nói tất cả cái đó, nàng chỉ muốn mọi cái kết thúc cho nhanh.

Mi nói nàng kết thúc như thế nào cho được?

Nàng nói nàng cũng chẳng biết nữa.

Ông chết trước khi ta tới đây hai năm. Lúc đó, ông là tế sư, thấy tu cuối cùng còn sống trong khoảng một trăm làng dân tộc Mèo thiểu số quanh vùng, từ nhiều chục năm nay người ta không tổ chức lễ lập lớn cúng tổ tiên nữa. Ông biết chẳng lâu la ông sẽ châu trời và nếu như ông có thể sống thọ đến gần đây, là nhờ ông chăm thờ phụng cúng lễ: các vong hồn không dám vô cớ đến nhiễu ám ông. Ông sợ một buổi sáng nào đó ông không thể thức dậy được và không qua nổi mùa đông này.

Đêm giao thừa Tết nguyên đán, nhân đôi chân còn mang được người, ông đặt chiếc bàn vuông trước cửa nhà, ngôi nhà xây nhô ra trên sông. Bờ sông vắng tanh, lặng lẽ. Ai cũng ở trong nhà để đón giao thừa. Bây giờ người ta lễ tổ tiên y như đón giao thừa: ngày một đơn giản. Đời này đến đời kia, con người suy vi đi không thể nào chữa được.

Ông bày lên bàn nhiều bát đựng đầy rượu trắng, đậu phụ, bánh ngọt Tân Niên bằng gạo nếp và lòng trâu hàng xóm biếu. Dưới bàn, ông để một bó lúa, phía trước ông chất một đống than củi. Quá mệt, ông đứng lặng một lúc thở lấy lại hơi sức. Rồi ông leo lên bậc thang đá vào nhà tìm trong bếp mộ mẩu than hồng. Ông thông thả ngồi sụp xuống, cúi đầu thổi cục than. Khói làm nước mắt giàn ra đôi mắt khô khốc. Thổi một chập cuối cùng lửa bốc cao và ông ho một hồi. Con ho chỉ đỡ đi khi ông uống một ngụm rượu lễ vật.

Trên bờ bên kia, ánh sáng cuối cùng của ngày đang biến mất sau các đỉnh núi một màu xanh thẫm, gió đêm bắt đầu rên rĩ trên sông. Mệt đứt hơi, ông ngồi lên chiếc ghế băng cao, quay mặt vào bàn, chân kê lên bó lúa. Ông lại thấy êm ả trong lòng, ngẩng đầu lên ngắm dãy núi âm thầm trôi động, cảm thấy nước mắt mình và cái giọt nước ở chòm mũi đang lạnh đi.

Ngày xưa khi ông làm lễ cúng tổ tiên, hai mươi bốn người chịu ông sai bảo. Hai người báo tin, hai chủ sự, hai người mang đồ thờ, hai người phụ

lễ, hai người mang dao, hai người dâng rượu, hai người hầu món ăn, hai cô long nữ, hai người truyền lệnh, những người nắm cờ, linh đình không kể xiết, ít nhất ba trâu, nhiều nhất chín trâu.

Để đền công ông, người chủ xin ông làm lễ phải nộp cho ông bảy lần gạo nếp: lần đầu bảy vò để ông vào núi chặt cây trổng. Lần thứ hai tám vò để ông mang các trổng vào hang. Lần thứ ba, chín vò để mang trổng về làng. Lần thứ tư, mười vò để buộc trổng vào nhau. Lần thứ năm, mười một vò để giết trâu và cúng nó cho các trổng. Lần thứ sáu, mười hai vò để nhảy trổng. Lần thứ bảy, mười ba vò để đưa trổng đi. Phép tắc tiên tổ định ra như vậy.

Khi ông làm cái lễ cuối cùng, người chủ cử hai mươi lăm người mang đến cho ông cờ, thức ăn và rượu. Oai làm sao! Than ôi, những ngày tươi sáng ấy đã hết thật rồi! Năm ấy, để giữ chặt lấy con trâu lông phá trước khi bị giết, người ta đã cắm một cây cột ngũ sắc tại chỗ. Người chủ xin lễ mặc quần áo mới rồi khèn và trổng nổi lên. Ông mặc áo dài trường bào màu tía, đội một chiếc mũ nhung đỏ. Chiếc lông chim đại bàng cắm ở cổ áo. Tay phải ông lắc những quả nhạc con, tay trái ông cầm một cái quạt làm bằng một tàu lá chuối lớn. A...

Trâu ơi trâu,

Mày để ra trong nước êm ả

Mày lớn lên trên bãi cát

trong làn nước mày theo mẹ mày

trên núi gò mày theo bố mày

mày đã tranh cái trổng cúng với con châu chấu,

mày đã tranh cây tre cúng với con bọ ngựa,

mày đã đánh nhau ở trên ba bờ dốc,

mày đã xung sát ở bảy vực sông

mày đã thắng con châu chấu,

mày đã gíết con bọ ngựa,
mày đã cướp cây tre
mày đã đoạt cái trống lớn,
mày lấy cây tre cúng mẹ mày
mày lấy cái trống cúng bố mày
Trâu ơi trâu,
mày mang bốn gùi bạc
và bốn gùi vàng cùng lúc
mày đi với mẹ với bố
mày vào hang tối
mày sẽ giẫm phải cửa cửa trống,
mày trông coi với mẹ các thung lũng
mày trông coi với bố cổng làng
để ngăn tà ma không làm hại người,
để cấm quỷ quái vào nhà tổ tiên,
để cho mẹ mày nghìn năm được yên,
để cho một trăm đời bố mày ấm cúng.

Đến lúc ấy, một người đàn ông buộc một sợi dây thừng vào mõm con trâu đực, chẳng hai sừng nó bằng một sợi vỏ cây dài rồi kéo nó. Người chủ xin lễ đứng trước con trâu quỳ gối ba lần, khấu đầu chín lần. Vừa hát bằng một giọng cao vút, người chủ tế vừa cầm một cái dao và đuổi theo con trâu để giết nó. Rồi lần lượt chuyển nhau con dao găm, tụi trẻ đến đâm con vật theo tiếng nhạc và tiếng trống. Con trâu chạy cuống cuống quanh cây cột ngũ sắc và chảy hết máu. Cuối cùng không còn hơi

sức nó quỵ xuống. Lúc đó đám đông chặt đầu nó và chia nhau thịt. Ưc con vật được giữ là vật sở hữu của chủ tế. Những ngày tươi sáng ấy bây giờ đã chấm dứt thật rồi!

Giờ đây, rằng ông đã rụng hết và ông chỉ ăn được chút cháo. Những ngày sung sướng kia, ông đã từng thật sự sống qua nhưng hiện giờ chẳng ai đến hầu hạ ông nữa. Bọn trẻ một khi có tiền rồi thì học nhét vào mồm điều thuốc lá, tay cầm cái hộp điện kêu oe óe rồi đeo những cái kính đen sì trông chúng giống như quỷ. Chúng có còn nghĩ tới tổ tiên cha ông không? Ông càng hát càng thấy cay đắng.

Ông nhớ ra mình đã quên bày bát hương nhưng nếu ông quay vào cửa tìm, ông phải leo lên các bậc thang bằng đá. Ông bèn châm các cây hương vào những cục than hoa đỏ rực rồi cắm vào cát, trước cái bàn vuông. Ngày xưa, trên mặt đất, phải rải một miếng vải đen dài hai mét rồi đặt bó lúa lên trên.

Ông vò đập bó lúa và nhắm mắt lại. Trước mắt ông hiện ra hai long nữ mới mười sáu, những cô gái đẹp nhất làng, mắt sáng trong như nước sông. Đây là trước mùa lũ, bây giờ hể mưa to một trận, sông lại đục ngầu và hơn nữa, trong vòng mười dặm quanh đây, không sao tìm ra được cây to để dùng vào cúng tế. Ít nhất cần mười hai đôi cây có những tình dầu khác nhau nhưng phải cùng một kích thước dài, to. Từ gỗ trắng như cây thanh cang đến gỗ đỏ như cây phong; người ta có thể sát lấy bạc từ thanh cang, lấy vàng từ phong.

Lên đường nào! Bố trống bằng gỗ phong,

lên đường nào! Mẹ bằng gỗ sồi

hãy đi theo gỗ phong,

hãy đi theo gỗ thanh cang,

đến nơi có vua của năm tháng,

đến nơi có tổ tiên ông cha

khi mà đã đem theo với trống, hãy dứt đi cái nê,

thầy chủ tế rút dao ra khỏi vỏ
rút dao ra để chặt cây,
dứt cái nêm đi để đẽm kèm với trống,
tùng cắc tùng tùng oành,
tùng cắc tùng tùng oành,
cắc tùng cắc oành oành,
oành cắc tùng tùng cắc,

...

Hàng chục lưỡi rìu làm việc suốt đêm. Chúng phải hoàn thiện nhiệm vụ. Hai cô long nữ đường nét thanh tú đến thế, eo thắt lưng ong đến thế cuối cùng rướn người lên.

Những người đàn bà muốn chồng,
Những đàn ông muốn vợ,
họ sẽ làm ra trẻ con ở trong phòng,
họ chế ra chúng mà không cho ai biết,
dòng dõi không được diệt
đời cháu con không được lụi tắt,
bầy đứa con gái khéo tay đã được đẻ ra
chín đứa con trai giỏi đẹp xuất hiện trên mặt đất.

Hai cô long nữ cứ dăm dăm nhìn. Con người đen nhánh quay hết cả vào ông. Ông lại cảm thấy một ham muốn xác thịt, dương khí ông trở lại và ông bắt đầu to giọng hát, mặt ngửa lên trời, gà trống bèn cất tiếng gáy ồ ồ ô, ông Thiên Lôi phóng tầm sét, ma quái không đầu gõ và nhảy trên mặt trống như một cơn mưa những hạt đậu, á! Những mũ cao bằng bạc,

những hoa tai nặng trĩu, hơi nóng cuộn cuộn dâng lên từ lò sưởi chất đầy than hoa, ông rửa mặt, niềm vui tràn ngập, các thần linh hài lòng, các ngài đã trải ra một cầu thang trời, bố mẹ từ trên đó đi xuống, trống càng đánh càng hăng, vựa thóc mở ra, chín nôi và chín vò không đủ để đựng cái hạt đã chuốt, lửa càng cháy dữ, than rực hồng, của cải phú quý ở đây, linh hồn của Tổ Mẫu cuối cùng đã đến, đây là dồi dào, chín thùng cơm trắng bốc khói, tất cả đến năm những năm cơm chim chim, trống đâu, trống đâu: Chủ trống bắt đầu đều đi, ông tổ theo sau. Đằng trước, đằng sau, khắp chốn khắp ngả nối gót. Người chủ trống khép lại sau cùng cuộc diễu đi.

Hãy đến tắm trong nước của phú quý

Hãy tắm đắm nước của phát tài

Nước phú quý sẽ cho chùng mày một đứa con,

một đứa con trai sẽ từ trong nước mưa ra đời,

con và cháu chắt như những cây sậy

bọn trẻ như những con cá con

chen chúc ở nhà chủ trống

chúng uống chín sừng rượu

chúng lấy cơm để cúng tế

chúng rẩy rượu ra đất

khấn xin thần trời nhận lấy

khấn xin quý đất ăn đi

tổ tông vung kiếm lên,

tổ tiên rút kiếm, vượt qua các đời,

xin cho họ vĩnh hằng

người ta nhớ lại mẹ để

để khoét một cặp tre pheo, để làm ra hai cái trống...

Ông hát văng cho tới khi kiệt sức. Tiếng ông khản giống như một cây gậy tre nứt rên rĩ lên trong gió. Cổ họng ông khô khốc. Ông uống vài giọt rượu. Ông biết đây là lần cuối cùng, linh hồn ông đã từ biệt ông, đi theo tiếng hát của ông đang thoát vào không trung.

Ai nghe thấy ông ở bên bờ con sông tối tăm và vắng lặng này? May sao một bà già mở cửa để hắt nước bẩn và bà hình như chỉ thoáng nghe thấy có tiếng hát xa xa. Lúc đó bà nhận ra ánh lửa trên bờ sông và nghĩ đó là một người Hán đang câu cá. Họ len lỏi khắp nơi, bất cứ nơi nào có tiền để kiếm. Bà đóng cửa lại rồi thỉnh thoảng hiểu ra rằng người Hán cũng như người Mèo tối nay ăn giao thừa, trừ những ai thật sự không có lấy một xu. Có thể đây là một người ăn xin. Bà lấy đầy một bát những thức ăn thừa của bữa cơm ngày Tết rồi đi xuống tận chỗ ánh lửa. Bà sửng sốt nhận ra ông già ngồi ở trước cái bàn vuông.

Chồng bà lão dậy đóng cửa, gió lạnh ùa vào nhà, ông nhớ ra vợ ông vừa đem bát thức ăn cho người ăn xin. Ông cũng đi ra và đến lượt ông sửng lặng đi vì ngạc nhiên khi đến trước ngọn lửa. Rồi con gái con trai ông bà già, tất cả đều không rời đi được. Cuối cùng người con trai từng mấy năm đi học ở trường xa lên tiếng.

- Mọi người ở ngoài như thế này có thể bị cảm lạnh đấy, anh ta vừa nói vừa đi lên. Con đưa về nhà nào.

Ông già, giọt nước mắt đầu mũi, không để ý đến anh ta, cứ tiếp tục khe khẽ hát, giọng khàn khàn rung lên ở cổ họng, hai mắt nhắm nghiền.

Cửa các ngôi nhà khác lần lượt mở ra. Các bà già, ông già theo sau là con cái; cuối cùng cả làng tụ tập ở bờ sông. Một số người quay về nhà kiếm những bát bánh nếp, người khác mang đến con vịt, người khác nữa một bát rượu cùng một ít thịt trâu. Sau hết, họ đặt ở trước mặt ông già một nửa cái thủ lợn.

- Quên tổ tiên ông bà ông vải là một tội ác, ông già không ngừng lẩm bẩm. Cảm động, một cô gái chạy về nhà lấy cái chăn cô chuẩn bị cho đám cưới của mình. Cô đắp nó lên ông già rồi lau mũi cho ông bằng một chiếc khăn tay thêu.

- Bố già ơi, về nhà đi, cô khuyên.

- Tội nghiệp ông lão! Đám trẻ kêu lên.

- Mẹ của cây phong, bố của cây thanh cang, nếu các người quên tổ tiên ông bà ông vải thì báo ứng, các người sẽ phải trả cái tội ấy.

Lời ông quay cuồng trong cổ họng ông. Ông khóc.

- Bố già ơi, bố già mất hết cả tiếng rồi.

- Bố về nhà mau đi.

Đám trẻ toan đỡ ông.

- Tôi chết ở đây...

Ông già giãy giụa. Cuối cùng ông kêu lên như một đứa bé đánh đá.

- Để cho ông ấy hát, một bà già nói. Ông ấy không qua được mùa xuân này đâu.

Quyển sách “Lời tế trống” ta có trong tay. Các bài hát tế lễ đã được một người bạn Mèo ta kết giao sưu tập và dịch ra tiếng Trung Quốc. Nếu ta viết ra câu chuyện trên đây thì đó cũng coi là một cách tạ ơn.

Một ngày rất quang đãng, trời không mây, ánh sáng trong veo và bầu trời sâu thẳm khiến mi thấy nghẹn ngào. Dưới kia, ngôi làng tịch mịch với những nếp nhà sàn tựa vào vách đá như những đồ ong treo vào sườn núi. Đó là một cảnh mộng, mi lòng vòng quanh đi quẩn lại dưới chân núi, không tìm thấy lối đi vào. Mi tận mắt thấy đã gần với ngôi làng nhưng thật ra mi lại đang ở xa nó. Trở đi trở lại mãi làm mi mất thời giờ cuối cùng chỉ đành bỏ cuộc. Mi thuận chân men theo một đường núi cho tới khi ngôi làng mất dạng sau núi. Mi dẫu gì vẫn cứ cảm thấy nỗi tiếc. Mi không biết con đường dưới chân mi đây nó dẫn tới đâu, tuy mi chẳng có cái đích nào rõ rệt.

Mi đi thẳng lên đằng trước trên đường núi ngoằn ngoèo. Trong đời, mi vốn không bao giờ có đích rõ rệt, các mục tiêu mi đặt ra cho mi không ngừng biến đổi cùng với điều kiện và thời gian, rút cục lại mi chẳng có tôn chỉ nào hết. Nếu nghĩ kỹ thì cái đích tối hậu của đời người ta là không quan trọng, nó như một đồ ong. Bỏ thì thương mà vương thì tội, gây nên cảnh hỗn loạn cùng cực, tốt hơn cả là bỏ nó lại ở nơi nó đang ở rồi quan sát nó chứ đừng mớ vào nó. Nghĩ như thế mi thấy chân bước nhẹ nhõm nhiều, mi đi đâu, cái đó ít quan trọng, miễn là có phong cảnh đẹp để ngắm.

Đường mòn men giữa một rừng dương mai nhưng chưa phải mùa ra quả. Khi quả dương mai chín, mi sẽ ở đâu, không thể nào biết. Mai có chờ người không? Hay người chờ mai? Đây, một vấn đề siêu hình có thể dẫn đến vô cùng vô tận lời giải. Các lời giải có thể đã được đưa ra hết rồi. Nhưng cây dương mai vẫn chẳng bao giờ thay đổi và con người mãi vẫn cứ giống cái ta xưa. Cũng có thể nói rằng dương mai năm nay không giống dương mai năm sau, người hôm nay không giống người hôm qua. Vấn đề là biết người hôm nay hay người hôm qua, kẻ nào thật? Hãy để cho các nhà siêu hình học nói siêu hình học, mi hãy nom đến con đường của mi.

Mi không ngừng leo dốc, người đấm mồ hôi rồi thành linh mi đổ ra đầu làng. Nhìn thấy bóng râm của ngôi làng, mi liền có một cảm giác tươi mát ở trong lòng.

Chưa bao giờ mi nghĩ rằng dưới chân nhà sàn, các tấm đá lát dài sẽ lại có người ngồi đầy hết. Mi chỉ có thể lách lấy một lối đi nhờ len lỏi qua những chân cùn cẳng. Chẳng ai nhìn mi, họ đang cúi xuống lăm răm một bài khẩn niệm, tất cả đều có vẻ rất đau khổ. Các bậc đá lát uốn lượn dọc dãy phố. Mỗi bên dãy phố, các nhà gỗ nghiêng vẹo, dựa lẫn vào nhau nhưng không thể đổ - trừ phi gặp phải động đất hay lở núi, tất cả sẽ sập nhào.

Các cụ già ngồi kia, họ cũng dựa vào nhau giống hệt các ngôi nhà. Chỉ cần xô một người là tất cả cùng ngã như các con bài domino. Mi không dám chạm khẽ vào họ, sợ gây nên tai họa.

Mi rất chú ý đặt chân vào giữa chân cùn cẳng họ. Bít tất vải bọc các bàn chân gầy guộc giống như những ngón chân gà. Giữa tiếng than trách của họ vang lên những tiếng nghiêng lục khục, không thể biết chúng do các ngôi nhà phát ra hay do các khớp xương của họ. Tuổi cao đầy đọa họ vào cảnh run lẩy bẩy, trong khi họ ngả nghiêng tụng niệm, đầu họ không ngừng lắc lư.

Suốt dọc phố nghèo nghèo, vô tận đều là đàn ông, họ mặc những bộ áo quần xám xám bằng vải bông cũ đã sờn và vá như nhau, tất cả đều ngồi trên tấm đá lát đường. Ở bao lơn các ngôi nhà cao đang phơi chân, vải trải giường, màn làm bằng gai thô. Một vẻ trang trọng sâu lắng toát ra từ các cụ già đang chìm đắm trong đau đớn này.

Trong tiếng tụng niệm của các cụ một âm thanh chói tai trở đi trở lại, nó xuyên vào mi như các móng mèo, nó nắm giữ mi, lôi cuốn mi, buộc mi phải đi lên đằng trước. Không thể nói nó đến từ đâu nhưng khi mi nhìn thấy những xâu tiền giấy treo ở trước cửa một ngôi nhà và khói hương lọt qua những tấm rèm rủ thì mi hiểu rằng người ta đang khóc thương một người chết. Mi tiến lên một cách khó khăn. Người này chen nhau sát hơn, mi không thể đặt cả chân mi nữa. Mi sợ giẫm gãy xương

của họ. Mi phải hết sức chú ý để chọn một chỗ trống trong mớ chân cẳng chằng chịt ấy, mi nín thở đi lên từng bước một.

Không ai ngẩng đầu lên nhìn mi. Trên đầu, họ đội khăn hay một khăn tay vải. Mi không phân biệt được nét mặt họ. Lúc này họ đang cùng nhau hát một bài; chăm chú nghe mi nắm được lời.

Các người đã đến tất cả,

Trong một ngày chạy nhữn̄g sáu lần

Mỗi một lần chạy hàng sáu dặm,

Các người rắc gạo dưới âm,

Có việc cần các người đến càn̄g đáng.

Cái giọng the thé lĩnh xướng là của một bà cụ ngồi ở thềm cửa bằng đá, ngay bên mi. Bà khác với người khác: đầu vai đều choàng kín vải đen, bà đập bàn tay run run lên đầu gối, đung đưa người từ đằng trước ra đằng sau theo lời hát. Bà để bên cạnh một bát nước lã, một đoạn tre đầy cơm cùng một đồng tiền hình vuông bằng giấy dầy, có chọc thủng nhữn̄g hàng lỗ nhỏ nhỏ. Bà nhúng ngón tay vào bát nước rồi bóc một tờ tiền giấy tung vào trong không trung.

Không biết bao giờ các người đến,

Không biết bao giờ các người đi,

Tất cả các người đi đến đâu trời cuối đất,

Ở đèo phía đông đàng kia,

Tu Tan a Tu Tan à ^[18]!

Để giết một người, nó không cần đến nửa hạt cơm,

Để cứu một mạng, nó không cần đến nửa xu,

Nhữn̄g ai khổ nạn đều được cứu,

Nào mời các người họp nhau vào !

Mi muốn đi vòng qua người bà cụ nhưng mi sợ va vào bà thì bà sẽ ngã mất, chắc chắn là thế rồi. Mi toan co cẳng bước qua bà ta nhưng bà ta bắt đầu the thé réo lên:

Tu Tan a! Tu Tan ô!

Chân bé như đôi đũa,

Đầu to như cái lồng vịt,

Nó đến thì việc xong nhanh

Nó đến thì ta nhờ vả được

Cầu cho nó đến nhanh

Bảo nó đừng có chậm!

Bà vẫn gào réo, từ từ đứng lên, vẫy vẫy tay về phía mi, các móng tay bà như những móng gà con chĩa vào mắt mi. Mi không hiểu sức mạnh nào đẩy mi gạt tay bà ta ra, giật mảnh vải đen phủ lên đầu bà. Hiện ra một bộ mặt bé tẹo, khô quắt, hai hố mắt vô thần lõm sâu trong sọ, hai môi mở ra cho thấy một chiếc răng, như phô ra một nụ cười mà lại không phải là cười. Bà tiếp tục vừa réo vừa nhảy:

Rắn đở ngũ hoa bò ở khắp nơi,

Hổ báo đi ra,

Cửa núi ẩm ẩm mở,

Tất cả qua cái cổng đá ấy đến,

Đâu đâu chúng cũng hò đồng thanh,

Tất cả đều tiếng kêu như thế.

Nhanh nhanh lên, hãy cứu con người

lâm cảnh khốn

Mi muốn gỡ mi ra khỏi bà cụ nhưng các ông già khô như củi từ từ đứng dậy, vây lấy mi và tiếp tục kêu lên bằng cái giọng run rẩy:

Tu Tan a! Tu Tan ô!

Mau mau mở cửa khẩn vái tứ phương,

Giờ dần đang mời giờ mao đến,

Cầu đến Bố Sấm và Mẹ Sét

Nào, được ngựa cùng cưỡi

Được tiên cùng tiêu.

Đám đông nhào vào mi gào thét, âm thanh nghẹn trong họng mi: Mi chỉ còn cách đẩy họ ra, họ lần lượt ngã lăn ra đất, nhẹ như giấy, không tiếng động rồi tất cả bốn bề hóa ra im lặng, một im lặng thăm thẳm. Lúc ấy, mi hiểu ra ngay ra rằng cái người nằm trên ván sàn sau bức rèm chính là mi. Mi không cam chết như thế, mi muốn trở về với nhân gian.

Rời làng Mèo, ta đi trên một đường núi vắng, từ rạng sáng tới chiều. Không một cam nhông kéo moóc chở đầy gỗ hay tre, không một xe khách đường dài nào dừng lại khi ta ra hiệu.

Mặt trời chiếu thẳng vào mặt ta, gió lạnh nổi lên trong lưng nhỏ. Trên đường cái ngoằn ngoèo, không làng mạc, không kẻ đi đường, ta bị nỗi buồn cầm giữ. Ta có đến được huyện lỵ trước chiều tối không? Nếu không có xe nào muốn cho ta đáp, không biết ta sẽ qua đêm ở đâu. Thành linh ta nhớ ra có một máy ảnh trong xách đeo lưng. Tại sao ta không thử làm cho ta thành nhà báo nhỉ?

Ta nghe thấy một chiếc xe lại gần. Ta đành hoàng ra đứng hẳn ở giữa đường để chặn lại, giơ chiếc máy ảnh lên. Một chiếc cam nhông phủ bạt gấp ghềnh đi tới. Nó lao vào và chỉ đến phút cuối cùng mới rầm rĩ phanh dừng lại.

- Con nhà con mẹ nào mà lại cản đường thế này hả? Muốn chết hả? Người tài xế quát, thò đầu ra khỏi ca bin.

Đó là một người Hán, ít ra ta hiểu được anh ta nói gì.

Ta vội vọt đến cửa xe:

- Tôi xin lỗi, tôi là nhà báo, tôi đến điều tra ở một làng Mèo, rất vội, tôi phải gửi một bức điện ở huyện lỵ trước lúc trời tối.

Loại người mặt rộng, má vuông và mồm ta này nói chung dễ thuyết phục. Anh nhìn ta soi mói từ đầu đến chân rồi cau mày:

- Xe tôi chở lợn, không chở người, nó không lên huyện lỵ.

Đúng thế, ta nghe thấy tiếng lợn kêu ở bên trong.

Ta cười thật rộng:

- Anh không đưa tôi đến lò sát sinh là tốt rồi.

Vẻ khó chịu, anh ta mở cửa. Ta nhảy vào ca bin, rồi rít cảm ơn.

Anh từ chối điều thuốc ta mời. Xe chạy một đoạn, chẳng ai nói gì. Bây giờ đã ngồi yên chỗ, ta chẳng cần giải thích. Thỉnh thoảng anh tài liếc chiếc máy ảnh ta cố ý đeo vào cổ. Ta biết trong con mắt người dân vùng này, Bắc Kinh tức là trung ương, một nhà báo đến từ trung ương thì dứt khoát phải là “oai”, nhưng sao không có cán bộ huyện đi cùng và không có xe jeep nào đi đón. Giải thích điều này như thế nào? Khó xóa tan được những nghi ngờ của anh tài.

Chắc anh ta nghĩ ta là một thằng bịp. Ta nghe nói có bọn ấy thật. Mang máy ảnh không phim, làm bộ làm điệu, chúng đến vùng núi chụp ảnh cho nông dân, khẳng định rằng bằng giá của chúng hạ. Chúng giở trò như vậy một thời gian rồi ra thành phố tiêu món tiền chúng đã bịp được. Nghĩ anh tài coi ta là loại bịp như thế, ta thấy vui vui. Thỉnh thoảng ta cũng phải tự cho mình đổi chút khoan khoái kéo không chuyển đi dài sẽ thật sự là quá gian nan. Thành tình anh tài liếc ta, lạnh lùng hỏi:

- Rút cục anh đi đâu?

- Tôi về huyện lỵ.

- Huyện lỵ nào?

Vì đã đi trong xe của vua Mèo, ta không nhớ tên các huyện lỵ đã qua. Ta không thể trả lời được.

- Đẳng nào thì tôi cũng đến trung tâm đón tiếp của Ủy ban huyện gần nhất mà! Ta nói.

- Thế thì xuống đây.

Trước mặt ta, một ngã tư cũng vắng tanh, không một bóng người. Ta không biết liệu anh ta muốn dọa ta hay anh ta cũng có óc hài hước.

Chiếc cam không chậm lại rồi dừng.

- Tôi thì quay lại, anh ta nói thêm.

- Nhưng anh đi đến đâu?

- Đến công ty thu mua lợn sống.

Anh cúi xuống để mở cửa cho ta. Đó là một sự mới xuống. Dĩ nhiên không phải là hài vui, ta chỉ có thể nhẩy ra khỏi ca bin và hỏi:

- Ta ra khỏi khu tự trị Mèo chưa?

- Ra lâu rồi, anh chỉ cách thành phố có khoảng chục cây số thôi, anh sẽ đến thành phố trước đêm tối đấy, anh ta trả lời lạnh lùng.

Cửa sập lại, đám bụi và chiếc cam nhông khuất vào đằng xa.

Ta nhủ thầm nếu ta là đàn bà con gái đi một mình, anh tài có lẽ sẽ chẳng lạnh như thế. Ta biết trên loại đường núi này, các tài xế xe tải đã lạm dụng đàn bà con gái thân chiếc mà đàn bà thân chiếc thì chẳng thể cứ nhẹ dạ lên xe chở hàng đường dài này được. Người ta luôn phải cảnh giác nhau.

Mặt trời đã khuất, sương chiều kéo lê trên vòm trời vầy tê tê. Trước mặt ta, một dải dố dài xam xám. Chân ta ê ẩm, lưng đầy mồ hôi, ta không rình ngó xe cộ nữa, ta chỉ ao ước được nghỉ ở đỉnh dốc trước khi lại lên đường ban đêm.

Không bao giờ ta lại nghĩ gặp một người cùng cảnh ở đây. Hẳn cùng đến đỉnh dốc một lúc. Tóc rối bù, râu ria không cạo đã nhiều ngày, hẳn cũng mang một cái xắc. Ta mang xắc ở trên vai, còn hẳn cầm tay. Hẳn mặc quần lao động xám nhạt, loại quần thợ mỏ, thợ nề vẫn mặc. Ta, quần gín, từ nhiều tháng nay chưa giặt.

Từ cái liếc đầu tiên, ta hiểu ngay rằng cuộc gặp gỡ này báo trước điều không hay. Hẳn xét nét ta từ đầu đến chân rồi chuyển sang nhìn cái xắc của ta. Ta có cảm tưởng đối diện với một con sói. Cái khác duy nhất là con sói coi kẻ nó gặp là con mồi còn con người thì quan tâm đến của cải của con mồi. Ta không thể không nhìn hẳn chăm chú. Ta cũng chú mục vào xắc của hẳn. Hẳn có vũ khí bên trong không? Nếu ta đi qua, hẳn

có tấn công ta từ đằng sau không? Ta dừng lại. Xắc của ta không nhẹ, nhất là với cái máy ảnh vung lên thì cũng khá nặng để làm được vũ khí. Ta cho nó tụt khỏi vai xuống tay rồi ta ngồi xuống đồng ta-luy vệ đường. Ta tranh thủ thở lại đều đặn và sẵn sàng đối đầu với hắn. Hắn cũng lấy lại hơi và ngồi xuống một hòn đá, bên kia đường. Chưa tới mười bước ngăn cách.

Rõ ràng hắn khỏe hơn ta. Nếu đánh nhau ta không bằng hắn nhưng ta biết trong xắc có một dao thợ điện khi du lịch ta thường mang theo, nó hữu ích và lại làm được vũ khí cho ta phòng thân. Hình như hắn không có cái tương xứng... Có một con dao nhỏ hơn chắc chắn hắn ta không thắng. Ta lại còn giải pháp quay đầu chạy, nhưng như thế có lẽ sẽ lại càng dụ dỗ hắn ngờ ta có tiền của thật và ta hèn yếu do đó kích hắn tiến công ta. Qua cái nhìn của hắn, ta biết đường ở đằng sau ta cũng vắng tanh như đường ở đằng sau hắn. Ta phải cho hắn biết là ta đang canh chừng và ta không sợ.

Ta châm một điếu thuốc rồi làm bộ nghỉ ngơi. Hắn cũng lấy thuốc ra từ túi sau quần. Cả hai tránh nhìn thẳng vào nhau, nhưng dò nhau bằng đuôi con mắt.

Nếu hắn không chắc chắn ta mang một cái gì quý báu trong người thì sẽ không có đánh chác. Trong xắc của ta, chỉ có một máy ghi âm xách tay cũ kỹ gần như không nghe được mà lẽ ra ta đã quẳng đi từ lâu nếu như ta có tiền mua một cái khác. Thực tế đồ vật giá trị ta có chỉ là chiếc máy ảnh Nhật với các chức năng khá toàn diện này, nhưng cũng chẳng bỏ phải liều mạng vì nó. Ta cũng có một trăm nguyên tiền lẻ gì đó. Lại càng chẳng bỏ đổ máu vì cái khoản ít ỏi đến như thế. Ta thở khói vào đôi giày xám xám của ta. Bây giờ ta ngồi, áo sơ mi dẹt chui cổ đầy mồ hôi dán vào lưng, ta lạnh toát lưng và nghe thấy gió gào trên đỉnh cao.

Hắn bữu môi khinh khỉnh, để lộ răng nanh. Có lẽ ta cũng có biểu lộ tương tự thế. Có lẽ ta cũng phô răng ra, chắc với bộ mặt cũng kẻ cướp như hắn. Nếu ta mở miệng, ta sẽ thốt ra cũng những lời tục tằn như hắn, ta có thể trở thành hung tợn, cầm dao đâm hắn rồi chuồn đi ngay lập tức. Hắn có cùng trạng thái tâm lý như ta không, mặc dù cái vẻ dửng dưng

hắn đang có lúc này, cả hai tay đang kẹp chặt lấy đầu mẫu thuốc lá, cũng sẵn sàng tự vệ?

Hắn không thể phát hiện ra rằng vật duy nhất đáng giá trên người ta là đôi giày. Ta đã mua chúng dùng cho chuyến đi xa này nhưng mưa, bùn và nước sông đã làm cho chúng biến dạng. Chúng bẩn, đen khó mà nhận ra chúng là sản phẩm để du lịch từng treo cao giá là một mối. Ta rút một hơi thuốc dài rồi di điếu thuốc xuống đất. Lập tức hắn cũng búng cái đầu mẫu đi, như để trả lời ta. Khinh miệt ở phía hắn, nhưng cũng cả là tự vệ.

Chúng ta cùng đứng lên, không tìm cách né tránh nhau. Cả hai tiến ra giữa đường và đi ngược chiều nhau, vai chạm vai nhau. Rút cuộc không phải sói, đúng hơn là hai con chó hoang đang lảng ra xa nhau khi đã đánh hơi nhau.

Trước mặt ta, dốc xuống dựng đứng. Ta chạy hết tốc độ cho tới tận bãi đất phẳng. Khi ta quay lại, dải đường xám xám leo lên đỉnh núi hoang vắng hình như lại càng cô quạnh hơn trong cảnh hoàng hôn.

Nàng nói nàng đã già, buổi sáng điểm trước gương, này thấy những vết nhăn đuôi mắt mà chẳng kem phấn nào xóa được. Cái gương là dấu hiệu rõ rệt cho nàng thấy những năm tháng đẹp nhất trong đời đã phung phí mất toi. Chỉ chiều đến nàng mới cảm thấy đôi chút tức giận. Nàng muốn tắt cả các buổi tối của nàng đều bận, có mục đích ra ngoài hay thăm viếng, nàng không chịu được sự cô đơn. Nàng muốn sống gấp, anh có hiểu cái cảm giác khẩn cấp đó không? Không, anh không hiểu được nó đâu.

Nàng nói nàng chỉ còn cảm thấy vẫn sống khi nàng đi nhảy, khi người nhảy với nàng chạm vào nàng và nàng nhắm mắt lại. Nàng biết chẳng ai có thể sẽ yêu nàng, nàng sợ những vết nhăn ở đuôi mắt, sợ nước da nàng mỗi ngày một nhàu phai, nàng không chịu được bị nhìn chăm chú. Nàng biết rằng đàn ông, khi cần một người đàn bà, đều tuôn ra những lời đường mật và khi đã thỏa mãn, lại lên đường kiếm một chinh phục mới. Khi tìm ra một người đàn bà trẻ đẹp, lập tức lại bắt đầu giở trò ông ẹo ỏn ẻn của các anh. Tuổi trẻ của người đàn bà hỏi được bao lâu gì? Đấy, số phận của họ là như thế đấy. Mi chỉ nói với nàng những lời cảm kích vào ban đêm ở trên giường, khi mi không thấy được các vết nhăn của nàng, khi nàng cho mi khoái cảm, khi mi nghe nàng kể lể! Nàng nói mi chờ một cơ hội để bỏ rơi nàng, mi không được nói.

Hãy yên tâm đi, nàng nói nàng không phải hạng đàn bà bấu chặt lấy đàn ông không buông, nàng còn có sức tìm ra được một gã khác, nàng biết rất rành tự xoay sở lấy một mình để tự an ủi. Nàng biết mi sắp nói cái đấy, đừng có nói với nàng chuyện sự nghiệp, tới ngày nàng chẳng tìm ra đàn ông nữa nàng sẽ biết rất rõ tự tìm lấy cho nàng cái gọi là sự nghiệp. Nhưng nàng không có đại gánh lấy chuyện giời ời của người khác, làm trung gian mối lái hay nghe một ai đó giải bày nỗi đau. Nàng cũng chẳng đại đi làm nữ tu sĩ, anh đừng có vờ làm bộ cười đi, các chùa chiền bây giờ đầy ắp các cô gái vờ làm ni cô song cốt cho người nước ngoài để ý đến. Các nữ tu sĩ được tuyển hiện nay đều có đời sống gia đình. Nàng có

thể suy nghĩ đến cái này, nàng có thể có một đứa con tự nhiên, một hạt giống hoang, hãy nghe em nói!

Chả lẽ mi có thể cho nàng một đứa con ư? Mi có thể cho nàng cho nó ra đời không? Nàng muốn một cái mầm của mi, mi cho nàng không đây, nào? Mi không dám, mi sợ, yên tâm đi, nàng sẽ không bảo nó là con mi, nó sẽ không có bố, nó sẽ là kết quả của cuộc đời phóng dăng của mẹ nó, nó sẽ không bao giờ biết ai là bố nó, mi ấy, nàng hiểu mi đến mức nhập tâm, mi đúng chỉ có thể lạm dụng các cô gái trẻ, nhưng bọn chúng có hiểu được thật sự tình yêu không? Có thật sự yêu mi không? Có trông nom mi như một người vợ thật sự không? Ở người đàn bà, không phải chỉ có tính dục, người đàn bà không phải là một công cụ đơn giản cho phép đàn ông tuôn thả lai láng cái ham muốn tính dục của mình. Người đàn bà khỏe mạnh dĩ nhiên cần tính dục, nhưng cái đó không đủ, họ cần mình là người vợ, cần có đời, sống gia đình. Tất cả đám đàn bà rồi mi tìm thấy đều sẽ muốn dựa vào mi, đàn bà có nhu cầu nương tựa vào đàn ông, vậy thì trong trường hợp như thế mi sẽ làm gì? Không chắc gì đàn bà lại có thể yêu mi như nàng đâu, như một người mẹ yêu thằng con bé của mình; trên ngực nàng, mi chỉ là một đứa trẻ đáng thương. Mi là không thể thỏa mãn nhưng mi chớ tưởng rằng mi khỏe, mi sẽ già nhanh đấy, mi sẽ nhanh chóng chẳng là cái gì nữa đâu. Hãy đi mà chơi bời với đám con gái đi, nhưng rồi cuối cùng mi lại quay về với nàng, mi vẫn sẽ là của nàng, chừng nào nàng còn chịu được mi, nàng sẽ còn khoan dung với các yếu đuối của mi, mi tìm ra ở đâu một người đàn bà như nàng chứ?

Nàng đã trống rỗng rồi, nàng nói nàng chẳng còn cảm thấy cái gì nữa, nàng đã bị hưởng cạn, nàng chỉ là thân xác rỗng, tựa như nàng đã rơi vào một vực sâu, nàng chẳng tiếc gì hết, bây giờ đời nàng đã trôi qua, thì thế đấy, nàng cũng đã yêu, và nàng đã được yêu, giống như một bát nước trà nhạt hoét phải hắt đi, mãi vẫn cứ là sự cô đơn ấy, hết xung động rồi và nếu có còn lại tí chút thì chỉ vừa đủ để đáp lại các nghĩa vụ, chính mi đã cắt đứt mất nó, như những khúc rạn máu me, cách xử sự của mi là ác, nàng chẳng phải ân hận cái gì, đây là lỗi của nàng, ai bảo nàng sinh ra làm đàn bà? Nàng chẳng còn đại chạy ở ngoài phố giữa đêm như một con điên và khóc dớ dẩn dưới chân cột đèn nữa. Nàng chẳng đại chạy dưới mưa, kêu la như một người bị hýt-tê-ri, buộc xe cộ phải phanh đột ngột

sát ngay người nàng, người toát dương lạnh ngắt, nàng sẽ không sợ chết ở đỉnh một vách đá cheo leo nữa, nàng đã bị đắm chìm không theo ý nàng, như tấm lưới thủng mà chẳng ai sẽ vớt lên, những ngày còn lại với nàng là vô vị, nàng sẽ trôi nổi theo gió cho tới lúc nàng chìm xuống tận đáy rồi chết một cách ngoan ngoãn, nàng không như mi sợ chết quá đâu, nàng cũng không yếu đuối như mi đâu, trước khi chết thì tim nàng đã chết rồi cơ mà, những đau thương mà đàn bà chịu đựng đều dữ dội hơn các đau thương của đàn nhiều, từ ngày đầu tiên nàng bị chiếm hữu, thân xác và trái tim nàng đã héo tàn rồi cơ mà, mi còn muốn gì nữa chứ?

Nếu mi muốn vắt nàng, thì vắt đi! Mi không nên nói với nàng những lời đường mật! Cái đó không an ủi được nàng, không phải rằng nàng cự tuyệt tình yêu đâu, muốn độc ác, đàn bà còn độc ác hơn đàn ông bởi vì họ nhận về nhiều thương tích hơn! Chỉ còn lại lòng kiên nhẫn, nàng sẽ trả thù như thế nào đây nhỉ? Khi mà đàn bà muốn trả thù... Nàng nói nàng không có ý muốn trả thù mi, nàng chỉ có chịu đựng nàng có thể chịu đựng hết, nàng không như mi khổ đau đã kêu toáng, đàn bà nhạy cảm hơn đàn ông. Nàng không tiếc mình đã là đàn bà, đàn bà có lòng tự trọng của đàn bà, đừng đi quá đà tới thành kiêu ngạo thôi, nàng không tiếc cái đó, nếu phải đầu thai lại vào một thế giới khác, nàng vẫn lại muốn làm đàn bà, nàng muốn chịu đựng những khổ nạn mà đàn bà phải chịu đựng và nàng còn muốn lại cảm thấy cái đau của lần đẻ đầu tiên, niềm vui làm mẹ đầu tiên, cái dịu dịu sau khi màng trinh bị rách, hưởng thụ lại lần xúc động đầu tiên của gái trinh, cơn căng thẳng thương xuyên không dứt, cái nhìn e sợ, sự tiếp xúc với cái nhìn bẩn loạn của đàn ông. Với nỗi đau của sự giằng mở làm tràn nước mắt, nàng muốn biết đến tất cả các cái đó một lần nữa, nếu có kiếp sau thì mi hãy nhớ nhiều đến nàng, nhớ đến tình yêu nàng đã cho mi, nàng biết mi không yêu nàng nữa, nàng tự ý đi là xong mà.

Nàng nói nàng muốn đi một mình vào hoang dã, ở đấy mây đen và đường đi nhập vào nhau, ở tận địa đầu, nàng muốn đi tới cái chỗ ấy, tới nơi cùng cực không ranh giới kia. Con đường duỗi ra vô tận thế nào rồi thì cũng dẫn đến cái chỗ trời đất gặp nhau, các bước chân nàng chỉ việc dắt nàng đi trên con đường vắt qua cái chỗ ấy leo lên, dưới bóng những đám mây. Khi nàng đến đầu cùng của con đường vô tận, nó sẽ vẫn còn

tiếp nữa và nàng cứ không ngừng đi lên, tim trống rỗng. Nàng đã có hẳn cả ý nghĩ chết đi, chấm dứt ngày tháng của nàng nhưng muốn tự sát, lại cần phải có đôi chút hăng hái mà cái hăng hái ấy thậm chí nàng cũng không có nữa. Khi một người chấm dứt đời mình thì luôn luôn là vì một ai đó hay một cái gì đó, nàng bây giờ đã đến cái bước chết chẳng vì ai lẫn chẳng vì cái gì, và nàng không còn sức để tự mình chấm dứt cho mình, tất cả các nhục nhằn và đau khổ, nàng đều đã chịu đựng, bây giờ tim nàng tự nhiên cũng không nhảy cảm nữa.

Nàng hỏi:

- Anh sắp đi ư?

- Xe ca chạy không phải là lúc bảy giờ sao?

- Bảy chứ, hãy còn một ít thời gian.

Ta xếp cái xác đeo lưng: gấp quần áo bẩn, nhét cả vào trong xác. Lúc đầu ta nghỉ ngơi thêm hai ngày nữa ở huyện lỵ này, giặt hết quần áo và lấy lại hơi sức. Ta biết nàng đứng sau ta, đang nhìn ta. Ta không ngẩng đầu lên, sợ không chịu nổi cái nhìn của nàng. Ta có thể sẽ không đi nữa và sẽ càng tự trách móc mình hơn.

Trong thời gian phòng trống không, chỉ có một giường đơn và một bàn con gần cửa sổ. Tất cả đồ lễ của ta rải ở trên giường. Ta về từ gian buồng của nàng, đêm qua ta ở đó, nằm sát vào nàng nhìn qua cửa sổ nhờ nhờ trăng.

Hai hôm trước, ta đến huyện lỵ này bằng xe khách. Lúc đó buổi chiều, ta gặp nàng trong cái phố duy nhất của thị trấn, ở cái chỗ cửa sổ trở ra. Các cửa hàng đã đóng cửa, đường phố gần như vắng ngắt. Nàng đi trước ta và ta bắt kịp nàng để hỏi Trung tâm văn hóa ở đâu để tìm một chỗ qua đêm, ta đặt câu âu với nàng câu hỏi ấy. Nàng quay đầu lại. Nàng không thật đẹp nhưng nước da trắng của nàng rất hấp dẫn và đôi môi đầy đỏ của nàng có khóe phân minh rõ ràng.

Nàng nói ta cứ việc theo nàng rồi hỏi ta tìm ai ở Trung tâm văn hóa. Ta nói cái đó không quan trọng, dĩ nhiên tốt hơn cả là gặp giám đốc. “Tại sao?” Ta giải thích rằng ta sưu tầm tài liệu. “Tài liệu gì? Để làm gì?” Rồi nàng hỏi ta ở đâu đến. Ta nói ta có giấy tờ chứng nhận cho căn cước ta.

- Tôi xem được không? Nàng cau mày, tựa như sắp sửa tiến hành tra vấn.

Ta lấy trong túi sơ mi ra thẻ hội viên Hội nhà văn với cái bìa chất dẻo màu lam. Ta biết rằng tên ta từ lâu đã vào trong các tài liệu nội bộ. Từ các cơ quan của Ủy ban Trung ương cho tới các cấp khác nhau ở cơ sở, những người phụ trách đảng, Nhà nước và các cơ sở bản hóa hân đã có thể xem đến. Ta cũng biết đâu đâu cũng có những người thích viết lên cấp trên các báo cáo, ở đây họ sẽ xem hành vi ngôn luận của ta rồi căn cứ cái giọng điệu đã được xác định trong văn kiện mà thảo thành tài liệu gửi đi. Các bạn từng nếm qua kinh lịch này đã báo trước ta rằng ta cần tránh những người như thế ở dưới tỉnh để khỏi hút đến ta các sự phiền toái. Nhưng việc ta thâm nhập làng Mèo đã chứng tỏ rằng tấm thẻ này đôi khi cũng có những cái tiện lợi. Và đây, người đối thoại của ta là một cô gái ít có cơ hội để ý tới ta.

Nàng quả đã chăm chú nhìn ta để kiểm tra cái ảnh trong thẻ hội viên nhà văn có hợp với ta không.

- Anh là nhà văn? Nàng hỏi, lông mày chùng xuống.
- Một người nghiên cứu người rừng thì đúng hơn, ta đùa.
- Em chính là ở Trung tâm văn hóa đấy.

Thật khéo.

- Tên cô là gì, xin phép hỏi?

Nàng nói tên nàng không quan trọng, nàng đã đọc các tác phẩm của ta và nàng thích chúng lắm. Trung tâm văn hóa có mỗi một buồng duy nhất cho khách dành cho cán bộ các làng lân cận đến thành phố. Rẻ hơn và sạch hơn là khách sạn. Vào giờ này, các văn phòng đã đóng cửa, nhưng nàng có thể dắt ta đến thẳng nhà giám đốc.

Nàng bắt đầu bận tâm đến ta.

- Giám đốc không có văn hóa.

Rồi nàng nói thêm:

- Nhưng người đủ tốt.

Giám đốc, một người có tuổi, thấp và béo, muốn xem thẻ của ta trước tiên. Ông đã xem xét nó cực kỳ cẩn thận. Cái dấu đóng lên bức ảnh dĩ nhiên không thể nào là giả được. Sau đó ông suy nghĩ một hồi lâu, rồi mặt ông rạng sáng lên, ông cười toét và trả lại ta cái thẻ.

- Thông lệ khi người ta, cả các nhà văn nhà báo đến với chúng tôi, họ đều được văn phòng huyện Ủy và phòng tuyên truyền huyện tiếp đón. Không được như thế thì giám đốc văn hóa mới ra mặt.

Dĩ nhiên ta biết rằng chức giám đốc Trung tâm văn hóa huyện thật sự là một chức béo bở. Được chỉ định vào chức đó cũng giống như già rồi không ai đoái hoài được cho đến Viện dưỡng lão. Dù ông có đọc các tài liệu về ta, ông cũng không thể có trí nhớ khá tốt để nhớ được nó. Gặp một người già vừa không văn hóa vừa tử tế thật là may.

- Tôi chỉ là một nhà văn nhỏ thôi, ta vội khẳng định, không cần kinh động nhiều.

- Ở đây, ông nói tiếp, chúng tôi chỉ tổ chức các hoạt động phổ cập văn hóa có tính nhân dân. Chẳng hạn chúng tôi về nông thôn thu nhập các bài dân ca...

- Cái ấy tôi mê nhất, ta ngắt lời ông, chính là tôi đang có ý định thu thập các vật liệu trong lĩnh vực này.

- Phòng khách trên gác không trống à?

Con mắt lấp lánh thông minh nhìn ta, cô gái rình đúng lúc để xen vào.

- Điều kiện ăn ở của chúng tôi ở đây không được tốt, ông đáp, chúng tôi không có căng tin, anh phải ăn ở ngoài phố.

- Càng tiện cho tôi vì rằng tôi muốn đi đến các làng quanh đây.

- Thôi thì có thể nào anh hãy bằng lòng thế ấy.

Ông té ra rất khách khí.

Và ta đã ở lại đây như thế đấy. Nàng đã đưa ta lên gác của Trung tâm văn hóa, vào phòng khách ở đầu cầu thang. Ta đặt xách xuống, nàng nói rõ buồng nàng ở cuối hành lang. Nàng mới ta đến đó ngồi một lát.

Trong căn phòng nho nhỏ phảng phất mùi thơm của phấn và kem. Gần cửa sổ, trên giá, cái gương tròn xinh xinh, những lọ con cồng con. Bây giờ các cô gái phố huyện cũng dùng mỹ phẩm. Tường phủ đầy các áp phích điện ảnh, chắc là các ngôi sao nàng tôn thờ. Cũng có cả ảnh một vũ nữ Ấn Độ, chân trần, mặc váy bằng hàng tơ thấu suốt, bức ảnh cắt ra từ tạp chí. Dưới chiếc màn, trên những tấm chăn xếp gọn gàng ngay ngắn, chêm chệch một chú gấu mào bằng bông trắng và đen. Lại một một bây giờ. Đồ thủ công duy nhất của địa phương là một xô nước gia công tinh xảo, sơn mài màu đỏ son bóng láng, đặt ở trong góc. Ta vừa đi khắp các rừng sâu núi cao trong nhiều tháng, ta đã sống với cán bộ, nông dân ở các làng, đã ngủ trên rơm rạ, đã nói thô lỗ tục tằn, đã uống rượu đến cháy họng, căn phòng nho nhỏ sáng tươi với mùi thơm của phấn của ke này lập tức cho ta chìm ngay vào một cơn ngây ngất hoàn toàn.

- Tôi chắc đây rận là rận, ta nói kiểu như xin lỗi.

Nàng cười một cái không lấy đó là điều:

- Vậy thì anh tắm đi, còn nước nóng trong các phích đấy, em mới lấy lên trưa nay. Anh tìm thấy ở đây mọi cái anh cần đến.

- Thật là ngượng, tôi đi về buồng tôi đây, tôi mượn cô cái thau được không?

- Thau làm gì? Có nước lạnh trong xô đấy.

Vừa nói nàng vừa lấy ở gầm giường ra một chậu to bằng gỗ đánh véc ni đỏ rồi sửa soạn xà phòng, khăn tắm.

- Anh đừng ngại, em ra văn phòng đọc một tý. Ở bên cạnh đây là phòng bảo tồn các cổ vật, xa hơn là văn phòng và ở đầu cùng đằng kia là buồng anh.

- Có gì là di tích ở đây không?

- Em không rõ nữa. Anh muốn xem à? Em có chìa khóa.

- Dĩ nhiên là muốn rồi, thế thì nhất.

Nàng giải thích rằng ở tầng trệt có một phòng đọc sách báo cùng một phòng giải trí văn hóa để người ta diễn tập các tiết mục nhỏ. Lát nữa nàng sẽ dẫn ta tới đó.

Tắm xong, ta thấy vương trên người ta cũng cái hương thơm như ở nàng. Sau đó nàng trở lại chuẩn bị cho ta một tách trà. Ta thấy sẵn khoái để chịu ở buồng nàng, ta không muốn đi xe cổ vật nữa.

Ta hỏi nàng về công việc của nàng. Nàng tốt nghiệp Học viện sư phạm địa phương, nàng học múa và nhạc. Nhưng bà già trông coi thư viện của Trung tâm văn hóa bị ốm, nàng thay bà trông nom phòng đọc. Nàng làm ở đây đã sắp một năm. Nàng cũng nói nàng sắp hai mươi mốt.

- Cô hát được các bài hát vùng này không?

- Em không dám đâu ạ.

- Còn có các ca sĩ già không?

- Dĩ nhiên còn. Ở thị trấn nhỏ cách đây bốn chục dặm có một người biết nhiều lắm.

- Tìm ra ông ta không?

- Ông ta sống ở Lục Phố, một trong những làng hát của vùng này. Đi xe khách, anh có thể đến đó rồi về trong ngày.

Nhưng nàng nói thêm là không may, nàng không thể đi cùng ta. Chắc giám đốc không muốn vì không có ai thay nàng; Chủ nhật thì còn có thể. Song nàng có thể gọi điện thoại, đây chính là quê nàng, nàng có thể gọi điện thoại ra Ủy ban thị trấn để họ dặn người ca sĩ tiếp ta, nàng quen mọi người ở Ủy ban. Xe trở lại hồi bốn giờ chiều, nàng mới ta ăn ở chỗ của nàng khi ta quay về. Đàng nào thì nàng cũng phải nấu cơm cho nàng mà.

Sau đó nàng kể rằng trong thị trấn này có một cô may quần áo thời trang, chị của một đứa bạn học của nàng, một người đàn bà đẹp đặc biệt, một sắc đẹp hiếm thấy, da trắng, như một pho tượng ngọc.

- Anh sẽ đi gặp chị ấy, em bảo đảm với anh rằng...

- Bảo đảm cái gì?

Nàng bảo nàng nói như thế để đùa vui thôi. Người đàn bà trẻ ấy sống nhờ cái cửa hàng may mặc ở một phố nhỏ tại trấn Lục Phố. Từ ngoài phố đã có thể nhìn thấy chị ấy nhưng họ bảo chị ấy bị hủi.

- Thật nhảm, chẳng ai dám lấy chị ấy, nàng nói.

- Nếu thật bị hủi thì chị ấy phải vào viện cách ly chứ.

- Mọi người nói thế để bêu xấu chị ấy chứ em không tin.

- Chị ấy có thể đến bệnh viện khám và xin giấy chứng nhận, ta gọi ý.

- Những người để mắt đến chị ấy không được đã nuôi cái tin đồn, con người ta ác độc lắm. Giấy chứng nhận thì giúp được gì?

Sau đó nàng kể, một trong các chị em của nàng mà nàng có quan hệ rất tốt đã lấy một nhân viên thuế vụ. Hắn đánh chị ấy dữ đến nỗi người chị đầy những vết tím bầm.

Ta hỏi vì sao.

- Vì đêm tân hôn, hắn phát hiện chị ấy không còn trinh! Người ở đây thô thiển lắm, tàn nhẫn lắm, không như người thành phố các anh.

- Cô ta đã yêu chưa?

Ta mạo muội hỏi.

- Từng có một bạn cùng lớp sư phạm. Em với anh ấy đã đủ tốt. Sau khi tốt nghiệp, chúng em tiếp tục viết thư cho nhau nhưng gần đây, anh ấy lấy vợ, em không hiểu trong hoàn cảnh nào. Dĩ nhiên là em không có quan hệ đều đặn với anh ấy, chúng em có tình cảm với nhau nhưng chưa

chắc thật sự nói ra. Khi nhận được thư anh ấy lấy vợ, em khóc. Anh không thích nghe các loại chuyện như thế này hả?

- À không, ta nói, cái ấy khó viết được vào tiểu thuyết.

- Em không bảo anh viết. Nhưng cái gì mà lại không viết ra được, anh là nhà văn cơ mà?

- Nếu muốn viết thì mới viết được.

- Chị ấy thật tội nghiệp! nàng thở dài.

Ta không biết nàng thở dài cho cô thợ may thời trang của thị trấn này hay cho chị em nàng.

- Tội nghiệp thật.

Ta buộc phải tỏ ra có thương cảm.

- Anh định ở lại đây bao nhiêu hôm?

- Một hai ngày. Anh nghỉ một ít rồi đi.

- Anh còn muốn thăm nhiều nơi chứ?

- Đúng, còn không ít nơi anh chưa đến mà.

- Những nơi anh đã đến thì cả đời em chẳng bao giờ đến.

- Em không muốn đi Thượng Hải và Bắc Kinh, em cần tìm gặp anh, anh có nhận được ra em không?

- Sao không?

- Anh sẽ quên em ngay thôi.

- Em đánh giá anh thấp quá!

- Em nói thật, người quen biết anh rất đông, đúng không?

- Nghề của anh thì tiếp xúc với nhiều người nhưng người đáng yêu thì rất hiếm.

- Nhà văn các anh rất khéo nói. Anh không thể ở lại thêm vài ngày nữa sao? Không phải chỉ ở Lục Phố mới biết hát những bài dân ca.

- Đúng, dĩ nhiên anh có thể ở lại.

Ta cảm thấy bị mắc trong tấm lưới trù ẻo mà cô gái nhỏ này vung về phía ta. Ta đoán nàng như thế thì cũng ngay lập tức cảm thấy ta không lương thiện lắm.

- Em mệt ư?

- Hơi mệt.

Ta nhận ra cần phải để nàng lại một mình rồi ta hỏi giờ xe khách ngày mai chạy đi Lục Phố.

Không bao giờ ta nghĩ rằng từ ngày mai, theo chỉ dẫn của nàng, ta đi suốt một ngày ròng, chẳng cả dậy sớm lần giặt quần áo bẩn nữa. Và còn hơn thế, suốt thời gian đó ta mong đến chiều để gặp lại nàng.

Khi ta trở lại bữa ăn đã sẵn sàng. Bếp cồn đã đốt, một nồi xúp lim rim sôi trên ngọn lửa. Thấy những món ăn nàng đã làm, ta đề nghị đi mua rượu.

- Em đã có.

- Em uống ư?

- Đúng một tẹo thôi.

Ta mở gói thịt muối và ngỗng quay bọc lá sen mua ở một tiệm nho nhỏ trước bãi xe đường dài. Trong huyện lỵ này, người ta vẫn giữ thói quen gói hàng như thế này. Ta nhớ lại ngày bé, trong các hàng ăn, người ta làm như thế và nhờ vậy thịt có mùi thơm đặc biệt. Sàn nhà cột kệ dưới mỗi bước chân, không khí biêt lập do chiếc màn muối và cái xô gỗ nhỏ màu đỏ sơn mài công phu tạo nên, tất cả đưa ta về lại với tuổi thơ.

- Anh đã gặp người ca sĩ già chưa? Nàng hỏi, rót cho ta một chén rượu ngon.

- Có, anh đã gặp.
 - Ông ta có hát không?
 - Có, có hát.
 - Có hát cả những bài hơi đặc biệt chứ?
 - Những bài thế nào?
 - Ông ta không cho anh nghe những bài ấy à? À đúng, trước mặt người lạ, ông ta không dám.
 - Em định nói đến các bài tình ca rất sống sượng ư?
- Nàng cười, hơi ngượng nghịu.
- Ông ta không hát các bài ấy trước mặt đàn bà đâu, nàng giải thích.
 - Cái đó tùy. Giữa những người quen biết thì có đàn bà ông ta càng hát khỏe.
- Anh có sưu tầm được những tài liệu có ích không? Nàng đổi sang chuyện khác. Anh đi rồi, em có gọi điện thoại từ văn phòng đến Ủy ban thị trấn để yêu cầu họ báo trước cho ông lão ca sĩ biết rằng có một nhà văn ở Bắc Kinh đến thăm ông lão. Thế nào? Người ta có báo trước cho ông ta không?
- Ông ta có việc đi vắng, anh đã gặp vợ ông ta.
 - Vậy là anh đi công cốc, nàng kêu lên.
 - Không, không thể gọi là công cốc. Anh đã đến ngồi một hồi lâu ở một quán trà và học được không ít cái ở đó. Anh không ngờ vẫn còn những cái quán như thế. Ở tầng dưới cũng như ở trên gác, nông dân đi chợ vào ngồi đông tưởng võ nhà ra.
 - Em ít khi đến những nơi như thế.

- Rất thú vị. Người ta bàn chuyện làm ăn, người ta chuyện gẫu, rất náo nhiệt. Anh cũng đã thảo luận với họ, đời mà, cái đó cũng là đời.

- Nhà văn là những người kỳ dị.

- Anh đã gặp mọi loại người. Một người trong đám hỏi anh liệu có cách nào mua cho anh ta một chiếc xe ô tô không. Loại nào, anh hỏi? Một chiếc Giải phóng hay một cam nhông hai tấn rưỡi?

Nàng cười cùng với ta.

- Một số người giàu thật đấy. Một người chỉ nói đến các vụ làm ăn trên mười nghìn nguyên thôi. Anh đã gặp một người nuôi côn trùng. Anh ta có đến hàng chục nghìn chum đầy côn trùng. Anh ta sắp bán hơn mười nghìn con rết mỗi con ít nhất năm phân ^[19] ...

- Đừng nói rết với em đi, em sợ run lên rồi đây.

- Đồng ý, nói chuyện khác vậy.

Ta nói ta la cà cả ngày trong quán trà. Thật ra có chuyến xe trưa ta có thể đáp về sớm chút ít giặt quần áo bẩn nhưng ta sợ nàng thất vọng. Về buổi chiều, vào giờ nàng đã định hay hơn. Ta đã đi một vòng vào các làng lân cận nhưng ta không nói với nàng.

- Anh cũng định thử làm ăn buôn bán, ta nói không nghĩ ngợi.

- Ăn thua không?

- Không, anh mới chỉ tán gẫu, anh không quen ai để cùng làm ăn và anh cũng không có năng lực làm ăn.

Nàng mới ta uống.

- Anh uống đi, anh sẽ đỡ mệt.

- Bình thường, em cũng uống rượu trắng ư?

- Không, rượu này em mua vì một bạn học cũ đến thăm cách đây vài tháng. Ở đây khi có khách, người ta đều mời rượu.

- Nào, chúc sức khỏe em.

Không ngần ngại, nàng chạm cốc và uống cạn một hơi.

Bên ngoài có tiếng tí tách.

- Mưa à?

Nàng ra nhòm ở cửa sổ:

- May mà anh đã về chứ không ướt hết.

- Mưa quá hay. Cái buổi nhỏ nhỏ này và mưa rơi bên ngoài.

Nàng cười dịu dàng, mặt nàng đã đỏ. Mưa tí tách gõ trên mái nhà nàng hay trên ngói nhà bên cạnh.

- Sao em không nói gì?

- Em nghe mưa.

Rồi nàng nói thêm:

- Em đóng cửa sổ lại nhé?

- Đúng, dĩ nhiên rồi, sẽ thú vị hơn.

Cửa sổ đóng lại, ta cảm thấy thành linh gần gũi nàng hơn, nhờ trận mưa nhỏ nhỏ tuyệt vời này. Khi nàng trở về bàn, nàng chạm khẽ vào cánh tay ta. Ta bèn ôm lấy eo nàng, kéo nàng vào lòng ta. Người nàng theo, ấm và mềm mại.

- Anh yêu em thật không? Nàng thì thầm.

- Anh nghĩ đến em suốt cả ngày.

Ta chỉ nói được tất cả có thể và đó là sự thật.

Lúc đó nàng quay mặt lại, ta tìm môi nàng mà trong khoảnh khắc nàng hé ra, rồi ta đè ngửa nàng xuống giường. Nàng lẩn đi nhanh như một con

cá vừa quẫy vào bờ sông. Ta không tìm được mình nữa nhưng nàng van ta tắt đèn, buông màn.

- Đừng nhìn em, đừng nhìn...

Nàng khẽ van ta trong đêm, ở bên tai.

- Anh chẳng nhìn thấy gì hết mà! Ta nói, lần sờ người nàng đang không thôi cựa quậy.

Thình lình nàng ngồi lên cầm lấy cổ tay ta. Nàng nhè nhẹ đưa tay ta vào dưới chiếc sơ mi mà ta đã phanh ra rồi đặt nó lên chiếc nịt vú căng cứng. Nàng dướn thẳng và không nói gì nữa. Như ta nàng đã chờ cái nóng hổi và những vuốt ve này. Rượu, mưa, màn rủ đã cho nàng một cảm giác an toàn. Không xấu hổ nữa, nàng để ta cởi quần áo nàng ra. Ta hôn cổ, đầu vú và các chi ấm ướt đang dạn ra nhè nhẹ. Ta ấp úng báo trước:

- Anh sắp đi vào em đây...

- Không, anh đừng thế. Nàng thở dài.

Ta lập tức nằm lên người nàng.

- Anh đi vào em đây!

Ta không biết tại sao ta lại báo trước như vậy, có phải là để tìm kiếm một kích thích? Hay để giảm nhẹ trách nhiệm của ta đi?

- Em còn trinh đấy...

Ta nghe thấy nàng khóc.

Ta hơi ngập ngừng:

- Liệu rồi em có ân hận không?

- Anh sẽ không lấy em đâu. Nàng rất tỉnh táo và chính cái đó khiến nàng khóc.

Cái khốn là ta không thể lừa nàng, ta biết ta chỉ đang cần đến đàn bà; đang chán nản, ta chỉ muốn hưởng thụ ở nàng không thôi, ta không thể

gánh một trách nhiệm lớn hơn nữa với nàng. Ta rất thất vọng nằm xuống cạnh nàng; không ngừng hôn nàng, ta hỏi:

- Em giữ cái ấy làm à?

Nàng im lặng lắc đầu.

- Em không sợ chồng em đánh nếu hắn nhận ra hôn cưới ư?

Nàng rùng mình.

- Em bằng lòng trả một giá đắt như thế vì anh à?

Ta vuốt ve hai môi nàng đang cắn vào nhau, nàng nhiều lần gật đầu làm cho ta thương hại. Ta ôm đầu nàng vào hai bàn tay, hôn mặt nàng, cổ nàng, hai má ướt đầm của nàng. Nàng im lặng khóc.

Ta không thể tàn nhẫn như thế này với nàng, buộc nàng phải trả một cái giá ngần ấy để thỏa mãn cơn ham muốn nhất thời của ta. Tuy vậy ta không thể ngăn ta thích nàng được, ta biết đây không phải là tình yêu, nhưng thế nào là tình yêu đây? Người nàng tươi mát và nhạy cảm, ta đầy dục vọng đối với nàng, cái gì ta cũng đã làm rồi, chỉ là không vượt qua được giới hạn cuối cùng này. Và nàng, nàng chờ đó, tỉnh táo, ngoan khéo, để cho ta làm mọi cái. Không còn có gì kích thích hơn. Ta sẽ nhớ lại từng cái run bần bật của từng bộ phận cơ thể nàng và ta sẽ làm sao cho cả thân xác lẫn tinh thần của nàng không bao giờ quên ta. Nàng tiếp tục run và khóc, cả người nàng trên dưới đều ướt. Ta thầm hỏi cái đó chẳng phải là còn tàn nhẫn hơn nữa sao. Nàng chỉ dịu nguôi khi những ánh sáng đầu tiên của ban mai lọc qua chiếc màn hạ xuống lưng chừng.

Dựa lên thành giường ta ngấm thân người nàng trắng ngần nằm êm ả, hoàn toàn phơi bày.

- Anh không yêu em?

Ta không đáp, ta không thể trả lời.

Sau đó nàng đứng dậy ra tựa vào cửa sổ. Hình dáng và khuôn mặt nàng cúi nghiêng nghiêng làm tim ta tan nát.

- Tại sao anh không...?

Đau khổ lộ ra trong tiếng nói của nàng, rõ ràng nàng tiếp tục tự dằn vặt.

Ta còn nói được gì chứ?

- Anh chắc đã có nhiều kinh nghiệm, hẳn là thế mà.

- Không! Ta bật dậy, cùng với một xung động không cần thiết.

- Đừng đến gần!

Nàng giậm dũ ngăn ta lại và mặc quần áo.

Từ dưới phố dâng lên tiếng ồn ào những bước chân, tiếng nói của người qua đường, chắc là nông dân đi chợ.

- Em chả có giữ anh đâu, nàng vừa nói vừa sửa đầu tóc trước gương.

Ta muốn nói rằng ta sợ nàng bị đánh, sợ sau này nàng không hạnh phúc, sợ chẳng may nàng có thai, ta biết người ở thị trấn be bé này sẽ nghĩ như thế nào về một người đàn bà không chồng mà phá thai, ta muốn nói với nàng:

- Anh...

- Đừng nói gì cả, nghe em. Em biết anh lo cái gì, em sẽ rất nhanh tìm ra người em lấy thôi mà, em cũng không giận anh đâu.

Nàng thờ dãi rất dài.

- Anh nghĩ rằng...

- Đừng! Anh ở im đằng ấy, muộn quá rồi.

- Anh nghĩ anh phải đi hôm nay, ta nói.

- Em biết em không đáng với anh nhưng anh là một người tốt.

Cái đó chẳng lẽ là thật cần thiết ư?

-Anh không quan tâm mấy đến thân thể người đàn bà.

Ta muốn bảo nàng rằng không phải thế.

- Đừng! Anh đừng nói gì cả.

Lúc ấy lẽ ra ta phải nói nhưng ta không nói gì cả.

Nàng chải đầu kỹ càng, đổ nước cho ta rửa ráy rồi ngồi lên một ghế dựa chờ ta xong việc. Bây giờ trời đã sáng bạch.

Ta về buồng khách sắp xếp đồ đạc. Một lúc sau, nàng đến. Ta biết nàng ở sau ta nhưng ta chỉ dám quay lại khi đã cho mọi thứ vào trong xách và khóa khóa.

Trước khi ra, ta ôm lấy nàng, nàng ngoảnh mặt đi và nhắm mắt lại. Ta muốn hôn nàng một lần nữa nhưng nàng đã gỡ ra.

Đường ra ga dài. Buổi sáng, người qua đường không ngừng nườm nượp tới lui vô cùng hỗn độn.

Nàng đi rất nhanh, giữ khoảng cách với ta, tựa như hai người xa lạ.

Nàng đưa ta ra bến xe đường dài. Ở đấy nàng gặp nhiều người quen. Nàng chào họ, có nhiều chuyện để nói với từng người trong đám họ. Nàng có vẻ hoàn toàn tự nhiên, thoải mái. Nàng chỉ tránh cái nhìn của ta, mà ta, ta cũng không dám bắt gặp mắt nàng. Ta nghe thấy nàng giới thiệu ta, đây là nhà văn, đến sưu tầm dân ca. Chỉ đến lúc xe lăn bánh, ta mới nhìn mắt nàng. Ta không chịu được cái ánh sáng trong vắt của đôi mắt nàng, ta chịu không nổi khát vọng thuần khiết của nàng.

Nàng nói ghét mi!

Tại sao? Mi chăm chăm nhìn con dao nàng lăm lăm trong tay.

Nàng nói mi đã hủy diệt đời nàng.

Mi nói tuổi nàng chưa coi là lớn.

Mi đã tàn phá những năm tháng đẹp nhất của nàng, nàng nói chính là anh, anh ấy!

Mi nói còn có thể bắt đầu lại một cuộc đời mới mà.

Anh ấy, đúng, anh làm lại được, còn nàng thì đã quá muộn rồi.

Mi không hiểu tại sao lại quá muộn.

Vì là đàn bà.

Đàn ông đàn bà thì cũng như nhau.

Anh nói nghe hay thật! Nàng cười lạnh lùng.

Mi thấy nàng vung dao và mi đứng dậy.

Nàng không thể để mi rút ra ngon như thế này được, nàng nói nàng muốn giết mi!

Giết người thì phải đền mạng, mi vừa nói vừa chuyển chỗ trong khi để ý nhìn nàng chăm chăm.

Cái đời này không đáng để sống nữa rồi, nàng nói.

Mi hỏi có phải trước kia nàng sống là vì mi không. Mi muốn làm dịu không khí đi đôi chút.

Sống vì ai cũng không đáng! Nàng chìa dao vào mi.

Để dao xuống! Mi nhắc nàng cẩn thận.

Anh sợ chết à? Nàng cười lạnh lùng hơn.

Ai cũng sợ chết, mi sẵn sàng thú nhận là sợ chết cho nàng để con dao xuống.

Nàng, nàng không sợ chết, nàng nói đã đến nước này, nàng chẳng còn sợ cái gì nữa!

Mi không dám chọc tức nàng thêm nhưng mi phải giữ tài ăn nói giỏi không để nàng nhận ra rằng mi sợ.

Tội gì mà chết theo cách này, mi nói còn có một cách chết tốt hơn: chết già với tuổi.

Anh không đến được ngày đó đâu, nàng nói và hoa con dao lên loa loa.

Mi dịch ra xa hơn một chút và nghiêng mặt nhìn nàng.

Thình lình nàng bật cười ha hả.

Mi hỏi nàng có điên không đấy.

Chính cũng là anh đẩy em hóa điên.

Đẩy tới cái gì? Mi nói rằng hai người không thể sống với nhau nữa thì chỉ có việc chia tay nhau. Hai người ở với nhau là tự nguyện, thì chia tay nhau cũng lại như vậy mà. Mi gắng giữ cho thật bình tĩnh.

Đâu dễ như thế?

Thế thì ra tòa.

Không ra.

Vậy thì chia tay.

Nàng nói không để cho mi rút ra ngon như thế đâu, nàng vung dao lên đến gần mi.

Mi đứng lên ngồi ở trước mặt nàng.

Nàng cũng đã đứng lên, mình trần, vú thông, mắt tức giận, quắc lên, kích động đến cực điểm.

Mi không thể chịu được các cơn hít-tê-ri của nàng, mi không chịu được các cơn đồng bóng của nàng. Mi đã quyết bỏ nàng nhưng để tránh kích động nàng thêm thì tốt nhất là cố nói cái khác.

Anh định chạy trốn?

Trốn cái gì?

Trốn cái chết? Nàng chế nhạo mi, vừa xoay xoay con dao vừa nhún nhảy như đồ tể nhưng không thạo, chỉ có đầu vú của nàng nhảy nhẩy.

Mi nói mi ghét nàng! Những câu này rút cục đã lọt ra qua hàm răng nghiến chặt của mi.

Anh ghét em từ lâu rồi nhưng tại sao không bảo sớm với em? Bị trúng đòn, nàng bắt đầu gào khóc, không chỉ vú mà cả người nàng run lên.

Lúc ấy, chưa tới mức độ này, mi nói lúc ấy mi không thể nghĩ nàng lại biến ra tới chỗ làm cho mi ghét như thế này, mi nói mi ghét nàng tận tim gan, mi quăng cho nàng những lời tồi tàn nhất.

Lẽ ra anh đã phải nói sớm hơn, nàng hạ dao xuống khóc.

Mi nói thái độ của nàng làm cho mi không thể không ghét! Mi quyết định làm cho nàng bị xúc phạm sâu xa nhất.

Nàng kêu lên một tiếng và vút con dao xuống đất. Lẽ ra anh phải nói cái này từ sớm hơn nữa, bây giờ thì quá muộn rồi, quá muộn rồi, tại sao mi không bảo nàng sớm hơn? Nàng gào lên kiểu hít-tê-ri, tay nắm liên hồi xuống đất.

Mi muốn an ủi nàng nhưng mọi cố gắng và quyết tâm của mi sẽ vô ích, tất cả có cơ lại tái diễn như trước và mi sẽ càng gay go hơn để rũ được nàng.

Nàng than khóc ầm ĩ, nàng lăn ra đất trần truồng, không để ý tới con dao đặt cạnh nàng.

Mi cúi xuống giơ tay ra để lấy con dao nhưng nàng nắm lấy đằng lưỡi. Mi toan cậy bàn tay nàng ra nhưng nàng lại càng nắm chặt hơn.

Em sắp đứt tay này! Mi kêu vào tai nàng và vịn tay nàng cho tới lúc nàng mở các ngón tay. Máu đỏ thắm chảy ở lòng bàn tay nàng. Mi nắm chặt cổ tay nàng, ấn hết sức vào mạch nàng. Nàng cầm lấy con dao bằng tay kia. Mi buông nàng ra để tát cho nàng một cái. Nổ đom đóm, nàng buông rơi con dao.

Nàng nhìn mi, ngớ ngẩn, thỉnh thoảng nàng giống một đứa trẻ, hai con mắt đầy tuyệt vọng và nàng im lặng khóc.

Mi không thể ngăn mình cảm thấy đôi chút thương hại nàng, mi cầm bàn tay bị thương của nàng, mút máu đang chảy ra. Nàng kéo mi vào nàng, vẫn khóc, mi muốn gỡ ra nhưng nàng ôm mi ngày một chặt trong tay và cuối cùng nàng ghì mi sát vào ngực nàng.

Em làm gì thế? Mi giận điên lên.

Nàng muốn mi làm tình với nàng, nàng muốn thế! Nàng nói chỉ muốn làm tình với mi thôi.

Mi chặt vật gỡ ra khỏi tay nàng, mi thở hổn hển mà bảo nàng rằng mi không phải là một con vật!

Có phải đấy, đúng mà! Anh là một con vật! nàng gào lên man rợ, một ngọn lửa quái lạ cháy lên trong con người nàng.

Vừa cố an ủi nàng, mi vừa van nàng hãy thôi đi, hãy bình tĩnh lại.

Nàng lầm bầm mà nói trong tiếng sục sục rằng nàng yêu mi, các ngoa ngoắt của nàng là do cái tình yêu ấy mà ra, nàng sợ mi bỏ nàng.

Mi nói mi không thể chiều theo cái tính đồng bóng của một người đàn bà, mi không thể sống trong cái bóng tối này, nàng làm mi ngạt thở, mi không thể hóa thành nô lệ của bất kỳ ai, mi không khuất phục trước sức

ép của bất cứ sức mạnh nào, các thủ đoạn ai giở ra như thế nào mi cũng không khuất phục, mi sẽ không là nô lệ của bất cứ người đàn bà nào.

Nàng nói nàng sẽ cho mi tự do với điều kiện là mi yêu nàng, mi không bỏ nàng, mi ở lại với nàng, mi tiếp tục thỏa mãn nàng, mi còn muốn nàng, nàng xoắn vặn lấy quanh người mi, nàng hôn mi miên miên man man, nàng trát quệt nước mắt của nàng lên người mi, mặt mi, nàng hóa thành một cuộn, một búi với mi, nàng đã thắng, mi cưỡng không lại được nữa, mi lại rơi vào ham muốn nhục dục, mi không dứt được mi ra khỏi ham muốn xác thịt.

Ta đi trên một đường núi u tối và vắng lặng. Giữa chừng, mưa rơi, mới đầu nhẹ nhẹ và cảm thấy mưa trên mặt, nói cho đúng ra là dễ chịu, rồi càng ngày càng nặng, buộc ta phải chạy, đầu tóc áo quần ướt hết. Ta leo vọt lên một cái hang ta nhìn thấy ở bên trên con đường. Củi gỗ đã được chất đống cẩn thận ở đó. Trần khá cao, hơi nghiêng vào một góc. Một tia sáng lọt vào trong hang. Ta đi lên bằng những bậc đá đẽo gọt sơ sài. Một bếp lò làm bằng đá xếp lên nhau đang đỡ lấy một cái nồi. Tia sáng đi qua khe đá bên trên bếp.

Ta quay lại. Đằng sau ta, có người ngồi trên một khung gỗ làm giường đang đọc sách. Ta ngạc nhiên nhưng không dám quấy rầy anh ta. Ta đành nhìn mưa xam xám qua các khe hở của đá. Trời mưa quá nặng hạt, ta không thể lại lên đường thật rồi.

- Đừng ngại, anh nghỉ lại ở đây. Anh ta té ra nói trước, đặt sách xuống.

Tóc anh ta dài buông xuống vai. Anh ta mặc bộ quần áo xám quá rộng. Anh ta trạc ba mươi tuổi.

- Anh là đạo sĩ trong núi này à?

- Chưa đâu, tôi chặt củi cho miếu Đạo giáo, anh trả lời.

Trên giường có một số tạp chí *Tiếu thuyết nguyệt san* đang mở ra.

- Anh cũng thú cái này à?

- Trôi thời gian ấy mà, anh ta trả lời lơ mơ. Anh bị ướt rồi, hãy lau người đi.

Anh ta múc nước nóng ở trong nồi ra đổ vào thau rồi đưa cho ta một chiếc khăn mặt.

Ta cảm ơn rồi đành hoảng cởi trần ra. Lau rửa xong ta cảm thấy dễ chịu hơn nhiều.

- Chỗ này hay quá! Ta nói, ngồi xuống một khúc gỗ ở trước mặt anh ta. Anh ở cái hang này à?

Anh giải thích rằng anh quê ở làng dưới chân núi nhưng anh ghét tất cả thiên hạ, anh và chị dâu, hàng xóm và cán bộ làng xã.

- Họ chỉ tiền. Trong quan hệ con người, chỉ nói có được với thua và xem trọng đồng tiền, anh ta nói. Tôi đã cắt hết liên hệ với họ.

- Anh trốn củi cho tu viện để kiếm sống ư?

- Tôi xuất gia đã gần một năm nhưng họ vẫn chưa nhận tôi.

- Tại sao?

- Đạo trưởng già muốn xem tôi có thật lòng và kiên tâm hay không.

- Rồi sau sẽ nhận anh?

- Đúng.

Vậy là anh ta tin chắc mình tâm thành.

- Sống một mình lâu trong cái hang này có ngán không? Ta hỏi và lại liếc nhìn vào tờ tạp chí văn học.

- Tôi được yên ổn và thoải mái hơn ở làng, anh đáp bình thản, không có vẻ như thấy rằng ta quấy rầy. Và lại hằng ngày tôi có bài học, anh nói thêm.

- Bài học loại gì đấy anh?

- Anh lấy ở dưới chân ra một bản in đá *Huyền môn nhật khóa*, *Các bài học hằng ngày của đạo sĩ*.

- Hai ngày vừa qua không chặt được củi, tôi chỉ có đọc tiểu thuyết, sau đó, thấy mắt ta đặt vào tờ tạp chí mở ra ở trên giường anh giải thích.

- Các cuốn tiểu thuyết này có cản trở anh học không?

Ta muốn thỏa trí tò mò.

-Ồ, ở đó người ta chỉ kể chuyện thường tình giữa đàn ông đàn bà, anh cười đáp. Anh giải thích rằng anh đã học hết trung học phổ thông và anh đã nghiên cứu văn học. Những lúc rỗi, anh đọc sách.

- Thật ra cuộc đời cũng giống như thế thôi.

Ta không dám hỏi xem anh đã lấy vợ chưa cũng như tìm hiểu các bí mật của người đi tu. Mưa gõ bên ngoài nhưng cái tiếng động đều đều ấy lại dễ chịu.

Ta không nên quấy quả anh hơn nữa, ta bèn ngồi gần anh mà không động đậy. Cả hai người qua một lúc lâu như thế, đầu óc rỗng không, chìm vào trong tiếng nhạc của mưa.

Ta không biết mưa tạnh lúc nào. Khi tỉnh ra, ta đứng lên để lên đường và cảm ơn người chủ hang.

- Cảm ơn, làm cái gì cũng đều là một thứ cơ duyên.

Đó là ở trong dãy núi Thanh Thành.

Sau này, trước một ngôi chùa đá trên một bãi bồi nhỏ giữa sông Trường Giang, ta gặp một nhà sư, đầu cạo trọc, mặc áo cà sa đỏ thắm. Ông chắp hai tay trước Phật pháp, quỳ gối khấu đầu xuống đất. Những người qua đường quây tròn lại nhìn ông. Không vội vã, niệm kinh xong, ông cởi tấm pháp y, nhét nó vào trong một cái túi giả da màu đen, cầm lấy chiếc ô cán cong dùng làm gậy chống rồi đi. Ta theo một lát, và khi đã vượt qua khối đám đông tò mò, ta liền hỏi ông:

- Sư phụ, xin phép, tôi có mời sư phụ một chén trà được không? Tôi muốn hỏi sư phụ vài vấn đề về Phật pháp.

Ông nhận lời, không khỏi khẽ thở dài một cái.

Mặt gầy, người đầy tinh thần, ông chỉ quá năm chục. ông đi nhanh nhẹn, ống quần xắn lên. Ta phải rảo bước để bắt kịp.

- Sư phụ, xem về sư phụ đang làm một chuyến đi dài.

- Trước tiên tôi đi Giang Tây thăm vài vị sư già rồi đi nhiều nơi khác nữa.

- Tôi cũng là người đi một mình, sống biệt lập với thế gian nhưng tôi không được ngoan cường và chân thành như sư phụ, sư phụ mang ở trong lòng một mục tiêu thiêng liêng.

Ta cần tìm những chữ chính xác để làm ông xúc động.

- Thật ra chân chính hành giả, người đi xa đích thực thì không có mục đích nào hết. Làm được như vậy mới là người đi xa tốt cùng.

- Sư phụ có phải người vùng này không? Làm chuyến đi này chắc là sư phụ có ý li biệt quê hương phải không ạ?

- Quê hương gia cư của người quy y quy pháp là ở bốn bể, vốn không có cái gọi là quê.

Ông làm cho ta câm nín. Ta mời ông uống trà trong công viên. Ta chọn một nơi yên tĩnh, cách biệt, để mời ông ngồi. Ta hỏi pháp danh của ông rồi ông và ta trao đổi tên họ. Ta giữ im lặng.

Chính ông cất tiếng đầu tiên.

- Thích cái gì xin anh cứ hỏi, người xuất gia không có gì là không thể nói với mọi người.

Ta bèn đi thẳng vào đích:

- Tôi muốn biết tại sao sư phụ lại xuất gia đi tu? Nếu như hỏi không có điều gì phương ngại.

Ông cười khe khẽ, uống một ngụm trà sau khi nhè nhẹ thổi gạt đi các cánh trà nổi trên mặt bát, rồi ông nhìn thẳng vào ta:

- Anh không phải là một người đi du lịch bình thường, có một nhiệm vụ trong người chứ?

- Không, dĩ nhiên tôi không có điều tra nào phải làm, chỉ là thấy sự phụ nhanh nhẹn như thế, tôi ngưỡng mộ. Tuy tôi không có mục tiêu nào rõ rệt nhưng cứ là không thể từ bỏ được.

- Từ bỏ cái gì? Ông hỏi, vẫn với nụ cười dịu dịu.

- Thế gian.

Cả hai cùng bật cười.

- Nói bỏ thì bỏ được mà, ông nói sảng khoái.

- Thực tế đúng là thế thật, ta nói, gật gật đầu. Nhưng tôi muốn được biết sự phụ làm thế nào mà bỏ được.

Ông quả đã kể lại cho ta nghe tất cả câu chuyện, không giấu giếm.

Ông nói lúc mười sáu tuổi đang học trung học phổ thông, ông đã thoát ly tham gia cách mạng, đánh du kích một năm ở trong núi. Mười bảy tuổi trở về thành phố cùng đại quân, tiếp quản một ngân hàng và ông đã thừa sức làm một người lãnh đạo. Nhưng ông lại cứ muốn học y. Tốt nghiệp y rồi ông được cử làm cán bộ ở sở y tế thành phố nhưng ông lại khẳng quyết muốn thành bác sĩ. Sau đó ông đã va vấp với bí thư đảng tại bệnh viện, bị khai trừ khỏi đảng, bị chụp cái mũ “phản tử phái hữu” và đưa về nông thôn làm ruộng. Cuối cùng ông đã trở thành thầy thuốc trong vài năm khi ở quê ông, công xã nhân dân lập một bệnh viện. Trong thời gian đó, ông đã lấy một cô gái nông thôn và có liền ba con với người này. Ai bảo rồi ông sẽ tin vào chúa? Hay tin một hồng y giáo chủ dòng Franciscain đến thăm Quảng Châu, ông đã làm hẳn một chuyến đi để tìm hiểu ở chính hồng y ý nghĩa thực sự của đạo Cơ Đốc. Kết quả: không những ông không gặp được hồng y mà còn bị nghi là muốn tiếp xúc với người nước ngoài, mối nghi này đã trở thành tội trạng kết án ông. Bị đuổi khỏi bệnh viện công xã, ông tiếp tục một mình học y học Trung Quốc rồi kiếm kế sinh nhai bằng cách trà trộn với đám du thủ du thực cùng lang băm. Một hôm, ông thỉnh linh nhận ra rằng không thể lọt vào đạo

Cơ Đốc phương Tây vậy thì tốt nhất là quay về với truyền thống cha ông rồi sau đó đoạn tuyệt dứt khoát với gia đình. Kể từ ngày ấy, ông xuống tóc làm sư. Ông kết luận câu chuyện bằng một trận cười giòn tan.

- Sư phụ có còn nghĩ tới gia đình không?
- Họ có thể tự lo lấy cho họ mà.
- Sư phụ thật sự không quan ngại gì đến họ cả à?
- Các đệ tử của Phật không biết đến lo sợ lẫn oán hận.
- Người nhà có ghét sư phụ không?

Ông nói ông không muốn biết. Ông ở chùa đã nhiều năm thì anh con trai cả đến gặp để báo cho ông rằng ông đã được minh oan hoàn toàn. Nếu ông trở về, ông sẽ được hưởng đãi ngộ của lão cán bộ và lão cách mạng, có thể làm lại nghề y, truy lĩnh một khoản tương đương với lương của ông đã bị cắt mất trong nhiều năm bị cải tạo. Ông nói ông không cần một xu nào, ở nhà cứ việc chia nhau tiền ấy. Vì đây là một quan hệ nhân quả, không nên để người nhà ông thành nạn nhân công toi của một sự bất công với ông. Sau đó anh con trai không trở lại và gia đình ông mất hẳn tăm hơi ông.

- Bây giờ sư phụ sống chỉ bằng những củ của bố thí trên đường đi thôi sao?

Ông giải thích rằng con người ta đang trở nên xấu đi, nhà chùa xin bố thí không được nhiều bằng ăn mày. Ông sống chủ yếu bằng nghề y nhưng để làm việc đó, ông mặc quần áo dân thường để không làm hại đến hình ảnh của người của Phật.

- Liệu của Phật có bỏ qua cho các đệ tử xoay sở như thế không?
- Đức Phật sống ở trong lòng anh.

Ta tin chắc rằng ông đã tới chỗ rũ bỏ được các dằn vặt nội tâm, ông có vẻ hoàn toàn êm ả. Ông sắp đi xa, ông sung sướng về việc đó.

Ta hỏi đi đường ông ăn ở thế nào. Ông nói trong các chùa, ông chỉ việc cho xem giấy chứng nhận hòa thượng là được tiếp nhận. Nhưng hiện nay ở đâu đâu điều kiện cũng xấu, sư không nhiều, tất cả lao động là để tự nuôi mình thế nên người ta không cho phép ông ở lại lâu vì chẳng còn ai cúng đường chùa. Chỉ các chùa lớn nhận chút ít trợ cấp gần như vô nghĩa của chính phủ mà thôi. Dĩ nhiên ông không có ý làm nặng thêm gánh của các vị sư khác. Ông nói ông có tâm hồn của hành giả, người đi đường, ông đã đi đến nhiều núi nổi tiếng. Ông cảm thấy sức khỏe hoàn hảo, có thể đi được cả vạn dặm nữa.

- Tôi có xem được cái giấy chứng nhận sư không?

Ta có cảm tưởng nó sẽ có ích cho ta hơn cái thẻ hội nhà văn.

- Có gì là bí mật đâu, Phật môn không thần bí, mở ra cho mọi người mà.

Ông lấy ở trong ngực ra một tờ giấy to gấp lại có in hình Phật Như Lai ngồi tĩnh tọa trên một ngai hình hoa sen, đầu ngẩng cao, một dấu son vuông to tướng đóng vào đó. Có cả pháp danh của bậc sư phụ đã cạo đầu và cho ông thụ giới. Cuối cùng ghi chương trình tu luyện cùng cấp bậc của ông, pháp chủ, vậy là ông có thể giảng dạy kinh Phật và chủ trì các việc Phật.

- Một hôm nào đó, biết đâu tôi có thể sẽ theo chân sư phụ, ta nửa đùa nửa thật nói.

- Đó là có duyên rồi, ông đáp rất chân tình. Rồi đứng lên, chấp tay lại chào ta.

Ông đi rất nhanh. Ta theo ông một lúc nhưng ông đã mau chóng mất hút vào trong đám đông người qua đường. ta hiểu rằng các phàm căn, cội rễ trần tục của ta chưa dứt đoạn.

Sau đó, trước chùa Quốc Thanh, dưới chân núi Thiên Đài, trước tòa tháp xá lị có từ đời Tùy, trong khi ta đang xem một dòng bia súc tích thì vô tình nghe thấy một cuộc chuyện trò.

- Con nên về với bố, một tiếng đàn ông nói ở phía sau bên kia tường gạch.

- Không, bố đi đi, một người đàn ông khác đáp lại, giọng trong trẻo hơn.

- Nếu không vì bố mà về thì hãy nghĩ đến mẹ con.

- Bố cứ bảo mẹ rằng con rất khỏe.

- Chính mẹ con bảo bố đến đây, mẹ con ốm.

- Bệnh gì?

- Cứ kêu đau dạ dày.

Anh con trai không nói gì nữa.

- Mẹ con nói là bố mang cho con đôi giày.

- Con có giày rồi.

- Đây là giày thể thao mà con vẫn thèm để đánh bóng rổ.

- Đắt lắm đấy! mua làm gì?

- Đi thử xem!

- Ở đây con không chơi bóng rổ, con không đi giày này, bố mang về đi. Không ai mang loại giày này ở đây đâu mà.

Đang là buổi sáng, chim hót líu lo rất vui trong rừng. Giữa tiếng chiêm chiếp của sẻ, một con chim hót lên một tràng dụ dỗ, nhưng nó ẩn trong đám lá ken dày của cây bạch quả, không biết nó đậu ở cành nào. Rồi các con ác là choang choác đến. Đằng sau ngôi chùa gạch là im lặng. Ngõ mọi người đã đi, ta vòng ra sau. Ta bèn phát hiện ra một người trẻ tuổi, đầu ngẩng cao đang nghe chim hót; đầu anh ta đã cạo trọc nhưng chưa có sẹo hương châm. Anh ta mặc một áo ngắn của sư; duyên dáng, mặt hồng hào, chưa có nước da vàng ửng của các sư khổ hạnh lâu ngày. Bố anh có dáng một nông dân, cũng đầy sức lực, ông cầm ở tay một đôi giày bát kết

mới để trắng, vạch đỏ và lơ mà ông vừa lấy ở trong hộp ra. Ta đồ chừng đây là một ông bố muốn ép con lấy vợ. Anh thanh niên kia rồi có thụ giới không?

Mi muốn kể cho nàng một chuyện có từ đời nhà Tấn. Chuyện ni cô đến xin bố thí ở cửa một đại tướng quân nổi tiếng vì ngạo mạn. Theo lệ, người ta báo với quản gia và quản gia cho ni cô một xâu nghìn đồng chinh. Ni cô từ chối, muốn gặp thí chủ, người ban tiền cho mình. Quản gia đành chuyển đạt lời thỉnh cầu này lên tổng quản gia, tổng quản gia muốn rũ gạt nhà sư nên đã ra lệnh cho gia nhân mang đưa cho ni cô một lượng bạc. Ai dám nói ni cô lại một lần nữa từ chối, lại yêu cầu gặp đích thân đại tướng quân, khẳng định chắc chắn rằng ông ta đang lâm nạn và ni cô đến đây để đặc biệt cầu kinh hóa giải cho ông ta. Tổng quản gia chỉ còn có thể trình lên và viên tướng ra lệnh đưa ni cô vào.

Khi nhìn thấy khuôn mặt của nhà sư mặc dù đầy bụi nhưng rất thanh tú và thoát tục, vị tướng nghĩ ngay ni cô không có chút nào là kẻ lừa bịp hay một mụ đàn bà chuyên trò dâm tà, ông bèn hỏi nhà sư muốn gì. Ni cô tiến lên, chấp tay chào rồi lùi lại nói định ninh rằng từ lâu đã nghe thấy đại tướng quân hào hiệp và khoan dung. Ni cô từ xa đặc biệt đến đây để thực hành bảy bảy bốn chín ngày chay giới vì vong linh của mẹ tướng quân đã chết. Đồng thời ni cô cầu xin Phật A Di Đà giáng phúc cho viên tướng, phù hộ độ trì cho ông tai qua nạn khỏi. Cuối cùng, viên tướng ra lệnh cho quản gia xếp đặt một gian phòng ở sân trong và cho gia nhân sửa soạn bàn hương ở đại sảnh.

Từ hôm ấy, tiếng tụng kinh gõ mõ cứ vang lên từ sáng đến chiều trong tướng phủ. Thời gian trôi đi, viên tướng cảm thấy ngày một nguôi dịu trong lòng và sự kính trọng của ông đối với vị sư nữ không ngừng tăng lên. Nhưng mỗi chiều vị sư nữ trở lại bỏ ra một giờ tắm tấp. Viên tướng ngạc nhiên: nhà sư không tóc thì việc gì phải bận đến đầu tóc cùng trang điểm như một người đàn bà bình thường. Vậy tại sao tắm, nghi lễ đơn giản để thanh tẩy tâm can trước khi thay hương, lại kéo dài đến như thế? Hơn nữa, vào lúc ấy, người ta nghe thấy nước chảy không ngừng. Ni cô dội nước lên mình liên tục hay sao? Tướng quân bắt đầu bị sự tò mò ám ảnh.

Một hôm ông đi vào sân trong. Tiếng mõ cá đã im. Một lát sau, ông nghe thấy nước chảy. Ông biết ni cô sắp thắp hương bèn đi tới đại sảnh để chờ. Tiếng nước ngày một mạnh, văng đến không dứt. Những sự nghi hoặc nảy ra trong ông và ông đi xuống các bậc tam cấp. Cánh cửa buồng ni cô hé mở. Ông đang hoang đi đến để ngó vào trong. Thì thấy ni cô, quay mặt ra cửa, nước da hồng hào, hàm răng trắng bóng, má đánh phấn và gáy ngọc, vai nhẵn mịn màng, đôi mông tròn trịa, đích thực một người ngọc. Ông vội lánh trở lại đại sảnh, hồi tâm tĩnh trí lại.

Tiếng nước văng mãi lên trong buồng, kéo ông miễn cưỡng tới. Ông đi theo hành lang, rón rén trở lại trước gian buồng. Nín thở, ông dán mắt vào khe cửa. Bèn thấy mười ngón tay rất búp măng đang xòe mở ra để xoa vắn hai bầu vú đầy đặn, trắng như tuyết, đẹp thêm bởi hai nụ hoa sẵn sàng bung nở. Làn da ướt ảm nhẹ nhàng dâng lên hạ xuống, một đường nét thanh tao hiện ra từ rốn đến mu. Viên tướng kinh ngạc khuỵu gối xuống, không thể đứng lên nổi.

Rồi ông thấy hai bàn tay trắng ngần ấy lấy ra một cái kéo ở trong thau, khép hai cánh kéo lại rồi cầm mạnh chúng vào bụng ni cô. Máu tươi đỏ thẫm vọt ra ở bên dưới rốn. Kinh hoàng, không dám động đậy ông nhắm mắt lại, không nhìn nổi nữa.

Một lát sau, tiếng nước lại nổi lên. Ông mở mắt, mê hoặc thấy ni cô trọc đầu đầm mình trong máu nhưng hai bàn tay không ngừng cử động để lấy ruột gan ra để cả vào trong thau.

Xuất thân từ một dòng họ lâu đời tướng lĩnh, con người này đã trải vô vàn chiến trận, ông không ngất đi. Ông hít một hơi dài không khí tươi lành rồi chau mày quyết làm rõ sự thể. Vào lúc ấy, ni cô không có một vết máu nào trên mặt. Nhắm mắt, lông mi khép lại, đôi môi nhợt tái, nàng hơi run rẩy. Nàng có vẻ đang rên rỉ nhưng không nghe rõ được âm thanh nào. Chỉ có tiếng nước chảy văng lên mà thôi.

Hai bàn tay đầm máu, ni cô cầm lấy ruột mình, xoa nắn rồi rửa ráy kỹ lưỡng, vắt lên cánh tay. Sau khi rửa ráy ruột sạch sẽ, ni cô nâng chúng lên rồi đặt trả lại vào trong bụng. Nàng lấy một cái gáo đầy nước lần lượt rửa tay ngực, những nếp bẹn, bàn chân và cả móng chân, tựa hồ chẳng

từng có cái gì xảy ra hết. Viên tướng vội vã đứng lên, quay lại đại sảnh rồi đứng đó chờ ni cô.

Một lát sau, cửa mở và ni cô xuất hiện, cầm chuỗi tràng hạt. Nàng đã mặc đầy đủ áo quần, đi đến ban thờ, hương trong bát hương vừa tắt ngấm. Trên nén hương, một sợi khói đang thoi thóp dần. Nàng bình thản thay hương mới.

Như vừa nặng nhọc tỉnh ra khỏi một cơn mơ, chưa thể kiểm chế được mình, ông hỏi người ni cô. Nàng đáp không biến giọng: Chúa công, nếu ngài có ý lên ngai vàng thì số phận của ngài sẽ giống hết như cái cảnh mà ngài vừa thấy. Quả là có mưu mô tiếm đoạt ngôi vua, nghe thấy thế, tướng quân hết sức cụt hứng, từ đấy không còn dám đi xa ra khỏi chính đạo, giữ được danh vọng liêm trinh của vị tướng. Vậy là câu chuyện này gốc gác có một ý nghĩa giáo dục chính trị.

Mi bảo rằng thay đổi kết luận của chuyện này, cũng lại có thể làm ra được một bài giảng luân lý cảnh giới loài người chớ có tham dâm háo sắc.

Câu chuyện này cũng có thể là một giáo huấn tôn giáo khuyên con người quy theo đạo Phật.

Cũng có thể được dùng làm triết lý xử thế, dạy người quân tử mỗi ngày ba lần tự vấn lương tâm, vạch cho con người thấy rằng đời người tức là bể khổ, các đau khổ của cuộc đời đều là từ ở ta mà ra, hay nữa từ đó người ta có thể suy ra nhiều lý thuyết tế nhị, tinh vi khác. Tất cả tùy vào lời giải thích cuối cùng của người kể đưa ra đối với nó.

Nhân vật chính của chuyện này, vị đại sư tư mã tướng quân có danh tính kiểm tra ra được ở trong các sách lịch sử và thư tịch cổ. Mi không phải là nhà sử học, mi không có tham vọng chính trị. Mi càng không có ý định làm một sư phụ của đạo học để thuyết giáo hay đặt mình ra làm mẫu mực. Cái mi thích chính là bản thân câu chuyện này với cái vẻ thuần khiết hoàn hảo của nó. Thật ra chẳng giải thích nào mà lại trực tiếp liên quan đến nó được cả. Mi chỉ muốn dùng ngôn ngữ kể lại nó một lần nữa mà thôi.

Trong một phố cổ của thị trấn. Trước một cửa hàng tạp hóa ông già kê hai tấm ván cho cái quầy thư pháp của mình. Những câu đối lấy khước viết trên giấy sếp đỏ được treo lên. “Long phượng dẫn tường, hỉ khánh lâm môn”, rồng phượng đưa phúc đến, hôn nhân gõ cửa nhà, “Gặp sự vui bên ngoài, tiền để trên mặt đất”, “Buôn bán sinh sôi trên bốn biển, Tài phú nhân bội ở ba sông”. Đó là những câu đối cũ đã được thay bằng các lời trích dẫn và các khẩu hiệu cách mạng. Hai câu nữa là: “Khi gặp một người, một nụ cười đáng ba phần hạnh phúc”, “Có việc vô tâm thì tự việc biến đi”. Ta không biết ông già nghĩ ra nó hay là thừa hưởng từ tổ tiên. Ông già viết theo phong cách bay bướm: cốt cách chữ khá đạt, có thể nói là có chút đạo bùa của đạo sĩ.

Ông già khá cao tuổi, ngồi sau quầy, mặc áo vét kiểu cổ có hai vạt bắt chéo và đội một cái mũ lưỡi trai cũ của quân đội, màu đã bạc, nó đem lại cho ông già một dáng vẻ hài hài. Trên quầy của ông, ta thấy có bát quái dùng làm cái chặn giấy. Ta đến gần để bắt chuyện.

- Dạ, ông làm ăn được chứ?
- Được.
- Thế một đôi câu đối bao nhiêu tiền ạ?
- Có đăng hai nguyên, có đăng ba nguyên, tùy chữ nhiều ít.
- Chỉ một chữ “phúc” thì sao?
- Một nguyên.
- Mỗi một chữ?
- Đúng, nhưng tôi viết ngay trước mặt anh.
- Thế vẽ bùa giải hạn trừ tà?

- Cái thứ ấy, khó vẽ đấy, ông già ngẩng đầu lên về phía ta nói.
- Tại sao?
- Anh là cán bộ, tại sao không biết?
- Tôi không là cán bộ.
- Nhưng rõ là anh ăn ở cái nồi cơm của Nhà nước mà, ông già khẳng định dứt khoát.
- Ông ơi, ta vừa nói vừa đến gần, ông chẳng phải là đạo sĩ của Đạo giáo đấy sao?
- Tôi không làm từ lâu rồi.
- Tôi biết, nhưng tôi hỏi ông vẫn còn biết làm lễ Đạo giáo hay không.
- Dĩ nhiên vẫn, nhưng chính phủ cấm mê tín dị đoan mà.
- Ai bảo ông mê tín dị đoan? Tôi sưu tầm âm nhạc đệm cho các câu kinh, ông có thể hát lên cho tôi nghe được không? Hội các đạo sĩ ở núi Thanh Thành bây giờ đã bắt đầu chính thức hoạt động trở lại rồi, ông còn sợ cái gì nữa?
- Đây là một tòa đại miếu, còn chúng tôi đây, những người đạo sĩ dân gian ở làng thì người ta không cho làm đâu.

Ta lại càng thấy quan tâm hơn:

- Chính là tôi sưu tầm một đạo sĩ dân gian như ông đấy. Ông hát cho tôi một hai bài được không? Bài kinh tụng cho đám ma hay kinh tụng để xua tà đuổi quỷ.

Ông già hát hai câu rồi ngừng bật ngay:

- Tùy tiện kinh động quỷ thần như thế này không tốt, trước hết phải thấp hươu thỉnh cầu các vị.

Trong khi ông già hát, nhiều người kéo đến, rồi một người trong đám cất tiếng gọi ông, thế là nổ ra một trận cười:

- Này ông, hát cho chúng tôi bài gì nó hoa lá ấy!

- Tôi sẽ hát cho các vị một bài hát miền núi, - ông già bèn tuyên bố tựa như để tự cổ vũ chính mình.

- Hát đi, hát đi!

Ông thành linh cất lên một giọng hát rất cao:

Em gái trong núi hái chè,

Dưới đồng bằng chồng chưa cưới của em cất cói,

Chim uyên ương của hai bên đã bay lên,

Em gái và chồng chưa cưới sắp hợp thành đôi.

Trong đám đông, người thì vỗ tay người thì khuyến khích ông:

- Hát bài tục ấy!

- Nào hát đi, ông già!

Ông già xua xua tay về phía đám đông:

- Không được, không được, nếu tôi hát thì đó là phạm nguyên tắc.

- Hát một bài thì phạm nguyên tắc lớn đến đâu?

- Đừng lo, ông ơi, hát đi!

Đám đông réo gọi to, phớt nhỏ đen đặc người, xe đạp không đi qua được bóp chuông.

- Được nhớ, chính là các vị muốn thế đấy nhớ! – ông già bị đám đông thúc đẩy vừa nói vừa đứng lên.

- Hát bài con khỉ đội mũ bằng vỏ dừa mò vào buồng đàn bà ấy.

Mọi người vỗ tay hoan hô bài hát được chọn. Ông già lau lau miệng sắp sửa hát thì bỗng nói khẽ:

- Công an!

Mọi người quay lại. Không xa, một công an viên đi tuần, đầu đội mũ lưỡi trai vành trắng điểm dải băng đỏ.

- Công an thì có cái gì?

- Người ta vui chơi một tý có gì quan trọng?

- Công an không quản các chuyện loại này đâu!

- Nói gì mặc các vị nhưng đi đi, tôi còn làm ăn hay thôi đây – ông già nói xong lại ngồi xuống.

Khi người công an đi rồi, đám đông tiếc rẻ giải tán. Ta hỏi ông già:

- Ông ơi, liệu tôi có thể mời ông đến hát ở buồng tôi được không? Khi nào dọn quây xong tôi sẽ đưa ông đi ăn ở nhà hàng và uống rượu với tôi, đồng ý không?

Đề nghị của ta đã lôi cuốn được ông già.

- Đồng ý, tôi dọn hàng. Tôi xếp quây đây, chờ tôi cắt các tấm ván đi đã.

- Nhưng tôi làm mất thì giờ của cụ rồi đấy, - ta nói như xin lỗi.

- Không sao, là bạn mà. Tôi chẳng nhờ vào đó để ăn đâu. Ra thành phố thì tiện thể bán vài chữ, để kiếm ít tiền vặt. Nếu tôi chỉ dựa vào giấy mực thì tôi chết đói lâu rồi.

Ta đi trước gọi thức ăn và rượu trong một quán ăn ở góc phố. Một lát sau, ông già gánh hai cái thúng đi đến.

Cả hai vừa ăn vừa trò chuyện. Ông già giải thích rằng năm lên mười, cha ông đã gửi ông đến đạo viện để giúp việc nhà bếp, theo đúng ý nguyện của ông nội lúc đang bị ốm truyền lại. Ông còn có thể đọc ngược

không vấp quyển sách “Huyền môn nhật khóa” mà lão sư phụ vỗ lòng cho ông. Khi sư phụ ông chết, ông đã cai quản đạo viện và biết mọi lễ lạp nghi thức. Sau đó, trong cải cách ruộng đất, ông làm đạo sĩ, chính phủ ra lệnh ông trở về làng cày cấy. Khi ta hỏi ông về phong thủy, về ngũ lô chỉ pháp, về bộ pháp tử vi, về thuật sờ nắn xương xem tướng mặt, ông đều biết cả. Ta mừng rỡ, nhưng quán ăn đầy những người nông dân đã làm ăn xong và kiếm được tiền uống rượu múa tay nói cười ầm ầm dễ sợ. Ta nói ta có một máy ghi âm trong xách, tất cả những gì ông giải thích cho ta đều là những tư liệu quý hết. Ta muốn ông đến khách sạn ta trọ sau bữa ăn, ông sẽ tha hồ tụng kinh và hát. Ông lão lau mồm:

- Anh cầm lấy rượu mang về nhà tôi uống. Ở nhà tôi có áo đạo bào và các đồ phù phép cần thiết.

- Có cả dao tể của đạo sĩ đuổi tà mà nữa?

- Cái gì mà chẳng có.

- Có cả lệnh bài điều thần khiển tướng nữa chứ?

- Tôi có cả chiêng trống, tất cả những gì cần cho lễ bái. Tôi sẽ cho anh xem tất tần tật.

- Đồng ý! Ta nói và đập tay xuống bàn, đứng lên theo ông già ra cửa.

- Nhà ông ở huyện lỵ ư?

- Không xa, không xa. Tôi đi gửi cái đòn gánh ở nhà ai đó đã, anh đi trước chờ tôi ở bến xe đường dài ấy.

Năm phút sau ông già rảo bước tới, giục ta leo lên một xe khách sắp lăn bánh. Ta lên xe không hề suy nghĩ. Xe chạy không nghỉ, ta nhìn qua cửa xe ánh nắng cuối cùng khuất sau rặng núi. Khi xe đến trạm chót, một thị trấn nhỏ, đã đi được ngót hai chục cây số. Xe lại chuyển bánh tức thì, đó là chuyển cuối cùng của ngày hôm nay.

Thị trấn thực ra chỉ là một con phố duy nhất dài năm chục mét là cùng. Ta không biết có một quán ăn nào ở đây không. Ông bảo ta chờ rồi vào một căn nhà. Ta nghĩ rằng nếu ta ở đây với con người nồng nhiệt này thì

đó là cuộc gặp gỡ tiền định. Ông ở trong nhà đi ra, hai tay bưng lưng chậu đậu phụ, bảo ta đi theo.

Ra khỏi thị trấn, trên con đường đất, đêm bắt đầu xuống.

- Ông ở làng gần thị trấn?

- Không xa, không xa đâu, - ông già chỉ trả lời như vậy.

Chẳng mấy chốc không còn thấy nhà cửa nào và đêm thì dày đặc. Khắp nơi trong ruộng vang lên tiếng ếch nhái kêu oà oạp. Ta hơi e ngại nhưng không dám hỏi. Đằng sau ta nổi lên tiếng nắc cúa của một động cơ máy kéo cá nhân. Lập tức, người đồng hành của ta múa tay ra hiệu rồi chạy đuổi theo. Ta cũng bắt kịp ông già và nhảy vào cỗ moóc. Đi khoảng cả chục dặm nữa trên đường đất, cả hai cùng xóc tung lên như những hạt đậu trong chiếc moóc trống không. Trong đêm tối, lấp lóa như chột, ánh đèn pha vàng của một chiếc máy kéo cá nhân chiếu sáng con đường gồ ghề một vùng hai chục bước. Không một người đi bộ. Ông già liên hồi chuyện văng lên với người tài xế bằng thổ ngữ địa phương, tựa như đang cãi nhau, nhưng ta không sao nắm được một câu nào của họ vì tiếng máy nổ. Cứ cho là họ đang bàn việc thật ta như thế nào thì ta cũng chỉ có thể nhờ trời mà thôi.

Cuối cùng đã đến kịch đường. Ở đấy sừng sững một ngôi nhà tối om: chủ cỗ xe kéo đã về đến nhà. Khi anh ta mở cửa, hai người chia nhau vài mẫu đậu phụ trong thau. Theo sau người dẫn đường, ta lần mò trên lối mòn lượn ngoằn ngoèo giữa các bờ ruộng.

- Còn xa không?

- Không xa, không xa đâu, - ông già nhắc lại.

May sao ông ta đi trước. Nếu ông ta đặt thau xuống trở quyền cước kung fu với ta – vì ta biết tất cả các đạo sĩ già đều mê võ thuật – ta chỉ còn cách nhảy ùm xuống ruộng mà lặn đi trong bùn. Bây giờ núi hắt bóng xuống các ruộng bậc thang, tiếng ếch nhái đã hiếm. Ta tìm cách nối lại chuyện. Ta hỏi về thu hoạch mùa rồi đến các khó khăn mà ông gặp phải. Ông nói con người ta không giàu được nếu như lệ thuộc hoàn toàn vào

đất cát. Năm nay, ông đã chi ba nghìn nguyên để biến mấy mẫu ruộng thành ao. Ta hỏi ông có nuôi rùa không vì ở thành phố hiện giờ ăn rùa là cái mốt. Người ta bảo ăn rùa chống ung thư hơn nữa còn tráng dương. Rùa bán rất đắt. Ông nói ông đã thả cá bột nhưng rùa chén mất hết. Bây giờ ông có tiền thì gỗ vẫn cứ khó mua. Ông có sáu con trai, chỉ có thằng cả đã lấy vợ, những đứa khác chờ làm xong nhà mới ra ở riêng. Thấy yên tâm hơn, ta ngắm sao, hưởng cảnh đêm.

Trong bóng núi, phía trước mặt lấp lánh ánh lửa. đã về tới nơi.

- Tôi đã bảo là không xa mà.

Rõ là người nông thôn có khái niệm riêng của họ về khoảng cách.

Hơn mười giờ đêm, thế là ta đã đến một sơn thôn nho nhỏ. Ở cửa ra vào nhà, hương thấp ở chỗ những bức tượng gỗ hay đá ít nhiều sứt mẻ. Chắc họ đã thu nhặt chúng trong chùa miếu khi chùa miếu bị phá phách trong cuộc đấu tranh chống “Tứ cữu[20]” cách đây hơn mười năm. Bây giờ, ông lão có thể công khai bày biện chúng và dán các đạo bùa cả lên rui kèo trên mái. Những đứa con trai ông đi ra, lớn nhất mười tám, nhỏ nhất mười một. Thằng cả không ở đây. Bà vợ ông bé tí teo, bà mẹ già của ông tám mươi tuổi nhưng vẫn hoạt bát lắm. Vợ ông và lũ con xúm xít ân cần ở bên ta, ta là thượng khách trong con mắt họ. Không những họ lấy nước cho ta lau mặt mà còn muốn cạo rửa chân ta và cho ta đi giày vải của chủ nhà. Rồi họ pha trà cho ta.

Một lát sau, các người con trai ông mang chiêng, trống, náo bạt đến, một cái chiêng bé và một cái chiêng to móc vào giá gỗ. Lập tức nhạc nổi lên, ông già thong thả, đường bệ từ trên gác bước xuống. Ông đã thay đổi hẳn cốt cách, mặc đạo bào, áo dài cũ màu tím của đạo sĩ, áo vá và có trang trí hình cá âm dương cùng những bát quái. Ông tự tay thấp hương, cúi rạp người xuống trước ô thờ chư thần. Người làng đủ lứa tuổi được chiêng trống đánh thức dậy đang chen nhau ở bậc cửa. Khung cảnh biến thành một buổi lễ náo nhiệt. Ông già đã không nói dối ta.

Đầu tiên hai tay ông nâng lên một bát nước trong, miệng lầm rầm rồi búng một cái rẩy nước ra bốn góc nhà. Khi nước bắn vào chân những người chen chúc ở cửa, một tiếng râm ran lớn lẫn với tiếng cười cất lên.

Riêng ông già không biến sắc mặt, hai mắt lim dim, khóe mép trệ xuống, phô ra vẻ trân trọng của người đang giao tiếp với thần linh. Nhưng đám đông cười mỗi lúc một to. Thành linh ông vén tay áo dài đập mạnh vào một cái phách trên bàn, làm các tiếng cười nín bặt. Ông quay lại hỏi ta:

- Tôi có thể hát Bài hát của năm lên đường cái lớn, bài hát Cát hung Cửu tinh chín sao, Bài hát con cháu, Bài hát về biến dạng đổi hình, Bùa chú Ứng nghiệm bốn hung tinh, Lời thỉnh phần danh tính pháp làm cửa phòng ông bà, Kinh chúc lễ thổ thần, Lời thỉnh gọi hồn Bắc Đẩu, anh muốn nghe những gì?

- Nào, hãy nghe lời thỉnh gọi hồn Bắc Đẩu trước đã.

- Cái này là để che chở cho trẻ con khỏi bệnh hoạn cùng tai họa. Các người đây muốn che chở cho đứa trẻ nào? Cho tôi tên nó cùng ngày sinh giờ sinh.

- Chúng ta cho thằng Cún đến đi, - có người đề nghị.

- Ừ, cháu ừ đầu.

Một đứa trai nhỏ ngồi trên bậc cửa đứng lên trốn vào đám đông. Mọi người lại rộ lên.

- Mà làm sao mà sợ, thằng kia? Ông lão làm cho mà để mà không còn đau ốm nữa mà, - một người đàn bà nói.

Đứa bé nấp trong đám đông không chịu ra vì bất cứ lí do gì ở trên đời này.

Phất phất ống tay áo, ông già giải thích cho ta:

- Tốt rồi, thông thường ta phải sửa một bát cơm, luộc một quả trứng gà đặt lên bát cơm rồi thắp hương cúng thỉnh. Đứa bé phải quỳ lạy trước ban thờ, người ta sẽ kêu xin chân quân tứ phương, Tử vi đại thế, Diên thọ tinh quân ở nam phương, Cửu trấn giải ách tinh quân, nhị vị thủ hộ tôn thần bắc phương, cha mẹ đã quá cố của gia đình, con cháu Táo quân phủ thần để cho tất cả cùng giáng phúc cho đứa bé.

Vừa nói ông vừa vung cao dao lể, nhảy lên rồi bắt đầu hát váng:

- Hồn hỡi hồn ơi, hãy mau trở lại! Phương Đông đứa trẻ mặc áo lam, phương Nam đứa trẻ mặc áo quần đỏ, phương Tây, đứa trẻ mặc áo quần trắng phù hộ cho mày, còn đứa trẻ ở phương Bắc mặc áo quần đen thì đi cùng với mày. Hỡi vong hồn, hồn hồn đang đi xa xin đừng đi nữa, đường dài, về nhà không có dễ. Ta cầm một cây thước ngọc để đo đường phòng khi nhà ngươi đến phải vùng tăm tối. Nếu nhà ngươi sa phải lưới trời ta sẽ cắt đứt chúng bằng lưới kéo của ta. Nếu nhà ngươi đói khát, nếu nhà ngươi mệt mỏi, ta có cơm gạo cho nhà ngươi đây. Chớ nghe chim hót trong rừng, chớ nhìn cá dưới ao sâu, nếu người ta gọi nhà ngươi nghìn lần, người chớ trả lời, hồn hỡi hồn ơi, mau về nhà ngay! Thần linh phù hộ che chở cho nhà ngươi, chớ có ngừng tu nhân tích đức! Từ nay hồn sẽ nguyên vẹn, phách sẽ chở che, giá lạnh gió máy không thể lọt vào, nước nôi, đất cát không phạm đến, trẻ con thì khỏe mạnh, người già thì cứng cáp, tất cả mệnh trường trăm tuổi!

Ông hoa hoa con dao lể làm thành một vòng tròn to trên không. Phồng má, ông thổi mạnh vào cái tù và bằng sừng trâu rồi ông quay lại phía ta:

- Nếu tôi vẽ một đạo bùa nữa, ai đeo nó sẽ gặp toàn may mắn.

Ta không tài nào nhận được ra liệu ông lão có tin vào các phù phép của chính ông không, nhưng xem ra dấu gò ông cũng hoa chân múa tay thật lòng và mang một vẻ mặt rất hài lòng. Hành lễ ngay tại nhà mình, được con cái khuyến khích, dân làng nể trọng và hơn nữa trước một người lạ, việc ấy chắc chắn là đưa ông đến cực điểm kích động.

Sau đó ông đọc hết chú này đến chú kia, ông gọi trời đất, nghĩa là các lời ông nói ra ngày một mơ hồ, động tác cử chỉ của ông ngày một điên loạn. Chung quanh ban thờ, ông trở tài nghệ quyền thuật và kiếm thuật. Các con ông đệm theo sự biến hóa của ông bằng cách hòa nhịp chân và điệu hát của ông với những chiêng trống mà họ biểu diễn mỗi lúc một hăng. Nhất là người con út đánh trống: anh ta ngang nhiên xắn tay áo, nước da đen của anh ta ánh lên, vai nổi ụ. Ngoài cửa, người xem mỗi lúc một tụ tập đông hơn. Những người ở hàng đầu bị xô đẩy đến nỗi họ vượt qua cả ngưỡng cửa gian buồng, dồn những người ở trong lên chặt

vào góc. Một số người ngồi phệt ngay xuống đất. Sau mỗi bài hát, tất cả lại theo ta vỗ tay, hoan hô. Ông già ngày càng phởn phơ hơn. Ông phô diễn tất cả các chiêu võ ông biết, không chút sợ sệt, ông lần lượt gọi tên các quỷ thần ông sở hữu trong người, ở một trạng thái nửa say nửa cuồng. Ông chỉ ngừng lại thở khi ta đảo băng cát-xét của máy ghi âm. Trong gian buồng và ở bên ngoài, đám đông bị kích động đến cực điểm. Người ta cười, người ta gọi nhau, người ta tán chuyện. Những cuộc hội họp lớn của nông dân chắc cũng không náo nhiệt như thế này.

Vừa lau người bằng khăn tay, ông già vừa nói với đám con gái ở trước mặt:

- Hát đi, cả chúng mày nữa, hát cho giáo sư nghe.

Đám con gái cười khúc khích, nhao nhao lên rồi đẩy huých lẫn nhau trước khi cô thiếu nữ tên là Mao Muội ra khỏi đám. Duyên dáng, cô gái mới chỉ mười bốn mười lăm nhưng không có vẻ nhút nhát chút nào. Cô hỏi, hai con mắt to tròn chồm chớp:

- Hát bài gì?

- Một bài miền núi ấy.

- Tôi hát bài “Đám cưới của các chị!”.

- “Hoa thơm bốn mùa” hơn.

Bên cửa, một bà trung niên bảo ta:

- Tốt hơn cả là nó hát “Các chị khác lấy chồng”, bài ấy hay.

Cô gái nhìn ta, cúi người rồi quay mặt đi. Tiếng trong veo như pha lê của cô xuyên qua tiếng ồn ào của đám đông mà vút thẳng lên không. Cô gái lập tức đưa ta vào núi. Gió, những con suối trong vắt và sầm tối, những cực nhọc chảy trôi theo dòng nước vừa xa vời vừa rõ rệt. Ta tưởng tượng ra những bó đuốc của khách đi đường trong bóng tối của núi. Trước mắt ta bỗng bẽnh hình ảnh một ông già, bó đuốc thông cháy trong tay đang đưa một cô gái cùng tuổi với Mao Muội đây, rất gầy, trong bộ quần áo màu. Họ đi ngang qua trước cửa ông hương sư của một cái

làng nhỏ nhỏ. Ta dừng lại để nghỉ ngơi trong gian phòng này, ta không biết họ từ đâu đến, họ đi đến đâu, trước mặt họ, một quả núi đồ sộ với những cánh rừng sâu thẳm. Họ liếc nhìn ta mà không dừng chân rồi lọt vào rừng. Một tàn lửa rớt xuống trước cửa còn sáng lâu mãi. Khi ta quay mắt đi để tìm lại dấu vết của ngọn đuốc, ta thấy một ngọn lửa tí xíu nhảy nhót trong bóng tối ở bên kia các tảng đá. Nó nhấp chờn trong đêm đen, các tàn lửa từ nó rơi ra đang bí mật vạch ra con đường họ lần theo. Rồi tất cả đã bị xóa đi, ngọn lửa nhỏ nhảy nhót, các tàn lửa, như một bài hát, một bài ca buồn thảm, thuần khiết và lóa sáng, đang nhấp chờn trong bóng tối gian phòng hay trong một bắc đèn, không to hơn một hạt đậu. Những năm đó, ta cũng như họ, chân trần trong ruộng làm đất làm cát và trời vừa tối là chẳng có chỗ nào đi, ngôi nhà của ông thầy tiểu học là nơi trú náu duy nhất ta có thể tán gẫu, uống trà, ngồi ỳ và tiêu khiển giúp ta qua cảnh cô quạnh.

Buồn thảm đụng chạm đến tất cả mọi người, không ai nói một lời. Cô gái đã ngừng hát một lúc lâu thì một cô khác, nhiều tuổi hơn, đứng tựa cửa, thở dài thật náo nề. Chắc là một cô gái sắp lấy chồng:

- Buồn thế!

Rồi đám đông lại hặc:

- Hát một bài tấu đi!

- Bác ơi, hát “Đêm năm canh”!

- “Mười tám cái vuốt ve” ấy.

Đám thanh niên gọi ông.

Ông già lấy hơi, cởi áo dài đứng lên khỏi chiếc ghế băng để đẩy cô gái vừa hát và đám trẻ con ngồi trên bậc cửa.

- Đi, nào trẻ con, đi về nhà ngủ đi! Không hát nữa đâu, đi ngủ đi.

Chẳng ai muốn đi. Người đàn bà trung niên, đứng trước cửa lúc đó bèn lần lượt gọi tên từng đứa bé. Ông già giậm chân tựa như bực mình rồi bắt đầu kêu lên:

- Đi ra hết! Tao đóng cửa, tao đóng cửa đây này, về ngủ đi!

Người đàn bà đi vào trong phòng đẩy bọn con gái bé ra ngoài rồi quát bọn con trai bé:

- Ra đi, chúng mày nữa.

Bọn con gái lẻ lười ra đáp lại rồi kêu lên một tiếng lạ:

- Yê...

Cuối cùng hai cô gái lớn ngoan ngoãn đi ra. Đám đông đuổi nốt bọn trẻ con. Người đàn bà đi đóng cửa, những người lớn tuổi tranh thủ lúc này ùa vào. Khi then đã cài, nhiệt độ lên cùng với một mùi mồ hôi nồng nặc. Ông già dặng hắng khe khẽ, nhổ xuống đất, nháy mắt về đám đông. Ông đã đổi diện mạo. Với một vẻ nghịch ngợm, ông đi đứng theo kiểu một con mèo.

Người đàn ông sửa soạn, hấn sửa soạn cái gì?

Hấn sửa soạn cái gậy của hấn,

Người đàn bà sửa soạn, sửa soạn cái gì?

Ả, sửa soạn cái cống của ả.

Đám đông hoan hô ông. Ông già lau mép bằng tay:

Cái gậy rơi vào trong

Nó giẫy lên như một con cá diếc!

Tiếng cười ran ran lên, người thì cúi gập người lại mà cười, người thì nhẩy từng từng.

- Hát cho chúng tôi bài “Thằng ngu lấy vợ” nữa đi! – Một tiếng nói cất lên.

- Cha chả! Đám thanh niên kêu lên.

Ông già gạt cái bàn ra lấy chỗ ở trong phòng. Ông ngồi xồm xuống đất thì thành linh có người gõ cửa. Bất bình ông hỏi:

- Ai đấy?

- Tôi đây, bên ngoài tiếng một người đàn ông đáp.

Cửa mở một người trẻ tuổi đi vào, áo vét vắt vai, tóc rẽ ngôi. Mọi người lầm rầm:

- Trưởng thôn, trưởng thôn, trưởng thôn...

Ông già đứng lên. Người mới đến hơi mỉm cười nhưng lập tức nụ cười tắt ngấm khi con mắt anh ta dừng lại ở chiếc máy ghi âm để giữa bàn, anh ta đi về phía ta.

- Đây là khách của bố.

Ông già quay lại giới thiệu ta với người trẻ tuổi:

- Con cả tôi đấy!

Ta chìa tay ra. Anh ta hạ cái áo ở vai xuống, không buồn bắt tay ta chỉ hỏi:

- Anh ở đâu đến?

- Anh ấy là giáo sư ở Bắc Kinh, - ông già vội giải thích.

Anh con trai cau mày:

- Anh có giấy giới thiệu chính thức không?

- Tôi có giấy chứng nhận, - ta nói và lấy ra thẻ hội viên Hội nhà văn.

Anh ta xem ngược xem xuôi rồi trả lại.

- Nếu anh không có công văn chính thức thì không được.

- Anh muốn công văn chính thức nào?

- Của hành chính xã hay con dấu của hành chính huyện.

- Nhưng thẻ của tôi có đóng dấu đây.

Anh ta phân vân, cầm lại tấm thẻ đến xem chăm chú dưới đèn.

- Trông không rõ lắm.

- Tôi từ Bắc Kinh đến sưu tầm dân ca!

Ta không chịu lùi bước, dĩ nhiên, cũng chẳng bận tâm quá đến xã giao. Thấy ta vững vàng, anh ta bèn quay về phía người cha và nghiêm khắc quở trách:

- Bố, bố biết rõ như thế là trái nguyên tắc cơ mà.

- Anh ấy là một người bạn bố mới quen.

Người cha muốn giải thích tiếp nhưng trước con trai ông – trưởng thôn, ông thiếu dũng khí.

- Tất cả mọi người về ngủ đi! Phạm nguyên tắc.

Anh con còn nhắc lại câu này với đám người xem. Một số đã lui đi, đám em trai của anh ta đã xếp dọn nhạc cụ và đồ cúng tế. Ta không là người duy nhất tiu nghỉu, ông già thật tình chán nản, tựa như ông vừa nhận cả một thau nước lạnh vào đầu. Tất cả sự linh hoạt và tinh khôn đã rời bỏ ông, hai con mắt ông trống không, ông co rúm lại tội nghiệp. Ta buộc phải giải thích:

- Cha anh là một nghệ nhân dân gian hiếm có, tôi đặc biệt đến học tập ông ấy. nguyên tắc của anh về nguyên tắc là tốt, nhưng còn những nguyên tắc lớn hơn chỉ đạo cả các nguyên tắc của anh...

Vậy mà lúc này ta cũng khó giải thích với anh ta cái nguyên tắc lớn hơn kia là gì.

- Mai anh đến hành chính xã, họ sẽ nói có được hay không, được thì anh quay lại với một con dấu.

Anh ta đã dịu giọng, kéo cha lại một góc thềm thì cái gì vào tai. Cuối cùng anh ta hất cái áo lên vai rồi đi ra.

Khi mọi người ra về hết, ông già cài then cửa rồi đi vào bếp. Một lát sau, bà vợ mảnh khảnh của ông mang ra một bát tương đậu phụ luộc với thịt muối và các thứ rau dưa muối. Ta thoái thác nhưng ông già nài nỉ. Cả hai cùng ngồi ăn, không ai nói năng gì. Sau đó, ông bảo ta ngủ với ông trong gian buồng sát bếp, thông với chuồng lợn. Đã hơn một giờ sáng.

Đèn vừa tắt muối đã tấn công. Ta đập liên hồi kỳ trận vào mặt, vào đầu, vào tai. Không khí ngọt ngào, trong gian phòng một mùi khăn khăn. Sự hiện diện của ta ở trong nhà khiến cho con chó kích động đến cao độ. Nó ra lại vào, làm cho lũ lợn không ngừng ỉn ỉn và liên tục cựa quậy. Dưới giường vài con gà mái người ta quên nhốt chuồng cũng bị con chó quấy. Thỉnh thoảng chúng đập cánh. Ta quá ư mệt mỏi mà không tài nào ngủ nổi. Lát sau, con gà trống dưới gầm giường cất lên hồi gáy cổ cộ nhưng ông lão vẫn cứ ngáy. Ta không biết muối có đốt ông không hay chỉ đốt người lạ. Trừ phi ông già này một khi đã thiếp vào giấc ngủ là mất hết tri giác. Không chịu được hơn nữa, ta dứt khoát dậy, mở cửa phòng chính và ngồi ở ngưỡng cửa.

Một làn gió mát nổi lên. Người ta thôi đổ mồ hôi. Qua đường viền lò mờ của cây rừng, ta không nhận ra bất kỳ một ngôi sao nào trong màn đêm xám nhờ nhờ. Mọi người vẫn ngủ say trong các ngôi nhà rải rác với những mái ngói đen sì. Không bao giờ ta lại có thể tưởng tượng mình được qua một tối vui nhộn đến như thế ở trong cái sơn thôn nhỏ bé này, chưa tới chục gia đình. Thất vọng bị cắt đứt lưng chừng đã tiêu tan khi hơi lạnh xâm chiếm ta; cái mà người ta thông thường vẫn gọi là cuộc đời, nó vẫn cứ là ở trong cái không lời.

Nàng nói: thế đủ rồi, anh đừng kể nữa!

Mi cùng nàng đi dọc bờ sông dựng đứng, bên dưới nước xoáy rất mạnh. Trước mặt hai người, một vực nhỏ sâu trải ra. Khi nước đổ vào vực, nước dạt ra thành vòng cung rồi bề mặt hoàn toàn nhẵn của nó trở nên xanh sẫm, không một gợn sóng. Đường mỗi lúc một hẹp.

Nàng nói nàng muốn về, nàng sợ mi đẩy nàng xuống sông.

Giận dữ bốc lên trong người, mi hỏi nàng có phải là điên rồi không.

Nàng nói chính là vì nàng ở với một con quỷ như mi mà nàng đã bị rút rỗng hết, rằng tim nàng bây giờ khô cằn; nàng chẳng thể nào mà chẳng hóa điên được. Nàng biết rõ là nếu mi còn đi với nàng dọc con sông này thì đó là vì mi tìm cơ hội để đẩy nàng xuống nước. Mi muốn nàng chết đuối để cho nàng không lưu lại dấu vết gì.

Cút đi! Mi không tìm được, mi rửa nàng.

Nàng nói, anh xem đây, anh xem đây, chính là anh nghĩ thật như thế đấy, bụng dạ anh hiểm độc; thật tình mi cần bản chẳng yêu nàng, không yêu là xong, thế nhưng tại sao mi lại quyến rũ nàng? Tại sao mi lại kéo nàng đến trước chỗ vực sâu này?

Mi nhận ra trong mắt nàng một sợ hãi thật sự, mi muốn đến gần để an ủi nàng.

Không! Không! Nàng cấm mi bước gần thêm một bước nữa. Nàng van mi hãy đi ra xa, để nàng được sống. Nàng nói, trông thấy cái vực không đáy này, tim nàng lạnh băng đi vì sợ. Nàng muốn về mau, tìm lại cuộc đời ngày xưa của nàng; nàng đã lên án lầm nó và để cho một quái vật như mi dẫn đến những địa đầu hoang vu này. Nàng muốn trở lại gần hắt, tìm lại căn buồng bé nhỏ của hắt, và lần này nàng sẽ có thể tha thứ cho hắt tất cả, cho dù hắt luôn hung bạo trong các quan hệ tính giao. Nàng nói rằng

bây giờ nàng hiểu ra rằng chính vì hấn yêu nàng mà hấn hùng hực như thế, rằng dục vọng lỏa lồ của hấn chứng tỏ lòng thành của hấn chứ còn nàng không chịu nổi được sự lạnh lùng của mi, mi đạo đức giả gấp trăm lần hấn, mi ấy, thật ra mi đã chán nàng từ lâu rồi nhưng mi không nói ra, mi làm nàng đau khổ về tâm hồn còn độc ác hơn là làm cho nàng đau khổ về thân xác.

Nàng nói nàng nghĩ đến hấn, rằng ở nhà hấn, cuối cùng nàng tự do, nàng cần một tổ ấm, ở đó nàng có thể nấu ănn, nàng chỉ muốn trở thành một bà chủ nhà, hấn nói muốn lấy nàng, nàng tin hấn, còn mi, ngay những lời như thế mi cũng không bao giờ nói ra. Khi hấn làm tình với nàng, hấn nói đến một người đàn bà khác nhưng cái đó duy nhất chỉ để kích thích nàng lên thôi, còn mi, lời lẽ của mi chỉ gây nên băng giá ở trong nàng, bây giờ nàng nhận ra nàng yêu hấn thật. Vì thế nàng mới thần kinh thế này, vì thế nàng mới không ở trong trạng thái bình thường. Nếu nàng bỏ đi thì đó chỉ là muốn hấn đến lượt phải khổ, nhưng bây giờ như thế đủ rồi. Nàng đã trả thù tạm tạm rồi, có lẽ còn quá đáng nữa. Khi hấn biết ra điều ấy, hấn sẽ điên mất, chắc là thế, nhưng hấn sẽ vẫn cứ muốn nàng và biết tỏ ra khoan thứ.

Nàng nói nàng cũng nghĩ tới gia đình, rằng dù bà dì ghẻ có tai ác thì nàng vẫn là người của họ. Cha nàng hấn là phải lo lắng khủng khiếp, chắc phải tìm nàng ở khắp nơi, ở vào tuổi cha như thế dễ xảy ra bệnh.

Nàng cũng nghĩ tới các đồng nghiệp, cho dù họ có phù phiếm, hà tiện, ghen tỵ lẫn nhau, ngày mà một đứa trong đám mua được cho mình bộ quần áo hợp thời trang thì đều cười ra cho các bạn mặc thử.

Nàng cũng nghĩ tới cả những vũ hội luôn luôn chán ngấy mà vì thế người ta phải đi giày mới, xức nước hoa, với thứ nhạc và đèn nhấp nháy làm cho nàng rung chuyển cả tim gan lên kia.

Ngay cả phòng phẫu thuật sạch sẽ không chên vào đâu được, trật tự hoàn hảo: mỗi cái lọ chiếm một chỗ chính xác, luôn luôn lấy ngay được chúng, tất cả những cái đó đã quá ư quen thuộc, quá ư thân thiết. nàng phải rời bỏ cái nơi đáng nguyên rủa này, Linh Sơn cái gì, chỉ là những thứ vớ vẩn lừa bịp.

Nàng nói chính mi đã tuyên bố rằng tình yêu chỉ là một ảo tưởng mà người ta dùng để tự lừa mình. Mi không bao giờ tin là có thể tồn tại một tình yêu chân chính, hoặc người đàn ông chiếm hữu người đàn bà hoặc trái lại. Và sau đó, phải sáng chế ra mọi thứ chuyện đồng dao hay ho để cho các cái đầu yếu đuối có thể đến nương náu ở đó. Đó chính là lời của mi, mi đã nói rồi mi lại quên, mi có thể chối mọi cái mi đã nói, nhưng bóng tối mi để lại trong tim nàng thì không thể xóa đi được. Nàng kêu to lên là nàng không thể theo mi nữa! Trước cái vực nhỏ êm ả này, vùng nước sâu và tối thẫm này, nàng không thể đi lên hơn nữa với mi tới cái vực ấy; chỉ cần mi có một cử chỉ về phía nàng, nàng sẽ bầu chặt lấy mi, không buông mi ra, nàng sẽ kéo mi đi với nàng xuống gặp Diêm Vương!

Nàng còn nói nàng không bám lấy được cái gì cả, mi nên cho nàng một lối ra, nàng sẽ không làm liên lụy tới mi, mi sẽ không phải kéo lê gánh nặng và mi sẽ nhẹ nhõm hơn để đi tới Linh Sơn, hay địa ngục. Mi không cần phải đẩy nàng, nàng tự đi, đi xa ra khỏi mi, nàng sẽ không gặp mi nữa, nàng sẽ không nghĩ tới mi nữa, mi không phải lo lắng cho nàng, nàng sẽ tự đi, mi chẳng có lỗi lầm gì, mi chẳng phải ân hận, chẳng phải trách nhiệm và khi nàng không còn ở đâu nữa, mi cũng sẽ chẳng phải cắn rứt lương tâm, coi như chưa từng có nàng. Mi xem, mi không nói năng được gì vì nàng đã bấm đúng vào chỗ làm cho mi đau, nàng đã vạch vòi ra ý nghĩ của mi, mi không dám thú nhận, nàng đã nói ra tất cả thay cho mi.

Nàng nói nàng sẽ về, về gần hẳn, về căn phòng nho nhỏ của nàng, về với phòng phẫu thuật của nàng, về gia đình nàng, nối lại quan hệ với bà dì ghẻ nàng. Nàng đã luôn sống xoàng xĩnh, nàng sẽ tìm lại sự xoàng xĩnh, nàng sẽ như những con người xoàng xĩnh, dẫu sao nàng sẽ không đi thêm một bước nữa với mi, nàng không thể xuống địa ngục với một con quỷ như mi!

Nàng nói nàng sợ mi, mi hành nàng, dĩ nhiên nàng cũng hành mi, bây giờ nàng không muốn nói gì nữa hết, nàng không muốn biết gì nữa hết, nàng đã biết cả rồi, nàng biết quá nhiều điều rồi, hay là tốt hơn nàng không biết gì hết, nàng muốn quên hết, những gì nàng không thể quên đi thì một ngày nào đó nàng phải quên đi, lời cuối cùng nàng có với mi sẽ là để cảm ơn mi, cảm ơn mi về cái đoạn đường mi đã đi cùng với nàng,

cầm ơm mi vì mi đã cứu nàng khỏi nỗi cô đơn. Nhưng nàng vẫn cảm thấy cô đơn hơn nữa và tiếp tục như thế thì nàng sẽ không thể nào chịu đựng được.

Cuối cùng nàng đã quay người đi, mi cố tình không nhìn nàng. Mi biết nàng chờ mi quay đầu lại, chỉ cần mi nhìn nàng một cái là nàng không đi, nàng sẽ có cơ móc chặt lấy mi bằng con mắt cho tới khi nước mắt giàn ra. Mi sẽ có thể nao núng mà van nàng ở lại và thế là lại những lời an ủi và những cái hôn, nàng sẽ có cơ ngã vào tay mi, con mắt đầm đìa lệ, nói ra những lời bấn loạn vì yêu, vì phẫn khích và vì buồn, những cánh tay nàng mảnh mai như những mầm dương liễu sẽ quấn lấy quanh mi rồi buộc mi lại tiếp tục lên đường cùng nhau.

Mi quyết định không nhìn nàng, tiếp tục đi dọc con đê dựng đứng. đến một chỗ rẽ, mi không cầm được nữa bèn quay lại, nhưng nàng đã biến mất. mi cảm thấy trống trải mênh mông nơi tim mi, một cảm giác hẫng hụt nhưng cũng là giải phóng.

Mi ngồi lên một tảng đá tựa như chờ nàng trở lại, nhưng mi hoàn toàn biết rằng nàng đã dứt đi mãi mãi.

Chính mi tàn nhẫn, không phải nàng, mi tuyệt đối muốn hồi tưởng lại những lời nguyên và sự ác độc của nàng để quét hẳn nàng ra khỏi lòng mi, để nàng không để lại cho mi một luyến tiếc nào.

Mi tình cờ gặp nàng tại cái trấn Ô Y như thế, mi cô đơn, nàng khổ nạn.

Mi không bao giờ biết nàng nói thật hay nói dối hay vừa thật vừa dối. những bịa đặt của nàng và của mi hòa lẫn vào nhau không thể phân biệt.

Nàng cũng vậy, không biết gì hết về mi. Chỉ vì nàng là đàn bà, mi là đàn ông, dưới ánh sáng mờ mờ của ngọn đèn cô biệc ấy, ở cái căn phòng dưới mái tối tăm ấy, mùi rơm rạ, vì chính là buổi tối ấy, như trong một giấc mơ, trong một nơi xa lạ, vì cái lạnh sớm một đêm thu, nàng đã đánh thức dậy ở trong mi các kỷ niệm của mi, các ảo tưởng của mi, các ảo tưởng của nàng và ham muốn của mi.

Còn mi, với nàng, mi đã hành động như nàng.

Đúng thế, mi đã quyến rũ nàng, nhưng nàng cũng đã quyến rũ mi như thế. Giữa các mưu mẹo của đàn bà và lòng tham của đàn ông, tìm xem cái nào chịu trách nhiệm hơn thì phỏng có hay ho gì?

Và tìm núi Linh Sơn kia ở đâu bây giờ đây? Có thể đó chỉ là một quả núi dớ dẩn mà những người đàn bà khao khát con đi đến. Nàng có là một người đàn bà với hoa đỏ không? Hay nàng là cô gái để cho bọn con trai kéo đi tắm sông đêm? Dầu gì nàng cũng chẳng còn trẻ lắm và mi chẳng còn là một cậu thiếu niên, mi chỉ nhớ đến những quan hệ mi đã có với nàng và vào lúc này, mi phát hiện ra mi sẽ không thể tả được mặt nàng, sẽ không nhận ra tiếng nói của nàng, cơ hồ đó là một kinh lịch đã từng trải qua hay có thể quá lắm một ảo tưởng; và chẳng ranh giới giữa kỷ niệm và ảo tưởng nằm ở đâu đây? Cái nào trong hai là chắc chắn nhất và đánh giá nó làm sao nhỉ?

Tình cờ gặp người đàn bà này trong thị trấn nhỏ nào đó, ở bến xe đường dài nào đó, trên bến phà, trong phố, bên lề đường, mi chẳng đã đánh thức dậy trong mi những giấc mộng xa xăm đấy sao? Và bây giờ mi quay lại cái thị trấn ấy, bến phà ấy, đầu phố, lề đường ấy, thì làm sao mà mi lại có thể tìm ra dấu vết của nàng được đây?

Trên bờ sông dựng đứng, mặt trời chiều phóng những tia sáng nghiêng nghiêng xuống trước miếu Bạch Đế. Dưới chân dốc dựng đứng, nước sông cuộn xoáy, từ xa đã nghe thấy tiếng ầm ầm của nước. Trước mặt ta vách đá của Quỷ Môn quan dựng lên như bị vạc một nhát dao. Nếu tì vào lan can sắt nhìn xuống dưới, có thể phân biệt một đường phân cách giữa nước trong leo lẻo và lấp lánh của con sông nhỏ cùng dòng nước hung dữ ngầu bùn của Trường Giang.

Ở bờ bên kia, một người đàn bà mang dù tím đi bên sườn núi giữa cỏ cây, trên một con đường nhìn không thấy leo đến tận đỉnh của ngọn núi đá dựng ngược. Người ấy đi lên rồi biến mất. Chắc có người sống trên đỉnh núi.

Những tia nắng vàng rơi ẩn vào sau núi, lập tức hai bờ hẻm sông tối sầm lại. Những ngọn đèn đỏ dùng làm hiệu báo cho tàu thuyền móc là là mặt nước lần lượt thấp sáng. Một con tàu ba boong từ thượng lưu sông đi đến, đầy người đứng ngắm phong cảnh. Tiếng rống trầm trầm của còi tàu vang mãi trong hẻm đá.

Người ta nói rằng trận đồ Bát Quái mà Gia Cát Lượng bày ở lũy đá giữa sông là nằm ở nơi sông con gặp Trường giang, bên kia Quỷ môn quan. Ta đã nhiều lần vượt cửa quan này bằng tàu và tất cả mọi người trên boong đều chỉ trở vào một cái gì, vờ như trông thấy nó nhưng ta không bao giờ có thể nhận ra, ngay cả hôm nay, từ cổ thành Bạch đế ở bờ sông. Lưu Bị đã gửi gắm đứa con trai duy nhất ở đây nhưng ai có thể biết liệu các câu chuyện kể lại trong các tiểu thuyết lịch sử là có thật hay không?

Trong miếu Bạch đế, trên các bệ đá, tượng thánh thần bị đánh đổ đã được thay bằng các tượng mới bằng đất sét bôi màu, thứ tạo hình minh họa những biến cố lịch sử cho ra một trường diện sân khấu; ngôi miếu này không còn giống với một thứ gì nữa.

Ta vòng quanh miếu, đến sau một khách sạn mới xây. Tất cả chung quanh chỉ là núi trọc, lúa thừa vài bụi cây. Ở lưng dốc, vẫn thấy lờ mờ những vết tích bức tường bán nguyệt vây bọc của một cố thành thời Hán. Nó phải dài đến vài cây số. Ông giám đốc văn hóa địa phương đã chỉ cho ta thấy. Nhà khảo cổ này phấn khích một cách chân thành đối với công việc của ông. Ông giải thích rằng ông xin các cơ quan chính phủ hữu quan tài trợ cho việc bảo tồn các di tích này: theo ý ông, cứ để cho chúng trong trạng thái hoang tàn man dại này lại tốt hơn. Nếu tiền được tháo khoán thì nhiều phần người ta lại xây các đình tạ, cao ốc sặc sỡ rồi sẽ mở khách sạn làm cho phong cảnh biến chất mất.

Ông cho ta xem một con dao đá, hơn bốn nghìn năm, nhẵn và bóng như ngọc. Cán dao có chọc một lỗ, chắc để buộc vào thắt lưng. Trên hai bờ Trường Giang, đã phát hiện nhiều công cụ đá mài tinh xảo và đồ gốm đỏ có từ thời đá muôn. Cũng đã tìm thấy những vũ khí bằng đồng trong một cái hang ở bờ sông. Ông giải thích cho ta rằng sau Quỷ môn quan, trong một cái hang nằm gần vách đá nghe đồn Gia Cát Lượng đã giấu tác phẩm về binh pháp của ông, ở đó hai người, một cầm một gù vừa mới hạ chiếc quan tài treo cuối cùng xuống. Nó đã vụn tan thành bụi. Hai người thu xương để bán như bán xương rồng cho các hiệu thuốc đông y, các hiệu thuốc này kiểm nghiệm xong liền báo với công an. Cuối cùng công an đã tìm ra người cầm; mới đầu họ không lấy được tin tức gì ở hắn, nhưng sau vài cái tát, hắn đã dẫn công an tới nơi, men theo vách đá trên một con tàu nhỏ rồi hắn cho công an thấy tài nghệ leo trèo của hắn. Nơi đây, còn lại vài mẫu ván gỗ chắc là vết tích của một mộ phần thời Chiến Quốc. Chiếc quan tài có vẻ như chứa vài vật bằng đồng nhưng không thể còn cho biết nay chúng đã thành ra như thế nào nữa.

Trong phòng triển lãm của trung tâm văn hóa, có thể xem những con xa dệt vải bằng gốm trang trí hoa văn tròn đỏ đen. Những hình vẽ này gần giống với cá âm dương, đại khái chắc cũng vào thời kỳ của những con xa đã tìm thấy ở Khuất Gia Lĩnh dưới hạ lưu Trường giang thuộc Hồ Bắc. Chúng lâu đã bốn nghìn năm. Khi chúng quay, Rỗng và Đầy lần lượt hiện ra, quay tròn rồi lại bắt đầu, tức là hiện ra Thái Cực đồ của Đạo giáo[21]. Ta tưởng tượng ra rằng đây là sự xuất hiện cổ xưa nhất của biểu tượng này, gốc gác phát tích của các nguyên lý triết học về hiện

hữu, từ tác phẩm Kinh dịch đến Đạo giáo: âm dương bổ túc cho nhau, lệ thuộc lẫn nhau giữa hạnh phúc và bất hạnh. Các khái niệm đầu tiên của loài người là để ra từ hình ảnh rồi gắn với âm thanh và cuối cùng thì với ngôn ngữ, lúc đó nghĩa mới xuất hiện.

Ban đầu một vật liệu lạ đã tình cờ rơi vào một con xa bằng đất đang nung. Chắc người đàn bà quay con xa đã nhận ra cái vận động biến hóa xoay tròn rồi lại mở đầu lại. Người đàn ông gắn nghĩa vào biến hóa đó có tên gọi là Phục Hi. Nhưng dĩ nhiên chính là người đàn bà đã cho Phục Hi sự sống, óc thông minh, cái người đàn bà sáng tạo ra sự thông minh của con người có tên gọi là Nữ Oa. Người đàn bà đầu tiên có tên Nữ Oa và người đàn ông đầu tiên có tên gọi Phục Hi thật ra là ý nghĩa về sự liên kết giữa đàn ông và đàn bà.

Với cái mình rắn và đầu người, như đã được hình dung ra như thế trên các viên gạch đời Hán, và như đã từng xuất hiện trong các truyền thuyết, trong các quan hệ giao hợp của ông với Nữ Oa, Phục Hi là hiện thân của các xung lực tính dục của người nguyên thủy. Người ta đã biến hai người từ con thú man dại thành linh quái rồi nâng lên các vị thần thủy tổ, sự hóa thân mang tính bản năng đơn giản của ham muốn tính dục và tiếng kêu của đời sống.

Vào thời kỳ ấy, cá nhân không tồn tại, người ta không phân biệt cái “tôi” và “mi”. Cái “tôi” xuất hiện đầu tiên, do sợ chết; cái vật lạ không phải là “tôi” sau mới biến ra thành cái mà người ta gọi là “mi”. Lúc đó con người còn chưa có khả năng biết sợ bản thân, nhận thức về bản thân chỉ đến duy nhất từ đối phương. Từ việc chiếm hữu hay bị chiếm hữu, bị hàng phục hay đi hàng phục mới xác nhận được hấn trong cuộc sinh tồn của hấn. “Hấn”, cái người thứ ba không quan hệ trực tiếp với “ta” và “mi” chỉ được tách biệt ra dần dần. Sau đấy cái “ta” đây mới phát hiện ra cái “hấn” kia đều tồn tại khác với mình, ý nghĩa về “ta” và “mi” đều căn cứ vào “hấn” mà có. Trong cạnh tranh sinh tồn với kẻ khác, con người nhạt quên dần đi cái tôi bị vùi như hạt cát trong thế giới to lớn, phong phú, hỗn tạp.

Ta làm được gì cho phần còn lại của đời ta? Đó là câu hỏi ta tự đặt ra khi nghe trong đêm yên tĩnh tiếng nước chảy mơ hồ của con sông. Ra bờ

nước nhặt các quả cân bằng đá mà ngư dân ở Đại Khê dùng khi kéo lưới ư? Ta có một hòn cuội tròn bị chọc thủng ở giữa nhờ một lưới rìu bằng đá. Một người bạn cho ta cách đây hai ngày, trên thượng lưu Vạn huyện. anh nói vào mùa nước cạn, có thể nhặt những hòn cuội như thế ở bờ sông. Bùn tích lại và lòng sông cao dần lên mỗi năm. Hơn nữa, người ta dự định xây một con đập ở đầu ra của hẻm núi. Khi con đập to lớn hơn hình đó được xây cất lên rồi, bức tường thuộc cổ thành đời Hán sẽ bị chìm trong đáy nước. lúc đó việc thu thập các di vật của viễn cổ sẽ còn ý nghĩa nào nhỉ?

Ta luôn đi tìm ý nghĩa nhưng rút cục ý nghĩa là cái gì? Ta có thể ngăn họ khi họ xây con đập làm bia kỷ niệm hoành tráng kia tức là khi phá mất hồi ức của chính bản thân họ không? Ta chỉ có thể tiến hành những tìm tòi về cái “tôi” của bản thân ta, hạt cát tí hon. Ta chỉ có thể viết một cuốn sách về “tôi” không cần biết nó có được ra mắt hay không. Và viết thêm hay bớt đi một quyển sách thì cái đó có nghĩa gì? Nền văn hóa bị họ phá đi, liệu sẽ có thành thiếu vắng không? Mà con người có thật sự cần đến văn hóa không? Và văn hóa là cái gì?

Trời vừa hửng ta đã dậy để đáp chuyến tàu thủy nho nhỏ. Những chiếc xà lan nước ngập mấp mé kia đang xuôi vun vút theo dòng. Giữa trưa thì đến núi Vu Sơn, núi Các mục Phù thủy, nơi vua Hoài vương nước Sở đã nằm mộng giao cấu với tiên nữ. Ta nhìn thấy đàn bà trong các phố của huyện lỵ không có gì là hấp dẫn. Trái lại, trên tàu thủy, một nhóm bảy tám đứa trai và gái giọng đặc sệt Bắc Kinh, quần ống loe mang đàn ghi ta điện và một dàn trống, đang cười nói lời lả, đầy vẻ bất cần đời. Chúng kiếm ra tiền nhờ chơi vài điệu nhạc thời thượng và nhạc disco (lúc này nhạc rock còn bị cấm) và như chúng tự tâm sự với ta thì chúng đang làm cho hai bờ sông này chết mê chết mệt đấy.

Trong các niên biểu viết trên da trâu đã rách khuyết về huyện chí có ghi:

“Thời Đường Nghiêu, núi Vu Sơn lấy tên từ Vũ Hàm. Vũ Hàm là thầy thuốc có y thuật rộng lớn của đế Nghiêu, ra đời trong một gia đình đại quan, chết như một quý thần, lãnh địa của ông là quả núi mà ông đã đem lại cho nó cái tên” (Xem *phú về núi Vu Hàm*, Quách Phác).

“Thời Ngu Thuấn, *Điễn cỔ về đế Thuấn* chỉ ra: núi Vu Sơn vẫn ở khu vực Kinh, Lương”.

“Thời nhà Hạ, đế Vũ chia nước ra làm chín châu, núi Vu Sơn vẫn ở khu vực Kinh, Lương”.

“Thời nhà Thương, trong *Tụng ca về nhà Thương, chín lần chiếm, chín lần vây*, có ghi: các vùng có Vu Sơn không khác với thời nhà Hạ”.

“Thời nhà Chu, Vu là đất của Quỷ Tử Xuân Thu, nước Dung vào mùa thu năm thứ ba mươi sáu đời Hỉ Công, người của Sở diệt Quỷ, sáp nhập với Sở, núi Vu Sơn bèn thành một phần của Sở”.

“Thời Chiến Quốc, nước Sở gồm quận Vu. Trong *Chiến Quốc sách*, đọc thấy: Tô Tần cảnh tỉnh Sở Uy vương như sau: phía nam là quận Vu. Trong Quất địa chí đọc thấy: Vu ở cách Quỷ một trăm dặm về phía đông, sau gọi là Nam quận ấp”.

“Thời Tần, *sử ký, chương Tần bản kỷ* nói: vào năm thứ ba mươi, vua Chiêu Tương chiếm quận Vu của Sở; cải nó thành quận Vu của Nam quận”.

“Thời hậu Hán, Kiến An, tiên chúa đổi làm quận Nghi Đô rồi năm 25, Tôn Quyền đặt nó vào quận Cổ Lăng, Tôn Hưu của Ngô lại đặt nó vào quận Kiến Bình”.

“Thời nhà Tấn, lúc đầu lấy huyện Vu làm biên giới giữa Ngô và Sở, do đô úy quận Kiến Bình cai quản, rồi nó vào nằm trong huyện Bắc Tỉnh. Vào năm thứ tư đời Hàn Bình, đô úy đã được đổi làm quận Kiến Bình, lại đặt ra huyện Nam Lăng”.

“Đời Tống, Tề, Lương không thay đổi”.

“Thời hậu Chu, năm đời Nguyên Hòa, huyện Vu thuộc về quận Kiến Bình rồi lại đặt huyện Giang Lăng”.

“Đời Tùy, đầu triều vua Khai Hoàng, bỏ quận thay bằng huyện Bạch, Vu Sơn thuộc về quận Ba Đông”.

“Đời Đường và Ngũ đại nó thuộc về châu Quỷ”.

“Đời Tống thuộc lộ Quỷ Chân”.

“Đời Nguyên, như cũ”.

“Đời Thanh, năm thứ chín đời vua Khang Hi, Đại Xương bị xóa, nhập vào huyện Vu Sơn”.

“Phế thành ở cách năm mươi dặm về phía nam”.

“Nhà sư Phúc tử, Võ lúa mì, tên Văn Không, tự Nguyên Nguyên, người Phủ Cát tại Giang Tây đã dựng am tại sườn bắc núi Trĩ Đông. Ngồi nhập định ở giữa núi. Trong vòng bốn mươi năm giác ngộ, chỉ ăn trấu của lúa mì, do đó có biệt danh. Lâu sau này, khi ông đã biến mất, trong núi không người, dân trong núi ở đằng trước trông thấy ánh sáng lấp lánh ở trong am ba năm”.

“...”

“Truyền thống nói rằng con gái Xích hoàng đế, Dao Cơ, chết khi đi trên sông nước, đã được chôn trên sườn núi về phía mặt trời mọc, một ngôi miếu thần nữ đã được xây cho nàng, phù thủy nam nữ nhảy múa ở đấy mà làm cho các đấng thần linh giáng xuống”.

...

“Trấn An Bình ở về phía nam huyện 90 dặm... (mất mấy chữ), những trấn ghi trên đây đến nay đã đổ nát, từ khi quân lính nhà Minh đốt cháy, nhà cửa ở các làng đổ nát, dân đa số từ các tỉnh khác đến và tên đã bị thay đổi từng thời...”

Đến nay, các thôn trấn đó có còn tồn tại hay không?

Mi biết ta chẳng qua là tự chuyện trò với bản thân để giải nỗi cô đơn. Mi biết cô đơn của ta là vô phương cứu chữa, không ai khuây khỏa được, ta chỉ có thể nhờ cậy vào ta để làm đối tác cho các cuộc nói năng của ta.

Trong cuộc đối thoại dài này, “mi” là đối tượng mà ta thuật tả, là bản thân ta đang nghe ta, “mi” chẳng qua là cái ảnh của ta.

Lúc ta nghe mi hay ta bản thân, ta đã cho mi tạo ra nàng, vì mi cũng giống như ta, đều không chịu được cô đơn, cũng đều cần tìm ra một đối tượng nói chuyện.

Thế là mi vui vì nàng, cũng như ta vui vì mi.

Phái sinh ra từ mi, đến lượt nàng lại xác nhận lại ta.

Đối tượng chuyện trò của ta, mi đã đem kinh lịch và tưởng tượng của ta chuyển ra thành quan hệ giữa mi và nàng, mà không thể phân biệt được tưởng tượng ra với kinh lịch.

Ngay ta cũng không làm rõ được trong kỷ niệm và ấn tượng của ta có bao nhiêu phần là mộng mị, thì làm sao mi lại có thể phân tách ra được kinh lịch và tưởng tượng của ta cơ chứ?

Nàng, cái tạo vật của kinh lịch và tưởng tượng kia, đã biến thành mọi thứ hoang tưởng, nó điều lượn, dụ dỗ mi chỉ là bởi vì cái tạo vật mi này cũng muốn dụ dỗ nàng, cả hai đều không chịu được cô đơn.

Trên đường đi, nhân sinh vui buồn cũng là đường đi, ta đắm chìm trong tưởng tượng, ta cùng cái hình phản ánh của ta tức là mi, kẻ làm cuộc đi nội tâm, trong hai cuộc đi này, cuộc nào quan trọng? Vấn đề cũ rích nhưng phiền lòng này có thể biến sang thành cuộc thảo luận cái nào chân thực hơn, có lúc lại hóa thành cái gọi là biện luận, cái này do con người tách bạch ra chứ đối với ta chìm đắm trong cuộc đi hoặc mi trong cuộc thần du, cuộc đi trong nội tâm, thì há có quan hệ gì đâu?

Mi trong cuộc đi nội tâm, ta trong cuộc đi tam tư tràn đầy thế giới của bản thân, hai chúng ta càng đi xa càng tiếp cận nhau, tới lúc không khỏi khó lòng tách được ta và mi ra khỏi nhau, lúc đó lại cần phải lùi bước, để hở ra một khoảng cách nhất định, khoảng cách này là hẩn, hẩn chính là hình ảnh mi khi quay đầu lại để rời bỏ ta.

Vô luận là ta hay hình tượng phản ánh của ta thì mặt mũi hẩn thế nào đều không nhìn thấy, biết đó là một ảnh tượng ở đằng sau là đủ rồi.

Mi, cái tạo vật ta để ra, nàng, cái được mi tạo ra, diện mạo dĩ nhiên đều là hư ảo, thế thì làm sao cứ phải cố mà miêu tả?

Nàng chỉ là một hình ảnh lơ mờ hiện ra nhờ liên tưởng, chập chờn không rõ rệt trong ký ức, huống hồ, cái hình ảnh nàng này lại không ngừng biến đổi.

Đối với mi và ta, cái gọi là các nàng chẳng qua chỉ là tập hợp các hình ảnh khác nhau của nàng, chỉ có vậy mà thôi.

Họ, đó cũng lại là nhiều hình tượng của hẩn. Thế giới bao la, nơi mà cái li kỳ nào chẳng có, đều là ở ngoài mi và ta. Nói cách khác, đều chỉ là phóng chiếu của bóng hình đằng sau lưng của ta, không thể rũ bỏ được, đã không rũ bỏ được thì là không thể rũ bỏ, vậy hà tất phải rũ bỏ?

Mi có biết chú ý tới hay không? Khi ta nói ta và mi và nàng và hẩn, thậm chí cả đến các hẩn chứ tuyệt nhiên không hề nói chúng ta bao giờ. Ta cho rằng cái chúng ta khó hiểu và đạo đức giả ấy quả thật là thừa.

Đối với ta, thì mi và nàng và hẩn, thậm chí các hẩn và các nàng, tuy là những hình ảnh hư ảo nhưng đều là có nội dung hơn so với cái gọi là chúng ta. Nếu như ta nói tới chúng ta, lập tức ta do dự, trong cái này rút cục có bao nhiêu ta? Hay là có bao nhiêu mi, cái hình ảnh làm mặt đối lập của ta, có bao nhiêu hẩn, cái hình ảnh đằng sau lưng của ta, cũng như là có bao nhiêu nàng, cái hoang tưởng do ta và mi phát sinh ra, hoặc giả có bao nhiêu “các hẩn” cùng “các nàng”? Điều hư giả nhất cũng phải thua kém cái chúng ta này.

Thế nhưng ta có thể nói chúng mi; lúc ta đối diện nhiều người, ta nếu không lấy lòng thì là quở trách, hoặc tức giận, hoặc mừng rỡ, hoặc khinh bỉ, ta đều ở địa vị chắc chắn vững vàng, thậm chí so với bất cứ lúc nào ta cũng thấy ta mạnh mẽ. Thế nhưng chúng ta thì có cái nghĩa gì đây? Trừ một thứ vờ vĩnh điếu bộ mà người ta không thể tìm ra phương chữa trị. Cho nên ta luôn lẫn tránh cái “chúng ta” ồn ỉn, đạo đức giả, không ngừng bành trướng kia. Nếu một ngày nào đó ta phải tới bước dừng đến “chúng ta” thì đó sẽ là một dấu hiệu của sự hèn yếu, một sự trống rỗng không thể chịu được ở ta.

Ta đã lập ra cho bản thân ta thứ hệ thống này, hoặc là nói một thứ lô gích này, hoặc là một thứ nhân quả. Trong cái thế gian hỗn độn này, con người luôn dựng xây nên các hệ thống, lô gích, quan hệ nhân quả để tự khẳng định. Tại sao ta không tự sáng chế chúng ra cho ta? Làm được như thế ta có thể trốn chạy vào trong chúng, an thần lập mệnh ở trong chúng, yên ổn với lương tâm ở trong chúng.

Nhưng toàn bộ bất hạnh của ta lại ở chỗ đã gọi thức dậy cái con quỷ rủi ro là mi. Thật ra mi không bất hạnh, bất hạnh của mi bắt nguồn hoàn toàn từ ở ta, nó đến duy nhất từ cái tình yêu ta dành cho bản thân ta. Cái ta đáng ghét này chỉ yêu nó, yêu đến chết bản thân nó.

Thượng đế và ma quỷ vốn dĩ có hay không không biết, đều do mi gọi đến, mi vừa là hiện thân hạnh phúc vừa là hiện thân tai họa của ta, khi mi biến đi, thượng đế và ma quỷ cũng đồng thời quay trở về với cái hư vô.

Ta chỉ rũ bỏ được bản thân chừng nào ta tháo gỡ được mi ra. Nhưng đã gọi mi ra rồi thì ta làm sao rũ bỏ được mi nữa? Ta thậm chí hỏi: nếu ta đổi chỗ cho mi thì kết quả sẽ ra sao? Nói cách khác, nếu thế ta sẽ là cái bóng của mi còn trái lại, mi sẽ thành thực thể của ta, trò chơi này ngộn đấy.

Phân tích cho cùng, triết học cũng là một trò chơi trí tuệ, nó nằm ở các địa đầu mà toán học và các khoa học thực chứng không thể đi tới, nó cung cấp các cấu trúc và khung khổ đủ kiểu loại. Khi các cấu trúc hoàn thành, trò chơi liền kết thúc.

Tiểu thuyết và triết học khác nhau ở chỗ tiểu thuyết là sản phẩm của cảm tính, nó giăng các mã số tín hiệu xây dựng nên một cách độc đoán

vào dung dịch các dục vọng, khi nào hệ thống này hóa giải thành ra các tế bào thì cuộc sống xuất hiện. Lúc ấy người ta thấy nó thai nghén và sinh nở, cái điều còn bổ ích, lý thú hơn các trò chơi trí tuệ, nhưng lại giống với cuộc đời, nó chẳng ứng cho bất cứ mục đích nào hết.

Đang trưa, trời nóng hơn bốn mươi độ. Ta đến thành cổ Giang Lăng bằng chiếc xe đạp thuê. Nhựa đường, vừa mới rải chảy ra mềm nhão dưới ánh nắng chính hè. Làn gió ùa vào trong cổng của thành phố cổ Kinh Châu, xây dựng từ thời Chiến Quốc cũng nóng bỏng. Một bà già nằm trên ghế bành mây, sau quầy bán trà. Chẳng chút ngưng ngừng, bà lão để phanh chiếc áo lanh ngắn cũn đã bọt sởi vì giặt giữ nhiều, hở cả hai cái vú nhả nhúm như hai cái da rỗng không. Bà nằm nghỉ, hai mắt nhắm, và cho ta uống một chai nước ga bỗng rất trong tay, chẳng kiểm tra xem tiền ta đưa cho bà có đủ hay không. Một con chó thỏ hỗn hển, lưỡi thè lè, mõm rỏ dãi, đang nằm trong bóng râm của cánh cửa.

Ngoài thành phố, những thửa ruộng chưa gặt với những bông lúa chín vàng chói chang chạy dài. Ở những thửa đã gặt ánh lên màu xanh sáng bóng của mạ muộn vừa cấy xong. Đường và ruộng vắng. Mọi người còn tránh nắng ở trong nhà và gần như không có xe cộ ngoài đường.

Ta đạp xe ở chính giữa đường vì ở hai bên đường, từng luồng hơi nóng dâng lên như những ngọn lửa. Lưng ta lù lỏa mồ hôi, ta thẳng thừng bỏ chiếc sơ mi ra che lên đầu chống nắng. Khi ta đạp nhanh, nó phấp phới bay và gió ẩm thổi vào hai tai ta.

Trên đất khô hạn, những cây bông nở bung những bông hoa to tướng, đỏ đỏ vàng vàng. Cây vừng treo các bông hoa trắng thành những dây dài. Một sự yên tĩnh lạ thường bao trùm dưới cái nắng lóa mắt này; ngạc nhiên là không nghe thấy tiếng cả ve lẫn ếch nhái.

Ta ra sức đạp, quần soóc đã ướt đầm và dán vào chân. Ta muốn lột nó ra để đạp xe cho thoải mái. Ta không khỏi nghĩ tới những người nông dân vào thời thanh niên của ta trần truồng ngồi guồng nước vô cùng tự nhiên, những cánh tay rám nắng của họ tỳ lên thanh chắn ngang của cỗ xe nước. Khi một người đàn bà đi qua bờ ruộng, họ cất tiếng hát những bài nhả

nhớt nhưng không tà ý. Người đàn bà mím môi cười, những người hát quên đi chút mệt nhọc. Loại bài hát này chắc đã ra đời như thế đấy. Vùng này là quê hương của các bài hát có nhịp giậm cộc mà người ta gọi là “Chiêng trống cho việc nhổ cỏ”, nhưng bây giờ không dùng các xe guồng nước nữa, tưới ruộng bằng máy bơm. Cảnh tượng kia đã mai một không bao giờ thấy nữa.

Ta biết không còn di tích nào ở vị trí của cố đô nước Sở, chắc là đến đó uống công toi. Tuy vậy, chỉ có hai mươi cây số ngăn cách và ta có cơ hội ân hận là đã không đến tỉnh tâm mặc niệm ở đây trước khi rời Giang Lăng đi. Ta quấy quả một cặp trẻ tuổi trông coi di tích khảo cổ đang ngủ trưa. Tốt nghiệp đại học chưa tới một năm, họ được điều đến đây làm giám sát viên bảo vệ các hoang phế đang ngủ sâu dưới đất, chẳng biết khi nào mới được ra ánh sáng mặt trời. Đôi vợ chồng mới cưới, chưa khổ cảnh cô đơn, họ tiếp ta rất nồng nhiệt. Cô vợ rót cho ta liễn hai bát to tương trà lạnh và chát, pha với các cây thuốc giúp xua đi cái nóng quá quắt. Anh chồng dẫn ta đến một thửa ruộng nổi đầy những ụ đất. Anh ta chỉ cho ta những ruộng đã bắt đầu thu hoạch và nơi cao hơn, cạnh quả đồi, trồng bông và vừng.

- Sau khi Tần diệt Sở, thành Kỷ Nam đã bị phế bỏ, không ai ở, - anh thanh niên giải thích; - ở đây không tìm ra bất cứ di tích văn vật nào sau thời Chiến Quốc. Trái lại bên trong thành phố, người ta đã phát hiện một ngôi mộ. Thành phố hình như có từ trung kỳ của thời Chiến Quốc. Trong các tài liệu lịch sử có nói rằng kinh đô đã được di đến Dĩnh, tức Kỷ Nam, trước vua Sở Hoài vương. Nếu tính từ đó thì kinh đô đã hơn bốn trăm năm. Dĩ nhiên một số sử gia có ý kiến khác. Họ nghĩ rằng Dĩnh không ở đây. Nhưng nếu dựa vào các dữ liệu khảo cổ, người ta nhận thấy trong khi cày ruộng nông dân đã khai quật những mảnh gốm và đồ đồng của thời Chiến Quốc. Nếu lục tìm, chắc chắn sẽ có những phát hiện quan trọng.

Rồi chỉ đến một điểm ở xa xa, anh nói thêm:

- Đại tướng tổng chỉ huy Bạch Khởi của Tần vây đánh Dĩnh, nước sông được chuyển dòng đã làm ngập kinh thành. Ban đầu kinh thành vốn mở ba phía ra sông: sông Châu chảy từ cửa Nam đến cửa Bắc qua phía

đông; ở phía này là gò mộ mà chúng ta đang đứng và một cái hố thông ra Trường Giang. Thời ấy, con sông đi ngang sát gần Kinh Châu nhưng bây giờ nó dịch xuống dưới nữa, cách hai cây số. Trong núi Kỳ, trước mắt, có các phần một của giai cấp quý tộc Sở, ở phía tây, trong núi Bát Lĩnh, là các phần một của Sở vương nhưng tất cả đều đã bị lấy trộm.

Đằng xa nổi lên vài quả đồi thoai thoải. Các sử liệu gọi chúng là núi thì cũng chẳng nên bảo là không phải.

- Ở đây là cái tháp dựng bên trên cổng đô thành, anh ta chỉ vào thửa ruộng lúa bảo ta. Sau các trận lụt, bùn bồi lên ở đây dày hơn mười mét.

Mà đúng là ngoài vài đất cách quãng đó đây giữa các thửa ruộng ra, chỉ có độ cao này nổi bật lên trên toàn cảnh.

- Cung điện ở đông-nam, vùng xưởng thủ công ở phía bắc và tây nam, người ta cũng đã phát hiện ra di tích một xưởng đúc. Phía nam, mực nước quá cao, việc bảo tồn di tích không được tốt bằng.

Ta gật gù theo từng lời giải thích và cơ bản hình dung ra thành quách. Nếu không phải là đang trưa nắng chói mắt và ma hiện ra thì nhất định cái thành đêm ngày phải náo nhiệt khác thường.

Đến dưới chân đồi, anh ta ra hiệu rằng hai người đã ra khỏi kinh thành. Cái hồ lớn thời ấy nay là một cái ao bé tí lá sen phủ kín, những bông hoa màu hồng khỏe khoắn nở rộ giữa đám lá. Khi bị đuổi khỏi triều đình, quan Tam lư đại phu Khuất Nguyên chắc đã đi qua chân quả đồi này, chắc đã hái những bông hoa này dặt vào thắt lưng. Trước khi cái hồ hóa thành ao, đủ mọi thứ cỏ thơm phương thảo mọc đầy bờ. Chắc là Khuất Nguyên đã tết hoa cỏ thành mũ đội lên đầu. Bên bờ hồ chắc ông đã cất lên những bài hát bi phần thì đến tận bây giờ chúng mới vẫn còn lại. Nếu không bị đuổi ra khỏi triều đình, biết đâu Khuất Nguyên lại chẳng bao giờ trở thành một nhà thơ vĩ đại.

Và sau này, nếu Đường Huyền Tông không đuổi Lý Bạch khỏi triều, Lý Bạch cũng có thể chẳng bao giờ trở thành thi tiên, và càng chẳng bao giờ có truyền thuyết ông đã chết vì say rượu, ngồi thuyền toan vớt trăng dưới nước. Người ta nói rằng nơi ông chết đuối ở Thái Thạch Cơ, dưới

hạ lưu sông Trường Giang. Bây giờ nước Trường Giang đã rút ra xa, nơi này hóa thành một dải cát rất ô nhiễm. Ngay cả thành cổ Kinh Châu hiện cũng đang ở bên dưới dòng sông. Có con đê lớn bảo vệ nó không thì từ lâu nó đã là cung điện dưới nước dành cho loài rồng.

Sau này ta đã quay lại Hồ Nam, đi qua sông Cốt La, nơi Khuất Nguyên trầm mình để chấm dứt cuộc đời nhưng ta không đi tìm vết tích của ông bên hồ Động Đình, vì nhiều nhà sinh thái học cho ta biết rằng ngày nay cái vùng nước kia chỉ còn lại có một phần ba của số tám trăm dặm ghi trên bản đồ mà thôi. Họ đau khổ báo trước rằng tốc độ khô cạn đất và trầm tích sẽ gây nên hiện tượng biến mất cái hồ nước ngọt lớn nhất của Trung Quốc trong vòng hai chục năm tới.

Ta không biết ở Linh Lăng, tại cái làng mẹ ta đã dẫn ta, thằng bé chạy bom Nhật đến đó, các con chó con có còn bị chết đuối ngoài sông nữa không. Bây giờ, ta vẫn còn thấy con chó chết với bộ lông đầm nước, vớt trên cát nơi bờ sông kia. Và mẹ ta, cũng bị chết đuối. Thời ấy, mẹ ta đã tình nguyện đi xuống nông thôn chịu cuộc cải tạo tư tưởng. Một sáng, sau phiên gác, mẹ ra bờ sông rửa ráy và chắc bà chết đuối ở đấy. Mẹ ta chưa tới bốn mươi. Ta đã đọc cuốn sổ tay đầy kỷ niệm tuổi mười bảy của mẹ. Mẹ và đồng đội, những người tham gia phong trào cứu quốc, đã viết những bài thơ đầy hùng khí trẻ trung. Dĩ nhiên không được thành công như thơ của Khuất Nguyên.

Em trai út của mẹ cũng bị chết đuối. Ta không biết đấy là thiếu niên anh hùng hay nhiệt tình yêu nước, nhưng cái hôm cậu được nhận vào Trường hàng không, cậu hết sức phấn khởi mời một nhóm bạn bè ra sông Cán tằm. Từ trên cây cầu nổi bắc xa ra ngoài, cậu nhảy vào dòng nước chảy xiết, trong khi các bạn của cậu mãi bạn chia nhau số tiền lẻ mà họ tìm thấy trong túi quần cậu. Khi họ biết đã xảy ra tai nạn, họ lập tức giải tán. Cậu tự tìm lấy cái chết, năm mười lăm tuổi. Bà ngoại ta đã khóc cạn nước mắt.

Con trai cả của bà, bác ta không yêu nước bằng thế, đúng hơn đó là một công tử ăn chơi, nhưng bác không lai vãng tới những cuộc chơi gà hay những cuộc đua chó. Bác thích cái gì modern – thời ấy, bất kỳ cái gì du nhập từ nước ngoài vào đều modern, thuật ngữ mà bấy giờ người ta

dịch ra là “hiện đại hóa”. Bác vận đồ Tây cùng cà vạt, tất cả rất modern, cho dù các quần ống loe chưa thành modern. Chơi chụp ảnh, đó là đỉnh cao modern. Bác không là ký giả vậy mà bác không ngừng chụp ảnh, bác in trắng lầy, đặc biệt là chụp ảnh về đế. Thật kỳ lạ, một bức chọi đế còn được giữ tới tận ngày nay: người ta quên không đốt nó. Bác cũng chết rất sớm, vì bệnh thương hàn. Theo lời mẹ ta nói thì bác đã bắt đầu khỏi bệnh nhưng vì ngốn ngẫu xơi một bát cơm rang trứng và thế là nó đã kết thúc cuộc đời bác. Bác muốn modern nhưng bác không hiểu chút nào về y học hiện đại.

Bà ngoại ta chết sau mẹ ta. Các con của bà đều chết yếu, nhưng bà may mắn hơn vì bà còn sống sau các con bà và đi hết cuộc đời bà trong nhà dưỡng lão. Tuy không phải là một hậu duệ của nước Sở, mặc dù năng cháy, ta đã đi mặc niệm ở kinh thành cổ xưa của họ, vậy thì ta càng có lý do để tìm kiếm những nơi bà ngoại ta đã sống, bà đã từng dắt tay ta ra chợ phiên mua một con quay. Ta được biết về cái chết của bà ngoại qua một bà cô em bố, cô cũng chết yếu. Tại sao gần như tất cả người thân của ta đều chết? Ta thầm hỏi liệu có phải ta già đi hay thế giới này đã già quá mất rồi.

Bây giờ ta nhớ rằng hình như bà ngoại ta thuộc về một thế giới khác. Bà tin vào các sức mạnh của quỷ thần và bà sợ nhất địa ngục. Bà chỉ có một mong mỏi: tích đức để đến đời sau được ban thưởng. Góa chồng từ hồi còn trẻ, bà được ông để lại cho của cải nhưng bà luôn bị một bầy những người vô công rồi nghề vây quanh, họ làm họ hóa ra thành thánh thần hay ma quái. Họ vây quanh bà như ruồi, tất cả thông đồng với nhau để kích bà phá tán tài sản thừa kế. Họ đã thuyết phục bà đêm đêm ném tiền xuống giếng. Kỳ thực họ đã đặt lưới sắt ở dưới giếng để thu về dất vào hầu bao những tiền bạc bà ném xuống. Họ đã cười rớn khoe như thế thân quá chén. Cuối cùng, bà bán hết của cải, chỉ giữ cái danh địa chủ mà dất đai ruộng vườn đã bị cầm cố từ lâu, rồi bà đến ở với con gái. Sau này, khi nghe nói đến nông thôn cải cách ruộng đất, mẹ ta chợt nghĩ ra vội bảo bà trút hết các thứ trong hòm của bà ra, mẹ đã tìm được một tờ giấy hoàn toàn nhàu nát, ố vàng và mẹ sợ quá vội vàng vứt vào lò đốt đi.

Tính khí bà ngoại ta rất dở. Khi bà nói, hình như bà luôn cãi nhau với mọi người và bà không hợp với mẹ ta. Bà thường nói khi nào bà muốn về

quê, bà sẽ chờ ta, cháu trai của bà lớn đã, thi đỗ trạng nguyên lái hẳn xe con về đón bà để trông nom bà. Bà đâu biết cháu ngoại bà nó không thuộc vào cái hạng làm quan, nó sẽ chẳng cả được ngồi yên tại văn phòng ở thủ đô mà về sau nó còn bị đưa xuống nông thôn làm ruộng và cải tạo. Chính lúc ta đang bị cải tạo thì bà chết trong một cô lão viện. Trong những năm tháng loạn lạc ấy, không có tin tức gì về bà, em út ta đã đi tìm bà, mượn danh nghĩa “tuyên truyền cách mạng” để được miễn phí xe cộ tàu bè. Nó đã hỏi thăm nhiều nhà dưỡng lão mà không tìm ra được bà. Cuối cùng người ta hỏi nó: “Anh tìm viện cô lão, người già cô đơn hay kính lão viện, người ta già đáng kính?” “Khác gì nhau chứ nhỉ?” em ta vặn lại. Họ bèn hết sức nghiêm túc trả lời: Người già đáng kính thì sống trong nhà hưu trí, đó là những người không có vấn đề chính trị, quá khứ hoàn toàn trong sạch, còn người già có vấn đề hay quá khứ không minh bạch thì đưa vào cô lão viện. Em ta liền gọi điện thoại cho một cô lão viện. Người ta hỏi giọng còn nghiêm túc hơn nữa: “Anh có quan hệ thế nào với bà cụ? Tại sao lại tìm?” Hồi ấy, em ta vừa ra trường, chưa tìm được nơi làm việc ăn cơm, vội vã cúp máy vì sợ bị tước mất hộ khẩu thường trú ở thành phố. Những năm sau đó, trường học thành nơi huấn luyện quân sự, quân đội đến cai quản các cơ quan hành chính cùng nhà máy, mọi người đều im re, học cách giữ gìn lời ăn tiếng nói. Hết thời gian cải tạo, cô ruột ta từ nông thôn quay về thành phố. Lúc đó cô viết thư cho ta báo tin rằng theo như cô nghe nói thì bà ngoại ta chết đã hai năm rồi.

Rồi thì ta dò hỏi xem có tồn tại cái loại cô lão viện này hay không, ở ngoại thành, cách thành phố chục cây số, sau hơn một giờ đạp xe dưới nắng chói chang, ta đến một nơi gọi là Đào hoa thôn và tìm ra tòa kiến trúc có tấm biển cho hay đó là nhà dưỡng lão bên cạnh một xí nghiệp gỗ, chẳng thấy có một cây đào nào. Bên trong cất lên dăm căn nhà thô sơ một tầng gác, không thấy có cụ già nào hết. Có thể các cụ ẩn trong buồng trốn nóng bức.

Ta đi qua văn phòng mở toang cửa, một cán bộ mặt áo lót dệt kim, gác chân lên bàn, ngả vào ghế mây, chăm chú quan tâm đến vấn đề thời sự. Ta hỏi có phải chỗ này trước là cô lão viện không. Anh ta đặt báo xuống:

- Lại đổi trở lại rồi. Bây giờ không có cô lão viện nữa, nay gọi là dưỡng lão viện.

Ta không hỏi liệu có còn “kính lão viện” nữa không, ta chỉ xin xem trong sổ đăng ký có tên bà ngoại ta đã mất rồi hay không. Không bới việc cũng hỏi giấy tờ, anh lấy trong ngăn kéo ra một quyển sổ đăng ký, lật mở từng năm. Cuối cùng anh dừng lại ở một trang hỏi tên người đã chết.

- Một phụ nữ?

- Vâng, ta nói.

Anh kéo quyển sổ đến trước mắt ta để ta có thể tự nhận ra cái tên đó. Đúng là tên bà ngoại, tuổi gần gần tương ứng.

- Bà cụ chết hơn mười năm rồi, -anh ta thở dài.

- Vâng, - ta nói. Rồi hỏi thêm: - anh có còn nhớ hình dáng người đã khuất không.

- Để tôi nghĩ đã. Anh ta ngửa đầu vào lưng ghế. Một bà cụ có tuổi, bé nhỏ và gầy?

Đến lượt ta gật đầu. Nhưng ta lại nghĩ đến những bức ảnh cũ của gia đình, ta thấy bà béo tốt. Dĩ nhiên đó là những bức ảnh rất cũ vì lẽ thời ấy ta còn chơi quay. Sau đó bà không bao giờ cho chụp ảnh nữa. Dáng dấp hình hài của bà nhiều chục năm sau rất có thể đã thay đổi, sợ chỉ có bộ xương là không thay đổi. Mẹ ta không cao, bà chắc cũng không cao được.

- Bà cụ làu bầu suốt, đúng không?

Hiếm có cụ bà nào già mà không càu nhàu, nhưng quan trọng hơn cả là tên gọi thì đúng.

Bà có nói với anh rằng bà cụ có hai thằng cháu ngoại không?

- Anh là cháu ngoại bà cụ?

- Vâng.

- Hình như bà cụ có nói với tôi là có cháu ngoại – anh ta vừa nói vừa gật đầu.

- Bà có nói một ngày nào sẽ đến đón cụ không?

- Có nói, có nói.

- Nhưng thời ấy tôi đang ở nông thôn.

- Đại Cách mạng văn hóa mà..., anh ta giải thích hộ ta rồi nói thêm: - À, bà cụ chết tự nhiên.

Không hỏi xem anh hiểu thế nào về cái chết không tự nhiên, ta chỉ hỏi nơi bà yên nghỉ.

- Bà cụ đã được hỏa táng. Chúng tôi dùng lò thiêu, không phải chỉ cho người già mà cho cả ngay chúng tôi.

- Người ở thành phố đông quá, không còn chỗ để chôn họ.

Ta nói hết câu hộ anh rồi hỏi tiếp:

- Tro của bà cụ vẫn được giữ chứ?

- Thanh toán rồi. Ở đây, tro của các cụ không có gia đình, người ta bỏ đi...

- Có một cái hố tập thể không?

- Hừm..., - anh suy nghĩ tìm cách trả lời cho ta.

Cái người đáng bị trách móc là ta, cháu của bà đã thiếu lòng hiếu thảo chứ không phải anh ta, ta chỉ có thể cảm ơn anh ta thôi.

Ở trong nhà dưỡng lão đi ra, ta leo lên xe đạp và nghĩ rằng tuy có cái hố tập thể này nhưng rồi sẽ chẳng có giá trị khảo cổ. Nhưng ta, ta vẫn có thể coi như ta đã tưởng nhớ đến vong linh bà ngoại quá cố của ta, bà đã mua cho ta một con quay.

Mi thường xuyên tìm kiếm tuổi thơ của mi, cái đó trở thành bệnh thật sự. Ở tất cả những nơi mi từng sống thời thơ, mi đều muốn tìm thấy lại một phen cái căn nhà, mảnh sân, góc phố ám ảnh các kỷ niệm của mi.

Mi biết rằng mi đã sống ở trên gác một ngôi nhà nhỏ biệt lập, lạnh lẽo, trước nhà là bãi đất đầy những gạch đá đổ nát. Mi không biết đấy là tàn tích một trận hỏa hoạn hay một trận bom. Giữa các bức tường hoang tàn mọc lên những cỏ đuôi chó và đôi khi dưới các viên gạch vỡ, ngói vỡ, đế bò len lỏi. Có một loại dế đặc biệt tinh khôn, gọi là Hắc tử, đôi cánh đen nhánh của nó rung lên phát ra một âm thanh cói lói. Loại khác, gọi là Hoàng trùng, to con, chọi giỏi, răng mở rất rộng. Mi đã qua hàng giờ tuyệt diệu trên khoảng đất trống đầy gạch vỡ, vữa vụn này.

Mi còn nhớ mi ở trong cùng cái sân mà lối vào được một cổng lớn đen ngòm đầy nặng đóng lại, mi phải kiểng chân để với tới cái vòng sắt đập cửa. Một khi cánh cổng nặng nề mở ra, mi phải men vòng bức tường cuốn thư, bức tường có đôi kỳ lân đá tạc chầu hai bên sừng sáng bóng lên vì đã bị dùng nhiều, trẻ con mỗi lần đi qua lại chạm tay vào nó. Sau bức tường cuốn thư, mi phát hiện ra mảnh sân trong ẩm ướt, góc phủ đầy rêu. Đó là chỗ người ta đổ nước thải, ở đấy trơn. Hồi ấy, mi nuôi hai con thỏ trắng giống albinos. Một con bị chồn cắn ngay trong chuồng sắt. Con kia ít lâu sau đã biến mất. Mi lại tìm thấy nó sau vài ngày khi chơi ở sân sau, lông lấm lem, chìm trong chậu nước tiểu. Mi đã xem xét nó hồi lâu rồi từ đấy mi nhớ là mi không bao giờ chơi ở cái sân sau ấy nữa.

Mi còn nhớ đã ở trong một cái nhà có cửa hình mặt trăng, cúc vàng và hoa mào gà đỏ tía mọc ở đấy; có lẽ vì thứ hoa đó mà mặt trời chiếu rực rỡ đến thế ở trong nhà. Trong cùng, một cửa con con mở ra cầu thang bằng đá, dưới chân cầu thang là một cái hồ trải ra mênh mông. Đêm trung thu, người lớn mở cái cửa này ra, kê ở đó một bàn đầy những bánh mặt trăng, dưa, hoa quả. Người ta ngắm trăng trên mặt hồ, cắn hạt dưa, uống trà. Đàng xa xa, mặt nước tối sẫm nói liền với bầu trời có vầng trăng tỏa

sáng, tròn xoe. Một mặt trăng khác lấp lánh trong nước hồ, bị kéo dài ra quá đáng. Một tối, một mình mi đến đây rút then cửa ra. Lập tức mi sửng sờ vì nước hồ, đen thẫm và êm ả. Vẻ đẹp quá sâu xa này, một đứa trẻ không chịu đựng được, mi liền bỏ chạy. Sau đó, mỗi khi qua lại cái cửa này, mi chú ý không đụng vào then cửa.

Mi còn nhớ mi đã ở một căn nhà khác, có vườn hoa, nhưng mi chỉ nhớ rằng mi có thể đánh bi trong gian phòng lát gạch men trang trí nằm ở tầng trệt. Mẹ cấm mi chơi ở trong vườn. Thời ấy, mi ốm yếu nên phần lớn thời gian là phải nằm trên giường; mi chỉ có thể cho các viên bi đủ màu lăn trong gian phòng. Khi mẹ không ở đấy, mi bèn đứng ở trên giường để nhìn ra ngoài, tay bám vào cửa sổ, những lá cờ nhiều màu sắc cắm trên các tàu thủy lớn vẫy phần phật trong gió ngoài ke.

Mi đã trở lại những nơi xưa cũ ấy nhưng mi chẳng tìm thấy gì nữa. Bãi đất rộng đầy gạch đá vỡ, căn nhà nhỏ, cánh cửa to, nặng và đen ngòm với một vòng sắt, con phố nhỏ yên tĩnh chạy qua đằng trước, tất cả đã biến mất, cả mảnh sân với bức tường có cuốn thư. Ở chỗ đó, có thể đã mở một con đường nhựa đầy xe cam nhông còi kêu chói tai, chất ngất hàng hoá, bụi và các giấy gói kem que bay tung lên, những xe khách đường dài kính cửa xộc xệch, mui đầy những va li và ba lô chứa căng đủ mọi loại sản phẩm địa phương, quần áo may sẵn, những mặt hàng thông dụng, đối tượng của mọi chuyến buôn bán; mặt đất ngập hạt dưa và vỏ mía nhỏ từ cửa xe. Không rêu nữa, không còn cửa hình mặt trăng nữa, không còn cúc vàng rơi và hoa mào gà đỏ tía nữa, không còn những ánh phản chiếu kéo dài ra trên mặt nước hồ nữa, không còn cô đơn và độ sâu ghê rợn nữa, chỉ là một dãy những căn nhà thô sơ bằng gạch đỏ xếp hàng dọc theo lối đi chật hẹp, ở trước cửa mỗi nhà đều có lò thn. Bên bờ sông, tiếng cờ vẫy phần phật của các con tàu thủy lớn đã câm bặt. Chỉ còn là những nhà kho, nhà kho, nhà kho, nơi ký gửi, những nhà kho, nơi ký gửi, những nhà kho, những bao xi măng bằng giấy dai, chắc, những bao phân bón bằng chất dẻo dày và những tiếng hú gào hay những ca khúc chói tai do các loa tiếp âm đài phát thanh ọe ra.

Mi đã lang thang như thế từ thành phố này đến thành phố khác, từ huyện lỵ sang thủ phủ địa khu, từ thủ phủ tỉnh này sang thủ phủ tỉnh khác, cứ thế lân đi không dứt. Một hôm tình cờ mi bất ngờ phát hiện ra

một ngôi nhà cũ, cửa rộng mở, trong một phố con con ngang nhiên bị kế hoạch hóa đô thị quên mất hay kế hoạch hóa chưa để mắt tới nó, hay nữa, kế hoạch chưa có ý đồ để mắt tới nó hay thậm chí không thể bao nạp nó vào trong kế hoạch. Mi đã dừng lại ở ngưỡng cửa, đã ngẩng nhìn mảnh sân bên trong có áo quần phơi trên sào tre. Mi có cảm tưởng chỉ cần bước vào là mi quay ngay về với tuổi thơ rồi đem lại sức sống vào các kỷ niệm mơ hồ của mi.

Mi còn nhận ra rằng những nơi mi đi qua đều quá tình cho phép mi tìm lại dấu vết của tuổi thơ mi: mảnh ao phủ đầy bèo, những quán ăn ở thị trấn nhỏ, các cửa sổ của căn nhà trông ra phố, cây cầu có những vòm đá và các con tàu phẳng dẹt đi qua ở bên dưới, những bậc dẫn từ cửa sau các căn nhà ra bờ sông, một giếng cạn bỏ không; tất cả hòa trộn vào các kỷ niệm thơ ấu của mi, khêu lên trong mi một niềm buồn thương không thể nén nổi, cho dù đó chẳng hề là cái nơi mi từng sống. Những căn nhà cũ kỹ mái ngói xanh ở thị trấn nhỏ Tân Hải kia chẳng hạn, và dãy bàn vuông kê trước các nhà để uống trà và hóng mát, làm dội lên ở trong mi nỗi sầu nhớ quê. Lại nữa, ngôi mộ của nhà thơ Lục Quý Mông đời Đường, có thể chỉ là ngôi mộ chứa các mũ áo của ông, nằm trong khoảnh sân, sau ngôi trường cũ đầy tầm gửi và gai dại mà mi chưa hề nghe nói đến bao giờ. Cạnh đó những thửa ruộng trải dài và sừng sững một cổ thụ. Ánh chiều tà càng làm cho nỗi buồn man mác của mi tăng thêm. Không cần nói đến những cái sân với một tòa tháp của vùng dân tộc Di, khép kín, hoang vắng, cô quạnh mà ngay ở trong mơ mi cũng chưa bao giờ trông thấy, đến những kiến trúc bằng gỗ trên cột của các xóm Mèo thấp thoáng trên sườn núi xa xa, chúng cũng nói với mi một cái gì. Mi không thể không thầm hỏi phải chăng mi đã có một mệnh khác, còn giữ lại được vài mảnh kỷ niệm kiếp trước, mà nếu không phải thế thì đó là kết cục của một kiếp sau chẳng. Những kỷ niệm ấy có lẽ giống như rượu, cũng mang theo một quá trình chắt lọc và làm mi ngây ngất vì hương vị.

Nói cho cùng kỷ niệm thời thơ nhỏ là gì? Làm sao ta cố thể chứng minh được sự tồn tại của chúng? Tốt nhất là giữ lấy chúng ở trong lòng, kiểm chứng chúng làm gì?

Mi bất ngờ nhận ra rằng cái tuổi thơ mà mi uống công tìm kiếm không bắt buộc đã diễn ra tại một nơi nhất định. Cái mà người ta gọi là quê hương chẳng phải cũng là tương tự như thế ư? Khói lam chờn vờn trên mái ngói nhà người ta ở thị trấn nhỏ, tiếng lửa tí tách reo trong lò đun củi, con côn trùng màu vàng gần như trong suốt, chân cao cẳng mảnh, bấp lò trong nhà dân miền núi, các đồ ong bằng gỗ treo trên tường, trát kín bằng đất, gọi lên ở trong mi nỗi sầu quê. Đây, chúng lại trở thành quê hương cố xứ mà mi nhìn thấy trong mơ.

Tuy mi sống ở trong thành phố, lớn lên ở thành phố, qua gần cả đời ở thành phố, mi vẫn không sao coi được cái thành phố đồ sộ này là quê hương mi. Có lẽ vì chúng quá lớn nên mi chỉ có thể tìm ra kỷ niệm thuần túy thuộc về mi ở một chỗ nào đó, một góc nào đó, một gian phòng nào đó, một khoảnh khắc nào đó trong cái thành phố ấy mà thôi. Chỉ có trong thứ kỷ niệm ấy mi mới có thể bảo toàn bản thân mi, không để bị thương tổn. Rút lại trong cõi người mang mang này, quá lắm mi chỉ là một giọt vừa nhỏ nhoi vừa yếu đuối của bể dâu thôi mà.

Mi nên biết cái mà mi tìm kiếm ở cõi thế này không nhiều, chẳng cần phải có lòng tham đến thế. Tất cả những gì tựu chung mi thu về được chỉ là kỷ niệm, mơ hồ, lờ mờ như các giấc mơ và không bao giờ nhờ vả đến chữ nghĩa. Khi mi miêu tả lại kỷ niệm thì lúc đó chỉ là những câu cú sắp xếp rất có thứ tự lớp lang, được cấu trúc ngôn ngữ tu sức bồi lên cho chút ít nước màu.

Ta đến một thành phố ồn ào, ngập ánh đèn, lại vẫn các phố đen ngòm người, dòng xe hơi chạy không đứt đoạn, đèn hiệu hai màu thay nhau nhấp nháy, xe đạp bằng hà sa số chảy đi như con lũ đã phá tung cửa van, vẫn những áo dệt kim chui cổ T-shirt, những biển hiệu nê ông, những quảng cáo vẽ các mỹ nữ.

Ta muốn tìm một khách sạn coi được gần ga, tắm nóng bằng voi hoa sen, ăn một bữa ngon lành, lấy lại sức chút ít và ngủ một giấc ngon lành để xóa đi hơn mười ngày mệt nhọc. Nhưng sau khi đi qua nhiều phố, ta phải nhận ra sự thật này: tất cả các phòng cá nhân đều có người trọ, ngỡ như thiên hạ làm ăn buôn bán đều đã giàu sang. Vì tối nay ta quyết tiêu tiền, không chịu ngủ trong nhà ngủ tập thể nồng nặc mùi mồ hôi hay trên một cái giường kê thêm ngoài hành lang mà ta sẽ bị xua đuổi từ sớm cho nên ta thích ngồi canh trong gian sảnh của một khách sạn chờ khách đáp tàu đêm trả lại buồng. Đang buồn chán, ta bỗng nghĩ rằng ta có số điện thoại riêng của một người bạn của bạn ta ở Bắc Kinh. Anh đã dặn ta nếu qua thành phố này thế nào ta cũng đến gặp anh. Ta thử cầu âu. Ai đó nhắc máy. Bảo ta chờ, giọng không lịch sự. Trong ống nghe thấy những tiếng oo hời lâu, người ta chưa cắt máy. Ta luôn sợ gọi điện thoại. Trước hết, ta không có điện thoại riêng, sau nữa ta biết những người ở một thứ bậc nào đó mà có điện thoại thường không ngần ngại bảo rằng họ vắng nhà và đặt máy thẳng thùng khi họ không muốn nói chuyện với người lạ. Phần lớn các bạn của ta không có điện thoại, nhưng bạn của anh bạn này chưa chắc đã lên quan. Ta không nhất loạt có thành kiến với người làm quan, ta chưa đến độ giận đời đến thế, nhưng ta thấy điện thoại là một dụng cụ không cho phép chuyển tải tình cảm và chỉ nên sử dụng lúc bất đắc dĩ. Trong ống nghe vẫn lạo xạo. Nếu ta đặt máy, ta sẽ phải chờ trong gian sảnh của khách sạn này, thà rằng cố nghe tiếp, ít ra ta cũng được khuây khỏa.

Cuối cùng một giọng nói ít hữu nghị cất lên. Ta phải nhắc lại tên, lập tức người ấy kêu to lên hỏi xem ta đang ở đâu: anh muốn đến tìm ta ngay

tức khắc! Đúng là bạn của ta rồi , anh chưa gặp ta nhưng đối xử như đã quen biết nhau từ lâu vậy. Ta bỏ ý nghĩ trọ khách sạn, hỏi xem đến nhà anh thì đáp xe khách số mấy rồi cầm lấy túi xách ra đi.

Lúc sắp gõ cửa, ta hơi ngập ngừng. Chủ nhà mở cửa và đỡ lấy đồ đạc của ta. Anh không bắt tay vờ xã giao mà ôm lấy hai vai ta đưa ta vào nhà.

Ngôi nhà tiện nghi, hai buồng trở ra gian sảnh ở cổng vào; bày biện có thẩm mỹ: ghế bành mây, bàn trà đặt mặt kính, các món đồ cổ nhỏ nhỏ, tủ kiểu tây phương. Trên tường treo các đĩa sứ có trang trí, sàn nhà màu nâu, đỏ bóng sáng đến độ người ta không dám đặt chân lên. Trước tiên ta ngấm đôi giày bẩn thỉu của mình rồi nhìn mình trong gương, tóc bù xù, mặt đen nhẻm vì ghét. Ta chưa đi thợ cạo đã nhiều tháng, khó khăn lắm ta mới nhận ra được ta. Ta thấy xấu hổ ghê gớm.

- Tôi từ núi đến, tôi có mọi nét của người rừng đây.

- Chúng tôi có mời cũng không gặp được anh nếu không có cơ hội này, người chủ nhà nói.

Vợ anh bắt tay ta, rồi gấp gáp pha trà. Con gái họ chưa đầy mười tuổi chào ta, tựa vào cửa, vừa chăm chăm nhìn ta vừa mỉm cười.

Chủ nhà giải thích với ta rằng qua thư của bạn anh ở Bắc Kinh, anh biết rằng ta làm một chuyến tiêu dao dài và anh đợi ta từ lâu. Rồi anh cho ta hay những tin tức của giới văn học nghệ thuật và chính trị: người nào đó đã nổi lên, người nào đó rớt xuống, mỗi này hay mỗi khác đã đọc diễn văn thế này, thế kia, một mỗi khác đã nhấn mạnh lại các nguyên tắc lớn cơ bản. Thậm chí còn một bài báo lại đã nêu hẳn cả tên ta lên. Bài báo đó viết tuy một số tác phẩm của ta là xấu nhưng không nên cho tác giả một gậy chết tươi, nhất còn đã tử. Ta nói ta chẳng quan tâm chút nào đến các bài báo đó, rằng cái mà ta cần là cuộc sống, chẳng hạn bây giờ ta cần tắm một trận nước nóng ra trò. Vợ anh cười phá lên rồi vội vã đi đun nước.

Ta tắm tấp xong, chủ nhà dẫn ta vào buồng con gái anh, nơi cũng là thư viện. Anh đề nghị ta nghỉ một lát, chốc nữa anh sẽ gọi ta ăn cơm. Ta nghe thấy vợ anh bận rộn ở trong bếp.

Nằm trên cái giường sạch sẽ của con gái anh, gối đầu lên cái gối thêu những con mèo, ta tự khen là đã cố gắng gọi điện thoại. Cuối cùng thì điện thoại cũng không tệ hại lắm. Ta hỏi có phải anh đã làm quan, vào tầng lớp dùng điện thoại không thì anh giải thích rằng thật ra có một điện thoại công cộng ở tầng trệt, người gác máy đã đến tìm anh. Một vài người trong các bạn trẻ của anh chắc cũng muốn gặp ta. Ở đây, mùa hè mọi người ngủ rất muộn. Một số người ở các cao ốc quanh đây, một số khác, nếu ta muốn gặp, anh có thể gọi điện thoại. Ta liền nhận lời. Ta nghe thấy tiếng cánh cửa mở, tiếng cạch lục tục trong cầu thang và tiếng nói trong phòng khách. Nói đến mi, mí phằng phất giống như một người bảo vệ chân lý vậy, chống lại các bất bình trong xã hội, mi nói mi chống không lại đâu, mi nghĩ rằng sự phân biệt cái phi lý với cái không phi lý là chỉ cốt nhằm nói người làm quan, càng nhìn cái thế giới này và loài người càng thấy kỳ lạ, mi không ngờ còn những người bạn quan tâm đến mi, điều đó làm cho mi cảm thấy rằng cuộc đời này đâu sao cũng đáng sống, họ bàn với nhau xem *ngày mai* có thể tìm đám con gái đến cùng khiêu vũ. Tại sao không? Câu này chính là mi nói. Những cô gái hoạt bát, vui nhộn không là diễn viên tập sự thì là nữ sinh viên mới tốt nghiệp đại học, họ chí chèo quyết định đi dã ngoại lượm nấm trong rừng tùng, à đấy, một ý kiến dĩ nhiên là tuyệt vời, các cô không sợ bị ngộ độc sao? Anh không thể nể nể được ư? Khi đã nể rồi thì tất cả mới cùng ăn, ai nói mi phải làm anh hùng nhỉ? Anh hùng thì trước hết phải hy sinh vì mỹ nhân! Họ không bao giờ muốn thua, mi nói chết vì một cô gái, đó là lý tưởng, các cô nói các cô không tàn nhẫn đến thế, đâu gì các cô cũng không giống như Võ Tắc Thiên mới, Giang Thanh, hay nữ hoàng Từ Hi⁽¹⁾, họ không cần biết các mục phù thủy già ấy sống hay chết, họ muốn giữ mi, để mi nhóm lửa nấu nấm rồi vừa nói các cô vừa đi tìm một chậu than và nhặt củi, còn mi, mi nằng xoài ra đất để thổi lá và cành tùng khô, mắt đỏ lên vì khói, ngọn lửa bắt đầu bốc lên, mọi người reo vui nhảy quanh lửa, ai đó chơi ghi ta, mi bèn lăn long lóc trong cỏ, mọi người vỗ tay hoan hô mi, một anh chàng thấp bé đứng thế thẳng như cái cây, không ngừng trêu ghẹo một cô nàng, đòi cô chống tay lộn một vòng trên không như bánh xe quay, cô nói cô có thể múa bất cứ điệu gì nhưng múa thì bàn dân thiên hạ ai mà chẳng múa được, mọi người muốn thưởng thức bài tử tuyệt vời của cô, cô nói cô đang mặc váy, kìa, váy thì sợ gì váy? Ai muốn xem váy đâu, người ta

muốn xem thể dục mềm dẻo chứ. Lũ con trai không buông tha cô, một đứa còn nói cô là nhà vô địch. Lũ con gái cù cô, đẩy cô lăn trên đất, không cho cô kịp thở, mi nói ở trong núi mi đã học được phép phù thủy, mi biết làm cho người sống chết đi và người chết sống lại, các cô các cậu bảo mi nói khoác, à các cô các cậu nếu không tin thì hãy thử đi nào? Họ chỉ định cô gái kia, cô nằm trên đất nhắm mắt lại vờ chết, mi cắt một cành liễu vung lên, mi đảo trông mắt trắng dã, mi lẩm rầm giữa hai hàm răng, mi quay chung quanh cô để đuổi ma quái tứ phương, bọn trẻ quỳ gối chung quanh, hai tay chấp tụng niệm, bọn con gái ghen lên, kêu cô đứng dậy, mở mắt nhìn xem tất cả đám đàn ông này đang chim cậu đấy! Mi hét lên một tiếng, nhập đồng, mình trần, lè lưỡi, mi vừa nhảy vừa hú, tất cả cùng nhảy vòng tròn như quỷ ám quanh cô gái rồi nâng cô lên tể trời! Xin hiển tể các đấng thánh thần! Thả nó xuống nước dâng cho vua Hà Bá đi! Cô không nhịn được nữa kêu lên “cứu!”, giọng thất thanh “Cứu với!” Cô nói có sẽ múa, múa bất cứ điệu gì mọi người thích, nhưng hãy tha cho cô, chớ vứt cô xuống nước, bọn con trai bèn phạt cô, bắt cô, đứng xoạc chân, hai tay giơ cao, không được động đậy, chúng hành cho cô phát điên rồi! Điên rồi ấy à! Bọn con gái phản đối, không cho bọn con trai làm, tất cả mọi người lăn lộn trên cỏ, cười đau cả bụng, thôi được, thôi được, kể chuyện cho chúng em, kể gì nhỉ? Kể những cái anh đã thấy trong chuyến đi, mi nói mi đã trông thấy một con gấu trúc, như thế thì có gì là lạ? Trong sở thú đầy gấu trúc, mi nói mi nhìn thấy con gấu trúc vào trong lều kiếm ăn, nó sục đầu vào trong chần của mi, không đúng, không đúng! Mi nói quả thật mi muốn đi đến Thần Nông Giá, đều nói người rừng ở đấy, thậm chí mi còn muốn bắt sống một tên rồi dạy cho nó nói tiếng người nhưng không mà được coi người ta ai cũng như một đứa bé, mi chỉ là muốn quay lại thời thơ ấu, mi nói mi tìm dấu vết cái thời ấy ở khắp mọi nơi, và các cô gái, các cô cũng nói thời thơ ấu là hay nhất, người ta giữ nhiều kỷ niệm đẹp nhất, tôi thì không thế, một giọng nói cất lên, tuổi thơ của tôi chẳng có gì lý thú, tôi thích sống hiện tại hơn, thích nhìn sao trên đầu, thôi, hãy nói các tác phẩm của anh, một tiếng nói khác cất lên của nữ: những gì anh viết đều đã được in toàn văn, những gì anh không xuất bản được thì anh cũng chưa viết, anh không phải là người thật sự nghiêm túc, mi nói mi đã nghiêm túc quá, cho nên không muốn nghiêm nữa, mi không sung sướng chút nào cả. Một tiếng thở dài! La lá la lá la,

chú ý, ta sắp hát này! Em là người duy nhất đẹp, em là người duy nhất hay cà khịa như thế, các cô đánh nhau đi, ai thắng là người đẹp nhất, nhưng các cô không muốn mi làm trọng tài, mi nói ai cũng muốn phán xét mi, ai bảo mi cần nổi tiếng? Mi thừa nhận mi cũng có nghĩ tới chuyện đó, nhưng không bao giờ mi ngờ được rằng nổi tiếng lại đem đến cho mi lắm phiền não đến như thế. Mọi người cười, ai đó nói: hay là chúng ta bơi qua sông nhỉ? Tay cầm tay chúng ta vào trong hang này đi! Người đi đầu thốt lên một tiếng kêu lạ, hần bị đập đầu, khiến mọi người cười như nắc nẻ, trong hang tối như mực, phải cúi xuống để không bị va vào đá nhưng lại húc phải móng người đi trước, hay nhất là hôn nhau trong hang! Chẳng ai thấy ai, ai hôn người ấy biết, trò này không hay, hãy tắm đi, nhảy xuống nước, không ai được làm trò bậy bạ với người khác nhá! Cho ai? Người làm cái ấy thì biết là cho ai! Hay là hát đồng ca với nhau nhỉ? Hát bài cây cọ, không, đừng, cứ hát mãi bài này, bài người chờ đò của rồng thì hơn, ai chờ ai? Chỉ mi yêu nước mi, chỉ mi làm phiền người khác, chỉ mi làm phiền ta, các cô đừng cãi nhau, đồng ý không? Các bạn đáng tôn kính... ta sắp chết đuối đây! Ai đáng ngán như thế? Ta đi hái nấm trong dòng nước sông đen ngòm... Cái gì? Cái gì hả? Không có gì cả, chẳng hái được cái gì, chỉ hái được buồn thôi, nào chúng ta đáng bài, đồng ý chứ? Không, phải nghĩ mệt óc quá đi? Vậy thì chơi bài bridge, ai được rùa đen? ... Ta rút được vua! Ta may thật, ai không tìm kiếm nó thì luôn luôn được nó, đó là số phận, há! Mi tin ở số phận à? Số phận trêu người con người, hãy cho nó cuốn xéo với quỷ đi! Đừng nói đến quỷ, ta sợ người ta ban đêm nói đến quỷ, mi đã đi trong một con sông sâu, mi chẳng phải là đã đi đến Phong Đô, thành phố của quỷ đấy sao? Kể cho chúng em xem cái thành phố ấy có dễ chịu không? Bây giờ ở chỗ đó người ta dán lên một đôi câu đối bài trừ mê tín dị đoan. “Mi tin thì nó có, mi không tin thì nó không”. Các câu đối ấy là gì? Chỉ có những câu đối song song đối xứng chỉnh tề mới có quyền là câu đối chân chính phải không? Không thể có được các câu đối tự do ư? Nếu mi muốn đập tan hết thì mi có thể đập tan được chân lý không? Đừng dùng cái mũ to để dọa người đi, chẳng phải mi là một người vô thần không sợ một cái gì sao? Mi nói mi đã sợ, sợ cái gì? Sợ cô đơn. Mi là một người tốt, hơn nữa là một trang nam nhi. Nam nhi hay không nam nhi, mi cứ sợ đàn bà đẹp, mỹ nhân có cái gì đáng sợ đến thế? Mi sợ bị mê lú, a, cái ý này mới lớn đây! Kìa, hơi đồng bào thân mến! Mi làm cái gì thế? Có cần cứu tổ quốc

không? Mi chỉ cứu chính mi thôi, cái thằng cá nhân chủ nghĩa bất trị. Mi hoảng đến nỗi người mi toát mồ hôi lạnh. Mi muốn, mi muốn, mi muốn quay về với họ, nhưng mi chẳng tìm thấy một ai nữa cả...

Nàng muốn mi bói chỉ tay cho nàng. Bàn tay nhỏ nhỏ của nàng rất mềm mại, rất đẹp, rất đàn bà. Mi mở lòng bàn tay nàng ra, nựng nó, bảo rằng nàng có một tính cách rất biết điều, nàng là cô gái rất hiền hậu. nàng gật gật đầu, nàng tán thành.

Mi nói đây là bàn tay của một người rất trù mẫn, rất tình cảm, nàng bật cười, tiếng cười dịu dàng thế.

bề ngoài nàng hiền dịu nhưng bên trong, nàng sôi sục, nàng bồn chồn. nàng cau mày lại. nàng bồn chồn vì nàng tìm kiếm tình yêu một cách say đắm nhưng nàng rất khó mà tìm được một người mà nàng sẽ có thể trao phó cả tâm hồn lẫn thể xác. Nàng quá tế nhị, nàng rất hiếm khi hài lòng, đấy, bàn tay này tự nói lên như thế đấy. Nàng bĩu môi, nàng có một dáng ngồ ngộ.

Nàng không chỉ yêu mới một lần...

Bào nhiêu lần? Nàng bảo mi đoán.

Mi nói nàng bắt đầu yêu từ lúc còn rất trẻ.

Bao nhiêu tuổi? Nàng hỏi.

Mi nói nàng là một nòi yêu, rằng nàng khao khát tình yêu từ rất sớm. nàng cười.

Mi cảnh báo rằng trong đời này, không có hoàng tử đáng yêu, nàng sẽ hết thất vọng này lại đến thất vọng khác mà thôi. Nàng tránh nhìn vào mắt mi.

Mi nói lần nào nàng cũng sẽ bị lừa và nàng cũng sẽ lừa mỗi lần... Nàng bảo mi nói tiếp đi.

Mi nói chỉ tay của nàng rồi, luôn quàng phải nhiều người cùng một lúc.

Ồ, không phải, nàng phản đối.

Mi ngăn nàng phản đối, mi nói khi nàng yêu một người, nàng còn nghĩ tới người khác, nàng bắt người tình mới trước khi cắt đứt với người tình cũ.

Anh nói quá, nàng nói.

Mi nói đôi khi nàng tự giác, đôi khi không, mi không phán xét nàng, mi chỉ nói những điều đường chỉ tay nàng cho thấy thôi. Có những điều lẽ nào lại không nên nói chứ? Mi nhìn vào mắt nàng.

Ngập ngừng một phút nàng khẳng định dĩ nhiên nên nói hết.

Mi nói nàng không biết chuyên chú vào tình yêu. Mi bấm vào xương tay nàng, nói mi không chỉ xem chỉ tay, mi còn quan sát cả tướng xương cốt của tay nữa. mi nói bất cứ ai nắm lấy bàn tay nhỏ thanh mềm mại thế này đều có thể kéo nó đi theo được.

Anh thử xem! Nàng muốn rút tay về nhưng mi không để cho nó tuột.

Nó bị hãm vào buồn khổ, mi nói đây là nói bàn tay nàng.

Tại sao?

Nàng nên tự hỏi.

Nàng nói nàng chỉ muốn hết lòng yêu một người.

Mi thừa nhận nàng có muốn thế, vấn đề là nàng không làm được như thế.

Tại sao?

Mi nói nàng nên hỏi các chỉ tay của nàng, bàn tay nàng thuộc về nàng, mi không thể trả lời thay.

Anh khôn thật đấy.

Mi nói không phải mi khôn, mà là bàn tay nàng quá thanh, quá mềm dịu, khó có thể nhìn thấy chắc chắn trước.

Nàng thở dài bảo mi nói tiếp.

Mi nói mi mà tiếp thụ thì có cơ nàng sẽ không vui.

Chẳng có gì mà lại không vui.

Mi nói nàng đã giận rồi đấy.

Nàng dứt khoát rằng không.

Mi dứt khoát rằng nàng thậm chí chẳng biết yêu là gì.

Nàng không hiểu, nàng nói nàng không hiểu mi nói gì.

Mi bảo nàng hãy suy nghĩ một chút hãy nói.

Nàng nói nàng đã suy nghĩ nhưng vẫn không hiểu.

À thế thì có nghĩ là nàng, chính nàng, cũng không biết mình yêu cái gì.

Yêu một người, một người đặc biệt xuất sắc.

Đặc biệt xuất sắc nghĩa là như thế nào?

Một người mà mới nhìn thấy nàng đã ngã lòng, một người mà lập tức nàng có thể trao tình yêu của nàng cho, một người mà nàng có thể đi cùng khắp chốn, đến tận cuối đất đầu trời.

Mi nói đó là một đam mê lãng mạn lửa rơm.

Chính là cần cái thứ đam mê ấy.

Bình tâm lại thì đam mê không nổi.

Nàng nói nàng đã đam mê như thế.

Nhưng muốn gì thì khi sự vật nguội lạnh rồi, nàng sẽ nhìn nhận sự vật có khác.

Nàng nói nếu nàng yêu thì đam mê của nàng không thể nào lại nguội lạnh.

Nói như thế có nghĩa là chưa yêu. Mi nhìn chăm chú vào mắt nàng, nàng quay mắt đi rồi nàng nói nàng không biết.

Rút cục là không biết nàng có yêu ahy không, bởi vì nàng quá yêu bản thân nàng.

Nàng đe mi đừng có mà ác khẩu đi.

Mi nói tất cả là do nàng quá đẹp, nên luôn chỉ chú ý tới những ấn tượng nàng gây nên ở người khác.

Anh nói tiếp đi!

Nàng hơi bực, mi nói nàng không biết chứ thật ra đó là một thứ trời cho, thiên tính.

Anh nói cái ấy là thế nào? Nàng chau mày.

Mi chỉ muốn nói cái thiên tính ở nàng nó rõ quá, chẳng qua là nàng hấp dẫn quá đến nỗi tất cả đều phải lòng nàng, và đó là tai vạ của nàng.

Nàng lắc đầu nói không chơi được với mi.

Mi nói chính là nàng muốn bói chỉ tay và muốn mi nói sự thật.

Nàng phản đối nhẹ nhàng, nhưng anh hơi cường điệu.

Sự thật không thể vui tai, vừa lòng, sự thật ít nhiều vẫn buộc phải có phần gay gắt nếu không thế thì sao mà nhìn được thẳng vào vận mệnh của bản thân cơ chứ? Mi hỏi nàng có muốn mi tiếp tục không.

Anh nói cho xong nhanh lên đi!

Mi nói nàng cần xòe các ngón tay ra, mi vừa lay lay các ngón tay nàng vừa nói đây là để xem nàng làm chủ được số phận nàng hay là số phận làm chủ nàng.

Vậy ai làm chủ ai nào? Anh nó em nghe.

Mi bảo nàng khép bàn tay lại, mi nắm chặt nó lại rồi mi nâng nó lên, gọi mọi người nhìn!

Tất cả bật cười, nàng rút tay lại.

Mi nói khổ quá, cái người mi nói chính là mi, chứ đâu có nói nàng. Đến lượt nàng phì cười.

Mi hỏi có còn ai muốn bói chỉ tay nữa không. Các cô gái im lặng. Lúc đó, một bàn tay với những ngón rất dài chìa về mi rồi một giọng e lệ nói: Xem em đi.

Mi nói mi chỉ xem chỉ tay không xem người.

Nàng sửa: bảo xem số phận của em mà!

Đấy là một bàn tay đầy sức mạnh, mi sờ nắn nó.

Anh nói xem em có sự nghiệp không, chứ nói cái khác.

Mi nói bàn tay nàng có nhiều có tính.

Anh xem xem sự nghiệp của em có thành đạt hay không.

Mi chỉ có thể nói bàn tay này có sự nghiệp nhưng như thế không có nghĩa là thành đạt.

Nếu không thành đạt thì là sự nghiệp thế nào được chứ lại?

Nói rằng có sự nghiệp có lẽ cũng là một cách khuyến khích.

Anh định nói sao?

Anh muốn nói rằng em không có dã tâm.

Nàng thở dài một cái, các ngón tay cứng đờ chợt mềm ra. Nàng thừa nhận mình không có dã tâm.

Mi nói nàng là một cô gái ngoan cường nhưng chỉ thiếu dã tâm, nàng không thích chi phối người khác.

Vâng, có thể, nàng cần môi.

Sự nghiệp thường khó tách ra được với dã tâm. Với một người đàn ông nếu bảo hắn có dã tâm thì có nghĩa là hắn có tinh thần lập nghiệp, dã tâm là nền tảng của sự nghiệp, dã tâm chẳng qua là để phân biệt mình hơn người khác.

Đúng thế, nàng không muốn phân biệt mình hơn người khác.

Mi nói nàng chỉ muốn tự khẳng định, nàng không gọi là đẹp nhưng cái tâm nàng tốt. Thành công của một sự nghiệp không thể thiếu sự cạnh tranh nhưng vì nàng quá tốt nên nàng không thể đánh bại được đối thủ và như vậy tự nhiên nàng sẽ không biết đến kết quả quan trọng.

Nàng nói khế là nàng biết thế.

Có sự nghiệp mà không nhất thiết thành công cũng là một thứ hạnh phúc, mi nói.

Nhưng nàng nói không thể coi đó là hạnh phúc.

Sự nghiệp không thành công không có nghĩa là bất hạnh, mi khẳng định lại.

Vậy thì đó là loại hạnh phúc nào?

Mi muốn nói đến loại hạnh phúc ở mặt tình cảm.

Nàng khe khẽ thở dài.

Mi nói có một người đang thầm yêu nàng nhưng nàng không coi trọng, thậm chí không cả nghĩ đến chuyện đó.

Vậy người ấy là ai?

Cái này phải nghĩ cẩn thận, mi buông tay nàng ra nói.

Nàng mở to mắt, nàng có vẻ chăm chú đến nỗi mọi người phá lên cười. Ngượng ngịu, nàng cũng cười và lấy tay che mặt. Thật đúng là một buổi tối vui, đám con gái quây lấy mi, tranh nhau chĩa tay ra cho mi đọc tương lai.

Mi nói mi không là thầy bói, mi chỉ là một phù thủy. Phù thủy kìa, đáng sợ! Đáng sợ! Đám con gái kêu lên.

Không, chính ra tôi lại yêu phù thủy, tôi tôn sùng họ! Một cô gái ôm mi và chìa bàn tay mũm mĩm ra: Xem hộ một chút nào, em có tiền không? Nàng mở nốt bàn tay kia: em không cần tình yêu với công việc, em chỉ muốn một người chồng đầy ứ tiền.

Một cô gái khác đùa: Ấy kiếm lấy một lão khom già cho là được.

Tại sao bắt buộc phải là một lão già? Cô gái có bàn tay mũm mĩm vịn lại.

Khi lão chết, tất cả tiền bạc của lão thuộc về ấy, lúc bấy giờ ấy sẽ tìm lại người yêu của ấy. Cô này quả là có óc hài hước châm chọc. thế ngộ lão không chết thì có phải là khổ não không? Đừng ác khẩu như thế. Cô gái có bàn tay mũm mĩm đáp lại.

Bàn tay mũm mĩm này rất là ngon lành đây, mi nói.

Tất cả mọi người vỗ tay huýt sáo, hoan hô.

Xem chỉ tay cho em đi nào, cô gái ra lệnh, và đừng có ai đâm ngang!

Khi nói đôi bàn tay này có nhục cảm, mi nói nghiêm túc, mi muốn nói rằng bàn tay này hấp dẫn nhiều đàn ông và nàng khó mà chọn lựa, nàng không biết ai là người hay hơn.

Có tình yêu, cái ấy thì hay đấy, nhưng còn tiền thì sao? Nàng bĩu môi hỏi.

Lại một trận cười.

Người cầu tình yêu không cầu tiền thì lại không có tình yêu, người tìm tiền mà lại không có tiền thì lại có tình yêu, đấy như thế gọi là số phận,

mi nghiêm túc báo nàng.

Cái số ấy là rất tốt rồi! một cô gái kêu lên.

Cô gái có bàn tay mũm mĩm khẽ ngếch mũi lên. Không có tiền thì tôi làm đẹp thế nào được đây? Nếu tôi không làm cho tôi đẹp thì còn ai muốn tui nữa, đúng không?

Đúng! Các cô gái khác đồng thanh phụ họa.

Còn mi! Mi mới tham làm sao! Mi chỉ muốn các cô gái tất cả đều lượn vây quanh mi. một cô nói ở sau mi: Thế anh, anh đã yêu chưa?

Quay lại đám người vui nhộn này, mi nói bàn tay nào mi cũng yêu, mi muốn tất cả các cô.

Không, không, anh chỉ yêu có anh thôi! tất cả các bàn tay hoa hoa lên. Người ta la, người ta phản đối.

Rời huyện phòng, ở phía bắc hơn nữa, ta vào huyện Thần Nông Giá. Đây chính là nơi hện nay mọi người đang nói nhiều nhất đến người rừng. Theo “Vấn Dương phủ chí” trong các vùng rừng trải ra trên tám trăm dặm từ bắc xuống nam này, chỉ là “tiếng hổ gầm giữa ban ngày và tiếng khỉ kêu không dứt”, bằng chứng về sự biệt lập của địa điểm. ta không hề đến đây để điều tra về người rừng, đúng ra là ta đến để xem rừng tự nhiên có còn hay không. Đây cũng chẳng phải là một sứ mệnh cảm khiến ta hoạt động lần này, cho dù nó chưa mất đi ở trong ta. Cái cảm ấy đè nặng lên ta, nó ngăn ta sống tự nhiên. Chỉ nghĩ đã từ thượng nguồn sông Trường Giang, từ các cao nguyên đi xuống như thế này, thì ta làm sao lại bỏ qua được vùng trung lưu đây. Không có mục đích cũng là mục đích, kiếm tìm cũng là một mục tiêu, bất kể mục tiêu kiếm tìm là gì. bản thân cuộc đời ban đầu có mục đích gì đâu, chỉ là cứ đi lên như thế mà thôi.

Suốt đêm mưa như thác, đến tảng sáng, trời tiếp tục mưa nhỏ. Dọc hai bên đường cái, không có rừng anò xứng với tên gọi, chỉ là những bụi gai cát trắng và những cây đào khỉ mặt đỏ bò lan. Một dòng nước vàng nhờ nhờ chảy trong các sông suối. Mười một giờ trưa, đến huyện lỵ, ta tạt vào trung tâm đón tiếp của sở lâm nghiệp kiếm một cái xe có thể đưa ta vào rừng. Ta rơi vào hội nghị cán bộ ba cấp khác nhau. Ta không rõ là những đẳng cấp nào nhưng tất cả họ đều làm trong ngành khai thác gỗ.

Vào giờ ăn, trường một cung đoạn đón tiếp ta, biết rằng ta là nhà văn ở Bắc Kinh, ông mời ta cùng dự và để ta ngồi bên cạnh người tài xế sẽ đưa ta đi trong chiều hôm ấy. lái xe mời ta cạ chén.

- Không uống được rượu nếu không có một nhà văn cùng bàn! – anh ta tử tế và vui vẻ reo lên.

Uống từng bát đầy một, rượu gạo cháy bỏng, chảy trong cổ họng và mắt đỏ hết lên. Ta không thể làm họ cụt hứng nên uống với họ. Cuối

bữa, đầu ta quay cuống và tài xế thì không lái xe nổi nữa.

Chiều, những người dự hội nghị tiếp tục họp nhưng anh tài xế mở cửa một phòng khách rồi mỗi người leo lên một cái giường ngủ tới tận tối.

Bữa tối, những món thừa buổi trưa và rượu được dọn lên. Lại say, ta chỉ có thể qua đêm ở trung tâm đón tiếp. Tài xế đến báo cho ta biết trong núi, nước đã làm ngập đường, không biết ngày mai liệu có đi được nổi không. Anh tài sung sướng vì đã tranh thủ được cơ hội để nghỉ ngơi.

Tối ấy, trường cung đoạn đến tán gẫu với ta. Ông muôn biết thủ đô người ta ăn những gì. Các món bưng lên trước tiên là gì? Rồi các món bưng lên sau? Ông nói đã từng gặp một ai đó từng tham quan Cố Cung ở Bắc Kinh, kể vớ ông ta rằng xưa người ta giết những một trăm con vịt để làm độc một món cho Từ Hi thái hậu. Có đúng thế không? Thế chỗ Mao Chủ tịch ở, có đến tham quan được không? Ta đã thấy bộ quần áo vá của chủ tịch chiếu lên truyền hình chưa? Còn ta thì tranh thủ chuyện trò để hỏi ông về tình hình hiện nay ở nơi này.

Ông kể rằng trước giải phóng, nơi này không có mấy người: một gia đình tiểu phu gốc gác Nam Hà, một gia đình khác người Đầu Hà. Gỗ đưa đi bằng đường sông. Lường gỗ bán ra ngoài không đến một trăm năm chục mét khối mỗi năm. Từ đây đến Thần Nông Giá, chỉ đếm được ba nóc nhà. Trước năm 1960, rừng chưa bị phá mấy, sau đó mở một con đường to và sự tình bèn thay đổi. Bây giờ phải nộp năm mươi nghìn mét khối gỗ mỗi năm, sản lượng phát triển, người đến nhiều. Ngày xưa, bắt đầu có sấm xuân, cá xuất hiện trong các hồ nước trên núi, lấy tre chắn dòng lại bắt được hàng rổ cá. Bây giờ chẳng được ăn cá nữa.

Ta hỏi thêm ông về lịch sử huyện này. Ông bỏ giấy ngỗng dạng chân ở trên giường:

- Nếu nói lịch sử thì phải ngược lên xa đấy! rất gần chỗ này, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy rằng người vượn cổ *pitêcantrôp*.

Thấy ta không mấy quan tâm tới mấy con vượn già cổ lỗ, ông bắt đầu nói sang người rừng.

- Nếu anh gặp nó, nó có thể nắm lấy hai vai anh mà lắc cho đến khi anh chóng mặt lên mới bỏ đi mà cười khanh khách rất to.

Ta nghĩ chắc ông đã đọc cái này trong các sách cổ.

- Ông đã nhìn thấy người rừng chưa?

- Tốt nhất là đừng nhìn thấy. Nó cao hơn cánh ta, trên hai mét, đầy lông đỏ, tóc xõa dài. Nói đến nó không thấy hãi nhưng nếu trông thấy nó thật thì khiếp lắm. Nhưng tự dưng thì nó không làm hại. Nếu không làm gì nó, nó còn ỉa iô kêu lên như trò chuyện, mà đặc biệt hẳn thấy phụ nữ, thì lại ngóac mồm ra cười.

Tất cả những điều này ông đều nghe thấy người ta nói, sợ rằng nói đã hàng nghìn năm, ông cũng chẳng nói điều gì mới. Ta thà cắt lời ông:

- Trong số công nhân viên ở đây, có ai nhìn thấy nó chưa?

- Hẳn là rồi chứ. Chủ tịch Ủy ban cách mạng thị trấn Tùng Bạch một hôm đi xe jeep với những người khác đã bị một số người rừng ra chặn lại. Họ cũng sờ cả ra thế rồi thấy nó đứng đưa người mà bỏ đi. Họ là cán bộ ở vùng này, chúng tôi đều biết rõ.

- Từ hồi còn Ủy ban cách mạng, thế thì chuyện đó xảy ra cũng đã là lâu rồi. Gần đây người ta có thấy nó không?

- Ồi người đến điều tra về người rừng, mỗi năm cả trăm, từ khắp mọi nơi, Viện khoa học trung ương Bắc Kinh này, các giáo sư đại học ở Thượng Hải này, các chính ủy quân đội này và năm ngoài có cả hai người từ Hồng Kông đến, một thương gia và một lính cứu hỏa; chúng tôi không cho họ vào.

- Đã có người nhìn thấy người rừng rồi chứ?

- Chắc chứ! Người mà tôi muốn nói với anh, đó là chính ủy của nhóm tìm kiếm người rừng, ông ta là quân nhân, ngay trong xe của ông ta có hai anh bảo vệ. Cũng lại là một lần mưa cả đêm. Đường ngập, sương mù dày đặc dâng lên. Họ gặp đúng người rừng.

- Họ có bắt nó không?

- Đèn pha chỉ chiếu sáng được có hai ba mét. Họ lấy được súng và xuống xe thì nó đã chạy trốn mất rồi.

Thất vọng, ta gật gật đầu.

- Mới đây đã lập ra một Hội nghiên cứu người rừng do nguyên vụ trưởng tuyên truyền của Ủy ban Đảng đích thân lãnh đạo. Họ có ảnh về vết chân, tóc và lông của người rừng đấy.

- Cái đó, tôi đã được xem, trong một triển lãm chắc là của Hội này tổ chức. Tôi cũng đã xem cả những ảnh phóng to các vết chân. Ngoài ra họ còn xuất bản một tập tư liệu cung cấp nhiều trích dẫn trong các sách cổ về người rừng cũng như các phóng sự nước ngoài về người rừng *yeti* và các ảnh về những vết chân khổng lồ. Họ còn giới thiệu cả các tường trình của những chứng nhân.

Ta muốn cho ông thấy ta đầy hiểu biết chuyện này.

- Tôi đã từng xem ảnh bàn chân người rừng.

- Nó như thế nào? Ông cúi về phía ta và hỏi.

- Giống chân con gấu trúc, khô quắt lại.

- Thế thì là của giả, ông gật đầu nói, gấu trúc là gấu trúc, bàn chân người rừng phải to hơn bàn chân gấu trúc chứ, đại khái cũng như bàn chân người thường. tại sao lúc trước tôi nói với anh về rừng vượn ngày xưa? Theo tôi, người rừng là người vượn *pinécantróp* không tiến hóa thành người! Anh nghĩ sao?

- Không chắc, ta nói sau khi ngáp một cái chắc là do rượu gạo.

Ông vờn vai, ngáp theo ta, mệt mỏi vì họp hành cả ngày và chè chén.

Hôm sau, họ lại họp tiếp. ta buộc phải nghỉ thêm một ngày vì theo anh tài xế, đường chưa sửa xong. Ta quay lại gặp ông trưởng cung đoạn:

- Tôi không muốn quấy ông trong khai đang họp thế này nhưng liệu có một cán bộ già nào hiểu biết lịch sử địa phương không? Tôi muốn nói chuyện với một người như thế.

Ông chỉ cho ta nguyên huyện trưởng thời Quốc dân đảng, mới ra khỏi trại cải tạo lao động:

- Ông này biết hết đấy. Đúng là một trí thức. Tổ vừa được lập ra để soạn thảo biên niên sử của huyện thường đến hỏi ông ấy để ông ấy kiểm tra các tài liệu cơ bản của họ.

Sau khi hỏi thăm từng nhà một, ta mới tìm thấy ông già kia trong cái ngõ ẩm tối, lầy lội.

Đó là một ông già gầy còm, mắt quầng quắc. Ông mời ta ngồi vào gian nhà chính rồi vừa húng hắng ho vừa mời ta dùng trà và hạt dưa. Rõ ràng là ông rất lo ngại, ông không hiểu lý do thăm viếng của ta.

Ta giải thích rằng ta có ý viết một cuốn tiểu thuyết lịch sử không hề liên quan tới thời kỳ hiện nay. Ta chỉ muốn đến gặp ông để nghe ông cố vấn. Nhẹ người, ông ngừng ho và nhồm lên, châm một điếu thuốc rồi ông tựa lưng thẳng như chữ I vào một chiếc ghế dựa bằng gỗ. Ông bắt đầu nói, vững tâm:

- Dưới thời Tây Chu đây thuộc về đất Bành, thời Xuân Thu thuộc đất Sở; thời Chiến Quốc thì trở thành điểm chiến lược Tần, Sở tranh nhau. Khi giao tranh dữ dội, người chết như ruồi. chuyện đó xảy ra đã lâu lắm, đất này vẫn cứ hoang vu. Sau khi người Mãn vượt qua quan ải toàn huyện dân đinh hơn ba nghìn người mà bị giết chỉ còn ba trăm. Từ hồi có các cuộc nổi dậy của Khăn Đỏ dưới thời Nguyên, vùng này không lúc nào ngừng cướp bóc.

Ta không biết ông có coi Khăn Đỏ như giặc cướp không.

- Thế lực của Lý Tự Thành cuối đời nhà Minh chỉ bị tiêu diệt vào năm Khang Hy thứ hai. Năm đầu tiên đời Gia Khánh, tất cả vùng này do giáo phái Bạch Liên kiểm soát. Trương Hiến Trung và quân lính Niệm cũng đã

từng đánh chiếm nơi đây. Rồi lính của Thái Bình Thiên Quốc, thời Cộng hòa thì bọn quan phủ, thổ phủ và binh phủ.

- Nơi đây vậy luôn là sào huyệt phủ?

Ông cười không trả lời.

- Hòa bình trở lại, người các nơi lại đổ đến, dân số mới vượng lên. Sách sử đã ghi rằng vua Bình nhà Chu đã thu thập dân ca ở đây, chứng tỏ hơn bảy trăm năm trước công nguyên, dân ca đã phổ biến.

- Quả là cổ xưa thật, ta nói. Ông có thể cho nghe những chuyện chính ông đã trải qua? Chẳng hạn thời Cộng hòa các thứ phủ đã làm loạn như thế nào?

- Về bọn quan phủ tôi có thể lấy một thí dụ. Một sư đoàn hai nghìn lính làm binh biên. Chúng hiếp hàng trăm phụ nữ, bắt theo hơn hai trăm con tin, cả người lớn lẫn trẻ con, để đổi lấy súng đạn, vải bông và đèn pin. Mỗi thủ cấp khoảng một hai nghìn nguyên, phải nộp đúng hạn, nộp dần dần. Người được chỉ định sẽ mang tiền đến nơi đã hẹn. Nếu chậm, dù chỉ nửa ngày, đứa trẻ bị bắt làm con tin cũng bị hành quyết. Và đôi khi, những người nộp tiền chuộc cũng chỉ nhận được một cái tai. Còn bọn cướp nhỏ không tổ chức thành đoàn thành đám thì chỉ đi cướp tiền và đồ đạc, giết những ai định chống lại.

- Thế có biết đến những thời kỳ hòa bình và thịnh vượng không?

- Thời kỳ hòa bình và thịnh vượng ư!... Ông gật gù, suy nghĩ chút ít. Vâng, cũng đã có. Thời ấy tôi đến huyện lỵ dự chợ phiên của chùa, ngày ba tháng Ba: đêm được chín sân khấu kịch với các rui kèo sơn thêu và chạm khắc, một chũm gánh hát nối tiếp nhau ngày đêm. Sau cách mạng Tân Hợi năm 1911, năm thứ năm của nước Cộng Hòa, các trường ở huyện lỵ để trở thành nơi nam nữ học sinh cùng học chung lớp, ở đây tổ chức các cuộc thi đấu thể thao lớn, các vận động viên nữ mặc quần đùi ngắn thi chạy. Sau năm 26 của chế độ Cộng hòa, các tập quán càng thay đổi hàng năm từ ngày mồng một đến ngày mười sáu đầu năm, ở các ngã tư phố huyện người ta kê hàng chục bàn cờ bạc. trong một đêm, một đại địa chủ đã thua mất một trăm linh tám ngôi miếu thờ thổ địa. Anh

tính xem như thế thì bằng bao nhiêu cánh đồng và rừng rú chứ! Có đến hơn hai chục cái nhà thổ. Không treo biển hiệu, nhưng thế là tốt. Họ đi đầy ngày đêm, từ trăm dặm xa gần. Sau đó đến cuộc chiến giữa ba quân phiệt, Tường Giới Thạch, Phùng Ngọc Tường và Diêm Tích Sơn, rồi kháng chiến, người Nhật đã phá sạch tất cả. Cuối cùng là quyền lực của các bang hội bè đảng, chúng cực thịnh cho tới khi chinh phủ nhân dân nắm được mọi sự. Thời ấy, trong tám trăm người của huyện lý, Hắc bang, đảng đen đã có bốn trăm môn đệ. Quyền lực của nó lọt vào tận các tầng lớp trên, các thơ lại của phủ huyện cũng ở trong tổ chức này, dưới nữa đến cả người nghèo. Chúng làm đủ chuyện: bắt cóc đàn bà, trộm cắp, buôn bán phụ nữ góa chồng. Bọn trộm cũng phải quỳ lại Lão Năm, Lão Năm thủ lĩnh điều đến đám cưới, đám ma hằng trăm đưa ăn mày. Nếu không cho chúng đôi ba ưu đãi nào thì ngay đến cả súng cũng không trực nỗi chúng đi. Thành viên của Hắc bang tuổi trạc đôi mươi còn thành viên của Hồng bang, hội đỏ thì già hơn và nói chung chúng chỉ huy các trùm cướp.

- Thành viên các hội kín ấy có ám hiệu gì để nhận ra nhau?

Ta bắt đầu quan tâm đến vấn đề.

- Ở Hắc bang, trong nhà các thành viên đều gọi nhau họ Lý, ra ngoài là họ Phan, gặp nhau xưng hô “huynh đệ” rồi nói “miệng không rời Phan, tay không rời tam”.

Ông làm một vòng tròn bằng ngón tay cái và ngón trỏ rồi duỗi ba ngón kia ra.

- Đấy, ám hiệu nhận nhau của chúng. Chúng gọi nhau là Lão Năm, Lão Chín, đàn bà thì Chị Tư, Chị Bảy. Những người khác thế hệ thì là Cha và Con, Sư phụ hay Sư mẫu. Người của Hồng bang gọi nhau là ông lớn, người của Hắc bang là Đại ca. Trong các quán trà, chúng chỉ cần ngồi xuống rồi đặt cái mũ bẻ cong vành lên bàn là lập tức uống trà hút thuốc không mất tiền.

- Bản thân ông, ông có tham gia vào bang nào chưa? Ta thận trọng hỏi.

Ông làm một ngụm trà rồi khe khẽ cười

- Vào thời ấy, không có một vài quan hệ, không thể nào thành quan huyện được đâu.

Rồi ông lắc đầu nói thêm:

- Là chuyện trước kia rồi.

- Ông có nghĩ là thời Cách mạng văn hóa, các bè phái với nhau cũng có tí chút giống như thế không?

- Một đằng diễn ra giữa cách đồng chí cách mạng, một đằng giữa bon phỉ đánh đồng mà so sánh sao được, ông kiên quyết bác lại.

Không khí lạnh đi một lát. Ông đứng lên và lại bắt đầu khúm núm mời ta trà, hạt dưa.

- Tôi không bị chính phủ hành hạ. Tôi, một tội phạm, nếu không vào tù thì lẽ ra đã phải đến trình diện trước các phong trào quần chúng và có thể tôi đã chẳng sống nổi được tới hôm nay.

- Nhưng thời kỳ đại trị thái bình lớn là hiếm.

- Như ngày nay! Chúng ta đang trải qua một thời kỳ mà đất nước thái bình và dân chúng yên ổn, đúng không? Ông thận trọng hỏi ta.

- Có cơm ăn và còn có thể uống rượu.

- Còn đòi gì hơn nữa chứ?

- Đúng thế.

- Dung cho tôi được đọc sách, ấy mới là sung sướng. Kiến nhân đa sự thủy tri nhân, thấy người đời bộn bề vì công việc mới bắt đầu hiểu chữ nhân, ông nhìn ra sân nói.

Mưa bụi lại bắt đầu rơi ngoài sân.

Khi Nữ Oa tạo ra con người, bà đã làm ra cả nỗi bất hạnh Ruột gan của Nữ Oa đã biến thành người, sinh ra trong máu đàn bà hẳn không bao giờ rửa được cho sạch.

Đừng thăm dò các tâm hồn, đừng tìm tòi nhân quả, đừng tìm ý nghĩa, tất cả chỉ là hỗn mang.

Con người chỉ kêu lên khi hẳn không hiểu, kể không hiểu gì hết mới kêu. Con người là một sinh vật khốn đốn tự mình tạo ra những đau khổ cho chính mình.

Cái “ta” mở trong cái “mi” kia chẳng qua là phản ánh trong gương, hình ảnh đảo ngược của những bông hoa trong nước; nếu mi không vào trong gương, mi sẽ không thể nào vớt được bất cứ cái gì và mi chỉ còn nhìn cái bóng mà tự thương bản thân mình mất trắng.

Với mi tốt nhất vẫn là tiếp tục yêu thương say đắm chúng sinh trầm luân trong biển đục kia, cái gọi là nhu cầu tinh thần chẳng qua là tự quấy quả mình, mi sẽ mang một bộ mặt khổ não.

Trí tuệ cũng là một thứ xa xỉ, một thứ tiêu dùng.

Mi chỉ muốn nhờ vào thứ ngôn ngữ vượt khỏi ngôn ngữ nhân quả và lô gích mà trình bày sự việc. Thiên hạ kể đã quá nhiều chuyện tầm phào rồi, mi chẳng ngại gì cũng không kể như thế.

Mi bịa ra từ đầu đến đuôi, mi chơi với ngôn từ như đứa trẻ chơi với các khối lắp ghép hình. Nhưng với các khối lắp ghép, chỉ có thể xây dựng ra những hình cố định, mọi cấu trúc đều đã được chứa đựng trong các khối lắp ghép kia, bất kể giở trò gì người ta cũng không thể làm ra được cái gì mới.

Ngôn từ như một thứ hồ đặc, khuấy đứt ra chỉ có là câu cú, mi vứt bỏ câu cú đi thì tựa như mi sa vào một bãi sình lầy, chỉ có ngập vào sâu mãi.

Trong phiên muộn, day dứt, con người đơn thương độc mã. Một khi mi đã ngã vào đó, mi phải tự tìm lấy lối mà bò ra, không có Chúa cứu thế lo những chuyện vặt ấy cho mi.

Mi bò tòi trong ngôn từ, kéo lê những ý nghĩa nặng trĩu. Mi muốn rút lấy một sợi chỉ giúp mi thoát ra, nhưng càng bò tòi mi càng hết hơi, mi đã bị sợi chỉ của ngôn từ trói lại; như con tằm kéo kén, mi tạo ra một tấm lưới vây quanh mi, mi siết chặt lấy mi trong bóng tối, mỗi lúc một sâu dày. Ánh sáng yếu ớt từ sâu thẳm tim mi mỗi lúc một leo lét, ở đầu tấm lưới chỉ là hỗn độn.

Khi hình tượng mất đi, không gian liền mất. Khi âm thanh mất đi, ngôn từ cũng mất nốt. U u ơ ơ không thành tiếng, người ta không hiểu rút lại mình kể cái gì, chỉ ở trong sâu thẳm của ý thức vẫn còn sót lại đôi chút ý nguyện, nhưng nếu cái chỗ chút ý nguyện ấy không còn nữa thì người ta bước vào cõi niết bàn.

Làm sao cuối cùng tìm ra được một ngôn từ thuần túy, trong veo, có nhạc tính, không hề tách chia, thăng hoa hơn giai điệu, vượt ra ngoài hạn chế của hình thái học, của cú pháp, không phân biệt tân ngữ, vị ngữ, xéo qua nhân xưng, quãng đi lô gích, cứ thế kéo dài, chẳng phải nhờ đến một hình tượng ẩn dụ lẫn hội ý hay biểu trưng, một ngôn ngữ trong veo thuần chất. Một ngôn từ có thể diễn tả trọn vẹn các đau khổ của cuộc đời, nỗi sợ chết, những cực nhọc và niềm vui, cô đơn và khích lệ, phân vân và đợi chờ, ngập ngừng và quyết chí, yếu đuối và can đảm, ghen tị và hối tiếc, yên tĩnh, nôn nóng và tự tin, khoan dung và ngại ngùng, nhân ái và thù hận, tình thương và nản lòng, bàng quang và yên bình, hèn hạ và độc ác, cao quý và nhẩn tâm, hung tợn và nhân ái, nhiệt tình và lạnh lùng, lì lợm, chân thành và sỗ sàng, hờn hĩnh và tham lam, Kinh thị và trọng thị, tự phụ và hoài nghi, khiêm tốn và kiêu ngạo, ngoan cường và bi phẫn, ai oán và hổ thẹn, hoài nghi, kinh ngạc và chán chường và đồi bại và giác ngộ lớn và vô minh vĩnh hằng và vô minh mãi mãi và còn nữa, và cất bước lên đường vì tất cả những cái đó có ngôn ngữ như thế không?

Ta nằm trên giường lò xo có khăn trải giường trắng tinh. Trên tường, giấy sơn màu vàng nhạt với những họa tiết hoa nổi, ở cửa sổ, rèm trắng thêu móc, thảm đỏ sẫm trên mặt đất, cặp ghế bành to tướng giữ sạch sẽ bằng hai chiếc khăn lớn. Gian phòng có buồng nước với bồn tắm. Nếu ta không cầm trong tay một quyển in sao ra nhiều bản các bài hát của nông dân, *Trống Chiêng cho việc cào cỏ* thì khó khăn lắm mới nhận ra rằng ta đang ở trong khu lâm nghiệp Thần Nông Giá. Ngôi nhà một tầng gác mới toanh này được xây lên cho nhóm khảo sát người Mỹ nhưng vì một lý do không rõ nào đó họ đã không đến, thế là người ta biến ngôi nhà thành trung tâm đón tiếp các vị lãnh đạo đến đây thị sát. Nhờ trưởng cung đoạn ân cần, ta được hưởng một đãi ngộ ưu tiên trong khu vực lâm nghiệp. Tiền trọ tính với ta ở giá thấp nhất và mỗi bữa ăn còn được phục vụ cả bia, tuy ta thích rượu trắng hơn. Tiện nghi và sạch sẽ đem lại cho ta một ngòi dục sâu xa và ta thích ở lại đây thêm vài ngày nữa. Nghĩ cho kỹ, chẳng có cái gì buộc ta phải vội vã lên đường.

Ta nghe như có tiếng sột soạt. Ta nghĩ tới một con côn trùng, nhưng quan sát căn phòng, ta nhận thấy không có chỗ nào cho một con nào có thể ẩn được vì trần nhà và chao đèn đều một màu trắng sữa. Tiếng sột soạt tiếp tục, như lơ lửng trong không. Lặng lại, ta có cảm giác đó là một tiếng đàn bà đang lượn lờ quanh ta và biến mất khi ta buông sách xuống. Ta cầm sách lên, lại nghe thấy cái tiếng nói kia ở bên tai. Ngỡ bị ù tai, ta dứt khoát đứng dậy mở cửa sổ.

Trước tòa nhà một bãi sỏi trải dài, ngập nắng. Đang trưa, không một bóng người; có lẽ cái âm thanh kia đến từ chính ta. Đó là một tiết tấu khó dò theo, không rõ lời nhưng với ta hình như nó quen thuộc, hơi giống những bài hát tang ma của phụ nữ nông dân vùng núi.

Ta quyết định ra ngoài ngó quanh. Bên dưới chân tòa nhà một dòng suối hung dữ chảy siết, nước màu lam sáng lóa trong nắng. Chúng quanh dù không được rừng che phủ thì các đỉnh núi vẫn có một tấm thảm thực

vật phong phú. Dưới chân dốc, con đường đất dẫn tới thị trấn nhỏ cách xa hơn một hay hai dặm. Bên tay trái, dưới chân các đỉnh xanh rờn là trường học. Không một học sinh nào trên sân vận động, có thể chúng đang lên lớp. Muốn sao thầy cô của cái sơn thôn này cũng không thể dạy cho trò của họ các bài hát ma chay. Vả lại, yên tĩnh hoàn toàn bao trùm nơi đây. Chỉ nghe thấy gió gào trong núi và tiếng suối thì thầm Trên bờ suối có nhà trú ẩn cho người lao động, nhưng ta không nhìn thấy ai ở bên trong.

Ta quay lại phòng mình, ngồi vào bàn giấy, gần cửa sổ để chép lại các tư liệu của ta về dân ca, nhưng vào lúc đó ta nghe thấy âm thanh kia tái diễn, tựa như sau cơn đau, bây giờ nó diễn tả một nỗi buồn dịu khuây, nhưng không thể thoát, nỗi buồn đang nhẹ nhàng lan dần. Ta bắt đầu cảm thấy cái gì đó kỳ quặc và đang muốn biết rõ về nó: một ai đó đang hát hay là ta đang hóa quẩn? Khi ta ngẩng đầu lên, âm thanh đến từ sau gáy và khi ta quay lại, nó lại vẫn lơ lửng treo trong không, rõ rệt như một sợi tơ nhện ngoài đồng. Sợi tơ nhện phơ phất trong gió thì có hình, nó lại không, không thể nào nắm bắt nổi. Ta đứng lên tay ghế bành có ý dò theo nó. Cuối cùng ta phát hiện ra rằng nó đến từ cửa phụ thông hơi trên cửa ra vào. Ta lên một ghế dựa để mở lần kính sạch như lau như ly ra ngoài bao lơn. Ta mang ghế dựa ra khỏi phòng, nhưng vẫn chưa đủ cao để nhìn xem âm thanh từ đâu đến. Trước bao lơn, một mảnh sân nhỏ trắng xi măng phơi mình trong nắng, ta đã chằng lên đấy một sợi dây thép để phơi quần áo vừa giặt ngay sáng nay. Rõ ràng là quần áo không biết hát. Xa nữa là bức tường bao dưới chân núi và phía sau là sườn dốc chặn ngang bằng một dải đất hoang và những bụi gai. Không có đường đi. Ta ra ngoài bao lơn đi vào nắng. Âm thanh càng rõ hơn, hình như nó đến từ ánh nắng chói chang, bên trên mái nhà. Ta nheo mắt nhìn lên trời, đó là thứ âm thanh của kim loại, sắc và rõ nét. Mặt trời chói chang. Mắt ta mờ đi rồi chuyển thành ánh lam đen, do bàn tay ta che chắn, ta nhận ra trên lưng núi trơ trụi, vài ba hình dáng tí xíu đang hoa hoa tay. Âm thanh kim loại đến từ đấy. Cuối cùng ta nhận thấy đó là những người đập đá. Một người trong đám hình như mặc may ô đỏ còn các người khác mình trần thì nổi không rõ trên vách núi màu nâu vàng bị mìn mở phanh ra. Tiếng hát bay trong nắng, theo gió, đôi khi rất mạnh, đôi khi thoảng nhẹ.

Ta nảy ý là có thể dùng ống kính cực xa của máy ảnh để kéo họ gần lại. Quả nhiên, người mặc may ô đỏ dùng một cái búa tạ; âm thanh giống với bài hát ma chay của người đàn bà nông thôn là ứng vào tiếng đập xà beng khác, mình tần hình như làm tiếng vọng lại cho nó.

Có thể họ đã để ý tới ánh mặt trời phản chiếu trên ống kính máy ảnh vì tiếng hát ngừng bật. Những người đập đá dừng việc nhìn về phía ta. Không một tiếng nói nào nữa, một sự im lặng gần như e sợ. Tuy vậy ta hài lòng. Điều này chứng tỏ rằng không phải ta ốm đau và thính giác ta vẫn bình thường.

Ta quay lại phòng, ta muốn viết một cái gì, nhưng cái gì chứ? Tại sao lại không viết tiếng hát của những người đập đá? Nhưng ta không sao viết ra nổi một chữ nào.

Ta tự nhủ chẳng còn gì cản ta đến uống rượu và tán gẫu với họ tối nay. Như thế sẽ làm ta giải sầu. Vậy là ta đặt bút xuống và đi vào thị trấn.

Ta mua một chai rượu và lạc rang ở cửa hàng nhỏ. Tình cờ trên đường ta gặp người bạn đã cho ta mượn tài liệu. Anh bảo anh đã tập hợp được các bài hát dân ca vùng núi. Ta không còn đòi hỏi gì hơn bèn mời anh đến tán gẫu với ta. Vì lúc này bạn, anh hẹn gặp nhau sau bữa tối.

Tối, ta chờ anh đến hơn mười giờ. Ta là người khách duy nhất của trung tâm đón tiếp và bầu không khí im lặng thật ngọt ngào. Ta thật sự tiếc đã không đi tán chuyện với những người đập đá thì thành linh có tiếng gõ vào cửa kính. Nhận ra tiếng anh bạn, ta mở cửa sổ. Anh giải thích rằng các cô trực ở trên gác đã khóa cửa chính và đi ngủ rồi. Ta đỡ cho anh cây đèn pin và cái túi giấy; anh vào bằng cửa sổ, điều đó ít nhiều làm ta vui. Lập tức ta mở chai rượu và mỗi người tự hầu mình hơn nửa cốc.

Ta đã không thể nhớ lại hình dạng của anh. Hình như anh thấp gầy, thân hình nhỏ và thanh mảnh. Anh có vẻ hơi nhút nhát nhưng cách nói năng của anh vẫn còn cái nhiệt tình mà cuộc đời chưa phá hủy được. Hình hài diện mạo anh khôn quan trọng, ta khoái nhất là việc anh cho ta xem kho báu của anh. Anh mở cái túi giấy. Ngoài vài quyển sổ tay ghi

chép, tất cả là tập bản thảo các bài dân ca lưu truyền đến nay. Ta lần lượt mở xem. Khi thấy ta hài lòng đến mức nào rồi, anh sôi nổi tuyên bố:

- Anh cứ việc chép lại những bài anh thích. Ở vùng núi này, từ rất lâu dân ca đã phong phú rồi. Nếu tìm được một lão sự phụ dân ca, ông ấy có thể hát cả ngày lẫn đêm không nghỉ đấy.

Ta bèn hỏi anh về bài hát của những người đập đá.

- À, đó là những làn điệu rất cao. Dân ca vùng Ba Đông, ở vùng ấy, cây cối đâu bị đốn sạch. Họ rời que hương đi đập đá.

- Cả họ cũng có những làn điệu dân ca và lời hát riêng ư?

- Làn điệu ít nhiều có chung nhưng lời thì họ ngẫu hứng. Họ hát những gì thoáng qua đầu và phần lớn thì rất thô lỗ.

- Chửi tục trong các bài hát ấy ư?

- Đám thợ ấy, anh cười giải thích cho ta, lâu ngày xa đàn bà, xa nhà, họ tự khuây khỏa trong khi đập đá mà.

- Tôi đã nghe các giai điệu của họ. Sao mà buồn và xúc động đến thế?

- Thế đấy, không hiểu lời thì người ta ngỡ là một bài than, nghe rất hay, nhưng thật ra lời chẳng có chút lý thú nào đâu. Anh nghe thử xem các lời này.

Anh bạn lấy ra cuốn sổ tay từ trong xách, mở ra chia cho ta. Sau *Hắc ám truyện* (Bài ca mở đầu), có thể đọc thấy:

Vào một ngày lành, trời và đất chia tay.

Nhà hiếu, đám bạn bè mời chúng ta hát và gõ.

Đến sới hát, ta cất tiếng dạo đầu.

Một hai ba bốn năm, kim mộc thủy hỏa thổ.

Khó khăn thay bài hát mở đầu của tôi,

Miệng chưa mở, mồ hôi đã chảy dài.

Đêm khuya khoắt, người im ắng, trăng sáng và sao thưa.

Chúng ta chuẩn bị cất lên bài hát mở đầu.

Nếu nó dài đêm sẽ lại khuya,

Nếu nó ngắn nó sẽ xong trước khi trời sáng,

Chỉ có hát không ngắn không dài,

Chúng ta mới không làm muộn những người hát khác.

Đầu tiên mở trời đất nước

Thứ đến mở mặt trời mặt trăng và sao

Thứ ba mở năm phương thổ địa

Thứ tư ở Mẹ Tầm Sét chớp nhoang nhoáng

Thứ năm mở bàn Bàn Cổ tách đất khỏi trời,

Thứ sáu mở Tam Hoàng, Ngũ Đế quân vương mọi đời

Thứ bảy mở sư tử đen, voi trắng, rồng vàng và chim phụng

Thứ tám mở con chó dữ canh cổng,

Thứ chín mở các thần chết, thần rừng, thần nước,

Thứ mười mở hổ, báo, sói và sài lang,

Các người đẹp cả sang bên, tránh vào một phía

Cho phép anh em hát chúng tôi, lang quân bước vào sới hát!

- Tuyệt! Anh tìm nó ở đâu?

- Cách đây hai năm, khi tôi là giáo viên ở vùng núi, một nghệ nhân đã hát và tôi ghi lại.

- Ngôn ngữ này thật là đẹp, lời hoàn toàn thoát ra từ tâm can, không có bị thi luật của những cái gọi là dân ca ngũ ngôn hay thất ngôn gò bó.

- Anh nói đúng, đây chính là dân ca đích thực.

Tính e dè của anh hoàn toàn tan biến mất do tác dụng của rượu.

- Chúng tôi không bị các văn nhân làm hư hỏng! Đây là các bài hát từ tâm hồn. Anh hiểu cái đó chứ? Anh đã cứu một nền văn hóa! Không phải chỉ các dân tộc thiểu số mà cả dân tộc Hán cũng vẫn còn có được một nền văn hóa dân gian chân chính, chưa bị luân lý giáo hóa của nho gia làm cho ô nhiễm!

Ta ca hứng đến cực điểm.

- Anh lại nói đúng đấy, nhưng khoan, đọc tiếp đi!

Đây ca hứng, anh đã rũ bỏ cái khiếm tốn bề ngoài của một viên chức nhỏ. Anh đang hoàng cầm lấy sổ tay rồi bắt đầu ngâm nga các bài thơ, bắt chước một nghệ nhân đang biểu diễn:

Ở đây tôi chấp tay chào,

Anh là người xứ nào, ca sĩ?

Quê bài hát ở đâu?

Nhà tại châu nào, phủ nào?

Tại sao anh đến?

Đây, tôi xin đáp lễ:

Tôi là tay lái tay trống đất Dương Châu

Quê bài hát là ở Liễu Châu

Tôi đến thăm các bạn hát ở sới hát bốn biển

Tôi xin các người ở chiếu xem thứ lỗi
Anh mang cái gì trên vai kia?
Anh giữ cái lồng gì trong tay?
Nặng mà lưng anh gù, người anh cúi xuống
Ra mắt chúng tôi đi, sư phụ hát, xin mời,
Trên vai tôi mang một gánh bài ca
Trong tay tôi quyển sách lạ tôi cầm
Chư vị sư phụ đã đọc hết cả chưa?
Tôi đặc biệt đến quý phũ đây học hỏi,

Ta có cảm tưởng như đã nhìn thấy người này, nghe thấy tiếng nói này
cùng cả tiếng chiêm tiếng trống. Tuy vậy ở bên ngoài chỉ có tiếng gió
núi gào và tiếng suối thì thầm.

Tôi chờ đi ba trăm sáu mươi gánh bài hát
Các bạn chọn gánh nào?
Tôi có ba vạn sáu nghìn bản hát,
Các bạn muốn bản nào?
Tôi muốn thưa với Sư phụ hát rằng tôi biết cái tình
Quyển thứ nhất là những sách về nguồn về gốc,
Bản thứ nhất là văn về gốc bề nguồn,
Tôi hiểu ra ngay lập tức,
Sư phụ hát cũng là một người đi đường
Ông có thể biết những việc gốc nguồn,

Ông có thể biết địa lý, thiên văn đời sau.

Ở đây tôi đến hỏi

Năm nào, tháng nào bài hát ra đời?

Ngày nào, tháng nào bài hát có cuộc sống?

Ta có cảm tưởng nghe thấy tiếng hát thê lương và băng giá của một cụ già trong bóng tối, đềm bằng tiếng gió vỗ.

Phục Hi đã chế ra cây cổ cầm

Nữ Oa đã nghĩ ra cái khèn.

Nhờ âm mà đẻ ra ngôn ngữ

Nhờ dương mà đẻ ra âm thanh.

Âm dương giao hòa mới có người.

Có người mới có tiếng nói,

Có tiếng nói mới có bài hát,

Bài hát nhiều, người ta thu nhập thành tập.

Thời ấy, những sách do Khổng Tử biên tập

Đã bị mất đi trong vùng hoang,

Tập thứ nhất gió thổi lên tận trời

Thế mới có tình yêu Ngưu lang Chức nữ

Quyển thứ hai bị thổi vào trong biển,

Ngư ông thu nó lên hát oan hồn.

Quyển thứ ba gió đẩy vào chùa chiền

Các sư đạo phật và thấy tu Đạo giáo bèn tụng các bài kinh

Quyển thứ tư rơi xuống phố làng,

Con gái con trai bèn hát ân tình.

Quyển thứ năm rơi vào ruộng nước,

Nông dân đã hát lên những bài hát núi.

Quyển thứ sáu chính là "Truyện bóng tối" này đây,

Sư phụ hát nhặt nó đem về hát vong hồn,

- Đây mới chỉ là bài mở đầu, còn *Truyện về bóng tối* thì sao nhỉ? Ta hỏi anh bạn trong khi vẫn đi đi lại lại ở trong phòng.

Anh nói với ta rằng tác phẩm ấy là một tập hợp những bài hát hiếu ca người ta hát trong các đám ma ở vùng núi đã từ lâu rồi. Hát ba ngày ba đêm liền không nghỉ trên bãi đất trước quan tài chưa hạ huyệt. Nhưng không được tùy tiện. Nhưng không được tùy tiện hát trong các hoàn cảnh khác. Đã hát chúng lên thì các bài khác sẽ hóa thành cấm kỵ. Anh đây mới chỉ ghi được phần nhỏ, không ngờ người nghệ nhân hát kia đổ bệnh rồi chết.

- Tại sao dạo ấy anh không chép nốt đi?

- Ông cụ rất ốm. Ông cụ nằm trên một cái giường bé tẹo chẳng chiếu chăn, anh giải thích tựa như đã phạm một sai lầm. Anh lại lấy lại về nhút nhát.

- Không còn ai có thể hát được các bài ấy ở tổng núi ư?

- Còn những người biết đoạn mở đầu nhưng chẳng ai tìm ra ai hát được toàn bộ nữa.

Anh còn biết một nghệ nhân già nữa có cái hòm sắt đầy các tập bài hát trong đó có *Truyện bóng tối*. Vào thời kì người ta kiểm kê sách sổ, sách này đã bị coi là một thí dụ điển hình về đối tượng mê tín dị đoan phản động. Ông già đã chôn cái hòm đi. Vài tháng sau, khi ông đào nó lên, các sách đã bị mốc. Ông đem phơi ở sân nhưng một người nào đó đã tổ giác

ông. Người ta cử công an đến buộc ông lão phải nộp tất cả cho các quan chức. Sau ít lâu, ông cụ chết.

- Người ta tìm ở đâu ra nơi cung kính các vong linh đây? Tìm đâu ra các bài hát thiên hạ lắng nghe, thậm chí quỳ nghe chuyên chú cực kỳ? Người ta không tôn thờ những gì cần tôn thờ nữa, chỉ còn tôn thờ những cái ba lăng nhăng! Một đất nước vô hồn đến thế này! Một dân tộc đã đánh mất hồn của nó!

Phần nọ làm ta khảng khái.

Ta hiểu ta đã quá chén khiến lửa tà bốc lên ta hiểu khi thấy nét mặt anh bạn sầu não nhìn ta.

Buổi sang, một chiếc xe jeep đỗ ở trước tòa nhà. Họ đến báo cho ta biết các thủ trưởng và cán bộ của khu lâm nghiệp đã triệu tập một hội nghị báo cáo công việc của họ cho ta, điều khiến ta hết sức bối rối. Lúc ở huyện lỵ, chắc là tại hơi men, ta đã tuyên bố gì đó làm cho họ ngỡ ta từ thủ đô đến kiểm tra. Họ tưởng tượng ta có thể chuyển đạt những phản nàn thắc mắc của họ lên cấp trên. Xe đã đỗ ở cửa, không thể đánh tháo được.

Các cán bộ đã ngồi từ lâu trong phòng họp, mỗi người một tách trà ở trước mặt. Vừa yên vị, họ đã đưa cho ta khăn mặt nóng. Đúng y như khi ta đi cùng đoàn đại biểu nhà văn. Hội nhà văn thỉnh thoảng tổ chức những chuyến tham quan nhà máy, trại lính, đồng ruộng, hầm mỏ, trung tâm nghiên cứu nghề thủ công nhân dân, viện bảo tàng kỷ niệm cách mạng, với lý do giúp nhà văn hiểu cuộc sống. Những dịp đó, luôn có người lãnh đạo các nhà văn hay cá nhà văn lãnh đạo các nhà văn khác đọc diễn văn ở vị trí danh dự. Những nhà văn nhỏ như ta chẳng hạn, chỉ ở đó cho thêm đông, luôn luôn có thể tìm được một chỗ khuất mắt ở trong góc uống trà, chứ không phải nói năng gì. Nhưng hôm nay, hội nghị đã được triệu tập vì ta, ta tuyệt đối phải nghĩ đến những điều sắp nói.

Đầu tiên một cán bộ phụ trách nói về lịch sử sơ lược của khu vực lâm nghiệp cùng việc xây dựng nó. Anh ta giải thích rằng năm 1907, một người Anh tên là Wilson đã đến sưu tầm mẫu vật ở đây, Thời ấy, vùng này đóng cửa, ông ta chỉ có thể đến được ven ven khu vực. Trước năm

1960, đây là rừng nguyên sinh, ít nhìn thấy ánh nắng và chỉ nghe thấy tiếng suối. Trong những năm ba mươi, chính phủ Quốc dân đảng đã dự kiến khai thác gỗ ở đây nhưng không có đường nên chẳng ai có thể vào nổi.

"Năm 1960, Cục không ảnh của bộ Lâm nghiệp dựng nên một bản đồ. Tổng cộng, 3250 cây số vuông rừng núi.

"Năm 1962 bắt đầu khai thác ở phía Bắc và năm 1966 bắt đầu có đường giao thông.

"Năm 1970, một đơn vị hành chính được lập nên, nay gồm hơn năm mươi nghìn nông dân và khoảng mười nghìn cán bộ, công nhân trong ngành nuôi cá cùng gia đình họ. Bây giờ, hơn chín trăm nghìn mét khối gỗ đã được cung cấp cho Nhà nước.

"Năm 1976, các nhà khoa học ra lời kêu gọi bao vệ Thần Nông Giá.

"Năm 1980, người ta để ý kiến lập một khu bảo tồn tự nhiên.

"Năm 1982, chính quyền tỉnh đã quyết định vạch ra một khu bảo tồn rộng một triệu hai trăm nghìn mẫu.

"Năm 1983, tổ xây dựng của khu bảo tồn đã trục xuất tổ nuôi thả cá ra khỏi khu vực bảo vệ và quy định tiêu chí ở bốn phía. Lập ra các đội tuần tra kiểm soát. Dừng được xe không dừng được người. Năm ngoài trong một tháng, người ta đã đếm được có đến ba bốn trăm người đào hoang liên, bóc vỏ cây nhài, lằm nó là vỏ cây *Eucommia* (Dùng trong dược học Trung Quốc), đốn gỗ hay săn bắn trái phrps. Hơn nữa, có cả người đến cắm trại để tìm người rừng.

"Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, một tiểu tổ đã trồng lại vài héc-ta cây đồng. Tái sinh sản thành công, một tái sinh sản vô tính cây thực công đồng. Người ta cũng trồng cây rừng làm thuốc như ngọc-trên-đầu, bát-nước-bờ-sông, thân-bút-lông, hoa-bảy-lá, cỏ-cứu-đời (có phải tên khoa học của chúng không?).

"Cũng có một tổ điều tra về thú rừng, kể cả người rừng. Người ta đã lên danh sách Khỉ mũi hếch, báo, gấu trắng, cây hương, hươu, cừu đen,

cừu hoan, trĩ vàng, kỳ nhông khổng lồ cùng các giống vật còn chưa biết như gấu lợn, sói đầu lừa ăn lợn con, theo lời nông dân nói.

"Từ năm 1980, thú rừng đã trở lại: năm ngoái, người ta thấy sói xám đánh nhau với khỉ mũi hếch, một con khỉ khác kêu lên rồi vua khỉ chặn đường sói xám. Vào tháng Ba, bắt được trên cây một con khỉ con chết vì không chịu ăn uống. Chim ruồi ngũ sắc là loài ăn mật hoa đỗ quyên. Minh đỏ, đuôi như hoa phong lan, mỏ đỏ.

"Vấn đề tồn tại: tất cả mọi người thiếu hiểu biết về bảo vệ tự nhiên. Một số công nhân chửi vì không được lĩnh thưởng. Một số công nhân chửi vì không được lĩnh thưởng. Nếu gỗ giao nộp không nhiều như trước, cấp trên sẽ có ý kiến. Các cơ quan tài chính không chịu cấp tiền. Bên trong khu bảo tồn tự nhiên hãy còn bốn nghìn nông dân, đều khó sò đến. Cán bộ và công nhân ở khu bảo tồn tự nhiên có hai mươi người. Họ sống trong những nơi trú ẩn tạm bợ và họ khổn yên tâm. Không có xây dựng nào được dự kiến cho họ. Vấn đề then chốt là người ta đã không cấp cho chúng tôi kinh phí, chúng tôi đã nhiều lần kêu..."

Các cán bộ bắt đầu lên tiếng, tựa như ta có thể can thiệp để lấy được tiền cho họ. Ta thấy tốt hơn là ngừng ghi chép.

Ta không phải là người lãnh đạo các nhà văn hay một nhà văn lãnh đạo các đồng nghiệp, người ngay lập tức có thể vững dạ cất lời và ban ra các chỉ thị nắm được toàn bộ vấn đề cùng một loạt những hứa hẹn rỗng tuếch, chẳng hạn như là vấn đề này tôi có thể nói với bộ trưởng này, thông báo cho bộ phận lãnh đạo hữu quan khác, tôi sẽ phát ra lời kêu gọi lớn, tôi sẽ báo động công luận để phát động toàn dân bảo vệ môi trường tự nhiên của đất nước! Chứ cứ như ta, bảo vệ ngay bản thân mình chưa nổi thì làm được cái gì? Ta chỉ nói được rằng bảo vệ môi trường tự nhiên là rất quan trọng, điều đó quan hệ đến tới cháu chắt chúng ta và các thế hệ mai sau, rằng sông Trường Giang đã như sông Hoàng Hà mất rồi, cát đã bồi tích ở đó mà ở Tam Môn Hiệp, Ba Hẻm, người ta còn muốn xây lên một cái đập lớn nữa! Nhưng dĩ nhiên ngay cả những điều đó ta cũng chẳng có thể nói được, ta thích đặt câu hỏi về người rừng hơn.

- Cái người rừng ấy, ta nói, người ta nhắc đến ở khắp nước...

Họ lao vào vấn đề.

- Chứ sao nữa! Viện khoa học TW Bắc Kinh đã tổ chức nhiều cuộc điều tra. Lần đầu tiên vào năm 1967 rồi vào các năm 1977 và 1980. Lần nào cũng đến điều tra chuyên đề. Cuộc điều tra năm 1977 là quan trọng nhất: một trăm mười người trong tổ khảo sát, phần lớn là quân đội, chưa kể cán bộ, công nhân của chính chúng tôi cử đến. Có cả một chính Ủy sư đoàn...

Rồi họ tiếp tục các diễn văn của họ.

Ta phải tìm thứ lời lẽ nào để nói thẳng ra được với họ đây? Để hỏi họ đời sống ở đây diễn ra làm sao. Chắc chắn họ sẽ lại nói đến cung cấp vật chất, giá cả các mặt hàng thông dụng, lương bổng của họ, trong khi tài chính của chính ta thì ở cái mức gần không. Hơn nữa, có đúng đây là nơi để chuyện trò không? Ta cũng không thể nói với họ rằng cái thế giới chúng ta hiện đang sống càng ngày càng khó hiểu, hành vi của con người ta ngày càng kỳ quái, con người ta chẳng biết mình muốn làm gì mà lại vẫn mong tìm thấy người rừng. Thế thì nói đến cái gì đây, nếu không là nói đến người rừng?

Họ nói năm ngoái có một giáo viên đã trông thấy người rừng. Cũng vào mùa này, tháng Sáu hay tháng Bảy, anh ta không dám thổ lộ. Anh ta chỉ tâm sự với người bạn tốt nhất của mình và dặn là không được để lộ bất cứ điều gì. Đúng thế, cách đây ít lâu, một nhà văn đã đăng *Câu chuyện buồn về người rừng ở Thần Nông* trên một tạp chí của Hồ Nam, tờ *Động Đình*. Tờ tạp chí này đến đây, họ đã đọc nó. Chính từ đây mà nổi lên phong trào tìm kiếm người rừng rồi lan sang đến tận Hồ Nam, Giang Tây, Triết Giang, Phúc Kiến, Tứ Xuyên, Quý Châu, An Huy...(Chỉ thiếu có Thượng Hải!) Đâu đâu người ta cũng nói đến chuyện đó! Ở Quảng Tây, người ta thật sự đã bắt được một người rừng bé nhỏ dưới ấy gọi là quỷ núi - nông dân nghĩ sẽ đem lại rủi ro nên đã thả ra (Hoài của thế!) Rồi có cả những người đã xơi cả thịt người rừng. Nói đi, cái ấy không quan trọng mà, được, với lại, họ, tổ điều tra ấy, đã chỉnh lý và đã in cả các tư liệu rồi mà. Họ khẳng định rằng năm 1971, khoảng hai chục người, trong đó có Trương Nhân Quang và Vương Lương Sán, gần như

tất cả đều là công nhân của khu bảo tồn, đã ăn cắp bắt chân và bàn chân của một người rừng ở căng-tin của nông trại Dương Nhật Loan: Gan bàn chân dài khoảng bốn mươi phân, riêng cái bàn chân đầy tới hai mươi phân và nặng những mười lăm ký - tất cả các tư liệu ấy đều đã được xác nhận theo đúng nguyên tắc. Mỗi người ăn một bát to thịt. Một người nông dân ở Ban Thủy đã bắn chết nó rồi bán một cặp chân của nó cho căng-tin Dương Nhật Loan. Năm 1975, trên đường từ công xã nhân dân Kiều Thượng đến đội sản xuất Mang Cá, Tăng Hiến Quốc đã bị người rừng tát cho một cái, người rừng này lông hung đỏ, cao hơn hai mét. Anh ta ngất đi hồi lâu ở dưới đất rồi sau khi trở về nhà thì không nói năng gì nữa, cấm khẩu trong ba, bốn ngày. Thực chất các báo cáo của họ là ghi lại nhân chứng miệng, dùng phương pháp thống kê của môn phẩu tích so sánh khi điều tra, Triệu Quý Điển chẳng phải là đã trông thấy một người rừng đang ăn dâu giữa ban ngày ban mặt đấy sao? Vào năm nào nhỉ, 1977 hay 1978? Thì trước tổ điều tra thứ hai của Viện Hàn lâm khoa học có mấy ngày thôi mà. Tất cả các cái đó dĩ nhiên người ta không ai bắt buộc phải tin. Với lại trong tổ điều tra của họ, hai quan điểm đối lập nhau. Nhưng nếu nghe nông dân nói thì người rừng có nhẽ cực kỳ tai quái. Họ nói rằng nó đuổi theo phụ nữ, đến đùa chơi với các bé gái, nó làm lắm cái buồn cười hay nó biết nói, tùy theo bằng lòng hay giận dữ mà tiếng nói có khác đi.

- Trong số chư vị ở đây, có ai đã chính mắt mình trông thấy người rừng chưa? Ta hỏi.

Họ cười và nhìn ta. Ta không biết như thế có nghĩa là họ có nhìn thấy hay là không.

Sau đó một cán bộ cùng ta đi vào khu vực trung tâm của khu bảo tồn tự nhiên đã được khai thác. Đỉnh của nó hoàn toàn trọc. Trong vòng hai năm, từ 1971, các khu rừng đã bị một trung đoàn cơ giới của quân đội dọn sạch. Người ta nói gỗ để dùng vào quốc phòng. Chỉ ở trên độ cao hai nghìn chín trăm thước, người ta mới có thể nhìn thấy một đồng cỏ đẹp như thế này. Những đợt sóng cỏ xanh non lượn dập dờn trong sương và mưa. Ở giữa dựng lên những bụi trúc-mũi tên tròn xoe. Ta đứng hồi lâu trong lạnh rét, ngắm nhìn mẫu sinh thái tự nhiên trinh nguyên còn sót lại này. Trang Tử đã nói, cách đây hơn hai nghìn năm, rằng gỗ hữu dụng thì

chết dưới lưỡi rìu còn gỗ vô dụng thì thả cửa mọc. Bây giờ con người còn tham tàn hơn ngày xưa, lý thuyết tiến hóa của Huxley cũng đang nghi vấn đây.

Nhưng ở trên núi ta cũng thấy một con gấu con ở nơi cất giữ gỗ của một gia đình. Với các dây thừng quanh cổ, nó trông giống như một con cún màu vàng. Nó cứ lùn cùn leo lên đóng gỗ, vẫn chưa biết cần để tự vệ. Chủ nhà bảo ta rằng ông đã nhặt được nó ở trong núi. Ta không hỏi ông có giết bố mẹ nó không. Ta chỉ thấy con gấu đáng yêu. Khi thấy ta rất me nó, ông đề nghị ta đưa cho ông hai mươi nguyên rồi mang nó đi. Ta không tính học cá tiết mục xiếc và làm sao ta tiếp tục hành trình được với con gấu con đó? Ta vẫn cứ là lấy chút ít tự do của ta hơn.

Ta còn thấy phơi ở cửa nhà một tấm da báo dùng làm nệm giường đã bị mối mọt xông. Hổ thì dĩ nhiên đã mất dạng từ hơn mười năm nay.

Ta cũng thấy một mẫu vật của khỉ lông vàng, chắc là con đã bị bắt trên cây rồi tuyệt thực chết. Đó là tất cả những gì mà một con vật bị mất tự do và từ chối thuần hóa có thể làm được, nhưng nó cần có nhiều nghị lực, con người lại không đều có được như thế.

Và cũng chính ở cửa ra vào văn phòng của khu bảo tồn tự nhiên nay mà ta thấy một khẩu hiệu mới toanh: "Nhiệt liệt hoan nghênh thành lập Ủy ban của phong trào những người cao tuổi!" Ngỡ một phong trào chính trị mới sắp được tung ra, ta vội hỏi người cán bộ dán khẩu hiệu này. Anh giải thích rằng lệnh trên xuống bảo dán nó chứ cái đó không dính dáng gì đến họ. Chỉ các cán bộ lão thành cách mạng đã sáu mươi tuổi mới có thể lĩnh tối thiểu khoản trợ cấp một trăm nguyên cho các hoạt động thể dục thể thao nhưng ở đây, người cán bộ già nhất mới có năm mươi năm, ông ta chỉ nhận được một sổ tay lưu niệm. Sau đó ta gặp một nhà báo trẻ, anh ta kể rằng người phụ trách cái Ủy ban những người cao tuổi chẳng ai khác chính là nguyên bí thư ban chấp hành đảng của vùng này. Để mừng việc lập Ủy ban này, ông ta đã đòi chính quyền địa phương một khoản tiền cả triệu nguyên. Nhà báo trẻ này có ý viết một tài liệu tham khảo nội bộ gửi thẳng đến Ủy ban kiểm tra kỷ luật của Ban chấp hành trung ương đảng. Anh ta hỏi ta có cách nào làm cho bào cáo đó đến nơi không.

Ta hiểu nỗi phần nộ của anh nhưng ta khuyên anh gửi bưu điện, như thế chắc chắn hơn trao cho ta.

Ở đây, cuối cùng ta gặp một cô gái xinh đẹp. Nàng có một ít tàn hương trên mũi, mặc áo sơ mi vải bông ngắn tay cổ rộng, một kiểu áo T-shirt khác áo quần người miền núi vẫn mặc. Quả nhiên nàng quê ở Tỷ Quy cùng làng với Khuất Nguyên, nằm về phía Nam, bên bờ Trường Giang. Tốt nghiệp trung học phổ thông, nàng đến đây ở nhà người anh họ, ngõ tìm được việc ở khu bảo tồn tự nhiên. Nàng giải thích rằng hành chính huyện đã cảnh báo họ rằng các công trình xây dựng đập lớn Ba Hẻm Tam Hiệp sắp bắt đầu, huyện lỵ này sẽ bị nhấn chìm. Tất cả mọi người đã viết đơn đăng ký di dân, di dân sẽ bị huy động để tìm các phương tiện sinh sống mới. Sau đó, ta theo Hương Khuê đẹp mê hồn đến Nghi Xương về phía nam, ở đấy cho ra đời các mỹ nhân nhan sắc bậc nhất. Ta đã đi qua gần ngôi nhà mái cong ngói đen của người đẹp Vương Chiêu Quân thời cổ nằm trên một sườn đồi ven sông. Một tác giả nghiệp dư ở Nghi Xương đã cho ta hay rằng thành phố của anh sẽ là thủ phủ của tỉnh mới Ba Hẻm Tam Hiệp, ứng cử viên vào chức chủ tịch Hội nhà văn tương lai của tỉnh Ba Hẻm đã được chọn: đó là một nhà thơ trúng giải mà ta đã được nghe nói đến, tuy ta không tán thưởng anh ta bao lắm.

Từ lâu ta không có rung động thơ, viết không ra thơ nữa. Ta tự hỏi liệu chúng ta còn ở trong một thời cho thơ nữa không? Tất cả những gì cần ca ngợi và hô to đều đã được ca ngợi và hô to hết rồi, còn lại thì đều được in ấn bằng những chữ chì nặng trĩu người ta gọi là tác hiệu, hình ảnh mang ý nghĩa. Thế thì theo các hình ảnh về người rừng đã nhìn thấy, những gì được xây dựng từ các suy diễn khoa học lấy từ những lời miêu tả miệng mà các nhân chứng nhìn bằng mắt cung cấp rồi được Hội điều tra người rừng cho xuất bản, theo đó cái con người vai xuôi, thân cúi lom khom, chân đi vòng kiềng, tóc dài và có nụ cười vĩnh cửu kia hẳn phải là một tác hiệu hình ảnh, mang ý nghĩa. Và ái cảnh tượng ta thấy vào đêm cuối cùng trên quảng trường Cá Gối ở Thần Nông Giá trong khu bảo tồn tự nhiên tại rừng thủy nguyên kia cũng có thể được coi là một bài thơ không đây?

Trăng chiếu trên bãi đất rộng trống vắng; dưới bóng núi đồ sộ, người ta dựng lên hai cây sào tre. Hai ngọn đèn dầu hỏa phát ra thứ ánh sáng

trắng, móc lên hai cây sào người ta chẳng lên một tấm màn. Một gánh xiếc diển trên bãi rộng, chiếc kèn tom-pét lồi lõm, sai tông đôi chút và trống cà rùng to tướng bị han rỉ, một âm thanh rầu rĩ đệm cho các tiết mục. Gần hai trăm con người ở nơi đây; tất cả người lớn trẻ con của cái làng núi bé nhỏ này, kể cả công nhân, cán bộ khu bảo tồn cùng với gia đình, và kể cả cô dong dong cao, nguyên quán ở làng Tỷ Quy, quê của Khuất Nguyên, mũi có tàn hương vận chiếc áo dệt kim ngắn tay, mở rộng cổ gọi theo cách phát âm tiếng Anh là Ti-sốt kia. Họ tụ tập thành ba hàng hình vòng cung. Ở giữa là những người xem ngồi trên các ghế đầu khiêng từ nhà đến, sau họ là người đứng về những ai ở xa hơn nữa sẽ vươn cổ ra xem qua những cái đầu.

Chương trình gồm có các tiết mục khí công đấm vỡ gạch bằng lòng bàn tay, một viên, hai viên rồi ba viên đều gây ra làm hai chỉ cần một nhát. Một người đàn ông siết chặt lại thắt lưng, nuốt các viên kim loại tròn xoe rồi nhổ chúng ra cùng với cả đồng nước bọt. Một cô gái to béo leo lên các cột tre rồi treo những cái móc vàng. Cô ta khạc ra lửa. "Giải đấy! Làm giải đấy!" đám đàn bà con gái thì thảo và trẻ con họa theo. Trưởng gánh xiếc hói đầu kêu to lên:

- Kia coi, đúng là một tiết mục không sai!

Ông cầm lấy một ngọn giáo rồi bảo người vừa nuốt các viên kim loại ấn đầu mũi giáo vào ngực ông, đọ vào cổ ông cho tới khi cây giáo uốn cong lại như một cánh cung. Trên trán người trai tráng, nổi hẳn lên các mạch máu xanh. Tiếng vỗ tay nổi lên ran ran, công chúng cuối cùng mới phục.

Trên bãi diển, không khí bắt đầu thoải mái, tiếng vọng của kèn tom-pét chờn vờn trong núi, trống nghe đỡ buồn hơn, người ta sôi nổi lên. Trăng hiện ra giữa mây, ánh đèn hình như quắc hơn. Người đàn bà to béo khỏe mạnh mang trên đầu một bát nước đầy và mỗi tay một nắm thanh tre làm quay các cái đĩa. Sau đó chị xoay thân người tròn trĩnh cảm ơn người xem, nhẩy từng đứng trên đầu ngón chân như diển viên múa vẫn làm như thế trên truyền hình. Người xem cũng vỗ tay. Trưởng gánh xiếc giới nói, những câu pha trò của ông ta mỗi lúc một nhiều còn tiết mục mỗi lúc một ít. Không khí từng bừng lên, người xem vui vẻ.

Tiết mục cuối cùng là uốn dẻo. Cô gái mặc đồ đỏ, từ này đến giờ đưa đạo cụ, nay nhảy lên một cái bàn vuông trên đã có ba ghế đẩu làm thành một cái tháp. Cô ta nổi lên trên bóng tối của núi, thân người đỏ tắm được ánh sáng trắng của hai cây đèn chiếu vào. Trên trời, mặt trăng tròn vành vạnh thoáng tối đi trước đó nay trở thành màu da cam.

Trước tiên cô làm hình kim kê độc lập, khẽ khép chặt một chân vào hai tay, đầu ngẩng cao. Mọi người vỗ tay. Rồi cô xoạc thẳng hai chân ngang ra, ngồi lên ghế đẩu, không động đậy một ly. Mọi người lại hoan hô. Cuối cùng, cô lại xoạc hai chân, ngửa người lại đằng sau, bụng dưới gầy nhỏ để mu gồ đội lên. Người ta nín thở. Đầu cô từ từ lại ló ra ở giữa hai đùi, như một con quái vật. Cô bé kẹp chặt đầu mình vào giữa hai đùi, một bím tóc dài lủng lẳng. Cô mở to hai con mắt to tròn và đen, đầy vẻ buồn, tựa như cô đang ngắm nhìn một thế giới xa lạ. Rồi cô đưa tay ôm lấy bộ mặt nhỏ nhỏ trẻ thơ của mình. Có thể bảo đó là một con nhện đỏ kỳ dị mang hình người trần trần nhìn đám đông phảng phất như đang nhìn vào một thế giới xa lạ. Đang sắp sửa vỗ tay, người xem bỗng ngừng lại. Cô chống hai bàn tay, nhấc cao chân lên rồi bắt đầu quay người trên một bàn tay; qua lần áo đỏ hiện lên rõ ràng hai đầu vú. Người ta nghe thấy tiếng người xem thở, một mùi mồ hôi bốc lên. Một đứa bé toan nói thì bị người đàn bà bế nó khẽ vả cho một cái ngăn lại. Cô gái đỏ đỏ nghiêng rặng, bụng phập phồng nhẹ nhẹ, mặt ửng bóng. Dưới vầng trăng sáng này, trong bóng tối sâu thẳm của quả núi này, cô uốn người cho tới độ mất hết hình dạng người. Duy nhất đôi môi thanh tao, đôi mắt long lanh của cô biểu hiện sự bi ai. Và nét bi ai ấy càng thổi bùng lên cái ham muốn tàn nhẫn của con người.

Đêm ấy, người xem bị kích động ghê gớm, tựa như máu gà trống đang chảy trong mạch máu họ. Tuy đã quá khuya, gần như các căn nhà đều vẫn còn sáng, bên trong vang lên hồi lâu tiếng người nói, tiếng đồ đạc va đập. Với cả ta nữa, không tìm ra được giấc ngủ, bước chân đã đưa ta ra cái bãi bây giờ vắng tanh. Các ngọn đèn dầu hỏa đã hạ xuống, chỉ còn bên bĩ ánh trăng, trong veo như nước. Ta không tài nào ngờ nổi rằng dưới bóng những quả núi này, trang nghiêm và sâu thẳm, người ta đã biểu diễn một tiết mục mà ở trong đó hình hài con người đã bị biến dạng đi đến mức ấy, ta thậm chí phải phải chẳng là mộng.

- Khi nhảy anh đừng lơ mơ nghĩ đến cái gì khác.

Mi vừa làm quen với nàng, nhảy bài đầu tiên với nàng và nàng đã bảo như thế.

- Sao vậy? Mi hỏi.

- Nhảy là nhảy, đừng cố làm ra thâm trầm.

Mi bật cười.

- Đừng cười, ôm em nào.

- Được.

Nàng phì cười.

- Em cười gì thế?

- Anh không biết ôm chặt hơn hay sao?

- Biết quá đi chứ, dĩ nhiên mà.

Mi ôm chặt nàng. Mi cảm thấy ngực nàng mềm mại và mi ngửi thấy mùi thơm dịu dịu dâng lên ở cổ chiếc áo váy khoét rộng của nàng. Trong phòng, ánh đèn rất tối, chiếc ô đen đặt trước cây đèn đứng trong góc. Mặt những cặp đang nhảy nhòa vào trong bóng tối. Từ chiếc cát-xét phát ra thứ âm nhạc dịu dàng.

- Như thế này rất hay, nàng nói khẽ.

Hơi thở của mi làm đám tóc tơ ở thái dương nàng lòa xòa và mơn man vào má của mi.

- Em rất hấp dẫn.

- Nghĩa là thế nào?
- Anh thích em nhưng chưa phải tình yêu.
- Thế tốt: yêu mệt lắm.

Mi nói mi cũng đồng ý thế.

- Chúng ta sinh ra là để cho nhau.
- Em không thể lấy anh.
- Tại sao lại phải lấy nhau cơ chứ?
- Vậy mà em sắp cưới đấy.
- Bao giờ?
- Năm sau, có thể.
- Thế thì còn sớm.
- Cứ cho là năm sau đi nữa thì cũng không phải là với anh.
- Chẳng cần nói, anh cũng biết. Vấn đề là lấy ai?
- Muốn gì thì cũng là phải lấy một người đàn ông.
- Bất cứ ai?
- Không nhất thiết. Nhưng muốn gì em cũng sẽ phải qua bước đó.
- Rồi sau đó em li hôn.
- Có thể.
- Lúc ấy, anh sẽ lại có cơ may nhảy với em.
- Nhưng vẫn cứ không thể lấy anh.
- Tại sao cứ tuyệt đối phải lấy nhỉ?

- Anh ấy, anh cảm nhận sự việc rất giỏi.

Nàng có vẻ chân tình.

Mi cảm ơn một tiếng.

Bên ngoài cửa sổ hàng nghìn ánh đèn nhấp nháy: đèn của các tòa nhà hình khối, đèn pha xe hơi chạy thành luồng bất tận. Một cặp nhảy một vòng tròn trong gian phòng nhỏ và huých vào lưng mi. Mi dừng lại để giữ nàng.

- Đừng nghĩ rằng em sẽ khen anh là nhảy giỏi.

Nàng lợi dụng dịp này trở lại công kích.

- Anh không nhảy để biểu diễn.

- Vậy tại sao nhảy? Để gần đàn bà ư?

- Có những cách còn gần được hơn thế.

- Cái miệng anh cũng không rộng lượng nhỉ.

- Vì em không bao giờ tha anh.

- Đồng ý, em không nói gì nữa.

Nàng nép vào mi, mi nhắm mắt lại. Nhảy với nàng quả là sung sướng.

Mi thấy lại nàng, một đêm thu muộn, gió tây bắc lạnh buốt thổi. Mi đạp xe, vật lộn với gió. Trên đường, lá rụng và giấy bẩn quay cuồng. Thành linh mi muốn gặp người bạn họa sĩ và mi có thể chờ ngót gió ở nhà anh ta rồi lại đi. Mi rẽ vào cái phố nhỏ ánh đèn vàng vọt và chỉ thấy một hình bóng lẻ loi, đầu rụt vào giữa hai vai; có một chút thê lương.

Trong sân tối như mực, nơi anh bạn ở, chỉ một đốm lửa sáng ở cửa sổ. Mi gõ cửa. Tiếng nói âm ấm đáp lại. Anh bạn mở cửa và dẫn mi cẩn thận cầu thang tối. Căn phòng được chiếu sáng bằng ngọn đèn đang nhấp nháy trong vỏ quả dừa cửa đôi.

- Vừa đủ thú vị. Mi thích cái ấm cúng của chốn này. Cậu làm gì?

- Chả làm gì, người bạn đáp.

Gian phòng ấm nóng. Anh ta chỉ mặc áo len chui cổ rộng, tóc rối bù. Mùa đông, lò sưởi bầy ra đã mọc thêm ống khói.

- Cậu ốm à?

- Không.

Mi thoáng thấy một cử động ở gần cây nến. Lò xo cổ đi vắng cũ nghiêng kêu và lúc đó mi phát hiện ra một người đàn bà tựa vào một góc đi vắng.

- Có khách? Mi nói như xin lỗi.

- Không hề gì. Ngồi đi. Anh ta chỉ cho mi cái đi vắng.

Và ở đấy, cuối cùng mi mới nhận ra nàng. Nàng lười nhác chìa tay ra, một bàn tay yếu và mềm. Tóc dài rủ xuống trước mắt. Nàng thối vào một lộn để gạt chúng đi. Mi pha trò:

- Nếu tôi nhớ lâu thì tóc em xưa không dài như bây giờ.

- Lúc thì em buộc lại, lúc thì để xoắn. Anh không để ý đấy thôi.

Nàng cười và bĩu môi.

- Hai người biết nhau? Anh bạn họa sĩ hỏi.

- Bọn mình đã nhảy với nhau ở nhà một người bạn.

- Đó, trái lại, cái đó thì anh nhớ đấy, nàng nói, giọng hơi chế giễu.

- Khi đã nhảy với một người nào rồi, người ta có thể quên được sao?

Mi nữa, mi cũng vào cuộc.

Anh bạn cười lửa. Những ngọn lửa đỏ sậm hắt lên trần nhà.

- Cậu uống gì?

Mi noi mi chỉ rẽ ngang qua, ngồi chơi ít phút rồi đi.

- Mình chả có gì đặc biệt phải làm, anh bạn nói.

- Không hề sao mà...nàng cũng nói, rất khế.

Rồi họ im.

- Các bạn cứ chuyện tiếp đi, tôi đến để sưởi ấm, gió lạnh nổi lên. Gió ngớt là tôi đi.

- Không, anh đến đúng lúc, nàng nói, rồi nàng im.

- Tốt hơn là nói tôi như sợi tóc ngã vào bát canh vậy.

Mi toan đứng lên nhưng anh bạn đã dúm vào vai mi trước khi mi có thì giờ động đậy.

- Cậu đến vừa lúc chúng mình có thể sang chuyện khác. Bọn mình xong cái cần nói rồi.

- Nói đi, nói đi, tôi nghe các bạn.

Nàng ngồi rúm người trên đi vắng. Mi chỉ phân biệt ra đường viền trắng của mặt nàng. Mũi, miệng nàng đều rất nhỏ xinh.

Không bao giờ mi nghĩ rằng rất lâu sau đó một hôm đúng trưa tình lành nàng đến nhà mi. Mi ra mở cửa và hỏi:

- Sao em biết nhà anh ở đây?

- Chẳng lẽ không vui mừng đón tiếp ư?

- Không, trái lại, vào đi.

Mi đưa nàng vào, hỏi có phải anh bạn họa sĩ cho địa chỉ không. Trước kia mi đều nhìn nàng dưới ánh đèn trong bóng tối, mi không chắc là nhận được ra nàng.

- Có thể là anh ấy, có thể là người khác. Địa chỉ của anh bí mật ư?

Mi nói mi không nghĩ rằng cuối cùng nàng đến, mi rất lấy làm vinh dự.

- Anh quên là anh đã mời em?

- Rất có thể.

- Và địa chỉ, cũng chính là anh đưa cho em, anh đã quên hết tất cả sao?

- Chắc là như thế, mi nói, tóm lại, anh rất hài lòng là em đến.

- Khi một model đến nhà, dao lại không thích?

- Em là người mẫu?

Mi không giấu nổi ngạc nhiên.

- Đã là, thậm chí khoa thân.

Mi nói mi tiếc không là họa sĩ nhưng mi chơi ảnh nghiệp dư.

- Khách đến đây cứ phải đứng à? Nàng hỏi.

Mi vội chỉ gian phòng:

- Ở đây coi như nhà em, em làm gì tùy em. Nhìn cái phòng này, em có thể thấy ngay lập tức là chủ của nó không tuân theo một quy tắc nào hết.

Nàng ngồi lên góc bàn giấy của mi, đưa mắt nhìn quanh.

- Có thể thấy ở đây cần một người đàn bà.

- Nếu em muốn, nhưng với điều kiện không trở thành chủ của chủ nơi này vì lẽ quyền sở hữu căn phòng này không thuộc về hẳn ta.

Mỗi lần gặp nàng mi đều đấu khẩu với nàng, mi không thể thua nàng.

- Cảm ơn, nàng nói, cầm lấy tách trà mi pha. Rồi vừa cười vừa nói thêm: Hãy nói cái gì nghiêm một tí.

Nàng đương đầu với mi. Mi chỉ kịp đối lại:

- Được, đồng ý.

Đến lượt mi rót trà vào tách mình rồi ngồi xuống ghế bành trước bàn giấy. Ở đấy mi thấy thoải mái hơn và quay về phía nàng.

- Chúng ta có thể thảo luận. Nói một chút đi. Em là người mẫu thật ư? Anh cũng là hỏi vô thưởng vô phạt thôi.

- Bây giờ thôi rồi. Ngày xưa em từng làm mẫu cho họa sĩ.

Nàng nói thật. Mi phải tránh đề tài này.

- Em đúng là người mẫu rồi! Anh muốn nói đến nghề nghiệp của em, em dĩ nhiên có việc làm, đúng không?

- Câu hỏi này rất quan trọng à? Nàng vừa cười vừa hỏi. Nàng láu lỉnh, luôn muốn chống lại mi.

- Không nhất định, nhưng hỏi để biết đường chuyện trò với em, để nói những gì cả em và anh đều thích thú.

- Em là thầy thuốc, nàng hất đầu nói.

Trước khi mi kịp hiểu ra điều nàng nói, nàng đã hỏi.

- Em hút được chứ?

- Dĩ nhiên, anh cũng hút.

Lập tức mi đẩy thuốc lá và cái gạt tàn lại gần nàng.

Nàng châm một điếu thuốc, nuốt một hơi khói dài.

- Trông không nhận ra được, mi nói, bắt đầu tìm hiểu lý do nàng đến.

- Cho nên em nói nghề nghiệp không quan trọng. Anh có tin là em nói thật khi em bảo em là người mẫu không?

Nàng nhè nhẹ thở khói thuốc ra, ngẩng đầu lên.

Và nói là thầy thuốc thì có thật là thầy thuốc không? Nhưng câu này mi không nói ra.

- Anh tưởng người mẫu đều là thứ đàn bà nhẹ dạ nông nổi cả hay sao? Nàng hỏi.

- Không nhất định - Người mẫu cũng là một công việc rất nghiêm túc. Anh muốn nói đến người mẫu khỏa thân để cơ thể trần truồng, cái đó chẳng có gì là xấu. Tất cả cái gì là tự nhiên đều đẹp. Cho thấy cái đẹp tự nhiên, đó là lòng hào hiệp, không phải sự nhẹ dạ nông nổi. Vả lại, thân thể người đẹp hơn bất cứ tác phẩm nghệ thuật nào. Bên cạnh tự nhiên, nghệ thuật là mờ nhạt và nghèo nàn. Chỉ bọn điên mới cho rằng nghệ thuật cao hơn tự nhiên.

Mi nói với đầy lòng tin vững vàng.

- Thế tại sao anh làm văn nghệ? Nàng hỏi.

Mi muốn nói mi không làm được văn nghệ, chỉ là viết, viết cái mi muốn nói và tùy hứng mà viết.

- Nhưng viết cũng là nghệ thuật.

Mi nghĩ dứt khoát rằng viết chỉ là một món kỹ thuật.

- Chỉ cần có một kỹ thuật; chẳng hạn em có kỹ thuật mổ xẻ dù anh không biết em là đa khoa hay hay phẫu thuật, cái đó chẳng hề gì, có kỹ thuật là đủ. Mọi người đều có thể viết, cũng như mọi người đều có thể học mổ.

Nàng cười khanh khách.

Sau đó mi nói mi nghĩ rằng nghệ thuật không hề thiêng liêng, nghệ thuật chẳng qua là một cách sống. Người ta có các cách sống khác nhau, nghệ thuật không thể thay cho tất cả.

- Anh rất thông minh, nàng nói.

- Em, em cũng chẳng ngốc.

- Nhưng có người ngốc đấy.

- Ai?

- Họa sĩ, họ chỉ biết dùng mắt để nhìn.

- Họa sĩ họ có cách cảm nhận riêng của họ, so với nhà văn, họ ưu tiên cái nhìn.

- Cái nhìn cho phép hiểu được giá trị nội tại của một cá nhân không?

- Có vẻ là không, nhưng vấn đề ở chỗ giá trị nó là cái gì? Cái này tùy mỗi người mà có khác, ai cũng có cách nhìn sự vật của riêng mình. Một giá trị khác chỉ có ý nghĩa với những người có chung một quan điểm giá trị. Anh không muốn làm cái việc chúc tụng sắc đẹp của em, anh không biết sắc đẹp của em có phải là nội tâm hay không, nhưng cái mà anh muốn nói là nói chuyện với em thật dễ chịu. Chẳng phải con người ta luôn đi tìm một cái gì đó dễ chịu ở trong đời đấy thôi? Chỉ những đứa ngu mới chuyên tìm cái không vui.

- Có anh ở bên, em rất vui.

Vừa nói nàng vừa bất giác cầm lấy chùm chìa khóa trên bàn nghịch đùa với nó. Mi có cảm tưởng nàng không vui chút nào. Mi bèn nói với nàng về chiếc chìa khóa.

- Chiếc chìa khóa nào? Nàng hỏi.

- Ở trong tay em.

- À, nó sao?

Mi nói rằng mi đã đánh mất nó.

- Nó chẳng đang ở đây đấy thôi? Nàng cho thấy cái chìa khóa trong lòng bàn tay nàng.

Mi nói mi tưởng đã mất nó nhưng đúng là hiện nó đang ở trong tay nàng thật.

Nàng đặt chiếc chìa xuống bàn rồi thình lình đứng dậy nói nàng phải đi.

- Có gì gấp?

- Vâng, em có việc, nàng nói. Rồi nói thêm: em đã lấy chồng.

- Chúc mừng. Mi hơi cụt hứng.

- Em sẽ lại đến. Câu này là một an ủi.

- Bao giờ em lại đến?

- Khi nào em vui. Em sẽ không đến khi em buồn, để tránh chuyển sang anh cái buồn của em, nhưng khi em quá vui thì cũng không được...

- Tùy em, anh hiểu.

Mi còn nói mi muốn thật yên trí rằng nàng sẽ lại đến.

- Em sẽ đến nói với anh về cái chìa khóa mà anh đã đánh mất!

Hết đầu, nàng gạt xõa tóc xuống vai, cười láu lỉnh rồi ra cửa xuống thang.

Người bạn học cùng lớp ngày xưa của ta, từ hơn mười năm nay ta chưa gặp lại, cho ta xem bức ảnh anh ấy ở ngăn kéo ra. Anh ở bên một người không thể xác định được tuổi và phái. Anh nói đấy là một người đàn bà. Họ đang ở trong vườn rau, trước ngôi miếu đổ nát. Anh hỏi ta có biết tiểu thuyết *Hoang giang nữ hiệp* không.

Ta hẳn là nhớ chứ: bộ tiểu thuyết võ hiệp nhiều tập mà một bạn đọc giấu ở nhà và mang đến trường tiểu học khi ta còn là học sinh phổ thông trung học. Loại tiểu thuyết này bị cấm ngặt. Những sách cổ như *Mười ba hiệp khách* và *bảy thanh kiếm*, *Nga mi kiếm hiệp truyện*, *thập tam muội*, nếu là bạn của người có sách thì mới có thể đem sách về nhà, bằng không phải đọc gấp trong lớp, sách giấu trong ngăn bàn.

Ta cũng nhớ rằng lúc nhỏ hơn, ta có một loạt truyện tranh liên hoàn *Hoang giang nữ hiệp*, không may ta đã bị mất một ít vì chơi bị thua và ta đã buồn suốt một dạo.

Ta cũng nhớ rằng quyển sách này, *Thập tam muội* hay *Nữ hiệp khách* nào đó, đã ảnh hưởng đến sự khêu dậy tình dục của ta, cái mà lúc đó ta hoàn toàn không hay biết. Chắc đó là một loạt tranh liên hoàn từ cửa hiệu sách cũ. Trong tranh có bông hoa đào bị cuồng phong cuốn đi và ở bên dưới, người ta giải thích rằng vào một đêm giông tố buồn thảm đã xảy ra chuyện này chuyện kia. Ấn nghĩa là "nữ kiếm khách" đã bị một tên lưu manh bắt mất, tên này dĩ nhiên cũng nắm vững các nghệ thuật binh đao. Ở trang tiếp sau, "nữ hiệp khách" giơ tay chào sư phụ Võ Lâm và tập luyện để có được chiêu bí quyết của phi kiếm rồi chỉ còn nghĩ đến việc thỏa lòng rửa hận, cô ta đã lại tìm thấy kẻ thù, bằng đầu mũi kiếm khóa chặt đầu hẳn lại không cho động đậy. Nhưng thành linh, nổi cơn thương cảm không thể giải thích, cô ta chỉ chặt của hẳn một cánh tay, cho hẳn lành mạng sống.

- Cậu có nghĩ là còn các nữ hiệp không? Anh bạn học ngày xưa hỏi ta.

- Đó là cái người trong ảnh này ư?

Ta không biết anh có định đùa không.

Trông ảnh, anh bạn ta, thân hình đồ sộ, cặp kính, bộ đồng phục của cán bộ địa chất, vẻ đơn giản, lương thiện của anh cứ luôn khiến người ta nghĩ đến con một sách có tên là Pierre trong *Chiến tranh và Hòa bình* của Tolstoi. Khi ta đọc tiểu thuyết này, anh bạn ta còn rất gầy, nhưng bộ mặt tròn xoe của anh toát lên lòng nhân từ, với cặp kính luôn móc vào đầu mũi, có phần nào hơi giống các chân dung của Pierre trong sưu tập các tác phẩm của Tolstoi, do một họa sĩ Nga minh họa. Trên bức ảnh, "nữ hiệp" đứng dưới vai anh, ăn mặc như một phụ nữ nông dân, tấm áo hai vạt, giầy lính bằng cao su chòilên khỏi gấu quần, đôi mắt bé nằm trên khuôn mặt không rõ là đàn ông hay đàn bà, tóc cắt sát mang tai theo kiểu nữ cán bộ nông thôn, chỉ dẫn duy nhất về phái tính, "nữ hiệp" không giống chút nào hết với những nữ hiệp đánh nhau trong các truyện kỳ tình võ hiệp, các tranh khắc gỗ và tranh liên hoàn, với cái vẻ võ bị mà tấm thân bó chặt trong tấm thắt lưng rộng bản đã đem lại cho họ.

- Đừng có đánh giá thấp cô ấy, cô ấy rất cao thủ trong thuật quyền cước đao kiếm đó, cô ấy hạ thủ dễ như nhổ cỏ vậy.

Anh nói nghiêm túc.

Trên đường từ phía đông đến Chu Châu, xe lửa bị trễ. Phải dừng lại ở một ga nhỏ, chắc là chờ cho chuyển tốc hành trước mặt đi qua. Tên ga lập tức làm ta đến người bạn học đang làm việc ở đây, trong đội khảo sát địa chất. Ta đã bắt tin anh từ hơn mười năm nay. Năm ngoái, tuy tổng biên tập một tạp chí có gửi đến cho ta bản thảo một bài viết của anh, địa chỉ để trên phong bì chính là cái tên ga dọc ở trên ke. Ta không có trong người địa chỉ của anh nhưng ta nghĩ rằng trong một huyện bé như thế này, chắc không có nhiều đội khảo sát địa chất. Ta sẽ tìm hỏi chẳng khó khăn gì. Vậy là ta lập tức xuống tàu. Anh là một người bạn tốt thời thơ ấu. Những cái tốt thì hiếm trong cõi trần này. Có hạnh phúc nào lớn hơn là bắt chợt đến thăm một người bạn tốt không?

Từ Trường Sa đến, ta đổi tàu ở Chu Châu. Thoạt đầu, ta không nghĩ dừng lại ở đây vì ta không có hộ hàng lẫn bè bạn. Ở đây không có cả dân ca lẫn cổ vật để thăm dò và ta đã lang thang suốt một ngày bên bờ sông Tương Giang. Chỉ sau đó, ta mới hiểu ra rằng ta chẳng có việc gì làm ngoài việc tìm kiếm ấn tượng mà xét cho cùng thì cũng vô vị.

Từ Bắc Kinh ta mang theo chân đệm như một kẻ tị nạn, để tới cái vùng núi mà ta đã từng đến để "được cải tạo lại" trong một Trường cán bộ mùa 7 tháng Năm cách đây mười hai, mười ba năm. Thời ấy, quan hệ giữa đồng sự cùng một cơ quan không ngừng náo loạn bởi các phong trào chính trị rất căng thẳng. Tất cả hô khẩu hiệu, bảo vệ đến chết phái nhóm của mình, không ngừng sợ bị đối thủ hạ sát. Không ai lại nghĩ tới một "chỉ thị tối cao" mới sẽ ra lệnh cho đại diện quân đội đến đóng trong các cơ quan văn hóa và mọi người bất kể phái nhóm nào đều phải hạ phóng xuống nông thôn.

Ta là một kẻ tị nạn ngay từ lúc sinh ra. Mẹ ta nói rằng mẹ sinh ta giữa trận bom. Kính phòng để của bệnh viện được bảo vệ bằng các băng giấy để phòng chống hơi bom. May mắn mẹ đã thoát khỏi bom và ta ra đời lành lặn. Nhưng ta không biết khóc. Ta chỉ cất tiếng kêu đầu tiên khi bác sĩ đỡ để phát cho ta một cái vào miệng. Đấy, có lẽ đó là điều tiên định, ta sẽ phải chạy trốn suốt đời. Ta dần quen với cảnh đó, ta đã học được cách tìm ra đôi chút lạc thú trong không gian trống vắng ở giữa các thời kì hỗn loạn. Khi mọi người ở lại trên xe, ngồi trên chân đệm chờ đợi, ta đã nhờ người coi hộ hành lý rồi như một con chó lạc, ta la cà vào trong các đường phố của thành phố. Ta còn gặp lại một đối thủ ngoan cố chống lại phái nhóm của ta trong một quán ăn. Thời ấy, thịt lợn có khẩu phần, mỗi người được phát hai, ba lạng tem phiếu gần nửa cân thịt lợn mỗi tháng. Ta nghĩ rằng hẳn cũng muốn như ta ăn một phần thịt. Trong quán này, quả nhiên thực đơn có mỗi món thịt chó nấu với ớt, ai ai cũng gọi một suất. Cùng chia sẻ chung số phận, cùng ngồi vào một bàn, không nói không rằng mỗi bên gọi rượu tới. Cùng nhau uống và ăn thịt chó cứ như cuộc đấu tranh giai cấp không thương xót chẳng tồn tại nữa, cứ như chẳng ai là kẻ thù của ai. Nhưng dĩ nhiên hẳn và ta không ai đề cập đến chuyện chính trị. Thật ra ở bàn này có quá nhiều việc người ta có thể nói đến, dù đó là con phố cổ, giấy quỳn có mùi thơm có thể mua được ở

đây, vài vốc dẹt tay địa phương mà người ta có thể mua không cần phiếu vải, trà cũng bán không tem phiếu và lạc rang ngũ vị hoàn toàn bói không ra ở Bắc Kinh. Hấn và ta đều mua lạc nhắm với rượu. Chính là những kỷ niệm nho nhỏ vô nghĩa ấy đã đẩy ta dừng lại ở đây cả một ngày, khi ta đổi tàu ở Trường Sa đi Chu Châu. Trong trường hợp này, ta chẳng có lý do bào mà không đi gặp người bạn tốt từ bé của ta; tại sao không cho anh ta niềm vui bất ngờ chứ?

Ta giữ giường nằm trong khách sạn gần ga xếp và để túi xách ở đấy. Nếu như không gặp bạn, ta vẫn có thể làm một giấc ở khách sạn, chờ đáp chuyến tàu sáng đầu tiên.

Trong quán đêm nho nhỏ, ta ăn một bát cháo đậu xanh, nó làm tan đi đôi chút mệt nhọc. Ta đến hỏi thăm một cán bộ đang nằm hóng mát trên chiếc ghế bành trước phòng tiếp tân để xem ở đây có tổ khảo sát địa chất nào không. Ông ta lập tức ngồi thẳng lên khẳng định rằng có, cách đây hai dặm, thoạt nhiên ông nói như vậy, không, ba dặm, à quá lắm năm dặm. Đầu cái phố này, ở chỗ không còn đèn đường, rẽ vào một cái ngõ, đi qua những thửa ruộng rồi một con sông con, một cái cầu. Phía bên kia, không xa lắm, có mấy ngôi nhà gác kiếu hiện đại, hoàn toàn biệt lập, đấy tổ khảo sát địa chất ở đấy.

Ra khỏi thị trấn, trời đêm hè lấm tấm sao sáng. Khắp nơi vẳng lên tiếng ếch nhái. Ta đi cả vào những vùng nước nhưng chẳng để ý, chỉ nghĩ tới chuyện tìm lại anh bạn. Cuối cùng vào quãng nửa đêm, ta gõ vào cửa nhà anh trong bóng tối.

- Kìa thằng quý! Anh kêu lên sung sướng. Anh to béo, thân hình đồ sộ. Mặc soóc, mình trần, anh nện vào ta những nhát quạt cói đang cầm trong tay, làm cho ta có được tý gió. Đây cũng là một thói quen giữa bạn học, đập vào vai nhau. Thời xưa, ta bé nhất lớp, các bạn gọi ta là "Tiểu quý", thằng nhỏ. Bây giờ hiển nhiên ta là "lão quý", lão già.

- Cậu ở đâu ra?

- Ở dưới đất.

Ta cũng sung sướng như điên.

- Mang rượu, à không, dưa hấu tốt hơn trời nóng quá, anh bảo vợ.

Đó là một người đàn bà khỏe mạnh, đầy vẻ lương thiện. Chị chắc là người nơi đây. Chị chỉ cười, không nói câu nào. Rõ ràng dù đã lập gia đình anh vẫn không để mất tính nết dễ thương ngày xưa của anh.

Anh hỏi xem ta có nhận được bản thảo anh gửi không, anh bảo anh đã đọc các tác phẩm của ta xuất bản những năm qua. Anh nghĩ chắc đó là ta nên anh đã gửi bản thảo của anh đến ban biên tập một tạp chí từng đăng một trong các bài báo của ta, nhờ chuyển cho ta.

Anh giải thích rằng anh viết cái thứ ấy vì thấy ngứa ngáy tay, anh không nhịn được. Một quả bóng thăm thú, đại khái vậy.

Ta còn nói gì được với anh đây? Tiểu thuyết của anh kể chuyện một đứa bé ở nông thôn cháu của một địa chủ già. Ở trường, các bạn học coi nó không ra gì, ngày ngày nó nghe thầy giảng cần phải vạch rõ mặt kẻ thù giai cấp. Thằng bé nghĩ rằng mọi bất hạnh chung quy đều do ông nó, lão già ốm đau kia mà nên, nó đã pha một thứ hoa đại độc, thứ hoa người ta phải vứt đi khi cắt cỏ cho lợn. Sáng sớm, vào lúc các loa phóng thanh phát đi bài ca *Đông phương hồng* để gọi nông dân đi làm, thằng bé thấy ông nó chết, nằm lăn dưới đất, mồm đầy máu đen. Anh tả tâm trạng của đứa bé đang nhìn cái thế gian khó hiểu này bằng con mắt của một đứa trẻ nông thôn. Ta đã đưa bản thảo này cho một biên tập viên quen biết. Ông ta đã trả lại không cần các thủ tục thường dùng trong giới văn học khi trả lại bản thảo. Tác phẩm đó không thuộc dòng chính thống: tình tiết không được gia công, quan niệm chung của tác phẩm không cao, tính cách nhân vật không đủ nổi hoặc tác phẩm không được điển hình, không, đơn giản ông ta bảo ta rằng viết tốt đấy nhưng tác giả đi quá xa và không bao giờ lãnh đạo lại cho xuất bản. Ta chỉ có thể nói rõ với ông ta rằng tác giả làm việc ở nông thôn với tư cách nhà khảo sát địa chất, quen các đường mòn trên núi nhưng các ranh giới người ta áp đặt cho giới văn học thì không biết.

Ta thẳng thắn kể lại với anh tất cả chuyện đó.

- Này vậy thì các ranh giới ấy là gì? Anh hỏi, vẻ như lạc lõng đi qua cặp kính. Anh vẫn luôn giống với con một sách tên là Pierre. Mới đây báo chí chẳng đã lại khẳng định lại tự do sáng tác và sự cần thiết cho văn học được miêu tả hiện thực đấy ư?

- Chính là vì cái hiện thực con mẹ nó ấy mà tớ gặp sự phiền phức và bây giờ đang ở đây đấy, ta bảo anh.

Anh phá lên cười:

- Cũng con mẹ nó nốt cả cái chuyện về "Hoang giang nữ hiệp" kia nữa đấy.

Anh cầm lấy bức ảnh cất vào ngăn kéo.

- Mình biết cô ấy khi mình sống trong ngôi miếu đồ nát để làm việc khảo sát. Suốt một ngày cô ấy nói cho mình hay các thứ việc của cô ấy. Mình đã ghi đầy một sổ tay. Cái ấy là kinh nghiệm của cô ấy.

Anh lấy sổ tay trong ngăn kéo ra và dư dứ nó về phía ta:

- Thừa viết một quyển sách mà tên tớ đã nghĩ rồi, sẽ là *Ghi chép ở môi miếu đồ nát*.

- Không phải tên của một tiểu thuyết võ hiệp.

- Dĩ nhiên không phải. Nếu cậu thú vị, cứ cầm và liếc qua xem. Cái này có thể làm vật liệu cho một tiểu thuyết được.

Rồi anh cất sổ tay vào trong ngăn kéo, bảo vợ:

- Cuối cùng thì em cứ mang rượu ra đi.

- Đừng nói với tớ chuyện viết tiểu thuyết nữa, ta nói. Bây giờ tớ cũng chẳng xuất bản nổi cả những thứ tớ đã được xuất bản rồi. Cứ thấy tên mình là người ta trả lại bản thảo.

- Anh cũng thế, tốt nhất là lo lắng tử tế đến việc địa chất của anh chứ viết cái gì à? Vợ anh mang rượu lên, cắt lời anh.

- Thế thì cậu bây giờ làm cái gì? Kể tớ nghe!

Anh đẩy bạn tâm với ta.

- Tớ đi lênh đênh đây đó để trốn việc kiểm tra. Tớ đã đi nhiều tháng rồi. Khi tai tiếng yên đi, tớ sẽ thử quay về. Nếu tình hình xấu hơn tớ sẽ tìm một chỗ để vù. Muốn gì cũng không để bị đưa tới trại cải tạo lao động như một con cừu ngoan ngoãn, như những kẻ "phái hữu" những năm năm mươi.

Chúng tôi cười vang.

- Tớ sẽ kể cho cậu một chuyện vui, đồng ý không? Anh hỏi. Tớ ở trong một đơn vị được các nhà cầm quyền ra lệnh phải tìm các mỏ vàng. Có ai ngờ được rằng giữa núi non chúng tớ lại vớ được một người rừng không chứ?

- Cậu nói đùa. Cậu thấy tận mắt?

- Không chỉ thấy, mà chúng tớ còn bắt sống nó! Vài đứa chúng tớ đi tìm một lối tắt trong núi để về kịp trại trước đêm tối. Một cánh rừng dưới núi đã bị đốt và trống ngô. Trong nương, vàng hoe cả, chúng tớ thấy một cái gì động đậy, chắc là thú rừng. Vì an toàn nên chúng tớ được vũ trang khi vào những chốn như thế này. Chúng tớ nghĩ ngay tới lợn lòi. Chúng tớ không tìm thấy vàng nhưng vận may đâu sao cũng đã mỉm cười sắp mang được thịt về. Vài người bèn vây cái chỗ động đậy lại nhưng con vật kia chắc đã nghe thấy chúng tớ vì nó phớt vào phía rừng.. Chắc là vào quãng ba giờ chiều. Mặt trời ngả về tây nhưng lũng vẫn còn sáng. Khi con vật kia bắt đầu động đậy, đầu nó liền lộ ra ở giữa các cây ngô. Và thế là chúng tớ phát hiện ra ở đấy một người rừng tóc phủ xuống vai! Tất cả bọn tớ đều nhìn thấy nó. Đều kích động đến cực điểm mà reo to lên: "Người rừng! Người rừng!" "Không để nó đi mất!" một người kêu to và nổ súng. Cả năm họ làm trong núi nên hiếm có dịp bắn. Họ giải ức chế mà. Phấn khởi làm cho hăng lên, họ chạy, reo, bắn. Cuối cùng họ buộc được nó đi ra. Trần truồng như nhộng, tay giơ cao, nhưng nó bị vất ngã đổ kênh ra đất. Nó chỉ đeo một cặp kính buộc vào sau đầu bằng một sợi dây. Mắt kính tròn xoe đã hỏng, như kính mài mờ.

- Chuyện bịa! ta nói

- Thật hoàn toàn đấy! Vợ anh từ trong buồng nói vọng ra. Chị vẫn chưa ngủ.

- Có muốn bịa cũng không bịa được với cậu. Bây giờ cậu là tiểu thuyết gia rồi.

- Tiểu thuyết gia thật phải là anh này, ta nói với vợ anh. Anh này là một tay kể chuyện bẩm sinh. Ngày xưa, trong lớp chúng tôi không ai vượt được anh ấy ở lĩnh vực này đâu, hễ mở miệng là ai cũng há hốc ra nghe. Tiếc là tiểu thuyết của anh ấy bị bóp chết từ trong trứng trước khi được thấy mặt trời.

Ta không khỏi không cảm thấy có phần thương bạn.

- Anh ấy như thế đấy. Anh ấy chỉ nói như thế vì có anh ở đây thôi; bình thường, anh ấy không nói quá một câu, chị vợ nói từ trong buồng.

- Em nghe thôi! Anh bảo vợ.

- Nói tiếp đi! Anh thật sự kích thích cơn tò mò của ta.

Anh uống một ngụm rượu để lấy lại nhuệ khí.

- Nhóm chúng tôi lại gần, lột kính của nó đi rồi lấy nòng súng đẩy nó ngã. Họ nghiêm giọng hỏi: "Nếu mày là người sao mày lại lần trốn?" Run lên cầm cập, nó không ngừng rên rỉ. Một người trong đám đánh khẽ vào đầu nói một cái và dọa: "Nếu mày cứ chơi tiếp trò quỷ trò ma thì tao bắn mày!" Lúc ấy, nó bật khóc nức nở nói rằng nó trốn ở một trại cải tạo ra và không dám quay trở lại đó nữa. Người ta không hỏi nó phạm tội gì. Nó nói nó là "phần tử hữu phái". "Nhưng phần tử phái hữu từ lâu đã được phục hồi minh oan rồi cơ mà, các bạn cùng đi với tớ kêu lên, sao không trở về?". Hắn giải thích rằng gia đình hắn không dám giữ hắn và hắn đã trốn ở trong rừng. "Gia đình ở đâu?" tụi tớ lại hỏi. "Ồ Thượng Hải". Bọn bạn cùng đi với tớ kêu to lên: "Gia đình nhà mày là lũ đểu à! Tại sao không giữ mày lại?". Hắn nói họ sợ liên quan. Tất cả bèn la ầm: "liên quan là cái gì chứ? Phần tử phái hữu đã được bồi thường hết tất cả

rồi, bây giờ nhà nào cũng sôi sục mong có được lấy một phần tử hữu phái đấy!". Họ còn hỏi hẳn: "Thế mày có bị hăm hăm không đấy?". Hẳn nói không, chỉ cậ thị nặng. Tất cả mọi người thế là bò lăn ra mà cười.

Vợ anh cũng bật cười ở buồng bên.

- Chỉ có cậu mới kể được cái chuyện này, ta nói và không thể nhịn được cười. Từ khá lâu chưa bao giờ ta vui thế này.

- Hẳn bị chụp mũ "phái hữu" năm 1957, năm 1958 bị đưa đến một nông trại ở Thanh Hải để lao động cải tạo. Năm 1960, nạn đói nổ ra, chẳng còn cái gì để ăn. Người phù hết cả, sắp chết, hẳn trốn về Thượng Hải. Hẳn ẩn trong nhà hẳn hai tháng, người nhà hẳn nhất quyết buộc hẳn phải quay về trại vì lúc ấy khẩu phần ngũ cốc của ai cũng không đủ ăn. Làm sao họ giấu hẳn lâu ở trong nhà được? Thế là hẳn lại lên đường phiêu lưu mạo hiểm vào trong núi, nơi hẳn đã sống hơn hai chục năm trời. Mọi người hỏi làm sao hẳn sống sót được thì hẳn trả lời năm đầu một gia đình nông dân miền núi đã nhận hẳn. Hẳn giúp họ kiếm củi, làm vài việc đồng ruộng. Sau đó, hẳn nghe nói ở công xã nhân dân dưới kia sắp đi điều tra về hẳn, hẳn bèn trốn vào xa hơn nữa. Hẳn sống sót nhờ gia đình kia lén giúp đỡ hẳn, mang cho hẳn diêm, muối, dầu. Tại sao mà hẳn lại thành "phái hữu"? Hẳn giải thích rằng ở trường đại học, hẳn nghiên cứu về giáp cốt văn, những chữ bói toán trên mai rùa. Thời ấy, đầy nhiệt huyết của tuổi trẻ, trong một cuộc thảo luận hẳn đã nói ra vài lời đại dốt về tình hình lúc đó. "Đứng lên nào, bọn mình nói, theo chúng tao, mày sẽ đi làm tiếp cá nghiên cứu về chữ mai rùa của mày!". Nhưng hẳn khẳng khẳng cự tuyệt, nói rằng hẳn phải thu hoạch nương ngô vì đó là dự trữ lương thực cả năm của hẳn, hẳn sợ lợn lòi xéo nát cả nếu hẳn đi. Tất cả bọn cùng kêu lên: "Để cho lợn lòi chúng nó ỉa yên cái thân chúng nó đi!" Hẳn muốn đi lấy quần áo. Tất cả kêu lên: "Ở đâu?" "Ở trong một cái hangm chân vách đá". Khi trời không rét, hẳn không mặc. Một người cho hẳn cái áo để hẳn quấn quanh người. Rồi đưa hẳn về trại.

- Hết!

- Ừ, anh nói. Nhưng tớ đã tưởng tượng ra một cái kết khác, có lẽ không đúng.

- Cứ nói xem.

- Hôm sau, sau khi ăn uống no nê và ngủ ngon lành, thức dậy thì thành linh hấn bật khóc nức nở. Không thể hiểu hấn làm sao. Mọi người hỏi. Vừa khóc như mưa, giữa những tiếng nức nở hấn chỉ nói được một câu. "Nếu tôi biết đời này còn có người tốt như thế này, tôi đã không phải chịu đựng vô ích các bất công những năm vừa qua!".

Ta muốn cười nhưng không cười ra được.

Trong kính anh bạn ta lóe lên một ánh cười tai quái.

- Kết ấy thừa, ta nói sau một lúc suy nghĩ.

- Tớ cố ý thêm cái đó vào, anh thừa nhận, đặt kính lên bàn.

Ta phát hiện ra cái ánh tai quái ta ngỡ đọc thấy trong con mắt anh đúng ra là vẻ buồn. Khi anh đeo kính, thì là một con người khác, với diện mạo vui vẻ và đơn giản. Trước đây ta chưa thấy anh ở cái dạng không đeo kính này.

- Cậu có muốn ngả lưng một tý không, anh hỏi ta.

- Tớ chẳng vội, lúc này tớ chưa buồn ngủ.

Qua cửa sổ, đã thấy những ánh sáng đầu tiên của ban mai. Bên ngoài, cái nóng đã tiêu tan và một cơn gió mát nổi lên.

Anh kê cho ta một cái chõng tre còn anh thì dùng giường gấp. Rồi anh tắt đèn.

- Cậu nên biết thời ấy, trong phong trào, họ đã điều tra về tớ và chính cái tổ bắt người rừng kia rồi lại đã bắt giam tớ. Suýt nữa họ đã bắt chết tớ, đạn đi sượt da đầu, coi là mạng tớ nó lớn. Ngoài sự đó ra thì họ là người tử tế cả.

- Đây là cái hay trong chuyện người rừng của cậu đấy. Nó vui trong khi thật ra thì con người là cực kỳ tàn ác. Cậu không nên viết ra tất cả.

- Chuyện cậu nói ra nó là tiểu thuyết, chuyện tớ nói ra là cuộc đời. Thật tình tớ không tài nào viết được tiểu thuyết.

- Hể nói có rận là mọi người đều muốn đi bắt rận, chỉ sợ nếu như bản thân là rận thì sẽ ra làm sao đây?

- Ngộ nhỡ tất cả mọi người đều không đi bắt?

- Thì sợ cũng bị bắt nốt.

- Nhưng cậu đấy, chính cậu cũng không chịu đi bắt cơ mà?

- Thì rồi sẽ lại bị bắt mất thôi.

- Chính vì thế mà cứ phải lăn lộn giang hồ trên đường phải không?

- Bây giờ cũng đã khá ra tý chút rồi phải không? Nếu không đâu tớ dám đến nhà cậu nhà cậu uống rượu với cậu? Đã đi làm người rừng từ lâu rồi.

- Tớ cũng sẽ chẳng giữ cậu ở nhà tớ. Hay là cả hai cùng đi làm người rừng?

Anh ngồi trên giường gấp, cười bò ra.

- Cái kết kia ấy, đẹp đi vẫn là hay hơn, đến lượt anh nói, sau một lúc nghĩ ngợi.

Mi nói hần đã đánh mất chìa khóa.

Nàng nói nàng biết.

Mi nói hần biết rất rõ, cái chìa đó để ở trên bàn, nhưng thế rồi biến mất, hần chỉ quay đi có một tẹo.

Nàng nói đúng thế đấy.

Mi nói đó là một cái khóa rất thường, không có vòng đeo: thoạt đầu cũng có vòng đeo đấy, một con chó xù, chó Bắc Kinh, bằng chất dẻo màu đỏ. Một bạn gái cho hần, bạn gái thôi, không phải bồ.

Nàng nói nàng biết rõ điều ấy.

Mi nói sau đó con chó bị gãy, thật là hài, cổ con chó gãy chỉ còn mỗi cái đầu đỏ be bé; hần thấy như thế thì tàn nhẫn cho nên đã tháo con chó ra khỏi cái chìa.

Rõ! nàng nói

Mi nói hần nghĩ đã để cái chìa ở trên đế cây đèn bàn giấy, cạnh mấy con rệp ghim; rệp ghim thì còn, cái chìa thì biến. Hần đã dọn sách trên bàn; những thư chờ trả lời, cho là như thế, cũng ở đó, xếp thành chồng gần cái đèn. Cái công tắc đèn bị một phong bì che mất. Nhưng cái chìa thì không thể tìm thấy.

Thường hay như vậy, nàng nói.

Hần có cái hẹn cần phải đi nhưng hần không thể để cửa ngỏ được. Nếu đóng lại thì hần không thể vào không chìa, phải tìm nó thôi. Giữa các sách vở, giấy tờ, thư tin, tiền phủ lên mặt bàn, một cái chìa thì lẽ ra phải dễ nhìn thấy chứ.

Đúng thế.

Nhưng hắn không tìm thấy nó. Hắn đã bò cả bốn tay chân dưới gầm bàn, lấy một cái chổi kéo ra không ít rác bụi và cả một vé xe khách. Khi cái chìa rơi xuống đất thì luôn phát ra tiếng động chứ, vậy mà chỉ có vài quyển sách chất đống trên bàn thôi, vẫn không thấy chìa. Không thể lẫn sách với chìa khóa được.

Hắn thế rồi.

Nó đã bốc hơi một cách thuần túy, đơn giản.

Thế trong các ngăn kéo?

Hắn cũng đã lục. Hắn nhớ đã mở các ngăn kéo ra. Hắn có thói quen, một thói quen lâu ngày để chìa ở trong ngăn kéo, bên phải. Ngăn kéo đầy mọi thứ tài liệu: thư, bản thảo, biển số xe đạp, giấy chứng nhận chăm sóc y tế không mất tiền, thẻ cung cấp ga. Cả vài thứ huy chương nữa, hộp bút máy, con dao Mông Cổ và một thanh kiếm bé bằng men có cần những đường gân kim loại, gần ấy đồ vật nghèo không chút giá trị, chỉ là những thứ mang vài kỷ niệm nào đó.

Tất cả ai cũng có những cái như thế, chúng là quý trong con mắt chủ nhân.

Các kỷ niệm đều rất quý.

Đúng thế. Đôi khi quên chúng đi lại là giải thoát. Một cái cúc mất chẳng hạn, người ta sẽ chẳng bao giờ dùng đến nó nữa; bộ quần áo có khâu chiếc cúc áo bằng thủy tinh màu lam thẫm này từ lâu đã được dùng làm giẻ lau nhà nhưng chiếc cúc vẫn không bị vứt đi.

Tốt, thế rồi sao?

Sau hắn đã mở hết các ngăn kéo, dốc các thứ ở trong ra.

Cái chìa không thể ở trong đó được mà.

Hắn biết nhưng hắn cứ dốc hết cả ra.

Dĩ nhiên. Thế các túi, lục chưa? Lục cả rồi, túi quần trước sau mấy cái đều lục hết, đến năm sáu lần, túi áo vét để trên giường nữa. Hấn lục túi các quần áo đã lấy ra, không lục túi quần áo xếp trong va li thôi.

Rồi sau đó...

Sau đó hấn đã bày xuống đất tất cả những gì ở trên bàn, hấn dọn lại ngăn nắp các tạp chí để ở trên giá đầu giường, hấn đã rũ chăn, đệm, nhìn gầm giường, đúng, cả vào các chiếc giày nữa, vì một hôm đồng năm phân đã rơi vào giày hấn và hấn chỉ thấy khi đã ra ngoài cửa vì đi nó vướng.

Nhưng giày hấn lại không mang ở chân ư?

Mang, nhưng vì sách trên bàn giấy đều đặt xuống đất, không có chỗ để đi mà hấn thì lại không thể xéo lên sách bằng giày. Hấn tụt luôn giày ra ngồi xồm lục.

Tội nghiệp!

Cái chìa thất thường, không có vòng đeo thế là biến mất trong phòng. Hấn không đi ra nữa, bắt lực ngấm cái phòng tanh bành. Mười phút trước đó, cuộc sống của hấn còn trật tự. Hấn không thể nói buồn hấn là sạch sẽ và ngăn nắp hoàn toàn, nó không bao giờ được như thế, đúng, nhưng dẫu sao hấn sắp đặt từng đồ vật và hấn thấy phòng của hấn rất dễ chịu, thoải mái. Tóm lại, hấn có những thói quen tạo ra được cho hấn cảm giác thoải mái.

Đúng thế.

Nhưng đây không phải thế. Tất cả để ở bất cứ đâu, bất cứ chỗ nào, tùy tiện.

Đừng nên sốt ruột, cần suy nghĩ kĩ.

Hấn bảo hấn phiền chán lắm, hấn không có chỗ ngủ, không có chỗ ngồi, không có cả chỗ để đứng nữa, cuộc sống hấn đã thành cái kho chứa trăm thứ bà đàn thật sự. Hấn chỉ có thể lom khom cúi trên các đồng sách. Làm sao mà không sốt ruột chứ? Nhưng chỉ có thể oán hấn. Không phải

lỗi của người khác; là hấn đánh mất chìa khóa, là hấn bày nên cái mất trật tự này, cái bát nháo này. Và hấn không ra ngoài được, bất chấp hấn buộc phải đi!

Vâng.

Hấn không muốn nhìn cái cảnh này nữa, không muốn ở lại trong gian phòng này nữa.

Và có một cuộc họp, đúng không?

Họp với hành gì, à đúng, hấn phải đi ra ngoài, nhưng hấn đã lỡ hẹn đến một giờ rồi. Không thể chờ cả một giờ mà không làm cái gì. Hơn nữa, hấn không nhớ rõ là hẹn ở đâu, thậm chí hấn đã hẹn với ai nữa

Chắc là một bạn gái, nàng nói khẽ.

Có thể đúng, có thể không. Hấn nói hấn thật sự không còn nhớ nữa. Nhưng hấn phải đi, hấn không thể chịu được nữa cái đống lung tung xòe này.

Vậy là để ngỏ cửa?

Hấn chỉ còn cách đi ra mà không khóa cửa. Một khi đến chân cầu thang, người qua đường đi lại như thông lệ, dòng xe chảy không dứt, chẳng biết cái gì thúc mà người ta phải hối hả đến như thế. Hấn xuống nhà và bắt đầu đi trên vỉa hè. Không ai biết hấn mất chìa khóa, không ai biết rằng cửa hấn vẫn mở, không ai liều lên nhà hấn ăn cắp đồ đạc. Chỉ các bạn thân của hấn có thể đến đấy nhưng khi họ biết không có chỗ đặt chân thì họ sẽ ngồi lên đống sách, gỡ sách ra chờ hấn. Rồi họ cũng chán mà bỏ đi. Lo cho họ làm gì. Nhưng tuy thế hấn vẫn lo cho cái phòng của hấn, dù chẳng có cái gì bỏ ăn cắp, trừ vài quyển sách ra, quần áo giấy dép đều rất bình thường. Đôi giày tốt nhất, hấn mang trên chân rồi. Có hàng đống bản thảo nữa nhưng hấn đều đã ngán trước khi viết xong. Nhận ra điều đó, hấn bắt đầu cảm thấy vui, thôi nghĩ đến cái chìa khóa chết tiệt bị thất lạc và đến cái cửa. Hấn bèn đi dạo cầu âu trong phố. Bình thường hấn luôn vội, bận bịu, hấn không ngưng tất tưởi vì bản thân hay vì một ai đó hay một việc nào đó. Bây giờ hấn không làm cho ai

nữa, hẳn chưa bao giờ nhẹ nhõm như thế này. Hẳn chậm bước lại, điều hẳn làm rất khó nhọc những lúc bình thường, hẳn đưa chân trái lên trước, chẳng vội nhấc chân phải: cái này không có dễ làm. Hẳn không biết đi yên ổn thậm chí hẳn không biết đi dạo nữa. Trong khi đi dạo, người ta giẫm cả bàn chân lên mặt đất, người hoàn toàn thư giãn.

Hẳn có một cảm giác kỳ lạ khi đi như thế này và người đi đường tỏ ra đã để ý thấy cái đó; chắc họ nhận ra hẳn có cái gì bất thường. Hẳn lén quan sát những người ở trước mặt hẳn đi đến nhưng hẳn thấy những con mắt sắc sảo của họ thật ra chỉ hướng vào bản thân họ. Dĩ nhiên đôi khi họ cũng liếc một cái vào các quầy kính hàng bách hóa thậm chí hỏi giá liệu có hời không. Lập tức hẳn nhận ra hẳn là người duy nhất ở trong phố này nhìn người khác, nhưng không ai nhận thấy cái đó. Cuối cùng, hẳn là người duy nhất đi bằng cả bàn chân, giẫm lên đất bằng cả lòng bàn chân. Những người khác đi bằng gót, và những sức dội ngược trở lại như thế suốt cả năm cả tháng đã phạm đến thần kinh não bộ của họ. Mọi phiền muộn, lo âu của chính họ là do tự bản thân họ tạo nên bằng cách đó đấy, đúng thế không?

Đúng.

Hẳn càng đi trong cái phố náo nhiệt, ẩm ỉ này, hẳn càng cảm thấy cô đơn. Hẳn loạng choạng như một kẻ mộng du. Tiếng xe cộ gầm rú không ngừng, trong các ánh đèn nhiều màu, bị một đám đông hối hả trên hè đường chèn ép xô đẩy, hẳn biết rằng không bao giờ có thể chậm bước lại theo như ý muốn của hẳn. Nếu em nhìn từ trên cao cái cảnh tượng này, nếu em quan sát hẳn từ cửa sổ một cao ốc, bên lề phố, thì hẳn sẽ làm em nghĩ tới một cái nút chai bằng ki e quay cuồng một cách miễn cưỡng trong một miệng cống sau mưa, giữa những lá rụng, đầu mẫu thuốc lá, giấy gói kem ét-ki-mô, những địa chất dẻo đã dùng của một cửa hàng ăn nhanh và đủ mọi thứ giấy gọi kẹo.

Em đã thấy.

Em thấy cái gì chứ?

Cái nút chai bong bênh ở giữa dòng sông người ấy.

Ấy đấy, hấn đấy.

Vậy đấy là anh.

Không phải là anh, đấy là một thứ trạng thái ta đã biết đến.

Em hiểu, anh nói tiếp.

Nói về cái gì?

Nói về cái nút chai thất lạc.

Ai làm thất lạc nó?

Tự nó làm nó thất lạc. Các kỷ niệm buột ra khỏi hấn. Hấn cố nghĩ, cố nhớ lại vài mối quan hệ hấn đã có, tại sao hấn lại ở trong thành phố này. Hấn chắc chắn biết rõ nó hoàn toàn, với cái cửa hàng bách hóa to tướng xam xám ghê sợ kia, cái nơi quanh năm ngày tháng bận công trình mở rộng, tựa như nó bị mắc cảm về cái kích thước của nó vậy. Trước mặt hấn, duy nhất quán trà nho nhỏ kiểu cổ, là chưa được tân trang. Xa nữa, cửa hàng giấy dép và trước mặt, một cửa hàng giấy và một quỹ tiết kiệm mà hấn đã vào cả rồi. Với hấn hình như có việc phải làm với cái quỹ tiết kiệm này, hấn đã phải gửi và rút tiền ở đấy, nhưng mà là đã rất lâu từ trước kia. Hình như hấn đã có một người vợ mà sau đó hấn đã chia tay, nhưng hấn không nghĩ tới cô ta nữa, hấn không muốn nghĩ tới chuyện đó nữa.

Tuy vậy hấn đã yêu cô ta.

Hình như hấn đã yêu cô ta, cái này cũng lẽ mờ nốt. Dầu sao hấn cũng nghĩ đã có những quan hệ với một người đàn bà.

Và không phải chỉ với một.

Với hấn hình như là thế, đúng. Trong đời hấn, chắc đã diễn ra vài sự kiện tốt đẹp, nhưng đã quá xa, còn lại vài ấn tượng mơ hồ, như một bức ảnh chỉ cho thấy đường viền, bất chấp thời gian nó nằm trong thuốc hiện hình.

Tuy vậy một cô gái trẻ chắc đã làm cho hắn xúc động, để lại vài chi tiết cho hắn làm kỷ niệm.

Chỉ còn nhớ đôi môi xinh xắn, đường nét đẹp, mặt nàng đỏ bừng lên khi nói "không". Và khi nàng nói không thì thân xác nàng tuân theo hắn.

Và sao nữa?

Nàng muốn hắn tắt đèn, nàng nói nàng sợ sáng...

Nàng không nói như thế.

Nàng nói như thế.

Được, đừng bận tâm xem liệu nàng có nói hay không, sau đó, anh ấy có tìm ra cái chìa không?

Thình lình hắn nhớ ra hắn không bắt buộc phải đã đến cuộc hẹn. Ở đây, người ta sẽ tán đông dài hươu vượn, sẽ nói đến những người họ quen, đến một ai đó ly hôn, một ai đó đang hay với một ả khác, đến quyển sách này, vở kịch nọ, bộ phim kia vừa mới ra. Những sách, phim và kịch ấy về sau cứ luôn lại cho thấy là vô vị như nhau hết trong con mắt hắn. Hoặc nữa, họ nói đến một cốt nào đó có một bài nói dối mới nào đó nhưng sự thật té ra là điều đã được nói không biết bao nhiêu lần, không đếm xuể. Luôn cứ là những vở cũ thôi. Nếu hắn có đến đó thì đó chỉ là vì hắn không chịu được nữa cảnh cô đơn, nhưng rồi sau đó, hắn cứ phải trở về cái gian phòng mất trật tự của hắn.

Cửa phòng mở chứ?

Mở, khi hắn đẩy cửa ra, hắn đã sừng sững trước những sách báo la liệt trên mặt đất. Lúc đó hắn trông thấy cái chìa khóa không có vòng đeo nằm ở rìa giá sách, gần cửa sổ. Nó bị phong bì một cái thư chờ gửi che đi, cái phong bì thì để ở trên đế cầy đen bàn làm việc. Thế là xoạc cẳng chân bước qua các đống sách, hắn nhào vào trong phòng.

Ta đã có ý đi đến núi Long Hồ để thăm cái thiên động, động lên trời của Đạo giáo kia, nhưng khi xe lửa qua Quý Khê, ta đã do dự bước xuống. Lối đi của cái toa ngọt ngào, muốn ra được cửa lên xuống phải len lách giữa các hành khách. Phải vờ mờ hồi nhiều phút đồng hồ để đi được tới đó. Ta may mắn tìm được một chỗ gần cửa sổ, ở giữa toa, và trên cái bàn con con trước mặt ta, một tách trà đặc đang ngấm. Khi tàu từ từ chuyển bánh rời khỏi ga, ta còn do dự.

Những cái xóc đã lấy lại tiết tấu đều đặn và trên bàn con các nắp tách lại bắt đầu kêu lanh canh. Một làn gió hơi man mát thổi vào mặt ta. Ta buồn ngủ nhưng không tài nào ngủ được. Những chuyến tàu qua lại đất nước này đầy chật người, ngày cũng như đêm. Ở bất cứ ga nào, người ta cũng chen nhau lên, chen nhau xuống. Mọi người vội vã mà chẳng biết vì sao. Ta không ngại sửa câu thơ của Lý Bạch: “Đi đường còn khó hơn lên trời.” Chỉ người nước ngoài có ngoại tệ và những người gọi là lãnh đạo đi lại bằng tiền Nhà nước ở trong các toa giường nằm là có thể hưởng đôi chút lạc thú của sự đi lại. Ta thì luôn phải tính xem có thể tiếp tục cuộc hành trình này bao nhiêu lâu nữa với cái số tiền ít ỏi còn lại với ta. Từ lâu, tiền nong của ta đã bốc hơi và ta sống bằng nợ trả dần. Biên tập viên hào hiệp của một nhà xuất bản đã ứng trước cho ta vài trăm nguyên nhuận bút của một quyển sách mà ta không biết có được xuất bản một ngày nào đó không. Ta cũng không biết ta sẽ viết nó nữa không nhưng ta đã tiêu mất nửa tiền ứng. Thật ra đó gần như là một tặng phẩm vì không ai có thể biết vài năm sau nữa ra sao. Tóm lại, ta cố hết sức mình tránh ở khách sạn và cố tìm ra những nơi trọ không mất tiền, nếu không thì càng rẻ càng tốt. Mặc dù thế, ta đã để lỡ dịp đi Quý Khê, trong khi một cô gái đã mời ta đến đó ở tại gia đình cô.

Ta đã gặp nàng trong khi chờ tàu ở bến. Hai bím tóc con con, hai má đỏ rục, vẻ linh hoạt và hai con mắt tinh nhanh, nàng có vẻ như được giữ nguyên vẹn cái sự hiếu kỳ đối với thế giới hỗn độn này. Ta hỏi nàng đi đâu, nàng đáp nàng đi Hoàng Thạch. Ở cái thành phố đầy bụi xám xịt,

không khí bị bão hòa vì khói đen kịt của những nhà máy thép ấy thì có cái thú vị gì để xem chứ nhỉ? Nàng đi thăm cô. Còn ta, ta đi đâu? Nàng hỏi lại ta câu đó. Ta nói ta không có mục đích rõ rệt, ta đi đó đi đây. Nàng mở to tướng đôi mắt ra rồi hỏi ta làm nghề gì. “Đầu cơ”, ta nói. Nàng cố nhin cười. Nàng không tin. Ta lại hỏi:

- Tôi có vẻ một gã bịp không?

Nàng lắc.

- Không chút nào.

- Theo cô, tôi có vẻ là gì?

- Em không biết nhưng muốn gì cũng không phải là kẻ bịp.

- Tốt, thế vậy thì tôi là một người lang thang.

- Những người lang thang cũng không xấu.

Nàng nói với một vẻ chắc tin trong giọng nói. Ta tán thành quan điểm của nàng:

- Nói chung người lang thang rất tốt. Thường những người nghiêm túc mới là kẻ bịp.

Nàng không giữ được bật cười, tựa như bị ai cù, đây là một cô gái vui tính.

Nàng nói có lẽ nàng cũng thích đi lang thang khắp nơi nhưng bố mẹ nàng không thích. Họ chỉ cho phép nàng đi thăm cô. Họ đã báo trước rằng hễ nàng tốt nghiệp là nàng lập tức phải đi làm, rằng đây là những ngày nghỉ hè cuối cùng của nàng, nàng cần phải tranh thủ cho tốt. Ta thấy thương cảm. Nàng thở dài:

- Thật ra em rất muốn đi Bắc Kinh. Tiếc là em không quen ai ở đấy mà bố mẹ thì không muốn em đến đấy một mình. Anh là ng Bắc Kinh?

- Nói tiếng Bắc Kinh không nhất định là người Bắc Kinh nhé. Tuy sống ở đấy nhưng tôi thấy cuộc sống ở đấy ngọt ngào.

- Kìa, tại sao vậy? Nàng hoàn toàn kinh ngạc.

- Người quá đông, sống quá chật. Hơi vô ý một tẹo là bị một người nào đó giẫm ngay phải gót.

Nàng bĩu môi. Ta lại hỏi nàng:

- Cô ở đâu?

- Ở Quý Khê.

- Chỗ có núi Long Hồ đấy phải không?

- Chỉ còn một quả núi hoang, chùa bị phá từ lâu rồi.

Ta nói chính là ta muốn tham quan quả núi hoang đó, nhưng nơi càng không người tới ta càng thích đến.

- Để bị được người khác? Nàng hỏi, nghịch ngợm.

Ta chỉ có thể cười mà đáp lại:

- Tôi muốn thành đạo sĩ Đạo giáo.

- Không có ai để tiếp cận anh đâu. Các sư ngày xưa đã bỏ đi hay là chết cả. Anh không thể trú ở đó. Tuy thế, phong cảnh ở đây rất đẹp. Chỉ cách huyện lỵ có hai mươi dặm, có thể đi bộ đến, em với bạn bè đã đến đấy chơi. Nếu anh thật muốn đến đó, anh có thể đến ở nhà em, bố mẹ em rất hiếu khách.

Nàng có vẻ nghiêm túc.

- Nhưng cô phải đi Hoàng Thạch mà bố mẹ cô thì không biết tôi.

- Khoảng mười ngày em sẽ trở về. Anh sẽ không lang thang nữa.

Khi hai người chuyện trò, phà cập bến.

Qua cửa xe lửa, ta thấy nổi lên xa gần ở chân trời những quả núi xám xám. Dãy Long Hồ chắc là ở đằng sau đó. Chắc những quả núi ấy là

Vách đá Cô tiên. Một giám đốc Viện bảo tàng, gặp trong chuyến đi, đã cho ta xem những bức ảnh của vách đá. Trong những hang khoét vào sườn vách đá, bên trên con sông, người ta đã phát hiện ra những quan tài treo, đây là quần thể mộ táng của nước Việt đại cổ, có từ thời Chiến quốc. Những người chĩnh lý đã tìm thấy một trống dẹt sơn thên và một cây đàn cổ bằng gỗ dài gần hai mét có mười ba dây, như các lỗ trên cán dài đã cho thấy. Nhưng cho dù đi đến núi Long Hồ ta cũng không nghe được tiếng trống từng từng của các ngư phủ cùng những hợp âm trong trẻo và mệnh mang của huyền cầm này.

Vách đá Cô tiên xa dần rồi khuất hẳn. Lúc xuống tàu, hai người chia tay nhau, trao đổi tên và địa chỉ.

Ta uống một tách trà. Cảm thấy nỗi nhớ tiếc chua chát sót lại. Có thể một ngày nào đó nàng đến gặp ta, và cũng có thể không. Cuộc gặp gỡ bèo nước này đã cho ta một niềm vui nhất định. Ta không thể đeo đuổi một cô gái ngây thơ chất phác như thế, đúng hơn là ta không thể yêu thật sự được một người đàn bà. Tình yêu, cái đó quá nặng, ta muốn sống nhẹ nhõm, vui vẻ, không phải gánh vác trách nhiệm. Hôn nhân và tất cả những phiền hà cùng oán giận của hôn nhân quá ư là mệt người. Ta trở thành ngày một xa cách, không ai còn có thể làm cho máu nóng của ta sôi lên. Ta nghĩ ta đã già, chỉ còn vài hứng thú không đáng coi là tò mò vậy mà cũng chẳng thiết tìm cách đạt tới kết thúc. Kết thúc ấy không khó hình dung ra, tựu chung đều là nặng nề cả. Ta thích la cà nơi này nơi kia, không để lại dấu vết. Trong thế giới bao la này có quá nhiều người, quá nhiều chốn đến như thế nhưng ta không có một chỗ nào cắm rễ, yên một cái tổ, gặp đặt hàng xóm đã gặp, nói đặt những lời đã nói, chào anh hoặc anh đi đâu đấy rồi lại rúc vào cái mớ bong bóng nhỏ mọn của cuộc đời thường ngày. Trước khi đi làm cho các cái đó thành ra bất di bất dịch, ta đã ớn ngán. Ta biết ta đã hết phương chữa trị rồi.

Ta cũng đã gặp một nữ tu Đạo giáo trẻ tuổi. Một vẻ tươi mát mang một dấu ấn trong trắng bát ngát toát ra từ khuôn mặt đẹp đoan trang với nước da trắng mịn, từ thân người vươn thẳng khoác chiếc áo dài rộng. Nàng để ta ở trong một buồng cho khách, tại một bên cánh cửa đạo quán; sàn nhà cũ kỹ để lộ ra màu gỗ ban đầu và những thớ gân. Gian phòng

thật sạch sẽ, chăn đệm trên giường tỏa ra một mùi vải vóc mới giặt hồ. Ta đã được ở như thế tại Thượng Thanh Cung.

Mỗi sáng, nàng đem cho ta một thau nước nóng để rửa ráy, pha cho ta một tách trà xanh và chuyện trò với ta. Tiếng nàng cũng dịu như trà mới hãm, nàng nói cười duyên dáng, tự nhiên. Tốt nghiệp trung học phổ thông, nàng tự nguyện xin thi làm đạo cô nhưng ta không dám hỏi tại sao nàng rời bỏ gia đình.

Trong nhà tu Đạo giáo này, một chục tiểu, gái và trai, đã được tuyển chọn, tất cả ít nhất đều có trình độ giáo dục trung học phổ thông. Vị chủ trì viện là một người cao lớn, giọng sáng, bước đi vững vàng, hơn tám mươi tuổi. Ông đã đi lại không tính đếm xuể trong nhiều năm để thương lượng với chính quyền địa phương và các cơ quan nhiều cấp khác nhau, và đã tập hợp lại nhiều đạo sĩ già mất hút trong núi để cuối cùng thành lập tu viện ở núi Thượng Thanh. Trẻ già, tất cả nói năng tự do thoải mái với ta. Và như người nữ tu nói: “Ai ai ở đây cũng yêu anh.” Nhưng nàng nói “ai ai” chứ không nói bản thân nàng.

Nàng bảo ta thích ở lại bao lâu thì ở. Nàng cũng nói Trương Đại Thiên họa sĩ nổi tiếng cũng đã sống ở đây nhiều năm. Ta đã xem một tượng Lão Tử bằng đá ông làm trong ngôi miếu Hiên Viên dành cho Phục Hi và Thần Nông bên cạnh miếu Thượng Thanh. Sau đó ta được biết các nhà thơ Đạo giáo nổi tiếng cổ xưa như Phan Trường Sinh đời Tấn, Đỗ Đình Quang đời Đường đã sống làm ẩn sĩ và viết các tác phẩm của mình ở nơi đây. Ta không là ẩn sĩ, ta còn muốn ăn ở bếp ăn của con người. Ta không thể nói được rằng ta ở lại đây vì ta yêu vẻ tự nhiên và đoan trang của người đàn bà này, ta chỉ nói ta yêu cái êm ả của tu viện nơi đây.

Khi ra khỏi phòng, ta đi vào gian sảnh lớn kiểu cổ, bày toàn những bàn bằng gỗ nam mộc, ghế bành có tay và bàn trà. Trên tường treo những bức thư họa, những hoành phi ở trên các đỉnh cột thực tế là những tranh khắc gỗ được bảo tồn lại. Nàng nói ta có thể đọc và viết ở đây, khi mệt ta có thể dạo chơi trong mảnh sân vuông con con đằng sau miếu. Ngoài sân những cây trắc bách diệp giữa cỏ xanh thăm thẳm, trên những hòn đá ở mặt ao chạy một làn rêu xanh nhạt. Sáng chiều, qua rèm gỗ chạm trổ ở các cửa sổ, ta nghe thấy tiếng nói cười của các đạo cô. Ở đây không phải

là cái không khí ngọt ngào vì nghiêm ngặt và cấm đoán của các tu viện Phật giáo, mà đúng hơn là một không khí thanh thoát và một mùi hương bao trùm.

Ta cũng yêu cái yên tĩnh và trang trọng của mảnh sân bên trong của ngôi miếu vào lúc hoàng hôn, khi những người dạo chơi đã tản đi hết. Ta đến ngồi lên ngưỡng cửa bằng đá ở chính giữa cổng lớn của ngôi miếu để ngắm bức tranh bằng sứ ghép một con gà trống. Trong phòng lễ, các câu đối tô điểm cho bốn cây cột ở chính giữa. Các câu đối ở ngoài thì đề như thế này:

“Từ Đạo sinh ra một, một sinh ra hai, hai sinh ra ba, ba sinh ra vạn vật”, “Con người theo các đạo của Đất, Đất theo các đạo của Trời, Trời theo các đạo của Đạo, Đạo theo cái đạo của chính nó.”

Đúng câu nhà thực vật học già nói với ta khi ở trong rừng nguyên thủy.

Còn các câu ở hàng cột trong:

“Nhìn mà không xem, nghe mà không tổng, người sẽ đạt tới hư không và thanh thoát, đẹp thay, hiếm thay, hiếm sao! Ở tại đây có ba vùng trời: trời ngọc, trời cao và trời cực đỉnh”.

“Năm lấy mở đầu, tìm ra chìa mở, tất cả rõ ràng, người sẽ phát hiện ra đạo trời, đạo đất, đạo người”.

Vị chủ trì giải thích cho ta nghĩa của các câu đối đó:

- Đạo là gốc của muôn loài, cũng là phép điều hành muôn loài. Chủ thể và khách thể tôn trọng lẫn nhau, thì hòa làm một. Cái gốc, là hiện hữu trong không-hiện hữu và không-hiện hữu trong hiện hữu, hai cái thống nhất thì vũ trụ quan và nhân sinh quan đạt tới một. Những người Đạo giáo lấy sự thanh tịnh làm nguyên tắc cơ bản, lấy vô vi làm thực thể, lấy tự nhiên làm cái sử dụng, lấy trường thọ làm chân lý nhưng trường thọ lại cần vắng cái tôi. Đây các nguyên tắc của Đạo giáo nói đại khái là như thế.

Trong khi ông nói với ta, con trai con gái đứng vây quanh. Một đạo cô trẻ còn quàng một cánh tay lên vai một chàng trai, đầy vẻ chăm chú thò

ngây. Ta không biết liệu ta có thể đạt tới trạng thái xóa đi cái tôi, yên bình và không dục vọng này không.

Một tối, cơm xong, trẻ già, trai gái quây quần trong sân miếu để thi thổi vào một con ếch bằng gõm to hơn con chó cho nó kêu lên. Người thì thổi vang lên được, người thì không. Không khí náo nhiệt một lúc lâu rồi họ giải tán để làm những việc buổi tối. Ta còn lại một mình, ngồi trên ngưỡng cửa, đắm đắm nhìn mái miếu không hề có một thứ trang trí đồ sộ và hãi hùng của những rồng, rắn, rùa và cá.

Những mái cong với đường nét thuần khiết nổi bật lên nền trời. Phía sau, rừng cây vươn vút, lặng lẽ đung đưa trong gió chiều. Một im lặng hoàn toàn dâng lên trong giây lát. Tuy vậy, vẫn có cảm giác nghe thấy một tiếng vi vu trong veo từ đâu đến không biết. Nó bình thản kéo dài rồi nhẹ nhàng biến đi. Ở cửa miếu, tiếng suối dưới cây cầu đá dâng lên, tiếng rì rào của gió đệm trong khoảnh khắc lúc đó hình như chảy ra từ chính tim ta.

Lần này khi trở lại, nàng cắt tóc ngắn.

- Tại sao em cắt tóc đi?

- Cắt hết quá khứ.

- Cắt có đứt không?

- Không đứt cũng phải đứt. Cứ làm như đứt được rồi.

Mi cười.

- Có gì mà cười? Rồi nàng dịu dàng nói tiếp. Em hơi tiếc đấy, anh có nhớ tóc em xưa đẹp như thế nào không?

- Thế này cũng rất hay. Thoải mái hơn. Em không phải cứ lấy miệng thối thối tóc em, thối là đủ làm cho người ta chán.

Lần này nàng cười.

- Thôi nói đến tóc em nhỉ, nói cái khác, đồng ý không?

- Cái khác nào?

- Về chìa khóa của anh. Anh không đánh mất à?

- Anh lại tìm thấy rồi. Lẽ ra có thể nói mất thì hà tất phải tìm làm gì.

- Cắt đứt là cắt đứt mà.

- Em nói tóc em ư? Anh thì nói đến cái chìa khóa.

- Em nói đến các kỷ niệm của em. Anh với em là một cặp trời sinh.

Nàng mím môi.

- Nhưng cứ bị thiếu hụt một chút xíu.

- Anh không dám bảo là em thiếu hụt hơn anh, anh nói là chúng ta luôn chỉ đi sạt bên nhau.

- Lần này chẳng là em đến hẳn hoi đấy ư?

- Lại đi ngay.

- Mà cũng có thể ở lại.

- Thế thì rất hay.

Tuy vậy mi cảm thấy bối rối.

- Anh ấy, anh chỉ nói không làm.

- Làm gì?

- Tình, trời ơi! Em biết anh cần cái gì mà.

- Tình yêu ư?

- Một người đàn bà. Anh cần một người đàn bà, nàng nói ngay thật.

- À thế, còn em? Mi nhìn đắm đắm vào mắt nàng.

- Cũng tương tự, em cần một người đàn ông.

Một ánh mắt thách thức thoáng qua trong mắt nàng.

- Một người, anh sợ không đủ với em.

Mi hơi hơi ngập ngừng.

- À, thế thì nói là em cần đàn ông.

Nàng còn dứt khoát hơn mi.

- Như thế đúng hơn.

Mi nhẹ nhõm người đi.

- Khi một người đàn bà và một người đàn ông ở cùng nhau...

- Thế giới không tồn tại nữa...

- ... Chỉ còn lại dục vọng.

Nàng nói hộ mi hết câu.

- Phục em thật rồi. Mi nói câu này từ đáy lòng. Nào, bây giờ thì một người đàn ông và một người đàn bà đang ở cùng với nhau.

- Thế thì lại một phen đi, nàng nói. Kéo mạnh đi.

- Em thích tối?

- Có thể quên mình đi.

- Em chẳng phải là đã quên hết cả rồi còn gì? Em vẫn còn sợ em à?

- Em ngán anh, anh ấy. Muốn nhưng không dám. Để em giúp anh vậy nào.

Nàng đứng ở trước mi, vuốt tóc mi. Mi vùi đầu vào ngực nàng khẽ thì thầm.

- Anh đi kéo cái mạnh.

- Đừng mất công.

Nàng lắc lắc người, cúi đầu xuống và kéo xẹt khóa quần gin. Mi nhìn thấy một cơn lốc ở vùng da thịt trắng mịn bị slip thít lại. Mi dán mặt vào đó, hôn lên mu êm êm của nàng. Nàng giữ tay mi:

- Đừng vội thế.

- Em tự làm lấy?

- Vâng, như thế chẳng kích thích hơn hay sao?

Nàng lột áo blu qua đầu, nàng lắc lắc đầu theo thói quen vì tóc nàng đã ngắn, việc đó không cần nữa. Nàng đứng trước mi, giữa những áo quần rải rác, trần truồng, dùm lông tơ cũng đen như tóc nàng sáng lên một ánh

chớp nhoáng. Chỉ còn chiếc nịt vú đầy căng trên người nàng. Nàng đưa tay lại đằng lưng, nói với mi bằng một giọng quở mắng, lông mày cau lại:

- Cả cái này anh cũng không biết làm hay sao?

Xao xuyến, mi không hiểu ngay nàng nói gì.

- Đỡ em một tí chứ!

Mi đứng ngay lên, ra đằng sau nàng và cởi móc.

- Tốt rồi. Bây giờ đến anh.

Nàng thở ra một cái khoan khoái rồi ra ngồi vào chiếc ghế bành ở trước mặt mi, không ngừng chăm chú nhìn mi, nụ cười cợt nhạo phảng phất trên môi.

Mi cúi kính những quần áo mi vừa cởi ra.

- Em là con quý!

- Không, nữ thần, nàng đỉnh chính.

Hoàn toàn trần truồng nhưng nàng vẫn tỏ ra nghiêm trang như thế, bất động chờ mi đến. Cuối cùng, nàng nhắm mắt lại, để cho mi hôn lên khắp người nàng. Mi thì thầm một cái gì.

- Không, đừng nói gì cả.

Nàng ghì chặt mi và lặng lẽ mi hòa vào trong người nàng.

Một nửa giờ hay có thể một giờ sau, nàng ngồi trên giường hỏi.

- Anh có cà phê chứ?

- Trên giá sách ấy.

Nàng rót đầy một tách lớn, rồi ngoáy thìa trong tách, nàng ngồi lên giường bên mi vừa uống một ngụm vừa quan sát mi.

- Có phải là tuyệt không?

Mi không nói gì hết. Nàng vừa uống vừa nhắm nhấp tựa như chẳng có hề gì xảy ra.

- Em là một người đàn bà lạ thật. Mi ngấm cái nhũ hoa trên hai vú nảy nở của nàng.

- Chẳng có gì lạ cả, tất cả đều rất tự nhiên. Anh cần tình yêu của một người đàn bà.

- Đừng nói với anh về tình yêu, về đàn bà. Em như thế với tất cả mọi người chứ?

- Chỉ cần là em thích một người và em thèm anh ta.

Cái giọng không mặng không nhạt của nàng làm mi nổi giận. Mi có ý muốn xúc phạm nàng nhưng mi chỉ nói:

- Điếm thế!

- Chẳng phải là anh muốn thế sao? Chẳng qua chỉ là không có đàn bà đến thuận tiện. Nếu cô ta nhìn thấy cả rồi thì tại sao cô ta lại phải do dự mà không hưởng thụ chứ? Anh còn gì nói không?

Nàng đặt tách xuống, quay lại phía mi hai núm vú to màu nâu rồi nói với một cái giọng thương cảm:

- Chú bé lớn xác tội nghiệp của em, anh không muốn lại bắt đầu nữa sao?

- Tại sao không?

Mi đi lại nàng.

- Muốn gì thì chắc anh cũng thỏa mãn rồi, nàng nói.

Mi muốn gật đầu thay vì nói nhưng mi cảm thấy lâng lâng buồn ngủ.

- Anh sẽ nói với em cái gì nào? Nàng van nài vào tai mi.

- Nói gì?
- Bất cứ cái gì.
- Nói đến cái chìa khóa?
- Nếu còn cái để nói.
- Ta có thể nói đến cái khóa kia...
- Em nghe đây.
- Chúng đã bị mất, thế đấy.
- Cái ấy anh nói rồi.
- Cuối cùng, hắn đã ra phố...
- Phố như thế nào?
- Phố đầy những người vội vã.
- Nói tiếp đi!
- Hắn ta hơi ngạc nhiên.
- Về cái gì?
- Hắn không hiểu tại sao mọi người lại bận bịu đến thế.
- Họ thích có cái vẻ bận bịu.
- Có phải là một bó buộc không?
- Nếu họ không bận bịu, có lẽ họ sẽ không giữ được cho họ khỏi bị đôi chút lo sợ.
- Đúng thế. Tất cả đều có ở trên mặt một biểu hiện kỳ lạ, tựa như đầy tâm sự trong bụng.
- Còn hết sức trang nghiêm nữa.

- Họ trang nghiêm vào các cửa hiệu, trang nghiêm ra khỏi đó, trang nghiêm đi một đôi dép lê trong nhà, trang nghiêm lấy ra ít tiền, trang nghiêm mua một que kem...

- Mà họ mút trang nghiêm...

- Đừng nói đến kem.

- Chính anh khơi ra.

- Đừng ngắt lời, anh nói đến đâu nhỉ?

- Nơi họ lấy tiền ra, trước một cái quầy nhỏ họ kỳ kèo giá cả, một cách trang nghiêm, họ còn làm cái gì trang nghiêm nữa đây?

- Họ đái ở trước chậu đái.

- Rồi sau đó?

- Các cửa hàng đóng cửa tất cả...

- Mọi người vội vã về nhà.

- Nhưng hần, hần chẳng vội về đâu hết, hình như hần có chỗ để về, cái mà thông thường người ta gọi là một mái ấm. Để có được cái chỗ đó, hần đã phải đấu với đám người phụ trách nhà đất.

- Dẫu sao hần cũng có một cái buồng kia.

- Nhưng hần không tìm ra chìa khóa.

- Cửa chẳng phải là vẫn để mở sao?

- Vấn đề là biết xem liệu hần có tuyệt đối phải về nhà không.

- Hần không thể thích ngủ đêm ở đâu thì ngủ ư?

- Như một cha cầu bơ cầu bất? Như một luồng gió bay đi tùy ý trong đêm của cái thành phố này?

- Hần sẽ nhảy đại lên một chuyến xe lửa và xe lửa đi đâu hần đi đấy!

- Hấn không bao giờ nghĩ rằng hấn sẽ đi đến cái nơi mà bụng hấn thích như thế, cứ xa mãi ra.

- Tìm một người đàn bà, bất kể ai, yêu cuồng điên vào.

- Yêu điên cuồng, cho đến kiệt quệ.

- Chết cũng bỏ.

- Đúng thế, gió chiều từ mọi nơi thổi tới, hấn đứng trên quảng trường trống vắng, hấn nghe thấy âm thanh buồn, khổ, hấn không thể nhận ra đó là tiếng gió hay tiếng của chính tim hấn, thành linh hấn có cảm giác mất hết mọi trách nhiệm, cảm thấy được giải phóng, cuối cùng hấn được tự do, cái tự do đó vốn đến từ chính hấn, hấn có thể làm lại tất cả từ đầu, như một đứa bé sơ sinh trần trụi rơi vào một chậu tắm, đứng trên đôi chân bé nhỏ kêu khóc tự nhiên cho thiên hạ nghe thấy tiếng nó, hấn muốn thỏa lòng khóc nhưng hấn nhận ra hấn chỉ có một thân xác trống rỗng bên trong, không kêu khóc được, lúc đó hấn bèn ngẩng nhìn cái thân xác của chính hấn, đứng giữa một quảng trường trống vắng mà chẳng biết đi đâu, hấn phải làm một tín hiệu, đập vào vai hấn, nói với hấn một câu pha trò nhưng hấn biết lúc ấy, chỉ cần người ta đụng vào hấn là hấn chết ngay.

- Như một người mộng du, hồn đã rời bỏ.

- Cuối cùng hấn hiểu ra rằng đau khổ của hấn chính là đến từ xác thân hấn.

- Anh có ý đánh thức hấn không?

- Sợ hấn không chịu nổi cái đó. Khi mi còn bé, mi nghe nói nếu đổ nước lạnh vào đầu một người mộng du, người ấy có cơ chết, mi ngập ngừng cứ giơ tay cao, mi không dám hạ tay xuống khẽ chạm vào vai hấn.

- Tại sao anh không nhẹ nhàng đánh thức hấn.

- Mi ở đằng sau hấn, mi đi theo cái xác hấn, hấn như còn muốn đi đến một nơi nào đó.

- Về nhà hăn? Vào phòng hăn chứ?

- Cái đó mi không chắc, mi cứ đành theo sau hăn, mi qua một đại lộ, vào một ngõ hẻm rồi ra, rồi lại đến một đại lộ, vào một ngõ hẻm khác, lại ra.

- Vẫn trở lại cái đại lộ ấy?

- Trời sắp sáng mất rồi.

- Kia, thế thì một lần nữa, lại một lần nữa đi nào...

Từ lâu ta đã mệt với các cuộc đấu tranh vô vị của cái cõi con người này. Ở mỗi cuộc thảo luận, mỗi cuộc luận chiến, mỗi bàn cãi, bất kể nó tên là gì, ta đều thấy mình ở vào chính giữa tầm ngắm, bị phán xét, bị mắng mỏ, bị lên án. Trong khi chờ bản nghị án, ta uổng công hy vọng một vài vị thần có thể trong cơn hào hiệp nổi dậy ở các vị sẽ can thiệp đảo ngược dòng chảy của sự vật cứu ta ra khỏi thảm cảnh này. Nhưng cuối cùng khi vị thần hiện ra thì nếu không trở cờ lật mặt ông lại quay mặt đi nhìn chỗ khác.

Mọi người rất thích tự coi mình là chủ nhân, người lãnh đạo, quan tòa, thầy thuốc, cố vấn, trọng tài, anh cả, cha cố nghe sám hối, nhà phê bình chính thức, người giám đốc ý thức, thủ trưởng, lãnh tụ của ta, bất cần ta có thật sự cần đến họ không, tất cả họ đều muốn là cứu tinh của ta, tay chân của ta (để đánh ta chứ không phải đánh nhau vì ta), bố mới mẹ mới của ta (vì bố mẹ thật đều đã chết), hoặc thậm chí nghiêm nhiên muốn thay thế cả tổ quốc của ta trong khi ta chẳng hiểu nó là cái gì hoặc ta có tổ quốc thật hay không, tóm lại đều cứ là đại biểu ta. Trái lại, các bạn, người bảo vệ, tất cả những ai thật sự bảo vệ ta đều rơi vào cùng một tình cảnh như ta; đấy, số phận ta nó như thế.

Vả chẳng, không thể còn đóng vai người anh hùng bị thảm thất bại trong cuộc kháng cự chống lại số phận nữa, tuy ta hết sức kính trọng những dũng sĩ không bao giờ sợ thất bại, như Hình Thiên, người anh hùng dã sử đã nhặt cái đầu bị chặt đứt của mình lên tiếp tục chiến đấu. Nhưng, ta chỉ có thể nhìn họ từ xa mà gửi đến họ những lời chia buồn câm lặng.

Ta cũng không thể sống ẩn. Ta không hiểu vì sao ta đã vội vã từ biệt miếu Thượng Thanh; có phải vì ta không chịu được cái “vô vi” trong sự thanh thoát kia nữa chăng? Có phải vì ta không đủ kiên nhẫn đọc những bản khắc gỗ của hàng nghìn tập Đạo tàng, Kinh lễ Đạo giáo một ẩn phẩm đời Minh mà may thay, đã không bị đốt cháy nhờ sự can thiệp của

mấy vị thầy tu già? Có phải vì ta lười thăm hỏi về cuộc đời của các cụ già từng nếm cả nghìn vạn gian nan kia chẳng? Hay ta cũng sợ thăm dò các bí mật nội tâm của các đạo cô trẻ kia nữa? Có phải là để không hủy hoại hoàn toàn các năng lực tinh thần của ta? Rút cục ta chẳng qua chỉ là một người thẩm mỹ đơn thuần.

Trên đường đi Tây Tạng, ở độ cao hơn bốn nghìn mét so với mặt biển, ta đã sưởi ấm cùng với kíp công nhân cầu đường. Họ sống trong một ngôi nhà đá, bên trong khói ám đen kịt. Chung quanh chỉ toàn núi cao tuyết và băng phủ trắng. Trên đường, một xe khách đến, một nhóm người rất náo nhiệt bước xuống, người đeo xách lưng, người cầm những búa sắt nhỏ, người thì cặp cặp ba dây đầy mẫu vật: sinh viên thực tập. Họ thò đầu qua cửa sổ của gian phòng đen nhẻm và bị hun khói nhưng chỉ có cô gái cầm dù đỏ bước vào. Bên ngoài những bông tuyết phấp phới.

Chắc nghĩ ta là một công nhân cầu đường, nàng hỏi xin nước. Ta múc cho nàng một muôi nước từ cái nồi đen kịt bồ hóng treo trên bếp lò. Nàng kêu lên một tiếng bồng miêng. Ta xin lỗi. Đến bên bếp lửa, nhìn ta, nàng hỏi:

- Anh không phải người ở đây, anh ấy?

Gương mặt nàng ửng trong khăn quàng, má đỏ lên vì rét. Từ ngày ta ở trong các dãy núi đây, chưa bao giờ nhìn thấy cô gái nào đẹp rực rỡ đến như thế này. Ta muốn trêu chọc nàng.

- Cô tưởng người miền núi không biết xin lỗi sao?

Nàng càng đỏ mặt lên.

- Anh cũng đi thực tập?

Ta không tiện nói rằng ta có thể là giáo sư của nàng.

- Tôi đến đây chụp ảnh.

- Anh là nhà nhiếp ảnh?

- Thì coi là thế đi.

- Bọn em vừa thu thập được các mẫu đấy. Ở đây phong cảnh thật là tuyệt! Nàng kêu lên.

- Rất đúng.

Rút cục ta đúng là một nhà thẩm mỹ học. Không thể nào không động lòng trước một cô gái đẹp đến thế này.

- Tôi chụp một bức ảnh cô được không?

- Với ô xòe ra thế này á? Nàng lập tức đáp lời, quay quay cái dù đỏ nhỏ xinh.

- Phim đen trắng đấy.

Ta không giải thích rằng đúng ta ra dùng phim của những người chuyên nghiệp.

- Không sao, ảnh nghệ thuật thật sự chỉ dùng phim đen trắng thôi mà.

Nàng có vẻ am hiểu.

Nàng đi ra cùng ta. Những bông tuyết nhỏ chập chờn bay trong không. Nàng giơ dù lên che gió.

Tuy đã vào xuân tháng Năm nhưng tuyết bên sườn núi này vẫn chưa tan hẳn. Ở những vạt đất còn lại, giữa tàn tuyết, khắp nơi mọc đầy những bông hoa đỏ tím nho nhỏ hình chuông của cỏ mũ nữ hoàng và đôi khi những tím orpin đỏ; dưới các tảng đá trọc, các cây nam mộc vươn ra các thân cây xanh có lớp lông măng với những bông hoa vàng khỏe khoắn nở tung.

- Cô đứng vào kia, ta hạ lệnh.

Phía sau, núi phủ tuyết lấp lánh ban sáng rõ hình thù nay chỉ còn là hư ảnh trong màn bông tuyết xám xám.

- Tốt, thế này nhá?

Nàng nghiêng đầu, làm điệu. Gió càng thêm dữ dội, dù cửa nàng chao đi.

Như thế này, càng cố cưỡng lại gió, trông nàng càng hay hơn.

Phía trước dòng suối nhỏ bị băng giam giữ đang chảy. Trên bờ, những bông hoa nở to, sum suê khác thường.

Ta chỉ con suối gọi to:

- Lại đằng kia!

Nàng chạy, giành nhau với gió núi chiếc dù. Ta để ống kính zoom tiêu cự thay đổi. Gặp hơi thở của nàng, các bông tuyết hóa thành sương móc. Trên khăn quàng phu la, trên tóc nàng lấp lánh những giọt nước. Ta vẫy ra hiệu với nàng.

- Xong chứ? Nàng kêu to trong gió.

Những viên ngọc bằng nước sáng lên trên lông mày nàng. Nàng thật hoàn mỹ.

Buồn thay, hết phim.

- Anh có gửi cho em các ảnh này được không? Nàng hỏi, đầy hy vọng.

- Nếu cô để cho tôi địa chỉ.

Nàng nhào vào xe rồi đưa qua cửa sổ cho ta một tờ giấy xé trong sổ tay trên đó nàng viết tên nàng và một phố nào đó ở Thành Đô. Nàng kêu to rằng ta sẽ được hoan nghênh rồi hoa hoa tay chào ta.

Sau này, qua Thành Đô, ta đã đến phố cổ đó. Ta nhớ số, đã đi qua cửa nhưng ta không dừng lại. Và cũng không gửi ảnh cho nàng. Khi ta cho tráng rửa hết phim của ta, ta chỉ cho in rất ít ảnh, chỉ những cái có thể có ích lợi nào đó cho ta thôi. Ta không biết liệu có ngày nào ta cho phóng to chúng và không biết liệu ở trên giấy cô gái có luôn làm cho ta xao xuyến không đây.

Trên Hoàng Cương, mồm chính của núi Vũ Di, ta đã chụp ảnh cây tùng lạc diệp trơ trụi giữa một rừng thông ở rìa những đồng cỏ. Đến lưng chừng, thân cây chia làm hai cành gần như sang ngang, tựa một con cắt khổng lồ đang giang cánh lấy đà bay. Giữa đôi cánh, một cành khác khiến ta nghĩ đó là cái đầu chim cúi xuống, mắt chăm chăm nhìn phía dưới.

Thiên nhiên tạo hóa thật kỳ diệu. Không chỉ cho hiện ra cái đẹp đàn bà tinh vi, sinh động và biến hóa như thế mà lại cũng là ra cả cái tà cái ác. Ở phía Nam khu bảo tồn tự nhiên của cũng những dãy núi Vũ Di này, ta đã thấy một cây tùng torrey Trung Quốc mệnh mang và lụ khụ, hoàn toàn trống rỗng, những con trăn gió có thể làm tổ ở bên trong. Từ thân cây một màu đen kim loại vươn chéo lên vài cành mà trên đó run rẩy những chiếc lá nhỏ màu xanh thẫm. Vào lúc xế tà, khi thung lũng bị bóng chiều bao phủ, nó dựng thẳng lên ở giữa những đợt sóng tre trúc xanh non vẫn còn được chiếu sáng. Các cành gãy của nó, đen và mục, xò ra mọi hướng như những hung thủ. Bức ảnh này ta đã in, mỗi lần xem nó, ta lại chìm vào một nỗi buồn sâu sắc, ta không thể nhìn nó lâu. Ta nhận ra rằng nó đã khơi dậy bằng giá trong lòng ta, ta biết nó đang vén lộ ra khía cạnh thâm sâu u ám của tâm hồn, những cái làm cho chính bản thân ta kinh sợ. Muốn gì, trước cái xấu và cái đẹp, ta chỉ biết lùi.

Trong núi Võ Đang, chắc ta đã được gặp một lão sư phụ cuối cùng của Đạo giáo thuộc phái Một Chân Chính, một hóa thân của cái tà cái ác kia. Ta đã đến tìm hiểu về ông ở nơi gọi là Cổ Doanh. Bên kia bức tường che chắn cho các bia dành cho một hoàng đế nhà Minh và bị chiến tranh phá hoại, người đạo cô già sống trong nửa gian xiêu vẹo. Ta đã hỏi bà về thời kỳ tốt lành mà ngôi miếu còn thịnh vượng và sau đó nói tới chính tông của Đạo giáo. Bà cho ta biết chỉ còn lại một lão sư phụ của phái Một Chân chính, ông hơn tám mươi tuổi rồi và không bao giờ hạ sơn. Cả năm ông ở trong miếu Mái Vàng, chẳng ai dám làm cho ông nhúc nhích.

Từ sáng sớm ta đã đáp chuyến xe lửa đầu tiên tới Nam Nhai rồi băng qua con đường ngang sườn núi ta lên miếu Mái Vàng vào quá trưa. Trên đỉnh, trời mây và lạnh, không có một người nào dạo chơi. Ta đi trong một mê cung những hành lang vắng ngắt. Các lối ra đều đóng, trừ một cửa nặng nề có đóng đinh ốc thì hé mở. ta đã phải lấy hết sức lực đẩy nó ra.

Ông già râu tóc bù xù đứng lên gần lò sưởi. Rất cao và khỏe, mặt đen, vẻ dữ tợn, ông thô lỗ hỏi ta:

- Anh làm gì ở đây?
- Xin lỗi, cụ chủ trì nơi đây? Ta hỏi, hết sức lễ phép.
- Ở đây không có chủ trì!
- Tôi biết tu viện này vẫn chưa hoạt động lại nhưng phải chăng cụ là đạo trưởng trước kia ở nơi này?
- Ở đây không có đạo trưởng!
- Như thế xin cụ tha lỗi, cụ có phải là đạo sĩ không?
- Nếu thế thì sao?

Ông chau đôi mày hoa râm rồi bù lại.

- Xin cụ tha lỗi, cụ là ở phái Một Chân chính phải không ạ? Tôi nghe nói ở miếu này chỉ còn có, chỉ còn lại một...

- Tôi chẳng cần biết phái nào với phái nào!

Chẳng chờ ta nói xong, ông đã đẩy ta ra và đóng cửa.

- Tôi là nhà báo, ta vội giải thích. Hiện nay, chính phủ nói phải làm đúng chính sách mới đối với tôn giáo, liệu tôi có thể giúp cụ phản ánh tình hình của cụ được không?

- Tôi chẳng biết nhà báo với lại chẳng nhà báo!

Và ông ta đóng sầm cửa lại.

Sau đó ta nhìn thấy có một bà già và một cô gái đang ngồi ở gần bếp lò, có lẽ họ là người trong gia đình ông. Ta biết các nhà đạo sĩ thuộc phái Một Chân chính có thể lấy vợ, nuôi con và thậm chí thực hành thuật phòng the. Ta không thể ngăn mình nghĩ về ông một cách ác độc. Với đôi mắt mở to thao láo dưới hàng lông mày rối, tiếng nói vang và thô cần, chắc là ông mê nghệ thuật đánh đấm lăm. Không ai dám đến tiếp xúc với

ông từ lâu thì cũng chẳng có gì là lạ. Ta chắc sẽ chẳng được gì hơn nữa nếu lại đấm cửa nhà ông. Theo lối mòn được một dây xích che chắn men theo một vách đá, ta lên với miếu Mái Vàng, mái làm hoàn toàn bằng đồng đỏ.

Gió gào thét mang những giọt mưa. Khi ta trở xuống, một người đàn bà trung niên, hai bàn tay rộng, hai bàn chân to đang chấp tay khấn cầu trước tòa miếu đóng im ỉm. Bà ăn mặc như nông dân, nhưng thái độ thì để lộ cho thấy cái chất đàn bà quen đi giang hồ. Ta lảng ra vờ ngắm cảnh, tựa vào lan can sắt chót cứng vào các cột. Gió gào rú uốn cong lại các cây thông con mọc vào các khe đá, mây lướt trên đường mòn, cho thấy rừng sâu tối thấp thoáng từng chỗ như biển trải dài vào thung lũng.

Ta quay lại để liếc nhìn. Bà đứng ở sau ta, hai chân xoạc, mắt nhắm, không một biểu hiện. Những người này có thể giới của họ, một thế giới khép kín, mà ta không bao giờ có thể lọt vào. Họ có cách tồn tại và tự vệ riêng của họ, một thế giới khép kín vì vu bên ngoài cái được gọi là xã hội. Muốn gì ta cũng chỉ có thể quay về sống mọt trong cái mà người ta quen gọi là cuộc sống bình thường, không có lối thoát nào khác, cái đó chắc cũng là nỗi bi ai của ta.

Ta lại trở xuống bằng đường mòn tới một bãi đất phẳng có một quán ăn còn mở. Bên trong không còn khách, vài người phục vụ với áo blu trắng đang ăn. Ta không vào.

Bên sườn núi, một quả chuông đồng lớn cỡ một người bị đổ kèn ra đất. Ta đưa tay gõ nhưng không phát ra một âm thanh nào. Chắc ở đây phải có một tòa miếu nhưng hiện nay, tít tắp chỉ là cỏ dại bị uốn rạp. Ta đổ dốc cho tới khi thấy con đường mòn rải đá dựng đứng dẫn tới chân núi.

Không thể chậm chân lại. Bà đã kéo đi, trong cả chục phút, ta đã đến một lũng nhỏ sâu và êm ả. Cây dựng hai bên bậc đá che khuất trời. Tiếng gió nhạt đi và ta thoáng cảm thấy hơi nước trên mặt, chắc là đến từ những đám mây mắc vào các đỉnh núi. Rừng mỗi lúc một dày. Ta không biết có phải đó là cái rừng ta nhìn thấy qua sương mù từ trên miếu Mái Vàng hay không, ta cũng chẳng nhớ đã mượn con đường này lúc lên không nữa. Khi

quay lại, nhìn thấy vô số các bậc đá, ta không có can đảm lại leo các bậc này để tìm ra lại con đường của ta. Thôi thì cứ tiếp tục xuống.

Những tấm đá lát ngày càng bị hư hỏng, lối đi lên lúc này được bảo dưỡng tốt hơn. Nhận ra ta đã đi sang phía bên kia của quả núi, ta thả cho mình xuống theo nhịp chân. Khi giờ cáo chung của mình đã đến, chắc con người ta cũng để cho hồn của mình đi xuống địa ngục mà không kìm giữ tốc độ như thế này đây.

Lúc đầu ta còn ngập ngừng, thỉnh thoảng ta quay lại nhưng sau đó, bị cảnh tượng địa ngục mê hoặc, ta thôi suy nghĩ. Ở hai bên đường mòn, các chỏm tròn xoe của các cây cột đá nom giống các cái đầu hói trọc. Dưới đáy sâu của lưng nhỏ có vẻ còn ẩm ướt hơn, những cây cột xô ngã mọi hướng, những tảng đá bị xói mòn gặm nhấm giống như các đầu người chết đặt ở hai hàng cột. Ta sợ rằng lão đạo sĩ đã phù phép cho ta bị lạc vì cái tâm không trong sạch của ta. Nỗi kinh hoàng thành linh dâng lên trong ta, một kinh hoàng làm cho tâm trí ta hoảng loạn.

Sương mù cuộn cuộn đã giam ta lại trong những tấm lưới của nó, rừng tối âm thầm đi. Bây giờ các bậc và cột đá ẩm ướt nom giống các xác chết. Ta đi giữa những đống xương trắng nhờ nhờ. Chân ta không nghe theo trí não ta nữa, chúng kéo ta đến những vực thẳm của cái chết, không thể cưỡng lại. Mồ hôi chảy dọc sống lưng.

Ta phải tuyệt đối tự kiểm chế và hết sức gấp gáp ra khỏi quả núi này. Bất chấp các bụi cây phủ nền rừng, ta tranh thủ một chỗ đường mòn rẽ để lao vào đấy và bấu vào một thân cây để hãm đà chạy của ta lại. Tay ta, mặt ta nóng bừng, hình như máu chảy trên má ta. Ngẩng đầu, ta thấy trên cành cây một con mắt tròn xoe trừng trừng nhìn ta. Ta nom tứ phía, đâu đâu cũng những cành cây mở to mắt lạnh lùng quan sát.

Ta phải bình tĩnh lại, dẫu sao chỉ là một rừng cây sơn. Người miền núi cắt cây lấy sơn đã để lại vết cắt trên thân cây. Chúng mọc lên như thế này, tạo nên cảnh tượng địa ngục này. Ta cũng có thể nói đây chỉ là ảo giác do sự sợ hãi trong người ta gây ra; tâm hồn đen tối của ta dò xét ta, những con mắt hàng hà kia thực tế là ta đang quan sát ta. Ta luôn có

cảm giác bị dò thám, điều đó không ngừng làm cho các vận động của ta ngưng vướng. Thật ra đó chỉ là nỗi sợ của ta đối với chính bản thân ta.

Ta quay lại trên đường núi. Mù nặng hạt đã lại tiếp tục. Các bậc đá đầm nước. Chẳng nhìn thấy gì hết, ta đi xuống hú hợa.

Một khi nỗi lo sợ đầu tiên về cái chết đã qua đi, một khi nỗi lo sợ ấy của mi đã tiêu tan và sự náo loạn của mi đã yên ắng, mi còn phải trả cho trạng thái u u minh minh. Lạc trong rừng nguyên thủy, mi lang thang dưới các cây chết, trơ trụi, sắp đổ rụi. Mi quay đi quay lại hồi lâu quanh cái đỉnh ba kỳ dị hình như đang chỉ cho mi vòm trời âm thầm, mi không dám ra xa xa khỏi cái điểm mốc duy nhất ấy, cái dấu hiệu cuối cùng mà mi nhớ được.

Nhưng mi không muốn như một con cá ra khỏi nước dạt mắc vào cái đỉnh ba ấy: tốt nhất là vút bỏ cái ràng buộc cuối cùng nối mi với thế giới chứ đừng cố sức tập hợp lại các kỷ niệm của mi. Mi có thể bị lạc xa hơn nữa nhưng mi muốn giữ cho mi một cơ may sống sót cuối cùng. Điều này hoàn toàn có thể hiểu được.

Ở bìa rừng, mi đi tới bờ vực và mi thấy mình đứng trước một thế tiến lui đều khó: hoặc quay trở vào rừng sâu hoặc nhào xuống vực. Ở phía sườn núi sắp bsong, trải dài ra một đồng cỏ rải rác những vệt thẫm màu, bóng các cái cây vể xuống. Đây đó nổi lên những tảng đá trơ trụi, sẫm sì và dựng đứng. Mi không hiểu tại sao mi lại cảm thấy bị dòng nước vọt thẳng ra từ đáy vực kia lôi cuốn, nhưng mi không nghĩ ngợi nữa mà đổ dốc, thoạt đầu là những sỏi chân lớn rồi sau đó thì chạy.

Mi biết mi đang lìa bỏ cái thế giới đầy những dằn vặt nhưng ít nhiều lại có hơi ấm con người này nhưng kỷ niệm xa vời lại cứ luôn ngáng cản mi. Mi thốt lên một tiếng rú bản năng và lao vào dòng sông Quên lú. Mi rú lên, mi chạy, một tiếng gầm của niềm vui thú vật vọt ra từ người mi. Ra đời, mi đã thốt ra một tiếng kêu to, không một vương cản nào, nhưng sau này mi đã bị mọi thứ quy tắc, lễ nghi và nguyên tắc giáo dục chặn lại. Cuối cùng mi đã có cái hạnh phúc được tự do kêu. Đáng lạ là mi không nghe thấy tiếng của mi. Mi chạy, tay dang rộng, hú lên, hỗn hển, phì phò và không nghe thấy một âm thanh nào hết. Mi chỉ nhận thấy con suối mãnh liệt mà không biết nó từ đâu đến, nó chảy đi đâu. Mi có cảm

giác bỗng bênh trên không, hòa tan mi trong sương mù, mi không trọng lượng, mi cảm thấy một sự rời thoát mà mi chưa từng bao giờ nếm trải. Tuy vậy, trong đáy sâu của mi vẫn dai dẳng một nỗi sợ mơ hồ, không nguyên nhân rõ rệt, nhiều hơn có lẽ là sự bi thương.

Mi có cảm giác bay lượn, xẻ ra làm đôi, mất hình hài để hòa tan mi vào trong quang cảnh; hoàn toàn thanh thoát, bỗng bênh giữa vực thẳm, mi không ngừng gạt ra khỏi đường đi của mi các cành cây khép lại ở đằng sau. Đổ dốc thẳng băng xuống núi thật mệt nhoài. Mi cần bình tâm lại.

Một phờ, mi đứng lại để lấy hơi thở. Mi nghe thấy tiếng sông rì rầm. Mi gần nó vì mi nghe thấy tiếng chảy. Những giọt nước bắn tóe ra, lóng lánh như thủy ngân. Con sông nín bật; mi chỉ còn nghe thấy tiếng cọ xát của vô vàn các hòn cuội nhỏ nhỏ mà con sông đảo lật. Chưa bao giờ mi nghe được rõ rệt âm thanh của một dòng sông như thế này. Càng nghe mi càng đoán ra các ánh phản quang.

Mi có cảm giác đi trên mặt nước, vì mi đã giẫm vào cỏ nước. Mi ngập sâu vào giữa dòng sông Quên lú, cỏ nước ôm quấn lấy mi như những lo toan phiền não của cuộc đời. Lúc đó nỗi tuyệt vọng là bỏ mi hoàn toàn và mi dò dẫm đi trên bờ nước. Mi giẫm vào các hòn cuội mà mi quặp lấy bằng các ngón chân. Nó tựa như mi đi trong mơ ở giữa con sông đen địa ngục; một ánh sáng xanh đen lóe lên ở nơi các giọt nước bắn tóe. Mi ngạc nhiên, nhưng cái ngạc nhiên này giấu đi một niềm vui lờ mờ.

Sau đó tai mi nghe thấy tiếng thở nặng nhọc. Mi ngửi tiếng đó đến từ sông nhưng dần dần mi nhận ra những người đàn bà chết đuối. Họ khóc ai oán, rên rỉ, lần lượt đi ngang qua, tóc rũ rượi, mặt như sáp tái nhợt. Trong các hốc sông, giữa những rễ cây ngâm trong nước vang lên những tiếng sóng đập từng nhát thê lương. Thân thể một cô gái tự tử xuôi dòng nước, tóc lòa xòa. Dòng sông chảy giữa khu rừng đen tối như mực tạo thành một tấm màn che kín mít trước bầu trời và mặt trời; những người đàn bà chết đuối chạm quệt vào mi và thở dài, mi chẳng thiết bỏ trốn.

Mi biết mi đi lan man trong Âm ty Xứ chết, cuộc đời mi không còn ở trong tay mi, mi tiếp tục thở chỉ là vì một lúc kinh ngạc, cuộc đời mi đã bị

treo lên ở giữa trước và sau nổi kinh ngạc đó. Nếu mà mi trượt, nếu các hòn sỏi mi quặp không đè nặng lên đáy nước thì mi sẽ chìm ngấm trong con sông ma quái, như những xác chết thối dài đang trôi thả theo dòng kia. Không có nhiều hướng hơn đâu, đừng để ý đến chuyện đó, hãy cứ đi lên và thế là hết. Chỉ còn lại tấm lưới yên tĩnh của con sông, nước đen như cái chết, lá cây chạm vào mặt nước, dòng nước chảy thành những nếp cuốn xếp dài tựa da các con sói chết, ở giữa con sông Quên lú.

Mi cũng chẳng khác lang sói mấy, đã gây ra khá nhiều tai họa, mi sẽ bị các con sói khác cắn chết, không lý do. Trong dòng sông Quên lú, tất cả các bình đẳng, nơi đến cuối cùng của người và sói luôn là cái chết.

Phát hiện này gọi ra cho mi một niềm vui nhất định, một niềm vui khiến mi muốn kêu lên nhưng họng mi không phát được âm thanh nào, tiếng động duy nhất mi nghe thấy là những nhát vỗ đập âm âm của nước vào các hốc bên dưới những rễ cây.

Nhưng hốc này ở đâu ra? Nước không giới hạn, không sâu nhưng trải ra vô tận. Có câu nói biển khổ không bờ, thì chính mi đang nổi trôi trong biển khổ đó.

Mi nhận ra một dãy dài các bóng lộn ngược những người đang hát những bài đưa ma, những bài không thật sự buồn nghe như còn nhuốm cả hài hước, sống cũng vui mà chết cũng vui; đó thật ra chỉ là kỷ niệm của mi. Trong các hình ảnh từ sâu thẳm hồi ức mi trở lại có cái nào về một nhóm người tụng kinh này không nhỉ? Nếu mi nghe gần hơn nữa, những bài hát ấy lại hình như dâng lên từ dưới rêu, lớp rêu dày và mềm mại lún xuống dưới những bước chân. Mi nhấc rêu lên để xem bên dưới. Những con bọ nhung nhúc chạy trốn về mọi ngả. Một cảm giác muốn nôn ọe lạ kỳ nổi lên trong mi. Mi hiểu đó là những con bọ ăn những cái xác thối rữa. Mi cũng thế, một ngày nào đó sớm muộn, người mi cũng bị ăn rỗng, cái điều thật sự chẳng có gì là tốt đẹp tất cả.

Ta cùng hai người bạn đã dạo chơi ba ngày ở cái xứ sông nước này. Tùy hứng, ta đi bộ hàng chục dặm, ngồi nhờ xe, đạp tàu thủy. Ta đến cái thành phố này hoàn toàn do tình cờ.

Người bạn mới của ta là luật sư. Anh biết tường tận các giới quan chức, các điều kiện sống và phong tục địa phương. Anh cùng đi với một người bạn, một phụ nữ trẻ có giọng nói dịu dàng của người Tô Châu. Ta không thể tìm ra những hướng dẫn viên nào tốt hơn họ. Trong mắt họ, một kẻ lang thang như ta đã hóa ra một trang quân tử. Họ cho rằng đi cùng với ta là một thú tiêu khiển tuyệt vời. Họ, từng người, đều có những nghĩa vụ gia đình riêng nhưng anh bạn ta thích nhắc đi nhắc lại câu này: "Thoạt đầu kỳ thú con người tự do như chim, vậy có sao không tìm kiếm lấy chút lạc thú chứ nhỉ?"

Anh mới là luật sư hai năm nay. Khi người ta khôi phục cái nghề từng bị ruồng bỏ hoàn toàn này, anh đã thi đỗ để trở thành luật sư và xin từ nhiệm công việc của mình, bị một thèm khát duy nhất khuấy động: mở phòng luật riêng của anh. Anh ưa giải thích rằng nghề của anh nó cũng giống như nghề của nhà văn, một nghề tự do, cho phép bảo vệ người mà mình muốn trong khi vẫn giữ được độc lập của mình. Khổ thay, anh lại không thể làm được gì hết cho ta nhưng anh nói rằng, một ngày nào đó, khi chế độ pháp quyền được cải thiện, ta nhất định phải đến gặp anh nếu như ta có chuyện với pháp luật. Ta bảo anh rằng thật ra ta chẳng có chuyện gì dính đến pháp luật vì thứ nhất, ta không mắc mưu về tiền nong, thứ hai, ta không đụng đến một sợi tóc của ai, thứ ba, ta không vu cáo một người nào bao giờ, thứ tư, ta không ăn cắp lẫn lừa đảo, thứ năm, không bao giờ mua bán ma túy và thứ sáu, không bao giờ hãm hiếp phụ nữ. Về phía ta, ta chẳng có gì để khởi tố, nhưng nếu người ta buộc ta phải làm thì chắc chắn ta thua. Anh xua xua tay nói: anh biết, dĩ nhiên, nhân tiện thì nói qua thế thôi.

- Chớ nên hứa viển vông, bạn gái anh nói.

Anh nheo mắt nhìn chị rồi quay sang ta:

- Anh có thấy cô ấy đặc biệt đẹp không?

- Đừng nghe anh ấy nói, chị bảo, anh ấy đều nói về tất cả các bạn gái của anh ấy như vậy mà...

- Bảo em đẹp thì ở chỗ nào?

Chị giơ tay lên vờ đánh anh.

Hai người mời ta ăn tối trong một hàng ăn trông ra phố. Cuối bữa đã hơn mười giờ, bốn người trẻ tuổi đi vào, mỗi người gọi một bát to tương rượu trắng và các món ăn để đầy bàn. Họ có vẻ muốn uống tới nửa đêm.

Trong phố các hàng ăn nhỏ, các cửa hiệu còn mở cửa sáng lên ánh đèn. Vào lúc hết ngày này, việc cấp bách là kiếm một khách sạn sạch sẽ để tắm rửa, pha một ấm trà để giải mệt, thư giãn rồi ngồi trong ghế bành hay nằm trên giường tán chuyện.

Hôm đầu tiên, cả bọn vào một làng cổ còn giữ được các ngôi nhà từ đời Minh; ngắm xem các sân khấu kịch cổ, tìm được ngôi miếu cổ rồi chụp ảnh vòm cổng, dò đọc các bia cổ, thăm các cụ già đáng kính. Tụi ta cũng vào các miếu vừa mới xây hay mới tu sửa bằng tiền quyên được từ các làng mạc, ở đấy họ xem thẻ cho tụi ta. Tối, tụi ta ngủ trong một ngôi nhà mới ở rìa làng. Chủ nhân, một người lính già phục viên, đã mời tụi ta. Sau bữa ăn, ông ngồi, kể lại những việc làm dũng cảm của mình trong lần trấn áp một bọn cướp và cả những chuyện cướp ngày xưa sống ở vùng này. Cuối cùng, thấy tụi ta mệt, ông cho tụi ta nằm trên sàn thô rải rơm mới, cho mượn vài cái chăn, dặn tụi ta cẩn thận lửa đóm nếu thắp đèn dầu. Tụi ta chẳng có đèn mà thắp vì ông đã lại đem nó xuống dưới nhà. Hai bạn ta tiếp tục chuyện trò trong đêm tối còn ta mau chóng thiếp vào giấc ngủ.

Đêm sau, đi dưới trời sao, tụi ta đến một thị trấn và gõ cửa một quán trọ. Một ông già ngồi trự, không có một người khách nào. Các cửa buồng đều mở, tụi ta chọn lấy cho mình mỗi người một buồng. Anh bạn lật

sư đến buồng ta tán gẫu, rồi đến lượt bạn gái anh cũng nói ở một mình thì sợ. Chị trườn vào các tấm chăn của chiếc giường không người nghe anh bạn và ta nói.

Anh biết cả một loạt những chuyện dị thường, rất khác với những người lính phục viên. Công việc luật sư cho phép anh đọc mọi thứ hồ sơ, lời khai và biên bản. Anh lại có thể tiếp xúc trực tiếp với các phạm nhân hình sự, miêu tả họ rất sống, nhất là những người dính líu vào các vụ tội phạm tính dục. Bạn gái, thu lu như con mèo trong chăn không ngừng hỏi: “Thật ư?”

- Chắc chắn là thật chứ. Anh còn hỏi cung cả nhiều thủ phạm. Cách đây hai năm, khi người ta mở một chiến dịch chống bọn du đảng bị nghi phạm tội, họ đã bắt tám trăm người trong một huyện. Phần lớn chỉ là đám thanh thiếu niên thất tình buồn đời, lẽ ra không chịu án gì nặng cả. Những người có thể bị án tử hình càng ít hơn. Thế nhưng hàng chục con người đã bị bắn theo lệnh từ trên xuống, việc ấy đã làm cho một số cán bộ công an có lương tâm hơn người khác cũng cảm thấy lúng túng.

- Anh có bào chữa cho họ không? Ta hỏi.

- Có thì giúp được cái gì? Đấu tranh chống tội phạm cũng là nằm trong một phong trào chính trị, không thể chặn được.

Anh ngồi lên giường, điều thuốc ở miệng.

- Kể chuyện những người khiêu vũ khỏa thân ấy, bạn gái anh gọi.

- Ở ngoại ô có một nhà kho bỏ không, do ruộng đất đã được trả lại cho nông dân, nay nông dân cất giữ thóc dự trữ tại nhà riêng. Mỗi thứ Bảy, cứ bắt đầu đêm xuống, đám con trai của thị trấn lại đến đó để nhảy, với một cái máy cát xet và một cô gái trên yên xe đạp hay xe máy của họ. Cửa được canh gác, không cho nông dân địa phương vào. Các cửa sổ trở rất cao không nhìn được bên trong. Bị tò mò thúc đẩy, một người làng đã lao thang lên nhưng quá tối anh ta không nhìn thấy gì. Chỉ nghe thấy tiếng nhạc. Dẫu vậy anh ta đã báo công an và công an đã làm một cuộc vây ráp, bắt hơn một trăm thanh niên, phần lớn chưa quá hai mươi tuổi, con cán bộ sở tại, công nhân trẻ, người buôn bán trẻ, những người

thất nghiệp trẻ. Cả học sinh trung học phổ thông nữa, hãy còn là thiếu niên. Một số đã bị kết án, người thì phạt cải tạo lao động người thì bị bắn.

- Họ nhảy truồng thật?

- Một số nhảy, nhưng phần lớn chỉ làm cái trò sờ soạng.

- Dĩ nhiên có những người làm tình. Một cô gái, chưa đầy hai mươi tuổi, nói bị hơn hai trăm người chiếm dụng, đủ để cho phát điên phát rồ.

- Làm sao cô ấy nói chắc con số như thế? Bạn gái anh lại hỏi.

- Cô ta giải thích rằng cô ta hoàn toàn ngây ra và chỉ còn biết đếm mà thôi. Anh đã gặp cô ấy, đã thảo luận với cô ấy.

- Thế anh không hỏi tại sao cô ấy lại đến đấy ư? Đến lượt ta hỏi.

- Cô ta nói lúc đầu thì do tò mò. Trước khi đến liên hoan đó, cô ta chưa biết qua tính dục nhưng khi cái van đã mở thì đóng nó không lại được nữa, đấy chính là lời cô ta nói.

- Chắc chắn đấy là sự thật, bạn gái anh nói, thu lu trong chăn.

- Cô ấy nom thế nào? Ta hỏi.

- Nhìn cô ấy thì anh không thể ngờ: rất bình thường, một hình thể thậm chí khá chung chung, không biểu hiện chút nào là một ả chà mồi, đầu trọc, không thể nhìn ra đường nét trong bộ quần áo tù nhưng cô ta thấp bé, mặt tròn xoe. Đúng là cô ta nói chẳng ngượng gì, trả lời mọi câu hỏi không hề bối rối.

- Dĩ nhiên rồi, người bạn gái nói khể.

- Sau đó bị hành quyết.

Chúng tôi giữ im lặng một lúc lâu trước khi ta lại hỏi:

- Với tội danh gì?

- Tội danh ư? Anh bạn như tự mình hỏi mình. Chắc là “kích động sa đọa” vì cô ta không đến một mình mà còn đưa theo những cô gái khác. Dĩ nhiên các cô kia cũng chung số phận như cô ta.

- Vấn đề là xem liệu cô ta có toan quyến rũ hay giúp người khác hiếp dâm không chứ? Ta nói.

- Đúng nghĩa ra thì không có cưỡng hiếp. Tôi đã đọc các lời thú nhận. Còn như dụ dỗ hiếp, thì cái này rất khó chứng minh.

- Trong các trường hợp này... khó mà phán định trách nhiệm bên này bên kia, cô bạn gái nói thêm.

- Vậy thì động cơ cô ta sao? Ý đồ của cô ta với các cô gái mà cô ta dẫn đến? Có thể là đám con trai muốn cô ta làm thế này hay một số đứa đã đưa tiền cho cô ta làm như vậy.

- Cái ấy tôi không hỏi. Cô ta nói chỉ làm cái ấy với đám con trai cô ta quen thôi, cô ta đã ăn uống và chơi bời với họ, không có ai chi tiền cho cô, cô ta có việc làm, được học hành và làm việc trong một cửa hàng thuốc hay một trạm y tế, cô ta trông coi thuốc men ở đó...

Người bạn gái nói:

- Cái ấy chẳng liên quan gì tới học hành. Cô ấy không phải gái điếm, chỉ là bệnh hoạn tâm thần thôi.

- Bệnh gì?

- Nhà văn mà hỏi thế kìa! Cô ấy cảm thấy mình sa đọa thì muốn các cô gái đi ở bên cạnh mình cũng xấu xa đi.

- Tôi vẫn không hiểu.

- Thật ra anh hiểu rất rõ, chị bạn vặt lại. Ai cũng có ham muốn tính dục nhưng chẳng qua cô ấy bất hạnh, chắc cô ấy có yêu một người mà không được yêu lại thế là muốn trả thù. Và trước tiên là trả thù vào ngay chính cái thân mình...

- Thế em nghĩ sao? Luật sư quay sang hỏi bạn gái.

- Nếu em phải sa ngã đến thế thì em giết chết anh trước!
 - Em cũng tàn nhẫn đến thế ư? Anh vặn lại.
 - Trong mỗi người đều có một cái hết sức tàn nhẫn, ta nói.
 - Vấn đề là xem có đáng hay không đáng bị án tử hình, luật sư nói thêm. Tôi nghĩ, về nguyên tắc thì chỉ đám buôn ma túy và phóng hỏa đốt nhà mới phải chịu án tử hình vì họ làm hại đến cuộc sống người khác.
 - Còn hiếp dâm không phải tội ác? Chị bạn ngồi dậy.
 - Anh không nói thế nhưng anh nghĩ khó mà luận tội được cho việc dụ dỗ để hiếp, vì loại tội này bao giờ cũng thuộc về chuyện đôi bên.
 - Dụ hiếp thiếu nữ, cái ấy không phải là tội ác sao?
 - Phải xem người ta hiếp thiếu nữ là gì đã, nếu như là trước thành niên mười tám tuổi.
 - Nhưng trước thành niên mười tám người ta không có ham muốn tính dục hay sao?
 - Luật pháp bao giờ cũng phải xác định ranh giới.
 - Em bắt cần pháp luật hay không pháp luật.
 - Nhưng pháp luật không bắt cần em.
 - Nó dính gì đến em? Em không phạm tội, phạm tội bao giờ cũng là đàn ông các anh.
- Chúng tôi phá lên cười.
- Các anh cười gì? Chị hỏi anh bạn.
 - Em còn hơn cả pháp luật, kiểm soát đến cả cái cười đấy à? Anh quay về chị nói.

Chẳng cần để ý mình chỉ mặc quần áo lót, chị vươn vai rồi nhìn thẳng vào anh:

- Được, anh nói thật với em nhé, anh đã chơi điếm bao giờ chưa? Anh nói em xem.

- Chưa.

- Kể cho anh ấy chuyện xúp mì nui đi! Để anh ấy phán xử một ít.

- Tại sao chứ, chuyện ấy có gì đâu? Chỉ là một bát mì nui.

- Trời biết? Chị kêu lên.

Dĩ nhiên ta muốn biết nhiều hơn nữa.

- Chuyện ấy như thế nào?

- Gái điếm không phải đều chỉ thích tiền, họ cũng có tình người.

- Anh bảo anh đã mời cô ấy ăn một bát mì nui, có không nào? Chị cắt lời anh.

- Đúng, nhưng không ngủ.

Chị bấu môi.

Anh kể rằng lúc ấy đang đêm, trời mưa bụi nho nhỏ trong một phố vắng. Anh thấy một cô gái đứng dưới cột đèn và anh thử làm cho cô ấy chú ý đến mình. Anh không nghĩ cô ta sẽ đi một quãng với anh. Hai người đi đến gần một quầy hàng có những chiếc dù to bằng vải nhựa che trên. Cô ấy nói muốn ăn, anh chỉ mua được một bát vì không đủ tiền. Anh không ngủ với cô ta nhưng biết rõ nếu anh muốn cô ta sẽ theo anh khắp nơi. Hai người chỉ ngồi trên cống xi măng đặt ở lề đường chưa đặt ống nước, ôm nhau chuyện trò.

Chị liếc ta một cái.

- Cô ấy trẻ và đẹp không?

- Hai mươi tuổi, mũi hếch.

- Và anh ngoan ngoãn như thế.

- Tôi sợ cô ấy có thể đổ bệnh cho tôi.

- Đúng là đàn ông các anh đấy! Chị kêu lên rồi nằm xuống.

Anh giải thích rằng anh thật tình thương cô gái, cô ta ăn mặc sơ sài, quần áo ướt át, trời mưa rét.

- Tôi tin thế hoàn toàn, ta nói. Con người tất cả đều có mặt tốt mặt xấu. Không như thế thì đã chẳng phải con người.

- Cái ấy bên ngoài luật, anh nói. Nhưng nếu pháp luật coi ham muốn tính dục là tội ác thì như vậy tất cả mọi người đều sẽ là tội phạm hình sự.

Chị khe khẽ thở dài.

Ở nhà ăn ra, chúng tôi đi một nửa phố tới tận một cây cầu đá và không tìm ra khách sạn. Ở đầu cầu, bên bờ sông, một ngọn đèn nho nhỏ cháy sáng. Khi mắt quen với bóng tối rồi, chúng tôi phát hiện ra một thuyền có muid đen đang đậu dọc ke.

Hai người đàn bà qua cầu, đi ngang gần chúng tôi.

- Kìa trông, họ làm cái nghề ấy đấy! Bạn gái anh luật sư nắm cánh tay ta nói khẽ vào tai.

Ta quay lại vì không để ý đến hai người nhưng ta chỉ thấy một cái gáy, ở đó sáng lên một cái cặp tóc bằng chất dẻo màu và một khuôn mặt quay nghiêng.

Anh bạn ta nhìn họ từ từ đi xa, vai sát vai.

- Họ mỗi gọi các dân thuyền là chính.

- Anh chắc thế chứ? Ta ngạc nhiên vì họ có thể hành nghề công khai thế này. Ta những tưởng chỉ có họ ở gần các ga, các bến cảng của những thành phố quan trọng đến một cỡ nào.

- Nhìn một cái là nhận ra ngay, bạn gái anh nói.

Đàn bà sinh ra đã tinh đời.

- Họ có tiếng lóng cho phép họ ngã giá, đều là ở làng quanh đây rồi đêm đến, họ kiếm như vậy được ít tiền, anh giải thích với ta.

- Họ thấy em đi với các anh chứ chỉ mình các anh thì chắc họ sẽ chủ động đến nói chuyện với các anh.

- Vậy là có một chỗ cho họ hành nghề, vào làng cùng với họ chứ gì?

- Chắc họ có một cái thuyền to gần đây, nhưng cũng có thể vào khách sạn với khách.

- Loại buôn bán này cũng làm công khai ở khách sạn ư?

- Họ ngoắc với một số người. Trên đường anh chưa gặp họ bao giờ ư?

Lúc đó ta nghĩ lại người đàn bà muốn đến Bắc Kinh để kiện và nói rằng không có tiền mua vé. Ta đã cho chị ta một nguyên, nhưng có thể đó là một gái điếm.

- Anh không làm điều tra xã hội học à? Bây giờ có tất cả mọi cái.

Ta chỉ còn có thể tự nhận lỗi, giải thích rằng ta làm không nổi bất cứ điều tra nhỏ mọn nào, ta chỉ là một con chó lạc lang thang đây đó. Hai người cười thông cảm.

- Đi theo tôi, tôi cho hai người qua một lúc hay hay đây.

Anh có một ý mới. Anh gọi to về phía sông:

- Ô, có ai không?

Anh nhảy từ bờ ke xuống cái thuyền có mũi đen.

- Anh muốn gì? Một giọng hỏi ghen ghét cất lên ở trong thuyền.

- Ông có thể cho cái thuyền này đi đêm được không?

- Đi đâu?

Anh ấp úng tên một địa điểm.

- Anh trả bao nhiêu? Một người đàn ông cánh tay trần ở trong khoang đi ra hỏi.

- Anh muốn bao nhiêu?

Cuộc mặc cả bắt đầu.

- Hai mươi nguyên.

- Không, mười.

- Mười tám.

- Mười.

- Vậy thì mười lăm.

- Không, mười.

- Mười nguyên thì tôi chẳng đi.

Người kia quay lại vào khoang. Có tiếng đàn bà thì thào.

Chúng tôi ba người nhìn nhau rồi lắc đầu. Không thể nhịn được cười.

- Các anh chỉ đi bến Tiểu Đáng Dương thôi phải không? Một tiếng nói khác, xa hơn mấy cái thuyền, hỏi.

Anh bạn ra hiệu chúng tôi im lặng rồi đáp lại rần rỏi:

- Tôi chỉ đi mười nguyên thôi. Anh có vẻ khoái trá.

- Lên cái thuyền trước mặt các anh ấy, tôi cho thuyền tôi tới.

Anh bạn ta hoàn toàn biết giá cả. Bóng một người cầm cào, áo vắt vai hiện ra.

- Thế nào, nghĩ sao chứ? Thế này tiết kiệm cho chúng ta tiền khách sạn. Đây chính là cái mà người ta gọi “lên đèn trên một con thuyền đêm trăng”! Tiếc là không có trăng. Muốn gì cũng không có chuyện bỏ qua rượu.

- Chúng tôi bảo người lái thuyền chờ một lát rồi chạy vào ngõ mua một chai Đại Khúc, một gói đậu tằm luộc và hai cây nến. Chúng tôi vui vẻ nhảy xuống thuyền.

Lái thuyền là một ông già gầy gò. Vén tẩm vải đen, chúng tôi dò dẫm vào khoang rồi ngồi phệt ở trên sàn, anh bạn ta định bật lửa châm nến.

- Đừng thảp lửa trên thuyền, ông già lầu bầu.

- Tại sao?

Ta tưởng tượng ra một sự kiêng kỵ nào.

- Các anh có thể làm cháy tẩm vải che mắt.

- Chúng tôi làm cháy cái vải đó làm gì chứ? Anh bạn luật sư hỏi.

Nhiều lần gió thổi tắt cả bật lửa. Anh bạn gạt tẩm vải ra một tý.

- Chúng tôi đến ông nến cháy.

Bạn gái anh lách vào giữa anh và ta. Thế này càng vui. Một lúc, chúng tôi cảm thấy mình thêm sinh khí.

- Tắt đi! Buông sào, ông lão đi vào dưới tẩm vải.

- Không cần thảp, đêm tối đi thuyền càng thú vị hơn, ta nói.

Anh luật sư lúc đó mở chai rượu, dặng chân ra rồi bày lên chiếu khoang thuyền cái gói to tưởng những đậu tằm luộc. Chúng tôi quay mặt vào nhau, chân ghếch vào chân nhau. Chúng tôi chuyển nhau chai rượu. Tựa vào anh bạn, chị bạn đôi khi giơ tay ra nắm chai rượu uống một ngụm. Trong khúc sông lượn người ta chỉ nghe thấy tiếng sóng vỗ oàm oạp và cái sào đập nước.

- Anh chàng lúc này để lỡ mất một vụ làm ăn.
- Thêm năm nguyên nữa hẳn nhận lời đấy. Không có là bao.
- Bằng đúng một bát mì nui nóng sốt.

Chúng tôi trở thành đáng giận.

- Từ cổ đại, cái làng nước này đã là một nơi yên hoa, hoa nguyệt. Ai cấm được chuyện đó? Ở đây con trai con gái rất lẳng lơ nhưng dẫu sao người ta cũng không thể tiêu diệt họ đi được! Nó như thế đấy, anh luật sư nói trong bóng tối.

Vòm trời tằm tối rách ra một lúc để lọt ánh sáng sao qua rồi lại tối sầm. Đằng sau thuyền, vang lên tiếng nước lóc óc mái chèo gây nên và tiếng sóng nhẹ nhẹ va vào con thuyền. Một làn gió lạnh làm mát mẻ đi không khí ulla vào qua tấm vải vén lên. Chúng tôi hạ tấm bình phong làm bằng các túi nhựa xuống.

Một nhào, cả ba nép vào giữa khoang chật chội của con thuyền. Luật sư và ta rúm lại ở mỗi bên, chị bạn kẹp vào giữa. Đàn bà là như vậy, họ cần hơi ấm.

Trong ánh sáng nhá nhem, ta đoán ra các thửa ruộng trải dài sau các bờ vùng bờ thửa và xa nữa, những bãi lầy đầy lau sậy. Sau nhiều vòng vèo uốn lượn, chúng tôi đến một dòng nước chảy qua những bụi sậy ken chặt, người ta có thể giết chúng tôi, dìm chết chúng tôi không để lại dấu vết. Thật ra chúng tôi là ba chọi một và nếu trong chúng tôi có một đàn bà thì đối mặt chúng tôi chỉ có một ông lão, chúng tôi có thể ngủ yên trí. Chị đã quay lại, gó chân ta chạm vào lưng chị. Chị lồng gợn mông chị vào đùi ta, nhưng chẳng ai để ý đến cái đó.

Trong cái xứ sông nước này, tháng Mười là tháng gặt hái, đâu đâu người ta cũng thấy những chiếc vú núng nính và những con mắt long lanh ướt. Người chị hấp dẫn, nó khiến ta thêm được lại gần chị và vuốt ve chị. Nép vào ngực bạn ta, chắc chị có cảm thấy hơi nóng người ta. Chị vươn tay ra đặt lên chân ta tựa như muốn an ủi ta đôi chút, hoặc do lả lơi hoặc do tốt bụng không rõ. Lúc đó, người ta nghe thấy một tiếng rống,

đúng hơn là một tiếng kêu than sâu trầm đến từ cuối thuyền. Một lời than thở đau xót vạt vờ trong đêm, theo chiều gió, trên mặt nước. Ông lão hát, hát bình thản, hoàn toàn chú tâm, an bài xếp đặt cho giọng nói đi ra từ đáy lồng ngực ông; đó là một lời than lâu ngày dồn nén thành linh buột thoát. Mới đầu lời hát nghe không rõ rồi dần dần, người ta đã có thể nắm lấy mà không hiểu được chúng hoàn toàn, vì cái thổ ngữ ông lão dùng nó pha một giọng nông dân đặc sệt. Đại khái cái gì như: “Em, em gái mười bảy, con gái mười tám... em đã đi theo số phận của anh rồi em đến khắp nơi... khắp nơi... không giống như... người nữ tỳ bé nhỏ... huy hoàng...” Một khi nghe bị đứt dòng là người ta không còn hiểu gì nữa.

Ta chạm tay hai người hỏi:

- Có nghe thấy không? Ông ta hát gì thế?

Hai người cựa mình, họ không ngủ.

Luật sư co chân lại, ngồi lên gọi to ông chở thuyền.

- Này, ông lão, ông hát cái gì đấy?

Một con chim giạt mình sợ, vỗ cánh phần phật vừa bay lên vừa rúc. Ta vén tấm vải ra một chút, thuyền đi gần bờ. Trong những chỗ đê hôm vào, những bụi đen nhờ nhờ nhỏ vượt lên, có lẽ là đậu nành. Ông lão không hát nữa, một làn gió mát nổi lên xua tan đi cơn buồn ngủ của ta. Ta lễ phép nói với ông lão:

- Ông ơi, cái bài ông vừa hát nghe như một bài từ ấy, phải không ạ?

Ông không nói gì cả, mãi bơi chèo. Thuyền lao nhanh.

- Ông nghỉ tay uống rượu với chúng tôi đi. Sau đó hát vài ba bài cho chúng tôi nghe với.

Luật sư đến gần ông già.

Ông già vẫn im lặng chèo thuyền.

- Không vội ông ơi, đến uống một ngụm cho nóng người đi, tôi sẽ cho ông thêm hai nguyên nữa để ông hát cho chúng tôi một cái gì, đồng ý

không?

Như hòn đá rơi xuống nước, lời luật sư không gặp một tiếng vọng nào. Ông lái ngược hay bực, con thuyền vẫn cứ lướt đi trên mặt nước. Duy nhất chỉ còn ru êm chúng tôi tiếng những xoáy nước mái chèo tạo nên và tiếng những con sóng nhỏ đập nhẹ vào mạn thuyền.

- Chúng ta ngủ đi, bạn gái luật sư thì thêm.

Hơi thất vọng, cô tôi lại nằm xuống. Khoang thuyền có vẻ chật hơn, ba chúng tôi nằm dài, ép sát lấy nhau. Ta cảm thấy hơi nóng của người chị. Ham muốn hay trù ối không rõ, chị cầm lấy tay ta và sự việc dừng lại ở đó, không ai muốn làm bại hoại đi nỗi rạo rức bí ẩn đã từng bị bại hoại của cái đêm này. Giữa chị và luật sư, không một tiếng động. Hễ ta cảm thấy thân thể chị mềm mại và ấm áp, ta lại cố ý trấn đi cơn xúc động đang giành lấy ta, nhưng ham muốn ức chế đã tăng lên và đêm tối lại tìm thấy cái rạo rức bí ẩn của nó.

Lâu sau đó, lời than lại vang lên trong bóng tối, tiếng kêu thương của một tâm hồn đau khổ lang thang vờ vật trong đêm, bị day dứt, không thỏa. Những tro hồng sáng lên một lúc trong tối đen. Chỉ còn lại hơi nóng từ cơ thể người và sự mềm dịu của các đụng chạm tiếp xúc, các ngón tay ta đan vào các ngón tay chị nhưng không ai trong hai chúng ta nói câu nào, không ai dám phá bầu im lặng, mỗi người giữ hơi thở mà nghe những tiếng hú gào của đông tố đang thổi trong mạch máu mình. Tiếng ông lão khàn cũ chốc chốc vang lên, nó ca ngợi những vú thơm của một người đàn bà, cặp đùi mê hồn của một người đàn bà khác, nhưng không câu thơ nào được nghe rõ hoàn toàn, người ta chỉ bắt được từng mẫu ông lão hát lơ mơ, chỉ cảm thấy được hơi thở và xúc giác, các câu thơ tiếp theo nhau, không câu nào được nhắc lại từ đầu đến cuối nhưng chúng gần như đều giống nhau, hoa và nhụy, những khuôn mặt đỏ bừng, anh ơi đừng làm thế, rẽ cây, rẽ sen, váy tơ mảnh phất phơ trong gió, lưng ong, vị chua của quả hồng, à không chua mà chát, giữa hàng nghìn con mawtsmoong lung, trong vòm trời chuồn chuồn, không, không, người ta không thể tin vào đấy.

Rõ ràng ông đang dò tận nơi sâu nhất của trí nhớ để tìm các tình cảm chúng sẽ cho sức mạnh biểu hiện vào ngôn ngữ ông, ngôn ngữ của ông không mang một nghĩa sáng tỏ, nó chỉ chuyển đi những cảm giác bản năng, nó thối bùng lên ham muốn, chảy trong bài ca của ông như một than van, như một thở dài. Một lúc lâu sau, ông ngừng lại, bàn tay đang cầm bàn tay ta cuối cùng buông ra. Không ai động đậy nữa.

Ông lão ho, thuyền tròn thành đôi chút. Ta ngồi lên nhìn qua tấm vải. Mặt nước đã trắng ra, con thuyền qua một thị trấn. Các ngôi nhà chen chúc trên bờ, dưới ánh sáng các cột đèn, các cánh cửa đóng kỹ lưỡng, các cửa sổ tối đen. Ở cuối thuyền, ông lão không ngừng ho, con thuyền tròn thành mỗi lúc một mạnh, nghe thấy tiếng nước ông lão đá vôi xuống sông.

Mi tiếp tục leo núi. Mỗi lần mi đến gần đỉnh, kiệt sức, mi lại nghĩ đây là lần cuối cùng. Đến đích rồi, khi cơn kích động của mi đã lắng đôi chút, mi lại không hài lòng. Cái mệt của mi càng mất đi thì sự bất thỏa của mi lại càng lớn, khi mi ngẩng nhìn dãy núi uốn lượn ra tới tận mù khơi thì ham muốn leo trèo lại xâm chiếm mi. Những núi mi đã leo không còn tí lý thú nào nữa nhưng mi định ninh rằng quả núi sau quả núi này khắc sẽ có những cái tân kỳ mi chưa từng nhìn thấy, chờ khi đã lên đến đỉnh của nó, thì lại chẳng có cái thần dị mà mi mong đợi nào hết cả, nhất loạt chỉ gặp gió cô đơn.

Theo cùng năm tháng, mi thích nghi với cô đơn, leo núi trở thành một thứ bệnh mạn tính. Mi hoàn toàn biết rằng mi sẽ chẳng tìm thấy cái gì hết, mi chỉ bị sự mù quáng của mình thúc đẩy và mi không ngừng leo. Dĩ nhiên trong cái quá trình ấy, mi cần đến một vài an ủi, mi tự ru mi bằng những huyền hoặc của mi, mi tạo ra những thần thoại cho chính mi.

Mi kể rằng dưới một vách núi dựng đứng, mi đã nhìn thấy một cái hang gần như bị các tảng đá chồng chất bịt kín hoàn toàn. Mi đã ngỡ đó là nhà của Lão Thạch, một vị thần mà các truyền thuyết của dân tộc Khương nói đến.

Mi kể rằng ông ngồi trên một ván giường mốc rêu mà khi mi chạm vào thì rơi vụn ra như bụi. Mọi đồ vật đều ẩm ướt vì không khí kín bưng của cái hang. Một con suối chảy trước cửa ra vào và bất cứ chỗ nào người ta đặt chân vào thì rêu đều đã phủ kín cả.

Người ông dựa vào vách đá, khô như một cành cây chết, mặt với hai hố mắt sâu quay vào mi. Khẩu súng được phép của ông treo trên một cành cây cắm vào một khe nứt vách đá, trên đầu ông. Ông chỉ việc giơ tay ra là nắm được lấy cây súng không hề mang một vết han gỉ nào. Nó vẫn còn những vết mỡ gấu đen sì phủ lên.

Ông lão hỏi mi:

- Mày đến làm gì?

- Cháu đến gặp ông.

Mi cố tỏ ra lễ phép mặc dù sự kinh hoàng đang thít chặt lấy mi. Ông lão không phải là một ông già, giống như một đứa trẻ tai quái, không hiểu lễ đời. Mi làm bộ cung kính là đủ rồi. Mi biết rõ ông lão có thể giết mi bằng cây súng nếu ông lão cúi lên bởi nếu làm cho ông ta sợ. Đối lại với hai hố mắt sâu hoắm, mi không dám giương mắt lên, sợ ông lão nghĩ mi nhòm ngó cây súng.

- Đến gặp ta làm gì?

Mi không thể nói mi đến để làm cái gì.

- Đã lâu không có ai đến đây, ông càu nhàu, tiếng nói như đi ra từ một hang động. Cầu treo dẫn đến đây mục hoàn toàn rồi phải không?

Mi giải thích rằng mi lên đây bằng lối đáy vực, ở chỗ con sông Minh chảy.

- Tất cả chúng mày đã quên tao rồi hả?

- Không, mi vội nói, dân núi biết ông cả, ông là Ông Lão Thạch. Đêm khuya tàn rượu họ nói đến ông nhưng họ không dám đến gặp ông.

Mi muốn nói với ông rằng với mi thì là sự tò mò chứ không phải lòng dũng cảm đẩy mi đến đây khi nghe dân núi nói đến ông, nhưng mi không tiện giải thích như thế với ông. Vì mi đã tìm thấy bằng chứng của truyền thuyết thì bây giờ đã nhìn thấy ông, mi phải tranh thủ cơ hội nói thêm cái gì.

- Từ đây đến núi Côn Lô có xa không, thưa ông?

Tại sao mi lại hỏi núi Côn Lô? Đó là núi tổ tiên, nơi Tây Vương Mẫu sống. Bà được thể hiện trên các viên gạch màu tím thấy trong các ngôi mộ đời Hán bằng hình người đầu hổ, mình người và đuôi báo. Các viên gạch nặng trĩu đời Hán là hiện thực quá đi rồi.

- A, cứ đi thẳng thì tới Côn Lôn.

Ông nói thế như thể ông chỉ nhà vệ sinh hay một rạp chiếu bóng. Mi đã được trang bị lòng dũng cảm để hỏi nữa:

- Nhưng đi thẳng mãi bao xa?

- Thẳng mãi...

Chờ ông nói tiếp, mi liếc một cái vào hai hố mắt rỗng không của ông. Miệng móm mém của ông hai lần mở ra lại khép lại. Không thể biết ông đã nói gì chưa hay là ông sắp nói.

Mi đã muốn chạy ngang qua ông, nhưng sợ ông thành linh nổi giận, mi bèn cứ nhìn ông, làm ra vẻ khúm núm, tựa như nghe ông chỉ bảo vậy. Nhưng ông không chỉ thị, căn bản không có chỉ thị. Mi cảm thấy các cơ mặt mi đang quá căng trong bất động, mi bèn thả chùng hai khóe mép xuống, đổi ra vẻ vui thích. Nhưng mi vẫn không thấy phản ứng gì ở ông. Thế là mi bèn dịch một chân cho ngã trọng tâm rồi đi lên nhẹ nhẹ không thể nhận thấy. Mi đến gần hai hố mắt sâu hoắm của ông, các con người của ông nhìn trùng trùng như giả, có lẽ đây chỉ là một xác ướp.

Những xác chết được bảo tồn hoàn hảo của các ngôi mộ Sở ở Giang Lăng và Tây Hán ở Mã Vương Đồi mà ta từng thấy chắc chắn là cũng như ông đây, ngời rồi chết.

Mi lại gần từng bước mà không dám sờ vào ông, sợ chỉ khẽ một cử chỉ đã đủ làm cho ông ngã. Mi giơ tay để lấy khẩu súng đầy vết mỡ gấu treo ở sau lưng ông. Ai hay mi vừa chạm vào nòng súng, nó liền vụn tơi ra thành bụi. Mi vội tháo chạy, chẳng bận lòng muốn biết liệu mi có đi đến Tây Vương Mẫu nữa hay không.

Trên đầu mi vang lên một tiếng sấm, trời biểu lộ cơn giận dữ! Các thiên binh thiên tướng dùng trùy bằng xương thú dữ đánh vào trống cái làm bằng da trâu Đông Hải.

Chín nghìn chín trăm chín mươi chín con dơi trắng chập chờn bay trong hang thốt ra những tiếng chói tai, đánh thức dậy các thần núi.

Những khối đá lớn rời ra khỏi đỉnh, kéo theo một vụ truồi lở bạt ngàn giống như một đoàn kỵ binh lao xuống dốc trong một đám mây bụi.

Ô, ô! Thành linh trên trời hiện ra chín mặt trời. Những người đàn ông với năm xương sườn, những người đàn bà với mười bảy sợi thần kinh đang bắt đầu khua vào các trống phách và bấu dứt các dây đàn, không ngừng hát, kêu lên và gào rú.

Lúc đó hồn mi là bỏ mi và mi chỉ còn thấy vô vàn cốc nhái, há hốc mồm quay lên trời như một đám đông những người bé nhỏ bị chặt mất đầu, tay chĩa lên trời kêu to lên trong niềm tuyệt vọng. Trả lại đầu cho tôi! Trả lại đầu cho tôi! Trả lại đầu cho tôi! Trả lại cho tôi đầu! Trả lại tôi đầu! Trả lại tôi đầu! Đầu tôi đâu, trả lại! Đầu tôi, trả lại! Đầu tôi, trả đi! Trả lại tôi đầu! Trả lại tôi đầu! Trả lại tôi đầu! Trả lại cho tôi đầu tôi! Trả lại đầu của tôi! Đầu, trả lại cho chúng tôi cho chúng tôi! Đến trả lại đầu chúng tôi!... Tôi trả lại...

Những tiếng chuông tiếng trống đánh liên hồi kéo ta ra khỏi giấc ngủ. Ta không nhớ mình đang ở đâu nữa. Trong tối đen hoàn toàn, cuối cùng ta nhận ra một cửa sổ với những lưới mắt có, hình như thố, rất mảnh. Để thử xem ta có còn mơ hay không, ta cố nhấc hai mi mắt nặng trĩu. Cuối cùng ta nhìn thấy ánh sáng xanh lân tinh của mặt đồng hồ. Ba giờ sáng. Ta nhận ra buổi đọc kinh sáng đã bắt đầu và ta đang ở trong một ngôi chùa.

Khi ta ra đến sân, tiếng trống im. Chỉ còn chuông buông từng tiếng rõ. Sau các cây, vòm trời tối, tiếng chuông đến từ phòng Đại Hùng Bảo Điện có những bức tường cao che bọc. Ta dò dẫm ra đến cửa của hành lang dẫn đến nhà ăn tập thể nhưng cửa đóng. Ta đi đến đầu kia của hành lang nhưng tay ta chỉ thấy một bức tường gạch. Ta là tù nhân, giam trong cái sân bị các bức tường đóng kín lại. Ta gọi nhiều lần nhưng uổng công.

Tối qua, ta nài nỉ được trú tại trong chùa Quốc Thanh. Các hòa thượng đang nhận bố thí của khách đến thắp hương đã đưa mắt nhìn ta, thấy đều như ngờ vực lòng mộ đạo của ta. Ta ngoan ngoãn ở lại cho tới lúc đóng cửa. Cuối cùng các hòa thượng đã thỉnh vị lão hòa thượng chủ trì rồi bố trí cho ta vào trong cái sân ngang ở sau chùa.

Ta không muốn bị giam hãm, ta không muốn không vi phạm các nghi lễ Phật giáo trong ngôi chùa lớn đã hơn một nghìn năm này không hề ngừng hương lửa, có còn duy trì phép tắc của tông phái Thiên Đài [22] không. Trở lại sân, ta nhìn thấy một tia sáng lọt qua một cái khe ở trong góc nhà. Lấn mò, ta phát hiện ra một cửa nhỏ và ta mở nó ra chẳng hề được phép. Thấy rõ đây là cửa Phật, không có cấm địa.

Sau bức bình phong là phòng đọc kinh nho nhỏ, mấy cây nến chiếu sáng và khói hương cuộn cuộn xâm chiếm gian phòng; trước ban thờ treo một miếng gấm màu tím thêu dòng chữ lớn: “Đột ngột bát hương nóng” khiến ta động tâm, tựa như một khảo thị. Người ta có thể nói là một mặc

khải. Để chứng tỏ ý mình trong sáng, không đến do thám bí mật của các thầy tu, ta bèn dâng hoàng tự chiếu sáng cho ta bằng cây nến. Những bức tự họa cổ treo trên bốn bức tường; không bao giờ ta ngờ tới một ngôi chùa lại có một nội thất tinh tế thanh nhã đến thế này, có thể đó là nơi vị Đại pháp sư khởi cư. Ta hơi xấu hổ vì đã dám lọt vào đây nhưng ta quá mong muốn kiểm tra xem người ta có còn giữ ở đây các bản viết tay của hai hòa thượng nổi tiếng đời Đường Bàn Sơn và Tháp Đắc hay không. Ta đặt cây nến xuống rồi rời căn phòng đi về phía tiếng chuông.

Thế là đây, ta đang ở trong một sân khác, những ô buồng con con quây lấy nó, chắc là phòng của các thầy tu, bên trong cũng đều sáng lấp lánh ánh nến. Bất chợt một thầy tu mặc áo dài đen đi ngang sau lưng ta. Thoạt đầu giật mình rồi ta hiểu ông chỉ đường cho ta. Theo ông, ta đi qua nhiều hành lang. Thành linh ông biến mất. Bối rối, ta tìm một nơi nào đó được chiếu sáng hơn. Ta sắp bước qua một ngưỡng cửa thì ngẩng đầu, ta phát hiện ra một vị Hộ Pháp kim cương, cao bốn năm mét, vung về ta cái trùy, hai mắt trợn lên giận dữ. Ta sợ lạnh toát người.

Ta vội bỏ ra xa rồi tiếp tục đi lần mò trong một hành lang. Qua một cửa tròn có ánh sáng lọt tới le lói, ta tình cờ đến khu sân bát ngát ở trước gian Đại Hùng Bảo Điện. Một con rồng lam canh gác ở mỗi góc mái có hai đầu đao cong vểnh lên trời; chính giữa một tấm gương tròn lấp lánh. Trong bao la của đêm tối sắp bình minh, ở giữa những tùng bách, sự xuất hiện này có một cái gì đó kỳ ảo.

Trên sân trời cao, đằng sau bát hương đồng đồ sộ, cả nghìn cây nến long lanh, tiếng chuông âm trầm làm không gian lay động. Một vị sư trong chiếc áo dài đen đẩy một cây gỗ to tướng treo trên giá, chuông không xê dịch một ly, cái dùi đánh vào quả chuông, âm thanh xuất ra như do cảm ứng từ nền đất lên ngược tới các rui kèo để rồi xoáy cuốn ra ngoài ngôi chùa. Ta hoàn toàn mê hoặc trong sóng âm thanh.

Các thầy tu lần lượt thắp hai hàng nến để ở trước mười tám vị La Hán, rồi cắm hương vào bát hương. Hình bóng họ nhòa lại thành một khối nhờ nhờ đen đồng loạt xê dịch một cái bóng đến trước những tấm chiếu có trang trí những hoa văn khác nhau rồi mỗi người an vị vào một chỗ.

Sau đó trống đánh hai hồi, hàng tràng trống rền làm ruột gan đảo lộn hết. Chiếc trống dựng ở bên trái chùa, trên một bệ cao hơn đầu người, nhô lên khỏi đầu người thấy tu đang lom khom cúi xuống đánh trống ngoài bậc sân trời. Ông là người duy nhất không mặc áo dài đen mà mặc áo ngắn, quần và đi dép gai. Ông giơ tay cao lên trên đầu.

Cắc cắc.

Tùng! Tùng!

Ông lại bắt đầu lại.

Cắc cắc.

Lúc tiếng chuông cuối cùng tan đi thì trống dội vang lên dữ dội, làm rung cả đất dưới chân. Lúc đầu người ta còn nhận ra từng tiếng một nhưng tiết tấu tăng nhanh dần và tiếng trống chỉ còn là một trập sấm rền khiến tim trong ngực và máu trong huyết quản đều rung chuyển hết. Tiếng trống lại càng mạnh thêm lên, bạn bị ngạt thở vì nó, rồi một tiết tấu êm ả, rõ ràng, sắc nhọn hơn bắt đầu lướt chồng lên những tiếng trống khua rền trước đó!

Người đánh trống là một vị sư có tuổi gầy gò. Ông không dùng dùi. Chỉ thấy riêng gáy ông bóng nhẫy giữa đôi vai trần là động đập. Ông dùng cả đến cườm tay, ngón tay, quả đấm, cùi chỏ, cổ tay, đầu gối và thậm chí bàn chân để đánh, vuốt, mơn man, vỗ vè, phải gõ nắn lên chiếc trống. Người ta có thể nói đó là một con tắc kè dán hết thân hình nó vào mặt da trống.

Trong tiếng âm đình tai nhức óc bỗng ngân lên tiếng chuông mảnh dẻ đến nỗi thoát tiên người ta ngỡ nghe lầm, nó như sợi dây vô hình trong gió lạnh buốt, nó như tiếng đế rúc giữa đêm thu. Nó thoảng qua quá nhanh, gần như đáng được thương tiếc nhưng trong giữa cái mớ âm thanh ồn ào, nó vẫn tự phân biệt được ra nó trong trẻo đến mức không thể ngờ rằng nó đã tồn tại. Rồi đến tiếng nhạc ghẹo cột của mõ cá với những âm lượng vô cùng tận, buồn, cô đơn, trong veo, chói lói, sau đó âm

thanh khỏe của các nhạc cụ đã hòa lẫn vào. Rồi tất cả quyện lại thành một bản giao hưởng duy nhất, mệnh mang.

Ta muốn biết những tiếng chuông ấy từ đâu đến. Cuối cùng ta phát hiện ra bậc cao tăng Cực lão. Người tuổi rất cao, mặc áo dài đã sờn và vá chằng đụp, tay trái cầm quả chuông nhỏ và tay phải cầm chiếc đĩa sắt thanh mảnh. Người vừa cho thanh đĩa lướt khế vào làn khói hương. Âm thanh như tấm lưới ngư phủ tung ra, bao bọc tất cả vào trong chất nhạc của nó, chẳng người nào thoát khỏi. Sự kích động và hãi hùng bóp nghẹt ta lập tức liền được xóa.

Có thể đọc thấy trên các hoành phi câu đối treo trong gian sảnh lớn của ngôi chùa. “Trang nghiêm quốc thổ” và “lợi lạc hữu tình”. Những bức rèm rủ từ trần xuống. Ngồi ở giữa chốn đó, người ta chợt mất đi mọi thứ hư vinh hợm hĩnh, chỉ cảm thấy trong mình một thứ từ bi nhuốm với dửng dưng, những đặt vật của cõi trần này biến đi trong chớp mắt, thời gian thành linh như đông cứng lại.

Ta không biết chuông im lúc nào. Bậc Cực lão cao tăng vẫn lắc quả chuông trong khi hai môi mím chặt của người buông ra vài câu kinh không rõ rệt, làm cho đôi má hóp và cặp lông mày ngả bạc rung rung. Các sư đủ mọi lớp lớn nhỏ đọc kinh theo nhịp chiếc chuông con. Một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười... chín mươi chín vị sư rồng rắn đi theo bậc Cực lão cao tăng, vừa tụng kinh vừa quay quanh tượng Phật dựng ở trung tâm chùa. Ta hòa vào với họ, hai tay chấp lại, niệm A di đà Phật. Ta còn nghe thấy một âm thanh khác rất rõ nữa, đó là tiếng nói cất lên từ cái khối vang động này mỗi lúc câu kinh sắp chấm dứt. Hãy còn nhiệt tình chưa bị dập tắt, hãy còn có linh hồn vẫn bị dày vò.

Nói sao đây trước cảnh tuyết của Công Hiên^[23]! Những bông tuyết rơi trong một yên bình tuyệt đối, im lặng trong không-im lặng.

Một giấc mơ.

Một cầu gỗ trên sông, một lầu cô quạnh bên nước, mi nhận ra dấu vết của con người nhưng cảm giác cô đơn sâu sắc vẫn chế ngự.

Đó là một giấc mơ đông cứng, cái bóng tối không thể chạm tới ở ranh giới của mộng, chỉ thoáng cảm nhận thấy mà thôi.

Một bức thủy mặc. Ông luôn sử dụng một bút lông rất tòe, đẩy cảm hứng đi sâu đi xa mãi. Ông cao thủ trong việc điều khiển bút và mực. Tranh của ông bắt hồn người và cái đó có được là nhờ mỗi chi tiết đều hiện ra minh bạch trước mắt người xem. Ông là một họa sĩ thực thụ, không chỉ là một văn nhân vẽ tranh.

Đặc điểm thanh đạm, trang nhã của cái đã được nhất tể gọi là “hội họa văn nhân” thường chỉ gắn với nghĩa mà không có họa, ta chịu không nổi các cuồn tranh vẽ bằng bút phá điệu bộ.

Mi nói tới các họa sĩ cố làm ra thanh tao, chơi bố cục bằng bút lông và bóng hình bằng mực, do đó dễ mất đi cái thần, cái hồn của tự nhiên. Có thể bắt chước được kỹ thuật này nhưng cái thần cái hồn của tự nhiên nó là đến từ cuộc sống, nó tồn tại cùng với núi, sông, cây, cỏ. Cái đẹp trong tranh Công Hiên là ở cái thần, cái hồn của tự nhiên không thể định nghĩa cũng không thể bắt chước, cái đẹp ấy nó tỏa sáng ra từ tranh ông. Có thể học Trịnh Bản Kiều^[24], không học được Công Hiên.

Bát Đại Sơn nhân^[25] cũng không bắt chước được. Người ta có thể bắt chước những đại bằng mở trợn mắt lên vì giận dữ của ông nhưng

không bắt chước được ấn tượng cô quạnh mang mang toát ra từ các con vệt, các hoa sen của ông.

Cái hay nhất ở Bát Đại là tranh sơn thủy. Còn tác phẩm diễn đạt sự chán chường thế sự và trần tục chỉ là những tác phẩm nhỏ nhoi của ông.

Người ta lấy cái chán đời, ghét thế tục để tỏ mình thanh cao thì e cái thanh cao ấy sẽ rơi vào khuôn sáo thông tục; lấy cái tầm thường đi chống lại cái tầm thường thì chỉ bằng cứ tầm thường không che đậy.

Trịnh Bản Kiều bị người đời làm ra biến chất đi như thế. Cái thanh tao của ông trở thành cái trang sức của người khi không đặc ý, mấy cành tre trúc đã bị vẽ lạm, trở thành trò thù tạc bút mực tầm thường nhất hạng.

Cái không chịu được hơn cả là thứ “hồ đồ hiếm khi có được” – nan đắc hồ đồ, cứ nghĩ thật sự mình hồ đồ thì hồ đồ có gì là khó?; không nghĩ hồ đồ làm bộ hồ đồ rồi lại ra sức tỏ sự thông minh.

Ông là một tài tử thâm hại, Bát Đại là một kẻ điên.

Đầu là vờ điên sau điên thật. Thành tựu nghệ thuật của ông do chỗ điên thật mà có chứ không phải vờ điên.

Hoặc là nói thế gian này không nhận chịu được nữa lý trí khỏe mạnh, lý trí bèn điên; thế nên mới rơi phải vào cái thế gian khỏe mạnh.

Đến cuối đời; Từ Vị^[26] cũng điên như thế, thế nên mới đi giết chết vợ mình.

Hoặc chi bằng nói vợ ông đã giết ông.

Nói như thế nghe như tàn nhẫn, nhưng không chịu được thế tục, ông chỉ còn có thể điên thôi.

Trái lại, người không điên là Công Hiên. Vượt lên trên thế tục, chẳng muốn đối chọi lại thế tục, thế nên ông mới giữ vững được bản tính riêng.

Ông căn bản không nghĩ chống lại cái hồ đồ bằng cái được gọi là lý trí, ông đã rút rất xa sang một bên, ngập chìm vào trong cõi mộng sáng láng.

Đó cũng là một cách tự vệ, căn bản ông không đoái tới chuyện đó, thế nên ông mới giữ trọn được nhân cách mình.

Ông không phải một ẩn sĩ, cũng không quay đến với tôn giáo, chẳng Phật chẳng Đạo, dựa vào nửa mẫu ruộng rau và dăm lớp học ông mở mà có cái ăn qua ngày, không lấy họa ra nịnh đời hay ghét đời, họa của ông đều là ở trong cái vô ngôn.

Tranh của ông không cần đến đề từ, bản thân họa đã để cho thấy dấu ấn của lòng dạ ông.

Mi và ta có thể làm được tới cái đó không?

Ông đã làm được tới đấy như bức tranh vẽ cảnh tuyết này.

Mi có thể chứng nhận tranh ấy là chắc chắn của ông không?

Điều ấy lẽ nào là quan trọng nhỉ? Mi nghĩ là ông thì đó là ông.

Còn nếu không?

Vậy thì không phải ông.

Nói cách khác, mi, ta, chúng ta chẳng qua cho là đã từng gặp ông.

Vậy thì đó là ông.

Khi ta rời núi thiên đài, ta còn đến Thiệu Hưng, nơi sản xuất rượu cổ không chỉ nổi tiếng, nó còn cho ra những tên tuổi lẫy lừng: chính khách, nhà văn, họa sĩ lớn và cả một nữ anh hùng cách mạng. Bây giờ nhà của họ đều là các nhà bảo tàng kỷ niệm. Người ta còn dựng lại ngôi miếu bằng đất nện mà cái nhân vật thấp bé nhất dưới ngòi bút của Lỗ Tấn, A Quy đã được coi là từng sống ở đó. Người ta đã quét nhiều màu vôi tươi thắm cho nó và trang trí cho nó bằng một biển mang đề từ của một nhà thư pháp nổi tiếng hiện thời. Lúc bị chặt đầu vì tội thổ phỉ, chắc A Quy không thể ngờ sau khi chết ông lại được một uy danh lớn như thế. Ta nhận ra các nhân vật nhỏ nhoi ở cái thị trấn nhỏ này còn khó bảo toàn được tính mạng họ thì nói chi đến liệt sĩ cách mạng Thu Cần ôm lấy sự hưng vong của dân tộc làm trách nhiệm của bản thân.

Nhà cũ của bà treo bức ảnh bà: một bậc tài nữ con nhà thế gia, văn thơ hay, dung nhan đẹp, đài các, tinh anh, tuổi mới ngoài hai mươi. Vậy mà bà đã bị chặt đầu giữa thanh thiên bạch nhật sau khi bị áp giải bêu phốt, chân tay xiềng xích.

Đại văn hào Lỗ Tấn đã bỏ cả đời ra để chạy trốn và ẩn nấp. May sao, cuối cùng ông tị nạn ở một tô giới nước ngoài nếu không ông đã chết bệnh hay bị ám sát. Ở đất nước này, đâu cũng chẳng an toàn. Lỗ Tấn đã viết: “Tôi đổ máu tôi cho Hiên Viên”. Câu này ta học thuộc lòng khi còn là sinh viên nhưng bây giờ ta không thể không nghi ngờ tính chính đáng của nó. Hiên Viên, là tên người mà theo truyền thuyết là hoàng đế đầu tiên của đất nước này, của tổ quốc này, của dân tộc này. Tại sao tuyệt đối cứ phải rẩy máu của mình ra vì quang vinh của tiên tổ? Đổ máu ra, cái đó có thật lớn lao không? Người ta chỉ có một cái đầu, tại sao cứ phải chặt nó đi cho Hiên Viên kia?

Từ Vị có câu: “Thế gian này, hình hài đều giả, do người nặn nên, nhưng vốn dĩ cái mặt thật thì là tôi sáng tạo”, nghĩ ra càng thấy thâm thúy. Nhưng cái hình hài dù giả đi nữa thì không giả tạm không nói cái đó

nhưng lẽ nào không để cho người nặn lấy thì không được hay sao? Lại nói, cái bộ mặt vốn dĩ thật kia, thật hay không thật cũng không nói nữa, vấn đề là ở chỗ có thể sáng tạo ra được nó không đây?”

Rút cục cái phố nhỏ vẫn nguyên tất cả tại chỗ như ngày xưa: “Phòng sách phủ đầy cây tầm gửi” của Lỗ Tấn, cái sân con mọt những cây tầm gửi già nho nhỏ, bàn học với những cửa sổ sáng sủa và cái bàn trà không thể chê. Một nơi yên tĩnh như vậy chắc hẳn đã giữ cho Lỗ Tấn khỏi điên. Thế gian hẳn không phải làm ra cho con người nhưng dầu gì con người vẫn cứ phải sống trong đó. Nếu người ta muốn tồn tại và giữ “bộ mặt thật” mẹ sinh ra đời, nếu người ta không muốn bị giết, không muốn bị điên thì người ta chỉ còn có cách chạy trốn. Cái thị trấn nhỏ này cũng không ở lâu được hơn nữa, ta hấp tấp lên đường.

Bên ngoài thành phố có mộ Đại Vũ trong dãy núi Cối Kê, vị quân chủ đầu tiên của triều đại có một phả hệ khả dĩ tin cậy từ thế kỷ 11 trước công nguyên. Ông thống nhất vương quốc, tập hợp các công hầu được ông phong thái ấp và khen thưởng từng người theo công tích chính là tại nơi đây.

Ta băng qua cây cầu đá bắc ngang sông Nhược Gia, dưới chân đồi thông; trước di tích ngôi mộ Đại Vũ, trên bãi đất, người ta phơi lúa mì. Vụ mùa muộng đã được thu hoạch. Nắng thu làm khỏe khoắn con người đang chìm ta ngập vào một trạng thái lơ ma lơ mơ thú vị.

Khi qua cánh cửa vào cái sân im lặng này, một cảm giác cô đơn bóp nghẹt lấy ta. Ta hình dung ra tại đây, cách nay bảy nghìn năm hậu duệ của người Hà Mẫu Độ trồng lúa, nuôi lợn, nặn những hình nhân bằng đất nung như thế nào, hậu duệ của người Lương Trước ^[27] vạch lên đồ gốm của họ các tín hiệu rỗng và các hoa văn hình học, ta hình dung tổ tiên của dân Bách Việt xăm mình, cắt tóc ngắn với các vật tổ chim chóc đã được Đại Vũ điểm binh ra sao. Sư phụ Phương Phong, người khổng lồ thô lậu, quần áo bằng gai phấp phới quanh người, dây da buộc túm lại, đã đến dự cuộc lễ duyệt bị muộng, Đại Vũ lập tức lệnh vệ sĩ chặt đầu.

Cách nay hai nghìn năm, Tư Mã Thiên đã đích thân tới đây điều tra để viết tập Sử ký hoành tráng. Ông xúc phạm Hoàng đế, nếu ông giữ được thủ cấp thì mất bộ phận sinh dục.

Trên mái tòa nhà chính, giữa hai con sóng, một tấm gương tròn hắt lại ánh nắng chói lóa. Trong gian sảnh tối của ngôi miếu, người ta mới dựng một pho tượng Đại Vũ, vẽ nhân từ điển tả ở tượng có phần nào theo ước lệ. Trái lại, chín búa rìu để sau ông, tượng trưng cho hành động bình định chín châu của ông mới có ý nghĩa hơn.

Thực bản ký nói: “Vũ nguyên quán huyện Văn Sơn, Quang Nhu, sinh tại Thạch Nữu”. Ta vừa vặn từ đó đến đây, bây giờ chỗ ấy là nơi sinh sống của người Khương ở Văn Xuyên. Cũng là sào huyệt của gấu trúc. Mà Đại Vũ thì lại đẻ ra từ bụng một con gấu, Sơn Hải Kinh có thể chứng thực điều đó.

Người ta cứ nói ông có công trị thủy, nạo thông sông Hoàng Hà, ta nghi ngờ sự thật này. Ta cho rằng ông từ thượng lưu sông Mân (nguồn ban đầu sông Trường Giang và đến nay vẫn là chủ đạo, có thể tham khảo sách Thủy kinh chú), men theo Trường Giang, qua Tam Hiệp, bắc đánh núi Tích Thạch, Nam đánh các nước công cộng, đông đánh núi Vân Vũ, con đường chinh chiến một lèo đánh thẳng tới bờ Đông Hải. Lúc ấy tại nước Thanh Khâu của hồ ly tinh chín đuôi, sau đổi thành Cối Kê, dưới chân núi Đồ Sơn Thanh Thúy, gặp một mỹ nữ hết sức mê hồn, trong khi hai bên hợp hoan ông đã lộ ra nguyên hình là gấu. Cô gái trinh này cả sợ không yên, Đại Vũ thánh thần không thể không sốt ruột, đuổi theo trèo lên, lớn tiếng quát: “Giàng!” thế nên mới sinh ra vị thái tử đầu tiên kế vị đế vương của con người ở cái thế gian này. Trong mắt vợ ông, Đại Vũ là một đầu gấu, trong miệng chúng nhân thì là thần, dưới bút các sử gia thì đế vương, người viết tiểu thuyết lại có thể viết ông là kẻ giết người khác để thực hiện ý chí của mình. Còn cái truyền thuyết hồng thủy mà ông trị thì như một người nước ngoài gợi ý, đó là sự hồi tưởng đến vỡ nước Ồi mà thôi.

Trong mộ Đại Vũ, mọi di tích xác thực đều đã biến mất. Chỉ còn lại tấm bia lớn đối diện với tòa miếu chính phủ vài chữ viết hình con nòng nọc mà chưa một chuyên gia nào có thể đọc ra. Ta quan sát kỹ lưỡng

chúng, đào nát óc rồi thành linh thể là ta ngộ, ta phát hiện ra rằng người ta có thể diễn giải chúng theo cách sau đây: lịch sử là một bí ẩn

hoặc: lịch sử chỉ là sự dối trá

hoặc: lịch sử chỉ là chuyện ba láp

hoặc: lịch sử là lời dự báo.

hoặc nữa: lịch sử là một quả chua chát.

người ta còn có thể nói: lịch sử rắn chắc như sắt

hay nữa: lịch sử là một cục bột nhào

và thậm chí: lịch sử là tấm khâm liệm

và nếu đi xa hơn nữa: lịch sử là liều thuốc cho đổ mồ hôi

và xa nữa, lịch sử giống như thần linh vấp phải tường, thất bại,

và cũng theo cách đấy xa như thế, lịch sử là những vật trang sức cũ kỹ xinh xẻo.

thậm chí, lịch sử là sự thực hiện của lý tính

lại thậm chí cả: lịch sử là kinh nghiệm

cho tới: lịch sử chuỗi hạt ngọc đứt dờn

cho cả tới: lịch sử là một chuỗi nhân duyên

hoặc: lịch sử là so sánh

hoặc: lịch sử là trạng thái tâm thần

lại như: lịch sử là lịch sử

và lịch sử chẳng phải là cái gì hết

cũng như: lịch sử chỉ là một tiếng than dài

ôi lịch sử, ôi lịch sử, ôi lịch sử, lịch sử

tóm lại, lịch sử có thể hiểu nó như thế nào cũng được, và cái ấy mới thật sự là một phát kiến vĩ đại.

- Đây không phải là tiểu thuyết!

- Vậy là gì? Hẳn hỏi.

- Tiểu thuyết phải có một chuyện đủ đầu đuôi hẳn hoi.

Hẳn nói hẳn cũng kể chuyện, nhưng một số nào đó kể đủ đầu đuôi, một số khác thì không.

- Nếu không tôn trọng một trật tự nào cả thì tác giả không biết đặt đưa tình tiết đi như thế nào nữa đâu.

- À được, xin anh cho biết đặt đưa như thế nào vậy đây.

- Trước hết phải có mở đầu, rồi phát triển, đến cao trào và kết thúc. Đó là những kiến thức cơ bản để viết tiểu thuyết.

Hẳn hỏi liệu có cách viết nào ở ngoài những tiêu chuẩn cơ bản kia không. Với chuyện, người ta kể một số chuyện bằng bắt đầu từ đầu, một số khác bằng kết cục, một số có mở đầu nhưng không có kết cục, một số chỉ có kết cục hay một phần, không thể kể lại cho đến hết, một số có thể kể lại hết nhưng không phải luôn là cần thiết vì chẳng có cái gì hay đáng kể lại; vậy mà tất cả vẫn đều là chuyện.

- Anh muốn kể chuyện của anh như thế nào đi nữa thì chuyện vẫn cần phải có một nhân vật chính, đúng không? Một cuốn tiểu thuyết muốn gì cũng phải có nhiều nhân vật chính nhưng ở anh?...

- “Ta”, “mi”, “nàng”, “hắn” trong sách tôi chẳng lẽ không phải là nhân vật? Hẳn hỏi.

- Chẳng qua là những nhân xưng khác nhau. Thay đổi góc độ thuật kể, anh cũng không miễn được cái việc khắc họa chân dung nhân vật đâu. Dù anh coi các nhân xưng đó là nhân vật đi nữa thì sách của anh cũng chẳng

có một hình tượng rõ rệt nào. Mà đến miêu tả trong đó cũng không thể nói là có được nữa cơ.

Hắn nói hắn không vẽ chân dung.

- Đúng thế, tiểu thuyết không phải là hội họa, nó là nghệ thuật ngôn ngữ. Nhưng anh tưởng sự tán hót giữa các nhân xưng ấy với nhau là thay được cho việc dựng tính cách nhân vật hay sao?

Hắn nói hắn cũng không có ý định dựng tính cách một nhân vật nào, bản thân hắn cũng không biết là hắn có tính cách nữa không cơ.

- Anh viết cái tiểu thuyết gì vậy đây? Chính anh cũng không hiểu tiểu thuyết là gì mà.

Hắn bèn kính cẩn xin ngài vui lòng cho hắn một định nghĩa về tiểu thuyết.

Nhà phê bình cuối cùng với vẻ mặt khinh khỉnh, rút qua kẽ răng:

- Lại một cha hiện đại chủ nghĩa bắt chước phương Tây mà bắt chước không giống.

Hắn nói ra đây là một tiểu thuyết phương Đông.

- Ở phương Đông càng có ít hơn các thủ pháp kỳ quái như vậy, anh đem các chuyện du lịch, các diễn giải về đạo đức, cảm tưởng, bút ký, tiểu phẩm, nghị luận bất thành lý luận, ngụ ngôn cũng chẳng ra ngụ ngôn rồi chép thêm ít vào dân ca, ca dao cộng với chuyện ma quỷ bịa đặt lăng nhăng không ra thần thoại, tất cả cái đó trộn bát nháo vào với nhau và nghiêm nhiên coi là viết tiểu thuyết.

Hắn nói các sách địa phương chí thời Chiến quốc, các bản viết về người về quái thời Lưỡng Hà Hán, Ngụy tấn Nam triều Bắc triều, các truyền kỳ đời Đường, các thoại bản đời Tống Nguyên, chương hồi và bút ký Minh Thanh, từ cổ cho đến nay, chuyện kể đầu phố, diễn giải đạo đức, các ghi chép về các điều kỳ lạ đều là tiểu thuyết cả, chưa từng có ai đặt ra quy tắc sắt cả.

- Anh lại còn thuộc cả vào trường phái truy tìm gốc rễ nữa cơ đấy ư?

Hắn vội giải thích rằng các nhãn hiệu đó chính là ngài dán lên thôi. Nếu hắn viết tiểu thuyết thì là để cho khỏi bị khổ sở vì cô đơn, là để cho thú vui của riêng bản thân hắn. Hắn không nghĩ rồi hắn sẽ bước vào cái khung của giới văn học, ngay bây giờ hắn đã muốn bò ra khỏi cái đó rồi. Hắn vốn không hy vọng kiếm ăn bằng các loại sách vở này; với hắn tiểu thuyết là một món xa xỉ, xa vời với mọi kế mưu sinh.

- Hư vô chủ nghĩa!

Hắn nói thật là hắn chẳng có cái chủ nghĩa nào, thế nên mới sa vào hư vô, vả chăng, hư vô hình như không có nghĩa là trống không, cũng giống như mi, cái ảnh tượng của ta trong truyện, mà hắn lại là ảnh tượng phía sau của mi, một hình ảnh của hình ảnh, tuy không có mặt mũi nhưng vẫn cứ coi được là một đại từ nhân xưng.

Nhà phê bình phất tay áo đi.

Hắn trái lại phân vân, không rõ cái được gọi là quan trọng ở trong tiểu thuyết có phải là ở chỗ kể chuyện hay không? Hay là ở cách kể? Hay là không phải ở cách kể mà là ở thái độ của lúc kể? Hay là không phải ở thái độ mà là ở chỗ xác định thái độ? Hay là không phải ở xác định thái độ mà là ở điểm xuất phát của việc xác định thái độ? Hay nếu không phải điểm xuất phát đó thì là cái tôi của điểm xuất phát? Hay nếu không phải cái tôi thì là sự cảm nhận cái tôi? Hay nếu không có sự cảm nhận cái tôi thì là quá trình cảm nhận? Hay nếu không phải quá trình ấy mà là chính bản thân hành vi? Hay nếu không phải bản thân hành vi mà lại chính là tính khả năng của hành vi ấy? Hay nếu không phải tính khả năng ấy mà lại là sự lựa chọn tính khả năng ấy? Hay nếu không sự lựa chọn ấy mà là sự tất yếu của lựa chọn? Hay nếu điều quan trọng không ở trong tính tất yếu mà là ở trong ngôn ngữ? Hay nếu không phải ở trong bản thân ngôn ngữ mà là ở chỗ ngôn ngữ có mùi vị hay không? Ấy vậy mà hắn chỉ là có mỗi việc say sưa sử dụng ngôn ngữ để kể chuyện đàn ông đàn bà, tình yêu, đam mê và tính dục, cái sống và cái chết, tâm hồn, niềm vui và nỗi đau khổ của thể xác con người ở trong xác thịt nó và con người ở trong các quan hệ chính trị, và sự chạy trốn của con người ở

trước chính trị, và cái hiện thực mà người ta không thể chạy trốn, và sự tưởng tượng ở ngoài cái hiện thực và trong hai thì cái nào thật hơn, và sự phủ định của phủ định với cái mục đích hữu lợi nó không tương đẳng với tính tất yếu, và tính phi lý của lô gích, và việc giữ khoảng cách đối với suy nghĩ hợp lý ra khỏi cuộc thảo luận về nội dung và hình thức, và hình thức có ý nghĩa và nội dung không có ý nghĩa và thế nào là ý nghĩa, thế nào là sự quy định đối với ý nghĩa và thượng đế là ai cũng muốn làm và sự sùng bái các ngẫu tượng vô thần và sự thêm của tự ngã được phong là triết gia và tình yêu bản thân và lãnh cảm mà hóa điên loạn, dẫn tới tẩu hỏa nhập ma và các bản lĩnh siêu phàm và tâm thần phân liệt và sự ngồi thiền và sự ngồi mà không thiền nổi và lằm tưởng và đạo dưỡng thân không phải là đạo và đạo có thể nói và đạo không thể nói và đạo không thể không nói và một và sự nổi loạn chống lại cái một dung tục một gậy đánh chết tươi và đánh trẻ con và trước hết cho ra nền giáo dục nhồi vào bụng chúng đầy mực và đưa nào gần mực thì đen và đen thì có gì là xấu và người tốt người xấu không phải là người và tính người lại ác hơn tính sói và ác nhất là kẻ khác, là địa ngục tức là ở ngay trong tâm địa và tự tìm lấy phiền não và niết bàn và tất cả đều đã hết và cái gì không hiện hữu và cái gì hiện hữu hiện hữu và không hiện hữu và sinh thành của kết cấu của sinh thành ngữ pháp và cái gì chưa nói không có nghĩa là không nói và nói cũng vô ích đối với biện luận về công năng và chiến tranh giữa nam nữ chẳng ai thắng ai trong đó và đánh cờ chỉ tiến hay lui quân cờ tức là dinh dưỡng tính tình tức là cái gốc của nhân tính và người phải ăn cơm và chết đói là sự vật, thất tiết mới là sự lớn và chân lý không thể phán đoán và bất khả tri luận và kinh nghiệm là không đáng dựa vào, chỉ cái gậy đáng dựa và đáng ngã thì phải ngã và đả đảo tiểu thuyết cách mạng của văn học mê tín và cách mạng tiểu thuyết và cách cái mạng của tiểu thuyết.

Chương này có thể đọc có thể không đọc nhưng đọc rồi thì thôi cứ đọc.

Ở một thành phố nhỏ ven biển đông Trung Quốc mà ta đặt chân đến, một người đàn bà trung niên, độc thân, nài nỉ mời ta đến ăn tại nhà chị. Chị đến mời ta tại nhà những người cho ta trú, giải thích rằng buổi sáng trước khi đi làm, chị đã mua hải sản: cua, ốc và lươn biển rất béo.

- Từ xa như thế đến đây, anh phải thưởng thức các đặc sản tươi ở đây! Ngay ở các thành phố lớn, cũng khó mà mua được các thứ này.

Chị đây quan tâm đối với ta.

Ta khó lòng tránh, bèn đề nghị người chủ nhà của ta đi cùng. Rất quen biết người đàn bà này, anh từ chối:

- Chị ấy mời riêng anh. Có một mình, chị ấy buồn và có điều gì đó cần nói với anh.

Rõ ràng họ đã thỏa thuận với nhau. Ta chỉ còn có thể đi theo chị mà thôi.

Vừa đẩy xe đạp đi chị vừa nói với ta:

- Đường không gần đâu. Anh lên sau xe, tôi chở anh.

Trong cái phố đầy người này, ta sợ mình bị coi là người khuyết tật.

- Hay là tôi chở chị, nếu chị thích, rồi chị chỉ đường cho tôi đi như thế nào.

Chị ngồi lên cái đèo hàng. Ghi đông xe không ngừng rung lên, ta bóp chuông liên hồi để luồn lách qua đám đông.

Lẽ ra ta phải thấy khoái là đã được một người đàn bà mời riêng như thế này, nhưng chị đã qua cái tuổi huy hoàng: một bộ mặt buồn với nước da như sáp, hai gò má nhô cao, không một chút duyên phụ nữ khi chị lên xe hay dắt đi. Ta đạp xe, hoàn toàn chán nản, tìm chuyện để nói.

Chị giải thích rằng chị làm kế toán ở một nhà máy. Đây là một phụ nữ trông coi tiền nong, điều này không làm ta ngạc nhiên. Ta không có nhiều quan hệ với họ đàn bà này, nhưng ta biết là họ rất tinh, không thể moi được của họ lấy một xu. Dĩ nhiên đây là thói quen do nghề nghiệp đem lại, chứ không phải thiên bẩm của đàn bà.

Chị sống trong một cái sân cũ kỹ cùng với nhiều gia đình khác. Chị tựa chiếc xe ọp ẹp vào tường, dưới các ô cửa sổ.

Một chiếc khóa còng cưa to tướng khóa lấy cửa. Bên trong, gian buồng nhỏ có chiếc giường lớn chiếm mất nửa không gian, và chiếc bàn bày rượu và các đĩa thức ăn ở trong góc. Trên đất, những viên gạch chồng xếp lên nhau đỡ lấy hai chiếc hòm gỗ. Đồ trang điểm của phụ nữ để lên một miếng kính đặt trên một mặt hòm. Trên đầu giường vài cuốn tạp chí cũ chất lên nhau.

Thấy ta xem xét, chị vội thanh minh:

- Xin lỗi anh, mất trật tự không thể tưởng tượng được.
- Trong đời đâu phải chỉ có việc đó.
- Sức tới đâu tôi xoay sở tới đó, tôi không coi trọng mấy tới cái loại việc này.

Chị bật đèn và mời ta ngồi vào bàn. Rồi chị đặt một cái xoong lên bếp. Cuối cùng chị ra ngồi trước mặt ta, rót rượu ra cho ta rồi nói, hai khuỷu tay chống trước mặt.

- Tôi không thích đàn ông.

Ta gật đầu.

- Tôi không nói anh, mà nói đàn ông nói chung, nhưng anh, anh là nhà văn.

Ta không biết nên hay không nên gật đầu.

- Tôi ly hôn đã lâu và sống một mình.

- Không dễ.

Thật ra ta nói đến cuộc đời đối với mọi người đều không dễ dàng.

- Trước kia, tôi có một cô bạn, rất hợp nhau từ hồi còn ở tiểu học.

Ta thầm nghĩ chắc chị đồng tính luyện ái.

- Nay người bạn ấy đã chết.

Ta ngồi im lặng.

- Tôi mời anh đến để kể chuyện cô bạn này. Chị ấy rất đẹp. Nếu xem ảnh chị ấy chắc hẳn anh sẽ thấy rung động. Tất cả đều phải lòng chị ấy. Không phải một vẻ đẹp thông thường, một khuôn mặt tròn trĩnh, một cái miệng nho nhỏ như trái anh đào, lông mày lá liễu, mắt xếch. Người chị ấy giống như người của những mỹ nhân cổ điển miêu tả trong các tiểu thuyết cổ vậy. Tại sao tôi kể điều đó với anh? Vì tôi không bao giờ còn giữ được một bức ảnh nào của chị ấy. Tôi đã mất cảnh giác, khi chị ấy qua đời, mẹ chị ấy đã đến thu hết ảnh. Anh uống đi nào!

Chị cũng uống. Rõ là chị đã quen uống rượu. Trên tường gian buồng, không một bức ảnh, một bức tranh, cũng không có hoa cùng các con vật xinh xinh mà phụ nữ vẫn thường yêu thích. Chắc là chị tự trừng phạt rồi tiêu tiền vào rượu.

- Tôi muốn anh viết một cuốn tiểu thuyết về cuộc đời chị ấy, tôi có thể nói với anh hết về chị ấy, anh có tài mà một cuốn tiểu thuyết...

- ... là được bịa ra từ đầu đến cuối, ta vừa cười vừa nói.

- Tôi không muốn anh bịa, dù anh có phải dùng tên thật của chị ấy. Tôi không có đủ tiền để trả cho một nhà văn cùng tiền nhuận bút. Nếu tôi có tiền, có lẽ tôi sẽ làm cái đó. Điều tôi nhờ anh là một sự giúp đỡ, tôi muốn anh viết về chị ấy.

Ta hơi dướn thẳng người lên để cảm ơn chị đã tiếp đãi ta.

- Nhưng, cái đó...

- Tôi không muốn mua anh, nếu anh thấy chị ấy là nạn nhân của sự bất công, nếu anh thương hại chị ấy thì anh sẽ viết được cuốn sách. Tiếc là anh không được xem ảnh.

Mắt chị lạc đi vào một nơi nào đó. Cái chết của cô gái là gánh nặng ở trong chị.

- Tôi xấu xí từ thuở bé. Tôi thèm được như các cô gái đẹp để biết mấy, mong muốn được trở thành bạn bè của họ biết mấy. Không học cùng trường với nhau nhưng ngày nào tôi cũng nhìn thấy chị ấy, trước và sau giờ học, trên đường tới trường. Tư thái của chị ấy không chỉ làm cho đàn ông xúc động mà cả đàn bà cũng phải xao xuyến. Tôi muốn gặp chị. Chị ấy luôn đi học một mình, một hôm rình trên đường, tôi đã tóm được chị ấy và bảo rằng tôi rất thèm nói chuyện với chị, rằng chị đừng lấy thế làm lạ. Chị ấy bảo là chị bằng lòng và tôi đã đi cùng chị. Sau đó tôi luôn chờ ở gần nhà chị ấy để đến lớp và tôi đã quen được chị. Cứ tự nhiên đi, anh tự làm lấy nhé!

Lươn biển và xúp ngon tuyệt.

Vừa thưởng thức món xúp, ta vừa nghe chị thổ lộ làm sao chị đã vào được gia đình người bạn gái, mẹ người bạn gái coi chị như con đẻ. Nhiều khi chị không về nhà mà ngủ chung giường với bạn.

- Chớ nghĩ chúng tôi có gì với nhau. Tôi chỉ hiểu cái điều xảy ra giữa đàn ông và đàn bà sau lần chị ấy bị kết án tù mười năm. Chúng tôi đã xích mích, chị ấy không muốn tôi lại thăm nữa. Vậy là tôi lấy chồng. Với chị ấy, tôi giữ những mối quan hệ trong sáng nhất, chỉ hai cô gái mới có thể làm được. Anh, các anh dứt khoát không hiểu được cái đó. Đàn ông yêu đàn bà như những con vật, không phải anh, anh là nhà văn, nhưng kìa, anh ăn của đi chứ!

Chị bóc mai một con cua tươi nguyên, sắc mùi i ốt rồi đặt vào bát của ta, kèm với ốc đao lược. Đây lại là một chuyện chiến tranh đàn ông với đàn bà, chiến tranh tinh thần với xác thịt.

- Cha chị ấy là một sĩ quan Quốc dân đảng. Khi Quân giải phóng nam hạ, mẹ chị ấy có thai chị ấy. Bà đã nhận được thư của chồng dặn dò đi gặp chồng để trốn ra cảng, nhưng tàu chiến đã đi mất.

Lại một chuyện cũ. Ta mất hết thích thú với người đàn bà này. Ta chỉ chú ý ăn con cua.

- Một đêm, chị ấy ôm lấy tôi mà khóc. Tôi giật mình hỏi làm sao. Chị ấy nói là nghĩ đến cha.

- Nhưng chị ấy không bao giờ gặp, đúng không?

- Thời ấy, mẹ chị ấy đã đốt hết những bức ảnh ông bố mặc quân phục nhưng trong nhà thì vẫn còn ảnh đám cưới hai người. Cha chị ấy mặc một bộ đồ Tây, rất lịch sự, chị ấy có đưa tôi xem. Tôi đã làm mọi điều để an ủi bạn, tôi yêu quý chị ấy. Sau đó tôi ôm lấy chị ấy và cả hai cùng khóc.

- Vâng, cái ấy là hiểu được.

- Nếu tất cả ai cũng nghĩ như anh thì đã không thành vấn đề nhưng người ta không hiểu, coi chị ấy như một phần tử phản cách mạng. Họ bảo chị ấy muốn lật đổ chế độ, trốn đi Đài Loan.

- Thời đó, chính sách không như bây giờ, bây giờ chẳng là đổi ra thành khuyến khích người Đài Loan đến lục địa thăm bố mẹ họ hàng.

Ta còn nói được cái gì khác nữa?

- Thời ấy còn là một cô gái trung học phổ thông, chị ấy làm sao mà hiểu được? Lại đi ghi nhật ký rằng nhớ bố!

- Như thế có cơ bị kết án nếu có ai đó tố giác, ta nói. Ta muốn biết liệu tình yêu đối với người cha có chuyển hóa thành tình yêu đồng tính hay không.

Chị kể cô gái ấy không vào được đại học vì nguồn gốc gia đình, cô được một gánh kinh kịch tuyển. Một ngày nọ, một vai nữ của gánh hát bị ốm, người ta nhờ chị ấy thế vai, vì thế người nữ diễn viên kia trở nên đổ

ky, trong một lần đi diễn đã phát hiện ra nhật ký của chị ấy, và báo cáo với cấp trên. Trở về thành phố, một nhân viên An ninh đã đến gặp mẹ chị để yêu cầu thúc giục con gái bà tự thú và giao nộp quyển nhật ký. Sợ bị khám nhà, cô bạn đã đưa nhật ký sang nhà ông chú. Bị hỏi, mẹ chị đã thú nhận với công an rằng con gái chỉ có quan hệ với bà và người chú. Vậy là người chú bị rầy rà, đã khai ra chỗ để nhật ký. Công an đến tìm nó và dĩ nhiên chị đã hoảng sợ, thú nhận hết. Thời gian đầu, chị bị cách ly ngay ở đoàn kịch, cấm được về nhà, rồi chính thức bị bắt và ném vào tù vì tội phản cách mạng muốn lật đổ chế độ và viết nhật ký phản động.

- Có nghĩa là trong thực tế các người đều tố giác chị ấy, kể cả bà mẹ và ông chú?

Ta thấy chán món cua. Ngón tay ta đầy gạch cua nhưng không có khăn để lau.

- Tất cả chúng tôi đều viết đơn tố cáo có ký tên. Ngay ông chú ấy, già lắm rồi mà cũng sợ, không dám gặp tôi nữa. Bà mẹ nói ầm khấp nơi rằng tôi đã làm hư hỏng con gái bà, tôi đã tiêm cho con gái bà tư tưởng phản cách mạng, rồi bà cấm không cho tôi vào nhà nữa.

- Chị ấy chết thế nào?

Ta muốn biết ngay kết cục câu chuyện.

- Anh nghe đây...

Chị như đang biện bạch. Nhưng ta đâu phải quan tòa. Và nếu vụ này có rơi vào đầu ta đạo đó, chắc ta cũng chẳng minh mẫn hơn. Ta còn nhớ lúc ta còn bé, mẹ ta lấy ở trong hòm của bà ta ra một cuộn các văn tự cầm cổ đất đã từ lâu rồi đem đốt trong lò. Lúc đó trước việc tiêu hủy bằng chứng ta cũng thấy ghê tởm như thế nào. May sao không có ai đến thanh toán món nợ cũ ấy vì nếu thời đó người ta có tra vấn ta thì không có gì bảo đảm được rằng ta sẽ không tố cáo bà ta, bà đã mua cho ta con quay, và mẹ đã nuôi ta; thời thế lúc ấy là thế mất rồi!

Cảm giác buồn nôn không chỉ đến từ mùi i ốt của cua mà là cả từ bản thân ta. Không thể ăn tiếp. Ta đành uống sông.

Thình lình chị bắt đầu khó thở, rồi úp mặt vào tay nức nở.

Ta không thể an ủi chị với hai bàn tay đầy cua. Ta đành hỏi chị:

- Tôi có thể lau tay vào khăn mặt của chị được không?

Chị chỉ cho ta thau nước trong ở sau cánh cửa, trên giá. Rửa tay rồi, ta đưa cho chị chiếc khăn đã giặt. Cuối cùng chị thôi khóc. Ta ghét cái loại đàn bà tốt bụng đáng sợ này, ta không thương chị một chút nào.

Thời ấy, chị hoàn toàn ngu ngốc, chị nói một năm sau chị mới hiểu ra việc chị làm. Chị đi hỏi thăm số phận người bạn gái và nhờ chuyển vài thứ ăn ngon vào trong tù. Bị kết án mười năm, bạn gái chị không muốn gặp chị nữa. Nhưng chị nói với bạn rằng chị không lấy chồng, chị quyết định chờ bạn mãn hạn ra tù rồi hai người sẽ sống chung với nhau. Chị có việc làm, có thể chu cấp cho các nhu cầu của bạn. Cô bạn đã nhận quà của chị.

Chị giải thích những ngày sống với bạn trước khi bạn tù tội là sung sướng đến thế nào trong đời chị, hai người trao đổi nhật ký cho nhau, trao đổi những lời lẽ triu mến mà chỉ hai chị em mới có thể nói được với nhau, hai người thế không bao giờ lấy chồng, vĩnh viễn ở lại với nhau. Trong cặp này ai là chồng ai là vợ? Dĩ nhiên chị là chồng. Cả đôi cười thoải mái khi ở trên giường, chỉ cần nghe tiếng họ cười cũng đã đủ sung sướng. Còn ta, ta chỉ nghĩ đến chị với một ác ý cùng cực.

- Sau rồi sao mà chị lấy chồng?

- Chính cô bạn thay đổi, chị nói. Một hôm tôi đến thăm chị ấy ở trong tù, mặt chị ấy sừng lên và rất lạnh lùng với tôi. Ngạc nhiên, tôi hỏi chị ấy dồn dập. Cuối buổi thăm nom chỉ chừng hai mươi phút, chị ấy bảo tôi đi lấy chồng và đừng đến gặp chị ấy nữa. Tôi hỏi thì chị ấy thú thật là đã có người trong đời rồi. Ai? tôi hỏi. Một phạm nhân! chị ấy đáp. Sau đó tôi không gặp lại chị nữa. Tôi còn viết vào nhiều thư nhưng không nhận được hồi âm. Cuối cùng tôi lấy chồng.

Ta muốn bảo chị rằng chính chị đã làm cho cô bạn chị bị thiệt thòi, rằng mẹ cô bạn chị ghét chị là chính đáng. Không có chị, cô gái kia có lẽ

đã biết đến một tình yêu bình thường, lấy chồng, nuôi dạy con và không rơi vào tình cảnh này.

- Chị có con không? Ta hỏi.

- Tôi không muốn có, tự nguyện như vậy mà.

Đây là một người đàn bà xấu bụng.

- Lấy nhau được một năm, chúng tôi ly thân. Và sau một năm cãi vã, chúng tôi ly hôn, rồi tôi sống một mình, tôi ghét đàn ông.

- Chị ấy chết như thế nào?

Ta đổi hướng câu chuyện.

- Tôi nghe nói chị ấy định trốn tù. Bị một người coi ngục bắn chết.

Ta không muốn nghe gì nữa.

Ta muốn kết thúc ngay câu chuyện.

- Tôi hâm nóng lại chố xúp này nhé?

Chị nhìn ta, e ngại.

- Không cần.

Chị đến tìm ta chỉ để được thổ lộ. Bữa ăn đã làm cho ta buồn nôn.

Chị còn giải thích chị đã làm thế nào, trong muôn nghìn khó khăn, tìm ra được một bạn tù nữ của cô bạn, người này cho hay cô gái đã trao đổi tin tức với một người tù đàn ông do đó mất quyền được thăm nom và đi dạo. Chị ấy cũng đã thử trốn. Người ta nói với chị rằng dạo đó cô bạn chị đã mất trí rồi, cả ngày chỉ cười hay khóc một mình. Sau này chị đã tìm ra người tù đàn ông kia. Khi chị đến nhà anh ta thì ở đó có một người đàn bà. Vì dửng dưng hay vì sợ người đàn bà này ghen không rõ anh ta không buồn đáp lại các câu hỏi của chị. Cuối cùng, chị nổi cáu lên và bỏ đi.

- Liệu anh có viết được chuyện này không? Chị hỏi ta, đầu cúi xuống.

- Tôi xem đã.

Chị muốn đưa ta về bằng xe đạp nhưng ta từ chối. Trên đường, gió mát nhẹ thổi từ biển vào, tựa như trời sắp mưa. Khi về đến nhà, nhà của những người cho ta trú ngụ, cả đêm ấy ta thương thổ hạ tử. Thứ hải sản kia chắc là không được tươi.

Họ bảo ta rằng đêm họ nghe thấy tiếng trống tiếng chuông lạ đến từ dãy núi dọc bờ biển. Đó là các nhà tu nam nữ Đạo giáo tiến hành các lễ bí mật của họ. Người đàn ông và người đàn bà giải thích cho ta rằng họ đã tình cờ gặp và trông thấy tận mắt chính những đạo sĩ đạo cô ấy. Hai người đã nói đến chuyện này với nhau ở cạnh đám đó. Nhưng nếu giữa ban ngày lên núi thì không thể tìm ra ngôi miếu Đạo giáo đó đâu.

Theo trí nhớ của người đàn bà, ngôi miếu cheo leo trên vách đá, ven biển. Không, theo người đàn bà, ngôi miếu ở sườn núi, một con đường vạc vào vách đá dựng đứng chạy lên miếu.

Hai người nói rằng đó là một ngôi miếu rất đẹp, xây ở chỗ hõm sâu, chỉ vào được bằng một lối mòn nho nhỏ. Dù là thuyền chài ở biển hay những người hái cây thuốc đi lại trên núi cũng không thể nhìn thấy nó. Hai người đã đi đến đó ban đêm, lần theo tiếng nhạc, đang mò mẫm trong màn đêm thì bất ngờ ánh sáng của ngọn đuốc đã phá toang đêm tối, cánh cửa miếu mở ra và họ ngập chìm trong khói hương.

Hai người đã trông thấy khoảng một trăm đàn ông đàn bà, mặt hóa trang, mặc áo dài đạo sĩ, kiếm và đuốc trong tay, mắt lim dim múa hát. Họ kêu, họ khóc. Đàn ông đàn bà hòa lẫn không chút ngưng ngừng, giậm chân, mặt ngửa lên trời như trong trạng thái cuồng loạn.

Người đàn bà lại nói không nhìn thấy nhiều người bằng ấy, thật ra không có đàn ông, tất cả đều là đàn bà, trẻ già, hóa trang rực rỡ. Má bôi phấn đỏ thắm, môi mầu máu, lông mày tô đậm bằng một nét than củi và tóc thì bôi cao trên đầu thành búi buộc bằng vải đỏ có cắm một tràng hoa nhài. Họ đeo hoa tai. Có đeo ở mũi không? Người đàn bà không nhớ nữa. Họ cũng vừa hát vừa nhảy, phất ống tay áo, hét to lên thành tiếng, không khí hết sức kích động.

Mi hỏi xem người đàn bà có mộng寐 không. Chị ta nói còn có một bạn gái ở bên lúc đó. Hai người đi chơi trên núi nhưng đến một ngã tư

đường, đêm ập xuống ngăn họ xuống núi. Họ nghe thấy những âm thanh thì đi đến hướng đó, tình cờ ngã vào ngôi miếu này. Do ở đây không có cấm kỵ gì nên mở cửa. Người đàn ông cũng thế nhưng anh ta chỉ có một mình. Anh có thói quen đi đêm trong núi, không thấy sợ. Anh ta chỉ sợ cái ác độc của con người; những đạo sĩ này đang làm lễ của họ, họ không làm hại ai hết.

Hai người, cả người đàn ông và người đàn bà đều nói đã nhìn thấy bằng chính mắt mình, nếu chỉ nghe nói không thôi, họ sẽ chẳng tin. Họ đã học hết cao đẳng, trí óc họ lành mạnh và họ không tin vào ma. Làm sao biết được đây có phải là một ảo giác đơn thuần không?

Hai người lại không quen biết nhau, họ nói họ riêng rẽ đến cùng một cái vách đá bên bờ biển ấy. Mi lần đầu tiên thấy họ, nhưng mi thấy hình như gặp lại những chốn quen biết cũ, họ lập tức tin mi, không cãi cò, không nghi kỵ, không có tà ý che giấu, không có ý muốn lừa bịp ai. Họ không bao giờ thờ ơ muốn mi mắc lừa, sau kinh lịch, họ đã cố tìm một giải thích nhưng không tìm ra, họ đã thật sự sống cái sự kiện bằng chính bản thân họ và không thổ lộ ra thì không hả.

Họ nói rằng vì mi đã ở đây, vì suốt trên đường đi mi tìm kiếm những chuyện kỳ dị cho nên mi cần phải đến miếu đó một lần. Họ thích đi cùng với mi nhưng họ sợ không tìm thấy gì cả nếu như chỉ đi đến đó với mục đích duy nhất ấy. Loại việc này chỉ tình cờ thấy nếu như người ta không tìm nó. Mi có thể tin hay không, nhưng họ, họ chứng kiến bằng chính mắt họ, trong ánh sáng những cây nến đỏ, sự mệt nhọc của họ biến mất. Cả hai người có thể thể thốt việc đó, nếu như thể có được một hiệu quả nhỏ nhất nào cho phép mi tin họ, thì họ lập tức thể ngay, dù thể bồi cũng không thay cho kinh lịch của chính mi được. Mi không thể không tin sự chân thành của họ.

Cuối cùng mi đã đi đến đó. Mi leo lên đỉnh quả núi trước lúc mặt trời lặn. Mi đã ngồi ngắm quả cầu đỏ sộ đỏ rực đang nhạt dần chạm vào bề mặt vô tận của các con sóng rồi chìm chìm trong biển mầu xám lam. Trong nước, những tia sáng của nó giống với những con rắn biển. Trên mặt biển chỉ còn lại một vầng bán nguyệt đỏ. Bồng bềnh trên nước tối

thăm rồi rùng mình nhè nhẹ trước khi chìm hẳn. Trong vòm trời chỉ còn lại sương mù hoàng hôn.

Mi bắt đầu xuống núi. Rất nhanh bóng tối bọc kín mi lại. Mi nhặt một cành cây làm gậy chống rồi đi từng bước một, gõ gậy vào các bậc đá của đường mòn. Thoắt chốc mi đã lọt vào một vực tối, và mi không còn nhìn thấy cả biển lẫn đường đi.

Mi buộc phải dán người vào vách đá trên con đường mòn bị cây cỏ xâm chiếm này. Mi bị ngã xuống vực. Chân mi yếu đi, mi chỉ còn phó thác vào cây gậy để tìm đường. Mi không biết bước sau của mi liệu có chắc chắn không và rồi cuối cùng mi thậm hỏi có phải cái bóng tối mỗi lúc một dày đặc này nó đến từ chính trái tim của mi không đây. Mi tất cả tin tưởng vào cây gậy. Cuối cùng mi nhớ ra mi có bật lửa ở trong túi thế là chẳng thắc mắc xem liệu có thể chiếu sáng cho mi đi đến được một con đường tử tế hay không, mi đã nghĩ ít ra nó cũng giúp được mi tí chút. Trong bóng tối sâu dày, cái bật lửa chỉ cho ra thứ ánh sáng bé tí run rẩy hết sức đáng lo ngại. Mi phải lấy tay che gió. Ngoài tay mi, một bức tường đen ngòm dựng lên. Mỗi bước mi lại thậm hỏi liệu mi có sắp rơi vào chỗ trống hẫng không đây. Rồi gió thổi ngọn lửa tắt ngấm, mi phải từng bước đi lên như một người mù, vừa đi vừa gõ gậy ở trước mặt. Con đường này quả thật là nguy hiểm cho tính mạng.

Cuối cùng mi mò vào một hốc núi, giống một cái hang, ánh sáng yếu ớt lọt ra qua khe cửa. Không do dự mi đẩy cửa, nhưng cửa đóng. Mi dán mắt vào khe, chỉ thấy một ngọn đèn đơn độc, trong ánh đèn, mi nhận thấy đây là một miếu đường dành cho Thái thượng tam thánh thể hiện bằng ba pho tượng: đạo đức thiên tôn, nguyên thủy thiên tôn, linh bảo thiên tôn.

- Anh làm cái gì ở đây?

Một tiếng nói gay gắt thành linh gọi mi. Mi giật mình quay lại nhưng nghe thấy tiếng người mi lại cảm thấy vững dạ.

Mi giải thích rằng mi là người đi đạo, bị lạc trong đêm tối, mi không biết qua đêm ở đâu.

Không nói không rằng, ông lão bảo mi leo lên cầu thang gỗ vào gian phòng có ngọn đèn dầu chiếu sáng. Lúc đó mi thấy ông già mặc một áo dài đạo sĩ, gấu quần túm buộc lại nơi mắt cá chân. Cái nhìn của ông lão sáng quắc trong hai hố mắt sâu hoắm. Chắc đây là một triết nhân già. Mi không dám bảo rằng mi đến dò la các bí mật của ngôi miếu, mi không ngừng xin lỗi đã quấy rầy ông rồi mi xin ông cho trọ đêm, hứa hẹn ngay sớm mai lại lên đường.

Vừa càu nhàu ông già vừa lấy chiếc chìa khóa móc ở ván tường rồi cầm lấy cây đèn. Mi ngoan ngoãn theo ông. Hai người lên gác, ông già mở cửa một gian phòng rồi quay đi không nói một lời.

Đánh bật lửa lên, mi phát hiện ra chiếc giường gỗ, ngoài ra không gì cả. Mi để nguyên quần áo nằm co quắp lại, chẳng dám nghĩ đến cái gì. Sau đó, mi nghe thấy một tiếng chuông rất nhẹ vang lên ở tầng gác trên, kèm theo tiếng tụng kinh không rõ lời của một người đàn bà. Ngạc nhiên, mi bắt đầu tin vào cuộc lễ bí mật họ đã kể cho mi nghe: chắc nó đang diễn ra trên gác. Mi muốn đi xem nhưng cuối cùng mi không động dậy. Tiếng chuông, tiếng tụng kinh ru mi, trong bóng tối, cái mệt mỏi vây mi. Hình như mi nhận ra hình dáng một cô gái ngồi xếp bằng ở trên giường, tóc buộc đang gõ vào chuông đồng cho ngân lên từng đợt nối nhau. Tựa như có một làn ánh sáng xao động, mi không thể ngăn mi tin vào cơ duyên, số phận và sự nghỉ ngơi của tâm hồn nhờ kinh kệ...

Hôm sau, sáng bạch mi mới dậy. Mi leo lên tận tầng cuối cùng. Cửa mở ra một phòng rộng trống không. Không ban thờ, không rèm màn, không bài vị, không hoành phi câu đối. Duy nhất ở giữa tường một tấm gương menh mang quay vào cửa hang có một lan can gỗ đơn giản che chắn. Mi đến trước tấm gương nhưng mi chỉ thấy trời xanh ở đó. Mi đứng lặng, không nói một lời.

Khi xuống núi, nghe thấy tiếng khóc mi bèn đi về phía đó. Một đứa bé trần truồng như nhộng ngồi ở chính giữa đường. Nó khe khẽ thút thút khóc, giọng đã khản. Rõ ràng nó khóc đã lâu. Mi cúi xuống:

- Có một mình cháu thôi ư?

Trông thấy mi đưa trẻ càng nước nở to lên. Mi cầm hai cánh tay gây guộc của nó kéo nó đây, mi phúi đất cát ở mông nó.

- Cháu ở đâu?

Mi càng hỏi, nó càng khóc to. Không thấy làng nào trong tầm mắt.

- Bố mẹ cháu đâu?

Nó nhìn mi, mặt đầy nước mắt, lắc đầu.

- Cháu ở đâu?

Nó tiếp tục khóc. Mi thử dọa nó:

- Mày khóc nữa tao kệ mày đây này!

Thế này hiệu nghiệm hơn, nó ngừng ngay.

- Cháu ở đâu đến đây?

Nó không trả lời.

- Cháu có mỗi mình thôi ư?

Nó cứ tiếp tục nhìn mi, ngô nghê. Mi hơi cáu:

- Cháu có biết nói không đấy?

Nó lại bắt đầu khóc. Mi ngăn nó lại:

- Đừng khóc!

Nó há hốc mồm như toan khóc nhưng không dám.

- Nếu còn khóc tao cho một cái đét.

Nó cố sức nín, mi bèn bế nó lên.

- Cháu muốn đi đâu, nào cháu? Bảo với tao.

Nó không chút ngượng nghịu ôm lấy cổ mi.

- Cháu không biết nói à?

Nó lấy hai bàn tay đầy đất quệt lên mặt và nhìn mi ngô nghê. Mi chẳng biết làm sao nữa. Có thể là con của nông dân quanh đây mà chắc là bố mẹ không để mắt đến. Thật là điên rồ.

Mi bế nó đi một quãng nhưng không thấy một ngôi nhà nào. Mi bắt đầu mệt và không thể bế đứa trẻ cam này xuống chân núi được, mi bèn nói với nó.

- Cháu xuống đất đi được không?

Nó lắc đầu, vẻ tội nghiệp.

Mi lại bế nó đi như thế nhưng vẫn chẳng trông thấy ai. Không một làn khói bay lên từ lũng nhỏ. Mi thầm nhủ hay là người ta cố tình đem bỏ đứa trẻ cam trên đường núi này. Mi phải đưa nó trả về chỗ mi đã thấy nó, bố mẹ nó sẽ tìm lại nó.

- Xuống đi đi cháu, tao mệt rồi.

Mi xoa xoa đít nó. Thật ra nó đã ngủ. Chắc nó bị vứt bỏ đã lâu ở đây, nạn nhân của sự độc ác nơi những người lớn tuổi. Mi thầm chửi rửa bố mẹ nó.

Tại sao họ cho nó ra đời nếu như họ không đủ sức nuôi dạy nó.

Mi nhìn khuôn mặt be bé đầy vệt nước mắt của đứa bé. Nó ngủ say. Nó tin mi đến thế, lúc bình thường chắc nó không nhận được nhiều âu yếm như thế này. Mặt trời xuyên qua đám mây chiếu vào mặt nó. Nó hấp háy mắt, quay đi, vì mặt vào ngực mi.

Một hơi ấm như làn sóng vọt ra từ đáy sâu lòng mi, từ lâu mi không cảm thấy một sự trù mến tương tự. Mi phá thiện ra là mi còn yêu trẻ con, lẽ ra mi phải có con sớm rồi. Càng nhìn nó, mi càng thấy nó giống mi. Phải chăng mi đã tình cờ cho nó mạng sống trong lúc tìm kiếm một giây phút khoái lạc? Rồi phải chăng mi đã ruồng bỏ nó? Rồi mi chẳng

còn bao giờ nghĩ đến nó, lúc này nguyên rửa bố mẹ nó thì thật ra là mi chửi rửa chính bản thân mình!

Mi hơi sợ, sợ nó thức dậy, sợ nó biết nói, sợ nó nhận ra. May sao nó câm, may sao nó ngủ, nó không hiểu ra bất hạnh của nó. Mi cần để nó ngủ trên đường núi, tranh thủ lúc chưa ai phát hiện ra nó để mi trốn đi càng xa càng tốt.

Mi đặt nó xuống đường. Nó hơi động dậy rồi cuộn tròn lại, giấu mặt vào hai bàn tay. Chắc nó cảm thấy đất lạnh và chắc nó sẽ tỉnh lại. Mi cố gắng chạy giữa trời quang ngày tạnh như một tên tội phạm bỏ trốn. Mi như nghe thấy tiếng khóc ở đằng sau nhưng mi không dám quay đầu lại.

Khi qua Thượng Hải, trong phòng chờ nhà ga, những hàng người vô tận xếp trước các quầy vé, ta mua một vé tàu nhanh của một dân thường đi Bắc Kinh trả lại. Một giờ sau, ngồi trong khoang, ta tự cảm thấy hài lòng. Cái thành phố mênh mông, nơi chồng chất hơn mười triệu người dân này không còn chút lý thú nào nữa trong con mắt ta. Ta muốn biết nơi một người chú họ đã sống, ông ấy đã mất trước cả cha ta. Chẳng ai trong hai người đạt tới cái lúc huy hoàng cáo lão.

Rùa và cá sông Ngô Tùng, con sông đen kịt chảy qua thành phố và phả ra mùi hôi thối, đã chết rồi. Ta không tài nào hiểu nổi làm sao người dân Thượng Hải vẫn có thể tiếp tục sống ở đây. Ngay nước máy được xử lý mà vẫn vàng, vẫn sặc mùi vị clo. Con người chắc là chịu đựng dai dẳng hơn tôm cá.

Xưa ta đã đến cửa sông Trường Giang. Ngoài những con tàu viễn dương không sợ han gỉ, bông bênh trên sóng lớn vàng vọt, chỉ thấy những bờ bùn lầy phủ đầy lau sậy cùng sóng đánh liên hồi. Phù sa bồi vào đấy không cách gì ngăn chặn được, sẽ tới cái ngày mà tất cả kiểu Trung Quốc sẽ chỉ là sa mạc mênh mông.

Ta nhớ ngày còn bé, nước sông Trường Giang dù nắng hay mưa lúc nào cũng trong. Trên bờ, từ sáng đến tối những người bán hàng mời chào những con cá to tướng đã cắt khúc ra để bán. Nhưng trong chuyến đi này, ta đã qua các bến cảng dọc con sông, ta không còn thấy con cá nào to như thế. Cả những quầy bán cá cũng hiếm rồi. Chỉ còn thấy chúng ở Vạn Huyện, cửa ra của Ba Hẻm Môn Hiệp, cả thành phố được một con đê cao ba bốn mươi mét che chở. Nhưng trong các thúng tre chỉ bày rất lũ cá con cho mèo thì hợp. Ngày xưa, ta thích ngồi trên ke bờ sông nhìn mọi người ở trên cầu tàu buông câu. Lúc cá ra khior nước, ta ngấm nhìn cuộc vận lộn gay go, hỗn hển diễn ra giữa người và vật. Bây giờ hơn mười nghìn người quản việc kế hoạch hóa chỉ trong riêng Sở cải tạo sông Trường Giang; ta đã được một trong những trưởng phòng đón tiếp,

trưởng phòng này chịu lệnh của một chi cục hay bộ nào nữa ta không biết. Khi cấp trên đi vắng, ông nói riêng với ta rằng hơn một trăm loài cá nước ngọt đã gần như biến mất.

Và cả ở Vạn Huyện nữa, tàu thủy neo lại một đêm. Thuyền phó đến chuyện gẫu với ta khi ta đang ngắm nhìn ánh đèn thành phố. Ông kể cho ta nghe ông đã nấp trong ca bin hoa tiêu, chứng kiến một cuộc tàn sát trong Cách mạng văn hóa. Dĩ nhiên đây là người bị giết chứ không phải cả. Ba người một, cổ tay trói vào nhau bằng dây thép, rồi bị hất xuống sông bởi những tràng súng máy. Hễ một người trúng đạn là lập tức kéo hai người kia xuống theo, ông đã thấy họ giãy giụa như cá mắc câu, trước khi trôi dạt trên dòng sông như những con chó chết. Đáng lấy làm lạ là người càng bị giết thì càng đông hơn cá, càng bị câu thì hàng hiếm đi. Lẽ ra nên ngược lại thì tốt.

Người và cá có chỗ này giống nhau: vĩ nhân và cá lớn tất cả đều bị làm cho không còn. Đủ thấy thế gian này không phải là dựng nên cho họ.

Ta rất sợ là ông chú họ xa của ta cũng đã là một trong các người lớn cuối cùng đó. Ta không nói đến những người hiện nay chen nhau thành đám ở các buổi lễ lạc và yến tiệc chính thức. Ta nói những người mà ta tôn kính. Ông chú này là nạn nhân của một lần dùng lầm thuốc. Điều trị bệnh viêm phổi đơn giản, ông đã được người ta đưa vào nhà xác hai giờ sau khi tiêm một mũi kháng sinh. Ta đã nghe nói đến các vụ như thế nhưng không bao giờ ta nghĩ chú ta sẽ chết như thế. Lần cuối cùng ta gặp ông là trong Cách mạng văn hóa, cũng là lần đầu tiên ông nói chuyện chính trị và văn học với một đứa trẻ như ta. Trước kia ông chỉ đùa vui với ta, giọng trầm và hỗn hển, ông biết hát Quốc tế ca bằng quốc tế ngữ. Ông bị hen từ lâu, ông nói ông mắc cái bệnh này là do hút quá nhiều thể phẩm của thuốc lá trong chiến tranh. Ngoài mặt trận, khi hết thuốc lá, người ta có thể hút mọi thứ, thí dụ lá bắp cải hai bông khô. Người ta phải tháo gỡ ở trong mọi tình huống.

Ông cũng luôn có một trò làm cho trẻ con vui. Một hôm, ta cãi mẹ, bỏ ăn, để nguội ngất món xúp thịt gà nấu mì nui mà mẹ múc cho đầy bát. Hai ý chí chọi nhau. Ngày bé ta cũng đã có cái nghiêm trang của người

đứng tuổi, như một sợi dây cung căng thẳng, ta không lung lay. Lúc mẹ ta sắp giận, thì chú ta cầm tay ta dẫn ra phố mua kem cho.

Trời đổ mưa rào, nước xối như thác. Chú bỏ đôi bột lính ra, xắn quần lên và dẫn ta lội bì bõm trong cái cửa hàng mà ta nốc hết hai cái kem to tướng. Từ đấy chưa bao giờ ta còn ăn nhiều kem như thế. Khi chú đưa ta về nhà, mẹ ta đã tươi cười, thấy vẻ chú tội tội, bột cầm tay. Cuộc chiến tranh lạnh giữa hai mẹ con đã chấm dứt. Ông chú này quả thật có cung cách của một vĩ nhân.

Cha của chú chết vì hút thuốc phiện và mê mải lạc thú đàn bà. Cụ là một nhà tư sản. Thời đó, cụ đã cho chú hàng nghìn nguyên để đi Mỹ học và cấm chú tham gia các hoạt động bí mật của Đảng Cộng sản. Nhưng chú dứt khoát từ chối, trốn đến Giang Tây để dự cuộc kháng chiến chống Nhật, trong Tân Tứ Quân.

Chú thích kể chuyện khi tân Tứ Quân đóng ở nam An Huy, chú đã mua một con báo con của người nông dân và nuôi nó trong một cái lồng giấu dưới gầm giường. Cứ hễ đêm xuống là bản năng thú trở lại, nó không ngừng gầm gừ. Khi quân đội lên đường, chú không nỡ lòng nào giết nó bèn trao nó cho một người.

Thời ấy, cha ta là người chuyện trò chính của chú. Mỗi lần đến thăm, chú đều mang một chai rượu không thể tìm ra nổi ở thị trường rồi đui người vệ sĩ, lái xe của chú ra về. Một gói to đựng đủ các loại kẹo của Thượng Hải dành riêng cho ta. Mỗi lần hai người chuyện trò tới sáng, gọi lại tuổi ấu thơ, tuổi thanh xuân, như ta bây giờ mỗi khi tình cờ gặp lại bạn bè cũ. Hai người nói đến cái rét trong căn nhà cổ đầy bìm bìm của họ, nói đến những nỗi khổ sở cốn con của họ ví như khi chú ở trường về, chảy máu cam, bẩn cả cổ áo. Chú thấy sợ vừa đi vừa khóc, người ngoài đường cũng như họ hàng xa của chú đều nhìn dừng dừng chú đi qua. Chỉ có bà cụ bán đậu phụ giữ chú lại, đẩy vào trong nhà, chỗ xay đậu nành rồi lấy giấy quyền ra vò vò lại đưa chú nhét mũi.

Hai người cùng nói đến ngôi nhà cũ, ngôi nhà mà cụ của ta bị điên đã phóng hỏa nhưng người trong gia đình cứu được. Một cô gái sống cạnh ngôi nhà ấy đã tự tử vì tình. Hai hôm trước, cô ở cửa hàng vải đi ra, cắp

một miếng vải hoa. Người ta ngỡ cô chuẩn bị đám cưới, nhưng hai ngày sau, cô đã tự tử, nuốt những cây kim, mặc chiếc áo dài may bằng thứ vải hoa nọ.

Quấn tròn trong chăn, ta nghe hai người chuyện trò, mê hoặc, không muốn ngủ. Ta thấy chú hút hết điếu thuốc này sang điếu thuốc khác dù mắc bệnh hen. Vào những lúc sôi nổi nhất của câu chuyện chú đi đi lại lại trong phòng, bước những bước dài. Chú chỉ ao ước một điều: giải ngũ để viết.

Lần cuối cùng ta đi Thượng Hải thăm chú, thấy chú cầm trong tay một bình xịt dùng cho những khi ho dữ dội. Ta hỏi chú đã viết quyển sách của chú chưa. Chưa, may thế, nếu không thì chú đã chẳng còn trong cõi đời này rồi. Đây là lần duy nhất chú không coi ta là một đứa trẻ. Chú dặn ta cẩn thận: thời nay không còn là để viết văn học đâu, cũng chẳng nên làm chính trị gì. Theo chú, khi bị cuốn vào chính trị là người ta có cơ mất khôn mà không biết, chẳng còn hiểu mình sẽ đặt chân vào đâu. Ta nói rõ cho chú hay là ta cũng không thể theo đuổi việc học hành ở đại học nữa. Thế thì kìa, cháu cứ việc làm người quan sát. Chú bảo bây giờ chú cũng đang quan sát. Trước Cách mạng văn hóa, vào lúc cuộc vận động chống phái hữu đang tiến hành dữ dội trên các báo, khi mà mọi người đang chết đói chú đã bị điều tra. Chú bèn bắt đầu quan sát, đứng ra lẽ, và từ ấy, chú bị theo dõi, kiểm soát. Không có lạ nếu thời đó cha ta cắt đứt mọi quan hệ với chú. Chú chỉ bảo cha ta rằng chú đi thị sát ở một xó góc biển chân trời ngoài đảo Hải Nam với tất cả đồ lễ quan sự của chú. Lúc ấy không thể đoán được những câu này có giấu một thông điệp bí mật.

Từ lúc ấy ngay lần về, trên tuyến đường sắt Bắc Kinh – Thượng Hải ta bắt đầu quan sát: những chiến sĩ chịu trách nhiệm cái gọi là “tiến công bằng lời lẽ, tự vệ bằng vũ khí”, văn công vũ vệ, dao trong tay, mũ vành liễu trên đầu, băng vải đỏ nơi cánh tay, đứng xếp hàng cửa toa. Một hành khách sửa soạn xuống đã bị giục quay trở lại. Theo sau người này họ ập vào. Người này hét ầm lên kêu cứu nhưng không ai dám ho he. Ta thấy họ kéo người ấy ra ngoài vây kín lấy và đánh cho một trận. Rồi đoàn tàu chuyển bánh, ta không biết tình cảnh người kia sau đó ra sao nữa.

Thời ấy mọi thành phố ta qua đều điên loạn. Các công trình của con người, tường, nhà máy, cột điện cao thế, tháp nước, tất cả đều phủ đầy khẩu hiệu thể bảo vệ đến chết, đả đảo, đập nát, huyết chiến tới cùng. Suốt dọc đường sắt, loa phóng thanh trong các toa xe phát đi những bài hát chiến đấu lẫn vào tiếng còi tàu ầm ĩ. Ở ga Minh Quang, phía bắc Trường Giang, có trời mới biết được làm sao có cái tên gọi này – Ánh sáng tỏ tường, lại vẫn còn được giữ lại, người tị nạn chen chúc nhau dọc hai bên đường sắt. Tàu không mở cửa nữa, người ta bèn bò chui vào qua cửa sổ, lèn chặt trong các khoang như cá hộp. Người ở trên xe ra sức giữ cho cửa sổ đóng chặt. Thế là cách nhau một tấm kính, cùng là dân tị nạn bây giờ hóa thành thù địch của nhau. Tấm kính này kỳ lạ, khi cách ngăn con người, nó làm cho các khuôn mặt méo đi, đầy giận dữ và thù hận.

Tàu bắt đầu chạy trong tiếng động nhức tai nhức óc, tiếng mưa sỏi đá và những tràng sấm chửi rủa, tiếng đấm đánh, tiếng kính vỡ, thật đúng là cảnh địa ngục, sở dĩ như thế là bởi lẽ người ta đều đang định ninh mình chịu đau khổ như thế này là để bảo vệ chân lý.

Và vẫn ở thời kỳ ấy, vẫn trên tuyến đường sắt ấy, ta đã thấy thân một người đàn bà trẻ tuổi trần truồng, bị bánh xe lửa chặt khúc ra như một con cá bị lưỡi dao bén cắt ra vậy. Đoàn tàu rung lên rầm rầm và rúc còi, kim loại, kính ken kết nghiêng trong một tiếng bực xé chói tai. Người ta có thể nói là một trận động đất. Những năm tháng đó mọi cái đều kỳ lạ. Tựa như trời và người cảm ứng với nhau và đất hóa điên không ngừng rùng rùng chuyển động.

Xô đi chừng trăm, hai trăm mét, con tàu mới đột ngột dừng lại. Nhân viên, thành viên an ninh và hành khách xuống xe. Cỏ mọc ở đá rải đường bị những mẩu thịt người vấy vào. Một mùi máu tanh thối tằm đẫm không khí, máu người có một mùi gắt hơn máu cá. Trên bờ ta luy đường sắt một thân thể mũm mĩm của phụ nữ, không đầu, không chân, không tay. Máu đã chảy kiệt, thân người đàn bà này trắng bệch, nhẵn hơn một khối cẩm thạch. Cái xác thân khỏe đẹp của đàn bà trẻ này vẫn còn giữ những dấu tích của sự sống và khêu dậy ham muốn. Một ông già trong số hành khách đã đi kiếm một mảnh vải mắc vào một cành cây để dấp vào bụng dưới của tấm thân cụt què. Người lái tàu lau mồ hôi bằng chiếc mũ lưỡi trai, giải thích tuyệt vọng rằng anh đã rúc còi như thế nào khi thấy người

đàn bà đi ở giữa đường sắt. Chị không tránh. Anh đi chậm lại nhưng không thể phanh quá mạnh vì hành khách trên tàu và anh đã nhìn thấy tàu đè lên chị ta. Phút cuối cùng chị toan tránh, nhưng... Chị ta muốn tự tử, rõ ràng là tìm cái chết, có phải một sinh viên bị đẩy xuống nông thôn không? Hay là nông dân? Chị ta chưa có con bao giờ, chắc rồi không phải nói. Hành khách tranh luận với nhau. Chị ta chắc không muốn chết, nếu không tại sao đến lúc cuối cùng lại nhảy ra? Chết lại dễ như thế ư? Cũng phải là ác mới chết được như thế! Có thể chị ta mãi nghĩ. Đâu có như thế đi đường bộ ban ngày ban mặt, đằng này là đoàn tàu từ phía trước lao đến phía chị ta mà! Trừ phi chị ta điếc, chị ta thật lòng muốn chết, chết còn hơn sống. Người nói câu này vội bỏ đi ngay.

Ta chỉ có chiến đấu để sống sót, không, ta không chiến đấu cho cái gì cả, ta chỉ tự vệ mà thôi. Ta không có lòng can đảm của người đàn bà này, ta chưa tới bước tuyệt vọng như thế, ta còn yêu say đắm thế gian này, ta vẫn chưa sống đủ.

Sau chuyến lang thang dài trong cô quạnh, hấn đến trước một ông lão chống gậy, áo chùng. Hấn xin ông lão lời khuyên bảo:

- Phiền ông. Linh Sơn ở đâu ạ?

- Anh từ đâu đến? Ông lão vặn lại.

Hấn đáp hấn đến từ Ô Y.

- Ô Y? Ông lão nghĩ một lát. À, bên kia sông.

Hấn nói đúng là hấn từ bên kia sông sang, hấn có đi lầm đường không.

- Đường thì không lầm. Lầm là người đi đường.

- Thưa ông nói hoàn toàn đúng ạ.

Nhưng hấn muốn hỏi ông lão Linh Sơn có phải là ở bên này sông không.

- Bảo nó ở bờ bên kia thì nó ở bên kia chứ, ông lão trả lời đầy vẻ sốt ruột.

Hấn nói hấn đã từ bờ bên kia đi sang bên này.

- Càng đi càng xa, ông lão cả quyết nói.

- Vậy có phải quay lại không ạ? Hấn lại hỏi.

Trong thâm tâm hấn tự nhủ hấn thật tình chẳng hiểu gì.

- Tôi nói như thế là rõ lắm rồi, ông lão lạnh lùng đáp.

- Vâng ông nói đúng, thưa ông, nói rất rõ...

Vấn đề là ở chỗ hấn chưa rõ.

- Còn cái gì chưa rõ chứ? Ông lão hỏi, chăm chăm nhìn hấn, hai hàng lông mày rậm.

Hấn nói cuối cùng hấn vẫn không hiểu đi như thế nào thì đến Linh Sơn.

Ông lão nhắm mắt lại, định thần.

- Ông chẳng phải là đã nói nó ở bên kia sông đấy phải không?

Hấn không thể không hỏi lại.

- Thế nhưng tôi đã đến bờ sông bên này rồi.

Ông lão sốt ruột ngắt lời hấn: -Thế thì nó ở bên kia sông.

- Thế so nó với thị trấn Ô Y thì nó ở đâu?

- Thì nó ở đằng ấy, bên kia sông.

- Nhưng đúng là tôi đã từ Ô Y sang bên này sông đấy mà. Ông nói bờ sông bên kia có phải muốn nói bờ bên này chẳng?

- Chẳng phải là anh muốn đi Linh Sơn đấy ư?

- Đúng thế.

- Thì nó ở đằng ấy, bờ sông bên kia đấy.

- Ông lão ơi, có phải ông lão đang nói siêu hình học đấy phải không?

Ông lão lại nói với cái giọng rất nghiêm túc:

- Anh chẳng đã hỏi đường tôi đấy ư?

Hấn nói hấn có hỏi.

- Thì đấy, tôi đã mách anh.

Ông lão chống gậy bỏ đi, từng bước xa dần dọc sông, không màng tới hấn nữa.

Còn lại hẵn một mình đơn độc ở bờ bên sông này sông, bờ bên kia của thị trấn Ô Y; bây giờ vấn đề là rút cục thì Ô Y ở về bờ bên nào của sông, hẵn thật tình không còn biết thế nào nữa. Chỉ nhớ đến một ngàn năm cổ đã mấy nghìn năm:

“Có cũng về, không cũng về, đừng ở bên sông gió lạnh thổi”.

Ánh phản quang này không rõ có ý nghĩa gì, mặt nước hẹp, lá cây đều rụng sạch, cành cây xám đen, cây đứng gần nhất giống như cây liễu, xa hơn, hai cái cây sát mép nước chắc là cây du, phía trước mặt, những thân liễu thanh mảnh, bơ phờ, cành trụi lá rẽ ra thành những chạc nho nhỏ ở đầu cùng, không biết mặt nước với ánh phản quang có đóng băng không, vào lúc giá rét có thể có một lớp băng mỏng, trời mây như sắp mưa, nhưng không mưa, không thứ gì đến phá đi không gian êm ả, không một gợn rụng ở đâu cành, không gió, tất cả lặng ngắt, tựa như tất cả đều chết, trừ một tiếng nhạc duy nhất chờn vờn trong không khí, không cho lọt vào, các cây cối hơi cong vẹo, hai cây dù nghiêng đi đôi chút, một nghiêng trái, một sang phải, thân cây liễu lớn ngã sang phải, ba cành kích thước từ thân cây ngã sang trái, giữ thăng bằng cho cây, rồi không thứ gì động đậy, như mặt nước chết, bức tranh đã hoàn thành không chịu nhận thêm bất cứ thay đổi nào, ngay đến ý muốn thay đổi cũng biến mất, không vẩn vương, không hào hứng, không dục vọng, đất, nước, cây, cành, những vệt nâu đen trên mặt nước chẳng phải là những hòn đảo nhỏ, nhưng mom cát, những bãi bồi, những mảnh đất nho nhỏ nhô lên mặt nước phá đi vẻ đơn điệu gần như nhân tạo của bề mặt này, vài cây lơ thơ mọc trên bờ mà người ta không để ý đến, chỉ ở bên phải, chúng xòe cành ra như những ngón tay khô khốc, có lẽ so sánh không được thích hợp, chúng xòe cánh ra, thế thôi, chúng không hề đẹp, ngay dưới gốc liễu, một hòn đá, có phải nó ở đấy cho người ta ngồi hóng mát không? Hay để cho những người qua đường đặt chân lên tránh bị ướt giày khi nước lớn? Chẳng cái nào trong các lý do đó có thể là đúng, mà có thể chẳng phải là một hòn đá, có thể chỉ là hai tảng đất, một con đường đi qua dưới ấy hay một cái gì lại gần đàng ấy và băng qua mặt nước ấy. Tất cả có thể ngập chìm khi nước lớn, lên ngang cành liễu dưới thấp, người ta có thể nói đó là một con đê, là bờ chắn khi nước cao, nhưng con đê này lở hà lở hồng, nước có thể vẫn tràn qua, ở trên đê vị tất đã an toàn, một con chim bay lên ở phía xa xa rồi chuyển trên những cành liễu thanh mảnh, khó mà thấy nó nếu không dõi theo từ trước, không chỉ nhìn

thấy nó khi nó bay lên, đầy sức sống, quan sát kỹ, có thể thấy nhiều chim, chúng nhảy trên mặt đất, dưới gốc cây, chúng đầu rồi lại bay, chúng bé hơn con ở trên cây, cũng không đen bằng, có lẽ là lũ sẻ và con chuyển trên cây chắc là chim sáo, nếu nó không bay lên thì tất cả tùy ở chỗ biết có sáo hay không, liệu có hay không có nó ở đấy nhưng nếu không nhận được ra nó thì cũng chỉ như đã nhận ra nó mà thôi, trên bờ bên kia, một cái gì động đậy, phía ấy, trên các bụi cỏ vàng vọt, một cái xe có người đẩy người kéo, chiếc xe cải tiến hai càng, hai bánh cao su, nó có thể chở được nửa tấn đồ đạc, nó di chuyển chậm, không giống chim sẻ chút nào, người ta chỉ thoáng thấy nó chuyển động khi đã biết ra đó là một chiếc xe cải tiến, tất cả tùy thuộc vào cái ý nghĩa mà con người ta có về sự vật, nếu nghĩ rằng đằng ấy chắc là một con đường thì đó là một con đường, một con đường thật sự, cho dù nó ngập dưới nước sau trận mưa, giờ thì nó chưa bị ngập nước, người ta còn có thể đưa mắt nhìn dọc theo những đám cỏ vàng lụi và tìm ra chiếc xe cải tiến, nhưng chiếc xe đã đi xa, nó chui vào giữa đám cành liễu, thoạt đầu người ta tưởng nó là một tổ chim rồi khi mắt đã dòy qua cành cây thì người ta thấy đó là một chiếc xe cải tiến đang xô dịch đôi chút, nó chở rất nặng, gạch hay đất, cây cối trong cảnh quan, chim chóc, chiếc xe cải tiến, chúng cũng có ý thức về ý nghĩa của hình thức chúng không đấy? Giữa bầu trời xám xịt này, mặt nước và ánh phản chiếu, cây cối, chim chóc, giữa chúng có một mối quan hệ nào không? Trời ... xám... một vùng nước... cây trụi lá... không một chút màu xanh... những mô đất... tất cả đen sì... xe cải tiến... chim chóc... đấy thật lực... không nê kích động... sóng trào từng đợt... sẻ mổ hạt... các cành con... thâm suốt... thêm khát da thịt... người ta có thể tất cả... mưa... đuôi con gà mái... lông vũ nhẹ bổng... màu hoa hồng... đêm không đáy... không đến nỗi tối... gió thoảng... hay đấy... ta biết ơn em... trong cái mầu trắng không hình thù... vài dải ruy băng... cuộn lại... rét... nóng...gió...cúi và chập chờn... xóa xoáy tròn Ốc... giao hưởng bây giờ...đồ sộ...côn trùng...không xương cốt... trong vực sâu... một cái cúc...cánh đen ngòm...mở đêm ra...đâu đâu cũng là...nôn nóng... một ngọn lửa lấp lánh...những họa tiết tỉ mỉ... tơ lụa đen...một con sâu...hạt nhân của tế bào quay trong tế bào chất...đôi mắt để ra trước tiên...hắn nói là văn phong có khả năng tự sống được nhờ chính bản thân nó... một dải tai... những vết tích không tên...không biết khi nào tuyết rơi, khi nào tuyết ngừng, một lớp mịn mỏng trắng xóa chưa có thời gian

vun lại ở trên cành. Ba cái cành mọc ngược chiều với thân cây liễu đã hóa ra đen ngòm. Cây du xà cành lá, sang trái, sang phải, ở đầu cành, màu trắng của ánh nước phản chiếu, như tuyết rơi trên một vùng bằng phẳng bùn lầy, mặt nước chắc đã đóng băng. Những vệt đất mà người ta có thể gọi là đảo, bãi bồi hay mom cát chỉ còn là một bóng đen ngòm, không hiểu tại sao chúng làm thành cái bóng đen ngòm đó, nếu người ta không biết gốc gác đó là những diện tích đất, và cho dù người ta có biết đi chẳng nữa thì vẫn không hiểu tại sao tuyết lại không nằm ở đấy. Xa hơn nữa, các búi cỏ vẫn cứ như vậy, luôn vàng lụi, trên cao hơn, cái nom như một con đường vẫn lờ mờ như thế. Phía trên cái cây con vươn cành ra, người ta dò ra một đường con trắng trắng, lên cao dần, chiếc xe cải tiến đã biến khỏi con đường, không còn người đi đường nữa, họ phải hiện ra mồn một trên tuyết. Hai hòn đá hay tảng đất giống như hòn đá trước cây liễu đã biến mất, tuyết đã che phủ hết, con đường người ta đi trên tuyết nổi bật lên như những mạch máu dưới da. Và cảnh quan bình thường ta không mấy để ý tới mà rồi để lại ở trong ta một ấn tượng sâu xa chính là như thế đó. Ở trong ta nó thành linh làm nảy ra một thứ như nguyện vọng, ta thềm đi vào đó, vào trong cái cảnh tuyết này, chỉ còn là một hình bóng, một hình bóng dĩ nhiên không có chút ý nghĩa nào, nếu như không ngẫm nó qua cửa sổ. Bầu trời ảm đạm, mặt đất tuyết phủ càng sáng hơn do đối nghịch với bầu trời tối đen, không còn sao không còn sể nữa, tuyết đã hút đi mất hết mọi ý niệm, mọi hàm nghĩa.

Một làng chết, tuyết phủ đầy, phía sau, những ngọn núi cao im lìm cũng ngập tuyết. Những vệt đen là các cành cây uốn cong, những búi đen chắc là đám lá thông nhòn nhọn và những bóng thì chỉ có thể là những hòn đá nhồi lên khỏi tuyết; không màu sắc, người ta không biết là đêm hay là ngày, bóng tối phát ra một thứ ánh sáng nhất định, tuyết hình như tiếp tục rơi, các vết chân đi qua liền theo đó mờ nhòa.

Một làng phong.

Có lẽ.

Không tiếng chó sủa.

Họ chết cả rồi.

Mi gọi một lúc.

Vô ích, đã có người sống ở đây, tuyết phủ lên bức tường đỏ, lớp tuyết dày nặng vùi họ vào trong giấc mộng.

Họ chết trong khi ngủ?

Như thế có lẽ mà hay, sợ là đã có một cuộc thăm sát, một cuộc thủ tiêu triệt để, mọi người đều không thoát khỏi; trước tiên dùng những cái bánh bao thịt trộn thạch tín để diệt chó; không độc ác không trượng phu được mà.

Chó hấp hối không ư ử kêu lên được sao?

Họ đánh chó bằng đòn gánh, nện vào sống mũi, cao thủ tuyết vùi đấy.

Vì sao không đánh vào chỗ khác?

Đánh chó vào mũi mới giết chết tươi.

Không có ai chống lại ư?

Họ giết hết tất cả tại trong nhà, không ai chạy được ra ngoài lấy một bước.

Cả trẻ con à?

Họ dùng búa rìu.

Cả đến phụ nữ cũng không ta:

Hăm hiếp rồi mới giết thì mới càng tàn khốc hơn chứ.

Đừng nói nữa.

Em sợ à?

Không còn một gia đình nào ở cái làng ấy nữa à?

Một gia đình ba anh em.

Cũng chết hết à?

Nghe nói anh em nhà này là nạn nhân hoặc của một cuộc trả thù gia tộc nếu không phải là dịch bệnh hoặc là làm nghề buôn bán đái vàng dưới sông.

Họ đã bị những người lạ mặt giết chết?

Họ ngăn người đến tìm vàng ở đất của họ.

Lòng sông ấy ở đâu?

Dưới chân chúng ta.

Làm sao lại không nhìn thấy nó chứ?

Chỉ nhìn thấy hơi khói từ u ám bốc lên, đó chỉ là một cảm giác, đây là một dòng sông chết.

Và chúng ta ở trên nó?

Ừ. Để anh dẫn em đi.

Đi đâu?

Đến bờ sông bên kia, trên vùng tuyết trắng tin, ven đồng có ba cái cây, khi đi ngang qua chúng, sẽ đến trước một quả núi, ở chân những ngôi nhà đã đổ sập xuống dưới những lớp tuyết dày nặng. Chỉ có bức tường đổ nát kia nổi lên. Sau đó còn có thể nhặt được những viên ngói vỡ và những mảnh bát bằng gốm đen. Mi không giữ được cho chân mi gạt chúng đi, một con chim đêm nặng nề bay lên làm mi giật mình, mi không thấy trời nữa, mi chỉ thấy tuyết tiếp tục rơi và tích tụ lại trên hàng rào. Bên trong hàng rào là vườn rau. Mi biết rằng ở đây, dưới tuyết, người ta trồng mù tạc chống được rét và những bầu bí vỏ nhăn nheo như da các bà cụ già. Mi biết rõ khu vườn rau quả này, mi biết lối đi dẫn tới ngưỡng cửa trong cùng ở đâu; ngôi ở đó, mi đã ăn hạt dẻ rang, mi không biết đây là một giấc mơ của tuổi thơ hay cái tuổi thơ mà mi mơ ước, mi không phân biệt được, mi hiểu rằng muốn phân biệt được thì cần nhiều sức lực, hơi thở của mi bây giờ yếu, mi phải cẩn thận chớ giẫm phải đuôi mèo, mắt nó đang lóe sáng lên trong đêm tối, mi biết nó nhìn mi, mi vờ như không thấy nó, mi phải im thì thít đi qua mảnh sân trong, đằng ấy có một que đũa chống cái nia đan bằng tre, cái nia được giữ thẳng bằng trên que đũa, cô bé và mi, hai đứa nấp sau cửa, một sợi dây ở tay để rình chim sẻ, người lớn đánh bài trong nhà, tất cả đều đeo kính mắt tròn gọng đồng, mắt sưng húp và lồi ra như mắt cá vàng nhưng họ không thấy gì hết, họ đưa từng quân bài ra trước kính, hai đứa trẻ trườn dưới gầm bàn; chung quanh hai đứa, những cái chân, một móng ngựa và cả một cái đuôi to xòa ra rậm rịt, mi biết đó là một con cáo, nó không ngừng cựa quậy và cuối cùng thì hóa thành một con hổ cái lông vàng, ngồi trong chiếc ghế bành lớn và có thể xõ vào mi bất cứ lúc nào, mi không thể bỏ đi, mi biết cuộc vật lộn sẽ rất dữ tợn và nó sẽ nhảy vào mi!

Gì thế anh?

Không có gì cả, chắc anh đã mơ, trong giấc mơ, tuyết rơi vào một cái làng, trời đêm được tuyết chiếu sáng lên, cái đêm này không có thật, không khí lạnh, đầu anh rỗng không, anh cứ mơ luôn thấy tuyết, tới mùa đông và tới những vết chân trên tuyết vào mùa đông, anh nghĩ đến em.

Đừng nói với em như thế, em không muốn lớn lên đâu, em nghĩ tới bố em, chỉ bố là thật yêu em, anh chỉ nghĩ tới việc ngủ với em, em không thể làm tình mà không có tình.

Anh yêu em,

Không đúng, đấy là một thèm muốn thoáng qua.

Em nhầm cái gì vậy? Anh yêu em!

Vâng, lẫn trong tuyết, như những con chó, anh đi đằng anh đi, em chỉ muốn em thôi.

Con sói có thể ngoạm lấy em, ăn hết em, lại còn con gấu chó mang em vào trong hang để bắt em làm vợ nó!

Anh nghĩ tới cái đó tức là anh bận tâm tới em, lo lắng cho tâm tư em.

Tâm tư nào?

Đoán xem, ngốc thế, em muốn bay...

Cái gì?

Em thấy một bông hoa trong đêm.

Hoa nào?

Hoa sơn trà.

Anh đi hái nó cho em đeo nhé,

Đừng phá nó, anh không phải chết cho em.

Tại sao chết chứ?

Yên tâm, em chẳng dại đi mong anh chết cho em, em quá cô đơn, em kêu không có tiếng vọng lại, tất cả chung quanh bình lặng, không tiếng suối, không khí nặng nề, con sông mà họ tìm vàng ấy ở đâu?

Dưới tuyết ở dưới chân em,

Không đúng.

Đó là một con sông ngằm tắm tối, họ lọc nước sông, người cúi về
đằng trước,

Có một bụi cây?

Cái gì?

Không gì cả,

Anh ác thế,

Ai bảo em cứ hỏi?

Ê ê! Hình như có tiếng vọng ở trước mặt, dẫn em đi nếu anh thích.

Ta đã thấy, mi và nàng trên tuyết, trong đêm tối đen, khó nhìn ra rõ
nhưng còn nhận thấy mi chân trần trên tuyết.

Anh không lạnh ư?

Anh không biết lạnh.

Và mi đi trong tuyết như thế với nàng, rừng rậm lửa quanh những cây
rừng xanh thẫm.

Không có sao à?

Không, không cả trăng.

Không nhà cửa?

Không.

Không ánh đèn?

Không, không gì hết, chỉ mi và nàng, thế thôi, đi cùng nhau, đi trên tuyết,
nàng quàng khăn phủ la, mi thì chân đất. Mi hơi rét, không rét lắm. Mi
không thấy mình, chỉ cảm thấy mình đang chân trần trong tuyết, nàng ở
bên mi, nàng cầm tay mi. Mi nắm chặt tay nàng, mi dắt nàng đi.

Có phải đi lâu không?

Có, rất xa đấy, em có sợ không?

Cái đêm này lạ, xanh đen, sáng, với anh, em không sợ.

Em cảm thấy an toàn?

Vâng.

Em đang ở trong tay anh.

Có, em ngả vào anh, anh ôm em nhẹ nhẹ.

Anh hôn em không?

Không.

Em có muốn hôn không?

Có, nhưng em cũng không nói rõ ra được, như thế này rất tốt, chúng ta đang đi xuống và em nhìn thấy một con chó.

Ở đâu?

Trước mặt em, nó ngồi đấy, em nhận ra là một con chó, và em thấy anh thở hắt, thở ra một luồng khói to.

Em có thấy hơi nóng không?

Không, nhưng em biết anh đang thở ra hơi nóng, anh chỉ thở hắt, anh không nói.

Mắt em mở à?

Không. Em nhắm mắt. Nhưng em nhìn thấy hết, em không mở được mắt ra, em biết nếu em mở ra là anh biến ngay mất, em tiếp tục nhìn như thế này và anh tiếp tục ôm em, đừng ôm mạnh lắm, em không thở được nữa, em còn muốn nhìn nữa, muốn giữ anh lại, ô, bây giờ họ đã rời nhau và tiếp tục đi lên.

Vẫn ở trong tuyết?

Đúng, tuyết níu chân lại một ít, nhưng rất là dễ chịu, anh hơi lạnh ở chân, nhưng anh cũng cần cứ đi tiếp như thế này.

Em có nhìn thấy hình dạng em không?

Em không cần nhìn thấy, em chỉ cần cảm giác, em hơi rét, chân em hơi bị níu lại, em muốn cảm thấy tuyết, cảm thấy anh ở bên em, thế là em yên tâm, vững dạ đi lên, anh yêu, anh có nghe thấy em gọi anh không?

Có.

Hôn em đi, hôn lòng bàn tay em đi, anh ở đâu, đừng có đi!

Anh ở bên em.

Không, em gọi hôn anh, em gọi anh, anh phải lại đây, đừng ruồng bỏ em.

Đồ trẻ con ngốc nghếch, không có chuyện đó được.

Em sợ, sợ anh bỏ em, đừng bỏ em, em không chịu được cô đơn.

Em chẳng phải ở trong tay anh đây sao, lúc này đây?

Vâng, em biết, em cảm ơn anh, anh yêu.

Ngủ đi, yên tâm ngủ đi.

Em không buồn ngủ, đầu óc em hoàn toàn sáng suốt, em thấy đêm trong suốt, rừng mầu lam, tuyết chất đóng, không sao, không trăng, tất cả các cái đó em thấy rõ, cái đêm này mới lạ làm sao, có lẽ em cứ muốn ở mãi với anh trong đêm tuyết này, đừng bỏ em, đừng ruồng bỏ em, em muốn khóc, em không biết tại sao, đừng ruồng bỏ em, đừng ở xa em thế, đừng hôn những người đàn bà khác!

Cũng là mùa đông này, tuyết rơi đầy một người bạn đến – kể chuyện lúc anh lao động cải tạo. Anh nheo nheo mắt ngắm cảnh tuyết qua cửa sổ tựa như ánh phản quang quá mạnh, tựa như anh chìm vào hồi ức.

Anh kể, trong trại nông nghiệp lao động cải tạo, có một cột tín hiệu trắc địa có lẽ phải – anh ngửa cổ đánh giá qua cửa sổ chiều cao của tòa nhà gần ngay đấy – cao ít nhất năm hay sáu mươi mét, dầu sao nó cũng không thấp hơn cái nhà này. Một bầu quạ bay quanh, xa rồi lại gần, không ngừng lượn và kêu quạ quạ. Trưởng trại phụ trách kiểm soát những tội nhân phải lao động cải tạo là một người lính lâu năm từng tham gia chiến tranh Triều Tiên và có thành tích chiến đấu rực rỡ. Là thương binh, anh có một chân ngắn hơn chân kia, bước đi tập tễnh. Không biết anh ta đã gặp những phiền toái nào mà không thể lên cao hơn chức đại úy và luôn chửi thề là đã bị điều đến đây trông coi đám tù tội này.

Cái theo con mẹ nó, mày là con c... gì mà không cho ông ngử thế này? Anh chửi với giọng bắc Giang Tô. Áo choàng lính to tướng vắt lên vai, anh quay đi quay lại quanh cột tín hiệu trắc địa.

Leo lên xem! Anh ra lệnh cho ta. Tôi phải cởi áo bông ra và leo lên. Đến lưng chừng, gió thổi mạnh, bắp chân tôi run lên. Liếc nhìn xuống, tôi cảm thấy chân mình mềm oặt sắp buông ra. Đó là năm đói. Trong các làng lân cận, người ta chết đói. Ở trại còn dễ chịu hơn tí chút. Khoai lang, lạc chúng tôi trồng chất đống trong kho. Đại úy lấy đi một phần không giao nộp cho cấp trên. Khẩu phần mỗi người đã được bảo đảm và nếu có ai bị phù thũng thì muốn gì chúng tôi vẫn cứ lao động được. Nhưng tôi yếu quá không leo nổi.

Tôi gọi: Đại úy!

Bảo tao xem trên ấy có cái gì? Anh ta hét.

Tôi ngẩng đầu.

Hình như có cái túi treo ở đấy, tôi bảo anh.

Đom đóm bay ở trước mắt tôi.

Tôi không leo lên được nữa, tôi kêu.

Thế thì thay thằng khác! Anh ta cho ra một xâu những lời tục tĩu tuy bụng dạ anh ta không xấu.

Tôi xuống.

Tìm cho tao Thằng Ăn cắp, anh nói.

Thằng Ăn cắp cũng là một tội đồ lao động cải tạo, một tiểu quỷ mười bảy mười tám tuổi ăn cắp túi tiền của khách đi xe buýt. Người ta gọi nó là Thằng Ăn cắp.

Tôi tìm ra nó. Nó nhìn lên cao, ngập ngừng. Đại úy nổi cáu.

Tao xui mày đi chết hả?

Thằng Ăn cắp nói nó sợ ngã.

Đại úy ra lệnh lấy cho nó một sợi dây thừng, và nói thêm nếu nó không leo thì cắt ba ngày khẩu phần lương thực.

Thằng Ăn cắp buộc thừng vào người rồi leo. Dưới này chúng tôi đổ mồ hôi vì nó. Đến được hai phần ba, nó buộc thừng vào các thanh sắt ngang. Nó đến được đỉnh. Bầy quạ tiếp tục bay lượn quanh. Nó giơ tay đuối quạ rồi cái túi đầy bay xuống dưới chân cột. Tất cả đến xem. Thủng lỗ chỗ vì quạ mổ, cái túi vẫn còn đầy đến một nửa lạc.

Cái theo mẹ nó! Đại úy lại bắt đầu chửi.

Tập hợp!

Còi thổi. Được, tập hợp toàn trại. Đại úy bắt đầu mắng chửi. Rồi hỏi: Đứa nào làm cái này? Không ai ho he một lời.

Tự nó không thể bay lên được trên ấy đúng không? Tao lại tưởng thịt người chết chứ lại!

Mọi người cố không cười.

Nếu không ai tự thú thì ngừng tiếp tế lương thực toàn trại.

Ai cũng sợ chuyện này. Người ta nhìn nhau. Cuối cùng, ai cũng thấy chỉ Thằng Ăn cắp mới có khả năng leo lên đó. Mọi con mắt quay về nó. Nó cúi đầu rồi không gan được nữa, nó quỳ xuống thú thật đã ăn cắp rồi giấu cái túi lên đó. Nó nói nó sợ bị chết đói.

Mày phải dùng thùng leo lên? Đại úy hỏi.

Không.

Thế thì vừa nãy mày ỡng ẹo như thế là cái gì? Thằng đểu này nhịn ăn một ngày! Đại úy tuyên bố.

Mọi người hoan hô đại úy.

Thằng Ăn cắp bật khóc.

Đại úy bỏ đi, chân thấp chân cao.

Một bạn khác đến bảo nó có một việc tối quan trọng cần bàn với ta.

Đồng ý, nói đi.

Anh bảo dài lắm.

Ta bảo thì tóm tắt lại.

Anh bảo tóm tắt thì vẫn cứ phải kể từ đầu.

Thì được, kể đi.

Anh hỏi ta có biết một vị túc vệ ngự tiền nào đó của hoàng đế Mãn Thanh mà anh cho ta tên triều đại cũng như tên và hiệu của cấp trên người này không. Anh là hậu duệ trực hệ đời thứ bảy của vị quý tộc này.

Ta tin anh, chẳng hề ngạc nhiên tý nào. Tổ tiên anh là tội đồ hay đại công thần tại triều đi nữa thì cũng chẳng có mấy ảnh hưởng tới anh ở thời chúng ta.

Có đấy, tuy vậy anh vẫn nói, có tầm quan trọng lớn đấy. Các sở khảo cổ, các viện bảo tàng, các sở lưu trữ hồ sơ, Ủy ban hiệp thương chính trị nhân dân, các cửa hàng đồ cổ, tất cả đều đến gặp anh và làm phiền anh hoài hoài.

Ta hỏi anh có giữ trong tay một vài di vật quý không.

Anh nói ta nói vẫn ở dưới mức sự thật.

Một cái gì giá trị không lường được cơ à?

Không lường được hay không không biết vì dù sao cũng khó đánh giá, cho là có nói tới hàng triệu, hàng chục triệu hay hàng nhiều trăm triệu bạc đi nữa. Anh nói đây không phải chỉ một hay hai vật mà là những thứ từ đồ đồng nghi lễ thờ cúng đời Ân Thương, bích ngọc cho tới những kiếm thời Chiến quốc, chưa nói tới các đồ trang trí nhỏ nhỏ hiếm quý của các thời qua, những bức thư họa, tranh vẽ và câu đối, đủ để chất đầy cả một Viện bảo tàng. Quyển mục lục các đồ vật này phát hành đã từ lâu, không dưới bốn tập, đóng theo cách thức truyền thống. Người ta có thể tham khảo nó ở một thư viện sách cổ. Những báu vật này tích lũy trong suốt bảy đời, đã hai trăm năm, được bảo tồn từ triều Đồng Trị đến tận bây giờ!

Anh nói về phía ấy không có gì phải sợ nhưng anh không còn được sống yên ổn nữa: gia tộc anh, một gia tộc lớn, con cháu của các ông bà anh, của cha anh, chú bác anh và tất cả những thân quyến của anh đến gặp anh liên lu liên lù rồi cãi cộ không biết dứt nữa, quả là anh chán nản.

Họ muốn chia phần chứ gì?

Anh nói có cái gì mà chia. Hàng chục nghìn báu vật bằng vàng, bằng bạc, bằng gốm ấy, tất cả tài sản của họ nhà anh đã bị quân Thái Bình Thiên quốc hoặc quân Nhật hay các quân phiệt khác nhau này nọ đốt

cháy, cướp bóc không biết bao phen bao bận rồi. Sau đó tổ tiên anh đã thu thập lại rồi bố mẹ anh đem tặng cho Nhà nước hoặc bán lấy lời. Ngày xưa người ta tịch thu các thứ đó của các cụ, bây giờ tay anh chẳng có một thứ gì.

Thế thì bây giờ tại sao còn cãi cộ nhau? Ta có phần không hiểu.

Vì thế mà phải nói từ đầu, anh nói, về đau khổ. Anh biết đến Ngọc Bình Kim Quý Lâu, Lầu bình phong ngọc và quý vàng chứ? Dĩ nhiên anh đang nói đến tên của cái lầu cất giữ báu vật quý hiếm kia, thư tịch, địa phương chí và gia phả họ anh đều có ghi đến tên cái lầu này, ngày nay, người ở bộ môn văn vật ở quê hương anh tại miền nam đều biết, lúc quân Thái bình thiên quốc vào thành Bắc Kinh đã đốt nó, cơ bản chỉ còn là cái lầu rỗng mà thôi, nghe phong thanh phần lớn thư tịch cổ đều đã được chở đến các điền trang của họ rồi, về phần các báu vật trong mục lục thì người đời sau nói đã bí mật cất giấu đi. Năm ngoái, trước khi chết, chú anh đã nói riêng cho anh hay rằng quả thật chúng đã được chôn ở trong một cơ ngơi cũ của gia tộc, nhưng ông không biết đích xác địa điểm. Ông chỉ lộ cho anh hay tổ tiên ông bà đã truyền cho ông một tập thơ viết tay, trong quyển này mọi người đã dùng mực đen vẽ một sơ đồ toàn cục dinh cơ cũ của họ với rải rác các sân trời, lầu các, vườn hoa và núi nhân tạo. Trong góc trên bên phải có viết một bài thơ tứ tuyệt bí mật chỉ ra chỗ chôn giấu các kho báu kia. Nhưng Hồng vệ binh đã lấy mất tập thơ khi họ vào nhà anh và anh không tìm ra dấu vết nó nữa khi anh được phục hồi minh oan. Ông chú còn có thể đọc lại bốn câu thơ và đã vẽ theo trí nhớ cho anh cái sơ đồ của dinh cơ cũ này. Anh đã thuộc lòng bài thơ và đầu năm nay, anh lao đi tìm địa điểm. Nhưng đến nay, trên nền đổ nát của dinh cơ kia, người ta đã xây cất lên các tòa cao tầng, làm công sở hay nhà ở hết mất rồi.

Nói gì nữa? Ta hỏi. Tất cả đã được chôn ở dưới các nhà cao tầng ấy rồi còn gì?

Không, anh nói, nếu có các báu vật ở dưới các tòa cao tầng ấy thì người ta đã phát hiện ra khi đào móng rồi chứ, nhất là với các kiến trúc hiện đại này: phải đặt quá nhiều các ống dẫn này nọ đến mức nền phải đào rất sâu. Anh đã đi hỏi các cơ quan phụ trách công trình, họ không phát

hiện ra bất cứ di vật khảo cổ nào trong khi xây dựng. Anh ta bảo ta rằng anh đã nghiên cứu kỹ bốn câu thơ, đã phân tích địa hình thì đến tám hay chín trong mười phần may, anh có thể xác định nơi có cái kia, đại khái ở địa điểm một không gian xanh nằm giữa hai tòa cao ốc.

Anh tính thế nào đây? Đào nó lên ư?

Anh nói chính là anh muốn bàn với ta chuyện đó.

Ta hỏi có phải anh cần tiền không.

Anh không trả lời mà ngấm nhìn các cây con con trụi lá trên tuyết ngoài kia.

Nói với anh thế nào nhỉ? Chỉ với đồng lương của tôi, của vợ tôi thì nuôi được đứa con đủ ăn, không dám màng tới các chi dùng khác, nhưng tôi không thể bán tổ tiên mình đi như thế được. Người ta có thể cho tôi một khoản phần thưởng nhưng chắc sẽ là ba lần con số không.

Ta nói việc đó sẽ là đối tượng của một tin trên báo: con cháu nào đó của đời thứ bảy một quan lại nào đó đã biếu tặng Nhà nước những cổ vật và linh thưởng.

Anh cười chua chát nói để chia nhau cái phần thưởng này, tất cả họ hàng xa gần của anh sẽ đến đập vỡ đầu anh mất thôi. Chẳng bõ bèn gì cái phần thưởng đó. Anh nghĩ rằng Nhà nước sẽ có dịp giàu ra.

Với tất cả các di vật kia khai quật lên, Nhà nước chẳng là đã giàu rồi hay sao? Ta vặn lại.

Anh gật gật đầu nói anh cũng lại nghĩ nếu như một ngày nào đó anh có bị ốm nặng hay xe cộ đâm chết thì chắc cũng sẽ chẳng có quỷ nào biết đến cho anh đâu.

Thế thì truyền bốn câu thơ lại cho con trai anh đi.

Anh đã nghĩ tới việc đó nhưng nếu con anh sau này đổ đốn đem bán các báu vật đi thì sao?

Anh không quản được nó ư?

Con trai tôi còn bé, phải để yên cho nó học hành. Đừng nên để sau này vì cái chuyện cút đái kia nó lại đến bước mất trí như mình. Anh cự tuyệt dứt khoát cái ý này.

Thế này thì hãy để một ít công việc cho những nhà khảo cổ mai sau họ làm.

Ta còn nói được gì hơn thế nữa?

Anh suy nghĩ, vỗ một cái vào đùi: Tốt, tôi sẽ làm như anh nói. Cứ để chúng vui dưới đất như thế đi! Anh đứng lên và đi

Một người bạn khác đến gặp ta. Áo măng tô len mới chất lượng tốt, giấy da đen bóng đục lỗ tinh xảo, trông giống cán bộ đi tham quan nước ngoài.

Vừa cởi áo măng tô anh vừa lớn giọng giải thích với ta rằng lao vào buôn bán anh đã phát phúc lập nghiệp! Người hôm nay không như người hôm qua. Bên trong chiếc măng tô, anh mặc một bộ đồ tây không chéo vạt, may đẹp, quanh cổ sơ mi cứng là chiếc cà vạt hoa đỏ. Trông giống đại diện của một công ty đặt ở nước ngoài.

Ta hỏi mặc thế này anh không sợ cái lạnh bên ngoài ư. Anh nói anh không đi xe buýt chật phè nữa mà đến bằng tắc xi, lần này anh ở *Khách sạn Bắc Kinh*! Cậu không tin à? Ở các khách sạn lớn này chỉ có người nước ngoài mới có quyền đến đó thôi! Anh lắc lắc một chùm chìa khóa có một quả bóng đồng khắc dòng chữ tiếng Anh.

Ta cho anh biết rằng khi ra khỏi khách sạn người ta phải đưa lại chìa khóa cho phòng tiếp tân đấy.

Xưa quen với cảnh nghèo, người ta luôn giữ chìa khóa trên người, anh nói, tự châm biếm. Rồi anh ngấm căn buồng của ta.

Làm sao cậu còn có thể sống trong cái hộ một phòng thế này được nhỉ? Đoán xem tớ ở bao nhiêu phòng?

Ta nói không thể đoán được.

Ba phòng và một phòng sinh hoạt, tại Bắc Kinh, như vậy tương đương với nhà của vụ trưởng đấy.

Ta nhìn má anh hồng hào cạo nhẵn nhụi. Anh không giống cái người ta quen ở tỉnh, gầy và xộc xệch nữa.

Làm sao đến nỗi cậu không có máy thu hình mẫu thế này? Anh hỏi.

Ta nói ta không xem truyền hình.

Dù không xem thì cũng là để trang trí chứ. Ở nhà tớ, tớ có hai máy, một ở phòng khách, một ở buồng con gái tớ. Vợ tớ và con gái tớ mỗi người xem một chương trình khác nhau. Cậu có muốn mua một cái không? Tớ đi với cậu ngay tức khắc ra *Bách hóa đại lâu* để tớ mua cho cậu một cái! Thật mà. Anh nhìn ta, mắt mở to thô lỗ.

Cậu sợ tiền nó làm cho tay cậu bồng à.

Muốn làm thương nghiệp phải hối lộ nhà quan. Họ chỉ có xơi cái cơm ấy thôi. Cậu không muốn họ duyệt cho cậu kế hoạch hay chỉ tiêu, phải không? Không lẽ thì không có cửa. Nhưng cậu, cậu là bạn tớ! Cậu có thiếu tiền không? Cho tới một vạn nguyên, cậu có thể trông vào tớ. Không thành vấn đề.

Ta dặn anh cẩn thận: Đừng vi phạm pháp luật.

Vi phạm pháp luật? Tớ vui lòng biếu chút quà. Không phải tớ vi phạm pháp luật mà nếu bắt thì phải bắt các ông sếp to đầu.

Các ông to đầu, người ta lại không bắt nổi.

Về cái này cậu tỏ hơn tớ, cậu sống ở thủ đô, cậu biết hết! Nhưng tớ báo trước cho cậu, bắt tớ không dễ thế đâu, thuế mà tớ trả, tớ ăn cùng bàn với huyện trưởng và giám đốc thương nghiệp địa khu. Không còn cái thời kỳ tớ làm giáo viên ở thị trấn ngoại thành nữa rồi. Để cho tớ được đi khỏi nông thôn, nơi tớ mồi meo hôi thối ra ở đó, tớ đã chi ra chỉ ít bốn tháng lương của tớ, mời các tay phụ trách phòng giáo dục ăn uống.

Anh nheo nheo mắt, lùi lại một bước rồi cúi người xuống chăm chú xem một bức tranh thủy mặc vẽ cảnh tuyết. Anh ngừng thở một lúc rồi nói: Câu không có lời khen thư pháp của tớ ư? Cậu thích nó nhưng triển lãm tớ định tổ chức ở trung tâm văn hóa huyện lại không được chấp nhận trong khi một chữ ranh nào do một ai ngồi trên hay có tên tuổi vạch ra thì thành ngay đối tượng một cuộc triển lãm, thế rồi các cha ấy lên ngay phó chủ tịch hay chủ tịch danh dự của Viện thư pháp tức thì.

Ta hỏi anh còn tiếp tục thư pháp không.

Cái đó không nuôi sống được bạn cậu. Cũng như sách với cậu ấy. Trừ phi một ngày nào đó cậu trở nên nổi tiếng, ai cũng dính vào đít cậu để xin cậu một chữ đẹp. Xã hội là thế, tớ bây giờ nhìn thấu rồi.

Đã nhìn thấu thì chẳng phải bàn.

Nhưng cái đầu tớ nó khó chịu.

Thế thì cậu vẫn chưa nhìn thấy đâu. Ta ngắt lời anh, hỏi anh ăn chưa.

Đừng lo chuyện ấy. Lát nữa, tớ gọi tắc xi đưa cậu đến nhà hàng. Đâu mà cậu thích. Tớ biết thời gian của cậu là quý. Trước tiên tớ sẽ nói với cậu điều tớ cần nói với cậu: tớ muốn cậu giúp tớ.

Giúp gì? Nói đi!

Giúp cho con gái tớ vào được một đại học tên tuổi.

Ta nói ta không phải hiệu trưởng đại học.

Dĩ nhiên, nhưng cậu chắc phải có những mối quan hệ, đúng không? Bây giờ tớ đã giàu nhưng trong mắt mọi người, tớ chỉ là một đầu cơ thương nghiệp. Tớ không muốn con gái tớ lại trải qua cái cuộc sống như tớ, tớ muốn cho nó vào một đại học nổi tiếng để sau này nó sống trong các tầng lớp trên của xã hội.

Rồi nó tìm cho nó con trai một cán bộ cao cấp.

Cái ấy tớ không quản, tự nó nó biết làm như thế nào.

Thế nếu nó không tìm ra?

Đừng chặn tở, việc ấy cậu có giúp được tở không?

Cần xem kết quả học của nó, tở không thể làm gì được cả.

Ừ, kết quả học nó tốt.

Thế thì nó cứ việc thi thôi.

Sao lại lạc hậu thế! Cậu tưởng tất cả con cái cán bộ cao cấp đều thi ư?

Tở không đi điều tra cái đó.

Cậu là nhà văn.

Thì?

Thì cậu là lương tâm của xã hội, cậu phải nói cho nhân dân.

Đừng đùa đi. Cậu là nhân dân? Hay tở? Hay là cái gọi là chúng ta? Tở chỉ nói lời của tở.

Cái tở thích là cậu bao giờ cũng nói sự thật.

Đúng thế. Thôi, người anh em thân mến, mặc mắng tô vào, chúng mình đi ăn, tở đói rồi.

Một ai đó gõ cửa. Người mở cửa xa lạ với ta. Anh cầm một xác nhện đen. Ta bảo ta không mua trứng, ta đi ăn bây giờ.

Anh không bán trứng. Anh mở cái xác ra cho ta xem nó đựng gì. Không có vũ khí ở trong. Tốt, không phải một thổ phỉ chạy trốn. Ngượng nghịu, anh lấy ra một tập bản thảo to tướng, nói rằng anh đến gặp ta xin một lời khuyên. Anh viết tiểu thuyết và anh muốn ta đọc qua cho. Ta để anh vào và mời ngồi.

Anh thoái thác. Anh muốn để bản thảo lại rồi một hôm nào đó sẽ quay lại sau.

Ta nói không cần, tốt nhất là nói ngay ra điều cần nói với nhau.

Anh sục cả hai tay vào trong xác rút ra bao thuốc lá. Ta đưa diêm cho anh, hy vọng anh châm nhanh thuốc rồi nói xem cần gì.

Anh ấp úng nói anh viết một chuyện chân thực.

Ta ngắt lời nói rõ ta không phải nhà báo, ta không thú gì cái chân thực.

Càng lúng búng hơn, anh nói anh biết văn học không giống phóng sự báo chí. Cái anh viết đúng là một tiểu thuyết dựa trên sự việc và nhân vật có thật, với hư cấu cần thiết. Anh mong ta nói xem liệu tiểu thuyết này có xuất bản được không.

Ta nói ta không phải nhà xuất bản.

Anh bảo anh biết rõ thế, anh chỉ muốn ta khuyên bảo anh và sửa bản thảo cho anh. Nếu ta bằng lòng, ta có thể thêm cả tên ta vào, cái đó như thể một sự cộng tác vậy. Dĩ nhiên tên anh sẽ được đặt dưới tên ta ở bìa sách.

Ta nói ta sợ nếu thêm tên ta vào lại càng khó xuất bản.

Tại sao?

Vì để xuất bản tác phẩm của tôi, tôi gặp phải nhiều khó khăn lắm.

Anh ừ một tiếng chứng tỏ rằng anh hiểu.

Tuy thế ta vẫn sợ anh chưa hiểu hoàn toàn, ta nói tốt hơn cả là anh tự tìm lấy người biên tập.

Anh im lặng, phân vân.

Lo xa, ta hỏi anh: anh có thể mang bản thảo đi được không?

Anh có thể chuyển hộ nó tới một nhà xuất bản được không? Anh mở to mắt hỏi lại.

Tốt hơn là anh trực tiếp gửi nó, như thế chắc chắn tránh được cho anh các sự phiền hà. Ta nhoen một nụ cười rộng.

Anh cũng cười, cất bản thảo vào trong xách, ấp úng vài câu cảm ơn.

Không, chính tôi phải cảm ơn anh.

Lại có tiếng gõ cửa nhưng ta không có ý mở cửa nữa.

Hỗn hển, từng bước một, bất chấp nghìn khó khăn, mi đi đến núi băng. Con sông băng màu xanh ngọc thạch, tối thẫm và trong suốt. Dưới băng như đang uốn lượn những mạch ngọc bích mệnh mang, xanh đen.

Mi trước trên bề mặt trơn bóng, cái lạnh làm tê cứng má mi, mi phát hiện ra ở trước mắt mi những giọt băng óng a óng ánh muôn nghìn ánh lửa. Hơi thở từ miệng mi lập tức tụ thành lớp sương mù nơi lông mày. Một cô quạnh bao la bủa vây mi.

Lòng sông nổi nhô lên, sông băng dịch chuyển dần dần, tốc độ không thể đo đếm, cảm thấy, chừng vài mét hay vài chục mét mỗi năm

Mi ngược sông băng lên, như một côn trùng sắp bị bất động, đông cứng đi vì giá lạnh.

Đằng trước, trong bóng tối mà nắng không tới, dựng lên một bức tường băng gió thổi thốc vào. Khi gió thổi lên trên một trăm mét một giây, nó mài bóng cái bức tường thành đã hoàn toàn nhẵn mịn này.

Giữa các vách tinh thể băng này, mi bất động mà cũng không thể thở. Phổi mi đau nhói, óc mi gần như hoàn toàn đông lại, mi không thể nghĩ được nữa, cái trống không trắng toát vẹn này, phải chăng là cái trạng huống mi đang tìm kiếm? Một trạng huống như cái thế giới băng này tạo nên bằng những hình ảnh mơ hồ, làm nên bằng những bóng tối không nói ra cái gì, không có một nghĩa nào, không thể nhận ra nổi: sự cô quạnh hoàn toàn chết.

Mỗi bước mi lại suýt ngã, không hề gì, mi tiếp tục trườn, tay chân mi từ lâu đã mất hết cảm giác.

Trên băng, lớp tuyết ngày một nhỏ mịn, nó chỉ vương vào các góc khuất gió. Tuyết rắn chắc, bề mặt mềm mại của nó nén lại trong vỏ cứng của các tinh thể băng.

Dưới chân mi, trong vực băng, một con đại bàng hói lượn tròn; một đời sống khác ngoài đời của mi, mi không biết có phải đó chỉ là ẩn tượng mà thôi không, quan trọng là mi vẫn còn nhìn thấy.

Mi leo, hết vòng này sang vòng khác nhưng trong các vòng ấy, giữa cái sống và cái chết, mi vẫn vật vờ. Mi cứ tồn tại, bởi lẽ trong huyết quản mi, máu đang chảy, cuộc sống của mi chưa ngừng lại.

Trong im lặng mênh mang này, hình như mi nghe thấy một âm thanh pha lê, âm thanh nhỏ bé của một quả chuông con, tựa như ai gõ lên băng vậy.

Những áng mây tím hiện lên trên sông băng, báo hiệu đông tố đang quay cuồng. Rìa mây tối tả cho thấy sức mạnh của đông bão.

Âm thanh ngày một rõ của quả chuông con đã đánh thức trái tim tê dại của mi. Mi thấy một người đàn bà trên lưng ngựa. Đầu con vật và hình bóng người đàn bà nổi bật trên chân trời ngập tuyết. Một vực thăm trải dài ra. Hình như mi nghe thấy một bài hát có tiếng nhạc ngựa đệm theo.

Người đàn bà đến từ Xương Đô,

Bím tóc mảnh mai trên đầu như dải lụa

Những bông hoa ngọc lục tùng ở tai,

Những xuyên bạc phóng ra nghìn tia lửa ở tay,

Tấm thắt lưng nhiều màu ở eo áo dài...

Hình như mi đã trông thấy một phụ nữ Tây Tạng trên ngựa đi ngang qua cây cột tín hiệu trắng địa trống cạnh đường cái lớn, đánh dấu độ cao năm nghìn sáu trăm mét khi mi đi trong dãy Đại Tuyết Sơn. Nàng quay lại cười với mi, dụ mi đi vào trong vực tăm tối và vào lúc đó mi không thể ngăn được mi đi về phía nàng...

Nhưng đó chỉ là những kỉ niệm, âm thanh của quả chuông con ở chính trong con người mi, tựa như nó ngân vang lên ở trán, cơn đau xé rách phổi là không thể nào chịu nổi, tim đập như điên loạn, đầu sắp vỡ tung. Khi

máu mi đông tụ lại trong mạch, đầu sẽ vỡ toang, lặn lẽ. Cuộc đời mong manh nhưng nó vật lộn dùng mãnh, một ngoan cố của bản năng hoàn toàn rõ nét, ánh sáng ấy lọt vào mây, di chuyển trong mây, biến thành một đám tinh vân giống như sương mù rồi nó lại thay đổi và đông cứng lại để hóa thành mặt trời tròn tằm tối phát ra thứ ánh sáng le lói màu lam, một mặt trời trong mặt trời, ngả sang màu tím, rồi mở ra, tâm đông cứng, nó biến sang màu đỏ tối và phát ra ánh sáng khuếch tán màu tía đỏ, mi nhắm mắt để ngăn các tia của nó phạm tới mi nhưng mi không làm được, những run rẩy và những đục vọng dâng lên ở trong tim mi, bên bờ những bóng đen, mi nghe thấy âm nhạc, cái âm thanh đang thành hình kia đang khuếch đại lên, kéo dài ra, đi qua mi, không thể biết ở đâu, cái âm thanh pha lê và chói sắc ấy xâm chiếm khắp cơ thể mi, một tần số gần hơn hòa vào đó mà mi không tài nào nắm bắt được tiết tấu nhưng mi cảm nhận thấy độ cao, gần với một âm thanh khác mà nó tan lẫn vào, lan tràn, trở thành một dòng sông biến đi rồi lại trở lại, trở lại rồi lại biến đi, mặt trời màu lam tối tằm quay trong một mặt trăng còn tằm tối hơn thế, mi nén thở và ngừng suy nghĩ, mi đã mất hơi thở, mi đang đến đầu cùng của cuộc đời, nhưng các con sóng ầm vang lại mỗi lúc một mạnh, chúng nhấn chìm mi, đẩy mi tới cực điểm, cơn khoái cảm tuyệt đỉnh thuần túy trí não, trước mắt mi và trong tim mi và trong cơ thể mi mà mi không biết mi đang sống ở trong xó xỉnh nào của nó, ánh mặt trời trong mặt trăng tằm tối, trong một mớ âm thanh hỗn độn tuôn trào mỗi lúc một mạnh, lớn lên lớn lên lớn lên lớn lên, phóng đại phóng đại phóng đại phóng đại rồi nổ... Lại im lặng tuyệt đối, mi chìm vào một bóng tối còn dày đặc hơn, mi cứ vẫn cảm thấy nhịp đập của tim mi, cái đau thể xác, nỗi sợ trước chết của cái cơ thể đang sống này là cụ thể, cái cơ thể mà mi không sao lìa bỏ này đang phục hồi ý thức của nó.

Trong đêm tối, trong góc gian phòng, trên máy ghi âm đèn báo cường độ âm thanh nhấp nháy liên hồi.

Qua cửa sổ ta nhìn thấy một con ếch con trên mặt đất phủ đầy tuyết. Một mắt nhắm, một mắt mở. Không động đậy, con ếch quan sát ta. Ta hiểu đó là Thượng đế.

Thượng đế hiện ra như thế trước mặt ta, nhìn xem ta có nhận được sự ngộ hay không.

Người dùng mắt, một nhắm một mở, nói chuyện với ta. Khi nói với con người, Thượng đế không muốn cho người ta nghe thấy tiếng nói của Người.

Ta cũng chẳng thấy ngạc nhiên cái đó, tựa như có phải là như thế, tựa hồ Thượng đế vốn dĩ là một con nhái, mắt tròn thông minh mở to nhìn. Người sẵn lòng quan chiêm ta, một kẻ đáng thương thế này là đã đủ nhân từ rồi.

Một mắt của Người, nhắm mở đang nói với nhân loại những điều không cách nào hiểu nổi, ta nên biết thế, còn như ta có biết hay không, cái đó lại không phải là việc của Thượng đế.

Ta cũng rất có thể cho rằng cái nhắm mở mắt kia của Thượng đế là chẳng có ý nghĩa gì, mà ý nghĩa của nó có lẽ lại chính là chỗ không có ý nghĩa.

Không có kỳ tích phép mầu đâu. Thượng đế chính là nói như thế, nói với ta, cái kẻ bất mãn trọn đời.

Vậy thì còn có cái gì đáng truy cầu đây? Ta hỏi Thượng đế.

Bốn bề lặng ngắt. Tuyết lặng lẽ rơi. Ta có phần ngạc nhiên về sự êm ả này. Trên thiên đường yên tĩnh như thế này đây.

Cũng chẳng có niềm vui. Niềm vui chỉ tồn tại đối lại với nỗi buồn.

Chỉ tuyết đang rơi.

Lúc này ta không biết ta đang ở đâu, ta không biết ở thiên đường, cái mảnh đất này nó từ đâu ra. Ta vọng nhìn bốn phía.

Ta không biết rằng ta chẳng hiểu gì hết, mà cứ lại cho rằng ta hiểu hết tất cả. Sự việc xảy ra sau lưng ta. Luôn có một con mắt bí ẩn, ta chỉ còn cách vờ là hiểu cả.

Vờ ra nhưng cần hiểu thì lại đều chẳng hiểu.

Ta thật tình cái gì cũng không hay, cái gì cũng không hiểu.

Là như thế đấy.

Mùa hè 1982 – Tháng Chín 1989

Bắc Kinh - Paris

[1] Ngộ Xương: làm điều trái, bậy bạ.

[2] Nhà đá, tiếng Trung Quốc là thạch. Ở đây hai chữ Thạch.

[3] Thành phố lớn ở Tứ Xuyên, nơi đầy lạc thú và xa hoa thời bấy giờ.

[4] Bồi bồi tiếng Trung Quốc là ngọc quý.

[5] Hán Hán: ngổ

[6] Lài Lài: hoa nhài.

[7] Sử gia Trung Quốc nổi tiếng, 145-85 trước Công Nguyên

[8] Nguyên tác Trung văn viết ... “sơn âm đạo thượng”, một cách dùng chữ tinh vi nhiều ngụ ý ở văn tả cảnh này.

[9] Tiền Trung Quốc

[10] Có chơi chữ ở đây. Tiếng Trung Quốc, Linh nham, Hòn núi đá hỗn và Linh nghiệm, chính xác, đọc như nhau, lingyan.

[11] Ya, tiếng Trung Quốc, vừa là tiếng reo vừa đồng âm với răng, nha.

[12] Nguyên tác: lãnh âm phong. Chú ý lại dùng chữ âm đi với phong, cho ra một từ mới.

[13] Nhân vật huyền thoại, người đã mở ra bầu trời.

[14] Tác phẩm của Trang Chu, triết gia đạo Lão, thế kỷ 4 trước C.N.

[15] Di chỉ khảo cổ ở tỉnh Vân Nam.

[16] Đọc theo âm Việt *nua*, nghĩa là nặc, mặt nạ.

[17] Nữ Qoa hay Nữ Oa là một nhân vật huyền thoại dưới dạng một quái nhân nửa người nửa cá. Vợ hay em gái của Phục Hi, một trong các vị hoàng đế huyền thoại, bà đã vá lại vòm trời và tạo ra con người bằng nặn họ ra từ đất sét.

[18] Tu Tan là tên một ma quỷ của người Mèo.

[19] Bằng xu của tiền Việt Nam.

[20] Trong cách mạng văn hóa, bốn cái cũ phải chống là phong tục, tập quán, tư tưởng và truyền thống.

[21] Nền tảng nguyên nguyên của vũ trụ, thái cực đồ của Đạo giáo được thể hiện bằng hình vẽ âm dương, một trắng, một đen, mỗi cái mang một vòng tròn của màu sắc đối lại với nó.

[22] Tông phái Thiên Đài xây dựng vào thế kỷ 6 trên núi Thiên Đài ở Triết Giang là một trong những tông phái Phật Giáo quan trọng nhất của Trung Quốc.

[23] Họa sĩ sống vào 1660-1700.

[24] Còn gọi là Trịnh Kiết, sống từ 1663-1765.

[25] Sống vào những năm 1625-1705.

[26] Họa sĩ có bút pháp phóng túng, đam mê, 1529-1593.

^[27] Hà Mẫu Độ (bến Sông Mệ) và Lương Trước là hai di chỉ đá mới ở Triết Giang Trung Quốc.